NEW YORK TIMES BESTSELLER

ANDREW DAVIDSON

cô gái mang trái tim đỏ

"Một cuốn sách đích thực, có thể khuấy động niềm đam mê của bất kỳ ai yêu thích sự kết hợp giữa lãng mạn và kinh dị."

—— Washington Post Book Review

nhã nam vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Cô Gái Mang Trái Tim Đá

Andrew Davidson

Chia sẻ ebook: https://downloadsach.com

Follow us on Facebook: https://facebook.com/caphebuoitoi

TABLE OF CONTENTS

Tựa đề

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

Chương 11

Chương 12

Chương 13

Chương 14

Chương 15

Chương 16

Chương 17

Chương 18

Chương 19

Chương 20

Chương 21

Chương 22

Chương 23

Chương 24

Chương 25

Chương 26

Chương 27

Chương 28

Chương 29

Chương 30

Chương 31

Chương 32

Chương 33

Chương 34

Chương 35

Chương 36

Chương 37

Chương 38

Chương 39

Chương 40

Chương 41

Chương 42

CHƯƠNG 1

ai nạn, hệt như tình yêu, luôn đánh úp những kẻ không mảy may nghi ngờ, thường là theo một cách rất dữ dội.

Đó là ngày thứ Sáu Tuần Thánh(1), và các ngôi sao vừa bắt đầu tan vào ánh bình minh. Theo thói quen, vừa lái xe tôi vừa chà vào vết sẹo trên ngực. Mí mắt nặng trĩu và tôi không tài nào tập trung nổi, cũng chẳng có gì ngạc nhiên vì tôi đã dành cả đêm cúi gập người trước gương hít hàng thanh bột trắng vốn khiến khuôn mặt tôi như bị mắc kẹt trong gương. Tôi cứ đinh ninh như thế sẽ làm tăng phản xạ của mình. Tôi đã lầm.

Phía bên kia con đường uốn lượn ngoằn ngoèo là bờ vách dốc đứng chạy xuống sườn núi, phía bên này là cánh rừng âm u. Tôi cố tập trung nhìn về phía trước nhưng lại có cảm giác mãnh liệt rằng có thứ gì đó, có lẽ là một nhóm lính đánh thuê, đang đợi để đánh úp mình từ sau hàng cây. Dĩ nhiên đấy chỉ là ảo giác do ma túy gây ra. Tim đập thình thịch, tôi nắm thật chặt tay lái, mồ hôi cổ đổ ra như tắm.

Tôi đã kẹp sẵn một chai whiskey ngô giữa hai đùi và định lôi ra để làm thêm hớp nữa. Cái chai tuột khỏi tay, rơi vào lòng tôi, đổ rượu tung tóe khắp nơi rồi lăn xuống sàn xe. Tôi kịp cúi xuống nhặt trước khi rượu tràn ra hết, và khi ngước mắt lên, một ảo giác chào đón tôi, một ảo giác kỳ dị làm tất cả mọi thứ như đang chuyển động. Tôi nhìn thấy hằng hà sa số mũi tên lửa từ rừng rậm bắn thẳng vào xe. Theo bản năng, tôi bẻ tay lái, rời khỏi khu rừng có những kẻ thù vô hình. Rõ chẳng phải ý hay vì hành động đó khiến xe tôi văng lại phía cột rào dây thép gai ngăn cách tôi với bờ dốc. Tiếng rít của kim loại va chạm nhau, tiếng cửa xe phía ghế phụ qua hàng dây cáp căng và hàng tá tiếng huỵch khi xe tôi đập vào cột gỗ, mỗi cú đập đều giống như dòng điện xẹt qua máy khử rung tim.

Tôi cố lấy lại thăng bằng và đảo bánh lái quay trở lại với dòng xe cộ đang lao đến, suýt va vào một chiếc xe chở hàng. Xoay ngược bánh lái lại quá mạnh, tôi một lần nữa đập vào rào chắn. Dây cáp đứt phựt và ngay lập tức bay tứ tung như những cái vòi vùng vẫy của con bạch tuộc mắc lao. Một sợi cáp đập vào kính chắn gió và tôi nhớ mình đang nhẹ nhõm đến thế nào vì không bị đập vào thì chiếc xe tuột khỏi vòng tay của con quái thú đang lồng lộn.

Trong một thoáng, tôi cảm nhận được tình trạng phi trọng lượng: một điểm cân bằng giữa không trung và mặt đất, giữa nhân gian và thiên đường. Thật kỳ lạ, tôi nghĩ, vì nó giống biết bao giây phút thiêm thiếp chìm vào giấc ngủ khi tất cả đều đẹp một cách phi thực, không chút trần thế. Giống biết bao cảm giác trôi về với sự hoàn thiện. Nhưng như vẫn thường xảy ra tại thời điểm vừa tồn tại trong thế giới thực vừa dần chìm vào giấc mơ, cái thời khắc vượt sang phía bên kia hàng rào này kết thúc bằng một cú giật phũ phàng kéo tôi trở về thực tại.

Một vụ tai nạn xe hơi dường như kéo dài vô tận và luôn có một thời khắc bạn nghĩ mình có thể sửa chữa sai lầm. Phải, bạn nghĩ. Đúng là mình đang rơi xuống vách núi trong chiếc xe nặng hơn một tấn. Đúng là đáy vực sâu tới hơn ba mươi mét. Nhưng mình dám chắc chỉ cần bẻ mạnh tay lái sang bên là sẽ không có vấn đề gì hết.

Khi đã bẻ tay lái đủ kiểu mà vẫn chẳng thay đổi được tình thế, bạn sẽ có một suy nghĩ rõ ràng, rành rọt thế này: Ôi, mẹ kiếp. Trong một khoảnh khắc huy hoàng, bạn đạt đến trạng thái khổ hạnh mà các nhà triết học Đông phương đã dành cả đời theo đuổi. Nhưng theo sau khoảnh khắc siêu nghiệm ấy, trí óc bạn trở thành siêu máy tính có khả năng tính toán chuyển động quay của chiếc xe, nhân với vận tốc rơi tính trên góc rơi, vận dụng định luật chuyển động của Newton và ngay tức thì, bạn rút ra được một kết luận hãi hùng rằng đây sẽ là một tai nạn thảm khốc.

Xe của bạn lao xuống bờ dốc, nẩy bật lên. Giả thiết của bạn nhanh chóng được chứng minh là chính xác: quả thật đau khủng khiếp. Não bạn phân loại các cảm giác khác nhau. Nào là lật hết bên này sang bên kia, xoay vòng vô định và tiếng xe rít lên khi nó thực hành bài tập yoga kinh hồn của mình. Nào là kim loại vỡ, nghiến vào xương sườn bạn. Còn có cả mùi vị trò chơi khăm của quỷ, cây đinh ba đâm vào mông và mùi lưu huỳnh ngập trong miệng bạn. Không nghi ngờ gì nữa, đúng là bạn đang ở trong tình trạng nguy kịch thật rồi.

Tôi nhớ ánh bạc nóng bỏng lóe lên khi cả năm ngón chân trái bị sàn xe cứa đứt. Tôi nhớ cái trục dẫn động sượt qua vai. Tôi nhớ hình như xung quanh mình kính vỡ tung tóe. Khi cái xe rốt cuộc cũng chịu dừng lại, tôi bị treo lộn ngược, vẫn đang thắt dây an toàn. Tôi có thể nghe tiếng xì xì của đủ loại hơi ga thoát ra từ động cơ, tiếng bánh xe quay tít bên ngoài ngay phía trên mình, và tiếng cạch khô khốc của kim loại khi cái xe ngừng rung chuyển, một con rùa đáng thương bị lật ngửa.

Ngay khi tôi bắt đầu trôi vào trạng thái hôn mê thì vụ nổ xảy ra. Không phải vụ nổ trong phim ảnh mà là vụ nổ ngoài đời thật, giống như sự bùng cháy của một cái lò bất mãn chạy bằng hơi đốt vốn chất chứa nỗi hằn học với chủ nhân mình. Một ngọn lửa xanh liếm qua nóc xe đang nằm nghiêng dưới thân thể treo lủng lẳng của tôi. Một giọt máu rỉ ra từ mũi tôi, rơi thẳng vào ngọn lửa hừng hực đang nhảy múa cuồng dại phía dưới. Tôi có thể cảm thấy tóc mình đã bén lửa, rồi tôi ngửi thấy mùi khét. Thịt da tôi bắt đầu cháy sém như thể tôi chỉ là một mẩu thịt vừa bị ném vào lò nướng ngoài trời, rồi tôi nghe tiếng thịt cháy xèo xèo khi lửa liếm vào da. Tôi không thể với tay lên đầu để dập lửa trên mái tóc đang cháy rừng rực. Tay tôi không chịu nghe lệnh tôi.

Độc giả thân mến, tôi nghĩ các bạn hẳn đã có vài trải nghiệm với sức nóng. Có lẽ các bạn đã có lần rót ấm nước sôi không đúng cách làm hơi nóng bốc lên tay áo; hoặc, với sự liều lĩnh của tuổi trẻ, bạn cố giữ que diêm càng lâu càng tốt. Chẳng phải tất cả mọi người đều ít nhất một lần trong đời đổ đầy nước nóng vào bồn tắm rồi quên nhúng một ngón chân vào thử

trước khi đặt cả bàn chân vào hay sao? Nếu bạn mới chỉ bị những tai nạn lặt vặt này, tôi muốn các bạn thử tưởng tượng cái gì đó mới mẻ hơn. Tưởng tượng rằng bạn bật bếp lên - ví dụ loại bếp điện có búi dây màu đen ở phía trên chẳng hạn. Đừng đặt bình nước lên trên bếp vì nước hấp thụ hơi nóng để sôi. Có lẽ vài làn khói xoắn mỏng manh sẽ cuộn lên từ giọt nước tràn ra trước đó trên dây may so. Một tia màu tím sẽ lóe lên, náu trong những cái vòng đen, và rồi trên dây may so bắt đầu xuất hiện những ánh đỏ tía như quả mâm xôi còn xanh. Nó chuyển dần sang màu cam và cuối cùng - cuối cùng! - là một màu đỏ rực cháy. Đẹp thật, phải không? Nào giờ hãy hạ thấp đầu sao cho mắt bạn ngang với mặt bếp và bạn có thể liếc qua những làn khói lung linh cứ cuộn dần lên. Nghĩ về những bộ phim cũ có cảnh nhân vật chính nhìn khắp sa mạc và bất ngờ thấy một ốc đảo xanh tươi. Hãy thử lướt những ngón tay trái trên lòng bàn tay phải, cảm nhận cách da bạn phản ứng với những va chạm dù là nhỏ nhất. Nếu người khác làm thế với bạn, hẳn bạn sẽ cảm thấy rạo rực. Nào, giờ hãy đập thẳng bàn tay tinh tế và nhạy cảm ấy lên cái bếp đang nóng hừng hực kia xem.

Và giữ nó ở đấy. Giữ nó ở đấy khi cái bếp in dấu chín vòng tròn địa ngục của Dante lên lòng bàn tay bạn, cho bạn cơ hội mãi mãi nắm chặt Địa ngục trong tay. Hãy để sức nóng khắc sâu vào da, vào cơ, gân và âm ỉ cháy tới tận xương tủy bạn. Hãy để cho sức nóng ngấm sâu vào bạn đến mức bạn không biết liệu mình có thể buông cuộn dây đó ra được không. Chẳng mấy chốc, mùi da thịt khét lẹt của chính bạn sẽ bốc lên, xoắn chặt lấy lông mũi bạn không chịu rời và bạn ngửi thấy mùi cơ thể mình đang bốc cháy.

Cứ giữ chặt tay bạn ở đó, đếm thật chậm đến sáu mươi. Không được chơi ăn gian đâu đấy. Một Mis-sis-sip-pi, hai Mis-sis-sip-pi, ba Mis-sis-sip-pi... Đến sáu mươi Mis-sis-sip-pi, tay bạn sẽ tan chảy, bao quanh dây may so và hợp thành một phần của nó. Giờ bạn cứ việc thoải mái róc thịt mình ra!!!

Tôi có nhiệm vụ khác cho các bạn đây: cúi xuống, nghiêng đầu sang một bên và đập má vào đúng cái bếp ấy. Bạn thích chọn bên má nào cũng được. Lại đếm sáu mươi lần Mississippi nữa nhé; không được ăn gian đâu đấy. Điều thuận tiện ở đây là tai bạn có thể thoải mái cảm nhận tiếng lép bép, lắc rắc, lốp bốp của thịt da mình.

Giờ bạn hẳn tưởng tượng được những gì tôi đã phải chịu đựng khi bị mắc kẹt trong cái xe đó, không thể thoát khỏi lưỡi lửa, đủ tỉnh táo để phân loại từng trải nghiệm cho tới khi rơi vào trạng thái sốc. Có những giây phút hạnh phúc ngắn ngủi tôi có thể nghe, ngửi và suy nghĩ, đưa ra được dẫn chứng cho tất cả mọi thứ nhưng chẳng cảm thấy gì cả. Sao lại không đau nữa? Tôi nhớ mình đã nhắm mắt lại, cầu mong bóng tối hoàn toàn, bóng tối đẹp đẽ. Tôi nhớ đã ước gì mình là người ăn chay.

Và rồi chiếc xe chuyển động thêm lần nữa, chới với lật nghiêng xuống suối. Như một con rùa đã lật được mai lại và hớt ha hớt hải tìm đến nguồn nước gần nhất.

Sự kiện này - việc chiếc xe rơi xuống suối - đã cứu mạng tôi, nó đã dập tắt lửa và làm nguội thân thể vừa bị nướng cháy của tôi.

Tai nạn, hệt như tình yêu, luôn đánh úp những kẻ không mảy may nghi ngờ, thường là theo một cách rất dữ dội.

Tôi cũng chẳng biết liệu bắt đầu câu chuyện bằng vụ tai nạn của mình có phải là một quyết định đúng đắn hay không vì tôi đã viết sách bao giờ đâu. Nói thật nhé, tôi bắt đầu bằng vụ đâm xe chỉ vì muốn thu hút sự chú ý của các bạn và kéo các bạn vào câu chuyện của tôi thôi. Các bạn vẫn đang theo dõi, nó có vẻ có tác dụng thật.

Trong chuyện viết lách, tôi phát hiện ra, điều khó khăn nhất không phải là việc đặt câu. Mà là cho cái gì vào, cho vào đâu, và bỏ cái gì đi. Tôi vẫn luôn tự hỏi mình. Tôi đã chọn vụ tai nạn, nhưng tôi có thể dễ dàng bắt đầu bằng bất cứ thời điểm nào trong ba lăm năm cuộc đời tôi trước đó. Sao lại không bắt đầu bằng: "Tôi sinh năm 19..., ở thành phố..."?

Còn nữa, sao tôi lại hạn chế phần mở đầu trong khung thời gian của đời tôi? Có lẽ tôi nên bắt đầu ở Nürnberg, đầu thế kỷ mười ba, nơi một phụ nữ có cái tên bất hạnh nhất trần đời Adelheit Rotter đã xa lánh cuộc sống mà cô cho là đầy tội lỗi để trở thành một Beguine - những người phụ nữ dù không có liên hệ chính thức với nhà thờ nhưng được cảm hóa noi gương Chúa Jesus sống đời khổ hạnh. Qua năm tháng, Rotter kêu gọi được rất nhiều môn đồ và, vào năm 1240, họ rời tới một trại sản xuất bơ sữa tại Engelschalksdolf gần Swinach, nơi một nhà hảo tâm có tên là Ulrich II Vol Konigstein đã cho phép họ tá túc với điều kiện họ giúp ông việc nhà. Họ dựng một khu nhà vào năm 1243, năm tiếp theo lập một tu viện và bầu nữ tu viện trưởng đầu tiên.

Do không có con trai nối dõi nên khi chết, Ulrich đã để lại toàn bộ gia sản cho các Beguine. Đổi lại, ông yêu cầu tu viện cung cấp chỗ mai táng cho họ hàng ông và vĩnh viễn cầu nguyện cho gia tộc Konigstein. Và để thể hiện sự khôn ngoan của mình, ông đổi tên gia trang thành Engelthal, hay "Thung lũng thiên thần" thay vì Swinach - "Chuồng lợn". Nhưng điều khoản cuối cùng của Ulrich là điều tác động lớn nhất đến cuộc đời tôi: ông đã ra lệnh xây một phòng viết trong tu viện.

Tôi mở mắt trong luồng ánh sáng xanh đỏ quay cuồng. Một cuộc tấn công chớp nhoáng của giọng nói xen lẫn tiếng ồn. Một thanh kim loại đâm xuyên qua sườn xe, xẻ nó làm đôi. Những bộ đồng phục. Chúa ơi. Con đang ở dưới Địa ngục và người ở đó mặc đồng phục. Tiếng một người đàn ông quát lên. Một người khác cất giọng dịu dàng: "Chúng tôi sẽ kéo anh ra. Đừng lo." Người này đeo quân hàm. "Anh sẽ sớm ổn thôi," anh ta hứa qua bộ ria mép. "Tên anh là gì?" Không thể nhớ nổi. Một nhân viên cấp cứu khác thét gọi một người tôi không thấy mặt. Anh ta giật lùi lại khi trông thấy tôi. Họ có phải làm thế không? Bóng tối.

Mở mắt. Tôi được nẹp vào một cái cáng dành cho người bị tổn thương xương sống. Một giọng nói cất lên: "Một, hai, ba, nâng!" Cả bầu trời phóng vụt về phía tôi rồi lại trôi đi mất hút. "Vào," giọng nói đó lại cất lên. Tiếng kim loại lách cách khi cái cáng ổn định vị trí. Quan tài à, sao lại không có nắp? Quá nhiều chất khử trùng đối với Địa ngục, và liệu vòm trời có thể nào thực sự được tạo nên bằng kim loại xám không? Bóng tối.

Mở mắt. Lại không trọng lượng. Người lái đò bến Mê(2) mặc áo sợi tổng hợp pha cotton màu xanh dương. Tiếng còi cấp cứu dội trên bến phà Acheron bê tông cốt thép. Một chiếc chăn chống cháy đắp lên người tôi. Một mũi kim truyền dịch chọc vào cơ thể tôi - khắp mọi chỗ? Ướt, ướt. Bóng tối.

Mở mắt. Tiếng bánh xe nện thình thịch như tiếng xe đẩy trong cửa hàng gõ trên nền bê tông. Tiếng nói chết tiệt lại cất lên: "Đi nào!" Bầu trời chế nhạo tôi, lướt qua tôi, rồi một trần nhà trát vữa trắng hiện ra. Những cánh cửa đôi trượt mở. "Phòng phẫu thuật số bốn!" Bóng tối.

Mở mắt. Cái miệng há ngoác của một con rắn bổ về phía tôi, cười nói: TA ĐANG TỚI ĐÂY... Con mãng xà cố nuốt lấy đầu tôi... Không, không phải con mãng xà mà là mặt nạ ôxy. VÀ NGƯƠI CHẲNG THỂ CẢN ĐƯỢC ĐÂU... Tôi ngã ra sau, chìm vào bóng tối của tấm mặt nạ.

Hé mắt. Tay bốc cháy, chân bốc cháy, lửa ở khắp mọi nơi, nhưng tôi lại đang mắc kẹt giữa một cơn bão tuyết khủng khiếp. Một cánh rừng ở nước Đức, một dòng sông gần kề. Một người phụ nữ cầm nỏ đứng trên đỉnh núi. Ngực tôi có cảm giác như bị đấm. Tôi nghe thấy tiếng rít khi trái tim mình dần kiệt lực. Tôi cố kêu lên nhưng chỉ thốt ra được những tiếng rên rỉ, một nữ y tá khuyên tôi nên nghỉ ngơi, rằng mọi chuyện sẽ ổn thôi, mọi chuyện sẽ ổn thôi. Bóng tối.

Một giọng nói lơ lửng phía trên đầu tôi: "Ngủ đi, cứ ngủ đi!"

Sau vụ tai nạn, người tôi phồng lên như một cái xúc xích Đức mới nướng, da rạn nứt, nhường chỗ cho phần thịt đang trồi lên. Các bác sĩ, với con dao mổ đầy thèm khát, đẩy nhanh tiến trình bằng vài nhát cắt nhanh gọn. Quá trình này được gọi là lột da, giúp những mô tế bào phồng rộp được tự do giãn nở. Nó phần nào giống như sự nổi dậy của cái tôi thầm kín của bạn, cuối cùng đã được phép cào xuyên qua bề mặt. Các bác sĩ nghĩ rằng họ mổ phanh tôi ra để khởi động quy trình hồi phục nhưng thực ra họ chỉ đang cố giải phóng một con quái vật - một sinh vật với thịt da ứ máu và ngập tràn dịch.

Trong khi một vết bỏng nhỏ sinh ra một vết phồng rộp chứa đầy huyết tương thì những vết bỏng như của tôi gây nên sự thiếu nước trầm trọng. Trong hai mươi tư tiếng đồng hồ đầu tiên ở bệnh viện, tôi được các bác sĩ truyền hơn hai mươi lít nước vào người để bù nước cho cơ thể. Tôi tắm trong dòng chất lỏng khi nó chảy ra khỏi cơ thể cháy sém của tôi nhanh

không kém gì lúc được bơm vào, và tôi thấy mình như sa mạc khô hạn trong cơn lũ chớp nhoáng.

Sự trao đổi nước quá nhanh này làm mất cân bằng các thành phần hóa học trong máu, hệ miễn dịch yếu đi do làm việc quá sức, một vấn đề sẽ còn trầm trọng hơn trong những tuần sắp tới khi hiểm họa chết chóc chính đến từ sự nhiễm trùng máu. Ngay cả với một bệnh nhân bỏng có vẻ đã phục hồi được một thời gian dài sau tai nạn, nhiễm trùng vẫn có thể ném anh ta ra khỏi cuộc chơi chỉ trong tích tắc. Hệ thống phòng thủ của cơ thể chỉ hoạt động cầm chừng đúng lúc người ta cần nó nhất.

Lớp da bên ngoài bị cắt rạch của tôi giờ phủ đầy những tàn tích đẫm máu của mô tế bào cháy đen mà người ta thường gọi là lớp vảy sừng, thành phố Hiroshima trên cơ thể người. Cũng giống như không thể gọi một đống bê tông đổ nát là "tòa nhà" sau trận bom phá hủy, bạn không thể gọi cái lớp bên ngoài của tôi là "da" sau vụ tai nạn được. Bản thân tôi đang ở trong tình trạng nguy kịch, ion bạc và kem sulfadiazine phủ khắp phần cơ thể còn lại. Trên đó, những miếng gạc được đặt lên đống hoang tàn.

Tôi không có chút ý thức nào về điều này, đây đều do bác sĩ nói lại với tôi sau đó. Tại thời điểm ấy, tôi nằm bất tỉnh với cái máy điểm từng nhịp tim chậm chạp của tôi. Chất dịch, chất điện phân, chất kháng khuẩn và morphine được truyền qua một loạt ống dẫn (ống truyền dung dịch, ống thông hỗng tràng, ống đặt trong khí quản, ống thông từ mũi vào dạ dày, ống tiết niệu, đúng là trường hợp nào cũng đều có một cái ống!) Một tấm chắn nhiệt giữ cho cơ thể tôi đủ ấm để duy trì sự sống, một cái quạt thông gió giúp tôi dễ thở, và lượng máu tôi được truyền đủ để làm hổ thẹn cả Keith Richards(3).

Các bác sĩ loại bỏ lớp thượng bì cằn cỗi của tôi bằng cách cắt bỏ mô hoại tử, cạo đi phần thịt bị cháy. Họ mang vào hàng thùng nitơ lỏng ngâm những tấm da vừa được lột khỏi tử thi. Da được rã đông trong các khay nước, rồi được đặt cẩn thận lên lưng tôi, ghép vào đúng vị trí. Cứ thế, như thể đang đắp từng dải cỏ lên khoảnh đất phía sau căn nhà gỗ mùa hè, họ phủ lên mình tôi tấm da người chết. Tôi được vệ sinh thường xuyên nhưng cơ thể tôi lại thải loại những tấm da tử thi này, tôi không tài nào thích ứng được với da của người khác. Thế là tôi cứ phải ghép da người chết hết lần này đến lần khác.

Tôi nằm đó, khoác tấm da của người quá cố như chiếc áo giáp chống lại tử thần.

Sáu năm đầu đời của tôi.

Cha tôi mất trước khi tôi chào đời. Ông là một tay chơi đích thực, đến cũng nhanh mà ra đi cũng chóng. Bị gã Sở Khanh vô danh này bỏ rơi, mẹ tôi mất trong lúc sinh nở khi tôi trôi giữa dòng máu của mẹ để vào với thế giới này. Cô y tá nhận nhiệm vụ ôm chặt cơ thể mới sinh nhớp nhúa của tôi đã trượt ngã vào vũng máu khi cố rời phòng hộ sinh, hay theo tôi

nghe kể là vậy. Bà tôi thấy tôi lần đầu khi tôi được bế lướt qua bà trong vòng tay một y tá phụ trách bài trắc nghiệm nhân cách Rorschach(4).

Sự chào đời của tôi cũng chẳng suôn sẻ gì. Tôi chẳng bao giờ được nghe kể chính xác chuyện gì đã xảy ra nhưng vì lý do nào đó cơ thể tôi bị mổ từ bụng lên tới ngực, để lại một cái sẹo dài - có lẽ đó là dấu ấn của một vết mổ không chuẩn khi người ta cố cứu sống mẹ tôi. Tôi hoàn toàn không biết gì. Lớn lên, vết sẹo vẫn giữ nguyên kích cỡ cho tới khi cuối cùng nó chỉ còn là một vết tích dài độ vài phân, tụ trên ngực trái nơi một kẻ lãng mạn có lẽ sẽ vẽ nên một trái tim.

Tôi sống với bà ngoại đến khi lên sáu. Sự cay nghiệt của bà dành cho tôi, kẻ gây nên cái chết của con gái bà, là quá hiển nhiên. Theo tôi bà không phải người xấu mà đúng hơn là người không bao giờ có thể nghĩ rằng cô con gái lại là kẻ ra đi trước, cũng như không bao giờ tính đến chuyện giờ đây, ở tuổi xế bóng, bà lại phải gánh trách nhiệm chăm sóc thêm một đứa trẻ khác.

Bà không đánh mắng tôi; bà nuôi dưỡng tôi tử tế; thu xếp đầy đủ các buổi tiêm vắc xin cần thiết cho tôi. Bà chỉ không yêu quý tôi thôi. Bà mất vào một trong những ngày hiếm hoi hai bà cháu thực sự vui đùa với nhau, trong khi đang đẩy xích đu cho tôi trên sân chơi. Tôi bay cao vào không trung, duỗi dài đôi chân về phía mặt trời. Tôi quay trở lại mặt đất, trông chờ bà sẽ giơ tay ra đón. Thay vào đó, tôi lướt qua thân thể cúi gập của bà. Khi tôi đu lướt qua bà lần nữa theo quán tính, bà đã khuỵu khuỷu tay xuống. Rồi bà ngã sấp xuống nền đất của sân chơi. Tôi chạy tới một căn nhà gần đó gọi người lớn, rồi ngồi trên xà ngang chờ chiếc xe cấp cứu muộn màng. Khi các nhân viên y tế nâng bà lên, hai cánh tay mập mạp của bà vung qua lại như những cánh dơi bị vắt kiệt sức sống.

Từ giây phút nhập viện, tôi đã không còn là con người nữa mà một đồ thị tính toán bảo hiểm. Sau khi cân tôi, các bác sĩ lôi máy tính ra xét độ bỏng và tính toán khả năng sống sót. Không nhiều.

Họ làm tất cả những điều này bằng cách nào? Như trong bất kỳ câu chuyện thần tiên điển hình nào, sẽ luôn luôn có một công thức diệu kỳ, và trong trường hợp này là Quy tắc Số Chín. Tỷ lệ bỏng được xác định và đánh dấu trên một đồ thị không khác gì một bản đồ tà thuật trên cơ thể người, được chia thành từng phần theo bội số của chín. Hai cánh tay "đáng giá" chín phần trăm diện tích bề mặt của toàn bộ cơ thể; đầu đáng giá chín phần trăm; mỗi chân đáng mười tám phần trăm; và phần ngực, trước và sau, đáng giá ba sáu phần trăm. Thế nên mới gọi là Quy tắc Số Chín.

Dĩ nhiên có những yếu tố xem xét khác khi đánh giá một vết bỏng. Tuổi tác, ví dụ thế. Người già và trẻ nhỏ có rất ít cơ hội sống sót, nhưng nếu thanh niên sống sót được, họ sẽ có khả năng hồi phục mạnh hơn rất nhiều. Thế đấy, họ có những lợi thế của mình. Thật tốt. Ta cũng phải xét đến dạng bỏng: những vết bỏng do chất lỏng sôi; bỏng điện do dây điện hở, hoặc là

bỏng do hóa chất, có thể là acid hay kiềm. Tôi thì chỉ bị dính mỗi món bỏng nhiệt trên thực đơn thôi, cái món trăm phần trăm được chế biến qua lửa ấy.

CHƯƠNG 2

ạn có thể băn khoăn, trên thực tế, chuyện gì sẽ xảy đến với cơ thể sống của chúng ta trong đám cháy? Tế bào chứa phần lớn là nước, nước sẽ sôi lên và làm màng tế bào nổ tung. Chẳng hay chút nào. Ở viễn cảnh thứ hai, protein trong tế bào được rán lên như một quả trứng trong chảo, chuyển từ trạng thái chất lỏng mỏng manh sang một thứ gì đó trắng và nhớt. Nếu điều này xảy ra, toàn bộ quá trình trao đổi chất của tế bào sẽ ngừng lại. Vì thế dù cho sức nóng không đủ để giết chết tế bào một cách triệt để thì sự mất khả năng lưu chuyển ôxy cũng đảm bảo các mô tế bào sẽ chết nhanh chóng. Điểm khác biệt ở đây là sự suy kiệt dần dần thay vì chết ngay lập tức.

Sau khi bà mất, tôi tới sống cùng Debi và Dwayne Michael Grace - dì chú, hai kẻ rác rưởi khó chịu với tôi ngay từ giây phút tôi xuất hiện. Tuy nhiên, họ lại rất cảm kích khoản tiền chính phủ trợ cấp để nuôi dưỡng tôi. Nó giúp cho việc mua ma túy dễ dàng hơn hẳn.

Hồi ở với gia đình Grace trơ tráo, tôi phải chuyển hết từ khu nhà lưu động này sang khu nhà lưu động khác cho tới khi những người giám hộ của tôi tìm đến một bữa tiệc thâu đêm mà sau đó phát triển lên thành lễ hội đá(5) kéo dài ba năm. Họ rõ là đi trước thời đại: thời đó loại ma túy tổng hợp này không phổ biến như bây giờ. Nếu không có sẵn ống điếu để hút thì họ sẽ sử dụng bóng đèn bị rút ruột, và có những lúc chẳng còn lại cái bóng đèn nào đến nỗi chúng tôi hoàn toàn sống trong bóng tối. Dù vậy, ma túy dường như chẳng bao giờ cạn. Nhà Grace, với nụ cười lấp lóa như những bàn phím bị đập nát, sẽ cung phụng từng xu một cho bọn cò thuốc.

Một hàng xóm của tôi đã bán đứa con gái nhỏ hơn tôi vài tuổi để đổi lấy lượng thuốc tương ứng. Nếu bạn muốn biết thì giá ngoài chợ của một đứa bé tám tuổi là 35 đô, hay ít nhất lúc tôi còn bé là thế. Khi bà mẹ trở nên hung dữ và bỏ bê nó, con bé thường chạy tới khóc lóc sợ hãi trong căn phòng nhỏ tí của tôi, lường trước được cuộc mua bán đang treo lơ lửng trên đầu. Theo tin tức mới nhất tôi nhận được, bà mẹ đã tỉnh ngộ, cai nghiện và tìm đến với Chúa. Theo tin tức mới nhất tôi nhận được, con bé (giờ đã lớn) là một bà bầu nghiện heroin.

Phần lớn quãng đời thơ ấu của tôi chẳng đẹp đẽ gì, nhưng tôi chưa bao giờ thành món hàng đấu giá tình dục để những người giám hộ có tiền chơi ma túy. Tuy nhiên, người ta lẽ ra có thể nói nhiều điều tốt đẹp hơn về quá khứ của mình.

Cách duy nhất giúp tôi sống sót trong cái thế giới chết tiệt ấy là tưởng tượng ra những thế giới tốt đẹp hơn, vì vậy tôi cố đọc tất cả những gì mình vớ được. Những năm niên thiếu, tôi dành nhiều thời gian trong thư viện đến nỗi các cô thủ thư phải đem những phần bánh sandwich đặc biệt cho tôi. Tôi có bao kỷ niệm ngọt ngào về những người phụ nữ này, những người sẵn sàng giới thiệu sách rồi ngồi nói chuyện hàng giờ với tôi về những gì tôi học được.

Phải rất lâu tôi mới khám phá ra nỗi khát khao dành cho các chất kích thích rồi sẽ ám ảnh tôi suốt thời thanh niên, một thứ bản năng tự nhiên đã buộc phải hình thành sẵn trong tôi. Niềm đam mê đầu tiên và lâu dài nhất của tôi luôn là sự say sưa học hỏi tất cả những vấn đề khơi gợi trí tò mò trong tôi.

Tuy nhiên tôi không đến trường thường xuyên, không phải vì tôi coi việc học hành là mục tiêu thấp kém. Ngược lại là khác: vấn đề của tôi là trường học luôn gây trở ngại cho việc nghiên cứu những đề tài hấp dẫn hơn. Các môn học được trù tính để giảng dạy những thông tin thiết thực nhưng vì thấu hiểu vấn đề cốt lõi quá nhanh nên tôi chẳng thấy hứng thú gì với chúng nữa. Tôi luôn bị sao nhãng bởi những vấn đề bí ẩn xuất hiện ở phần ghi chú trong sách giáo khoa hay một lời nhận xét ngoài lề của giáo viên. Ví dụ: nếu giáo viên hình học của tôi đề cập đến việc Galileo giảng bài về cấu trúc vật lý của Địa ngục, tôi sẽ chẳng còn hứng tập trung lắng nghe khi thầy quay lại giảng về các cạnh của hình bình hành. Tôi sẽ bỏ vài tiết học tiếp theo để lên thư viện, đọc tất cả những gì có thể về Galileo, rồi khi quay trở lại trường tôi sẽ trượt bài kiểm tra toán kế tiếp vì nó chả có câu hỏi nào liên quan đến tòa án dị giáo cả.

Niềm say mê tự học vẫn còn nguyên vẹn, thể hiện rõ trong việc miêu tả quá trình điều trị bỏng của tôi. Chủ đề liên quan mật thiết đến tôi tới mức tôi không thể không gắng hết sức tìm hiểu. Sự nghiệp nghiên cứu của tôi không dừng lại ở đây: quá trình nghiên cứu về tu viện Engelthal, vì nhiều lý do rồi sẽ trở thành rất hiển nhiên, cũng chiếm rất nhiều thời gian của tôi.

Trong khi ngoài thư viện quả thật tôi đã và đang sống một cuộc đời trụy lạc, thì ở bên trong tôi luôn toàn tâm toàn ý vì tri thức như một vị thánh toàn tâm toàn ý với cuốn Kinh Thánh của mình vậy.

Các vết bỏng, theo tôi biết, cũng được phân loại theo độ sâu thương tổn của da. Bỏng bề mặt (bỏng độ một) chỉ ảnh hưởng tới lớp biểu bì, lớp ngoài cùng. Bỏng cục bộ (bỏng độ hai) ảnh hưởng tới phần biểu bì và lớp thứ hai, lớp mô mạch liên kết. Rồi đến bỏng toàn phần (bỏng độ ba), ảnh hưởng tới tất cả các lớp da và để lại sẹo vĩnh viễn.

Những ca nặng - như của tôi - thường là sự kết hợp của các vết bỏng ở nhiều mức độ khác nhau, vì chẳng có ai xoay cái xiên để đảm bảo thịt được nướng đều cả. Ví dụ, tay phải tôi hoàn toàn không bị thương tổn gì. Nó chỉ bị bỏng bề mặt và liệu pháp điều trị duy nhất là dùng loại kem thoa tay thông thường.

Những vết bỏng cục bộ của tôi tập trung chủ yếu tại khoeo chân và xung quanh vùng mông. Da tại đó nhăn lại như những tờ giấy cháy dở, và phải mất vài tháng mới lành. Giờ đây vùng da đó không hoàn hảo chút nào, nhưng mẹ kiếp, nó cũng không quá tệ. Khi ngồi xuống tôi vẫn có thể cảm nhận được mông mình.

Những vết bỏng toàn phần giống như miếng thịt nướng ông già nhà bạn để quên trên lò nướng ngoài trời lúc say rượu. Bỏng loại này phá hủy hoàn toàn; các mô không thể lành lại được. Vết sẹo có thể trắng, đen hay đỏ. Nó là một vết thương khô cứng, mãi mãi không mọc được lông vì các nang lông đã bị đốt sạch. Thật kỳ lạ là chẳng hề đau chút nào, vì các đầu dây thần kinh đã cháy hết rồi còn đâu.

Những vết bỏng ở tay, đầu, cổ, ngực, tai, mặt, chân và vùng đáy chậu đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt. Những vùng này chiếm tỷ lệ cao nhất trong Quy tắc Số Chín. Vết bỏng hai phân rưỡi ở đầu nguy hiểm hơn nhiều so với vết bỏng hai phân rưỡi ở lưng. Bất hạnh thay, đây là nơi các vết bỏng độ ba của tôi tập trung nhiều nhất, tôi đã gieo phải đôi súc sắc mắt rắn(6).

Có vài cuộc tranh luận trong giới y học về việc liệu có bỏng độ bốn thực hay không, nhưng với tôi đây đơn thuần chỉ là một đống bác sĩ khỏe mạnh ngồi trong phòng họp tranh biện về ngữ nghĩa học. Những vết bỏng độ bốn này, nếu ta chấp nhận cái thuật ngữ khoa học ấy, ăn sâu xuống tận xương và gân. Tôi cũng phải chịu cả những vết bỏng ấy nữa; như thể việc cái sàn xe cứa hết các ngón chân trái của tôi vẫn còn chưa đủ nghiêm trọng, những vết bỏng được gọi là bỏng độ bốn này cướp mất của tôi ba ngón chân phải, một ngón rưỡi bàn tay trái. Và, Chúa ơi, còn thêm một phần cơ thể nữa.

Bạn nên nhớ là tôi đã làm rớt rượu bourbon lên quần ngay trước vụ tai nạn, một thời điểm đúng là không thể nào tệ hơn được. Hậu quả là đây, đùi tôi thấm đẫm chất dẫn cháy đến nỗi cả vùng bị bỏng nghiêm trọng. Dương vật của tôi như một cây nến trồi ra ngoài cơ thể và cùng bị thiêu chín trong lửa, để cái bấc nến cháy khô ở lại nơi từng là niềm tự hào đàn ông của tôi. Không thể cứu vãn, nó đã bị cắt bỏ ngay sau khi tôi nhập viện trong một quy trình được gọi là phẫu thuật cắt bỏ dương vật.

Khi tôi hỏi người ta đã làm gì với phần còn lại của cái ấy, cô y tá thông báo cho tôi rằng nó đã bị thải loại với tư cách là rác y tế. Như để an ủi, cô giải thích thêm là các bác sĩ vẫn để bìu và hòn của tôi được nguyên vẹn. Lấy đi tất cả thì quá đáng quá, có lẽ sẽ có người nghĩ thế, cả gốc lẫn ngọn.

Nhà Grace chết trong vụ nổ phòng pha chế đá, chín năm sau lần đầu tôi tới nhà xe lưu động của họ. Chẳng có gì ngạc nhiên: còn ý tưởng nào tồi tệ hơn việc lũ nghiện chế thuốc trong không gian kín, với nguyên liệu bao gồm cả dầu đèn, sơn pha loãng và cồn tẩy rửa?

Tôi chẳng cảm thấy hụt hẫng chút nào. Vào lễ tang của họ, tôi đến nói chuyện với các thủ thư về cuốn tiểu sử của Galileo Galilei mà tôi đang đọc dở - vì quả thực, thầy giáo hình học đã khơi gợi niềm hứng thú với các nhà khoa học trong tôi.

Mặc dù bất kỳ học sinh nào cũng có thể kể về việc Galileo bị ngược đãi dưới tay tòa án dị giáo, nhưng cuộc đời thật của ông phức tạp hơn nhiều. Ông chưa bao giờ có ý định làm con chiên "ghẻ", và khi bị cấm rao giảng học thuyết Vũ trụ Nhật tâm, trong nhiều năm ông đã

ngoan ngoãn tuân theo. Con gái Virginia của ông gia nhập tu viện nữ dưới cái tên đáng yêu, xơ Maria Celeste, trong khi cô con gái Livia cũng khoác lên mình chiếc áo tu hành dưới cái tên không kém phần thoát tục là Arcangela. Chuyện này có nét gì đó tương hợp một cách nên thơ vì - dù cho bây giờ tên ông được dùng như cách nói tắt khi đề cập tới việc khoa học bị tôn giáo đàn áp - cuộc đời Galileo đã gắn kết tôn giáo và khoa học với nhau. Người ta nói rằng khi Tommasco Caccini, một cha xứ trẻ dòng Dominic, trở thành người đầu tiên công khai chỉ trích kịch liệt việc Galileo ủng hộ học thuyết Copernic, ông ta đã kết thúc bài rao giảng của mình bằng một câu trích trong Tông đồ công vụ: Hỡi những người con đất Galilee, sao các ngươi lại đứng ngước nhìn lên Thiên đường? Tuy nhiên, điều Caccini không ngờ tới là nếu Galileo có ngước mắt nhìn lên bầu trời, thì khả năng ông đang cầu nguyện cũng cao ngang khả năng ông đang vẽ biểu đồ chuyển động của các thiên thể.

Vào năm hai tư tuổi, Galileo dự tuyển vào vị trí giảng dạy tại trường đại học với hai bài thuyết trình về cấu trúc vật chất trong Địa ngục của Dante. Hầu hết các nhà tư tưởng hiện đại coi đây là việc hết sức kỳ dị, nhưng vào thời Galileo, nghiên cứu vũ trụ theo quan điểm của Dante là một vấn đề vô cùng nóng hổi. (Chẳng phải ngẫu nhiên mà các buổi thuyết trình đều diễn ra ở học viện Firenze tại thành phố quê hương của nhà thơ.) Bài thuyết trình thành công vang dội và giúp Galileo có được chỗ đứng vững chắc với tư cách Giáo sư Toán học tại đại học Pisa.

Mãi về sau này Galileo mới nhận ra rằng quan điểm ông bảo vệ trong bài thuyết trình là không chính xác và luận điểm cho rằng cấu trúc hình nón của Địa ngục có tỷ lệ bất biến, nghĩa là nó có thể tăng về kích thước mà không mất đi tính nguyên vẹn hay sức mạnh, là không đúng. Nếu Địa ngục thực sự tồn tại bên trong Trái đất, thì cái hố khổng lồ đó sẽ khiến lớp phủ Trái đất (quyển manti) gãy vụn trừ phi thành Địa ngục dày hơn nhiều so với mức ông tranh luận ban đầu. Vì vậy Galileo bắt tay vào nghiên cứu bản chất định luật tỷ lệ và, vào cuối đời, công bố những phát hiện của ông trong cuốn sách Two New Sciences (Hai ngành khoa học mới) với những nguyên lý góp phần hình thành nên vật lý hiện đại - một bộ môn khoa học giờ được chia thành từng phân ngành nhỏ vì Galileo đã nhận ra sai lầm của mình khi áp dụng các định luật tự nhiên cho một địa điểm siêu nhiên.

Nhưng nếu Địa ngục là nơi có thực, thì tôi cũng chẳng mấy nghi ngờ việc Debi và Dwayne Michael Grace giờ này đang ở đó.

Tôi bất tỉnh trong gần bảy tuần, được bọc trong túi da người chết. Tình trạng hôn mê của tôi phát sinh từ cú sốc nhưng rồi các bác sĩ quyết định cứ để tôi bất động thế để trị liệu trong khi quá trình phục hồi diễn ra.

Tôi không cần phải có ý thức khắc phục sự suy sụp của hệ tuần hoàn, tôi cũng không cần phải quan tâm đến những thương tổn vùng thận. Tôi không biết ruột mình đã ngừng hoạt động. Tôi chẳng biết gì về những vết lở loét làm tôi nôn ra máu hay việc các y tá tất tả giữ

cho tôi khỏi chết ngạt mỗi khi chuyện này xảy ra. Tôi không cần phải chau mày lo lắng về nguy cơ viêm nhiễm sau mỗi ca phẫu thuật cấp cứu hay ghép da. Tôi cũng chẳng được thông báo gì về việc các nang tóc đã cháy ra tro hay tuyến mồ hôi bị phá hủy. Tôi không biết gì khi họ hút bồ hóng ra khỏi phổi - quy trình trị liệu, tiện đây nói luôn, được gọi là biện pháp vệ sinh phổi.

Dây thanh quản của tôi thương tổn nặng nề do hít quá nhiều khói, và thủ thuật mở khí quản đã được thực hiện để thanh quản có thể tự liền mà không phải lắp một cái ống đè lên gây khó chịu. Chẳng làm được gì hơn. Một phần khác của cơ thể tôi cũng ít được quan tâm trong giai đoạn đầu là cái chân phải, bị gãy nát. Các bác sĩ phải chờ cho tình trạng của tôi ổn định rồi mới bắt đầu phẫu thuật nối lại phần xương đùi giập gãy và đầu gối nát tươm. Giữ lại mạng sống cho tôi quan trọng hơn là giữ một giọng nói êm tai và dáng đi không quặt quẹo.

Trong suốt thời gian hôn mê, teo cơ là điều không thể tránh khỏi. Thiếu vận động và mất đi phần lớn da trên người, cơ thể tôi tiến hành việc ăn chính nó. Nó tiêu thụ chất đạm bên trong, tiêu hao một lượng lớn năng lượng chỉ để giữ nhiệt độ ổn định. Tấm chắn nhiệt không cáng đáng được hết, vì thế cơ thể tôi ngưng vận chuyển máu đến các chi. Mối quan tâm của cơ thể là cơ quan trung tâm, vùng ngoại vi bị bỏ mặc, rồi tôi ngừng thải nước tiểu và bị ngộ độc. Khi cơ thể co thắt, tim tôi nở ra; không phải vì tình yêu, mà vì căng thẳng.

Tôi bị dòi bọ phủ kín, một liệu pháp vốn được áp dụng thường xuyên hơn trong quá khứ nhưng gần đây đã phổ biến trở lại trong lĩnh vực y khoa. Các con bọ ăn phần thịt chết, trở nên béo ú trên vùng da thịt thối rữa của tôi, trong khi giữ lại nguyên vẹn phần thịt lành. Các bác sĩ khâu mí mắt tôi lại để bảo vệ mắt và tất cả những gì tôi cần là một người đặt lên đó hai đồng xu tiễn biệt tôi sang thế giới bên kia. Rồi thì, tôi sẽ trở nên hoàn thiện.

Tôi có một ký ức hạnh phúc thời sống với nhà Grace: hạnh phúc, nhưng được đánh dấu bởi một sự kiện hết sức lạ lùng.

Buổi biểu diễn tàu lượn diễn ra vào một ngày nóng nực giữa tháng Tám tại sân bay gần đó. Mấy cái máy bay không làm tôi thích thú - nhưng những người nhảy dù, với chiếc dù bật mở tới tận thiên đường và dải khói đầy màu sắc kéo dài phía sau thì có! Cú rơi từ bầu trời xuống mặt đất, cú bổ nhào của thần thợ rèn Hephaestous chậm lại ngay chỉ bằng một động tác bung những mảnh vải lụa, không khác gì một phép màu. Những người nhảy dù điều khiển cái đòn bẩy kỳ diệu của họ, lượn quanh những hồng tâm lớn màu trắng in nổi trên mặt đất, luôn nhắm trúng đích, vào đúng tâm. Đó là điều đáng ngạc nhiên nhất tôi từng được chứng kiến.

Không biết từ khi nào, một người phụ nữ châu Á đã tiến lại ngay phía sau tôi. Tôi cảm thấy bà trước khi nhìn thấy bà; như thể da tôi nổi gai ốc trước sự xuất hiện của bà vậy. Khi tôi quay lại thì bà đã đứng đó, khẽ mỉm cười. Tôi vẫn còn nhỏ và không biết bà là người Trung Quốc, Nhật Bản hay Việt Nam; bà có làn da cùng đôi mắt của người châu Á và chỉ cao ngang

tôi thôi, dù tôi lúc đó mới mười tuổi. Bà mặc một chiếc áo choàng đen đơn giản khiến tôi nghĩ bà hẳn phải thuộc một giáo phái nào đó. Trang phục của bà không bình thường chút nào nhưng dường như chẳng ai trong đám đông nhận ra cả, và đầu bà thì trọc lóc.

Tôi muốn hướng sự chú ý trở về với các vận động viên nhảy dù nhưng không thể. Không thể khi bà vẫn cứ hiện diện sau lưng. Vài phút trôi qua, tôi cố gắng không nhìn bà, nhưng rồi không thể kìm được nữa. Tất cả những người khác đều ngước mắt lên bầu trời còn bà thì nhìn thẳng vào tôi.

"Bà cần gì ạ?" tôi bình tĩnh hỏi; tôi chỉ cần một câu trả lời. Bà không nói gì mà chỉ tiếp tục cười với tôi.

"Bà không nói được ạ?" tôi hỏi. Bà lắc đầu, rồi đưa ra một mảnh giấy. Tôi do dự một chút trước khi cầm lấy nó.

Trên đó viết: Cháu chưa bao giờ băn khoăn vết sẹo của mình thực sự từ đâu mà có ư?

Khi tôi nhìn lại, bà đã biến mất. Trước mắt tôi chỉ có đám đông đang ngẩng hết mặt lên trời.

Tôi đọc lại mảnh giấy lần nữa, không tin nổi bà có thể biết được dị tật trên cơ thể mình. Nó ở trên ngực tôi, bị giấu sau lớp áo, và tôi chắc chắn mình chưa từng gặp người phụ nữ này bao giờ. Nhưng ngay cả khi tôi có vì lý do này khác mà lỡ quên mất cuộc hội ngộ với một người phụ nữ châu Á trọc đầu mặc áo choàng, thì cũng chẳng có cớ gì khiến tôi chỉ cho bà vết sẹo của mình.

Tôi lách qua đám đông, tìm kiếm mọi dấu vết của bà - cái áo choàng dài lướt qua những toán người, phần sau cái đầu trọc - nhưng chẳng có gì cả.

Tôi bỏ mảnh giấy vào túi áo, và từ lúc đó cho đến hết ngày còn lấy ra vài lần để chắc rằng nó có thực. Dwayne Michael Grace hẳn thấy mình rất hào phóng vì đã mua cho tôi chiếc kẹo bông ở gian hàng bánh kẹo. Rồi Debi ôm tôi, và chúng tôi gần như là một gia đình vậy. Sau buổi biểu diễn tàu lượn, chúng tôi tham dự hội thả đèn lồng giấy trên con sông gần đó, một quang cảnh tuyệt đẹp và không hề giống với tất cả những gì tôi nhìn thấy từ trước tới nay.

Khi tôi trở về nhà vào tối hôm đó, mảnh giấy đã biến mất khỏi túi áo dù tôi giữ gìn rất cẩn thận.

Tôi mơ hết giấc mơ này đến giấc mơ khác trong suốt thời gian hôn mê. Những hình ảnh lẫn lộn cứ đan xen vào nhau, cạnh tranh quyết liệt để giành chỗ đứng trên trung tâm sân khấu trong rạp xiếc.

Tôi mơ thấy một phụ nữ nông thôn đang đun nước tắm. Tôi mơ thấy máu từ tử cung mẹ tôi trào ra. Tôi mơ thấy đôi cánh tay mềm nhũn của người bà đang hấp hối, đẩy xích đu cho tôi bay cao mãi vào bầu trời xanh thăm thẳm. Tôi mơ thấy những ngôi chùa Phật giáo gần

những dòng sông mát lành trong trẻo cuộn chảy. Tôi mơ thấy cô nhóc bị mẹ đem bán lấy tiền mua ma túy tổng hợp. Tôi mơ thấy cái lò nung bị biến dạng là chiếc ô tô của tôi. Tôi mơ thấy con tàu chiến của người Viking. Tôi mơ thấy cái đe của người thợ rèn. Tôi mơ thấy đôi bàn tay của người thợ điêu khắc chạm trổ những nét mạnh mẽ lên đá. Tôi mơ thấy những mũi tên bốc cháy vọt ra từ bầu trời, tôi mơ thấy những đám lửa đổ xuống như mưa. Tôi mơ thấy kính vỡ khắp nơi. Tôi mơ thấy một thiên thần hoảng loạn bị đóng băng dưới nước.

Nhưng trên tất cả, tôi mơ thấy những gargoyle(7) đang chờ được sinh ra.

Sau sự kiện ở trường bay, tôi cứ quen tay chà vào vết sẹo bẩm sinh trên ngực. Tôi chẳng bao giờ để ý là mình đang chà, nhưng người khác thì có. Dwayne ghét chuyện đó, ông ta vừa hất tay tôi ra khỏi ngực vừa nẹt tôi "dừng cái trò tự sướng ấy ngay". Rồi ông ta lại hít thêm thuốc, khiến người khác thấy khó mà coi trọng những lời chỉ trích đó được.

Khi Dwayne và Debi chết, tôi mất luôn những người họ hàng duy nhất còn sót lại - họ ngoại, dĩ nhiên; họ nội của tôi chẳng là gì ngoài một dấu chấm hỏi. Tôi được đưa vào trại trẻ Cơ Hội Thứ Hai, điều này chỉ làm tôi thêm băn khoăn là mình đã có cơ hội đầu tiên khi nào vậy. Chính ở trại trẻ Cơ Hội Thứ Hai này tôi được theo học hầu hết các chương trình giáo dục do chính phủ tài trợ. Thời trung học tôi đến lớp khá đều đặn, dù thấy chán ngấy, và học được những kiến thức cơ bản về toán và các môn khoa học. Toàn bộ thời gian tôi dành cho thư viện hoàn toàn không hề lãng phí. Tôi đã mày mò tự học từ lâu trước khi ai đó cố dạy cho tôi thứ gì.

Với sự giúp đỡ của những đứa trẻ ở Cơ Hội Thứ Hai, tôi nhanh chóng phát hiện ra đủ loại chất kích thích để thử nghiệm. Trong khi rất ghê loại đá, tôi lại khá hứng thú với cần sa và thuốc lá hasit. Trên thực tế, tôi đã sớm nhận được sự khuyến khích từ dì chú, những người vốn không nhận ra rằng người ta vẫn có thể sống sót mà không cần hóa chất hỗ trợ nên đã cố gắng tránh cho tôi không dùng bất kỳ thứ nào nặng hơn.

Tôi cũng khám phá ra sở thích thứ ba đi kèm với thư viện và chất kích thích: sự diệu kỳ trong chuyện chăn gối. Bắt đầu bằng việc khẩu dâm mang tính chất thăm dò với thằng bạn thân mới quen, Eddie. Đây là trò các cậu trai tuổi teen hay làm: chúng thách một thằng hôn cái ấy và khi thằng kia làm rồi thì gọi nó là thằng ái. Đêm tiếp theo, chuyện tương tự diễn ra. Tôi thích quan hệ tình dục nhưng chẳng khoái gì đồng tính, vì thế tôi nhanh chóng làm chuyện đó với vài cô bé ở trại trẻ - đặc biệt là một cô tên Chastity, trinh bạch, ơn Chúa là cô ta chẳng có khái niệm gì về ý nghĩa cái tên của mình cả. Thực ra mà nói, cô ta không có khái niệm về nhiều thứ lắm. Lần đầu tiên nghe thấy cụm từ "khẩu dâm" cô còn tưởng nó liên quan gì đó đến tai(8). Quan hệ tình dục qua đường tai, bạn có thể liên tưởng thế.

Mười bảy tuổi, tôi tiếp tục thỏa mãn những tò mò giới tính của mình với một bà cố vấn trẻ vị thành niên. Được chính phủ bảo trợ không phải là không có lợi. Sarah là người phụ nữ đầy phiền muộn, nếu trên đời này thực sự tồn tại một kẻ như thế: một bà vợ ba lăm tuổi

nghiện rượu với một ông chồng gian dối và phải trải qua giai đoạn đầu khủng hoảng tuổi trung niên. Tôi đem lại sự khuây khỏa và vui thú cho bà ta còn bà ta cho tôi tình dục. Cũng chẳng thiệt hại gì khi tôi trổ mã, không còn là cậu nhóc dễ thương với khuôn mặt bầu bĩnh nữa. Má tôi trở nên góc cạnh hút hồn, tóc tôi gợn sóng cuốn hút, và cơ thể tôi nở nang với cơ bắp thật quyến rũ.

Đến năm mười tám tuổi, khi không còn chịu sự quản lý của ai nữa, tôi đã thành thạo hai biệt tài. Một là hút hít, hai là quan hệ với bà cố vấn, và tôi thấy cần phải biến một trong hai biệt tài này thành cần câu cơm. Có vẻ hút hít không phải một nghề hậu hĩnh, nhưng có thể dễ dàng kiếm được năm mươi đô la nhờ chụp ảnh khỏa thân, trong thời buổi thế giới chả thiếu gì những gã đàn ông trung niên sẵn sàng trả tiền để ngắm các cậu bé đứng trần trụi trong phòng khách nhà mình. Tôi không phê phán gì chuyện đó; tôi còn bận tính xem năm mươi đô có thể mua được bao nhiêu cái bánh hamburger. Rồi chẳng mấy chốc cát sê nhảy vọt lên một trăm năm mươi đô la cho những bức ảnh chụp cảnh chăn gối và - dù sao thì vì bạn đã chụp ảnh rồi - cũng chẳng có gì khó hiểu khi thu nhập tăng gấp đôi gấp ba nhờ đóng phim video. Hơn nữa, ai lại không muốn làm ngôi sao điện ảnh chứ? Mỗi thước phim mất nhiều nhất là vài ngày; nhưng thường chỉ mất vài giờ. Đó là một khoản hậu hĩ đối với một thằng nhóc mười tám tuổi chẳng có kỹ năng gì, và đơn giản như thế đấy, sự nghiệp đóng phim khiêu dâm của tôi bắt đầu.

(1) Lễ kỷ niệm ngày Chúa Jesus bị đóng đinh trên thập tự giá, rơi vào ngày thứ Sáu trước lễ Phục sinh hằng năm (khoảng từ 20/3 đến 23/4).

(2) Nguyên văn: Charon. Nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, người lái đò chuyên đưa linh hồn người chết qua sông.

(3)Keith Richards: ca sĩ, nhạc sĩ người Anh, thành viên sáng lập ban nhạc The Rolling Stones. Ông đã từng phải thay máu để cai nghiện ma túy.

(4) Trắc nghiệm nhân cách do nhà tâm thần học Thụy Sĩ Hermann Rorschach sáng tạo năm 1917, bằng cách sử dụng một tập hợp mười giọt mực đối xứng để tìm hiểu xem người ta nhìn thấy những gì, qua đó làm công cụ chẩn đoán các bệnh tâm thần.

(5) Methamphetamine, một loại ma túy tổng hợp. Trên thị trường, chất ma túy này có thể được bán dưới dạng bột hoặc viên nhộng. Người chơi methamphetamine có thể hít, hút, tiêm hoặc nuốt. Khi vào cơ thể, chất này sẽ làm tăng huyết áp, gây tổn thương não, làm thay đổi tính tình.

(6) Trong trò Craps (một trò chơi sử dụng súc sắc), "mắt rắn" là từ lóng chỉ việc gieo cùng lúc ra hai con nhót. Dấu chấm duy nhất trên hai con súc sắc làm người ta liên tưởng đến cặp mắt nhỏ tí của con rắn, và vì là số nhỏ nhất, đồng nghĩa với khả năng thua cao nên người ta thường gắn nó với điềm gở.

(7) Loài sinh vật bay trong truyền thuyết có cánh dơi, tai của loài gặm nhấm, móng vuốt nhọn hoắt và hàm răng sắc bén. Từ gargoyle thường được dùng để chỉ những bức tượng đá nối với một ống máng được thiết kế để tiêu thoát nước khỏi mái nhà, nhưng nó chủ yếu được dùng với mục đích nghệ thuật và nhằm xua đuổi ma quỷ ra ngoài nhà.

(8) Trong tiếng Anh, từ oral (miệng) phát âm giống với aural (tai).

CHƯƠNG 3

nh sáng tràn qua bên trong mí mắt và tôi nhận thấy một con rắn đang chầm chậm trườn lên tủy sống của mình, nuốt chửng tủy sống bằng cặp hàm có thể tháo rời. Lưỡi nó kêu tanh tách khi nó cất tiếng rít, TA ĐANG TỚI ĐÂY VÀ NGƯƠI CHẲNG THỂ CẢN ĐƯỢC ĐÂU. Giọng phụ nữ - đây là điều giúp tôi biết nó thuộc giống cái - và lưỡi mụ mơn trớn từng đốt sống của tôi trong khi tìm đường lên đỉnh cột sống. Lên đến nơi, mụ liếm vùng hốc sọ, rồi vặn xoắn vài lần như để thông báo với tôi rằng mụ đã yên vị trong ấy rồi. Vảy mụ ta cọ vào các cơ quan nội tạng của tôi còn gan tôi tím bầm vì cái đuôi cứ ngoe nguẩy thất thường của mụ.

Tôi đang nằm trên chiếc giường hơi giúp giảm ma sát và hỗ trợ việc hồi phục; những miếng băng của tôi nhẹ nhàng phất phơ trong làn gió lùa phía trên. Ở mỗi mép giường là một thanh chắn, sơn trắng như những khúc xương bị tẩy trắng hếu, giữ tôi khỏi rơi, hoặc không cho phép tôi thoát ra. Tôi nhanh chóng gọi chiếc giường này là bụng bộ xương và tôi nằm trong luồng gió thổi dào dạt qua lồng ngực nó, trong khi chính những cái xương đó ngăn không cho tôi lang thang đi tìm nghĩa trang mới cho mình.

Tôi không cần dùng đến máy hô hấp nhân tạo nữa nhưng trên người vẫn còn đủ loại ống dẫn khiến tôi trông không khác gì con búp bê dùng để giắt ghim. Những ống dẫn cuộn lại thành vòng tròn, tròn, tròn và tôi tưởng tượng ra quái vật đầu bò Minos đứng trấn giữ cổng Địa ngục, dẫn những kẻ tội đồ tới điểm cuối bằng cách cuộn đuôi lại quanh người họ. Cứ mỗi vòng cuộn của cái đuôi là một tầng sâu của Địa ngục. Thế là tôi đếm những cái ống đáng yêu của mình với sự tò mò đơn thuần: rằng người phân loại tàn nhẫn từ nơi tối tăm kinh khủng ấy sẽ ném tôi sâu đến mức nào.

Cô y tá có vẻ vui khi thấy tôi tỉnh lại. "Bác sĩ Edwards đã điều chỉnh lượng thuốc để giúp anh hồi tỉnh. Tôi sẽ gọi bà ấy ngay."

Tôi cố cất tiếng, nhưng như thể ai đó đã chẹn một chai Coke vào cổ họng tôi mà giã mạnh vậy; những mảnh kính vỡ ghim đầy nơi từng là dây thanh âm của tôi. Cô y tá đề nghị tôi im lặng và trả lời câu hỏi cô biết tôi sẽ hỏi nếu tôi có thể. Tôi đang ở trong bệnh viện, khoa bỏng, cô ấy nói. Có một vụ tai nạn. Tôi đã rất may mắn. Các bác sĩ đã cố hết sức. Vân vân, vân vân, vân vân. Cuối cùng tôi cũng cất được tiếng khò khè, "Bao... lâu?"

"Gần hai tháng." Cô ban cho tôi nụ cười thương hại rồi quay gót đi gọi bác sĩ.

Tôi kiểm tra mấy chiếc xương sườn của bộ xương. Lớp sơn trắng bóng ở vài chỗ đã bong ra do những ngón tay không ngừng cử động. Những chỗ này đã được sơn lại, dĩ nhiên, nhưng vài vết xước nhỏ thì vẫn còn lộ rõ. Dòng suy nghĩ của tôi chìm dưới những lớp sơn, lang thang vô định. Bao lâu thì họ sơn những chiếc giường này một lần? Mỗi bệnh nhân mới là một lần sơn lại? Hay là sáu bệnh nhân, hay một tá? Bao nhiêu người đã nằm đây trước tôi?

Tôi muốn òa khóc nhưng ống lệ đã bị cháy đến tắc nghẽn cả rồi.

Chẳng có mấy việc để làm ngoại trừ trượt ra trượt vào trạng thái hôn mê bất tỉnh. Thuốc giảm đau được truyền từng giọt một trong khi con rắn dần chiếm cứ từng phân xương sống của tôi, tiếp tục lấy cái lưỡi uốn éo đánh tanh tách vào hốc xương sọ tôi. Liếm và hôn, tách tách tách tiếng thuốc nhỏ giọt, xì xì xì tiếng con rắn nói. Bài thuyết giáo đầy âm xuýt của con rắn khi đàm luận về khuynh hướng tâm hồn đầy tội lỗi của tôi dường như kéo dài vô tận. Tiếng bước chân lóc ca lóc cóc trong sảnh, ngàn người đã đến kính viếng hương hồn người chết. Những căn phòng vang dội cái giọng đều đều của mấy bộ phim truyền hình ủy mị sướt mướt. Các gia đình mang bộ mặt lo lắng, thì thầm về tình huống xấu nhất có thể xảy ra.

Tôi không thể hiểu rõ tình trạng nguy kịch của mình và băn khoăn không biết mọi thứ sẽ thế nào khi tôi quay trở lại với sự nghiệp phim ảnh, hay chuyến du lịch nho nhỏ đến bệnh viện này sẽ tốn bao nhiêu. Tôi vẫn chưa nhận ra rằng mình có thể sẽ không bao giờ tiếp tục công việc được và chuyến đi này đã lấy của tôi tất cả. Phải tới vài tuần sau đó, khi các bác sĩ giải thích tường tận đến khủng khiếp về chuyện xảy ra với cơ thể tôi và những gì sẽ tiếp diễn, thì tôi mới bắt đầu hiểu ra vấn đề.

Cơ thể tôi đã giảm sưng tấy và đầu đã co lại gần bằng kích cỡ bình thường. Mặt tôi khó chịu cực độ mỗi khi đầu ngón tay còn lành lặn của tôi chạm vào. Chân tôi được nâng lên và buộc vào thanh đỡ, tôi bị bó vào các mảnh vải dày hạn chế cử động để tránh làm rách mô cấy ghép. Nhìn cái chân phải tàn phế của mình, tôi thấy một bộ kim lạ mắt châm vào da thịt. Bệnh nhân bỏng không được bó bột bằng khuôn sợi thủy tinh - tấy rát vô cùng - vì thế lũ nhện máy cứ việc mọc ra khắp người tôi.

Có ba y tá chính ở khoa bỏng: Connie, Maddy và Beth. Họ không chỉ chăm sóc thể chất mà còn lãnh nhiệm vụ lên-tinh-thần cho bệnh nhân nữa, không ngừng nói với tôi rằng họ tin tưởng tôi, vì thế tôi cũng phải tin vào chính mình. Tôi chắc chắn Connie thực sự tin vào những thứ vớ vẩn tuôn ra từ miệng cô ấy nhưng tôi cảm thấy Maddy và Beth chỉ như những bà bán tạp phẩm cứ nhại đi nhại lại một câu "Chúc quý khách một ngày tốt lành." Mỗi người làm ca tám tiếng; kết hợp lại họ làm trọn vẹn một ngày.

Beth làm việc buổi chiều và chịu trách nhiệm nắn bóp cho tôi hằng ngày, nhẹ nhàng kéo các khớp nối và xoa bóp cơ bắp của tôi. Thậm chí những thao tác rất đỗi dịu dàng này cũng làm tôi đau đớn khôn cùng, dù có sự hỗ trợ của morphine chăng nữa. "Nếu chúng tôi không làm thế này, da anh sẽ cứng lại và anh sẽ không thể cử động các khớp xương được. Chúng tôi luôn làm thế này trong suốt thời gian anh hôn mê đấy." Lời giải thích của cô chẳng làm cơn đau đỡ hơn chút nào. "Chứng co cứng cơ là cả một vấn đề đấy. Nếu nhìn những ngón chân còn lại của mình, anh sẽ thấy chúng có vài thanh nẹp. Giờ anh có thể đẩy tay tôi không?"

Tôi cố đẩy nhưng không thể biết có thành công hay không, cảm giác - thực ra là, sự mất cảm giác - làm tôi quá lúng túng. Tôi không còn xác định được cơ thể mình đang căng ra đến đâu nữa.

Bác sĩ Nan Edwards, bác sĩ điều trị chính của tôi đồng thời là trưởng khoa bỏng, giải thích rằng bà thường xuyên tiến hành phẫu thuật cho tôi trong suốt thời gian tôi hôn mê, loại bỏ phần da bị tổn thương và bó tôi vào đủ loại vật liệu thay thế. Cùng với việc ghép da người khác (da của người chết) tôi cũng được ghép da của chính mình, da từ những phần cơ thể còn lành lặn của tôi, và cả da động vật nữa, da lợn. Ta không thể không băn khoăn liệu mấy ông theo đạo Do Thái hoặc đạo Hồi có chịu để người ta làm thế với mình không.

"Tình thế thật sự không thể đoán định được vì phổi anh bị hư hại nặng. Chúng tôi luôn phải nâng mức ôxy bơm vào cơ quan hô hấp của anh, một dấu hiệu không tốt lành gì," bác sĩ Edwards nói. "Nhưng anh đã vượt qua được. Chắc hẳn anh có điều gì đó rất tốt đẹp đang trông đợi phía trước."

Rõ ngu ngốc. Tôi có đấu tranh để được sống đâu cơ chứ, tôi nào có nhận ra mình hôn mê bất tỉnh đâu, và tôi chắc chắn đã không vật lộn để thoát khỏi tình trạng đó. Chưa một lần nào trong suốt quá trình hôn mê tôi thấy cần quay lại thế giới này cả.

Bác sĩ Edwards nói, "Nếu không nhờ những tiến bộ trong điều trị bỏng từ thời chiến tranh Việt Nam..." Giọng bà trượt đi, như thể tốt hơn tôi nên tự điền vào chỗ trống và nhận ra mình đang ở trong một thời đại may mắn đến thế nào.

Tôi ước gì mình có thể nói nên lời. Tôi sẽ nói với bà ấy rằng tôi mong sao chuyện này xảy đến với tôi vào thế kỷ mười bốn, trong thời buổi chẳng có bất cứ hy vọng nào cho tôi hết.

Tôi bắt đầu sự nghiệp diễn viên phim khiêu dâm ngắn ngủi chuyên về thể loại tình dục khác giới đóng với nhiều bạn diễn nữ, chưa lần nào mất khả năng cương cứng. Nhưng xin đừng cho rằng tôi là kẻ đơn điệu; là nghệ sĩ, tôi luôn tìm kiếm những thử thách mới. Bằng cách luyện tập tới bến, tôi làm phong phú thêm lý lịch bản thân với khẩu dâm, quan hệ qua đường hậu môn, kể cả chơi một lúc ít nhất hai, ba đối tác. Tôi không hứng thú với tình dục đồng giới, dù luôn cảm thấy ngưỡng mộ những tay có thể thực hành với cả hai giới. Tôi cũng không khoái trò khổ dâm, dù có tham gia đóng vài bộ phim với mô típ dùng dây trói đối phương. Tôi từ chối những bộ phim kích thích giao cấu với trẻ em. Rặt những thứ ghê sợ, dù tôi phải thừa nhận Humbert Humbert(9) làm tôi cười khúc khích. Kiểu quan hệ dính dáng đến chất thải con người hiển nhiên là không, chẳng có góc lý trí nào cho phép tôi đi vệ sinh lên ai đấy và tôi càng không thích ai làm thế với mình. Và nếu vì không chịu đóng phim có cảnh quan hệ với động vật mà tôi bị coi là thằng hợm hĩnh thì cứ cho là thế đi: tôi là một đứa hợm hĩnh.

Tôi nằm trên giường bệnh, cảm nhận rõ hơi thở của mình. So với trước vụ tai nạn, nó thật... Từ nào mới miêu tả chính xác nhất đây? "Nặng nhọc" không đúng lắm nhỉ. "Bị đè nén" có vẻ hợp hơn và sát nhất với tình trạng hiện tại của tôi. Hơi thở bị đè nén của tôi một phần là do khuôn mặt bị biến dạng, một phần do những cái ống dẫn xoắn xuýt chạy xuống cổ họng, và một phần do cái mặt nạ vải gạc của tôi. Thỉnh thoảng, tôi tưởng tượng rằng ngay cả không khí cũng sợ thâm nhập vào cơ thể tôi.

Tôi hé nhìn qua những dải băng quấn quanh người, tò mò xem mình còn lại những gì. Vết sẹo bẩm sinh đã nằm cả đời phía trên tim tôi giờ không còn cô đơn nữa. Thực tế là tôi hầu như không thể tìm ra nó nữa, nó đã có một vị trí ấm cúng giữa đống hoang tàn thô ráp trên ngực tôi rồi. Ngày qua ngày, một đoàn bác sĩ, y tá, chuyên gia vật lý trị liệu lướt vào phòng dồn dập tấn công tôi với hết thuốc mỡ lại đến kem bôi da, xoa bóp vùng đất lở Pompei(10) đỏ rực là làn da tôi. "Giãn cơ thụ động," họ nói với tôi, "rất quan trọng." Giãn cơ thụ động, tôi nghĩ, có mà đau thấu trời thấu đất ấy.

Tôi không ngừng lèo nhèo xin mấy cô y tá cho thêm morphine để thỏa mãn con rắn, chỉ để nhận được câu trả lời rằng vẫn chưa tới lúc. Tôi đề nghị, khẩn nài, kỳ kèo, cả khóc lóc nữa; họ thì cứ khăng khăng rằng họ - đồ khốn - luôn tận tâm làm những điều tốt nhất cho tôi. Quá nhiều thuốc men sẽ làm các cơ quan nội tạng của tôi hoạt động bất thường. Quá nhiều thuốc sẽ làm tôi phụ thuộc vào nó. Quá nhiều thuốc thang, bằng cách nào đó, sẽ làm tình hình xấu thêm.

Có một con rắn ký sinh trong tôi. Tôi bị cầm tù trong lồng ngực của một bộ xương. Chiến tranh Việt Nam, có vẻ như thế, tồn tại vì lợi ích của tôi. Các ngón chân ngón tay đều đã bị cắt cụt, và gần đây tôi được biết dù các bác sĩ có thể phẫu thuật tái tạo cơ quan sinh dục cho tôi, tạo dương vật mới từ các mô lấy từ tay hoặc chân tôi, thì tôi cũng sẽ không bao giờ có thể cương cứng được nữa.

Thêm chút thuốc giảm đau có thể làm tình hình tệ hơn đến mức nào đây? tôi băn khoăn.

Khi các cô y tá đã phát ngấy những lời khẩn nài tăng liều thuốc giảm đau của tôi, họ bảo với tôi họ sẽ mời một bác sĩ tâm lý. Cái áo choàng xanh ông ta trùm ngoài trang phục của mình, để bảo vệ các bệnh nhân bỏng, không mấy hợp với ông ta và tôi có thể nghe thấy tiếng vải nhung tăm cọ xát nơi đùi mỗi khi ông ta bước đi. Ngoài cái đầu hói, ông ta nuôi thêm bộ râu dê lờm xờm trong một nỗ lực bất thành để người ta không chú ý đến cái cằm chẻ, và còn chưng ra đôi má béo núc của một người đàn ông với toàn bộ khẩu phần ăn nằm ở máy bán hàng tự động. Con vật giống ông ta nhất hẳn phải là con sóc chuột có vấn đề về tuyến, và ông ta chìa tay ra như thể là người bạn thân mới quen của tôi vậy. "Tôi là Gregor Hnatiuk."

"Không, xin cám ơn."

Gregor cười ngoác miệng. "Không định cho tôi dù chỉ một cơ hội sao?"

Tôi bảo ông ta thích viết gì lên bản đánh giá thì viết và chúng tôi có thể cùng giả vờ rằng đã rất nỗ lực hợp tác. Bình thường, tôi hẳn cũng có nhiều trò với ông ta lắm - nói với ông ta rằng tôi đã bú sữa mẹ trong thời gian quá dài và hiện đang rất nhớ mẹ, hoặc tôi đã bị người ngoài hành tinh bắt cóc - nhưng cổ họng tôi không thể chịu được sức ép nếu nói quá nhiều từ cùng lúc. Tuy thế, tôi vẫn khiến ông ta hiểu được rằng tôi chẳng mấy hứng thú với bất kỳ phương pháp trị liệu nào ông ta đưa ra.

Gregor ngồi xuống và cầm cái kẹp hồ sơ trong tư thế không khác gì cậu học sinh đang cố che giấu sự cương cứng của mình. Ông ta bảo đảm chỉ muốn giúp tôi thôi, rồi huơ tay loạn xạ ra dấu ông ta không có ý định đến đây để "thâm nhập" vào đầu tôi. Khi còn bé, bọn du côn hàng xóm hẳn đã đánh ông ta như cơm bữa.

Tôi cố bật ra được vài từ: "Thêm thuốc giảm đau đi." Ông ta nói không được, và thế là tôi đuổi ông ta đi. Ông ta bảo tôi không cần phải miễn cưỡng nói chuyện, nhưng ông ta muốn chia sẻ vài phương thức tưởng tượng sáng tạo để chống lại cơn đau. Tôi thấm nhuần lời khuyên của ông ta và tưởng tượng sáng tạo rằng ông ta đã rời khỏi phòng.

"Hãy nhắm mắt lại và nghĩ đến nơi anh muốn tới," ông ta nói. "Nơi đó có thể là một kỷ niệm, hay một địa điểm anh muốn đến thăm trong tương lai. Bất cứ nơi nào làm anh cảm thấy hạnh phúc."

Lạy Chúa lòng lành.

Bác sĩ Edwards đã cảnh báo tôi là lần đầu tỉnh táo trải qua ca mổ cắt bỏ mô hoại tử sẽ rất đau đớn, thuốc giảm đau cũng không ích gì, cho dù có tăng liều. Nhưng tất cả những gì tôi nghe được là "tăng liều", và nó làm tôi mỉm cười hạnh phúc, dẫu không ai có thể thấy được nụ cười đó dưới lớp băng gạc của tôi.

Việc tăng liều thuốc nhanh chóng phát huy tác dụng trước khi tôi được đưa đi phẫu thuật, và khi trí óc còn đang mải bay lượn nơi Thiên đường tươi đẹp thì tôi nghe thấy tiếng bước chân hối hả của bác sĩ Edwards, phát ra từ đôi giày tinh tế của bà, vọng đến phòng tôi từ tiền sảnh trước cả khi bà đến nơi.

Bác sĩ Edwards, dù bạn có nhìn từ góc độ nào đi chăng nữa, trông cũng chỉ tạm được. Không xinh cũng chẳng xấu, nếu trau chuốt một chút thì cũng khá dễ coi nhưng bà chẳng mấy khi đếm xỉa đến việc đó. Mái tóc hẳn sẽ gợi cảm hơn nếu bà chịu chải chuốt mỗi sáng, nhưng thường thì bà chỉ buộc túm ra sau, có lẽ là do những lo ngại mang tính thực tế, vì y bác sĩ được khuyến cáo không nên để những lọn tóc xõa quệt vào vết bỏng. Bà hơi mập mạp và đối với những người thích đoán già đoán non thì cũng không phải một ý tồi nếu cược rằng rồi sẽ có lúc bà ngán ngẩm cảnh phải tính toán lượng calo hấp thụ trong mỗi bữa ăn. Bà trông như thể đã bước sang giai đoạn tàn tạ và mặc nhiên chấp nhận thực tế ấy, hoặc có lẽ

bà đã đi đến kết luận rằng, vì mình đang làm việc giữa những người sống sót sau tai nạn bỏng nên quá chú ý đến bề ngoài có khi còn là sự xúc phạm.

Bác sĩ Edwards ra hiệu với tay hộ lý cùng đi, một người đàn ông hồng hào béo tốt mà cơ bắp cứ cuồn cuộn khi anh ta vươn tay về phía tôi. Họ cùng nhau khiêng tôi từ giường sang cáng. Tôi kêu the thé như con lợn bị mắc kẹt, trong một thoáng chợt nhận ra cơ thể mình đã quen với trạng thái bất động đến thế nào.

Khoa bỏng thường nằm ở cánh xa nhất của bệnh viện, vì bệnh nhân bỏng rất dễ bị nhiễm trùng nên họ phải bị cách ly với các bệnh nhân khác. Quan trọng hơn, có lẽ thế, là sự sắp đặt ấy sẽ giảm thiểu khả năng những người đến bệnh viện vô tình gặp phải một Người Nướng Kentucky. Phòng phẫu thuật cắt bỏ mô hoại tử, tôi không thể không để ý, là phòng xa nhất ở cái cánh xa nhất này. Đến khi ca phẫu thuật kết thúc, tôi nhận ra rằng nó còn giúp các bệnh nhân bỏng khác không nghe thấy tiếng la thét.

Tay hộ lý đặt tôi nằm trên một chiếc bàn dốc bằng thép nơi nước ấm, được hòa chung với thuốc để cân bằng các phản ứng hóa học trong cơ thể tôi, chảy ngang qua mặt bàn trơn bóng. Bác sĩ Edwards tháo băng gạc để lộ ra phần thịt đẫm máu trên người tôi. Cứ mỗi lần bà thả gạc vào chiếc xô kim loại là tiếng rơi đánh bẹt lại vang lên. Khi bà rửa vết thương cho tôi, sự ghê tởm hiện lên trên khóe môi trễ xuống, vẻ không vui thể hiện trên những đầu ngón tay bà. Dòng nước chảy qua người tôi cuộn xoáy một màu hồng. Rồi hồng đậm, đỏ nhạt, đỏ đậm. Dòng nước tối thẫm ấy cuộn quanh những mảng thịt trông chẳng khác gì đống ruột cá trên thớt.

Tất cả những điều này chỉ là khúc dạo đầu cho sự kiện chính sắp xảy ra.

Cắt bỏ mô hoại tử là phương pháp cắt xẻ con người, cắt đến khi không chịu được thì thôi. Về mặt kỹ thuật, đó là cách loại bỏ các mô chết hoặc bị nhiễm trùng khỏi vết thương nhằm giúp tế bào da khỏe mạnh phát triển thay thế. Bản thân thuật ngữ này bắt nguồn từ danh từ tiếng Pháp débridement, nghĩa đen là "sự thả lỏng cương". Cấu tạo từ nguyên khá đơn giản: sự cắt bỏ tế bào nhiễm trùng khỏi cơ thể - việc loại trừ những thứ gây nên sự kiềm tỏa - làm người ta liên tưởng đến hình ảnh tháo yên cương khỏi con ngựa, vì bản thân cái yên chính là sự kìm hãm. Người bị hoại tử mô nên được giải phóng khỏi chất gây ô nhiễm, có thể cho là vậy.

Da tôi bị tổn thương nhiều đến nỗi cắt lọc các mô chết đồng nghĩa với việc loại bỏ gần như tất cả mọi thứ. Máu tôi bắn lên người bác sĩ Edwards, để lại những vệt đỏ dài trên ngực áo bà, khi bà dùng một dụng cụ trông giống dao cạo râu để cạo những phần thịt nát rữa của tôi, chẳng khác gì cách chiếc máy gọt vỏ rau quả.

Cách gọi Bác sĩ Edwards có vẻ dài quá - Không, nó quá trang trọng. Tình thế làm chúng tôi còn gần gũi hơn cả những cặp tình nhân bi thảm nhất, thế nên sao lại không dùng tên của bà

nhỉ? Nan lướt những vệt dài lên lưng tôi. Tôi có thể nghe thấy tiếng lưỡi dao xoẹt qua xoẹt lại dọc thân thể mình, tách các phần da khỏi nhau. Cách duy nhất để bà biết đâu là phần mô lành là cứ lướt dao vào đó. Nếu tôi rú lên đau đớn có nghĩa là bà đã cày đủ sâu để chạm tới đầu dây thần kinh của tôi. Như William Blake đã viết trong tác phẩm The Marriage of Heaven and Hell (Hôn lễ của Thiên đường và Địa ngục): "Bạn sẽ không bao giờ biết được thế nào là đủ trừ phi bạn biết thế nào là hơn cả đủ."

Nan đặt những lát thịt mỏng của tôi vào cùng cái xô kim loại chứa băng gạc bẩn. Cảm giác không khác gì đang nhìn thấy chính bản thân mình biến mất, lá cờ biểu tượng cho sự tồn tại của tôi mỗi lần lại bị thổi bay đi một milimet. Cảm giác đau đớn, hòa lẫn với morphine, tạo ra những hình ảnh thú vị nhất xẹt qua đầu tôi: thượng nghị sĩ Joe McCarthy gào lên "Thà chết còn hơn theo Cộng sản"; một người thợ mộc làm thập tự giá cho những kẻ sắp bị đóng đinh; tiết giải phẫu trong lớp sinh học, với các em học sinh lớp tám cầm dao rạch bụng mấy con ếch.

Ngay sau khi tôi cắt bỏ xong mô hoại tử, vùng thịt trơ trọi sẽ cần được cấy ghép da, da người chết hoặc da lợn. Chẳng ảnh hưởng gì lắm, vì cơ thể tôi thải loại hết. Điều này cũng đã được các bác sĩ dự đoán trước; vì sự ghép mô không mang tính bền vững, chúng chủ yếu chỉ có tác dụng tránh nhiễm trùng.

Trong suốt thời gian ở bệnh viện, tôi bị lột sống hết lần này đến lần khác. Xét trên nhiều khía cạnh thì bị lột da còn kinh khủng hơn việc bị bỏng ban đầu nhiều vì trong khi tai nạn đến một cách bất ngờ thì lịch lột da lại luôn là điều được biết trước, và tôi cứ việc nằm trong cái bụng của bộ xương, kinh sợ cảnh con dao mổ sắp lướt từng nhát lên người, tưởng tượng ra hàng trăm lần trước khi chuyện đó xảy ra thật.

Việc dùng morphine do tôi tự điều chỉnh - để tôi "có quyền tự quyết", họ nói thế - và tôi nhấn nút như điên. Nhưng có một giới hạn chết tiệt về tổng liều lượng khiến tôi không thể tự dùng quá liều được: quá nhiều so với quyền tự quyết.

Cho tới năm hai mươi ba tuổi, tôi đã đóng hơn một trăm bộ phim khiêu dâm, chất lượng đủ loại. Hầu hết những bộ phim hồi đầu đều khá đơn giản nhưng cũng có một số phim, thời kỳ sau này, được tôi đánh giá là có tính nghệ thuật thực sự.

Đóng phim khiêu dâm cũng giống như bất cứ công việc nào khác: bạn khởi nghiệp với những công ty hạng ba rồi khi hồ sơ đã dày lên, bạn cứ thế mà tiến thôi. Hồi đầu tôi làm việc với những đạo diễn chỉ nhỉnh hơn bọn không chuyên chút xíu - nhưng, mặt khác, tôi cũng vậy, khi đó vẫn chưa ý thức được rằng tình dục, hay nói cách khác là phim khiêu dâm, không phải là cứ hùng hục như chày giã cối cho đến lúc đạt cực khoái.

Tôi học sex theo cái cách mà tất cả mọi người đều học, bằng thực hành; duy có chuyện này thì thư viện tỏ ra hoàn toàn vô dụng. Thực hành, chứ không phải lý thuyết, dạy tôi rằng diễn

viên không thể lên đỉnh mà không làm người xem thất vọng - nhưng anh ta cũng không thể cứ làm chuyện ấy suốt mà không cảm thấy nhàm chán, và đây là thế cân bằng cần phải đạt được. Tương tự, tôi học được rằng chẳng có tư thế chuẩn nào cả, và việc thay đổi tư thế chỉ thực sự có hiệu quả nếu hòa nhịp được với cơ thể đối phương.

Tôi không muốn khoe khoang, nhưng quả thực sự tiến bộ của tôi thật đáng ngưỡng mộ. Mọi người đều thấy thế: lời mời tôi đóng phim ngày càng tăng, đạo diễn của tôi trở nên nổi tiếng, bạn diễn nữ của tôi thành thục hơn, và thu nhập của tôi tăng. Tiếng tăm của tôi, về trình độ diễn xuất và sự nỗ lực, được cả khách hàng lẫn những người trong ngành biết tới.

Cuối cùng, tôi không còn cảm thấy thỏa mãn khi chỉ làm việc ở một phía của máy quay nên bèn đề nghị được làm ở các bộ phận khác nữa. Đội ngũ nhân viên luôn trong tình trạng quá tải rất hạnh phúc khi được đỡ một tay; vậy là tôi giúp họ điều chỉnh thiết bị chiếu sáng, tiện thể hỏi luôn cánh quay phim làm thế nào để biết bóng sẽ đổ vào đâu. Tôi cũng thường quan sát cách đạo diễn dựng cảnh, và cho tới lúc này, tôi đã có đủ kinh nghiệm diễn xuất để thỉnh thoảng có thể đưa ra vài gợi ý hay ho cho đạo diễn. Nếu nhà sản xuất gặp vấn đề - một cô diễn viên đột ngột bỏ vai vào phút cuối hay một cái camera bị hỏng - tôi có đủ bạn bè trong ngành để chỉ sau vài cuộc gọi ngắn đã giải quyết xong xuôi vấn đề.

Chẳng mấy chốc, tôi trở thành nhà văn, ít nhất thì cũng là người viết được kịch bản cho phim khiêu dâm. Nhà văn có thể đặt ra tình huống, nhưng khi đến mục hành động thì anh ta chỉ có thể viết ĐÂY LÀ CẢNH NÓNG. Mỗi diễn viên một diễn xuất: người từ chối đóng cảnh quan hệ tình dục qua đường hậu môn, người không chịu đóng cảnh quan hệ đồng giới, vân vân và vân vân, và vì không bao giờ biết trước được diễn viên sẽ đóng cảnh đó như thế nào nên bạn không thể viết quá chi tiết được. Quyết định cuối cùng luôn luôn được đưa ra tại trường quay.

Dù cơn nghiện cứ như những con muỗi trắng khổng lồ thiêu đốt tôi mỗi sớm, tôi cũng không phải gã trai trẻ thiếu khôn ngoan. Tôi nhận thức rõ lợi thế tài chính mà ngành công nghiệp phim đen mang lại - dù nền kinh tế có trở nên thế nào thì thị trường này vẫn luôn có chỗ đứng - nhưng không chỉ có thế. Tôi thích viết kịch bản và diễn xuất, tôi nghĩ chúng ít nhất cũng thỏa nguyện được khát khao nghệ sĩ trong tôi và đó cũng là một ngành thương mại. Sau khi làm đạo diễn cho vài bộ phim, tôi nhận ra rằng cách kiếm tiền thực thụ không phải là diễn trong bộ phim của ai mà là mời được ai diễn xuất trong bộ phim của mình. Thế là tôi lập công ty sản xuất phim riêng khi tuổi đời còn khá trẻ và trở thành một "nhà sản xuất phim thành công với thu nhập khổng lồ".

Thỉnh thoảng, tôi thấy giới thiệu mình theo cách này có vẻ hay hơn là kẻ viết dâm thư.

Đương nhiên tôi không phải bệnh nhân duy nhất trong khoa bỏng. Người bệnh đến rồi đi. Có người kết thúc đợt điều trị và tiếp tục sống, cũng có người chết đi. Ví dụ nhé: một bệnh

nhân tên Thérèse, một cô bé vô cùng tuyệt vời với mái tóc vàng óng và đôi mắt xanh như ngọc sapphire.

Nhìn Thérèse, bạn không thể ngờ rằng em bị bỏng, vì em phải chịu đựng sự phá hủy từ bên trong. Thérèse bị phản ứng dị ứng - không khác gì một lò hóa chất cháy trong phổi vậy - trước chất kháng sinh tiêm vào cơ thể để giảm các cơn hen suyễn. Tôi tình cờ nghe thấy một bác sĩ giải thích cho một thực tập sinh: "Đối với cô bé, chuyện đó giống như nốc cả một ngụm to chất độc da cam ấy."

Mẹ của Thérèse, trong bộ đồ màu xanh đậm dành cho người nhà bệnh nhân, làm cả căn phòng ngập ngụa trong biển hoa nhựa. (Hoa thật, mang hàng triệu con vi khuẩn, có thể là tác nhân gây tử vong với chúng tôi.) Mẹ em rất sùng đạo và luôn nói với cô con gái bé nhỏ của mình rằng mỗi sự kiện xảy ra trên cõi đời này đều là một phần trong Kế hoạch Vĩ đại của Chúa. "Chúng ta không thể hiểu tại sao mọi chuyện lại xảy ra như thế, chỉ biết được rằng Chúa luôn chuẩn bị sẵn những phương án lớn lao cho mỗi chúng ta. Lý do của Người rất chính đáng, chỉ có điều có lẽ chúng ta chưa hiểu được thôi." Riêng tôi thì cho rằng chẳng hay ho gì khi nói với một cô bé mới bảy tuổi đầu rằng Kế hoạch Vĩ đại của Chúa là đốt cháy phổi của em ấy.

Howard cũng là một bệnh nhân trong khoa bỏng. Anh bị bỏng từ trước khi tôi đến rất lâu, trong một vụ cháy nhà do người bà bị bệnh Alzheimer của anh ngủ quên với điếu thuốc lá cháy dở kẹp giữa hai ngón tay. Người bà không qua khỏi nhưng anh thì có, và bây giờ anh đang rất chăm chỉ thực hành các bài tập hồi phục chức năng. Anh tập đi bằng nạng, tập tay với những quả tạ nhỏ bằng bạc, anh đi mười bước một ngày rồi mười hai bước ngày tiếp theo. Mắt anh sáng bừng với mỗi thành tựu đạt được, anh không ngớt nói với tôi rằng mình sẽ "vượt qua thử thách này" và sẽ "sống lại cuộc đời mình." Những tuyên bố hùng hồn này chỉ càng mãnh liệt hơn sau khi cô vợ chưa cưới tuyên bố với anh rằng sẽ không có cưới xin gì nữa hết.

Khi Howard ra viện, cả gia đình anh cùng một tá bạn bè (gồm cả cô nàng từng-là-vợ-chưa-cưới) đã tới khoa bỏng chúc mừng. Họ mang một chiếc bánh ga tô đến và nói trông anh tuyệt đến thế nào và họ tự hào về anh ra sao. Howard đã nói rằng "đây là ngày đầu tiên trong cuộc đời còn lại của tôi." Đó đúng là một bữa tiệc khoa trương khủng khiếp, thậm chí cả cái cách họ đột ngột thu dọn đồ đạc cho anh cũng vậy. Howard lê bước về phía giường tôi, nắm lấy bàn tay còn lành lặn của tôi. "Tôi đã nói với cậu là tôi có thể đánh bại được nó. Tôi đã nói với cậu vậy mà. Cậu cũng có thể làm được như thế!" Anh nháy mắt trong nỗ lực truyền động lực cho tôi nhưng, do sự co cơ quanh vùng mắt, cái nháy mắt ấy chỉ làm tôi nghĩ đến hình ảnh một con ruồi đang cố gắng thoát ra khỏi miệng bồn cầu.

Khi ra khỏi phòng, với cha mẹ tháp tùng hai bên, anh không ngoái nhìn lần cuối phòng điều trị bỏng, căn phòng đã gắn bó với anh suốt nhiều tháng qua; tôi có thể thấy rõ anh không hề muốn nhìn lại.

Theo tôi, quả thật là một câu chuyện cảm động về chiến thắng vẻ vang của con người: sự quyết tâm, tình yêu của gia đình và bạn bè, cả suy nghĩ tích cực nữa! Nhưng, thật ra, anh lừa được ai kia chứ? Vợ chưa cưới bỏ anh một cách rất hợp tình hợp lý - người nào sẽ (có thể) yêu nổi một con quỷ chứ? Liệu anh có thể làm tình được nữa không? Liệu anh có thể đi suốt cuộc đời với cha mẹ kè kè bên cạnh giúp anh giữ thăng bằng như thể anh mãi mãi là một đứa trẻ hai tuổi? Trong cái tình cảnh ấy, tôi tự hỏi, chiến thắng ở đâu ra kia chứ?

Howard đã nỗ lực hơn tôi nhiều. Tôi đã nghe anh kể về nỗ lực cải thiện sức khỏe của anh. Tôi đã nghe tất cả mọi người nói anh trông dễ thương ra sao trong khi thực tế, anh chẳng khác gì một con quái vật mà bất cứ người bình thường nào gặp trên đường cũng phải tránh xa. Tôi muốn thét lên khi anh nắm tay mình, vì thậm chí cả tôi cũng không muốn bị anh chạm vào. Tôi ghê tởm anh, ghê tởm cái thứ này, người anh em của tôi.

Phản ứng của tôi chẳng mấy liên quan đến anh ấy, thật đấy; nó đơn thuần xuất phát từ nhận thức rằng dù có làm gì đi nữa, tôi cũng sẽ không bao giờ có thể trở lại như cũ. Tôi có thể luyện tập hằng ngày, tôi có thể chịu đựng hàng ngàn cuộc phẫu thuật, nhưng rốt cuộc vẫn chỉ là cái mụn rộp xấu xí mang hình dạng con người. Chẳng có phương thuốc nào có thể chữa trị cho tôi cả. Đó là điều tôi học được sau những thành tựu của Howard. Đó là thứ tôi hiểu được khi nằm trong bụng một bộ xương và xương sống của mình thì bị con rắn kia nuốt chửng. ANH TA CŨNG CHỈ NHƯ NGƯƠI MÀ THÔI, mụ ta rít lên, NHƯNG VỚI MỘT TÂM HỒN TỐT ĐẸP HƠN.

Nhận thức khủng khiếp nhất: cho dù tôi có thể trở lại là tôi trước tai nạn thì chuyện đó cũng tốt đẹp đến thế nào được chứ? Phải, tôi đã rất đẹp trai. Phải, tôi đã có tiền bạc, sự nghiệp nhưng (cứ nói thẳng toẹt ra nhé) tôi từng là một thằng nghiện thối nát chuyên đóng phim đen. Nghe nói bạn bè tôi, những kẻ đã cùng cười phá lên trước những câu chuyện hài của tôi khi cả bọn ngồi hút hít trên thành bể bơi nhà tôi, đã đến thăm lúc tôi còn hôn mê - nhưng đứa nào cũng chỉ nhìn tôi không đến một phút rồi quay ngoắt bỏ đi, không hẹn ngày gặp lại. Chỉ cần liếc nhìn họ cũng thấy rằng những ngày hút hít của chúng tôi đã mãi mãi là dĩ vãng rồi.

Sau khi tôi tỉnh lại, người duy nhất có thiện chí thật sự là Candee Kisses, một cô gái đáng yêu đóng phim hạng ba chỉ vì cả thế giới đều bất công với cô ấy. Mười bảy tuổi, quá mệt mỏi với việc bị cha dượng hãm hiếp, cô rất sẵn lòng làm bất cứ điều gì để thoát khỏi vòng cương tỏa của lão ta. Và cô đã làm được. Có lẽ giờ cô đang sống ở một trang trại đâu đó, cưới một chàng trai cần cù chăm chỉ tên là Jack, Paul hay Bill, thay vì kiếm sống bằng việc thổi kèn trước máy quay.

Candee đến được vài lần, mang những món quà nhỏ và cố gắng động viên tôi với những câu nói đại loại như tôi đã may mắn thế nào khi còn sống nhưng chủ yếu cô chỉ khóc. Có lẽ cô khóc vì bề ngoài của tôi; hay chính xác hơn, cô khóc cho chính bản thân mình. Sau ba chuyến viếng thăm, tôi bắt cô hứa không quay lại nữa. Cô đã giữ lời. Và giờ mới là chuyện nực cười. Tôi biết cô được hơn năm năm rồi, đã làm chuyện ấy với cô, đã nghe những chuyện cô kể về lão cha dượng, nhưng tôi không hề biết tên thật của cô. Có lẽ đấy là một trong những thứ bạn phải bỏ lại đằng sau khi lựa chọn một cuộc sống mới.

CHƯƠNG 4

au khi Howard cùng bố mẹ anh biến mất sau cánh cửa phòng điều trị bỏng, tôi trở nên mất tự chủ. Ngực tôi thắt lại khi cả sự tức giận lẫn tự thương cảm bản thân bùng lên khiến tôi như muốn nôn, rồi cái cổ họng thảm hại của tôi chỉ cho phép những hơi thở dài hổn hển, rin rít thoát ra mà thôi.

Rồi cô bé tên Thérèse đi đến chỗ tôi. Đó thật là một nỗ lực đáng kinh ngạc, đầy đau đớn đối với em, và với mỗi ngụm không khí em hít vào, tôi có thể nghe được cả tiếng phổi em kêu lạo xạo. Em dường như không còn chút sức lực nào khi đến được bên giường tôi. Em bò lên giường và nắm tay tôi. Không phải bàn tay phải còn lành lặn mà là bàn tay trái đã bị lửa hủy hoại với một ngón tay rưỡi bị mất, em cầm lấy như thể nó là một bàn tay bình thường. Tôi cảm thấy cực kỳ đau đớn khi bị chạm vào chỗ đó và, tuy rất cảm kích sự gần gũi dù làm tôi nhức nhối, tôi khẩn khoản bảo em đi ra.

"Không," cô bé đáp lại.

Tim tôi vô tình loạn nhịp. "Cháu không thấy chú trông như thế nào sao?"

"Có," cô bé nói. "Chú trông y như cháu thôi."

Đôi mắt xanh to, vẫn lấp lánh bất chấp nỗi đau, không rời khuôn mặt biến dạng của tôi.

"Đi đi," tôi ra lệnh.

Cô bé nói em cần nghỉ một chút trước khi quay trở lại giường, rồi nói thêm: "Trong mắt Chúa, chú rất đẹp, chú có biết không."

Cô bé nhắm mắt lại và tôi ngắm khuôn mặt em khi sự kiệt sức cuốn em vào giấc ngủ. Rồi mắt tôi khép lại, ngay tức khắc.

Các y tá nhanh chóng đánh thức tôi dậy. Thérèse ở đó, trên giường tôi, tay cô bé vẫn nắm lấy tay tôi, không thở nữa.

Chuyện xảy ra chỉ trong nháy mắt.

Được thôi, tôi thừa nhận: Tôi đã thử phương pháp tưởng tượng sáng tạo mà Gregor gợi ý.

Tôi thở chậm lại và tập trung làm cơ thể mình cảm thấy nặng nề hơn, bắt đầu với hai ngón chân còn sót lại: nặng, nặng. Rồi đến bàn chân, rồi đến mắt cá chân. Tiếp theo tôi nghĩ về hai bắp chân nặng trịch, hai đầu gối nặng trịch, rồi cặp đùi nặng trịch của tôi. Cứ thế tiếp lên, thân mình, ngực, cổ, đầu... tập trung vào việc thở: hít vào, thở ra, hít vào, thở ra, thật đều đặn, thật bình tĩnh...

Đây là lúc tôi bắt đầu nghĩ đến âm đạo. Tôi nghĩ chuyện này cũng tự nhiên thôi, vì tôi đã thâm nhập vùng cấm hàng trăm lần rồi. Có những người đàn ông khiến bạn tin rằng phụ nữ

ai ai cũng đều có cảm giác giống nhau, nhưng hiển nhiên là những gã này chưa ăn nằm với nhiều phụ nữ. Mỗi âm đạo đều có cấu trúc riêng, độ sâu và độ ẩm riêng: mỗi cái đều có một nhân cách riêng. Đó là sự thật.

Tôi rất giỏi làm chuyện ấy. Đó vừa là sở thích vừa là nghề. Ngoài giờ làm việc, niềm đam mê của tôi là tìm những người phụ nữ đối lập hoàn toàn với bạn diễn. Nếu bạn làm việc tại một nhà hàng Pháp, bạn có muốn ăn ốc sên vào ngày nghỉ không? Hiếm lắm. Bạn sẽ đi kiếm món khác tại quán ăn gần đấy. Nếu bạn làm trong ngành sản xuất truyền hình, bạn sẽ kết thúc một ngày của mình bằng việc đọc sách. Và, với tư cách là một người làm tình chuyên nghiệp với các cô nàng nóng bỏng ngực độn đầy silicone, tôi thấy việc thử chơi các loại gái khác thật thú vị. Bằng lời lẽ tận tình, không chân thành cho lắm, nhưng được nói ra để cho có vẻ như thế, tôi có thể vẽ ra những giấc mơ hoành tráng nhất và một số phận được hoạch định kỹ càng. Với tài ăn nói của mình, tôi tự giới thiệu với 1001 kiểu gái, từ nàng Scheherazade đến nữ sinh trường Southside Selma.

Giao hợp trước ống kính không đem lại nhiều hưng phấn vì cả ê kíp đều mặc quần áo đầy đủ, séc thì được gửi qua hòm thư, và lãng mạn ở đâu kia chứ? Nhưng cảm giác tôi có được từ việc chiếm lấy - từ việc giành lấy - những người phụ nữ không tham gia vào trò chơi tình dục đó là một điều hoàn toàn khác biệt. Tôi có thể thỏa mãn với các bà nội trợ, nữ cảnh sát và các cô thư ký. Biên tập sách. Nữ cao bồi. Vận động viên điền kinh không chuyên, nữ ngư dân, người trồng cây, nữ nhà văn, đấu vật chuyên nghiệp, họa sĩ, nữ phục vụ bàn, giao dịch viên ngân hàng, giáo viên trường Chủ nhật, nhà tạo mẫu và cả các nữ công chức nữa. Mẹ bạn, chị bạn, bạn gái bạn. Tôi có thể nói bất cứ điều gì để sở hữu một người phụ nữ, dù chỉ trong một giờ. Tôi giả vờ là người theo cánh tả hay cánh hữu, anh chàng nghệ sĩ, nam tính hay nhạy cảm, đòi hỏi hay rụt rè, giàu có hay nghèo khổ, người Công giáo hay Hồi giáo (chỉ có một lần thôi), người ủng hộ phong trào tự do phá thai hay phản đối phong trào tự do phá thai, kẻ sợ người đồng tính, dân bóng (đối với những phụ nữ thích quan hệ với đàn ông đồng tính), người yếm thế hay kẻ lạc quan cuồng nhiệt, nhà sư, cả mục sư dòng Luther nữa. Bất cứ ai tùy vào tình thế.

Tôi nhớ một phụ nữ tên là Michelle. Quan hệ với cô là lần tôi tiến tới mốc hoàn hảo nhất trong chuyện phòng the. Cô là nữ hầu bàn có cái bụng hơi ngấn mỡ, người thoảng mùi trứng rán với nước xốt thịt và một vết sẹo mổ ruột thừa. Tôi đã chứng kiến cảnh hai vợ chồng cô cãi nhau kịch liệt bên ngoài quán cà phê nhếch nhác nơi cô làm việc. Anh chồng bỏ đi còn cô ngồi xuống chiếc ghế băng công viên, quyết không nhỏ một giọt nước mắt. Tôi tiến lại gần, rất nhanh chóng chúng tôi nói chuyện với nhau, rất nhanh chóng cô ấy cười trở lại, rất nhanh chóng chúng tôi về nhà tôi. Hai người có dùng một chút cocaine, cười nhiều hơn một chút và rồi bắt đầu đấm yêu vai nhau. Khi mới bắt đầu, chúng tôi làm chuyện ấy rất khẩn trương, và rồi chúng tôi ngạc nhiên trước sự đê mê mà nó đem lại, những tiếng rên rỉ phát

ra. Cô ấy lại cười, tôi cũng thế, rồi cô ấy khóc; cô ấy khóc suốt - không phải vì phiền muộn, mà vì được giải tỏa khỏi phiền muộn.

Chúng tôi tiếp tục hàng giờ liền. Dường như chúng tôi cứ lang thang trên một vách đá dốc đứng nơi tất cả dây thần kinh đều thức tỉnh. Cô nói với tôi mọi chuyện trong (và ngoài) giường ngủ của hai vợ chồng cô. Cô nói với tôi cô sợ sẽ không bao giờ có thể thực sự yêu chồng mình. Cô nói với tôi về những ham muốn với người anh rể và cách cô tự sướng giữa nơi công cộng khi nghĩ rằng - mà thật ra không phải thế - không có ai để ý, và cô kể cho tôi nghe chuyện cô đã ăn trộm những thứ đồ lặt vặt trong cửa hàng nơi góc đường vì việc đó làm cô cảm thấy hưng phấn. Cô nói với tôi cô tin vào Chúa và cô thích nghĩ đến việc Người đang quan sát cô làm những chuyện này. Tôi bảo cô rằng cô là người phụ nữ thật bận rộn. Chúng tôi vẫn không dừng cuộc mây mưa và tôi thấy mình cũng bật khóc trước cảm giác tự nhiên mà nó mang lại.

Da tôi sẽ chẳng bao giờ có lại được cảm giác như thế, quá nhạy cảm với đối tác đến mức tôi không biết chắc cô đã kết thúc ở đâu và tôi bắt đầu ở chỗ nào. Không bao giờ nữa. Không bao giờ da tôi có thể lại là một công cụ giao tiếp hoàn hảo đến thế; với việc đánh mất làn da của mình cho ngọn lửa tàn nhẫn, tôi mất luôn cơ hội làm cho nó tan vào cơ thể người khác. Giá như được một lần như vậy, tôi chủ yếu sẽ cảm thấy hạnh phúc vì đã tìm được cách kết nối vật chất như thế, nhưng chắc chắn tôi mong muốn chuyện ấy sẽ được thực hiện với người nào đó tôi đã gặp gỡ sau vụ tai nạn.

Có lẽ tôi đã phạm sai lầm khá rõ ràng và dai dẳng trong rất nhiều cuộc phiêu lưu tình ái. Nhưng, mặt khác, có lẽ cũng không phải thế. Xin hãy xét lại rằng tôi đã đem lại khá nhiều niềm an ủi cho các quý bà đau khổ. Liệu có phải là vấn đề không nếu Wanda Hay-là-gì-ấy-nhỉ tin rằng tôi là một họa sĩ không hợp thời, vừa ly dị vợ? Chồng cô ta coi chuyện nhậu nhẹt bia rượu với lũ đực rựa thú vị hơn đưa vợ đi khiêu vũ, vì thế việc vui vẻ với một kẻ xa lạ đã mang đến một thế giới hoan lạc cho cô ta. Chìa khóa cho toàn bộ nỗ lực này là tôi có khả năng cuộn mình ngay lập tức vào thế giới tưởng tượng phong phú của mỗi người phụ nữ. Để làm được điều này, để giải mã một con người nhằm mang lại cho cô ta những gì cô ta muốn và cần, là cả một nghệ thuật, và tôi là nghệ sĩ làm tình tài ba.

Những người đàn bà đó không hề muốn con người thật của tôi, và họ cũng chẳng cần tình yêu. Họ chỉ muốn đi tàu nhanh, thứ có thể hâm nóng cặp đùi tươi mát của họ, thứ để họ bô bô tại các câu lạc bộ người yêu sách. Trong mắt họ, tôi chỉ là một cơ thể sinh học - một sinh vật đẹp đẽ khác thường - để họ lợi dụng cho mục đích khám phá những khát khao thật sự của mình mà thôi.

Đây là sự thật: tất cả chúng ta đều khao khát chinh phục người đẹp, vì nó giúp khẳng định giá trị bản thân. Nhân danh những người đàn ông trên khắp thế giới, chúng tôi muốn sở hữu vẻ đẹp của những người phụ nữ mà chúng tôi quan hệ. Chúng tôi muốn nắm lấy vẻ đẹp

ấy, giữ thật chặt trong những ngón tay bé nhỏ tham lam của mình, muốn thực sự sở hữu nó trọn vẹn, biến nó thành của mình. Chúng tôi muốn làm điều đó những lúc phụ nữ rực rỡ trong cơn cực khoái. Thật hoàn hảo. Và trong khi tôi không thể nói thay cho các chị em, tôi có thể tưởng tượng được rằng họ - dù có thừa nhận hay không cũng vậy thôi - đều muốn những điều tương tự: sở hữu đàn ông, chiếm lấy vẻ đẹp mạnh mẽ của anh ta, dù chỉ trong giây lát.

Tóm lại, sự lừa dối của tôi thì làm nên sự khác biệt gì chứ? Tôi không bị AIDS cũng chẳng bị mụn rộp, và tuy tôi từng bị tiêm vài phát vào mông thật đấy, nhưng ai mà lại chưa từng hả? Một chút penicillin có thể làm được nhiều việc lắm. Nhưng mặt khác, sau khi cái ấy của bạn đã bị cắt thì thật dễ nhung nhớ về cái thời nhiễm trùng sinh dục nhẹ.

Tưởng tượng sáng tạo có lẽ không phải thứ dành cho tôi.

Connie, trực ca sáng, trẻ nhất, tóc vàng nhất và xinh nhất trong số ba cô y tá của tôi, cô thường kiểm tra băng gạc cho tôi khi tôi thức dậy. Nhìn chung cô quá hớn hở so với sở thích của tôi, nhưng cô lại sở hữu một nụ cười đáng yêu, răng chỉ hơi khấp khểnh chút thôi và lúc nào cũng "Xin chào!" một cách rất chân thành. Một lần khi tôi hỏi tại sao cô luôn tỏ ra thân thiện như thế - một câu nói tuôn ra chẳng dễ dàng gì nhưng rốt cuộc cũng thoát được khỏi miệng tôi - thì Connie trả lời rằng cô "không muốn làm người xấu". Thật vô cùng quyến rũ khi cô thậm chí không tưởng tượng nổi sao tôi lại mất công hỏi một câu như thế trước tiên. Trong nỗ lực làm người tốt ấy, rất hiếm khi cô vào ca mà không mang vài món quà nhỏ cho tôi - một lon soda cô cầm còn tôi hút qua ống hút, hay một bài báo mà cô sẽ đọc to cho tôi nghe vì cô nghĩ nó có thể làm tôi thích thú.

Beth, người lớn tuổi hơn nhiều hai cô còn lại, mát xa cho tôi vào mỗi buổi chiều. Cô quá gầy và quá quan trọng hóa mọi thứ. Tóc cô xoăn, thỉnh thoảng còn hơi rối nữa, nhưng bạn có thể nói ngay rằng cô sẽ không đời nào chịu cắt tóc. Có lẽ là do làm việc quá nhiều năm ở khoa bỏng, nhưng vấn đề ở đây là cô không chịu thay đổi bản thân dù chỉ là một chút.

Mandy, trực ca đêm, trông có vẻ thích đi bar tán tỉnh một anh chàng ngon trai hứng tình nào đó hơn là làm y tá. Hình thức không hẳn là chấp nhận được, nhưng thái độ thì cực kỳ khiêu khích. Thậm chí cả những lúc chăm sóc bệnh nhân bỏng như chúng tôi đây, cô luôn phải chắc rằng hông mình đang chuyển động đầy khêu gợi dưới lần váy trắng. Cô ấy có cái mà tôi hay gọi là một bộ mông tròn lẳn - nghĩa là một bộ mông mà bạn sẽ phải chạy theo sau dù có phải nhảy qua vách đá. Cô là một cô gái rất, rất lẳng lơ, và tôi nghĩ rằng cô trở thành y tá chỉ để có được vẻ ngoài gái-hư-mặc-đồ-y-tá mà thôi. Có lần bắt gặp tôi nhìn mình, cô nói: "Anh hẳn là một gã khốn thực sự trước khi tai nạn xảy ra, phải không?" Đó là một câu khẳng định hơn là một câu hỏi và cô có vẻ không giận dữ mà chỉ thấy thú vị thôi.

Cuối tuần mẹ Thérèse đến thu dọn đồ đạc của con gái. Bà kể cho tôi nghe về đám tang; hiển nhiên là ngài thị trưởng đã gửi một "bó loa kèn hoành tráng" và mọi người hát kinh cầu

nguyện "với giọng ca vang tới tận Thiên đường." Rồi bà trầm ngâm nhìn đăm đắm ra ngoài cửa sổ xuống công viên cuối phố, nơi văng vẳng tiếng trẻ em đang chơi bóng chày. Bà bất thần trông già đi cả chục tuổi, và khi dòng suy tưởng bị đứt quãng, bà tỏ ra cực kỳ lúng túng khi thấy tôi đã chứng kiến cảnh ấy.

"Thế Thé..." bà bắt đầu. "Chị được biết con gái chị đã chết trên giường cậu. Nó có...?"

"Không," tôi trả lời, "cô bé không đau đớn gì hết."

"Sao nó lại đi ra... chỗ cậu?"

"Tôi không biết. Cô bé bảo tôi rằng Chúa nghĩ tôi rất đẹp."

Bà mẹ gật đầu, rồi òa khóc nức nở trước khi kịp nuốt nước mắt vào trong. "Nó là một cô bé ngoan. Nó xứng đáng được hưởng nhiều hơn thế..."

Bà mẹ không thể nói hết câu. Bà quay lưng lại phía tôi và bà càng cố bình tĩnh bao nhiêu, hai vai bà càng rung lên dữ dội bấy nhiêu. Khi cuối cùng cũng có thể quay lại nhìn tôi, bà nói, "Chúa nhân từ không bao giờ cho ta cái ta không thể đối phó được. Cậu sẽ ổn thôi."

Bà bước ra cửa, rồi dừng lại. "Chớ thế nầy há chẳng phải là cái đóm đã kéo ra từ lửa sao?" Bà đứng thẳng lưng. "Đó là Zachariah chương 3 tiết 2. Thế giới thật tuyệt."

Rồi bà kẹp những bông hoa nhựa vào nách và bỏ đi.

Bất cứ ai nằm viện lâu ngày đều biết rằng khứu giác sẽ không còn tinh nhạy do cứ phải hít khí amoniac thường xuyên. Trong một ca lột da với Nan, tôi hỏi, "Tôi có mùi thế nào?"

Bà lau mồ hôi trán bằng mặt sau của ống tay áo trắng và tôi biết bà đang quyết định xem nên nói thật hay nên tìm cách nói nào đó dễ chịu hơn. Về điểm này tôi biết rõ bà: bà sẽ chọn nói thật. Bà luôn luôn thế.

"Không tệ như anh nghĩ đâu. Nó - ý tôi là anh - anh có mùi mốc meo và cũ kỹ. Như một ngôi nhà mà tất cả người cư trú đều bỏ đi hết và không cái cửa sổ nào được mở ra trong một thời gian dài."

Rồi bà quay trở lại làm việc, cạo và sang sửa ngôi nhà đã bị chủ bỏ hoang, tôi muốn bảo bà đừng bận tâm làm gì, nhưng tôi biết Nan sẽ lại bĩu môi và tiếp tục công việc thôi.

Bạn còn lâu mới có thể tự chăm sóc bản thân khi đang nằm viện, những kẻ lạ mặt cứ quấy quả bạn: những kẻ lạ mặt lột sống bạn, những kẻ lạ mặt có lẽ chẳng bao giờ thoa đủ kem Eucerin lên da bạn để giúp bạn bớt ngứa; những kẻ lạ mặt cứ kiên quyết gọi bạn là anh yêu này anh yêu nọ trong khi còn khuya bạn mới là anh yêu này nọ gì; những kẻ lạ mặt cứ tưởng rằng gắn một nụ cười như bức tường khô lên khuôn mặt đáng kinh tởm ấy là sẽ làm bạn thấy hạnh phúc được, những kẻ lạ mặt nói chuyện với bạn như thể não chứ không phải cơ thể bạn đã bị nướng cháy rụi; những kẻ lạ mặt đang cố ra vẻ tử tế bằng việc "làm gì đó

cho những người kém may mắn hơn"; những kẻ lạ mặt khóc nức khóc nở chỉ vì họ có mắt nhìn; và những kẻ lạ mặt muốn khóc mà không thể, và bởi thế trở nên sợ hãi chính mình hơn là bạn - kẻ bị bỏng.

Khi đã quá ngán xem ti vi, tôi đếm những cái lỗ trên trần nhà thủng lỗ chỗ. Tôi đếm lại để kiểm tra kết quả. Tôi ghi vào trong đầu hình ảnh bóng chiều tà lén lút bò xuống những bức tường. Tôi học cách đoán xem một cô y tá đang vui hay buồn qua tiếng bước chân. Tẻ nhạt đã trở thành bạn cùng giường với tôi và dần chiếm chỗ của ga trải giường. Con rắn không ngừng hôn đáy hộp sọ tôi, đồ quỷ cái. TA ĐANG TỚI ĐÂY. Mặt tôi tái nhợt đi, cảm thấy nghẹt thở vì mùi thuốc khử trùng. Tôi muốn trườn xuống ống tiết niệu và chìm vào nước tiểu.

Thế đã là tệ lắm rồi, ấy vậy nhưng Nan còn làm mọi việc tệ hơn bằng cách giải thích với tôi rằng sau khi kết thúc đợt điều trị tại bệnh viện - mà còn nhiều tháng nữa mới kết thúc - tôi sẽ được chuyển đến viện điều dưỡng để "tái hòa nhập" với xã hội. Cuối cùng, bà nói, tôi sẽ có thể tự lo được hầu hết các nhu cầu cá nhân và sống tự lập.

Mười bảy năm sau khi rời khỏi trại trẻ mồ côi, tôi lại tìm đường trở về một viện phúc lợi khác - nhưng khi còn là một đứa trẻ không xu dính túi, ít nhất tôi đã có cả cuộc đời trước mặt. Ba mươi lăm tuổi, tôi là một gã đàn ông kiệt quệ, tàn tạ như một que diêm lụi.

Thế là tôi lắng nghe các bác sĩ và gật đầu đồng ý khi họ nói với tôi về những cuộc phẫu thuật sắp tới, nhưng lẽ ra họ cũng nên cho tôi biết về chuyến đi tới đây của tôi tới thành phố dưới đáy biển chứ. Tôi đã ký tất cả các đơn chấp thuận; tôi ký đơn nhượng nhà cửa và toàn bộ tài sản cá nhân. Ca bỏng như của tôi dễ tốn cả nửa triệu đô la để chữa trị, và chẳng phải tính toán gì nhiều cũng thấy chi phí có thể nhảy lên đến hơn một triệu.

Luật sư của tôi đến, trông thiếu thoải mái trong bộ đồng phục dành cho khách thăm bệnh. Không như những người khách khác, ông ta còn quyết định đeo cả một cái mặt nạ phẫu thuật nữa; bạn sẽ nghĩ ông ấy thật nhân đức khi lo cho tôi, nhưng có vẻ như ông ta hoang tưởng mình sẽ nhiễm thứ bệnh gì đó kinh khiếp lắm thì đúng hơn. Bất luận thế nào tôi cũng thấy rất hợp lý: tôi không thể không ngẩng lên nhìn bộ mặt đeo mặt nạ của ông ta mà không liên tưởng tới hình ảnh một tên trộm xuất hiện để chôm đồ của tôi được.

Ông ta nói rất lấy làm tiếc về tai nạn của tôi, rồi khi màn thăm hỏi xã giao kết thúc, ông ta bắt tay ngay vào việc giải thích những khó khăn nghiêm trọng mà công ty sản xuất của tôi đang vấp phải. Vấn đề cốt lõi là không hoàn thành được hợp đồng chuyển nội dung mới đến các đại lý; việc quay phim phải hoãn lại ngay khi thiếu sự chỉ đạo của tôi tại trường quay, trong khi các cam kết phân phối đều đã được ký. Ông ta nói qua vài lựa chọn, nhưng vì tôi chưa bao giờ đào tạo ai gánh vác trách nhiệm thay thế trong trường hợp mình mất khả năng lao động, chỉ có duy nhất một kịch bản khả thi: phá sản. Ông ta không muốn cứ làm phiền tôi mãi trong "thời kỳ khó khăn", ông ta giải thích, vì thế ông ta đã chuẩn bị hết giấy

tờ giúp các chủ nợ của tôi tiến hành tịch thu và thanh lý tài sản. Dĩ nhiên, ông ta đã đảm bảo khoản lệ phí kê khai phá sản được thanh toán xong xuôi rồi.

Tôi chỉ phải ký tất cả các loại giấy tờ ông ta bày ra trước mặt; để ông ta phắn khỏi phòng càng sớm càng tốt. Sự mỉa mai không buông tha tôi, sau khi kiếm tiền trong ngành kinh doanh xác thịt, giờ tôi phải đánh đổi tất cả tài sản cho da thịt. Chứng thư được ký xong và công ty của tôi ngay lập tức tan thành mây khói, ông luật sư chẳng biết nói gì hơn ngoài câu tôi cảm thấy rất tiếc rồi chuồn khỏi phòng nhanh hết mức.

Và thế là cuộc đời tôi vẫn tiếp tục. Khi các bác sĩ bảo tôi đã có nhiều tiến triển, tôi cố hết sức nặn ra một nụ cười giả tạo. Mấy cô y tá tràn đầy tự hào khi nhìn tôi nắm chặt quả bóng trị liệu bằng bàn tay bị bỏng. Họ nghĩ rằng tôi đang tập để cải thiện sức khỏe, nhưng thật ra tôi chỉ muốn khóa mồm họ thôi. Tôi quá mệt mỏi với thái độ trêu chọc của Maddy, sự nghiêm túc của Beth và vẻ lạc quan của Connie.

Tôi nằm kiên nhẫn trong lúc bôi kem Eucerin, mỗi lần bôi là cả một sự chịu đựng. Sâu trong tâm trí, tôi thường cầu nguyện một cơ hội để từ bỏ tất cả. Có lần, Nan thản nhiên nói rằng các vết thương của tôi là "thách thức kinh điển" đối với một bác sĩ như bà ấy, vậy là tôi chỉ ra rằng tôi không phải vấn đề để bị đem ra giải quyết. Bà lắp bắp. "Đó không phải điều tôi muốn nói. Tôi... tôi, ừm... Anh nói đúng. Tôi đã cư xử không phải, tôi thật sự xin lỗi."

Tôi cảm nhận được hương vị thoảng qua của chiến thắng, nhưng buồn cười thay, tôi hoàn toàn đồng ý với bà, tôi là một vấn đề cần được giải quyết, dù chúng tôi nhìn nó từ những khía cạnh đối lập. Bà nhìn những dải băng của tôi như cái kén ấu trùng mà từ đó tôi sẽ chui ra, còn tôi coi đó như tấm vải liệm xác chết.

Con rắn cái thối tha nằm trên xương sống của tôi cứ quấn đuôi quanh bụng tôi và rít lên cái câu TA ĐANG TỚI ĐÂY VÀ NGƯƠI CHẲNG THỂ CẢN ĐƯỢC ĐÂU. Tôi chẳng thèm bận tâm nữa. Con rắn đang đến gần. Thì sao chứ? Chỉ là thêm một vấn đề nữa vào cái danh sách vô tận những vấn đề mà thôi. Trại tập trung Dachau của phát xít Đức đóng trên mặt tôi. Thân thể tôi, Địa ngục trần thế của Dante, không ngớt hăm dọa sẽ tự sụp đổ bất cứ lúc nào. Lớp da bao phủ cái Địa ngục tâm hồn rỗng tuếch không thể tiếp tục chống đỡ sức nặng của chính nó được nữa; sự thống nhất trong cấu trúc cơ thể tôi, dù ở khía cạnh nào chăng nữa, đều đã bị tổn hại. Một bác sĩ, nghe nói về việc tôi bị mất cái ấy, đã đến thăm và giải thích những tiến bộ mới nhất trong lĩnh vực cấy ghép dương vật, phòng khi tôi có thể được lắp cái thay thế. Trong khi trước đây chỉ có những chiếc cần nối với khớp nối để giúp dương vật cương lên hoặc thả lỏng, giờ đây việc cấy các hệ thống bơm tinh dịch tinh vi đã không còn nằm ngoài tầm tay nữa.

Những tiến bộ kỹ thuật như thế cũng chẳng an ủi được mấy cho một người đàn ông từng được ngưỡng mộ vì khả năng duy trì sự cương cứng trong những thời kỳ tồi tệ. Thời oanh liệt nay còn đâu.

Tôi sẽ chỉ hồi phục sức khỏe đến mức đủ điều kiện ra viện, và trong vòng hai mươi tư tiếng sau khi xuất viện, tôi sẽ chết. Đây là lời hứa của tôi đối với bản thân, và cũng là động lực duy nhất giúp tôi tiếp tục sống.

Tôi là kẻ vô thần.

Tôi không tin trên đời lại có một vị Chúa sẽ trừng phạt tôi vì tội tự sát.

Vì thiếu niềm tin tôn giáo, tôi không bao giờ coi vụ tai nạn là sự trừng phạt của thánh thần cho những hành vi "trụy lạc" của mình. Tôi biết chính xác vì sao tai nạn xảy ra. Vì lúc đó tôi đang phê, tôi có ảo giác hàng loạt mũi tên bay về phía mình. Để tránh những mũi tên tưởng tượng, tôi đã lái xe bay qua một vách đá thật. Xăng trong bình xăng của tôi chỉ phản ứng như xăng bình thường, đó là bốc cháy khi bắt lửa. Khi bị những ngọn lửa nuốt chửng lấy, cơ thể tôi bắt đầu bốc cháy theo định luật của nhiệt động lực học và sinh học. Chẳng có ý nghĩa gì sâu xa hơn cả.

Tôi hiểu rằng có một số người tin vào Chúa sau khi họ gặp bất hạnh, tuy nhiên với tôi điều này có vẻ còn nực cười hơn là tin vào NGƯỜI khi còn hạnh phúc. "Chúa trừng phạt tôi. Người hẳn phải rất yêu tôi." Giống như việc bạn không muốn một mối quan hệ lãng mạn cho tới khi người khác phái đấm cho bạn một cú vào mặt. Sự "sống sót kỳ diệu" không làm tôi thay đổi quan điểm Thiên đường chỉ là một ý niệm được con người tạo nên để giúp họ đối mặt với sự thật rằng cuộc sống trên trái đất vừa cực kỳ ngắn ngủi và cũng, ngược đời chưa, dài lê thê.

Tuy nhiên, với tinh thần nói toạc móng heo, tôi cũng muốn hé lộ vài điều là rất nhiều kẻ hữu thần sẽ khăng khăng phải thông báo về sự bất tín của tôi đối với Chúa. Họ sẽ tranh luận rằng tôi chối bỏ ý niệm Thiên đường vì nếu chấp nhận nó, tôi sẽ phải thừa nhận rằng định mệnh của mình là ở dưới Địa ngục.

Vì tôi đã sát hại ai đó.

Có tiếng thở dài nhẹ nhàng như dải lụa cuộn sóng bất chợt tấn công một tâm hồn đã chấp nhận cái chết đang đến gần. Đó là một túi khí nhẹ trong cuộc sống thường nhật nhiễu nhương. Dải lụa cảm xúc này bay phấp phới - không, "bay phấp phới" là một từ quá tràn trề sức sống - mảnh lụa quấn quanh bạn như thể nó đã bị thổi dạt không ngừng về phía mặt đất và cuối cùng cũng tìm thấy mục tiêu. Lá cờ chiến bại được hạ xuống đầy nhân đạo và, bằng hành động này, thất bại cũng không quá tệ. Thất bại đã bị đánh gục bởi vòng tay âu yếm của chính thất bại, và cái chết thì bị chiến thắng nuốt chửng.

Tiếng rít của con rắn yếu dần và cái chết chạm vào tôi với vẻ âu yếm và chiếm hữu: nó là một lão chủ đang xoa đầu con chó của mình, hay một bậc cha mẹ dỗ dành đứa con đang quấy khóc. Thời gian bắt đầu co lại và ngày gần như không tách rời đêm. Bóng tối bành

trướng như một cơn sóng thần đẹp đẽ, lặng lẽ dâng trào và cơ thể khao khát cháy bỏng những lời ru dịu dàng cùng những bài thánh ca đưa tiễn con chiên về với Chúa.

Tôi có quyền tuyên bố điều này: không gì có thể sánh với quyết định tìm đến cái chết. Tôi đã lập một kế hoạch hoàn hảo và điều đó làm tôi mỉm cười. Nó giúp tôi trôi nhẹ nhàng hơn trên cái giường hơi của mình.

Tôi là một con quái vật bị hắt hủi. Sẽ chẳng ai khóc thương sự ra đi của tôi; thực tế là, tôi đã không còn tồn tại nữa rồi. Ai sẽ nhớ đến tôi chứ - các bác sĩ đã làm ra vẻ quan tâm ư? Nan đã cố hết sức nói những lời tốt đẹp và luôn chìa bộ mặt hy vọng ra với tôi, nhưng bà cũng rất tốt khi không nói dối tôi. Còn tôi thì lại nói dối bà khi giả vờ là mình muốn chữa lành bệnh. Tôi hoàn thiện kế hoạch của mình, suy tính đường đi nước bước trong lúc các cô y tá chăm sóc vết thương cho tôi, đôi bàn tay dịu dàng của họ lướt nhẹ trên cơ thể tôi như những con côn trùng duyên dáng đậu trên đống phân.

Bạn không muốn tự tử bất thành đâu. Đặc biệt khi bạn đang trong trường hợp giống tôi, phải đối mặt với cuộc đời còn lại như miếng há cảo để từ tuần trước. Cách duy nhất làm sự việc tệ hơn là sống đời thực vật hay bị liệt tứ chi, một điều cũng rất dễ xảy ra nếu bạn tính toán sai. Vì thế, hãy để tôi lặp lại lần nữa: bạn không muốn tự tử bất thành đâu.

Kế hoạch của tôi sẽ được thực thi ngay khi xuất viện, vì trong khoa bỏng họ canh chừng tôi kỹ lắm. Ở viện điều dưỡng, sẽ chẳng có khóa khiếc hay bảo vệ gì hết. Để làm gì chứ? Chỗ đó được lập ra để giúp người ta tái hòa nhập với xã hội chứ đâu phải để tránh xa nó.

Tôi vẫn còn vài nghìn đô giấu trong ngân hàng dưới một cái tên giả; còn nhiều hơn cả mức cần thiết. Tôi sẽ rời viện điều dưỡng, lết xuống phố, tìm một ngân hàng và rút tiền. Tại cửa hàng quần áo, tôi sẽ mua một cái áo khoác có mũ để có thể đi đến vùng đất tử thần mà không bị phát hiện. Và rồi cuộc đi săn hấp dẫn nhất sẽ bắt đầu.

Mua một khẩu súng ngắn là việc khá dễ dàng. Tôi đã quyết định tiếp cận Tod "Rác Rưởi" White, một tay bán hàng phi pháp cò con, sẵn sàng bán bà mình để lấy một đô la. Bán được một khẩu súng săn với giá hời sẽ mang lại một nụ cười thớ lợ trên khuôn mặt rỗ chằng rỗ chịt của hắn, và không chừng hắn còn ném cho tôi thêm vài viên đạn khuyến mãi ấy chứ.

Những thứ khác còn dễ kiếm hơn. Dao cạo râu có bán tại bất kỳ cửa hàng tiện lợi nào. Dây thừng có thể tìm được ở kho kim khí góc phố. Thuốc ngủ tại hiệu thuốc trong vùng. Rượu Scotch ở quầy rượu siêu thị.

Sau khi kiếm đủ dụng cụ, tôi sẽ đăng ký phòng ở một khách sạn nào đó. Khi chỉ còn mỗi mình trong phòng, tôi sẽ uống vài viên thuốc chống dị ứng, dù chẳng sốt siếc gì. Tôi sẽ ngồi xem vài bộ phim tươi mát trên kênh truyền hình người lớn của khách sạn, chỉ để hoài niệm một chút. Ai biết được, tôi còn có thể nhìn thấy chính mình trong chương trình giã biệt ấy chứ.

Trong khi xem phim, tôi sẽ mở chốt súng để lắp vài viên đạn vào. Tiếp theo tôi sẽ làm một cái thòng lọng, đặc biệt chú ý đến nút dây. Nó không dùng để thắt cổ mà là để bẻ gãy cổ: một cái nút to, giúp giải quyết mọi việc thật nhanh gọn. Sau khi làm xong cái thòng lọng hoành tráng, tôi sẽ lật nó trên tay vài lần thể hiện sự ngưỡng mộ thành quả lao động của mình và kéo nó đầy tự hào, vì bạn cũng biết là đàn ông thích kéo cái ấy(11) của mình như thế nào rồi mà.

Tôi sẽ lượn ra ban công mang theo thòng lọng và khẩu súng. Hoàng hôn. Tôi sẽ hít đầy lồng ngực không khí buổi đêm. Dang rộng tay để ôm trọn thành phố. Co nắm đấm lại và đấm mạnh vào ngực mình hai cú. Tràn đầy cảm giác mạnh mẽ và nam tính, tôi sẽ thắt chặt sợi dây thừng vào lan can ban công. Tôi sẽ quăng thòng lọng sang phía bên kia, đảm bảo sợi dây đủ dài cho một cú rơi nhẹ nhàng êm ái trước khi nó giật một cú gọn gàng miễn chê. Rồi tôi sẽ cuộn dây lại, cầu mong mình có thể làm y hệt với con rắn cái khốn nạn ký sinh trong cột sống của mình.

Tôi sẽ xoay nắp hộp thuốc rồi lấy ra năm viên thuốc ngủ, để chúng lướt xuống cổ họng bằng một ly rượu Scotch. Sau món cocktail này, tôi sẽ nốc thêm vài ly cùng loại nữa. Uống rượu ngắm mặt trời lặn lúc nào cũng thú vị. Trong khi tiêu hóa những thức uống mát lạnh, tôi sẽ rút dao cạo râu ra khỏi hộp và cứa đứt một phần dây. Hành động này sẽ cần đôi chút phán đoán nhờ học hành, để cứa dây sao cho nó không đứt ngay lập tức do sức giật từ cú rơi của tôi. Tôi muốn sợi dây giữ tôi lại, ít nhất cũng trong khoảnh khắc, trước khi tôi chạm tới điểm tận cùng.

Tôi sẽ uống một ly Scotch với năm viên thuốc ngủ nữa. Bây giờ, đây là lý do tôi uống thuốc chống dị ứng: thuốc ngủ có thể gây nôn mửa nếu uống quá liều còn thuốc chống dị ứng giúp ngăn phản ứng đó lại, đảm bảo cho chất gây ngủ yên vị trong dạ dày. Khá là thông minh, nhỉ? Tiếp theo, tôi sẽ lấy liều morphine được cấp hằng tuần rồi tiêm vào người chỉ bằng một nhát đâm xi lanh tuyệt vời. Để hoàn thiện món cocktail hỗn hợp độc dược, tôi sẽ chiêu một ly Scotch cuối cùng để trôi hết dư vị thuốc ngủ. Đến giờ này, bạn đã hiểu kế hoạch của tôi được phối hợp như thế nào rồi chứ.

Tôi sẽ tròng dây thòng lọng vào cổ, làm thật nhanh vì tôi sẽ nhanh chóng cảm thấy choáng váng, điên đảo. Tôi sẽ lấy một lưỡi dao cạo râu sáng loáng khác ra khỏi hộp. Nhìn nó sáng lấp lánh mà xem, thật giống cái nháy mắt của một vị Chúa tưởng tượng! Bằng một nhát rạch khéo léo tôi sẽ cứa cổ tay phải của mình, thật sâu và gọn, rồi tôi sẽ rạch cổ tay trái với cách thức tương tự. Điều này rất quan trọng: tôi sẽ cắt dọc theo chiều dài tĩnh mạch thay vì cắt ngang. Những người cắt ngang cổ tay là do hoặc không thực sự muốn chết, hoặc quá ngu dốt không thể kết thúc cuộc đời mình.

Tôi sẽ ngồi trên thành ban công. Với hai bàn tay đẫm máu, tôi sẽ nâng khẩu súng nạp đầy đạn lên và đặt họng súng vào trong mồm. Tôi sẽ cẩn thận chỉnh góc nòng súng sao cho viên

đạn chu du qua vòm họng vào tới bộ óc phong phú của mình. Thuận lợi của súng săn, so với súng ngắn, là khả năng ngắm bắn không thực sự quan trọng. Hàng trăm viên đạn sẽ ngay lập tức tóe ra xé toang cái đầu khốn nạn của bạn. Hình ảnh mới đẹp đẽ làm sao chứ.

Người tôi lúc đó sẽ ở đúng vị trí, lưng quay lại phía thành phố, thế nên cú nổ sẽ làm tôi bắn qua lan can ban công. Cùng lúc não bị bắn tan nát, tôi sẽ rơi, nhưng cú rơi sẽ bị dừng lại đột ngột bởi cái thòng lọng vẫn đang quấn quanh cổ tôi. Trong một thoáng, tôi sẽ chỉ treo lơ lửng ở đó, chân giãy đành đạch. Thực ra thì, có lẽ tôi sẽ nẩy lên nẩy xuống vài lần; khó mà nói chính xác được. Hai cổ tay của tôi sẽ chảy máu ròng ròng còn sọ là một đống chất xám nhầy nhụa, một thứ gì đó trông giống như bức tranh tồi tệ nhất của Picasso. Những gì còn lại trong não tôi sẽ bắt đầu quằn quại vì thiếu ôxy. Dạ dày tôi lúc đó sẽ tràn ngập rượu Scotch và thuốc ngủ. Mạch máu của tôi sẽ đưa dòng máu hưng phấn vì morphine tràn qua những vết rạch trên hai cổ tay. Giờ, nếu khi nãy tôi cắt dây vừa đủ thì lúc này dây sẽ bắt đầu đứt rời. Những sợi thừng bện sẽ bung ra và, chỉ trong vài phút, sẽ đứt hoàn toàn. Người tôi sẽ rơi qua hai mươi tầng lầu xuống vỉa hè bên dưới. Thật đẹp. Thật hoàn hảo. Giờ đó là một vụ tự tử, tuyệt hơn một tiếng kêu cứu gấp trăm ngàn lần.

Gì thì gì, đó cũng là kế hoạch của tôi. Chưa một ai lại mong đợi cái chết của mình nhiều như tôi.

Chú thích

(9) Nhân vật nam chính trong tiểu thuyết Lolita của nhà văn Nga Vladimir Nabokov. Humbert là người đàn ông trung niên đem lòng yêu và sau đó đã quan hệ với cô bé Lolita 12 tuổi, con gái riêng của vợ.

(10) Thành phố cổ của La Mã, bị phá hủy bởi núi lửa phun năm 79.

(11) Nguyên văn: knot, vừa có nghĩa là nút thắt, vừa được hiểu theo nghĩa lóng là dương vật.

CHƯƠNG 5

ãy để tôi được bắt đầu bằng vài nét miêu tả về mái tóc của cô ấy - bởi vì, quả thực, không thể bắt đầu bằng bất cứ điều gì khác được. Mái tóc của cô giống như những chùm nho Tartarus(12) mọc trong đêm, vươn lên từ một nơi tối tăm đến nỗi ánh sáng mặt trời chỉ là lời đồn thổi. Nó mọc lan ra khắp nơi, những lọn quăn đen rủ xuống quyến rũ tới mức trông chúng như thể sẵn sàng nuốt chửng tay bạn nếu bạn may mắn được lướt những ngón tay của mình qua vậy. Mái tóc của cô lạ lùng đến độ thậm chí giờ đây, sau rất nhiều năm, tôi vẫn phải ngồi chế ra những ẩn dụ vớ vẩn này đây, việc tôi biết sẽ làm mình phải tiếc thương mỗi sáng.

Đôi mắt của cô cũng sắp làm tôi cảm thấy lúng túng. Nó cháy bùng như trái tim xanh lét của bao cặp tình nhân ghen tuông cứ buộc tội nhau mỗi khi đêm về. Không, tôi nhầm rồi, mắt cô không phải màu lục: nó màu xanh nước biển. Những con sóng đại dương cuộn lên trong tròng mắt cô, như một cơn bão bất ngờ ập đến, sẵn sàng cướp lấy viên thủy thủ khỏi người vợ của anh. Không, đợi chút... có thể mắt cô màu xanh lục: đôi mắt có khả năng thay đổi màu sắc tùy tâm trạng, có lẽ vậy, như những chiếc nhẫn cẩn đá quý công khai chuyển màu theo cảm xúc người đeo.

Cô xuất hiện tại khoa bỏng trong bộ áo dành cho người thăm bệnh màu xanh lá cây nhạt, với đôi mắt khó hiểu cùng mớ tóc rối tinh rối mù, và tôi đợi một cử chỉ há hốc miệng quen thuộc của bất cứ ai mới nhìn thấy tôi lần đầu. Tôi đợi cô lấy tay che miệng vì sốc và kinh hãi. Cô làm tôi thất vọng khi chỉ nở nụ cười:

"Anh bị bỏng. Một lần nữa."

Thông thường tôi luôn tuân theo quy tắc không đáp lại bất cứ câu nói kỳ quái nào của người lạ. Nhưng, thành thực mà nói, trong trường hợp này sự im lặng của tôi xuất phát từ việc tôi không muốn cô nghe cái giọng vịt đực như toilet vỡ của tôi. Cổ họng tôi đang lành lại, nhưng tai tôi (bên còn nghe được) vẫn chưa quen với chất giọng thảm hại hiện tại. Tôi chỉ muốn cô nghe được giọng nói trước đây của mình, giọng nói có thể dụ dỗ phụ nữ lên giường.

Trước sự im lặng của tôi, cô nhắc lại. "Đây là lần thứ ba anh bị bỏng."

Tôi thu hết can đảm và chỉnh cô. "Mới một lần thôi."

Một thoáng bối rối hiện ra trên mặt cô. "Có lẽ anh không còn là mình nữa."

Cô tiến lại giường tôi, mắt không ngừng xoáy sâu vào mắt tôi, kéo chặt những tấm rèm nhựa dày mắc xung quanh chúng tôi để đảm bảo cuộc nói chuyện được riêng tư. Cô rướn người về trước, cách tôi có vài phân, chăm chú nhìn vào mặt tôi. Chưa có bất cứ ai nhìn tôi kiểu ấy, trước vụ bỏng cũng vậy và hiển nhiên là kể từ sau đó thì càng không. Mắt cô, lấp lánh lúc

xanh lục, lúc xanh biển, có những quầng thâm đen phía dưới, như thể cô chưa ngủ cả tuần liền rồi. Khi môi cô gần như chạm vào môi tôi, cô thì thầm một từ. "Engelthal."

Không nghi ngờ gì nữa, thưa bạn đọc, bạn hẳn đã có lúc nào đó trong đời mặt đối mặt với một người điên chứ. Bạn có thể cảm nhận được sự điên rồ ngay lập tức, thường thì ngay trước khi đối phương có cơ hội nói được gì, nhưng cái câu rất vô nghĩa này cứ bám chặt lấy tôi. Gặp một người điên thì chẳng có gì đáng nói cả, vì cả thế giới đều sống chung với họ; cái thu hút tính hiếu kỳ của tôi là phản ứng của chính bản thân kia. Thông thường với mỗi cuộc gặp gỡ như vậy, bạn chỉ muốn tránh ra xa. Nếu đang đi trên phố, bạn sẽ nhìn vội sang chỗ khác rồi rảo bước nhanh hơn, nhưng ở phòng điều trị bỏng cách duy nhất tôi có thể làm là rung chuông gọi y tá. Nhưng tôi đã không làm thế. Phản ứng duy nhất của tôi trước tình huống có thể rất nguy hiểm này là không phản ứng gì cả. Vậy ai điên hơn, người phụ nữ tóc tai rối bù hay là tôi?

Cô lùi lại một bước. "Anh không nhớ gì cả."

"Phải." Cho dù điều cô nghĩ lẽ ra tôi phải nhớ có là gì đi nữa thì cũng rõ như ban ngày là tôi không nhớ gì hết.

"Thế càng thú vị," cô nói. "Anh có biết họ đang cố đầu độc những trái tim của tôi không?"

"Không," tôi lại trả lời, nhưng cảm thấy hứng thú với điều mà một nhận xét vu vơ có thể dẫn đến. "Họ làm thế à?"

"Phải, tôi không thể để họ làm thế, vì tôi cần phải sám hối hết tội lỗi đã." Cô nhìn quanh, như thể lo lắng không biết mình có bị nghe trộm không. "Lần này làm sao mà anh bị bỏng?"

Tôi đã có thể nói nhiều câu ngắn một lúc, miễn là nhớ dừng lại để thở, nên tôi kể cho cô nghe qua vài chi tiết về vụ tai nạn của mình - khi nào, ở đâu, thế nào, đã bao lâu rồi. Rồi tôi hỏi tên cô.

"Anh biết tên tôi mà." Cô cứ đưa tay lên ngực mình như thể mong đợi sẽ tìm thấy gì ở đó, một thứ hiển nhiên đã mất. Động tác của cô làm tôi nhớ đến cách tôi vẫn luôn chà vết bớt bẩm sinh trên ngực mình.

"Cô đang làm gì đấy?" tôi hỏi.

"Họ lấy mất cái vòng cổ của tôi rồi. Họ nói nó có thể được dùng để làm hại ai đó," cô trả lời. "Một bé gái mới chết."

Tôi nghĩ tới Thérèse. "Làm sao cô biết?"

"Ồ, tôi biết một chút về người chết" - cô cười - "nhưng tôi nghĩ chúng ta khá may mắn."

"May mắn thế nào?"

"Chúng ta đã sống lâu hơn một cô bé bảy tuổi. Chúng ta đã sống lâu hơn cô ấy một trăm lần."

"Cô đang nói cái gì đấy?"

"Tôi có một con chó tên là Bougatsa." Những ngón tay của cô, giờ đang đặt trên mạng sườn, giật liên hồi. "Nó sẽ rất thích anh."

"Tôi không thích chó."

"Anh sẽ thích thôi."

"Chúng không thích tôi."

"Ồ. Vì anh quá cố chấp và xấu tính, phải không?"

Có phải cô ấy đang móc máy một nạn nhân bỏng thật không?

"Cái tên ấy có nghĩa là gì?" tôi hỏi. "Bougatsa ấy."

"Đấy là phần nhân trong bánh ngọt kiểu Hy Lạp, và con chó của tôi có màu y như thế. Có lẽ tôi sẽ mang nó đến thăm anh."

"Chó không được phép vào đây." Thở dốc. "Thậm chí cả hoa cũng có thể giết tôi."

"Ha! Đừng nghĩ tôi là đứa ngốc. Anh biết rõ mình sợ những thứ kinh khủng hơn chó đấy." Cô nhẹ nhàng đặt tay lên ngực tôi, thật dịu dàng. Tôi rùng mình, không chỉ vì sự đụng chạm và còn vì ánh sáng lóe lên trong mắt cô. "Anh rất muốn tự kết liễu bản thân và tôi không thể buộc mình trách anh được. Nhưng sẽ có một thời khắc, một nơi nào đó cho những chuyện như thế, chỉ có điều không phải tại đây và vào lúc này."

Sao cô lại nói những điều như thế? Tôi thấy cần phải thay đổi chủ đề. "Cô trông rất ổn so với một người bảy trăm tuổi đấy."

"Anh thì không," cô nói, nhìn xuống khắp người tôi. Đây là lần đầu tiên có ai đó đùa cợt về những vết bỏng của tôi. "Thế, anh nghĩ tôi nên làm gì với những trái tim của mình?"

"Tôi nghĩ..." Tôi dừng lại một chút, để làm cô nghĩ mình đang rất cẩn thận suy xét vấn đề, trong khi thực tình tôi chỉ chuẩn bị cho độ dài của câu nói sắp tới mà thôi. "Tôi nghĩ cô nên trao nó cho những người chủ xứng đáng."

Mắt cô mở to, như thể tôi vừa tra chìa vào một ổ khóa bí mật, và tôi băn khoăn không biết mình có ấn nhầm nút vào phòng bệnh tâm thần không. Nhưng, rất nhanh chóng, nét mặt hân hoan của cô được thay thế bằng sự hoài nghi. Cô đi tới một góc giường của tôi, đứng nói gì đó bằng một ngôn ngữ khác. "Jube, Domine benedicere." (13) Tiếng Latin? Theo sau là một cuộc trò chuyện ngắn, cô nói chuyện với hư không, bằng thứ ngôn ngữ tôi không thể

hiểu, chờ những lời đáp tôi không thể nghe thấy. Sau khi cuộc nói chuyện tưởng tượng thứ nhất kết thúc, cô cúi rạp đầu rồi đi ra góc giường thứ hai và lặp lại bài biểu diễn. Và rồi, góc thứ ba. Cô kết thúc mỗi cuộc nói chuyện theo đúng cách đã bắt đầu - "Jube, Domine benedicere." - rồi cô quay trở lại vị trí ban đầu, không còn gợn chút hoài nghi.

"Ba Vị Chủ Nhân của tôi khẳng định đó thực sự là anh. Vì anh tôi sẽ cố gắng hoàn thiện trái tim cuối cùng của mình."

Câu nói này rõ ràng đã làm dâng trào cảm xúc trong cô. Cô trông như sắp khóc khi nói, "Tôi đã chờ anh quá lâu rồi."

Ngay lúc ấy, Beth đến kéo rèm ra. Cô có vẻ sốc khi thấy tôi có khách đến thăm sau rất nhiều tuần trơ trọi, nhưng sự sửng sốt của cô nhanh chóng chuyển thành lo ngại khi cô nhận thấy tia nhìn sung sướng đầy điên dại ánh lên trong mắt người phụ nữ đến thăm. Sau đó Beth phát hiện ra tuy vị khách của tôi mặc đồng phục nhưng đó không phải tông xanh lá dành cho khách đến thăm mà là sắc xanh nhạt hơn dành cho bệnh nhân, và rằng người phụ nữ kia đang đeo một cái vòng màu có mã số dành cho bệnh nhân tâm thần. Beth, chuyên nghiệp như thường ngày, không va chạm trực tiếp với khách của tôi mà nói rằng cô từ chối để tôi ở một mình với người đó. Cô gọi ngay một tay hộ lý đến để "hộ tống" người phụ nữ trở lại khoa tâm thần.

Tôi chẳng cảm thấy sợ hãi gì hết và, thực sự, có chút hoang dại thổi vào bầu không khí khô khốc đến ngột ngạt này kể cũng hay. Trong vài phút ngắn ngủi trước khi tay hộ lý tới, người phụ nữ và tôi tiếp tục nói chuyện, một cách nhẹ nhàng, trong khi Beth đứng ở góc xa nhìn cả hai với ánh mắt cảnh giác. Người khách của tôi nói thầm để không bị nghe lỏm. "Chúng ta có chung một người quen."

"Tôi nghi ngờ chuyện đó đấy."

"Anh chỉ mới gặp bà ấy một lần, trong đám đông. Bà ấy không nói được," cô nói, rướn lại gần tôi hơn, "nhưng bà ấy cho anh một manh mối."

"Một manh mối?"

"'Cháu chưa bao giờ băn khoăn vết sẹo của mình thực sự từ đâu mà có ư?'"

Người khách đặt tay lên ngực mình và tôi nghĩ cô chuẩn bị chỉ vị trí vết sẹo trên người tôi, nhưng cô chỉ tìm kiếm vô vọng chiếc vòng cổ bị thất lạc của mình mà thôi.

Làm sao người phụ nữ này có thể đoán chính xác những từ trong mảnh giấy được trao cho tôi tại buổi biểu diễn tàu lượn? Tuy nhiên, tôi là một người rất lý trí - đây chỉ là một sự trùng hợp kỳ lạ, không hơn không kém. Để chứng minh điều đó, tôi cố đánh lạc hướng cô một chút: "Cả người tôi đã là một vết sẹo rồi."

"Không phải những vết bỏng của anh. Mà là vết sẹo bẩm sinh, nằm trên trái tim anh ấy."

Ngay lúc ấy, tay hộ lý xuất hiện và bắt đầu công đoạn thuyết phục người phụ nữ rời đi. Beth cũng giúp một tay, lấy thân hình mình đẩy người phụ nữ ra phía cửa.

Giọng tôi vẫn chưa được khỏe nhưng tôi cố cao giọng hết mức. "Làm sao cô biết?"

Người phụ nữ quay lại phía tôi, mặc kệ những cánh tay đang kéo khuỷu tay mình. "Vấn đề của những người như chúng ta là chúng ta không chết một cách đúng nghĩa."

Chỉ được đến thế, người bảo vệ đã kéo cô ra khỏi phòng.

Luôn có lời giải thích logic cho tất cả mọi chuyện; vì thế, cũng có một lời giải thích logic vì sao người phụ nữ ấy biết chuyện vết sẹo của tôi.

Lời giải thích thứ nhất: chó ngáp phải ruồi.

Lời giải thích thứ hai: một trò đùa do bạn tôi bày ra, ai đó nghĩ việc cử một diễn viên đóng vai người phụ nữ tâm thần có chút hiểu biết về cuộc đời tôi đến là một trò thú vị lắm. Vấn đề của giả thiết này là tôi chưa bao giờ kể cho bất cứ người bạn nào về người phụ nữ châu Á gặp tại trường bay, và tôi cũng chẳng còn đứa bạn nào để trêu chọc mình cả.

Lời giải thích thứ ba: người phụ nữ này thích các bộ phim khiêu dâm tôi đóng và biết về vết sẹo trên ngực tôi. Nó hiện rõ trên phim, vì tôi chẳng bao giờ buồn bôi phấn che cả. (Thêm vào đó thể loại phim ảnh của tôi tốn hơi nhiều mồ hôi.) Chỉ có điều tôi được đăng ký nhập viện với tên thật chứ không phải nghệ danh, và với bộ dạng hiện tại của tôi thì cô không thể nhận ra con người tôi trước đây được.

Lời giải thích cuối cùng: người phụ nữ này yêu những bộ phim khiêu dâm tôi đóng, và đã lần theo dấu vết công ty sản xuất đã ngừng hoạt động của tôi. Một kẻ nào đó, có thể là lão luật sư chết tiệt của tôi, đã cho cô biết về vụ tai nạn của tôi và chỉ cho cô đường đến khoa bỏng.

Nhưng nếu cô là một fan cuồng nhiệt, sao cô không nói gì đến nghề trước kia của tôi? Và nếu cô đến để tìm người diễn viên mình từng thấy trước đây, làm sao cô có thể tỏ ra hài lòng đến thế khi nhìn thấy con người mới của tôi?

Và, cuối cùng là, dù hầu hết hành vi của người phụ nữ ấy đều rất kỳ cục, nhưng chắc chắn không có biểu hiện gì của một kẻ nghiện phim khiêu dâm loại nặng cả. Tin tôi đi, đời tôi đã gặp đủ bọn biến thái để có thể chỉ ngay ra một tên giữa đám đông rồi.

Tôi nghĩ mình sẽ hỏi lại khi cô đến gặp tôi lần nữa, vì không hiểu sao tôi linh cảm cô sẽ lại tới. Khi tôi nói với mấy cô y tá là tôi hoan nghênh bất cứ cuộc gặp gỡ sắp tới nào với nữ bệnh nhân tâm thần đó, họ đều nở một nụ cười lạ lẫm với tôi. Hẳn họ cho rằng thật đáng buồn khi tôi lại trông đợi cuộc viếng thăm của một phụ nữ tâm thần. Nhưng điều đó chẳng

cản trở được tôi, và tôi thậm chí còn nhờ Beth hỏi hộ tên người ấy. Cô từ chối luôn, thế là tôi nhờ Connie. Cô cũng nói việc tiết lộ tên tuổi một bệnh nhân khác là trái với nội quy bệnh viện. Trước tình hình đó, tôi bảo với Connie là cô sẽ "rất, rất xấu" nếu không chịu giúp tôi hỏi tên của người duy nhất đã đến thăm tôi sau một thời gian dài như thế. Và vì mong muốn được làm người tốt hơn bất cứ điều gì trên đời, Connie nhanh chóng quay trở lại kèm theo thông tin mà tôi yêu cầu.

Tên người phụ nữ đó là Marianne Engel.

Tôi cao hơn so với trước vụ tai nạn. Vụ cháy đã làm tôi khô quắt lại như miếng thịt bò khô trong suốt đợt trị liệu. Tôi đã từng thanh thoát và đẹp đẽ như một cậu bé Hy Lạp ở thế kỷ thứ ba, với cặp mông căng tròn như hai nửa quả dưa chín mọng mà những doanh nhân Nhật Bản phải trả một khoản kha khá để vuốt ve. Da tôi mềm mại và sạch tinh như sữa chua chưa đánh, bụng tôi được chia thành từng múi đối xứng, còn đôi cánh tay vạm vỡ mà rất mượt mà. Nhưng khuôn mặt tôi mới chính là vàng mười. Tôi sở hữu đôi gò má xuất hiện trong những giấc mơ của nhà thơ Pháp Verlaine. Mắt tôi đen và sâu thẳm đến nỗi một đoàn thám hiểm hang động nhỏ phải dành cả ngày mới tham quan hết. Một người đồng tính từng nói với tôi anh ta biết bao khao khát được nhẹ nhàng đặt của quý thâm sì của mình vào môi dưới tôi. Tôi đã cười anh ta nhưng trong lòng thì lén lút xem đó là một lời khen tuyệt vời.

Kể từ sau vụ tai nạn, tôi đã cố gắng từ bỏ sự tự mãn của mình, nhưng nội tâm vẫn còn đấu tranh rất dữ dội. Tôi nhớ quá khứ, nhớ khi khuôn mặt tôi thật hoàn hảo, và khi cơn gió nhẹ hất tóc tôi lên làm nó trông như phần lông dưới mềm mại của cánh chim. Tôi nhớ lúc phụ nữ đi trên đường quay lại cười với tôi, tự hỏi sẽ tuyệt diệu đến thế nào nếu được sở hữu vẻ đẹp của tôi dù chỉ trong giây phút lóe sáng ngắn ngủi.

Nếu có thể chấp nhận bài miêu tả về một con quái vật là tôi bây giờ đây, bạn cũng nên chấp nhận bài miêu tả về một mỹ nam là tôi trong quá khứ. Và từ khi gặp Marianne Engel, tôi cảm nhận sự mất mát - đặc biệt tại khoảng trống giữa hai chân mình - càng thêm sâu sắc.

Phòng tôi lại vinh dự đón cô mười ngày sau đó, cô mặc chiếc áo choàng trông có vẻ là một trong những bộ trang phục được cắt may đẹp nhất thời Trung cổ. Không phải tôi đang kể chuyện cho vui với các bạn đâu; cô đã mặc cái thứ ấy thực đấy. Chiếc mũ trùm đầu lơ lửng trên mặt, đôi mắt sáng như những viên ngọc bích lấp lánh trong mỏ. Cô đặt một ngón tay lên môi, dặn tôi giữ im lặng, và lén lút đi tới bên giường. Tôi muốn cười phá lên nhưng nhận ra với cô, đây là một vấn đề nghiêm túc. Ngay khi đến bên cạnh tôi, cô kéo luôn rèm cửa để chúng tôi có thể, một lần nữa, có được sự riêng tư. Cô lẽ ra chẳng cần phải lo lắng quá, vì trong phòng chỉ có mỗi hai bệnh nhân khác thôi mà một người đã ra khỏi phòng để luyện tập phục hồi chức năng còn người kia thì đã ngáy khò khò rồi.

Phía sau hàng rào nhựa ấy, cô cảm thấy đủ an toàn để kéo mũ trùm đầu ra sau - một chút, không kéo hết - và tôi có thể thấy những quầng thâm dưới mắt cô đã biến mất. Cô trông tỉnh

táo hơn trong lần gặp đầu tiên của chúng tôi nhiều, và có mùi thuốc lá rất đậm trên người cô. Tôi băn khoăn không biết có phải cô đã chôm chỉa từ người y tá nào không hay chỉ là họ lờ đi không xét nét cô. Do một lần nữa cô không mặc đồng phục chuẩn dành cho khách thăm bệnh, tôi ngờ rằng họ không biết tí gì về chuyện cô vào đây. Cô cứ đặt tay ở góc mũ suốt, như thể sẵn sàng kéo nó ra sau ngay lập tức.

"Tôi không muốn họ biết tôi đang ở đây."

"Các bác sĩ ấy hả?"

Marianne Engel gật đầu. Tôi nói với cô rằng cô không có gì phải sợ, họ đều là người tốt.

"Anh không biết mấy về các bác sĩ đâu." Cô thọc tay vào cổ áo rồi kéo một sợi dây da treo lủng lẳng cái đầu mũi tên ra. "Nhìn này, tôi đã lấy lại được vòng cổ của mình rồi." Cô nhấc chiếc vòng qua đầu rồi chìa ra, phía trên ngực tôi, để cho đầu mũi tên đung đưa như một cái bùa ma thuật đang tìm kiếm trái tim tôi. "Cho phép tôi nhé?"

Tôi không biết cô muốn gì nhưng vẫn gật đầu.

Marianne Engel hạ thấp tay xuống, thả lỏng sợi dây da để đầu mũi tên chạm vào ngực tôi. "Cảm thấy thế nào?"

"Như thể nó thuộc về nơi đó vậy."

"Chắc chắn rồi."

"Sao cô biết về vết sẹo trên ngực tôi?"

"Đừng vội. Giải thích những chuyện như thế cần có thời gian." Cô nhấc sợi dây chuyền khỏi ngực tôi và đeo lại vào cổ mình. "Còn bây giờ, tôi kể anh nghe câu chuyện về một con rồng nhé."

"Ngày xửa ngày xưa, có một con rồng tên là La Gargouille sống ở Pháp, bên dòng sông Seine. La Gargouille là một con rồng bình thường như bất cứ con rồng nào khác với vảy màu xanh, cổ dài, bộ móng vuốt sắc nhọn và đôi cánh nhỏ tưởng không hỗ trợ mấy cho việc bay nhảy nhưng hóa ra cũng có ích. Như hầu hết các con rồng khác, nó có thể thở ra lửa, phun ra hàng lít nước, xé toạc những thân cây to lớn bằng móng vuốt của mình.

"Cư dân của thành phố gần đó, Rouen, căm ghét con rồng và luôn sống trong sợ hãi. Nhưng họ có thể làm gì? Nó mạnh hơn họ rất nhiều, thế là mỗi năm họ phải nộp một vật cúng tế với hy vọng xoa dịu nó. La Gargouille thích các trinh nữ, thói quen cố hữu của loài rồng, nhưng dân làng lại có xu hướng cống nạp bọn tội phạm. Bất luận thế nào, việc con người bị ăn thịt nhìn chung là một chuyện rất khủng khiếp.

"Chuyện này kéo dài hàng thập kỷ. Cuối cùng, khoảng những năm 600 sau Công nguyên, một linh mục tên là Romanus đặt chân lên thành phố này. Ông đã nghe kể về con rồng và

muốn thử khuất phục con quái thú. Romanus đề nghị, nếu mọi người đồng ý xây một nhà thờ, và nếu dân làng chịu làm lễ rửa tội, ông ta sẽ tiêu diệt con rồng. Dân làng, tất nhiên chẳng ngốc nghếch gì, nhận ra ngay đây là một món hời. Họ có mất mát gì đâu, trừ một con rồng?

"Thế là Romanus đi tới bờ sông Seine, mang theo một quả chuông, một quyển Kinh Thánh, một cây nến và một chiếc thập tự giá. Ông ta thắp nến, cắm xuống đất, mở quyển Kinh Thánh ra rồi lớn tiếng gọi La Gargouille. Con ác thú trồi ra từ trong hang chẳng chút ngần ngại; xét cho cùng, nó là một con rồng, việc quái gì nó lại phải sợ một con người tầm thường chứ? Gì thì gì, một vị khách như thế với nó cũng chẳng hơn gì một bữa thịt tươi.

"Ngay khi con rồng xuất hiện, Romanus liền rung chuông - như một lời báo tử - và bắt đầu đọc to những lời răn của Chúa.

"Con rồng khịt ra những bụm khói nhỏ khi nghe thấy tiếng đọc kinh, như thể chuyện đó làm nó khoái chí lắm, cho đến khi nó nhận ra mình không thể phun lửa tùy thích được nữa. Phổi nó đau rát rồi sau một thoáng bắt đầu xẹp xuống, chẳng còn tí hơi nào.

"Nhận ra mình không thể tiêu diệt vị mục sư bằng lửa nữa, La Gargouille phóng vụt tới chỗ ông. Romanus nhấc thập tự giá lên và mạnh mẽ giơ ra trước mặt con quái thú, làm nó không thể tiến thêm được bước nào nữa, như thể có một bàn tay vô hình đang đẩy nó lại phía sau. Dù con vật có xoay chuyển thế nào đi nữa, Romanus cứ lặp đi lặp lại hành động đó, và La Gargouille không thể tiến lại gần người đang tra tấn nó chút nào. Một tay cầm thập tự giá và một tay ôm quyển Kinh Thánh, Romanus tiếp tục đọc kinh với một niềm tin thuần khiết; mỗi tiết như một mũi tên xuyên sâu xuống lớp vảy rồng, và mỗi chương như một ngọn giáo cắm phập vào mạng sườn của nó.

"Cả đời La Gargouille chưa bao giờ phải chịu những chuyện như thế này, nó bắt đầu thoái lui. Nó nhìn khắp trái phải nhưng Romanus đã dùng cây thập tự giá đẩy nó về phía sau. Một khi con rồng đã bị kẹt cứng trong hang động của nó, vị linh mục tiếp tục đọc kinh không ngừng nghỉ cho tới khi con rồng khuỵu xuống đầu hàng. Mọi việc chỉ kết thúc khi Romanus gập cuốn Kinh Thánh lại và thổi tắt ngọn nến; nghi thức đã hoàn thành và con quái thú đã bị thuần hóa.

"Không còn chút ý chí chiến đấu nào, La Gargouille cúi đầu chấp nhận để Romanus choàng chiếc áo tế của ông quanh cổ nó. Sau đó vị mục sư dùng cây thập tự giá thắt nút dây trói thật chặt, rồi dẫn con rồng thất trận quay trở về thành phố.

"Cách duy nhất để giết chết một con rồng là trói nó vào cọc rồi đem đi thiêu sống, tất cả mọi người đều biết chuyện đó, và thế là mọi thứ được tiến hành. La Gargouille rú lên đau đớn, nhưng đối với dân làng âm thanh ghê rợn đó nghe như một thứ nhạc ngọt ngào. Tiếng gào thét vang mãi không ngừng vì đầu và cổ của La Gargouille không chịu cháy rụi - khả năng

khạc ra lửa của loài rồng đã tôi luyện cho những vùng đó sức mạnh chống lại sự tàn phá của lửa. Nhưng cuối cùng thì con quái vật cũng chết, và dân làng đã thoát khỏi lời nguyền khủng khiếp của họ.

"Người dân thị trấn rất chính trực và họ đã thực hiện đầy đủ bản giao kèo. Tất cả mọi người đều đồng ý làm lễ rửa tội, và họ dựng một nhà thờ. Cái đầu không bị cháy rụi của La Gargouille được treo trên mái và, trong hàng bao thế kỷ tới, sẽ được dùng làm nguyên mẫu cho các loại chimera(14) và gargoyle."

Marianne Engel hoàn toàn chìm đắm trong câu chuyện của mình, cho tôi cơ hội quan sát cô kỹ lưỡng hơn. Mắt cô, hôm nay có màu xanh nước biển, đã thôi đảo quanh cảnh giác với các bác sĩ. Cô nhìn tôi chằm chằm, trực diện, đến mức tôi cảm thấy ngượng. Ánh nhìn đầy nhục cảm và khiêu khích.

Cô không phải kiểu phụ nữ bạn có thể liệt vào hạng vẻ đẹp cổ điển. Răng cô hơi nhỏ so với miệng, nhưng tôi luôn thấy những người có hàm răng nhỏ khá quyến rũ. Tôi nghĩ lông mày cô hơi quá rậm rạp so với gu của một số đàn ông nhưng, nói thật nhé, bọn ấy là một lũ ngu. Điểm đáng bàn duy nhất trên khuôn mặt cô là cái mũi, không quá to, tôi phải nhắc các bạn, nhưng chắc chắn không được gọi là thanh thoát. Một chỗ gồ trên sống mũi cho thấy hồi xưa cô từng bị gãy mũi, nhưng tôi nghĩ nó làm cô trông khá cá tính. Người ta có thể kiện rằng lỗ mũi cô trông hơi tẹt, nhưng bất kỳ vị quan tòa sáng suốt nào cũng ném vụ kiện ấy ra khỏi tòa thôi.

Da cô xanh xao, như thể bị cớm nắng. Cô có vẻ gầy, dù chiếc áo choàng của cô làm người ta khó phán đoán được đường nét cơ thể. Cô cao hơn hầu hết phụ nữ khác, nhưng không cao đến mức quá khổ. Khá cao, bạn có thể nói vậy. Cô bao nhiêu tuổi? Rất khó nói chính xác, nhưng chắc gần bốn mươi.

Rất lâu sau khi cô ngừng nói, tôi mới nhận ra mình vẫn tiếp tục nhìn cô chăm chú và cô mỉm cười đáp lại, không có vẻ khó chịu mà khá hài lòng. Tôi thốt ra điều đầu tiên xẹt qua óc. "Cô vừa bịa chuyện đấy à?"

"Không, đó là một truyền thuyết lâu đời." Cô cười vang. "Tôi không có năng khiếu sáng tác truyện, nhưng tôi nắm khá vững lịch sử đấy. Ví dụ, anh có biết Jeanne d'Arc bị thiêu sống ở Rouen và tro của bà ấy bị ném xuống sông Seine không?"

"Không, tôi không biết."

"Suy nghĩ rằng cơ thể bà ấy vẫn là một phần của dòng nước ấy đã giúp tôi thấy thanh thản."

Chúng tôi còn nói nhiều nữa, về khối chuyện. Rồi bác sĩ Edwards, tôi có thể nhận ra tiếng bước chân, bước vào phòng theo lịch trực thường ngày và kéo rèm ra.

"Ồ," bà nói, bất ngờ khi thấy một vị khách. "Tôi có làm phiền không?"

Marianne Engel kéo cái mũ trùm đầu lại rồi đứng bật dậy, suýt thì vướng vào tấm rèm nhựa khi vội vã đi qua bác sĩ Edwards. Trên lối ra, cô còn ngoái lại nhìn tôi khẩn khoản, "Đừng nói với ai nhé."

Những ngày sau cuộc viếng thăm của Marianne Engel, Nan bắt đầu dùng một con dao lóc da bằng điện để "thu hoạch" phần da nguyên lành của tôi và ghép sang vết thương. Bà nói với tôi đây là một bước tiến trong quá trình điều trị, nhưng trông chẳng có vẻ gì như thế cả. Vùng da khỏe mạnh vẫn còn những dây thần kinh đang hoạt động, nên mỗi đợt thu hoạch đúng là đã lóc sạch da trên người tôi, để lại phía sau những vết thương hở miệng. Mất khoảng hai tuần để mỗi bộ phận bị lóc da hồi phục trước khi quá trình lặp lại. Vết thương của tôi lên da non chỉ để lại bị lóc đi lần nữa. Tôi là một trang trại hạ bì, còn con dao lóc da bằng điện là cái máy đập lúa.

Sau mỗi đợt thu hoạch, tôi được bôi đầy kem và quấn trong những lần băng mỏng. Vài ngày sau, một trong những cô y tá, thường là Beth, sẽ thay băng lần đầu tiên sau mỗi đợt điều trị. Nan sẽ đứng cạnh kiểm tra tỷ lệ da ghép thành công - "tỷ lệ da ghép bám sống" - ước lượng tương đối để tính toán xem quy trình thành công hay thất bại. Tỷ lệ da ghép bám sống khoảng tám lăm phần trăm được coi là tốt; bất cứ tỷ lệ nào dưới mức này đều làm Nan cau mày tặc lưỡi. Dưới sáu mươi phần trăm có nghĩa là bà sẽ phải làm thêm một công đoạn cấy ghép nữa.

Ngay cả khi lớp da ghép sống được, sự thiếu hụt tuyến bã nhờn làm phần mô mới cấy luôn trong tình trạng thiếu độ ẩm nghiêm trọng. "Kiến bò dưới da" là một sáo ngữ không những không lột tả được cảm giác, mà còn thiếu tính tượng hình nữa. Bầy mối ăn gỗ vung vẩy cái cưa xích bé tẹo, có lẽ thế; hay lũ cáy khoác chiếc áo lông lá và đi giày bằng sợi thủy tinh; hoặc một quân đoàn chuột con kéo những cái cày nhỏ xíu bằng dây kẽm gai. Đàn gián dưới lớp biểu bì đi giày đá bóng và đeo đinh thúc ngựa của cao bồi nhảy điệu clacket? Có lẽ.

Tôi đêm ngày mong đợi Marianne Engel xuất hiện trở lại.

Tôi nghĩ về cô quá nhiều, và ý nghĩ ấy chiếm hết thời gian mà lẽ ra tôi đã dành để nuôi nỗi sợ bị cắt lọc hay lập kế hoạch tự tử. Khi bụng bắt đầu cảm thấy đau, tôi tự hỏi liệu mình có nhớ cô thật không, người phụ nữ tôi chỉ mới quen. Đây có phải là nhớ mong trông đợi? Tôi quả thật không biết, vì tôi chỉ có cảm giác thế này những khi đường dây ma túy trong thành phố trong tình trạng cháy hàng.

Hóa ra, cảm giác dấy lên trong dạ dày tôi không phải là nhớ nhung gì hết. Bộ ruột bị kích thích của tôi nhanh chóng chuyển từ điệu nhảy flamenco bốc lửa sang một cơn đau nóng rát. Ruột tôi trở nên cay nóng như tiêu ớt và tiếng phách gõ tanh tách trong hậu môn của tôi. Nan chọc tay vào bụng tôi hỏi xem tôi có đau không. Tôi nói với bà là chỗ đó đang diễn ra cuộc Nội chiến Tây Ban Nha chết giẫm. Rất nhanh chóng, vài bác sĩ khác nhảy vào phòng

tôi, một hàng áo blu trắng làm tôi nhớ đến bài thơ Flanders Fields. Họ chiếu, chụp và lẩm bẩm gì đó đại loại như "Thật thú vị" và "Hừmmmm." (Dù có gì thực sự thú vị đi nữa, một bác sĩ không bao giờ, không bao giờ, được phép nói "Thú vị" với lại "Hừmmm" trước mặt bệnh nhân cả.) Thật nhanh gọn, đám bác sĩ thích lẩm bẩm này xác định rằng tôi bị viêm tụy nặng, tình hình nguy kịch đến nỗi rất nhiều mô tụy của tôi đã chết.

Quá trình hoại tử tụy có hai loại chính: không nhiễm trùng và nhiễm trùng. Loại của tôi là nhiễm trùng. Nếu không được phẫu thuật kịp thời, khả năng tôi không qua khỏi là khá cao. Thế là các bác sĩ nói với tôi rằng tôi không có nhiều lựa chọn ngoài việc loại bỏ, càng nhanh càng tốt, một lượng lớn mô tụy. Sao lại không làm theo chứ, tôi nhún vai. Sau năm giờ chẩn đoán, tôi được đưa lên xe đẩy vào phòng phẫu thuật. Bác sĩ gây mê bảo tôi đếm ngược từ mười. Tôi chỉ đếm đến sáu.

Bệnh nhân bỏng không được sử dụng loại thuốc gây mê thông thường, thay vào đó là thuốc gây mê ketamine - thường gây ảo giác. Trong một lần được gây mê, tôi đã có một ảo giác vô cùng dễ chịu, một món quà khuyến mãi bất ngờ cho một trải nghiệm lẽ ra thật tê tái. Tôi đang đứng nhìn ra biển, một phụ nữ Anh đáng yêu cạnh bên, và đối với một bệnh nhân bỏng còn gì tuyệt vời hơn giấc mơ về nước?

CHƯƠNG 6

ôi tỉnh dậy để tiếp nhận thông tin nửa số mô tụy của mình đã bị cắt bỏ. Thêm vào đó, bác sĩ phẫu thuật còn vốc một nắm đầy mô ruột bị tổn thương gần đó. Tôi nghĩ ông cho rằng vì đã mất công mổ phanh ra rồi nên tội gì mà không vơ vét hết. Từng chút từng chút một, tôi trở thành chất thải y tế. Ai mà biết được, có lẽ một ngày nào đó các bác sĩ sẽ khai thác cái mỏ lộ thiên của tôi cạn kiệt tới mức tôi chả còn gì ngoài hư vô nữa.

Marianne Engel đang ngồi đọc sách trên chiếc ghế trong góc phòng tôi, khoác trên người thứ gì đó trông rất nhếch nhác. Sau vài giây dụi mắt cho quen với ánh sáng, tôi nhận ra đó là bộ đồng phục dành cho khách thăm bệnh. Khi thấy tôi đã tỉnh, cô liền đi về phía tôi, cuốn sách cô đang đọc có nhan đề Non Omnis Moriar.(15)

"Sao cô lại ở đây?" Tôi đợi một câu trả lời sẽ vuốt ve cái tôi ngất ngưởng của mình.

"Tôi đến để nhìn anh chịu đau đớn."

"Cái gì?"

"Tôi ghen tị điều đó."

Quên cái bệnh tâm thần của cô ta đi: một nạn nhân bỏng sẽ không thể tha thứ cho người dám tuyên bố ghen tị với sự đau đớn của anh ta đâu. Tôi đấu tranh kịch liệt với màn sương thuốc gây mê của mình để tung ra cú phản đòn dữ dội. Tôi không thể nhớ chính xác mình đã nói những gì, nhưng chắc chắn chẳng nhẹ nhàng chút nào.

Khi hiểu ra những lời nói của mình xúc phạm tôi đến thế nào, cô cố giải thích. "Tôi ghen tị với tất cả những nỗi thống khổ, vì có thống khổ mới có một tâm hồn đẹp. Nó mang người ta đến gần Chúa hơn. Những người phải chịu đau khổ là những đứa con được Chúa lựa chọn."

"Thế sao cô không đi mà tự thiêu ấy," tôi nạt, "và thấy mình trở nên đẹp thế nào?"

"Tôi quá yếu đuối," cô trả lời, dường như không để ý tới lời mỉa mai của tôi. "Tôi không chỉ sợ lửa, tôi còn sợ mình sẽ chết mà không kịp trải qua hết mọi khổ đau."

Tác dụng của thuốc giảm đau lên não đã kéo tôi trở lại với bóng tối. Tôi cảm thấy rất hạnh phúc vì đã thoát khỏi cuộc trò chuyện này.

Loại bệnh chính xác mà Marianne Engel mắc phải vẫn còn mù mờ nhưng khi cô gợi ý "những người phải chịu đau khổ là những đứa con được Chúa lựa chọn", tôi nghĩ nhiều khả năng cô bị tâm thần phân liệt.

Những người mắc bệnh tâm thần phân liệt thường phải chịu đựng thời kỳ đặc biệt khó khăn về tôn giáo, vài bác sĩ còn giả định rằng điều này liên quan đến độ tuổi phát bệnh: hội chứng thường phát triển trong khoảng từ mười bảy đến hai lăm tuổi, giai đoạn nhiều người bắt

đầu phải đối mặt với vấn đề tôn giáo tín ngưỡng của mình. Người tâm thần phân liệt thường trải qua những giai đoạn nhận thức cao - hay hoàn toàn rơi vào trạng thái ảo tưởng, ví dụ như ảo thanh - mà có thể làm họ tin rằng mình được Chúa đặc biệt chọn lựa. Tình hình trở nên tồi tệ hơn vì họ không hiểu được rằng biểu tượng tôn giáo chỉ mang tính ẩn dụ.

Thiên Chúa giáo được xây dựng trên quan niệm Chúa Jesus chết để gánh tội cho toàn nhân loại: để cứu chuộc chúng ta, Người đã bị tra tấn và bị đóng đinh trên cây thập giá. Một người tâm thần phân liệt, trong nỗ lực nắm bắt ý nghĩa câu chuyện, có thể sẽ lý giải như sau: Jesus là người con yêu dấu của Đức Chúa Cha, và Jesus đã phải chịu những đau đớn khủng khiếp, vì thế những người phải chịu những đau đớn khủng khiếp nhất chính là những đứa con được Chúa yêu thương nhất.

Có cả một truyền thống lâu đời những người cuồng tín tin rằng đau đớn sẽ mang con người lại gần với Đấng Cứu thế, nhưng một khuôn mặt người thật bao giờ cũng thuyết phục hơn lý thuyết suông. Vì lý do này, cho phép tôi được kể đôi chút về cuộc đời của một ông Heinrich Seuse, tu sĩ người Đức. Sinh năm 1295, Seuse đã trở thành một trong những biểu tượng tôn giáo quan trọng nhất thời bấy giờ, được biết đến như một Minnesanger - "ca sĩ hát về những tình yêu cao đẹp" - vì chất thơ tuyệt diệu trong những tác phẩm của ông.

Seuse vào nhà dòng Dominic tại Konstanz năm mười ba tuổi, và theo những ghi chép của chính ông, hoàn toàn không có gì bất thường trong suốt năm năm đầu của cuộc sống tôn giáo. Tuy nhiên, năm mười tám tuổi, ông đã bất ngờ gặp một ảo giác - một cảm giác thần tiên thoát tục mạnh mẽ khiến ông không còn chắc liệu linh hồn mình đã bị tách rời khỏi thân thể hay chưa. Ông xem trọng sự kiện này đến mức đã lấy đó mở đầu cho cuốn tự truyện đời mình, The Life of the Servant (Cuộc đời một bầy tôi của Chúa).

Vài học giả nhận xét Cuộc đời một bầy tôi của Chúa là cuốn tự truyện đầu tiên được viết bằng tiếng Đức, trong khi những vị khác cho rằng nó chả phải tự truyện gì sất. Rất nhiều đoạn văn bản được cho là công trình của Elsbeth Stagel, một phụ nữ trẻ đến từ tu viện Toss, cô con gái tinh thần được yêu quý nhất của Seuse. Có vẻ cô đã ghi lại nhiều cuộc đối thoại của họ để làm cơ sở cho cuốn Cuộc đời mà không thông qua Seuse, và khi phát hiện ra những gì cô làm, ông đã đốt một phần bản thảo trước khi "một thông điệp của Chúa" ra lệnh cho ông phải giữ phần còn lại. Không ai biết bao nhiêu phần của tác phẩm Cuộc đời được viết bởi Stagel và bao nhiêu bởi Seuse.

Tác phẩm Cuộc đời là câu chuyện kể hấp dẫn, cung cấp cho ta nhiều chi tiết tuyệt vời về những ảo giác Seuse mắc phải trong suốt cuộc đời: Chúa chỉ cho ông hình ảnh về Thiên đường, Địa ngục, nơi Chuộc tội, còn những linh hồn đã rời khỏi xác xuất hiện trước mặt ông và kể ông nghe những tin mới nhất về cuộc sống của họ ở thế giới bên kia. Câu chuyện mới hay và kịch tính làm sao! Nhưng đoạn đáng đọc nhất trong tác phẩm Cuộc đời là đoạn mà Seuse - hoặc Stagel - miêu tả quá trình ông tự tra tấn bản thân.

Là một người cuồng tín với quan niệm khoái lạc thể xác sẽ khiến tinh thần yếu nhược, Seuse tuyên bố ông đã không bước vào một căn phòng lắp lò sưởi nào trong vòng hai mươi lăm năm và rằng ông đã nhịn uống nước cho đến khi lưỡi nứt toác vì khô, phải mất cả năm trời mới lành lại được. Ông rất hạn chế ăn uống - chỉ ăn một lần trong ngày và không bao giờ ăn thịt, cá hay trứng - và trong một lần có ảo giác cơn thèm táo của mình còn mạnh hơn khao khát có được Trí tuệ Vĩnh hằng, để tự trừng phạt bản thân, ông đã sống hai năm mà không ăn trái cây. (Người ta băn khoăn không biết liệu ông có khi nào không ngộ ra giá trị đạo đức của câu chuyện và cứ tiếp tục ăn hoa quả ngoài đời thật - như để chống lại cái lệnh cấm ẩn dụ ấy - hay không.)

Ở phần thân dưới, Seuse mặc một cái khố có đóng một trăm năm chục chiếc đinh đồng sắc nhọn chĩa mũi vào trong, vào da mình. Ở phần thân trên, ông mặc một chiếc áo rơm cài xích sắt, dưới cái xích là cây thập tự giá bằng gỗ dài bằng một sải tay người đính thêm ba chục cái đinh đồng nữa. Kẹp chặt những thứ này vào xương bả vai, mỗi cử động - đặc biệt là lúc quỳ xuống cầu nguyện - đều làm những cái đinh nhọn đâm sâu vào da thịt ông, và sau đó ông sẽ bôi giấm lên vết thương. Seuse đeo cây thập giá tua tủa này trong vòng tám năm cho đến khi Chúa lên tiếng cấm ông tiếp tục.

Ông mặc bộ trang phục tra tấn này cả khi ngủ - trên một cánh cửa cũ. Khi nằm xuống ông thường còng tay chân mình lại bằng những chiếc vòng da vì nếu tay được tự do, ông sẽ xua những con chuột cứ chực cắn xé ông hàng đêm. Thỉnh thoảng ông làm đứt những cái vòng này trong lúc ngủ, thế là ông bắt đầu đeo găng tay da đính thêm nhiều đinh bấm bằng đồng sắc nhọn để giúp cạo da mình một cách hiệu quả như thể đang dùng bàn nạo pho mát. Seuse giữ thói quen này trong mười sáu năm cho đến khi nhận được một lời phán khác của Chúa bắt ông ném đống dụng cụ dỗ giấc này xuống một dòng sông gần đấy.

Thay vì làm Seuse cảm thấy thanh thản mỗi lần Chúa cấm ông tự trừng phạt bản thân, những can thiệp thần thánh này lại làm ông cảm thấy rất phiền muộn. Khi một nữ tu hỏi ông dạo này ra sao, Seuse trả lời rằng mọi chuyện thật tồi tệ vì một tháng nay ông không còn biết đến đau đớn nữa và ông sợ rằng Chúa đã bỏ rơi mình.

Những trừng phạt thể xác này, Seuse nhận ra, mới chỉ là sự bắt đầu: chúng chưa phải bằng chứng rõ ràng cho tình yêu vĩ đại của ông trước Chúa. Để bù đắp, một đêm ông cởi áo ra và dùng một cái kim châm được mài nhọn để khắc những chữ IHS vào phần thịt phía trên trái tim mình. (Nếu bạn không hiểu thì cũng đừng lo: IHS là tên viết tắt của Chúa trong tiếng Hy Lạp.) Máu tuôn ra khỏi chỗ thịt rách toác nhưng ông nói hầu như không thấy đau đớn gì, độ phê mới cao làm sao. Những chữ hiến tế không bao giờ mờ đi và ông thầm lặng mang vết thương trên mình cho đến cuối đời, nó xoa dịu ông trong những thời khắc khó khăn, ông tuyên bố thế, vì biết tên của Chúa Jesus đang chuyển động cùng với từng nhịp đập của trái tim mình.

Seuse mất năm 1366, một cuộc đời dằng dặc mà bạn chỉ có thể ngờ ngợ rằng nó hình như còn dài hơn cả thực tế ấy.

Tôi thấy việc Seuse được "khai sáng tâm hồn" lúc mười tám tuổi, chính là khi bệnh tâm thần phân liệt ở vào giai đoạn dễ phát tác nhất, thật thú vị. Nếu mắc chứng này, bạn có thể làm nhiều điều tồi tệ hơn nữa trong cuộc sống tôn giáo ở Đức thế kỷ mười bốn. Trong Thời kỳ Thần bí, khả năng ngoại cảm của bạn không bị khiếp sợ mà còn được tôn kính. Nếu bạn đánh đập bản thân vô tội vạ, thì không phải bạn đang tự hành hạ mình mà là đang học tập Chúa. Nếu nghe thấy những giọng nói kỳ lạ, nghĩa là bạn đã có khả năng liên lạc trực tiếp với Chúa rồi.

Nhưng trong tất cả những điều trên, có một sự kiện trong cuộc đời Heinrich Seuse làm tôi cảm thấy đặc biệt hấp dẫn, dù đó là điều tôi chưa bao giờ có khả năng xác nhận lại trong thư viện nghiên cứu của mình.

Marianne Engel cứ khăng khăng bảo với tôi là, từ xửa từ xưa, cô đã gặp ông ta rồi.

Khi tôi tỉnh lại, Marianne Engel đã đi khỏi, nhưng cô để lại một món quà trên chiếc tủ đầu giường, một gargoyle nhỏ bằng đá.

Tôi xoay cái vật quái dị nhỏ bé ấy trên tay. Cao khoảng mười lăm phân, gargoyle trông như một sinh vật lùn tịt nửa người nửa quỷ, có màu của một đám mây đen ảm đạm. Cái bụng bự của nó thõng xuống đôi chân vắt tréo, hai khuỷu tay chống lên đầu gối, cằm tựa vào đôi bàn tay chỉ có ba ngón. Lưng nó mọc ra một đôi cánh dày và ngắn ngun ngủn, có vẻ để phô trương hơn là để bay. Cái đầu to bè đặt trên đôi vai rụt như một tảng đá chỉ chực bị đẩy khỏi đỉnh vách đá. Nó có cặp mắt to đùng thấp thoáng sau đôi lông mày rậm rạp như của người tiền sử Neanderthal, thêm một cái mồm lởm chởm răng. Gargoyle dường như đang cố hết sức để quắc mắt hăm dọa, nhưng có vẻ nó chưa đủ sức. Nét mặt nó vừa thân thiện vừa buồn bã và không hiểu sao, trông rất người, như nét mặt của một người đàn ông cô đơn đã dành cả đời lê từ tai nạn này đến tai nạn khác cho tới khi cái hậu quả chồng chất vùi dập anh ta dưới sức nặng của những ngôn từ anh ta không thể thốt ra.

Tình trạng sức khỏe của tôi cải thiện trông thấy trong những ngày hậu phẫu. Chiếc sà lan chở rác là bụng tôi đây bắt đầu học cách nổi trở lại, dù nó không còn chở được nhiều như trước nữa. Chân phải của tôi, với đầu gối tả tơi và cái hông bầm giập, cũng bắt đầu lành lại, và các bác sĩ hứa sẽ nhanh chóng tháo lũ nhện máy ra cho tôi. Mỗi ngày, tôi dường như cảm thấy đỡ bất tiện hơn khi nằm trên chiếc giường xương.

Nan huých nhẹ tôi rồi viết vài dòng ghi chú lên biểu đồ của tôi. Bà luôn rất chuyên nghiệp, nhưng tôi nhận thấy mình gọi bà là Nan nhiều hơn là bác sĩ Edwards. Tôi không biết liệu bà có khó chịu với biểu hiện thân mật này không nhưng bà chưa bao giờ bắt tôi thôi cả. Tôi

nghĩ điều này làm mình thêm bạo dạn và trong một thoáng tò mò, tôi hỏi bà đã kết hôn chưa. Bà hơi do dự rồi định trả lời, nhưng cuối cùng quyết định không nói gì.

Chỗ ngồi bên cạnh chiếc giường xương của tôi vẫn để trống, dành cho những chuyến thăm nom của các cô y tá và Nan. Một ngày không có Marianne trở thành hai ngày không có Marianne, hai trở thành ba, rồi năm ngày không có Marianne, cho tới khi tất cả cộng lại thành một tuần không có Marianne. Tôi muốn hỏi cô về cái tượng gargoyle nhỏ, vì sao cô lại đưa nó cho tôi, nó có ý nghĩa gì.

Tôi đọc rất nhiều sách, hầu hết là những bí mật của luật sư mà tôi chẳng hứng thú mấy. Tôi cần cái gì đó thay thế, và thế là tôi hỏi mượn Nan vài cuốn sách về những hiện tượng tâm lý bất thường. "Chị hẳn phải có sách gì đó về tâm thần phân liệt, khủng hoảng tinh thần, rối loạn lưỡng cực, hay cái gì đại loại chứ?"

"Đó không phải lĩnh vực chuyên môn của tôi," bà trả lời. "Hơn nữa, anh nên đọc các sách nói về bỏng ấy."

Nan đã mang hàng chồng sách về hồi phục sau bỏng đến để trên chiếc tủ đầu giường mà tôi chả sờ tới lần nào. Tôi không đọc chúng vì chúng là thứ sách tôi nên đọc. Chúng tôi thỏa thuận: cứ mỗi cuốn sách tâm lý bà mang đến, tôi sẽ đọc một trong những cuốn sách về bỏng. Nan xem đây là thắng lợi và kiên quyết đòi tôi phải đọc một trong những cuốn của bà trước.

Sau khi tôi đã đọc xong một cuốn sách về bỏng, Gregor đến phòng tôi, lại mặc cái quần nhung tăm cứ cọ vào hai đùi, mang trên tay một cuốn sách tâm lý học. Ông ta trao nó cho tôi và nói rằng bác sĩ Edwards đã nhờ ông ta mang đến, từ bộ sưu tập riêng trong văn phòng ông ta.

"Chỗ này không làm anh phát điên đấy chứ, hả?" Cái cách ông ta cười khùng khục một mình khiến tôi tự hỏi không biết có phải ông ta đã nghĩ về chuyện đó suốt từ khoa tâm thần đến đây không. Khi tôi hỏi ông ta liệu một bác sĩ tâm thần có được phép gọi bệnh nhân của mình là thằng điên không, ông ta lau vội một giọt mồ hôi rỏ ra từ chân mày bằng chiếc khăn tay kẻ ca rô, và chẳng trả lời gì cả. Thay vì thế, ông ta hỏi tôi tại sao lại hứng thú với tâm thần phân liệt và khủng hoảng tinh thần đến vậy.

"Không phải việc của ông," tôi nói.

Gregor mở miệng như thể định nói gì nữa, nhưng ông ta lại chỉ mỉm cười và gõ một phát lên đầu gargoyle nhỏ của tôi. "Tôi thích cái này," ông ta nói, trước khi lạch bạch chạy ra khỏi phòng trên đôi giày moca.

Ngày hôm sau, một phụ nữ châu Á nhỏ bé, mới liếc qua trông giống một con búp bê hơn là người thật, bước vào phòng tôi.

Xin đừng vội kết luận tôi đang cố tô đậm thêm định kiến rằng tất cả phụ nữ châu Á đều trông giống búp bê sứ. Đó không phải loại búp bê tôi nghĩ trong đầu. Người phụ nữ này có khuôn mặt bè bè, mũi tẹt và nụ cười đáng kinh ngạc. (Tôi luôn ghét những người cười hết cỡ mà trông không có vẻ ngu ngốc.) Má cô như hai quả táo chín, mà khi kèm với chiếc áo kẻ sọc và quần bò yếm bên dưới lần áo thăm bệnh, tạo nên ấn tượng tổng thể về cô búp bê Raggedy Ann(16) đến từ phương Đông.

"Xin chào! Tôi tên là Sayuri Mizumoto. Rất hân hạnh được gặp anh." Cô thọc tay vào tay tôi và bắt tay cuồng nhiệt. Và nếu như tôi không viết rằng cứ mỗi khi nói, cô lại cười toe toét, thì từ đây xin hãy coi chuyện cô cười là đương nhiên nhé.

"Sayuri là cái tên quái gì vậy?"

"Một cái tên đẹp," cô trả lời bằng giọng Úc. "Giờ hãy ngồi dậy đi nào."

Tôi hỏi tại sao cô lại mong tôi sẽ làm theo những gì cô bảo.

"Vì tôi là bác sĩ vật lý trị liệu mới của anh và bây giờ anh sẽ phải ngồi dậy."

"Cô thậm chí còn không biết..."

"Tôi đã nói chuyện với bác sĩ Edwards, và anh có thể làm được điều đó!" Có một kết hợp kỳ lạ giữa vui sướng và tự hào trong cách cô nói với tôi rằng tôi có thể làm được điều đó! Cô luồn tay xuống dưới lưng tôi rồi đứng choãi chân ra để giúp tôi. Cô cảnh báo rằng tôi có thể cảm thấy chóng mặt một chút khi máu lên não, còn tôi cứ cự nự đây chắc chắn không phải một ý hay.

"Chắc chắn là ý hay đấy," cô vui vẻ nói. "Nào, một, hai, được rồi!"

Tôi ngồi lên; cô khá khỏe so với một con búp bê đấy. Trong một thoáng tôi cảm thấy khá thoải mái, tay cô đang đỡ tôi. Rồi cơn chóng mặt ập đến và cả căn phòng bắt đầu xoay tròn kỳ lạ. Sayuri đặt một tay lên gáy tôi để giúp đầu tôi không bị ngúc ngắc. "Anh làm rất tốt! Giữ yên nào."

Khi đỡ tôi nằm xuống, cô nhận xét, "Không quá tệ, phải không?"

"Tệ kinh lên được."

"Sốc quá!" Cô lấy tay che cái miệng đang há hốc ra, giả vờ sợ hãi.

"Anh đúng là không khác gì người ta vẫn nói. Chưa có ai nói với anh miệng là cánh cổng chính dẫn đến mọi bất hạnh à?"

Khi tôi tỉnh dậy sau giấc ngủ trưa, Marianne Engel đang đứng trước tôi, rèm đã được kéo lại. Vắt trên thành ghế cạnh giường tôi là một bộ đồng phục thăm bệnh, mà sau đó tôi phát hiện ra đã được cô mặc khi vào phòng nhằm xoa dịu các y tá tình cờ gặp phải, rồi nhanh

chóng bị cởi phăng ra. Thế là cô lại mặc bộ quần áo đường phố của mình: áo sơ mi trắng tay bồng nhét trong quần jean bạc màu với dây lưng đính những đĩa bạc nhỏ. Mái tóc thả hờ hững trên bờ vai, chảy dài xuống phía lưng. Khuôn mặt cô rất bình thản còn đôi mắt thì sáng bừng - sắc xanh lục, xanh kinh khủng. Một con rồng thêu nằm trên ống quần bên phải.

Cuối cùng tôi biết mình đã đúng khi đoán rằng thân hình của Marianne Engel khá bắt mắt. Có vẻ con rồng cũng nghĩ thế, vì nó bò từ mắt cá chân lên đến hông, xoắn quanh và âu yếm ôm lấy đùi cô. Mỗi cái vảy là một hạt xê quin đầy màu sắc, đôi mắt màu hồng ngọc được làm từ những viên giả đá quý to tướng. Cái lưỡi xoắn xuýt thè ra tinh nghịch liếm mông cô. Những móng vuốt thêu bằng chỉ đen, cắm ngập vào phần thịt ngon lành trên chân cô. "Tôi thích quần của cô," tôi nói. "Cô đã ở đâu vậy?"

"Tôi bận," cô trả lời. "Chiếc quần này tôi được tặng."

"Làm gì? Ai tặng?"

"Làm việc, nhưng rồi bị ốm nhẹ." Cô kéo cái ghế cạnh giường rồi ngồi xuống. "Jack tặng quần cho tôi."

"Rất tiếc khi biết cô không được khỏe. Jack là ai?"

"Tôi đỡ rồi. Ghen à?"

"Rất vui khi nghe thế. Hôm nay cô không lẩn trốn các bác sĩ đấy chứ?"

"Không. Ghen à?"

"Với Jack á?" Dào ôi. "Cô hòa thuận với họ quá nhỉ?"

"Chẳng đến mức ấy đâu. Chẳng muốn nói về chuyện đó."

"Các bác sĩ hay là Jack?"

"Các bác sĩ," cô trả lời. "Anh muốn nói về Jack à?"

"Dĩ nhiên là không. Đời sống riêng tư của cô là riêng tư chứ, nhỉ?"

"Một mối quan hệ khá phức tạp."

"Với Jack?"

"Với các bác sĩ." Marianne Engel gõ đầu ngón tay lên đôi mắt cẩn đá quý của con rồng thêu trên quần. "Nhưng với bác sĩ Edwards thì có vẻ ổn, tôi đoán thế."

"Ồ. Thế là cô đã hoàn toàn khỏi bệnh, gì gì ấy nhỉ?"

"Bị suy nhược, có thể nói như thế." Cô ngả đầu sang một bên. "Kể cho tôi nghe về tai nạn của anh đi."

"Tôi phê thuốc, rồi lái xe lao xuống vực."

"Gieo gió gặt bão."

Tôi chỉ vào bức tượng nhỏ trên chiếc tủ đầu giường. "Tôi thích gargoyle này."

"Nó không phải gargoyle. Mà là grotesque."

"Ông nói gà, bà nói vịt."

"Tôi sẽ không ngừng ăn gà đâu." Marianne Engel trả lời, "nhưng đó là grotesque. Gargoyle là máng xối."

"Mọi người đều gọi cái này là gargoyle(17)."

"Mọi người đều sai." Cô rút một điếu thuốc lá ra khỏi bao, không châm lửa mà bắt đầu cuộn nó lại giữa ngón cái và ngón trỏ. "Gargoyle được tạc trên tường thánh đường để tiêu thoát nước, giúp móng nhà không bị xói lở. Người Đức gọi chúng là Wasserspeier. Anh có nhớ không?"

"Nhớ gì cơ?"

"'Ống khạc nước.' Nghĩa đen là thế."

"Sao cô biết nhiều về mấy thứ ấy thế?"

"Grotesque hay ngôn ngữ?"

"Cả hai."

"Grotesque là những thứ tôi làm," Marianne Engel đáp. "Ngôn ngữ là sở thích."

"Cô muốn nói gì, cô 'làm' grotesque?"

"Tôi tạc tượng." Cô hất đầu về con quỷ lùn trong tay tôi. "Tôi tạc cái ấy."

"Ông bác sĩ tâm lý của tôi thích nó."

"Lão nào vậy?"

"Bác sĩ Hnatiuk."

"Ông ta khá hơn hết thảy lũ còn lại."

Tôi hơi ngạc nhiên. "Cô biết ông ta à?"

"Tôi biết hầu hết mấy người ấy."

"Nói tôi nghe việc chạm khắc của cô đi."

"Tôi bắt đầu hứng thú với việc này khi quan sát anh làm." Bàn tay kia của cô vân vê cái vòng cổ mặt hình đầu mũi tên.

"Tôi không tạc tượng."

"Anh đã từng."

"Không, tôi chưa tạc bao giờ," tôi nhấn mạnh. "Nói cho tôi biết tại sao cô thích tạc tượng đi."

"Đây là nghệ thuật thụt lùi. Lãi thu về còn ít hơn cả vốn." Cô dừng lại. "Thật tệ khi anh không nhớ rằng mình biết chạm khắc. Tôi vẫn còn giữ một thứ anh đã làm đấy."

"Cái gì vậy?"

"Morgengabe của tôi." Marianne Engel nhìn tôi chăm chú, như thể đang trông đợi một ký ức không hề tồn tại lướt qua trí óc tôi. Khi nhận thấy chẳng có gì xảy ra cả, cô nhún vai và ngả người vào ghế. "Jack là quản lý của tôi."

Một người quen trong công việc. Tốt. "Kể cho tôi nghe về anh ta đi."

"Tôi nghĩ sẽ để anh tự đoán." Hôm nay cô hẳn rất hưng phấn. "Tôi kể anh nghe một câu chuyện nhé?"

"Lần này là về cái gì vậy?"

"Về tôi."

Chú thích

(12) Trong thần thoại Hy Lạp, dưới Trời, Đất, Biển là Tartarus, một chốn sâu thẳm, tối tăm, nơi những linh hồn tội lỗi phải chịu đày đọa và trừng phạt.

(13) Lạy chú phù hộ (Tiếng Latin)

(14) Chimera: quái vật đầu sư tử, mình dê, đuôi rắn trong thần thoại Hy Lạp.

(15)Tôi sẽ không chết hẳn(Tiếng Latin)

(16)Nhân vật trong loạt sách thiếu nhi của nhà văn Mỹ Johnny Gruelle, là một cô búp bê rách rưới với mái tóc làm bằng sợi màu đỏ và cái mũi tam giác.

(17)Những bức tượng được chạm khắc kỳ dị theo phong cách Gothic, chỉ có tác dụng trang trí, không có chức năng tiêu thoát nước.

CHƯƠNG 7

gày sinh chính xác của tôi giờ cũng chẳng mấy quan trọng, nhưng theo như tôi biết thì nó rơi vào một ngày nào đó năm 1300. Tôi chưa bao giờ biết cha sinh mẹ đẻ của mình là ai, họ đã bỏ tôi trong một cái giỏ tại cổng chính tu viện Engelthal vào giữa tháng Tư khi tôi mới được vài ngày tuổi. Thông thường một đứa trẻ bị bỏ rơi sẽ không được thu nhận và nuôi dạy ở đây - xét cho cùng Engelthal không phải trại trẻ mồ côi - nhưng do số phận, tôi được xơ Christina Ebner và cha Fredrich Sunder tìm thấy vào chính cái đêm họ bàn luận xem cái gì được coi là dấu hiệu của Chúa.

Xơ Christina vào tu viện năm mười hai tuổi và bắt đầu thấy ảo giác hai năm sau đó. Khi tìm thấy tôi thì bà mới ngoài hai mươi và là một nhà thần học tiếng tăm. Cha Sunder ngót năm mươi tuổi, là giáo sĩ trong vùng, ông bước vào đời sống tôn giáo muộn hơn hết thảy những người khác. Cho tới lúc đó, ông đã làm giáo sĩ nghe các xơ Engelthal xưng tội được khoảng hai mươi năm. Nhưng điều quan trọng nhất anh cần biết về họ là bản chất gốc của họ, vì nếu họ không quá giàu tình cảm, mọi chuyện có thể đã hoàn toàn khác.

Có hai lời nhắn để lại trong cái giỏ chứa tôi. Một viết bằng tiếng Latin, một viết bằng tiếng Đức, nhưng cả hai đều có nội dung như nhau. Một đứa trẻ của định mệnh, đứa con thứ mười trong một gia đình tử tế, được đem tới như món quà dành cho Chúa Cứu thế và tu viện Engelthal. Xin hãy đối xử với con bé như Chúa mong muốn. Rất hiếm người dân thường nào biết viết một ngôn ngữ, nói gì đến hai, vì thế tôi nghĩ bản thân sự tồn tại của hai lời nhắn này đã giúp khẳng định tôi là con nhà lành rồi.

Theo tôi biết, xơ Christina và cha Sunder nhanh chóng quyết định rằng sự xuất hiện của một đứa trẻ trong đêm đó chứ chẳng phải đêm nào khác không phải sự trùng hợp ngẫu nhiên, và cũng chẳng hại gì đến chuyện bản thân xơ Christina cũng là đứa con thứ mười trong gia đình. Khi họ mang tôi tới trước bà trưởng tu viện, bà khá do dự khi phải đối phó với những lý lẽ kết hợp của cả hai người. Liệu bà trưởng tu viện có thể phớt lờ khả năng sự xuất hiện của tôi trước cổng đã được bề trên sắp đặt? Khi phải xử lý những thông điệp của Chúa, tốt nhất cứ cẩn thận là hơn. Hầu hết các xơ trong tu viện đều cảm thấy thế, mặc dù vẫn có một người phản đối quyết liệt việc giữ tôi ở lại. Đó là xơ Gertrud, thủ thư của tu viện - "bậc thầy ghi chép" - cai quản phòng viết ở Engelthal. Anh cần nhớ tên bà ấy, cả tên trợ lý của bà nữa, xơ Agletrudis. Cả hai người đều tác động đến cuộc đời tôi, và thường là những tác động không hay ho cho lắm.

Engelthal được coi là một trong những trung tâm tâm linh quan trọng nhất tại Đức. Anh có thể nghĩ điều này khiến thời thơ ấu của tôi bị gò bó, nhưng sự thật không hề như thế. Các xơ chăm sóc tôi rất chu đáo, có lẽ tôi đã giúp họ quên đi những công việc thường nhật. Tôi luôn

thấy vui khi làm họ mỉm cười, vì ngay khi nhận ra mình đang cười, họ sẽ cố hết sức để khép miệng lại. Tôi có cảm giác như mình đã phá vỡ một quy tắc nào đó vậy.

Tôi luôn cảm thấy gần gũi với xơ Christina và cha Sunder, những người đã trở thành cha mẹ thay thế của tôi, điều này thể hiện trong cách tôi thường dùng để gọi cha Sunder. Theo nguyên tắc, tất cả mọi người phải gọi ông là "cha", nhưng sự khiêm tốn của ông lớn đến nỗi ông luôn yêu cầu mọi người gọi mình là "huynh". Vì thế với tất cả những người khác, ông là huynh trưởng Sunder, nhưng với tôi ông luôn là cha. Tôi cho rằng ông cho phép thế có lẽ vì tôi đã thấy được một góc khác trong con người ông mà không ai nhận ra - ừm, ngoại trừ huynh trưởng Heinrich, người sống cùng ông trong căn nhà nhỏ gần ngọn đồi trong rừng. Lúc nào tôi cũng nghe thấy tiếng cười của cha Sunder trong khi hầu hết những người khác chỉ nhìn thấy nét mặt nghiêm nghị của ông.

Tất cả những bà xơ khác khi đến tu viện đều đã trải qua thời thơ ấu ở nơi khác, còn từ đầu tiên tôi nói là với cha Sunder. "Gott(18)." Chúa ơi, thật là lời mở đầu đầy vinh quang cho một ngôn ngữ. Thử nghĩ mà xem, làm sao ông có thể trưng ra với tôi cái mặt nạ mộ đạo khủng khiếp thường sử dụng trước đông người được? Nó chẳng phù hợp chút nào khi ông đang chơi đùa với một em bé, và khi ông nghĩ đã đến lúc cần đeo cái mặt nạ ấy lên với tôi thì đã quá muộn. Nhưng dù chỉ là một đứa trẻ, tôi cũng hiểu rằng ông phải giữ gìn hình ảnh, và bí mật của ông được tôi giữ kín.

Cha Sunder luôn mặc áo rơm và rất hay tự xỉ vả bản thân, gọi chính mình là kẻ tội đồ - chủ yếu là vì "những tội ác thời trai trẻ của ông", gì cũng được - và luôn cầu xin tha thứ. Ông tin rằng mình bị "ô nhiễm" bởi những việc đã làm trước khi theo đạo. Ông không hay làm những trò này trước mặt tôi nhưng, khi ông làm thế, huynh trưởng Heinrich sẽ lặng lẽ đứng nơi góc phòng với đôi mắt long lên sòng sọc.

Dù trách cứ bản thân nhưng cha Sunder không bao giờ ngần ngại tha thứ cho người khác. Và ông có giọng nói, giọng nói ngọt ngào nhất bạn có thể tưởng tượng được. Khi ông nói, ta không thể không nghĩ rằng không chỉ mình ông mà cả Chúa cũng yêu ta.

Xơ Christina - tôi thậm chí không biết phải bắt đầu từ đâu. Bà quả thật là một người phụ nữ lạ lùng. Bà sinh vào ngày thứ Sáu Tuần Thánh, dấu hiệu đầu tiên của những ân huệ đến trong đời bà. Mọi người đều nói trong tất cả những đại diện của Chúa trên trái đất này, bà là một trong mười lăm người được ưu ái nhất. Khi còn nhỏ, tôi chưa một lần nghi ngờ tính chân thực của điều đó, chỉ đến mãi sau này tôi mới tự hỏi làm sao một điều như thế lại có thể đem ra định lượng được. Những ảo giác và tài văn chương của xơ Christina đã làm tu viện nức tiếng thơm. Bà sáng tác luôn tay và viết nên hai kiệt tác - Khải huyền và Sách về các xơ tại Engelthal, lịch sử về những vị nữ tu có vai trò trọng yếu trước thời chúng tôi. Các tác phẩm của bà đã khơi nguồn cảm hứng sáng tác cho những người khác trong tu viện. Ví dụ, xơ Gertrud của phòng viết đã cho ra lò Cuộc đời nữ tu Gertrud tại Engelthal với sự giúp

đỡ của huynh trưởng Heinrich và huynh trưởng Cunran nhưng, thành thật mà nói, tôi luôn có cảm giác cuốn sách ấy được viết với nỗ lực chính là thêm mắm thêm muối cho cái truyền thuyết của chính bà mà thôi.

Gertrud có một thói quen rất kỳ lạ là không ngừng nuốt không khí. Thật không thể không để ý và cũng không thể không ghét được. Người ta nói mẹ bà đã sinh tám cậu con trai trước khi sinh bà, toàn là đẻ khó, nhưng khi sinh Gertrud thì không tốn chút sức lực nào. Có lẽ bạn sẽ băn khoăn chuyện đó thì có ảnh hưởng gì, nhưng ngay từ đầu nó đã đặt Gertrud ngang hàng với Chúa vì sự ra đời của Người cũng được cho là không hề đau đớn - việc sinh nở cũng thuần khiết như sự thụ thai. Mọi người đều nói em bé sơ sinh Gertrud không bao giờ bú mẹ; cô bé có vẻ thích húp không khí soàm soạp như thể đang hút trực tiếp dòng sữa ngọt ngào thần thánh từ đó vậy. Tôi luôn ngờ rằng việc bà cả đời nuốt không khí chẳng qua chỉ để không ai quên được câu chuyện ấy mà thôi.

Trong tất cả những cuốn sách được viết vào thời kỳ cảm hứng này, cuốn sách tôi yêu thích nhất là Gnaden(19) - cuộc đời của Friedrich Sunder. Ừm, tôi thích nó nhưng không thích những việc xảy đến với nó chút nào. Sau khi cha Sunder mất, cuốn sách bị đem đi chỉnh lý và rồi toàn bộ phần đề cập đến tôi bị xóa bỏ, ấy là chưa kể còn những gì gì nữa. Không phải lòng tự tôn của tôi bị xúc phạm, mà tôi đã - vẫn đang - bị xúc phạm vì họ đã hủy hoại ý định của ông.

Dù thế nào đi nữa, họ là những người sống quanh tôi khi tôi còn nhỏ. Một lần tôi hỏi xơ Christina khi nào tôi sẽ được phép ra ngoài sống, thì bà trả lời là không bao giờ - nhưng đó không phải chuyện đáng phiền não mà là một món quà cần được ăn mừng. Chúa đã rất rộng lượng khi hé lộ kế hoạch của Người cho tôi ngay từ khi tôi mới ra đời, ngay lập tức đặt tôi vào Engelthal. Không một nữ tu nào khác, kể cả bản thân Christina, được phép dành cả đời mình trong vinh quang được phụng sự Chúa. "Con mới may mắn làm sao," bà nói, báo hiệu câu chuyện đã đến hồi kết thúc.

Mọi người đều kỳ vọng khi trưởng thành tôi cũng sẽ bắt đầu cầm bút. Kỳ vọng này được nhen nhóm khi tôi biết nói rất sớm và học tiếng Latin cũng dễ dàng như tiếng mẹ đẻ vậy. Hiển nhiên là tôi không thể nhớ được, nhưng họ nói tôi hầu như không phải tập nói từng từ đơn một trước khi bắt đầu nói một câu hoàn thiện. Anh phải hiểu, thời đó, trẻ con về cơ bản được coi như một người lớn chưa hoàn thiện. Bản chất của một đứa trẻ không phải thứ có thể phát triển, vì tâm tính đã được xác định ngay từ lúc mới sinh; thời thơ ấu là quá trình giúp trẻ bộc lộ bản thân, không phải để phát triển bản thân, vì thế khi khả năng ngôn ngữ của tôi xuất hiện, nó nghiễm nhiên được coi như luôn tồn tại, được Chúa đặt sẵn ở đó, chờ được khám phá mà thôi.

Tôi yêu những vị khách đến thăm Engelthal. Dân địa phương đến chữa trị trong bệnh xá, và chúng tôi tất sẽ đón họ vào. Không phải chỉ từ góc độ tình cảm, mà còn là một nhu cầu chính

trị nữa. Tu viện phát triển nhanh chóng mỗi khi các nhà quý tộc hiến tặng những vùng đất xung quanh, và chúng tôi cũng thừa hưởng luôn cả các tá điền. Có cả những khách viếng thăm khác, những mục sư lang bạt mong muốn được đến xem Engelthal là chỗ thế nào mà có thể tạo ra những ảo giác kỳ diệu đến thế giữa các nữ tu, hay những người, thực tế hơn, chỉ mong được tá túc qua đêm. Tôi thích một ông nông dân bệnh tật không kém gì một nhà quý tộc, vì mỗi người đều mang đến cho tôi những câu chuyện về thế giới bên ngoài.

Xơ Christina thường chiều chuộng tôi mỗi khi có khách. Tôi sẽ được ngồi yên trong góc phòng, chăm chú lắng nghe những cuộc đối thoại, chẳng bị ai để ý. Gertrud phản đối, dĩ nhiên, và luôn khinh khỉnh chõ cái mũi dài mảnh xuống nhìn tôi. Thị lực suy giảm khiến bà khó tỏ vẻ coi thường một cách rõ ràng.

Gertrud xem những vị khách này không khác gì những kẻ xâm phạm công việc chính của mình vì, với tư cách nữ thủ thư của tu viện, thỉnh thoảng bà cũng phải dịch. Mà bà lại chẳng giỏi cho lắm - tiếng Pháp và tiếng Ý cố lắm cũng chỉ xoàng xoàng - nhưng vị trí của bà đòi hỏi mấy cái đó. Hầu hết khách đến thăm chúng tôi đều nói được tiếng Latin hoặc tiếng Đức nhưng tôi thích nhất những người mang đến ngôn ngữ lạ. Chính trong những cuộc đối thoại này mà khả năng nghe của tôi được mài sắc. Thử thách đặt ra không chỉ là hiểu được từ mà còn phải nắm được những khái niệm ngoại lai nữa. Ví dụ, tôi biết Giáo hoàng Clement đã chuyển giáo hội đến Avignon - nhưng tại sao? Và nơi đó ở đâu? Trông nó như thế nào? Một đêm tôi tình cờ nghe thấy cuộc cãi vã đầu tiên. Một người khách nước ngoài dám nghi ngờ sự tôn nghiêm của Giáo hoàng quá cố Boniface và Gertrud đã nhảy chồm chồm lên để bảo vệ Đức Giáo hoàng. Đối với một con bé như tôi, chuyện đó thật gây sốc.

Tôi nhớ như in cái đêm năng lực của mình được bộc lộ. Một người khách ngoại quốc ngồi giữa chúng tôi và Gertrud, như thường lệ, lại vật vã với việc chuyển ngữ. Tôi chẳng thấy có gì khó hiểu cả, vì tôi có thể nắm được tất cả những gì họ nói. Không quan trọng đó là ngôn ngữ gì, đơn giản là tôi hiểu được thôi. Vào đêm đó vị khách là người Ý, một ông già nghèo khổ, nhếch nhác. Bất cứ ai cũng có thể thấy rằng ông không còn trụ được ở thế giới này lâu nữa, và ông đang nỗ lực hết sức để mọi người hiểu được tình huống ông đang gặp phải. Gertrud vung tay lên đầy khinh bỉ và tuyên bố rằng giọng của ông thô tục đến nỗi không thể hiểu được.

Có lẽ vì ông lão trông quá yếu ớt, hay có lẽ vì tiếng nấc hấp hối nơi ngực ông. Có lẽ vì ông vừa húp từng thìa cháo vừa không ngớt lời cám ơn các bà xơ, không thốt lên một lời than trách nào dù chẳng ai hiểu được ông. Hay có lẽ vì tôi có cảm giác là nếu không có ai đó nói chuyện với ông trong cái đêm định mệnh ấy, thì có thể sau này sẽ chẳng có ai nói chuyện với ông nữa. Dù vì lý do gì, tôi cũng đã phá vỡ luật im lặng của mình và bước ra khỏi góc phòng. Dùng phương ngữ Ý của ông, tôi hỏi, "Tên ông là gì ạ?"

Ông nhìn lên qua chiếc thìa với một niềm vui khó tả trên khuôn mặt. "Paolo," ông trả lời, rồi hỏi vì sao tôi hiểu được tiếng địa phương của ông. Tôi không biết bằng cách nào hay tại sao, tôi nói, tôi hiểu được, thế thôi. Tôi nói với ông rằng tôi thường nghe người nước ngoài nói chuyện và sau khi họ đi khỏi tôi sẽ lưu giữ những cuộc nói chuyện bằng ngôn ngữ của họ vào tâm trí trước khi đi ngủ. Ông nghĩ điều đó thật tuyệt vời. Khi tôi hỏi ông từ đâu tới, ông trả lời mình sống phần lớn cuộc đời tại Firenze nhưng ông sinh ra tại miền Nam nổi tiếng với giọng địa phương đặc sệt. Giọng của ông, ông giải thích, là sự kết hợp khủng khiếp của cả hai nơi đó. Ông cười khi nói thế, và tiếng cười làm xơ Christina bừng tỉnh khỏi sự ngạc nhiên tột độ. Bà bắt đầu ướm câu hỏi cho tôi, vừa để kiểm tra kỹ năng dịch của tôi vừa nhằm moi thông tin. Qua tôi, câu chuyện của ông lão được kể lại.

Paolo đã sống trọn đời mình với người vợ mà ông rất mực yêu quý. Bà mới mất và ông biết mình cũng sớm đi theo vợ thôi. Đây là lý do cho cuộc hành trình của ông, vì ông chưa bao giờ biết đến những đất nước khác ngoài quê hương mình và ông không muốn chết mà không có bất cứ ý niệm gì về thế giới cả. Ông không sợ cái chết, bởi ông là một con chiên ngoan đạo và đang trông đợi phần thưởng cuối cùng của mình. Ông hỏi xem liệu mình có thể nghỉ một đêm tại tu viện trước khi tiếp tục chuyến đi không. Xơ Christina chấp thuận, vì bà có đủ quyền hạn để ra quyết định nhân danh tu viện trưởng, và Paolo rất cảm kích trước sự tốt bụng của bà. Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy mình quan trọng.

Paolo lấy một quyển sách từ trong túi ra giơ về phía tôi. Rõ ràng ông muốn trao nó cho tôi. "Tôi chẳng mấy dịp cần đến thứ này nữa đâu."

Xơ Christina bước tới trước để từ chối thay tôi. "Nói với ông ấy rằng ông quá nghèo nên chúng ta không thể lấy những gì ông có được. Nhưng hãy cám ơn ông ấy." Tôi dịch, và Paolo gật đầu tỏ ý đã hiểu. Ông cảm ơn các xơ lần nữa trước khi đến bên chiếc giường đã được dọn sẵn.

Xơ Christina bảo tôi hôm sau đến gặp bà và tu viện trưởng trong phòng tăng hội sau giờ cầu kinh buổi sáng. Tôi hỏi liệu có phải tôi bị phạt vì đã lên tiếng hay không nhưng xơ Christina bảo đảm với tôi là không.

Khi tôi đến phòng họp vào sáng hôm sau, tu viện trưởng đang ngồi bên bàn làm việc còn xơ Christina đứng phía sau bà. Gertrud đứng ở góc phòng với vẻ mặt vô tư. Tu viện trưởng là người tốt nhưng bà vẫn làm tôi thấy sợ. Bà đã quá già, cái cằm xị nhăn nheo như da chó săn.

"Ta nghe xơ Christina nói là tối qua đã nhận được thiên khải," bà làu bàu. "Marianne con của ta, không thể hiểu tại sao con lại biết tiếng Ý. Con đã đạt được kỳ tích đó bằng cách nào vậy?"

Xơ Christina gật đầu trấn an, làm tôi thêm can đảm. "Khi con nghe các ngôn ngữ, con cứ thế là hiểu được thôi ạ," tôi nói. "Con không biết tại sao mọi người lại không làm được thế."

"Con cũng hiểu được những ngôn ngữ khác chứ? Đây thật là một khả năng tuyệt vời."

"Cho phép con được nói," Gertrud xen vào. Bà già gật đầu đồng ý. "Phán xét của Người thật đúng đắn, thưa Tu viện trưởng. Luôn luôn là thế. Nhưng, con nghĩ chúng ta nên cẩn thận xét xem năng lực kỳ dị ấy đến từ đâu. Con cho rằng chúng ta cần phải cẩn trọng, vì chúng ta biết quá ít về sự ra đời của đứa trẻ này. Có gì bảo đảm rằng năng lực này đến từ Chúa, mà không phải từ... một Thực thể khác?"

Tôi chẳng có tư cách gì để đấu lại Gertrud trong tình huống này nhưng, thật may mắn, xơ Christina thì có. "Thế xơ nghĩ nó có thể đến từ đâu, thưa xơ Gertrud?"

"Những cái tên đó tốt nhất không nên thốt khỏi miệng, nhưng xơ hẳn biết rất rõ rằng có những lực lượng mà những linh hồn chính trực như chúng ta luôn phải đề cao cảnh giác. Tôi không nói đây là trường hợp đó, tôi chỉ đề xuất rằng chúng ta cần phải khôn ngoan xem xét mọi khả năng."

Tu viện trưởng đáp lại lời cáo buộc. "Cho tới khi chúng ta có lý do để tin khác đi, chúng ta hãy cứ cho rằng đây thực sự là thiên khải của Chúa chứ không phải âm mưu của Kẻ thù."

Tôi có thể đoán chắc rằng Gertrud còn muốn nói nữa, nhưng đã biết ý mà dừng lại. "Vâng, thưa Tu viện trưởng. Dĩ nhiên ạ."

Bà già lại tiếp tục. "Ta cho rằng đây không chỉ là một thiên khải mà còn là một lời kêu gọi nữa. Có phải tất cả mọi người đều nói được các ngôn ngữ trên đời không? Có phải tất cả mọi người đều có thể làm phiên dịch không? Không. Khi một tài năng tuyệt diệu như thế được phát hiện, nghĩa vụ của chúng ta là phải đảm bảo rằng nó được đem ra phụng sự công cuộc vinh danh Chúa. Con đồng ý chứ, xơ Gertrud?"

"Con đồng ý rằng chúng ta, tất cả mọi người, nên làm những gì có thể để phụng sự Người." Cách Gertrud rặn những từ này ra khỏi miệng không khác gì một mụ hà tiện nhón từng cắc một ra khỏi ví của mụ vậy.

"Ta rất vui khi con nói thế," tu viện trưởng tiếp tục, "vì ta đã quyết định sẽ để con đưa đứa trẻ vào phòng viết. Rõ ràng con bé có năng khiếu ngôn ngữ, và việc đào tạo sẽ được tiến hành ngay lập tức."

Tôi thảng thốt. Giá có thể thấy trước viễn cảnh mình bị đem cho Gertrud dạy dỗ, tôi sẽ không bao giờ bước ra khỏi góc nhà ấy. Cái mà vị nữ tu viện trưởng coi là "phần thưởng" dành cho tôi thực sự là đòn nặng nề nhất trong tất cả những đòn trừng phạt, và tôi chắc chắn rằng sự phẫn nộ của tôi chỉ thua mỗi của Gertrud thôi. Cuối cùng thì chúng tôi cũng đã có chung một niềm tin: rằng đây đúng là một ý tưởng khủng khiếp.

"Marianne chẳng qua chỉ là một đứa trẻ," Gertrud cự lại, "chắc chắn nó chưa sẵn sàng cho những trách nhiệm ấy. Dù nó có thể có vài kỹ năng cơ bản, nhưng vẫn còn nhiều phẩm chất khác nữa cần cho công việc. Sự kiên nhẫn, ví dụ thế, và sự tập trung chú ý từng chi tiết mà một đứa trẻ chưa thể có được."

"Nhưng con bé sẽ học," tu viện trưởng đáp lại, "theo con."

"Con khẩn khoản xin được bàn luận thêm về vấn đề này. Con hiểu những gì Người nghĩ nhưng..."

Tu viện trưởng ngắt lời bà. "Ta rất vui khi thấy con đã hiểu. Con không muốn ta đi ngược lại ý Chúa chứ con gái, xơ Gertrud?"

"Vâng, dĩ nhiên là không rồi, thưa Tu viện trưởng." Gertrud chắp tay ra sau lưng, và tôi có thể nghe thấy tiếng móng tay bà đâm sâu vào lần vải áo chùng. Xơ Christina tiến lên trước, đặt một bàn tay lên vai tôi, và hỏi xem liệu - với sự cho phép rộng lượng của tu viện trưởng - có thể cho chúng tôi được vài phút riêng tư không. Tu viện trưởng chấp thuận đề nghị rồi rời gót. Gertrud cũng ra khỏi phòng, giận dữ nuốt không khí trong khi cố hết sức không đóng sầm cửa lại trên lối ra. Bà không thành công cho lắm.

Xơ Christina nói. "Ta biết con không thích thú ý tưởng này lắm, nhưng ta thực sự tin rằng xơ Gertrud là một phụ nữ tốt và rất thánh thiện, con có thể học được rất nhiều từ bà ấy. Dù bây giờ con chưa thể hiểu được, nhưng tài năng của con rất xuất chúng và bất ngờ. Chúa hẳn đã dành cho con một kế hoạch vĩ đại và lương tâm ta không cho phép mình làm lơ chuyện này. Chúng ta phải tin vào sự soi rạng này và nhớ rằng Chúa không cho phép điều gì xảy ra ngẫu nhiên cả."

Anh có thể hình dung rằng một đứa trẻ làm sao hiểu được những điều như thế, dù nó có được nuôi dưỡng trong tu viện đi nữa. Làm sao mà kế hoạch của Chúa lại bao gồm cả việc cho Gertrud huấn luyện tôi chứ? Tôi rền rĩ cho đến khi mặt đỏ bừng và nước mắt chảy dài xuống má. Xơ Christina cứ để tôi xả ra hết và thậm chí còn chịu ăn mấy cú đấm giận dỗi của tôi nữa. Tuy nhiên, bà cũng tránh mấy cú đá của tôi, thế nên tôi đoán sự tự hy sinh bản thân của bà cũng có giới hạn. Khi cuối cùng tôi cũng kiệt sức và ngồi phịch xuống sàn nhà, bà liền ngồi xuống bên cạnh tôi.

Tôi nói với bà là tôi ghét bà, nhưng cả hai chúng tôi đều biết đó không phải sự thật. Bà vuốt tóc tôi và thầm thì với tôi rằng mọi thứ sẽ ổn thôi, chỉ cần tôi tin vào Chúa. Và rồi bà lấy thứ gì đó ra khỏi áo chùng của mình, một cuốn sách bà đã giấu trước đó.

"Sáng nay khi đến đánh thức Paolo, ta thấy ông ấy đã ra đi bình an trong giấc ngủ. Không chút đau đớn, ta tin thế, nét mặt của ông rất thanh thản. Nhưng rõ ràng tối qua ông ấy đã

muốn con giữ cuốn sách này, nên ta sẽ hoàn thành nốt tâm nguyện cuối cùng của ông là đưa nó cho con bây giờ."

Xơ Christina trao cho tôi một cuốn Kinh Thánh viết bằng tiếng Ý, cuốn sách đầu tiên tôi có thể gọi là của mình. Rồi bà dẫn tôi tới phòng viết, để tôi có thể bắt đầu phụng sự ý Chúa.

Chú thích

(18) Tiếng Thụy Điển, nghĩa là "tốt đẹp".

(19) Ân điển (tiếng Đức).

CHƯƠNG 8

àm sao tôi có thể miêu tả được cuộc đời ở thời Trung cổ mà Marianne Engel nói là của cô, khi mà - dĩ nhiên - cô cũng như tôi, không còn sống ở thế kỷ mười bốn nữa? Thách thức không chỉ nằm ở tính thiếu chân thực trong câu chuyện, mà còn bởi tôi không còn có thể chỉ viết bằng giọng của chính mình nữa: bây giờ tôi phải viết theo cả giọng của cô. Tôi đã rất nỗ lực để viết lại câu chuyện về Engelthal chính xác theo những gì cô kể, nhưng nếu việc ghi lại những lời cô nói có gì sai sót thì rất mong được lượng thứ. Tôi đã cố hết sức rồi.

Câu chuyện cũng đặt ra câu hỏi rằng Marianne Engel thực ra đã điên đến mức độ nào. Cô có thật sự tin rằng mình đã được nuôi dạy trong một tu viện thời Trung cổ không, hay cô chỉ đang cố mua vui cho một bệnh nhân bỏng? Khi tôi cố bắt cô thú nhận cô chỉ đang bịa chuyện, cô nhìn tôi như thể chính tôi mới là kẻ điên và, vì tôi muốn cô lại đến nữa, nên tôi cũng khó lòng bắt cô nói khác đi được. Cuối cùng, tôi quyết định cứ để cô kể chuyện cho tới khi sự thật bị lột trần.

Tôi không phải người duy nhất nghĩ ngợi về tình trạng thần kinh của vị khách này. Bác sĩ Edwards đã đến thăm tôi với mục đích xa xôi là khuyên tôi hạn chế các cuộc viếng thăm tiếp theo của người phụ nữ mới xuất hiện trong cuộc đời tôi đây. Cuộc trò chuyện bắt đầu bằng lời cảnh báo về những rủi ro sức khỏe Marianne Engel có thể mang tới; do cô cứ lén lút vào khi các y tá không để ý và cô chẳng thèm quan tâm đến nội quy đồng phục dành cho khách thăm bệnh, ai mà biết được cô sẽ mang các thể loại vi trùng gì đến? Tôi gật gù tán thành ý kiến này nhưng bẻ lại rằng việc trông đợi một cái gì đó - một ai đó- - đến thăm hiển nhiên không hại gì đến quá trình hồi phục của tôi.

"Có thể là thế, nhưng anh cần phải tập trung vào việc hồi phục, chứ không phải là quan tâm tới..." Nan dừng một chút để soạn ra một cụm từ mang tính chính trị, "... những vấn đề chẳng có ích gì cho anh cả."

Bà mới nhanh nhảu làm sao khi cho tôi biết tôi cần gì, tôi nghĩ.

"Tôi đã làm nghề này lâu rồi và tôi thấy gia tăng căng thẳng có thể gây hại cho bệnh nhân thế nào."

Tôi hỏi liệu có phải bà lo lắng vì khách của tôi là bệnh nhân không thường xuyên của bệnh viện không, và Nan khẳng định chuyện đó chẳng có lợi cho Marianne Engel chút nào. Tuy nhiên, bà cũng mau miệng thêm rằng họ không, hay không thể, viện cớ này để cấm cửa Marianne Engel; vì cô được đánh giá là đủ khả năng hòa nhập xã hội, thế nên cô cũng đủ điều kiện đến thăm bệnh nhân. Tuy nhiên, tôi thấy Nan có thể dùng ảnh hưởng của mình để gây khó dễ hết mức.

"Tôi muốn nói với chị," tôi đề nghị, "nếu chị cho phép cô ấy tiếp tục đến, tôi sẽ tập luyện với Sayuri chăm chỉ hơn."

"Kiểu gì thì anh cũng vẫn phải làm thế thôi."

"Nhưng mà tôi sẽ không làm thế," tôi nói, "và chị sẽ chỉ nhận được cái chị đáng nhận được thôi."

Nan hẳn xét thấy bà sẽ không có vụ thương lượng nào tốt hơn cái tôi đang đề nghị, vì bà đã chấp nhận. Tuy nhiên, bà không thể không thêm vào, "Tôi không bắt buộc phải thích chuyện đó đâu nhé."

"Không, chị không cần phải thích đâu," tôi nói. "Chị chỉ cần để cô ấy yên thôi."

Không lâu sau cuộc gặp với bác sĩ Edwards, Connie đến cùng một tay hộ lý để đưa tôi tới một căn phòng biệt lập, cách xa các bệnh nhân bỏng khác. Tôi hỏi cô chuyện gì đang xảy ra - chắc chắn có nhầm lẫn gì rồi. Không đâu, cô trấn an tôi, tôi sẽ có phòng riêng, theo chỉ thị của bác sĩ Edwards, dù cô không biết tại sao. Cô nói với tôi rằng tôi nên cố hưởng thụ sự riêng tư của mình khi còn có thể vì nếu điều này là một nhầm lẫn, nó sẽ nhanh chóng bị sửa chữa thôi. Thay vì mang tôi ra khỏi chiếc giường xương, họ chỉ làm mỗi việc là đẩy cả cái giường ấy xuống hành lang rồi vào một căn phòng nhỏ hơn, nhưng rất đẹp và trống không.

Trống không, ấy là, cho tới khi Sayuri đến vẽ ra một bài tập mà cô muốn tôi bắt đầu luyện tập hằng ngày. "Bác sĩ Edwards bảo tôi là anh đang rất háo hức được tập những bài tập khó hơn," cô vừa nói vừa đặt một cái ván dài bằng thành giường lên giường, dựng nghiêng cách xa tôi. Trên tấm ván xẻ một cái rãnh lấy chỗ cho cô đặt hai quả bóng bạc nặng một cân vào. Tôi phải đẩy quả bóng lên tận đỉnh ván, và rồi lại nhẹ nhàng đỡ lấy khi nó lăn xuống chân ván. Cứ thế lặp đi lặp lại.

Tôi đã từng kéo những thiết bị quay phim nặng hàng chục cân đi quanh giường vào mỗi thước phim, thế mà giờ đây tôi lại phải hạ mình đẩy một quả bóng lên trên một cái ván gỗ. Tệ hơn, ngay cả nhiệm vụ đơn giản này cũng khiến tôi phải tập trung hết sức mình. Tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt băng bó của mình phản chiếu trên mặt cong của quả bóng bạc, và tôi càng đẩy quả bóng ra xa bao nhiêu, hình ảnh phản chiếu của tôi càng chạy ra xa bấy nhiêu. Sayuri tán thưởng mọi thành công của tôi. "Hoàn hảo!" Khi chúng tôi kết thúc, cô nhẹ nhàng đẩy quả bóng như thể nó là - ừm, như thể nó là một quả bóng nặng một cân vậy. Không những làm tôi nóng mắt vì khỏe hơn tôi, người phụ nữ Nhật Bản nhỏ bé này còn làm tôi nóng mắt hơn khi cô khẽ cúi đầu chào rời khỏi phòng.

Sau đó, khi bác sĩ Edwards tới bên giường bệnh của tôi, tôi đã hỏi về căn phòng riêng. Tại sao, tôi vặn vẹo, tôi lại được xài sang đến thế? Nó chẳng có vẻ gì là phần thưởng cho thái độ tốt của tôi, hay cho sự luyện tập khắt khe tôi vừa bắt đầu và sẽ còn phải tiếp tục cả.

Nan, theo lời bà, đang tiến hành một nghiên cứu mà bà rất mong được xuất bản về ảnh hưởng của phòng riêng trong việc chữa trị cho bệnh nhân bỏng so với phòng chung. Bà hy vọng trường hợp của tôi có thể cung cấp thêm một số góc nhìn sâu sắc về những bệnh nhân được chuyển phòng trong quá trình điều trị, và thật may mắn làm sao khi ngẫu nhiên lại còn một phòng trống. Khi tôi hỏi liệu điều này có đồng nghĩa với việc một lúc nào đó tôi có thể bị chuyển lại về phòng chung không, bà chỉ nói là vẫn chưa biết được.

Tôi trấn an bà rằng tôi rất vui được làm con chuột thí nghiệm bé bỏng bị cách ly cho bà chừng nào bà muốn, nhưng có chua thêm: "Chị chắc là không còn điều kiện nào nữa chứ?"

Bà nghĩ một chút, rồi quyết định hé thêm một sự thật - điều mà tôi đã đoán từ trước: "Anh cứ thoải mái tiếp nhận những cuộc viếng thăm của cô Engel, nhưng tôi thấy cô ấy không có lý do nào để đến thăm những bệnh nhân khác."

Tôi nói rằng tôi rất cảm kích sự quan tâm của bà dành cho những người khác, và bà gật đầu. Khi cả hai đều thấy rõ là chẳng còn gì để nói thêm, bà lại gật đầu cái nữa rồi nhanh chóng rời phòng.

Những chuyến thăm của Marianne Engel càng thêm phần thú vị vì giờ chỉ có hai chúng tôi, chẳng cần phải kéo rèm nhựa, và vì các bác sĩ đã thôi không bắt cô mặc đồng phục bảo vệ nữa. Quần áo thường ngày của cô được chấp nhận, phần vì tôi đang dần trở nên khỏe hơn và việc mặc đồng phục không còn bắt buộc nữa, nhưng, có lẽ quan trọng hơn, đó là vì đội ngũ y tá bác sĩ đã quá ngán cái cảnh cứ phải tranh luận với cô rồi. Marianne Engel là một vị khách mà tất cả bọn họ đều đồng lòng phản đối nhưng tôi lại đấu tranh để được có, cho nên tôi nghĩ họ đã quyết định là có rủi ro gì thì tôi tự đi mà chịu lấy.

Giờ đây khi đã có thêm nhiều không gian riêng, những cuộc chuyện trò của tôi với Marianne Engel ngày càng đa dạng: làm thế nào để nấu món mì lasagna chay; những trò chơi gì đang được tổ chức tại lễ hội ở Hamburg; vẻ đẹp buồn bã của bản giao hưởng cung D thứ dành cho kèn Oboe của Marcello; tập quán định cư của thổ dân da đỏ vùng duyên hải phía Tây nước Mỹ; vì sao người ta lại hát trong các ban nhạc rock; giá trị của văn học Canada trên tương quan so sánh với văn học Nga; khí hậu khắc nghiệt đã hình thành phẩm chất con người như thế nào; lịch sử nạn mại dâm ở châu Âu; vì sao người ta lại đam mê ý tưởng trong album "Heavyweight Champion of the World" của ban nhạc rock Reverend and The Makers; những cuộc hội thoại có thể diễn ra giữa một thành viên của giáo phái Nhân chứng Jehovah với một nhà khảo cổ học; và cả kẹo cao su giữ được hương vị trong cổ họng bao lâu. Những năm tháng thăm thú thư viện quả rất có ích cho tôi.

Tôi hỏi về Ba Vị Chủ Nhân của cô, và hỏi khéo rằng liệu những đấng phù trợ ấy có được nhiều nữ tu Trung cổ biết đến không. Cô nghiêm túc trả lời rằng không hề có chuyện đó

nhưng thực tế thì Heinrich Seuse cũng có Ba Vị Chủ Nhân mà ông cần có được sự đồng thuận (với cùng bài kinh tiếng Latin cô đã dùng) khi muốn nói chuyện với họ.

Phản ứng của tôi khá hiển nhiên: "Các vị bảo hộ của hai người có giống nhau không?"

"Không." Vị chủ nhân đầu tiên của Seuse là thánh Dominic, người sáng lập dòng Dominica, chỉ cho phép nói chuyện ở thời gian và địa điểm thích hợp. Vị chủ nhân thứ hai, thánh Arsenius, chỉ chấp nhận những cuộc nói chuyện không liên quan đến các vấn đề vật chất. Vị chủ nhân thứ ba, thánh Bernard xứ Clairvaux, chỉ cho phép Seuse được nói khi việc đó không làm ông ấy bị rối loạn cảm xúc.

"Còn những vị chủ nhân của cô?"

Cô nói rằng chủ nhân của mình là Meister Eckhart, một nhà thần học nổi tiếng đã hoạt động suốt thời xơ Marianne còn trẻ; Mechthild von Magdeburg, lãnh tụ tinh thần của người Beguine, người sáng lập Engelthal; và cha Sunder, người cô đã nhắc đến trước đó.

Khi cuộc trò chuyện cuối cùng cũng xoay quanh sự nghiệp khiêu dâm của tôi, nó hầu như chẳng còn đặc biệt nữa; chỉ là chút gia vị cho một cuộc nói chuyện trên trời dưới biển. Tuy vậy, cô rất tò mò về công việc đó và đặt nhiều câu hỏi làm tôi phải trả lời hết công suất. Khi kết thúc, tôi hỏi công việc kiếm sống của tôi có làm phiền lòng cô không.

"Không hề," cô trả lời, và nhắc tôi nhớ rằng thậm chí cả thánh Augustine cũng sống một cuộc đời hoan lạc trước khi cất lời khẩn nài nổi tiếng với Chúa, "Hãy cho con trở nên thánh thiện - nhưng cứ từ từ thôi."

Điểm khác biệt, tôi chỉ ra cho cô, là tôi sẽ không đến với tôn giáo để trốn tránh quá khứ của mình. Marianne Engel nhún vai tỏ vẻ bàng quan. Không biết có phải cô nghĩ tôi đã sai và rồi tôi sẽ có niềm tin vào Chúa không, hay đơn giản là cô không quan tâm. Nhưng việc chuyển chủ đề trò chuyện cũng gợi lên vấn đề về đức hạnh và tôi bèn ướm hỏi liệu cô có biết chuyện xảy ra với cái ấy của tôi trong đám cháy không.

"Tôi được các bác sĩ thông báo là nó đã bị mất," cô trả lời.

Thế là cô đã biết, nhưng cô nghĩ gì? "Và...?"

"Và thật đáng tiếc."

Phải, thật đáng tiếc. "Tôi cứ tưởng cô không thích nói chuyện với các bác sĩ."

"Tôi cần biết rõ về những vết thương của anh nên không thể tránh nói chuyện đó."

Đó là dấu chấm hết cho cuộc trò chuyện ngày hôm ấy về của quý bị mất của tôi; quá nhiều so với những gì tôi định nói rồi.

Mỗi lần đến thăm, Marianne Engel lại ăn mặc chỉn chu hơn lần trước, thành một người phụ nữ mới. Cổ tay cô lủng lẳng các loại vòng từ khắp nơi trên thế giới: Aztec, Maya, Tonka Toy, Ojibwa. Ngón tay cô đeo đầy nhẫn nhựa, những con voi màu vàng tên là Duke Elliphant và Ellaphant Gerald. Đôi giày thể thao của cô đính đầy hạt xê quin khiến tôi liên tưởng tới cả một đàn cá nhiệt đới đang bơi loạn xạ. Khi ra khỏi phòng để hút thuốc, cô nâng vạt váy màu tím lên để nhún gối chào. Tôi hỏi nguyên cớ gì đã làm cô thay đổi gu thẩm mỹ thế thì nhận được câu trả lời là vì tất cả mọi người đều nghĩ rằng cô điên, nên cô cũng mặc cho giống thế luôn.

Thật thú vị: đây là câu nhận xét khôi hài đầu tiên của cô về tình trạng thần kinh của bản thân. Tôi nghĩ có lẽ đó là sự khai mào mà tôi đang trông đợi, thế là tôi hỏi cô - chỉ ra rằng cô cũng đã hỏi bác sĩ về những vết bỏng của tôi - là cô được chẩn đoán đang ở trong tình trạng nào. Cô dập luôn chủ đề ấy bằng việc nói như đinh đóng cột rằng các bác sĩ chẳng qua không hiểu nổi sự quyến rũ đặc biệt của cô thôi.

Cô thò tay vào ba lô lấy ra một cuốn sách nhỏ bìa da. Cô muốn đọc to cho tôi nghe, cô nói thế. Địa ngục của Dante. Một lựa chọn tuyệt vời cho phòng bỏng, tôi nhận xét, và nói thêm rằng dù rất yêu văn học, nhưng đây là tác phẩm kinh điển mà tôi chưa bao giờ đọc.

Cô mỉm cười như thể biết điều gì đó mà tôi không biết. Cô có một linh cảm mạnh mẽ, cô nói, rằng tôi sẽ không chỉ thấy cuốn đó phù hợp với sở thích của mình mà còn rất thân thuộc nữa.

Marianne Engel đang kể câu chuyện cuộc đời cô hồi thế kỷ thứ mười bốn. Giờ, nếu cô có thể làm thế này thì chắc độc giả cũng sẽ không phiền nếu tôi cung cấp chút thông tin về cuộc đời của Sayuri mà tại thời điểm này trong thời gian nằm viện dưỡng bệnh tôi chưa biết. Để biện minh cho việc nhảy khỏi trình tự thời gian, tôi phải nói là cô Mizumoto chỉ kể cho tôi nghe những chuyện này sau khi chúng tôi đã trở nên thân thiết - và ít nhất thì câu chuyện của cô cũng có thật.

Sayuri là con thứ ba, con gái thứ hai, của Toshiaki và Ayako Mizumoto. Vị trí con út quả là bất hạnh, vì điều đó có nghĩa khi còn bé thì cô là người thứ năm được tắm mỗi tối. Các gia đình Nhật Bản có truyền thống dùng chung bồn tắm và, dù họ đã rửa ráy trước khi vào bồn rồi, nước vẫn cứ đen dần đi sau mỗi lần tắm. Người cha vào trước, rồi đến các thành viên nam từ lớn nhất đến nhỏ nhất. Xong xuôi mới đến lượt phụ nữ tắm, lại theo trình tự từ lớn nhất đến nhỏ nhất. Điều này có nghĩa là cha, anh trai, mẹ, chị gái đều dùng bồn tắm trước Sayuri. Suốt cả quãng đời thơ ấu của mình, hằng đêm cô luôn phải ngâm mình trong dòng nước tích tụ chất bẩn của cả gia đình.

Đám cưới của Toshiaki và Ayako là sản phẩm của omiai, một cuộc hôn nhân sắp đặt. Nếu không phải một cuộc hôn nhân ngập tràn tình yêu, nó ít nhất cũng làm tròn trách nhiệm,

bằng chứng là ba đứa trẻ. Toshiaki làm việc chăm chỉ ở cơ quan, quán rượu và quán karaoke; Ayako quán xuyến việc nhà, giữ tay hòm chìa khóa và sắp sẵn thức ăn đợi chồng khi ông ta về nhà trong tình trạng say xỉn và hát hò ầm ĩ. Họ hoàn thành những nghĩa vụ cần thiết để được xếp vào danh sách những gia đình Nhật Bản bình thường, và cả Toshiaki lẫn Ayako đều mong muốn con cái của mình sau này cũng đáp ứng được những yêu cầu ấy.

Đứa con trai đầu lòng của họ, Ichiro - cái tên, tiện đây nói luôn, nghĩa là Đứa Con Đầu Lòng - vào một trường đại học tốt. Vì thế, anh ta nhận được một công việc tốt với đồng lương hậu hĩnh ở một công ty tên tuổi sau khi tốt nghiệp; mọi sự diễn ra như thế. Thực ra thì, Ichiro chẳng cần phải chú tâm học hành sau khi được nhận vào trường làm gì, vì việc được nhận vào trường mới quan trọng, học hành á, không đến mức ấy. Sau khi kiếm được một công việc tốt, anh ta làm việc vài năm rồi cưới một cô gái Nhật Bản con một gia đình tử tế ở một độ tuổi hợp lý. Rất ngẫu nhiên, độ tuổi hợp lý của một cô gái Nhật Bản luôn nhỏ hơn hai lăm, vì đó là khi cô ấy trở thành một cái "bánh Giáng sinh". Những cái bánh Giáng sinh, như mọi người đều biết, trước ngày hai lăm thì được thèm muốn nhưng sau đấy thì rất nhanh hỏng và bị bỏ đi. Vợ của Ichiro mới hai ba, thế nên cô ấy còn lâu mới đến ngày hết đát. Toshiaki và Ayako rất hài lòng; Ichiro sẽ thừa kế căn nhà và chăm sóc phần mộ của bố mẹ sau khi hai cụ qua đời.

Chị của Sayuri, Chinatsu - một cái tên thật đáng yêu, nghĩa là Một Nghìn Mùa Hè - cũng đã theo học ở một ngôi trường tốt, rồi làm nhân viên văn phòng vài năm và kết hôn lúc hai mươi tư tuổi rưỡi. Vừa kịp. Cô bỏ việc và bắt tay vào kế hoạch sinh con luôn. Một lần nữa, hai ông bà lại rất hài lòng.

Và rồi đến lượt cô con gái út nhà họ, cô bé rắc rối Sayuri ấy. (Tên cô có nghĩa là Hoa Loa Kèn Bé Nhỏ. Quả thật, người Nhật đúng là những bậc thầy đặt tên.)

Sayuri nhỏ hơn Chinatsu vài tuổi. Cha mẹ cô không bao giờ dám gọi cô là một tai nạn nhưng, thỉnh thoảng thôi, họ cũng nói hớ ra là cô "nằm ngoài kế hoạch". Cha mẹ cô, nếu bị ép buộc, cũng sẽ thừa nhận rằng những thứ nằm ngoài kế hoạch có thể khá phiền nhiễu nhưng, mặt khác, nếu hai đứa trẻ trước đã tốt rồi thì đứa thứ ba hẳn phải tốt hơn một phần ba. Tuy nhiên, khả năng toán của Sayuri phát triển đến độ đủ nói cho họ biết rằng thêm một vào hai thực ra có thể làm tăng gấp rưỡi chất lượng, chứ không phải chỉ một phần ba đâu.

Ichiro và Chinatsu đều đã đi những con đường đúng đắn và làm những gì đáng được trông đợi. Hình mẫu được xây dựng vững chắc, được gấp lại gọn gàng và cất đi như một chiếc áo kimono đẹp đẽ; khuôn mẫu cư xử đúng mực gần như đã trở thành một vật thừa kế truyền đời. Tất cả những gì Sayuri phải làm, để tiếp tục hoàn thiện cuộc đời hoàn hảo của bố mẹ cô, ấy là noi gương anh chị. Nhưng điều này, thật bất hạnh, lại là điều cô không bao giờ muốn. Nếu làm thế, cô lý luận, cô không chỉ bị đày đọa suốt thời thơ ấu mà cả đời cô cũng sẽ phải vật vã trong cái bồn tắm gia đình bẩn thỉu.

Vấn đề là Sayuri không chắc cô thực sự muốn làm gì, thế nên cô khôn ngoan im miệng và chờ thời cơ. Cô học hành cực chăm thời trung học, nhưng sau lưng bố mẹ, cô đã dành toàn bộ thời gian còn lại của mình để học tiếng Anh. Họ không mảy may hay biết rằng mỗi tối thứ Ba hằng tuần, trong lúc họ hồn nhiên cho là con mình đang ở sân tập bóng chuyền thì thực ra cô lại được một phụ nữ người Úc tên Maggie phụ đạo tiếng Anh. Mỗi thứ Bảy Sayuri đều đi xem phim, không phải để giải trí mà để học nói như Jodie Foster, Susan Sarandon, và (thật không may) Woody Allen. Vào những chiều Chủ nhật, cô thường đến bảo tàng địa phương để săn khách du lịch Mỹ và khi dồn được một người vào góc rồi, cô sẽ hỏi xem liệu anh ta có thể nói chuyện với cô trong năm phút để cô luyện tiếng Anh được không. Các du khách đều đồng ý, vì ai có thể từ chối sự nhiệt tình đáng yêu thế chứ? Cùng lúc đó, Sayuri ngoan ngoãn điền đơn xin vào những trường đại học thích hợp tại Nhật Bản và đã được nhận vào một trường. Cha mẹ cô rất hạnh phúc. Giờ Sayuri chỉ còn phải lo tốt nghiệp, làm nhân viên văn phòng một vài năm, và bay khỏi giá bánh trước năm hai lăm tuổi.

Ngay sau lễ tốt nghiệp trung học phổ thông, Sayuri đến đại sứ quán Úc cùng Maggie để lấy visa lao động. Một tuần sau, Sayuri gọi điện thoại đường dài cho cha mẹ mình từ tít sân bay Sydney. Chẳng cần phải nói, họ thất vọng tràn trề, không chỉ vì hành động liều lĩnh và bất kính của cô mà còn vì cô đã không đủ can đảm nói lời tạm biệt trước khi rũ áo ra đi.

Thực ra thì, Sayuri làm thế không phải do thiếu can đảm, mà còn thừa là đằng khác. Nếu cô cố cãi lý với cha mẹ, họ sẽ không bao giờ để cô đi. Đó sẽ là một cuộc tranh luận mà cô không thể thắng nhưng cũng không muốn thua, vậy nên cô chỉ làm những gì cần làm để bắt đầu một cuộc sống mong muốn. Lúc đầu cha mẹ Sayuri tưởng con gái nói đùa - nó không thể gọi cho họ từ Úc được? Nó không có ý định ở lại đó chứ? Khi cuối cùng cũng chịu chấp nhận sự thật, họ đã hết đe dọa rồi lại thuyết phục cô. Sayuri cúp máy, vì nếu cô tiếp tục nghe thì cũng chẳng thay đổi được gì.

Cô ở Úc một năm, chuyển hết công việc này đến công việc khác: phục vụ bàn, sơn nhà cửa, hái quả, gia sư tiếng Nhật, vân vân và vân vân. Da cô thêm rám nắng nhưng nụ cười của cô ngày càng tươi, còn tiếng Anh thì ngày càng tiến bộ. Vấn đề lớn nhất cô gặp phải khi ở những nước phương Tây là cô thường phải đi mua sắm ở khu quần áo dành cho trẻ em để tìm những bộ vừa với mình, vì cô hơi nhỏ người kể cả với phụ nữ Nhật Bản. (Đây là lý do trong thời gian ở nước ngoài cô trông cứ như con búp bê.) Sayuri gọi cho cha mẹ mỗi tháng một lần - mỗi lần một trạm điện thoại khác nhau - để báo cho họ biết cô vẫn khỏe và lễ phép nghe khi họ khẩn khoản khuyên cô quay về. Thỉnh thoảng Ichiro viện cả sức nặng của giọng huynh trưởng đưa vào cuộc thoại. Sayuri cũng lờ mệnh lệnh của anh ta luôn.

Khi visa của Sayuri hết hạn, cô quay trở lại Nhật Bản. Mẹ cô khóc nức nở còn cha cô thì thét lên, mặc dù một phần trong ông cũng ngưỡng mộ những gì cô đã làm được. Sayuri thông báo với họ rằng cô sẽ theo học tại một trường đại học của Mỹ để lấy học vị. Trong suốt năm

tiếp theo, cô làm thêm ba việc một lúc, đỗ những kỳ thi năng lực tiếng Anh cần thiết và được nhận vào khoa vật lý trị liệu trường đại học Michigan. Khi đến lúc phải ra đi một lần nữa, mẹ cô lại tuôn thêm một dòng sông nước mắt Nhật Bản. Tuy nhiên, đến lúc này, người cha đã chấp nhận ý nghĩ điên rồ của cô con út. Khi Toshiaki đề nghị đỡ một phần học phí, Sayuri ôm chặt ông thật lâu. Chẳng biết phải làm gì, ông bèn cố ưỡn ngực đứng thẳng hết mức.

Sayuri hoàn thành khóa học với tấm bằng xuất sắc và được nhận vào một bệnh viện nơi rốt cuộc cô sẽ gặp tôi. Rất lâu trước khi tôi xuất hiện, cô đã trả được hết từng đồng học phí cha cô chu cấp.

Bác sĩ Hnatiuk cứ vài ngày lại đến phòng tôi một lần để đưa sách tâm lý học. Tôi bắt đầu thấy thích ông ta. Tôi chẳng biết mình thay đổi thái độ với ông ta từ khi nào vì tôi chưa từng phun ra câu: "Này, rốt cuộc sóc chuột cũng không đến nỗi tệ lắm đâu nhỉ." Ông ta cứ âm thầm tiếp cận tôi. Quan trọng nhất là ông ta đã không lôi cái quan hệ bác sĩ-bệnh nhân ra áp dụng với tôi nữa, mà cứ để cuộc trò chuyện diễn ra tự nhiên. Một điều quan trọng khác là ông ta cũng thích cái gargoyle Marianne Engel tặng tôi, trong khi Beth lại gọi nó là "thứ đồ nhỏ thó xấu xí". Tuy nhiên, điều thực sự làm tôi thấy có hứng thú với Gregor là, trái ngược với vẻ ngoài nhu nhược, ông ta là người sống đam mê và tận tâm với công việc. Một chiều nọ, ông ta kể tràng giang đại hải về những tên luật sư mà theo ông ta là kẻ thù lớn nhất của tâm lý trị liệu trong suốt nửa thế kỷ qua. Ông ta kể tôi nghe bọn họ đã đấu tranh cho quyền lợi của bệnh nhân như thế nào - đúng là đáng hoan nghênh - nhưng lại còn lên đến mức mặc kệ bệnh nhân ăn phân của mình nữa chứ. "Cứ mặc kệ bọn luật sư biến phân thành thức ăn dinh dưỡng."

Vài tuần trôi qua, Gregor bất ngờ thay đổi ngoại hình. Ông ta đã vứt đôi giày moca cùng chiếc quần nhung tăm siêu phản cảm và bắt đầu mặc những bộ quần áo dường như hợp với mình hơn. Dù chúng không thể được coi là "phong cách", nhưng nói chung cũng tạm chấp nhận được. Ông ta cũng chăm chỉ luyện tập thể thao đến độ đôi gò má hồng hào trông không còn giống như hậu quả của việc phi lên cầu thang nữa, và ông cũng đã giảm được chút mỡ thừa quanh bụng.

Gregor chẳng bao giờ hỏi vì sao tôi đọc sách tâm lý, nhưng ông ta luôn sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi của tôi về bệnh tâm thần phân liệt. Dù tôi chưa bao giờ đả động đến tên cô trong bất cứ cuộc nói chuyện nào, một ngày tôi đã nói hớ ra (thực ra cũng không hẳn là lỡ miệng cho lắm) rằng tôi thực hiện những nghiên cứu này vì sợ một người bạn của tôi CÔ TA KHÔNG PHẢI BẠN NGƯƠI có thể mắc chứng này. CÔ TA CHỈ LÀ MỘT CON ĐIÊN.

"Tôi biết rồi," Gregor nói. "Marianne Engel."

Gregor có vẻ thỏa mãn vì đã chứng tỏ bản thân mình hơn tôi một bậc, nhưng tôi đoán chắc ông ta cũng đã được thông báo về việc này khi bác sĩ Edwards cố thuyết phục tôi hạn chế các cuộc viếng thăm của cô. Gregor đúng là có điều trị cho cô vài lần, ông ta nói, là người

cuối cùng chữa cho cô khi cô phải nhập viện vì đã "nói chuyện với các hồn ma" nơi công cộng. "THẤY CHƯA?" Tôi hỏi sao ông ta lại không nói chuyện này với tôi từ trước. Ông ta dẫn lại lời thề Hypocrate, và chua thêm là sẽ không đả động đến cô nữa ngoài những điều đã nói.

"Vả lại," ông ta nói. "Tôi cũng sẽ không khẳng định hay phủ nhận đấy có phải một ca tâm thần phân liệt hay không."

Gregor cũng bảo rằng ông ta chưa bao giờ hé lộ nội dung những cuộc trò chuyện giữa tôi và ông ta cho bất kỳ ai. Tôi nói ông ta thích buôn gì thì buôn, vì tôi không phải bệnh nhân của ông ta. Đáp lại, ông ta bảo rằng chúng tôi vẫn đang ở trong bệnh viện mà tôi là bệnh nhân còn ông ta là bác sĩ, vì thế ông ta coi lý do này là đủ cho việc bảo mật thông tin rồi. Tôi bày tỏ suy nghĩ rằng các bác sĩ tâm thần nhìn chung đều vô tích sự và rằng tôi thực sự chẳng quan tâm đến những gì họ (ám chỉ ông ta) nghĩ về tôi.

"Ồ, có lẽ đúng là rất nhiều người trong chúng tôi đáng ra có thể làm tốt hơn thế," Gregor thừa nhận, "nhưng chúng tôi cũng có lúc xuất thần đấy. Ví dụ nhé, trong số những vấn đề nhân cách của anh, tôi có thể chẩn đoán được vấn đề lớn nhất."

"Thế đó là gì vậy?"

"Anh nghĩ mình thông minh hơn hết thảy những người khác."

Trừ quãng thời gian Marianne Engel biến mất gần cả tuần liền, giờ cô đến phòng điều trị bỏng gần như hằng ngày. Cô giúp tôi tập luyện, đặt hai tay dưới lòng bàn chân của cái chân còn lành lặn của tôi và giúp tạo độ cản khi tôi cố đạp như anh chàng cua rơ một chân.

"Tôi đã nói chuyện với bác sĩ Edwards," cô nói. "Bà ấy đã cho phép tôi mang cho anh chút thức ăn."

Vì giờ cô đã nói chuyện với bác sĩ của tôi, tôi hỏi liệu cô có cho phép tôi được nói về ca của cô với một trong những bác sĩ đã điều trị cho cô không. Nói rõ ra là, bác sĩ Hnatiuk.

Cô trả lời là không muốn tôi bàn luận về vấn đề của cô với bất cứ ai, và cảm thấy bị xúc phạm khi tôi dám đề nghị việc ấy. Trong tất cả mọi người, cô nói, lẽ ra tôi phải là người biết chắc cô không bị điên.

Có một khoảng lặng lúng túng giữa chúng tôi, cho tới khi Marianne Engel phá tan nó, "Paracelsus(20) đã kê một đơn thuốc điều trị bỏng gồm mỡ lợn rừng, dòi bò trong sọ một người đàn ông bị treo cổ và một phần xác ướp. Cả đống đó được nướng chín lên." Rồi cô bắt đầu giảng cho tôi nghe về lịch sử ghép da, suốt từ thời khởi thủy với những người Hindu cổ đại cho tới thời hiện đại. Tôi kéo một dải băng quấn trên chân tôi lên cho cô thấy những miếng da ghép hiện tại của mình, gồm cả mấy mảng da của người da màu nữa. Vì các bác sĩ

đã dùng một chiếc máy nghiền ép chỗ da này thành một tấm lưới có thể trải rộng trên bề mặt lớn hơn, sản phẩm cuối cùng trông không khác gì một bàn cờ biến dạng.

"Nếu anh là kẻ phân biệt chủng tộc," cô nói, lướt ngón tay trên tấm thân bàn cờ của tôi, "chắc anh thấy việc này khó chịu lắm."

Những ngón tay của cô nhẹ nhàng nấn ná trên vùng hoang địa ấy. Chúng lướt từ thân trên tới cổ tôi, ngừng lại nơi bả vai để uốn theo những đường cong. "Cảm giác khoác lên mình tấm da của người khác thì như thế nào vậy?"

"Tôi không có đáp án hay ho cho câu hỏi đó đâu," tôi trả lời. "Đau lắm."

"Anh có thể nhớ những câu chuyện của họ không? Anh có thể cảm nhận được tình yêu mà họ đã cảm nhận không?"

Thỉnh thoảng tôi cũng gặp khó khăn trong việc đoán xem liệu Marianne Engel có chờ câu trả lời thật không hay chỉ đang trêu tôi thôi. "Cô có nghiêm túc không đấy?"

"Điều đó làm tôi nghĩ về chúng ta," cô tiếp tục nói. "Điều đó làm tôi muốn khâu mình vào anh như những tấm da kia vậy."

Tôi đằng hắng.

"Anh có biết là," cô hỏi, "da của tôi cũng bị đóng dấu không?"

Tôi cũng phần nào nắm được ý cô. Khi cô mặc áo phông, tôi không thể không để ý đến những cụm từ Latin được xăm quanh bắp tay cô. Trên cánh tay trái là dòng chữ Certum est quia impossibile est. Khi tôi hỏi nó có nghĩa gì thì cô dịch ra là "Điều đó hiển nhiên vì điều đó không thể xảy ra." Trên cánh tay phải là dòng chữ Quod me nutrit, me destruit. Câu này, cô bảo, có nghĩa là, "Thứ nuôi dưỡng tôi cũng sẽ hủy diệt tôi."

"Tôi không hiểu," tôi thú thật.

Cô cười, "Ồ, đó là vì anh vẫn chưa nhìn thấy tôi tạc tượng thôi."

Rồi Marianne Engel thực hiện cái hành động nhỏ nhặt này. Cô chạm vào khuôn mặt tôi.

Thật là chuyện nhỏ nhặt, được ai đó chạm vào mặt ấy, đúng không? Nhưng hãy nghĩ đến những con quái vật bị lửa thiêu, bị hắt hủi trên thế giới này. Nghĩ đến những con người mà da họ không còn nhớ được xúc cảm yêu thương. Ngón tay cô nhẹ lướt trên khuôn mặt hoang tàn của tôi, luồn xuống dưới những dải băng để chạm vào đống tàn tích của mặt tôi. Những ngón tay ấy trìu mến du ngoạn lên đôi má băng bó của tôi, vất vả chạm đến môi tôi. Chúng dịu dàng nghỉ lại đó, trong giây lát. Tôi khép mí mắt cháy rụi của mình lại, những vết sẹo nhỏ túm tụm tại những nơi mà vài tuần trước các vết thương đã được khâu kín. Trái tim tôi đập loạn xạ trong lồng ngực và, cùng lúc, những lỗ chân lông bị bít chặt của tôi thi nhau làm việc quá tải, mà không giọt mồ hôi nào nhỏ ra cả.

"Khuôn mặt tôi thế nào?"

"Như hoang mạc sau trận bão."

CHƯƠNG 9

Tôi có một thôi thúc mãnh liệt muốn nói với cô rằng trước vụ tai nạn tôi rất đẹp, nhưng tôi không nói gì. Để làm gì chứ? Và rồi, tôi chạm vào má cô bằng bàn tay lành lặn của mình. Cô không hề lùi lại: không. Không hề lùi lại.

"Có nhiều điều tốt lành đang đến." Marianne Engel thì thầm, trước khi cô đứng dậy đi tới các góc phòng để nói chuyện với Ba Vị Chủ Nhân vô hình. Có vẻ như, dù bằng tiếng Latin, cô đang xin phép làm gì đó. "Jube, Domine benedicere."

Khi trở lại bên giường tôi, cô nở nụ cười chứng tỏ lời khẩn cầu của mình đã được chấp nhận. "Anh có muốn xem những hình xăm khác của tôi không?"

Tôi gật đầu, và cô bắt đầu bằng việc túm gọn mớ tóc rối bù của mình rồi búi lên cao để lộ gáy. Một hình thập tự nhỏ được xăm ở đó, là sự kết nối của ba sợi thừng không có điểm dừng. Cô bảo tôi chạm vào nó. Tôi làm theo. Tôi lướt tay theo chiều dài hình xăm, rồi chiều rộng; đóng dấu chữ thập trên da cô.

Cô cởi giày ra. Xung quanh mắt cá chân trái là hình một chuỗi tràng hạt, được xăm sao cho cây thập tự nằm ngang cổ chân cô. Bằng cách này, cô nói, cô sẽ luôn sẵn sàng sám hối. Nhưng cô lại mỉm cười, và rõ ràng cả cô cũng không quá coi trọng vấn đề này.

Tiếp theo, cô cởi quần ra - một hành động tôi hoàn toàn không ngờ tới, vì chẳng hiểu sao phim ảnh đã đóng đinh vào đầu tôi quan niệm phụ nữ luôn cởi đồ từ trên xuống. Cô không mặc đồ lót, nên thứ còn lại trên người cô chỉ là chiếc áo phông hình Beethoven đang say bí tỉ. (Chú thích? "Bản giao hưởng thứ chín của Beethoven.")

Hình xăm con rắn trải dài hết chân phải của cô, ở đúng chỗ con rồng thêu trên quần. Nó quấn quanh cô, đúng như cách Kinh Thánh thể hiện hình ảnh con rắn quấn quanh thân cây Trí tuệ của Thiện và Ác. Marianne Engel đứng đối diện tôi, và tôi có thể thấy thân con rắn xuất hiện đầu tiên ở đầu gối, bò dần lên và quấn hai vòng quanh đùi cô, với cái đầu hình thoi ngả vào xương chậu của cô, xiên về phía âm đạo.

Mắt cô dán chặt vào tôi. Cô cởi chiếc áo hình Beethoven ra, dù phải vật vã mới kéo được nó ra khỏi đầu, cho tới khi cô trần như nhộng đứng giữa phòng tôi, trừ cái vòng cổ hình đầu mũi tên đang lủng lẳng trên cổ.

Tôi đã có những giây phút bị kích thích trong phòng điều trị bỏng. Maddy đã cố hết sức trêu chọc tôi với cặp mông nhún nhảy của cô, và thỉnh thoảng cô còn ngoẹo cổ lại kiểm tra xem có xi nhê gì không nữa. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi thấy mình bị kích thích giới tính một cách trọn vẹn. Về mặt tâm thần, ít nhất cũng là thế; cơ thể tôi vẫn sản xuất hoóc môn dồn máu tạo sự cương cứng. Tôi chỉ không có chỗ cho dòng máu ấy đổ vào thôi. Tôi tưởng tượng máu đang tụ lại chỗ ấy, làm vùng háng của tôi đỏ bừng lên.

Có một hình thập tự nữa, lớn hơn nhiều so với hình xăm trên gáy cô, nằm trên bụng. Nó được xăm theo kiểu chữ thập Celtic, với bốn cạnh tụ lại điểm nút tròn ở trung tâm. Toàn bộ hình thập tự được bao quanh bởi một hình ô van, dài và hẹp, phủ từ đỉnh xương chậu cho tới tận đáy lồng ngực của cô. Ba chữ cái in hoa lớn - "IHS" - được viết ngay chóp đường cong trên của hình ô van.

Trên ngực trái của cô là một hình xăm Trái tim Thiêng liêng lớn, đỏ rực và được bao quanh bởi vòng hoa mão gai. Trái tim bị nuốt chửng trong biển lửa vàng rực bùng cháy, lan tận lên vai cô.

Cô đi về phía giường, để tôi có thể quan sát thân thể đầy hình xăm của cô được rõ hơn, và bảo tôi chạm vào hình xăm tên Chúa. Tôi chạm vào, da gà cô nổi lên dưới bàn tay còn lành lặn của tôi.

Cô quay người lại, ngồi lên mép giường, quay lưng về phía tôi. Đôi cánh thiên thần trải dài từ vai cô cho tới mông, nơi đầu nhọn của chiếc cánh đáp xuống. Đôi cánh phủ kín lưng cô và tôi không thể không giơ tay về phía chúng. Như thể tôi nghĩ mình có quyền chạm vào da cô, như thể tôi có quyền chạm vào vì nó là của tôi. Mất một thoáng tôi mới nhận ra là không phải thế - không thể làm thế được, thế là tay tôi dừng lại giữa không trung. Nó cứ lơ lửng ở đó bối rối một hồi cho tới khi Marianne Engel nói, không hề quay lại: "Tôi muốn anh chạm vào tôi."

Thế là tôi đi nốt phần còn lại của quãng đường, lướt ngón tay lên những đường nét của hình xăm đôi cánh. Chúng là sự kết hợp hoàn hảo của những nét kim xăm vừa mạnh mẽ vừa rất đỗi tinh tế, chi tiết đến nỗi người ta tưởng là lông thật. Giờ đây lưng của cô đang rung lên, và trái tim tôi cũng vậy.

Một lúc sau, cô ngượng ngùng nhìn tôi qua vai. Cô cười - hồi hộp, phấn khích - và tôi ngừng lại, phá vỡ mối liên kết qua những đầu ngón tay giữa hai người. Cô đứng dậy rồi mặc quần áo vào. Chúng tôi không nói một lời nào. Khi mặc quần áo xong, cô rời khỏi phòng luôn.

Không có tài liệu đủ sức thuyết phục nào chỉ ra đâu là thời điểm tốt nhất để tháo băng cho bệnh nhân bỏng, do việc teo cơ làm cho tình hình không thể tránh khỏi phức tạp. Cuối cùng, bác sĩ Edwards quyết định mạo hiểm chọn ngẫu nhiên một ngày để tháo lũ nhện máy ra khỏi chân tôi.

Việc tháo băng làm Sayuri, vốn luôn nóng lòng kéo tôi ra khỏi giường, sung sướng vô vàn. Cô vỗ tay hai lần trong trạng thái vô cùng phấn khích. "Anh đã sẵn sàng chưa? Anh đã genki(21) chưa? Đã đến lúc rồi!"

Maddy và Beth đứng sẵn sàng giúp đỡ, với đồng phục xanh da trời và đôi găng tay màu vàng to sụ. Họ kéo giãn cơ của tôi trong vài phút trước khi giúp tôi đạp chân để làm giảm sự

cứng cơ chân. Rồi mỗi y tá quàng một tay ra sau lưng tôi để đỡ tôi đứng dậy, giữ cho đến khi tôi đỡ chóng mặt. Từng chút một, họ thả lỏng tay ra cho tới khi tự tôi phải chống đỡ sức nặng của chính mình.

Lần đầu tiên từ khi bị tai nạn, tôi đang đứng. Sayuri oang oang đếm giây - "sáu... bảy... tám!" - trước khi chân tôi chuyển từ spaghetti chưa chín thành spaghetti chín. Ngay lập tức, máu dồn xuống người tôi như vừa nhớ ra trọng lực có tác dụng gì và ộc ra khỏi những vùng da bị lóc của tôi. Những dải băng quấn chân tôi nhuốm đỏ, xấu hổ vì sự vô dụng của mình; thời điểm tôi bất tỉnh đã tới.

Cánh phụ nữ đặt tôi trở lại giường và hân hoan với những nỗ lực của tôi. Khi đầu óc tôi đã bình tĩnh lại sau cú nâng thẳng vừa xong, tôi nhìn thấy bác sĩ Edwards đang đứng ở cửa phòng, nụ cười nở trên môi.

Trước khi cố đứng vững, đáng ra tôi sẽ nói - với thái độ trượng phu, hợm hĩnh nhất có thể - là kết quả thế quái nào chẳng được. Đứng là một hành động ngu ngốc mà trẻ con cũng không thèm chơi. Nếu bạn cho phép mình quan tâm đến việc mình đứng được hay không, ai biết bạn sẽ còn quan tâm đến cái gì nữa? Dù không muốn vui vẻ vì những trò vỗ tay reo hò, nhưng tôi thấy chúng có vẻ rất thật. Những người phụ nữ tự hào về tôi và, trái với phán xét có vẻ đúng đắn hơn của mình, tôi cũng tự hào về bản thân mình.

Thay vì phủi sạch thành quả của mình, tôi trở thành một thằng ngốc cười nhăn nhở. Tôi cám ơn mọi người vì đã giúp đỡ và điều duy nhất khiến tôi nuối tiếc là Marianne Engel không ở đó để nhìn thấy những gì tôi làm được.

Tôi hy vọng mình có thể ngủ ngon đêm đó, nhưng không. Giấc ngủ đến cùng cơn ác mộng.

Đêm đó tôi mơ thấy Sayuri dựng tôi dậy rồi đột ngột buông tôi ra. Cơ thể xiêu vẹo của tôi sụp xuống; tôi có thể cảm thấy con rắn ở xương sống cuộn mình lại rồi uốn éo vặn vẹo. NGƯƠI NGHĨ MÌNH CÓ THỂ TỰ ĐỨNG ĐƯỢC SAO? Nan ném phi tiêu về đống đổ nát vô dụng là tôi trong khi các y tá đập tay ăn mừng thất bại của tôi. Tôi nhìn xuống cái giường xương của mình. Lửa cháy, hàng ngàn ngọn nến đang cháy. Tôi muốn vươn tay ra dập tắt chúng nhưng cứ như thể có ai đó đã tháo hết cơ tay của tôi, biến tôi thành một con rối không dây. Lửa hóa thành những khuôn mặt cười giận dữ nhìn tôi và lưỡi lửa chẻ đôi liếm những tấm ga trên chiếc giường xương, khiến chúng trông như những tấm vải liệm cháy bùng bùng. Xương vỡ nát xung quanh tôi, kêu răng rắc giận dữ như một giàn giáo đang sụp đổ.

Nhóm bác sĩ y tá cứ tiếp tục cười. Một trong số họ nói bằng giọng Đức khàn đục: "Alles brennt, wenn die Flamme nur heik genug ist. Die Welt ist nichts als ein Schmelztiegel." Hình như trong mơ, tôi cũng có khả năng như Marianne Engel trong đời thực: khả năng đa ngôn ngữ. Tất cả mọi thứ sẽ cháy nếu lửa đủ nóng. Thế giới chỉ là một lò lửa đang hừng hực cháy.

Tôi bị mắc kẹt dưới những mảnh xương trong khi tấm vải liệm tiếp tục cháy. Những khuôn mặt trong lửa vẫn giữ nguyên nụ cười đầy căm hờn của chúng, những cái lưỡi phản trắc cứ liếm, liếm, liếm. TA ĐANG TỚI ĐÂY VÀ NGƯƠI CHẲNG THỂ CẢN ĐƯỢC ĐÂU. Tôi nghe tiếng những mũi tên rít trong gió. Tôi cảm thấy chúng cắm ngập vào tay tôi, tôi cảm thấy chúng cắm ngập vào chân tôi.

Tôi đã mơ một giấc mơ dài về lửa cháy, khi cuối cùng cơn ác mộng cũng kết thúc và tôi tỉnh lại, sự bồng bềnh của chiếc giường hơi làm tôi bối rối. Phải mất một lúc tôi mới chắc chắn mình đang mơ hay tỉnh.

Tôi kể với Marianne Engel về việc đứng được tám giây trong ngày đầu tiên cố gắng, và đứng được những mười ba giây vào ngày thứ hai. Cô cố gắng tỏ ra thán phục đúng cách đối với những thành tựu của tôi, nhưng hiển nhiên là cô đang bị rối trí vì chuyện gì đó.

"Có chuyện gì vậy?"

"Hả? Không, không, không có gì cả." Cô chạm tay lên cái u nằm thù lù, đang lớn lên từng ngày, trên vai tôi. "Cái gì thế?"

"Cái này gọi là giãn mô."

Tôi giải thích với cô là dưới da tôi có một quả bóng hơi nhỏ làm bằng silicone, và hằng ngày các bác sĩ tiêm thêm một chút muối vào đó. Khi quả bóng hơi phình ra thì da tôi cũng giãn theo, giống như khi người ta tăng cân ấy. Cuối cùng, quả bóng hơi bị hút cạn và tôi sẽ được thêm một mảnh da nữa, mảnh da ấy sẽ được cấy từ vai tôi xuống một điểm nhận nào đó trên cổ.

"Thật tuyệt, ước gì trong lần đầu tiên tôi có thể làm điều tương tự cho anh."

"Cái gì cơ?"

"Đừng bận tâm." Cô chạm vào chỗ u lần nữa, rồi mỉm cười. "Anh biết không, sự phát triển đó làm tôi nghĩ đến những đinh nhọt do Dịch hạch Đen gây ra."

"Cái gì?"

"Tôi có người bạn..." Cô dần nín bặt như thể đã đánh mất suy nghĩ của mình trong không trung. Cô ngồi đó vài phút, nhìn đăm đăm vào khoảng không, nhưng thay vì ngồi yên, tay cô vung vẩy còn nhiều hơn lúc nghịch điếu thuốc chưa hút hay chạm vào cái vòng cổ. Trông chúng như muốn xòe ra và tiết lộ câu chuyện cô đang giấu giếm tôi.

Cuối cùng, cô hất đầu về phía chiếc bàn đầu giường tôi. Trên đó là chồng sách tâm lý học mà cô đã luôn kìm nén để không hỏi gì về chúng. "Anh đang tìm hiểu tôi," cô nói. "Liệu tôi có nên thuê vài bộ phim khiêu dâm của anh để hiểu anh rõ hơn không?"

Điều này - dù tôi nghĩ sẽ không nói thẳng ra với cô dưới bất cứ hình thức nào - là điều mà tôi không bao giờ muốn cô làm. Tôi bắt cô hứa không bao giờ được xem bất kỳ bộ phim nào của tôi cả.

"Tôi đã nói với anh là tôi không quan tâm rồi mà," cô nói. "Anh thấy xấu hổ à?"

Tôi bảo đảm với cô là tôi chả xấu hổ gì đâu; tôi chỉ không muốn cô xem chúng thôi. Đó là sự thật, nhưng không phải tất cả: tôi không muốn cô xem chúng bởi vì tôi không muốn cô biết một tôi trước đây, rồi đem so sánh với tôi bây giờ. Tôi không muốn cô nhìn thấy vẻ đẹp của tôi, làn da mềm mại của tôi, thân hình cường tráng của tôi, và rồi lại phải nhìn lên cái thứ kinh tởm đang nằm trên chiếc giường trước mặt cô. Tôi nhận ra điều này rất vô lý, và dĩ nhiên cô cũng biết tôi từng có thời không bị bỏng, nhưng tôi không muốn điều đó trở nên thực tế với cô hơn nữa. Nếu cô có thể chấp nhận tôi như thế này, có lẽ chỉ vì cô không có gì để so sánh cả.

Marianne Engel đi về phía cửa sổ và nhìn chằm chằm ra ngoài trong giây lát, trước khi quay lại buột miệng: "Tôi ghét phải rời xa anh, và tôi muốn luôn được ở bên giường anh. Tôi cần anh hiểu là khi tôi nhận chỉ thị thì điều đó hoàn toàn nằm ngoài khả năng của tôi."

Đây là một trong những lúc hiếm hoi tôi hiểu được chính xác cô đang nghĩ gì: cô có một bí mật muốn chia sẻ, nhưng biết rằng đó là loại bí mật mà hầu hết mọi người không hiểu được. Bật mí là một vấn đề sống còn nhưng cô lại luôn lo rằng điều đó quái dị đến độ khó có thể nói ra. Chẳng hạn giống như khi giải thích rằng có một con rắn ký sinh trong xương sống của bạn ấy.

"Khi chuẩn bị làm việc," Marianne Engel bắt đầu, hít thật sâu, "tôi thường ngủ trên đá trong ít nhất mười hai tiếng đồng hồ, nhưng thường là lâu hơn. Đó là công đoạn chuẩn bị. Khi nằm trên một tảng đá, tôi có thể cảm nhận được nó. Tôi có thể cảm nhận được tất cả những gì thuộc về nó, mọi thứ bên trong. Nó rất... ấm áp. Cơ thể tôi chìm vào những đường nét của nó rồi tôi cảm thấy mình không trọng lượng, như đang trôi vậy. Tôi gần như... mất khả năng cử động. Nhưng điều đó thật tuyệt vời; nó hoàn toàn trái ngược với sự tê liệt. Nó giống như sự thức tỉnh, siêu thức tỉnh, đến nỗi tôi không thể cử động vì cảm giác ấy đã hoàn toàn lấn át."

"Cô có ý gì khi nói mình có thể cảm nhận được những gì bên trong tảng đá?" tôi hỏi.

"Tôi thu nhận những giấc mơ của tảng đá, và những con gargoyle trong đó nói cho tôi biết những gì tôi cần làm để giải thoát chúng. Chúng cho tôi nhìn mặt và chỉ cho tôi cách biến chúng trở nên trọn vẹn. Khi đã có đủ thông tin, tôi liền bắt tay vào làm. Cơ thể tôi tỉnh táo, nhưng tôi không có ý niệm gì về thời gian, không có gì trừ công việc. Nhiều ngày trôi qua tôi mới nhận ra mình không hề ngủ và cũng gần như không ăn gì. Như thể tôi đang cố đào một nạn nhân sống sót ra khỏi trận tuyết lở của thời gian đã tích tụ qua hàng thế kỷ rồi bất ngờ đổ ập xuống núi cùng một lúc. Những con gargoyle vẫn luôn ở trong tảng đá nhưng, chính

giây phút này, chúng không thể chịu nổi việc phải ở lại thêm chút nào nữa. Chúng đã ngủ vùi cả mùa đông trong tảng đá, và cái đục trong tay tôi mang mùa xuân đến. Nếu tôi đục đúng chỗ thì những gargoyle sẽ hiện ra như những bông hoa bừng nở trên bờ sông lởm chởm đá. Tôi là người duy nhất có thể làm điều đó, vì tôi hiểu ngôn ngữ của chúng và cũng là người duy nhất có thể trao cho chúng những trái tim cần thiết để bắt đầu cuộc đời mới."

Cô ngừng lại, dường như đợi tôi nói gì đó, bất cứ điều gì - nhưng người ta làm sao có thể đáp lại những lời tuyên bố như thế chứ? Vì cô muốn một câu trả lời nhanh gọn và tôi cũng muốn cô tiếp tục nói, nên tôi đã nói rằng đó có vẻ là một quá trình cực kỳ sáng tạo.

"Không, ngược lại là đằng khác. Tôi là một cái ống dẫn cho nước chảy ra chảy vào. Đó là một vòng tròn, một vòng tròn nước cuộn chảy giữa Chúa, những con gargoyle và tôi, vì đó chính là Chúa - một vòng tròn mà tâm ở khắp mọi nơi và chu vi thì không xác định. Và trong suốt thời gian tôi đục đẽo, giọng của gargoyle ngày càng to hơn. Tôi làm nhanh hết mức vì tôi muốn giọng nói đó dừng lại, nhưng nó cứ thúc giục tôi, đòi tôi giúp nó được tự do. Tiếng nói chỉ câm lặng khi tôi hoàn thành, và rồi tôi kiệt sức tới mức đến lượt tôi chìm vào giấc ngủ. Đó là lý do tôi mất hút năm, sáu ngày liền. Phải mất ngần ấy thời gian để giải phóng gargoyle và để tôi có thể hồi phục. Tôi không thể quyết định lúc nào một gargoyle sẵn sàng sinh ra và tôi cũng không thể từ chối nguyện vọng của nó. Vì thế hãy tha thứ cho tôi những khi tôi không xuất hiện, vì tôi không có sự lựa chọn nào khác."

Ừm, được rồi. Ít nhất bây giờ tôi cũng biết cô làm gì với những trái tim mà cô nghĩ là đang ở trong ngực mình. Chúng sẽ nằm trong những bức tượng cô tạc.

Tôi đã từng chắc chắn rằng Marianne Engel bị tâm thần phân liệt, nhưng căn cứ vào thói quen làm việc của cô thì giờ tôi phải tính đến khả năng cô có thể bị khủng hoảng tinh thần. Mọi bằng chứng đều dẫn đến hướng đó: khi tôi gặp cô lần đầu, trông cô mệt mỏi và vận toàn đồ đen; giờ cô thật rạng rỡ trong cả cách ăn mặc và tính cách. Những người bị tâm thần phân liệt thường có xu hướng lảng tránh các cuộc trò chuyện, thỉnh thoảng còn ngồi yên hàng giờ liền, nhưng Marianne Engel lại hoàn toàn trái ngược. Và còn bản chất công việc của cô nữa. Rất nhiều nạn nhân khủng hoảng tinh thần trở nên nổi tiếng trong lĩnh vực nghệ thuật vì chính tình trạng bệnh lý của họ đã thắp lên ngọn lửa nhiệt tình cần thiết để sáng tạo ra những kiệt tác. Đây, dĩ nhiên, chính là việc Marianne Engel đang làm: sáng tạo tượng đài. Nếu những thói quen chạm khắc của cô không phải đặc điểm của một người loạn thần kinh, tôi cũng chẳng tưởng tượng được đó là cái quái gì nữa.

Nhưng cũng có rất nhiều bằng chứng về bệnh tâm thần phân liệt. Cô miêu tả những tiếng nói phát ra từ tảng đá, trao cho cô những chỉ dẫn. Cô coi bản thân mình là sợi dây kết nối với các đấng thần linh, và sản phẩm của cô là quỹ đạo trao đổi thông tin giữa Chúa, những gargoyle và bản thân cô. Chưa kể đến cái "quá khứ" ở Engelthal và niềm tin Địa ngục là một ấn phẩm văn hóa thích hợp cho phòng điều trị bỏng nữa. Tóm lại, hiếm có sự kiện nào trong

đời cô mà không động chạm cách này hay cách khác đến Thiên Chúa giáo và, như đã nói từ trước, những người mắc chứng tâm thần phân liệt thường bị ám ảnh bởi các vấn đề tôn giáo.

Thống kê cũng đưa ra một dấu hiệu bệnh lý nữa. Bệnh tâm thần phân liệt hay gặp ở nam giới hơn nữ giới, nhưng hơn tám mươi phần trăm bệnh nhân tâm thần phân liệt nghiện thuốc lá nặng, và Marianne Engel thường xuyên nhảy khỏi phòng bỏng để hít chút nicotine. Và trong khi đang nói chuyện với tôi, mắt cô luôn bồn chồn, ánh nhìn cứ luôn khóa chặt lấy mắt tôi: điều này chỉ bắt đầu có ý nghĩa sau khi tôi đọc một cuốn sách của Gregor nói rằng những bệnh nhân tâm thần phân liệt rất hiếm khi chớp mắt.

Từ chối điều trị là tình trạng chung của cả hai bệnh lý, nhưng với những lý do khác nhau. Một người khủng hoảng tinh thần có thể từ chối dùng thuốc vì khi dùng liều cao thì cô ấy tin rằng không cần phải dùng liều thấp nữa, hoặc cô ấy đã quá nghiện liều cao đến nỗi liều thấp chỉ đơn giản là cái giá phải trả. Những người tâm thần phân liệt, mặt khác, lại có xu hướng từ chối dùng thuốc vì họ tin mình đang bị đầu độc - lời tuyên bố Marianne Engel đã đưa ra không chỉ một lần.

Giờ đây rất nhiều bác sĩ nghiêng theo giả thuyết là cả hai tình trạng bệnh lý này cùng song song tồn tại thường xuyên hơn nhiều so với những chẩn đoán thông thường, vì thế có thể người ta sẽ áp dụng cả hai chẩn đoán một lúc.

Cùng lúc lật các trang sách về sức khỏe tâm thần để hiểu cô rõ hơn, tôi càng ngày càng hiểu rõ bản thân mình, và tôi cũng không hoàn toàn thoải mái với những gì đọc được.

Tôi luôn so sánh mất mát của cô với mất mát của tôi, tự nhủ rằng cô không thể nào hiểu được nỗi đau thể xác của tôi trong khi tôi thực sự có thể hiểu được bản chất nỗi đau tinh thần của cô. Và trong khi rất nhiều chứng bệnh thần kinh có thể chữa khỏi nếu được điều trị đúng cách thì chẳng có một viên thuốc nào có thể khiến tôi trở lại bình thường. Một người điên điên dở dở vẫn có thể hòa mình vào đám đông nhưng tôi sẽ luôn luôn nổi bật với tư cách là một ngón tay cái cháy dở nhô lên khỏi nắm đấm loài người; điều này làm tôi có cảm giác mình là kẻ chiến thắng trong một cuộc thi không hề tồn tại.

Ngày hôm sau Marianne Engel xuất hiện trong bộ váy trắng giản dị với xăng đan hở ngón, nhìn cô người ta có thể lầm tưởng là một phụ nữ đến từ làng chài bên bờ Địa Trung Hải. Cô mang tới hai giỏ thức ăn, một trắng một xanh da trời, và tôi có thể nói chúng nặng đến thế nào theo cách cô khệ nệ xách vào phòng. Cúi người xuống, cái đầu mũi tên trên vòng cổ của cô nảy ra nảy vào trong cổ áo hình chữ V như miếng mồi gắn trên dây câu. "Cuối cùng tôi cũng có thể thực hiện được lời hứa là sẽ cho anh ăn rồi."

Tôi sẽ giải thích một chút về việc bác sĩ Edwards cho phép khách thăm bệnh mang đồ ăn vào phòng điều trị bỏng. Ngoài lợi ích tinh thần của một buổi picnic (nó là thế mà), còn có cả

lợi ích thể chất nữa. Cùng với việc sức khỏe khá lên, cơ thể tôi đã xảy ra tình trạng gọi là tăng chuyển hóa: một cơ thể bình thường chỉ cần hai nghìn calo một ngày thì sau một vụ bỏng nặng có thể tiêu thụ đến bảy nghìn calo. Dù các ống thông mũi họng hằng ngày vẫn cung cấp chất dinh dưỡng vào thẳng dạ dày nhưng thế vẫn chưa đủ cho tôi và tôi đã được phép, thậm chí còn được khuyến khích, ăn thêm thức ăn ngoài.

Trước đây Marianne Engel cũng đã mang đồ ăn nhẹ đến cho tôi, nhưng rõ ràng bữa ăn hôm nay thịnh soạn hơn rất nhiều. Cô mở hai cái giỏ ra - một đựng đồ nóng còn một chất đầy đá để làm lạnh - và bắt đầu bày thức ăn ra. Có một cái bánh mì focaccia tròn mới nướng, vẫn còn vương mùi củi cháy, một chai dầu ô liu và giấm balsamic. Cô phết một lớp màu đen lên trên mặt chất màu vàng rồi nhúng một mẩu bánh focaccia vào hỗn hợp chất lỏng lốm đốm đó. Cô đọc câu kinh quen thuộc trước khi nâng miếng bánh bỏ vào miệng tôi: "Jube, Domine benedicere."

Cô cũng mang cả pho mát nữa: Camembert, Gouda, pho mát xanh, pho mát sữa dê Iran. Cô hỏi tôi thích loại nào và khi tôi chọn loại làm từ sữa dê, cô toét miệng cười. Tiếp, vài cái bánh bốc khói trong giấy gói trông giống như bánh kếp nhưng mùi thì kinh không chịu nổi. Bánh ngọt Gordonzola không phải ai cũng ăn được, cô giải thích, nhưng cô mong là tôi sẽ thích nó. Tôi thích thật. Những miếng dưa lưới tròn nằm ngoan ngoãn giữa những lát thịt muối prosciutto mỏng dính, sắc vàng mọng nước lấp ló qua màu đỏ của thịt.

Cô tiếp tục khai phá hai cái giỏ. Những quả ô liu xanh mọng đến chói mắt, bị nhồi ớt ngọt đến căng tròn, nằm ườn thỏa mãn trong một cái tô vàng. Một đĩa đầy cà chua tẩm giấm đen với pho mát bocconcini tròn trắng như tuyết. Hàng ổ bánh mì pita và những chiếc chén tràn đầy món khai vị hummus và xốt tzatziki. Hàu, cua, sò điệp chìm đắm trong một cái chết êm ái giữa biển nước xốt marinara; những lát chanh nhỏ đứng thăng bằng trên rìa đĩa như những chiếc phao cứu sinh đang chờ được ném xuống. Xúc xích lợn rắc hạt tiêu đen. Những miếng chả lá nho, cố ra vẻ phong trần nam tính trong bộ com lê nhỏ xinh màu xanh, được ướp thơm bằng rượu vang đỏ. Những khoanh mực ống dày dặn. Thịt soulvaki được nướng xiên cùng những củ hành phết bơ ngọt ngào và hạt tiêu om. Một miếng thịt cừu vai nấu kỹ đến nỗi nó sẽ rời ra nếu bạn chỉ cần vừa nhìn nó vừa nghĩ đến cái nĩa vây quanh là gia đình khoai tây nướng nhỏ bé mà hạnh phúc.

Tôi ngồi như bị mắc kẹt giữa ngổn ngộn thức ăn, không dám cử động vì sợ sẽ hất đổ một cái đĩa nào đó. "Chúng ta không thể nào ăn hết chỗ này được."

"Hết hay không không phải vấn đề." Cô lấy một cái chai ra khỏi giỏ lạnh. "Hơn nữa, tôi chắc chắn các nữ y tá sẽ rất vui vẻ giúp đỡ chúng ta xử lý chỗ còn lại. Anh sẽ không nói với họ là tôi uống rượu chứ, nhỉ? Tôi thích rượu nho Hy Lạp vì có thể nếm được cả vị đất trong đó."

Mấy cô y tá nhanh chóng đứng lố nhố quanh cửa như một bầy chim hải âu háu đói. Tôi có một cảm giác hãnh diện kỳ lạ rất đàn ông, cái cảm giác ta có được khi bị bắt gặp đang hẹn

hò với một phụ nữ xinh đẹp. Đám y tá cười rúc rích và bình phẩm vài câu trước khi bỏ đi trực ca. Marianne Engel đưa từng miếng nhỏ vào miệng tôi. "Thử cái này đi... Anh sẽ rất thích. Nữa nhé."

Chúng tôi rất nỗ lực, nhưng số phận đã định sẵn là chúng tôi không bao giờ có thể ăn hết được. Khi chúng tôi cuối cùng cũng chịu thua, cô mang ra một cái bình giữ nhiệt bằng kim loại mỏng và đổ cà phê Hy Lạp vào hai tách nhỏ. Cà phê đặc quánh đến mức mất đến ba mươi giây mới đổ xong. Rồi cô mang món tráng miệng ra: bánh baklava phết mật ong dày đến nỗi trào cả ra ngoài như một tổ ong đang làm từ thiện. Kem gelato ba màu, xanh trắng đỏ. Và dĩ nhiên cả món bougatsa, cảm hứng cho tên con chó của cô - bánh ngọt nâu nhạt với kem trứng phết giữa những lớp bánh phyllo.

"Anh có thích nghe một câu chuyện không?" Marianne Engel nói. "Nó kể về tình yêu đích thực, tình anh em sâu nặng và những mũi tên tìm được đến đích."

"Lại về cô nữa à?"

"Không, đó là câu chuyện về người bạn tốt Francesco Corselini của tôi."

Chú thích

(20) Paracelsus (1493-1541) là nhà vật lý học, thực vật học, giả kim, thiên văn học và huyền bí học thời Phục hưng.

(21) Genki: khoẻ (tiếng Nhật).

CHƯƠNG 10

Nếu có một điều Graziana biết chắc thì đó là Francesco yêu quý của cô là một người đàn ông tốt. Anh là thợ rèn ở thành phố quê hương Firenze của họ và luôn nỗ lực trau dồi tay nghề, luôn cố gắng rèn một cái móng ngựa tốt hơn hay một thanh kiếm mạnh mẽ hơn. Thỉnh thoảng anh làm quên thời gian và chỉ dừng lại khi Graziana xuất hiện bên xưởng để gợi ý anh nên quan tâm đến lửa trong lò rèn ít thôi và quan tâm đến lửa trong lòng vợ nhiều hơn. Cô đùa là anh hẳn phải làm điều gì đó rất tệ trong kiếp trước nên giờ mới phải chăm chỉ đến vậy để chuẩn bị cho hậu sự dưới Địa ngục. Anh cười, hứa sẽ đến ngay, và Graziana cũng cười theo. Cô biết chồng mình sẽ chẳng bao giờ phải xuống Địa ngục.

Francesco không bao giờ được biết đến với vai trò "người làm kiếm giỏi nhất nước Ý" hay "người thợ rèn vĩ đại của thành Firenze", nhưng với anh điều đó chẳng quan trọng. Anh muốn được làm một thương nhân tốt, một người thợ rèn đáng tin cậy kiếm những đồng tiền chân chính, nhưng khát khao thật sự của anh là được làm một người chồng tuyệt vời. Anh làm những món quà xinh đẹp cho Graziana tại xưởng rèn của mình - chân nến, bát đĩa và những món trang sức tuyệt diệu nhất. Anh luôn tự hào nói rằng thành công lớn nhất của anh là đôi nhẫn cưới anh đã làm cho mình và Graziana. Trong một căn phòng ở nhà họ, có cả một bộ sưu tập đồ kim loại cho đứa con sắp được thụ thai của hai anh chị. Anh mơ về ngày mình sẽ là người cha tuyệt vời của những đứa con cô sinh ra.

Anh chàng Francesco này không phải một người đàn ông đẹp ngất ngây, nhưng vợ anh cũng chẳng phải tuyệt thế giai nhân gì. Đối với một số phụ nữ thì anh hơi lông lá quá, hai cánh tay rắn chắc của anh vươn ra từ một thân hình được vỗ béo bởi quá nhiều bia và mì sợi. Graziana thường gọi anh là L'Orsacchiotto - Con Gấu - và chọc chọc vào bụng anh, và Francesco sẽ đáp lại, "Tập luyện ghê lắm mới được thế đấy. Đây là kiểu cơ bắp thả lỏng."

Graziana có mái tóc dày và đôi mắt đen nhưng những điểm còn lại của cô thì chẳng có gì nổi bật. Tuy nhiên, Francesco luôn nói với cô rằng cô là người phụ nữ đẹp nhất nước Ý, anh tin như thế. Họ là một đôi thanh mai trúc mã và hầu như không ngày nào anh lại không cám ơn Chúa vì đã cho cô làm vợ mình.

Họ thật hạnh phúc. Cô thật tốt bụng. Anh thật tận tụy. Cần phải nói thêm gì nữa không?

Thật bất hạnh, có.

Đó là năm 1347 và một căn bệnh quái lạ đã tràn đến từ Trung Hoa, căn bệnh khủng khiếp nhất người ta từng biết. Nó càn quét khắp những bến cảng, vào sâu trong thành phố và vùng đồng quê nước Ý, giết người như đám cháy rừng thiêu rụi cây cối. Ở các thị trấn, chuông nhà thờ đổ không ngớt vì người ta tin rằng tiếng chuông sẽ đánh đuổi bệnh tật. Rất nhiều người tin rằng mùi của người chết làm căn bệnh đó lan tràn, nên họ luôn ra đường

với những chiếc khăn tay tẩm nước hoa che kín mặt. Trầm hương đốt khắp nơi, hòa lẫn với mùi hôi thối của xác chết...

Một chiều muộn, Graziana thấy sốt. Cô về phòng nghỉ một chút. Khi thức dậy vào tối hôm đó, cô đã phát hiện ra một cục hạch to bằng quả trứng ở háng, và những cục khác đang sưng lên dưới hai nách. Cô biết rằng Dịch hạch Đen đã tấn công mình.

Trong bếp, Francesco đang chuẩn bị thức ăn. Cô thét bảo anh đi, ngay lập tức, vì cô đã bị nhiễm bệnh. "Gavoccioli!"cô gào lên. Sưng bạch hạch đấy. Cô bắt anh phải cứu lấy chính mình, vì tất cả mọi người đều biết rằng sẽ không có thuốc chữa, không có hy vọng nào cả. Cô khẩn khoản, "Đi đi! Đi ngay đi!"

Căn bếp chìm trong tĩnh lặng. Graziana nằm trên giường, nghe im lặng trùm lên khoảng cách giữa cô và người chồng. Rồi cô nghe thấy anh bắt đầu gõ xoong chảo để giấu tiếng khóc. Vài phút trôi qua; Francesco bước xuống hành lang về phía cô. Cô la hét, chửi ầm lên bắt anh tránh ra xa, nhưng anh đã đứng trước cửa phòng với một khay mì sợi và chút rượu.

"Em sẽ thấy khá hơn nếu em ăn gì đó, chỉ một chút thôi cũng được," Francesco nói. Anh bước vào phòng, đặt cái khay xuống và ngồi bên cạnh cô. Rồi anh cúi xuống hôn cô.

Graziana cố đẩy anh ra. Đó là lần đầu tiên và duy nhất trong đời cô có ý từ chối anh nhưng Francesco dùng sức mạnh của người thợ rèn trong anh để áp đảo cô và hôn trả lại tất cả những sự kháng cự vào miệng cô. Sau vài giây cô nhận ra có chống cự cũng vô ích nên chấp nhận những nụ hôn của anh. Thế là xong.

Tối đó họ ăn một chút rồi đi nằm. Qua cửa sổ, trăng tròn nhìn họ trìu mến. "La luna è tenera," Francesco nói. Mặt trăng thật dịu dàng. Anh nhắm mắt lại và ôm cô chặt hơn. Điều cuối cùng Graziana nhìn thấy vào tối hôm đó là khuôn mặt anh đang ngủ. Khi cô thức dậy vào sáng hôm sau, khuôn mặt anh là thứ cô nhìn thấy đầu tiên trong ngày mới. Cô bị sốt rất cao, mồ hôi đổ đầm đìa, và mạch thì đập nhanh như ngựa phi nước đại.

"Nhìn này," anh dịu dàng nói, "những đốm đen đã xuất hiện trên da em rồi." Graziana bắt đầu khóc, nhưng Francesco mỉm cười vuốt tóc cô. "Đừng khóc. Chúng ta không có thời gian cho nước mắt đâu. Hãy để chúng ta yêu nhau khi còn có thể."

Buổi chiều hôm ấy, bệnh tình của Graziana đã đến lúc cực kỳ nguy kịch. Trong suốt ba ngày, họ nằm cùng nhau. Trong suốt ba ngày, Graziana hấp hối trong vòng tay anh khi anh kể cho cô nghe câu chuyện về những con thiên nga, về những điều kỳ diệu và tình yêu vĩ đại. Nửa đêm thứ ba kể từ khi cô ngã bệnh, Francesco bị những tiếng thở nặng nhọc của cô đánh thức. Cô quay mặt về phía anh.

"Đã đến lúc rồi."

Anh nói, "Anh sẽ sớm gặp lại em."

Francesco hôn Graziana lần cuối, mang hơi thở cuối cùng của cô vào tận sâu trong lồng ngực. "Ti amo," cô nói. Em yêu anh.

Sau khi cô ra đi, Francesco tháo chiếc nhẫn cưới khỏi ngón tay cô. Anh giờ cũng ốm rất nặng, nhưng vẫn cố gồng mình ra khỏi giường. Anh hầu như không thể đứng nổi, tập tễnh vì buồn nôn và sốt, nhưng anh vẫn cố ép mình đi về phía lò rèn. Vẫn còn một việc nữa cần phải làm.

Anh nhóm lửa và đốt lò. Anh nung chảy cả hai chiếc nhẫn cưới, của anh và của cô, rồi đổ chúng vào một chiếc khuôn hình mũi tên. Khi đầu mũi tên hoàn thành, anh đặt nó lên cán tên. Anh nhìn xuống dọc chiều dài mũi tên, đảm bảo nó thẳng và chuẩn như bất cứ mũi tên nào anh từng làm.

Francesco giật cây cung treo trên tường xuống. Nó từng thuộc về cha anh, một cung thủ vĩ đại, người đã hy sinh trên chiến trường khi Francesco và anh trai Bernado còn nhỏ. Cây cung này, cây cung được một người đồng đội của cha mang trở lại Firenze, là tài sản duy nhất của cha mà Francesco có được. Ngoài kỷ vật này, anh thậm chí còn không có chút ký ức nào về ông.

Anh quay về phòng ngủ, bên xác Graziana. Anh với tay qua ô cửa sổ mở và đặt cây cung ra ngoài. Giờ đã tảng sáng và anh nhờ một cậu bé đi ngang qua gửi lời nhắn tới cho anh trai anh, vốn đang sống tại một khu khác trong thành phố. Một tiếng sau, Bernado đã đứng ngoài cửa sổ phòng ngủ của Francesco.

Francesco khẩn nài người anh đừng lại gần thêm chút nào nữa, sợ rằng sẽ lây bệnh sang cho anh mình. Francesco xin một ân huệ cuối cùng.

"Bất cứ điều gì," Bernado nói. "Anh sẽ trân trọng nguyện ước cuối cùng của em."

Sau khi Francesco thỉnh cầu xong, anh ngồi lên giường, quay mặt ra cửa sổ. Giữa những tiếng sụt sịt, Bernado nâng cung lên và đặt mũi tên vào vị trí. Anh hít một hơi thật sâu, dồn hết sức và cầu xin linh hồn người cha dẫn đường cho mũi tên trúng đích. Bernado buông dây cung và để mũi tên bay đi. Đường tên đi chính xác và cái chết đến ngay lập tức.

Francesco ngã ngửa xuống giường, bên cạnh Graziana của anh, với đầu mũi tên được làm từ chiếc nhẫn cưới của hai người găm chắc vào tim. Anh đã chết như đã sống, trong tình yêu.

CHƯƠNG 11

Không ai có thể quy kết tôi quá lãng mạn được, vì ngay sau khi Marianne Engel kể xong câu chuyện thì điều đầu tiên tôi thốt ra là: "Cô không thấy việc cả hai cùng chết vì bệnh dịch là quá bi thảm hả?"

Tôi sẽ để các bạn tự tưởng tượng tông giọng của cô khi cô nói không, cô không thấy câu chuyện tình yêu này "bi thảm" chút nào.

Sau khi cô đi, tôi ngồi phân tích câu chuyện này từ rất nhiều khía cạnh khác nhau. Nó thật viển vông: nước Ý thời Trung cổ, hy sinh, cống hiến và những chiếc nhẫn cưới được bắn xuyên qua Trái Tim Người Chồng Đích Thực Của Tâm Hồn. Theo logic, tôi đi tới kết luận là điểm cốt lõi của câu chuyện không phải ở việc đôi ấy chết vì căn bệnh hiểm nghèo mà ở chuyện có một điều sâu sắc nào đó trong hành động của Francesco. Tuy nhiên, nếu đang ở trong bếp nấu mì mà vợ bắt đầu rên la vì những cục u to bằng con voi của cô ấy, tôi sẽ phi ra cửa sau ngay tắp lự.

Suốt mất ngày trời, tôi đợi Marianne Engel quay lại, háo hức muốn thông báo với cô rằng sau khi suy nghĩ kỹ càng tôi nhận thấy Francesco cũng không phải một anh ngốc vô phương cứu chữa cho lắm. Tôi muốn cho cô thấy tôi đang phát triển với tư cách một con người, như mấy ông sính dùng thuật ngữ tâm lý học hay nói, vì cô cần được cập nhật thông tin về những sự phát triển này. Khi cô không đến, tôi băn khoăn không biết có phải cô đã bị gọi đi phục vụ bọn gargoyle hay do tôi đã làm cô cụt hứng với mấy câu nhận xét chẳng chút lãng mạn nào của mình. Và cái bộ não to bằng quả óc chó của tôi bắt đầu hoạt động lại: Cụt hứng quái gì? Làm sao tôi lại có thể cho phép bản thân, dù chỉ trong giây lát, nghĩ rằng chúng tôi là một đôi cơ chứ? DỞ HƠI.

Beth đến bên giường tôi mang theo một cái gói mà cô nói vừa được người đưa thư chuyển đến. Tôi xé toạc ra thì thấy một lời nhắn viết trên cuộn giấy da nâu. Chữ trông như được viết bằng bút lông ngỗng, từ hàng thế kỷ trước, bay bướm với thư pháp thất truyền từ lâu.

Người yêu dấu của tôi.

Tôi sẽ làm việc trong vài ngày tới.

Những linh hồn lại chế ngự tôi một lần nữa.

Gargoyle khao khát được chào đời.

Sớm gặp lại anh,

M.

Tôi thấy rất thanh thản vì không phải tại tôi đã làm gì không hợp ý nên cô mới không đến; lý do chỉ đơn giản là một đợt chạm khắc nữa.

Có một bộ phim truyền hình trên ti vi. Edwards lại bị mất trí nhớ lần nữa, còn cô chị gái biệt tăm biệt tích của Pamela đã quay trở lại sau chuyến đi từ thiện tại châu Phi. Tôi đẩy quả bóng lên tấm ván. Tôi nhìn khuôn mặt phản chiếu của mình trên lớp bạc lăn đi. Tôi đạp chân. Thêm nhiều lớp da nữa được thu hoạch. Morphine tiếp tục nhỏ từng giọt một. Con rắn tiếp tục liếm đáy sọ tôi. TA ĐANG TỚI ĐÂY VÀ NGƯƠI CHẲNG THỂ CẢN ĐƯỢC ĐÂU. Và còn nữa: THẰNG ĐỂU, ĐỒ THUA CUỘC, ĐỒ HAY THAN VÃN, THẰNG NGHIỆN, QUỶ SỨ, QUÁI VẬT, ÁC MA, ĐỒ KHỐN, QUÁI THÚ, VŨ PHU, YÊU TINH, ĐỒ HẾT THỜI, ĐÃ CHẲNG LÀ CÁI GÌ RA HỒN, SẼ KHÔNG LÀ CÁI GÌ RA HỒN. KHÔNG ĐƯỢC YÊU, KHÔNG ĐÁNG YÊU, KHÔNG PHẢI NGƯỜI.

A, con rắn ngu ngốc thì biết cái quái gì? Marianne Engel đã gọi tôi là "Người yêu dấu của tôi".

Tôi nghĩ về Francesco làm việc trong hơi nóng lò rèn. Tôi nghĩ về Graziana ăn mì sợi trên giường bệnh, chỉ một chút để cô cảm thấy đỡ hơn. Tôi nghĩ về những người yêu nhau khi cái chết đang đến gần, tôi cố gắng tưởng tượng mình sẽ trân trọng một người nào đó đến mức sẽ chết vì họ; tôi, người thấy việc sống cho chính bản thân mình đã khó khăn lắm rồi. Và tôi cố gắng hình dung chuyện gì sẽ xảy ra khi cuối cùng tôi cũng được rời khỏi khoa bỏng, và mối quan hệ của tôi với Marianne Engel sẽ thay đổi như thế nào.

Bệnh viện là một môi trường biệt lập nơi tôi thấy sự lập dị của cô thật đa dạng sắc màu, nhưng đó cũng là nơi sự lập dị ấy không có khả năng thật sự ảnh hưởng đến cuộc sống hằng ngày của tôi theo một cách tiêu cực. Tôi được bảo vệ bởi một thời gian biểu đều đặn, và nhóm bác sĩ chịu đựng cô vì tôi đã đấu tranh cho những cuộc viếng thăm của cô và vì tôi chẳng có một người bạn nào khác - ngoại trừ, có lẽ, Gregor. Vì mới chỉ gặp cô trong một môi trường bó hẹp, hạn chế, tôi bắt đầu băn khoăn thế này: ở đời thực, Marianne Engel sẽ còn điên tới mức nào nữa?

Khi cô nói về những trái tim trong ngực mình, hay cuộc sống của cô bảy trăm năm về trước, đó quả là một sự chuyển hướng tuyệt vời khỏi sự đơn điệu thường ngày. Thỉnh thoảng tôi hơi khó chịu, nhưng trong lòng tôi thường thấy rộn ràng khi nghĩ cô cảm thấy một "mối liên hệ thần bí" với tôi. Nhưng tôi sẽ đối xử với cô như thế nào nếu cô gặp tôi trước vụ tai nạn? Không nghi ngờ gì nữa, tôi chắc chắn sẽ phẩy tay xua cô đi và tiếp tục con đường riêng của mình. Chỉ là một mụ điên khác thôi. Trong bệnh viện, dĩ nhiên, tôi không thể bỏ đi đâu được cả.

Sẽ đến lúc tôi có thể bỏ đi được, nếu tôi muốn.

Cô Marianne Engel của tu viện, lần gặp gần đây nhất là một đứa trẻ sống ở đầu thế kỷ mười bốn, đã bắt đầu công cuộc tập huấn của mình trong phòng viết tại Engelthal. Những trụ sở như thế được lập ra từ vài trăm năm trước, khi Charlemagne ra lệnh xây dựng các thư phòng để lưu giữ những bản thảo quan trọng. Lúc đầu, dĩ nhiên, việc viết sách hầu như chỉ để lưu giữ Lời của Chúa.

Công việc viết lách không hề đơn giản. Anh ấy - hoặc, trong trường hợp ở Engelthal, cô ấy - sẽ chỉ được cung cấp những dụng cụ đơn giản: dao, phiến mài mực, phấn, dao cạo, bọt biển, đầu mẩu bút chì, thước kẻ và dùi đục. Để giữ an toàn cho các cuốn sách, không được phép đốt nến trong phòng viết. Nếu trời trở lạnh, người viết thậm chí còn không thể sưởi ấm tay mình được. Giá trị của các cuốn sách lớn đến mức những phòng viết thường được đặt tại tầng cao nhất của tòa tháp bất khả xâm phạm; bản thân những cuốn sách chứa đựng những đoạn cảnh báo về hậu quả của trộm cắp và phá hoại. Điển hình một đoạn còn viết rằng kẻ trộm sách sẽ bị ốm nặng, sốt cao, bị bánh xe nghiền nát và bị treo cổ. Không phải chỉ chịu một trong số những hình phạt này mà phải chịu lần lượt từng cái một.

Đó là một đời sống khắc khổ, nhưng người viết phải luôn tự nhắc bản thân mình rằng mọi từ cô chép ra vừa là điểm cộng cho cô vào Ngày Phán xét Cuối cùng vừa là một vũ khí chống lại quỷ Satan. Kẻ thù không đội trời chung này, tuy nhiên, không phải loại bị tấn công mà không trả đũa, và thế là hắn đã cử Titivillus, quỷ sứ bảo hộ cho nghệ thuật thư pháp, phản đòn.

Titivillus là một tên tiểu quỷ lắm mưu nhiều kế. Dù người chép có ý định tốt đẹp đến đâu chăng nữa, công việc viết lách cứ lặp đi lặp lại tẻ nhạt vô cùng. Tâm trí sẽ lang thang nơi nào đó và vài lỗi sai sẽ xuất hiện. Nhiệm vụ của Titivillus là đổ đầy sai sót vào cái bao của mình hàng nghìn lần một ngày. Những bản thảo lỗi sẽ được mang đến cho Satan, chúng sẽ được ghi lại vào Cuốn sách Sai sót và được dùng để chống lại những ghi chép về Ngày Phán xét Cuối cùng. Vì thế việc ghi chép đặt người viết vào một tình thế ngặt nghèo: viết chính xác thì được điểm cộng, viết không chính xác sẽ bị điểm trừ.

Nhưng âm mưu của Ác quỷ không thành. Biết được việc làm của Titivillus, những người chép sách càng nỗ lực hoàn thành bản thảo chuẩn xác hơn. Cuối cùng Titivillus không còn cách nào đổ đầy cái bao của mình nữa và bị giáng xuống làm kẻ suốt đời lẩn quất trong nhà thờ, ghi lại tên của những người phụ nữ ngồi buôn chuyện trong thánh lễ Mass.

Trường hợp nào cũng thế, những bản thảo điển hình được viết bởi một thầy ký Trung cổ theo kiểu chữ thường Gothic - điều thú vị ở đây là nó giống hệt kiểu chữ Marianne Engel dùng ghi chép thường ngày. Điều này thật ra cũng chẳng chứng tỏ được điều gì, nhưng tôi sẽ thấy mình thật tắc trách nếu không đả động gì đến nó.

Sáu ngày trôi qua kể từ khi Marianne Engel gửi lời nhắn. Năm ngày kể từ lần gần nhất các miếng thịt của tôi được lóc từ chỗ này đắp sang chỗ khác trên cơ thể. Bốn ngày kể từ khi tôi có thể tự đứng được trong ba mươi bảy giây. Ba ngày kể từ lần nói chuyện cuối cùng giữa tôi và Gregor. Hai ngày kể từ khi tôi tự đứng được trong bốn mươi sáu giây, được cô Sayuri Mizumoto sinh lực tràn trề đỡ. Một ngày kể từ khi tôi lại trở về tình trạng chúi đầu chúi mũi toan tính tự tử.

Khi Gregor ghé thăm, tôi có thể thấy ngay rằng ông ta vẫn đang tập luyện, nhưng dưới cằm vẫn còn chút mỡ thừa chưa tống khứ đi được. Bộ râu dê mới tỉa của ông ta cũng giúp che được phần nào chỗ đó, và tôi khen ngợi ông ta hết mực về những cải thiện ngoại hình và hỏi người phụ nữ may mắn là ai.

Ông ta vội trả lời là chẳng có người phụ nữ nào cả. Cứ rối rít cả lên. Nhận thấy mình đã vô tình để hớ, ông ta thay đổi chiến thuật và cố đánh trống lảng như chẳng có chuyện gì nghiêm trọng, nhưng chỉ tổ lộ tẩy mà thôi.

Đó là một đặc tính kỳ lạ nhưng rất cố hữu ở những người luôn thấy bản thân mình kém hấp dẫn. Họ xấu hổ nếu ta úp mở rằng họ có thể đang thích một ai đó; vì họ cảm thấy không xứng đáng được nhận sự quan tâm từ người khác, họ cũng từ chối quan tâm đến người khác luôn.

Chúng tôi vẫn chưa đủ thân thiết để tôi có thể tò mò thêm nên khi Gregor cố thay đổi chủ đề, tôi để ông ta yên.

Sayuri nhảy bổ vào phòng tôi, nói ra những lời phải được viết bằng chữ in nghiêng. "Chào buổi sáng! Anh có thể dành chút thời gian nói về việc chữa trị được không?"

Tôi nói với cô là tôi không có thời gian. Giọng tôi không khác nào một tiếng huỵch nặng nề xen lẫn những tiếng kim loại leng keng, như một khay đầy dao kéo rơi độp xuống đất. Đó chính xác là điều tôi mong đợi.

"Sốc quá!" Sayuri thảng thốt kêu lên, lấy tay che miệng trước khi vỗ về tôi rằng nụ cười là thang thuốc bổ, và bắt đầu giải thích rằng hôm nay cô đến để làm vài bài kiểm tra thể lực và độ tinh nhạy của tôi. Những khả năng của cơ thể tôi, cô giải thích, "vẫn chưa xác định được," cho nên cô sẽ dùng một thiết bị gọi là máy đo góc để đo độ linh hoạt các khớp xương của tôi. Cô nâng cánh tay tôi lên rồi gập ở khuỷu, nguệch ngoạc ghi kết quả vào một cuốn sổ nhỏ. Rồi cô kiểm tra chân tôi, nhận ra chân phải của tôi (cái chân đã bị nát bấy) hầu như không có phản ứng gì. Cô cẩn thận ghi vào cuốn sổ nhỏ của mình. "Có một chút vấn đề."

Tiếp, để đo cảm giác ở các vùng khác nhau trên cơ thể tôi, cô chọc một cái gậy đáng ghét vào tôi và hỏi cảm giác thế nào. Tôi nói với cô là tôi có cảm giác như cô đang dùng một cái gậy đáng ghét chọc vào tôi ấy. Ôi, cái cách cô cười; tôi mới là một nghệ sĩ tấu hài tài ba làm sao.

Sayuri đặt chiếc bút chì của mình vào bàn tay còn lành lặn của tôi và bảo tôi viết gì đó vào cuốn sổ của cô. Tôi viết, nét chữ run rẩy, Cô ấy đang ở đâu? (Đây là một ví dụ khác cho thấy tôi sinh ra dưới ngôi sao may mắn khi ngọn lửa đã tha cho bàn tay phải của tôi trong khi tôi bẩm sinh thuận tay trái.) Sayuri không mảy may để tâm đến những từ tôi viết ra; cô chỉ quan tâm đến độ linh hoạt của tôi thôi. Cô chuyển chiếc bút sang tay trái của tôi, cái bàn tay thiếu một ngón rưỡi, và bảo tôi viết một câu khác. Tôi cố nguệch ra mấy chữ Khốn nạn. Sayuri nhìn thành quả văn chương của tôi và nhận xét rằng ít nhất cô cũng nhận được mặt chữ.

Cô tóm gọn mọi thứ bằng việc nói rằng tôi sẽ sớm có một chương trình tập luyện, khá là hấp dẫn đấy! "Chúng ta sẽ cùng nỗ lực để anh đi được trên chính đôi chân của mình, dạo quanh khắp nơi, trước cả khi anh kịp nhận ra ấy chứ!"

Tôi nói rằng tôi đã biết quá rõ mình phải đi như thế nào rồi, thế nên làm thế quái nào mà tôi thấy hứng thú với chuyện đó được?

Sayuri chỉ ra ---- với phong thái vô cùng dịu dàng - là dù tôi đã biết đi khi ở trong cơ thể cũ của mình, tôi sẽ phải học đi khi ở trong cơ thể mới này. Khi tôi hỏi cô xem liệu tôi còn có thể đi lại như một người bình thường không, cô nhẹ nhàng nói rằng có lẽ tôi đang nhìn nhận vấn đề hơi nhầm lẫn một chút và tôi cần tập trung vào những bước đầu tiên thay vì cả quá trình.

"Chỉ là một đống tri thức Đông phương rẻ tiền chẳng liên quan gì đến cuộc sống của tôi."

Tôi đoán đó là lúc cô nhận ra tôi đang cố kiếm cớ cãi nhau nên cô tiến lại gần tôi một bước. Cô nói rằng việc tôi có thể đi được tốt đến mức nào phụ thuộc vào rất nhiều thứ, nhưng đóng vai trò quan trọng nhất vẫn là ý chí của tôi. "Số phận của anh nằm cả trong tay anh thôi."

Tôi nói với cô rằng tôi ngờ việc tôi tiến bộ đến đâu thực sự chẳng liên quan gì đến cô cả, vì kiểu gì cô cũng được nhận đủ số tiền thôi.

"Như thế không công bằng," cô trả lời, trao cho tôi chính sự mào đầu mà tôi đang trông đợi. Tôi chớp ngay lấy thời cơ và giải thích cho cô cái thực sự "không công bằng" là gì. "Không công bằng" nghĩa là trong khi cô có thể về nhà vào mỗi buổi tối, ăn sushi và xem Godzilla trong suất chiếu muộn thì tôi vẫn phải nằm lay lắt trên giường bệnh với cái ống hút phân. Cái ấy ấy, tôi chỉ ra cho cô, mới là không công bằng.

Sayuri nhận ra rằng đôi co với tôi cũng chẳng ích lợi gì, nhưng cô vẫn rất dịu dàng. "Anh đang cảm thấy sợ và tôi có thể hiểu điều đó. Tôi biết thật khó khăn khi anh muốn tưởng tượng ra kết cục trong khi anh thậm chí còn chưa tưởng tượng nổi sự khởi đầu. Nhưng mọi thứ đều sẽ trở nên tốt đẹp thôi. Chỉ cần có thời gian."

Tôi đã đốp lại thế này: "Vứt cái vẻ thương hại khỏi mặt cô đi, con mụ Nhật lùn."

Ngày hôm sau Marianne Engel đến bên giường dúi một mẩu giấy nhỏ vào tay tôi. "Học cái này đi," cô nói, và luyện cho tôi từng chữ cho tới khi tôi thuộc lòng.

Một giờ sau, Sayuri Mizumoto đi vào phòng, đầu ngẩng cao. Cô liếc Marianne Engel một cái, rồi nhìn chằm chằm vào tôi. "Các cô y tá nói anh muốn gặp tôi."

Tôi cố hết sức để cúi đầu chào cô, dù gập người xuống chẳng dễ dàng gì. Tôi bắt đầu nói những từ vừa học: "Mizumoto san, konoaidawa hidoi kotoba wo tsukatte hontouni gomennasai. Yurushite kudasai." (Dịch qua thì thế này Tôi thực sự xin lỗi vì hôm trước đã nói những lời không phải với cô. Xin hãy tha thứ cho tôi.)

Hiển nhiên tôi đã chộp được cô đúng lúc bất ngờ. Cô trả lời. "Tôi chấp nhận lời xin lỗi của anh. Anh học những từ đấy bằng cách nào vậy?"

"Đây là... bạn của tôi, Marianne. Cô ấy đã dạy tôi." Đúng là thế thật, nhưng điều đó cũng không giải thích được tại sao Marianne Engel biết tiếng Nhật. Tôi đã hỏi, dĩ nhiên, nhưng trong suốt một tiếng vừa rồi cô từ chối trả lời bất cứ câu hỏi nào mà chỉ chăm chăm sửa lỗi phát âm cho tôi. Tôi cũng không biết làm thế nào mà, sau khi không đến bệnh viện trong vòng bảy ngày, cô lại biết tôi đã sỉ nhục Sayuri. Có lẽ một y tá đã nói cho cô, hoặc là bác sĩ Edwards.

Rất ngẫu nhiên, đây là lần đầu tiên hai người phụ nữ gặp nhau. Marianne Engel bước về phía Sayuri, cúi gập người chào, và nói."

Sayuri mở to mắt ngạc nhiên xen lẫn thích thú và cúi chào lại."

"Marianne Engel gật đầu."

" ""Sayuri mỉm cười.""

""Marianne Engel lắc đầu tỏ ý không tán thành."

"

""

Marianne Engel cúi đầu lần nữa."

"

Sayuri giơ tay lên che miệng, cố nén tiếng khúc khích."

"

Sayuri có vẻ rất hài lòng khi thấy hành động thô lỗ hôm trước của tôi đã tạo nên một cuộc gặp gỡ thật bất ngờ. Cô xin phép ra khỏi phòng với nụ cười tươi tắn trên môi, cúi chào Marianne Engel lần nữa.

Marianne Engel ghé sát miệng vào tai tôi, thì thầm. "Tôi không muốn nghe thêm bất cứ câu chuyện nào về việc anh sỉ nhục cô Mizumoto nữa. Dùng miệng lưỡi của một con quái thú không thể làm giảm nỗi đau của anh được đâu. Anh phải để trái tim mình luôn mở rộng đón nhận yêu thương, và hãy tin tôi. Tôi hứa sẽ đưa chúng ta đến tự do nhưng tôi không thể làm điều đó một mình được."

Cô rời khỏi giường, kéo một chiếc ghế từ góc phòng ra, ngồi phịch xuống, với nét mặt mệt mỏi của người vợ thất vọng trước sự kém cỏi của anh chồng. Bài diễn văn ngắn kỳ dị của cô làm tôi cất tiếng hỏi một câu tôi luôn muốn nói nhưng lại quá ngại chưa thể thốt ra: "Cô muốn gì ở tôi?"

"Không gì cả," cô trả lời. "Tôi không muốn anh làm bất cứ cái gì cho tôi cả."

"Tại sao?" tôi hỏi. "Điều đó nghĩa là gì chứ?"

"Chỉ bằng việc không làm gì cả anh mới có thể chứng tỏ tình yêu của mình được."

"Tôi không hiểu."

"Anh sẽ hiểu," cô nói. "Tôi hứa đấy."

Với câu nói này, Marianne Engel kết thúc cuộc nói chuyện về những gì sắp xảy ra trong tương lai và quyết định quay lại kể câu chuyện quá khứ của mình. Tôi chả tin chút nào - sao tôi có thể chứ? - nhưng ít ra nó cũng không khiến tôi cảm thấy tẻ nhạt như cuộc trò chuyện vừa nãy.

CHƯƠNG 12

ớn lên ở Engelthal, điều khó khăn nhất đối với tôi là làm thế nào để hạ giọng mình xuống.

Tôi hiểu rõ im lặng là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của chúng tôi, tuy thế tôi rất hay bị chỉnh vì tội "quá cởi mở". Thực ra tôi chỉ đang làm những gì một đứa trẻ hay làm mà thôi.

Ở Engelthal không chỉ âm thanh mà tất cả mọi thứ đều câm lặng. Mọi mặt của cuộc đời chúng tôi đều được tóm gọn trong Thể chế Giáo hội, một tài liệu chỉn chu đến mức dành hẳn năm chương chỉ để nói về quần áo và giặt giũ. Thậm chí cả những tòa nhà của chúng tôi cũng không có chút tinh tế nào vì sợ sẽ làm vấy bẩn tâm hồn chúng tôi. Chúng tôi phải ngồi trong phòng ăn theo đúng thứ tự như khi đứng hát đồng ca. Trong suốt bữa ăn, chúng tôi vẫn được nghe đọc sách để nuôi dưỡng cả thể chất lẫn tinh thần. Chúng tôi phải nghe những đoạn trích trong Kinh Thánh và rất nhiều đoạn nói về thánh Augustine, thỉnh thoảng là Cuộc đời của thánh Dominic, Hào quang truyền thuyết, hoặc Thánh Trudperter Hohelied. Ít nhất thì việc nghe đọc sách cũng giúp chúng tôi sao nhãng khỏi bữa ăn nhạt nhẽo - gia vị thì bị cấm và chúng tôi không được ăn thịt nếu không có sự cho phép đặc biệt, chỉ được đưa ra vì những lý do về sức khỏe.

Bất cứ khi nào không phải ở nhà nguyện chính để dự thánh lễ Mass, tôi dành toàn bộ thời gian của mình trong phòng viết. Gertrud đã thể hiện rất rõ ngay từ đầu là bà không ưa sự hiện diện của tôi chút nào. Tuy thế, với tư cách thủ thư của tu viện, thật không mẫu mực nếu bà cứ thẳng tay xả cục tức lên đầu tôi. Về điều này, đã có trợ lý của bà là xơ Agletrudis lo rồi.

Agletrudis là một hành tinh nhỏ bụ bẫm quay xung quanh Gertrud, siêu sao của phòng viết; tất cả những hành động của cô ta đều được tính toán sao cho luôn làm hài lòng chủ nhân của mình bằng cách hành hạ tôi. Mục đích cả đời của cô ta là tiếp quản phòng viết sau khi Gertrud chết. Tôi là cái gì chứ, ngoài một vật cản to tướng trên con đường của cô ta?

Từ rất lâu trước khi tôi đến, mối quan ngại tài chính đã thâm nhập vào phòng viết. Cung cấp sách cho những công dân giàu có, thường là để đổi lấy đất đai sau khi họ chết, đã thành một tập tục. Gertrud, bất chấp mọi vẻ thần thánh tự tạo của mình, không bao giờ phản đối sự sắp đặt này trên bình diện kinh tế nhưng ghét việc bán sách vì một lý do: chuyện đó ảnh hưởng đến việc sử dụng phòng viết cho mục đích riêng của bà. Hồi sự nghiệp còn non trẻ, Gertrud đã quyết định soạn một tác phẩm vĩ đại sẽ đời đời lưu giữ truyền thuyết về bà: một bản Kinh Thánh bằng tiếng Đức. Tuy bà chưa bao giờ nói hẳn chuyện đó ra, tôi chắc chắn rằng bà đang mơ mộng nó sẽ được biết đến dưới cái tên Die Gertrud Bibel.

Đây chính là vấn đề căn bản với sự hiện diện của tôi: tôi là một bé gái - một người lớn chưa hoàn thiện - người sẽ lấy mất khoảng thời gian quý báu bà dành cho công việc thực sự của

mình. Tôi vẫn còn nhớ những lời Gertrud nói khi bà đặt tôi dưới sự quản lý của Agletrudis. "Tu viện trưởng tin rằng đứa trẻ này có thể làm được gì đó. Chỉ cho nó một vài kỹ năng cơ bản, tốt nhất là ở bên phòng ấy, nhưng cấm không cho nó sờ vào cái gì. Những ngón tay chuối mắn ấy không xứng đáng được chạm vào những dụng cụ của Chúa. Và trên hết, kéo nó tránh xa cuốn Kinh Thánh của ta ra."

Thế là, thời gian đầu, tôi chỉ được phép ngồi nhìn. Anh có thể hình dung được đối với một đứa trẻ thì chuyện này buồn tẻ đến thế nào đấy, nhưng vì tôi đã dành phần lớn tuổi thơ thu thập thông tin trong khi ngồi yên lặng ở góc phòng, nên chuyện này cũng chẳng có gì mới với tôi cả. Tôi bị mê hoặc bởi cách những chiếc bút lông trở thành một phần phụ trợ cho ngón tay người viết. Tôi tìm hiểu công thức làm mực và biết được rằng thêm thần sa hoặc chu sa vào sẽ làm mực có màu đỏ. Tôi quan sát cách các nữ tu dùng dao để gọt đầu bút chì mỗi khi những con chữ hăm dọa sẽ đánh mất độ rõ nét. Ngay lập tức tôi biết mình đã ở đúng vị trí.

Có những thứ ngày nay chúng ta coi là hiển nhiên thì vào thời đó lại rất đặc biệt. Ví dụ như giấy. Chúng tôi không tự làm mà nhận hàng từ một người cung cấp giấy da trong vùng. Rồi chúng tôi phải chuẩn bị sẵn sàng cho giấy được đem vào sử dụng. Các xơ phân loại giấy theo chất lượng tốt xấu rồi theo lông và da động vật để cho thớ giấy được đều khi mở rộng cuốn sách, và thỉnh thoảng Gertrud cũng chỉ thị rằng cuốn sách cần được thêm vài trang màu "để có chút khí thế". Chỉ riêng một cuốn sách cũng cần đến da của vài trăm con vật. Làm sao một cô bé không bị cuốn hút chứ?

Tôi có thể chỉ trích Gertrud vì rất nhiều thứ nhưng chắc chắn đối với sự tận tụy bà dành cho công việc thì không. Nếu nhiệm vụ được giao là dịch một cuốn sách, mỗi việc bàn luận về cách diễn đạt một câu thôi đôi khi cũng kéo dài hơn cả giờ đồng hồ. Hầu hết các xơ làm việc trong phòng đó, dù có càu nhàu về thái độ độc tài của Gertrud, đều cảm thấy rằng bà đang hoàn thành một nhiệm vụ mà Chúa đã chỉ định riêng bà làm. Các xơ không bao giờ dám ho he chút nào, cả trong thời kỳ soạn cuốn Die Gertrud Bibel căng thẳng nhất.

Cũng có mấy cô ghi chép băn khoăn một nhiệm vụ dịch lớn lao như thế đã được ai chỉ định và liệu công việc đó có xúc phạm thánh thần không, nhưng những xơ này cũng đủ khôn ngoan để không chất vấn người cai quản phòng viết - hoặc chỉ đơn giản là sợ không dám hỏi. Thế nên họ cũng chẳng dám ca thán gì, chỉ cố tập trung vào số trang hiếm hoi của cuốn Kinh Thánh được Gertrud chấp nhận. Trong khi tất cả mọi người đều tham gia vào quá trình soạn sách, bà luôn là người có tiếng nói cuối cùng.

Gertrud chỉ cho phép những người chép sách lành nghề nhất làm việc với những cuốn sách da bê thượng hạng. Bà cứ lảng vảng xung quanh họ, giật nẩy cả cái cổ cò mỗi khi lo rằng một từ nào đó có thể bị viết sai hoặc mực có thể bị nhòe. Khi dấu chấm cuối cùng được đặt sau câu cuối cùng của trang bản thảo, anh có thể thấy vai Gertrud thả lỏng và nghe tiếng không

khí kẹt trong phổi bà thoát ra nhẹ nhõm. Rồi bà lại soàm soạp nuốt thêm một ngụm không khí đầy nữa.

Những khoảnh khắc thư giãn này không kéo dài lâu. Gertrud sẽ phải mang cuốn sách đến chỗ những người chuyên viết đề mục để đánh dấu số chương và số tiết bằng mực đỏ, và trong khi quá trình này diễn ra, những người minh họa sẽ vẽ thử hàng tá bức ký họa để đưa vào những góc trống trên trang giấy. Khi quyết định cuối cùng được đưa ra, những bức tranh sẽ được đặt vào đúng chỗ.

Những trang sách đã hoàn thành quả là một công trình diệu kỳ. Gertrud sẽ dành cả tiếng đồng hồ kiểm tra đi kiểm tra lại rồi mới chịu xếp nó lại và chuyển sang trang khác. Từng tờ từng tờ một, một cuốn sách hoàn chỉnh dần hiện ra, nhưng vẫn luôn có những công đoạn khác cần hoàn thành. Bất cứ khi nào chúng tôi có đơn đặt hàng bản thảo từ các nhà quý tộc, Gertrud sẽ hướng ánh nhìn nhớ nhung trìu mến về phía tình yêu đầu của mình, nhưng bà cũng phải nghe lệnh của tu viện trưởng như tất cả những người khác thôi.

Không hiểu sao, chuyện tôi không được phép tham gia vào bất cứ nhiệm vụ nào của phòng viết lại đến tai tu viện trưởng. Tôi có thể hình dung được xơ Christina đứng đằng sau vụ này. Với một tiếng thở dài cam chịu và một bài giải thích dài lê thê rằng mình rất phản đối chuyện này, Gertrud đã cho tôi biết là "dưới chỉ thị của Tu viện trưởng, bây giờ ta sẽ phải cho phép những ngón tay bé tí ngu ngốc của ngươi được bắt đầu luyện tập." Bà cho tôi vài mảnh giấy da cũ, nham nhở lỗi chép sai, và bảo tôi nỗ lực làm việc đi.

Tôi chìm đắm vào công việc. Tôi luyện tập trên bất cứ mẩu giấy da bê vứt đi nào mà tôi tìm thấy và, khi kỹ năng của tôi tiến bộ, tôi đã miễn cưỡng được cho những cây bút lông tốt hơn và được dành nhiều thời gian để luyện tập kỹ năng dịch hơn. Tôi đã biết tiếng Đức, Latin, Hy Lạp và Aramaic, tiếng Ý trong cuốn Kinh Thánh của Paolo, và một chút tiếng Pháp. Tôi đang trên đà đọc hết từng cuốn một trong phòng viết và sự trưởng thành của tôi luôn là nguồn ngạc nhiên sững sờ đối với các xơ, dù tôi chẳng bao giờ nhận được một lời tán dương nào từ Gertrud cả. Xơ Agletrudis luôn tìm được niềm vui trong việc bới móc mọi sai sót của tôi và khi tôi quay lưng lại tiếp tục làm việc, lọ mực của tôi sẽ bị đổ một cách bí ẩn, những cuốn sách của tôi sẽ biến mất một cách bí ẩn, hoặc những chiếc bút lông ngỗng của tôi sẽ bị tòe ngòi một cách bí ẩn. Mỗi lần tôi chỉ ra những tai nạn "ngẫu nhiên" với Gertrud, bà chỉ cười khẩy và thề sống thề chết cho sự trong sáng của xơ Agletrudis.

Tuy thế, cuối cùng Gertrud cùng cô trợ lý cũng không thể phủ nhận tài năng của tôi được nữa. Tôi dần trở thành người dịch được nhiều ngôn ngữ nhất, và cũng là người dịch nhanh và chính xác nhất. Sự khó chịu của Agletrudis đối với tôi không còn là sự không ưa đơn thuần nữa mà đã biến thành cảm giác ghen ghét đầy đe dọa, cả Gertrud cũng bực bội ra mặt khi bà bắt đầu nhận ra tôi có giá trị đến thế nào đối với Die Gertrud Bibel. Bà chẳng còn là một phụ nữ trẻ trung gì nữa, và nếu muốn đảm bảo cuốn Kinh Thánh được hoàn thành khi

bà còn sống, bà cần phải đẩy nhanh tiến trình lên. Cuối cùng, bà cũng chịu để tôi bắt đầu đóng góp chút ít.

Có cả một cuộc sống bên ngoài phòng viết nữa. Lớn dần lên, tôi phát hiện ra cách trèo qua những cánh cổng tu viện và cuối cùng đã tìm được đường đến với thế giới bên ngoài. Tôi không đi tìm rắc rối; tôi chỉ muốn biết ngoài kia có gì thôi. Lẽ tự nhiên điểm dừng đầu tiên của tôi là căn nhà nhỏ thuộc về cha Sunder và huynh trưởng Heinrich. Khi tôi xuất hiện, cha Sunder không hề che giấu vẻ không hài lòng về hành động của tôi. Ông dọa sẽ kéo tôi về lại tu viện và báo cho tu viện trưởng biết, nhưng chẳng hiểu sao chúng tôi lại cùng nhau ngồi uống nước trái cây. Rồi chúng tôi ăn một chút. Và trước khi ông kịp nhận ra, thời gian đã trôi qua dài đến nỗi sẽ thật khó xử nếu cố giải thích tại sao ông lại không mang tôi về ngay lập tức. Thế là, sau khi tôi hứa sẽ không quay lại nữa, huynh trưởng Heinrich và cha Sunder cho phép tôi lẩn lại vào tu viện. Tôi quay trở lại vào đêm hôm sau. Một lần nữa tôi lại bị mắng té tát, nhưng chúng tôi cuối cùng còn ăn nhiều thức ăn và uống nhiều nước ép hơn. Mô hình tôi thì cứ phá vỡ lời hứa còn họ thì cứ mắng nửa vời ấy kéo dài trong vài tuần cho tới khi chúng tôi cùng nhau bỏ cái trò đóng kịch ấy đi.

Mỗi khi đến bên rặng núi trông sang căn nhà của họ, tôi luôn cảm thấy rất phấn khởi. Ngôi nhà gỗ nhỏ của họ đã trở thành ngôi nhà thứ hai, ngôi nhà bí mật của tôi. Vào những tối mùa hè chúng tôi thường chơi trốn tìm giữa những bụi cây. Đó là quãng thời gian hạnh phúc nhất của tôi, liếc nhìn từ phía sau bụi rậm hai người đàn ông trạc ngũ tuần đáng bậc cha chú đang giả vờ không tìm thấy tôi.

Engelthal là một cộng đồng nhỏ bé, thế nên việc người khác biết về những chuyến viếng thăm "vụng trộm" của tôi là điều không thể tránh khỏi. Tôi nghĩ không ai thấy chuyện này thật sự nguy hiểm cả, và dù đó là một bí mật mở giữa các nữ tu sĩ, tôi thực lòng tin rằng Gertrud, Agletrudis và cả tu viện trưởng đều không hề biết. Nếu họ mà biết, những chuyến thăm thú của tôi đã bị dập ngay lập tức chỉ vì lý do bảo vệ tài sản.

Tu viện trưởng mất trong đêm hồi tôi chỉ là đứa trẻ mới lớn, và cần phải bầu ra nữ tu viện trưởng mới càng sớm càng tốt. Những tu viện dòng thánh Dominic là những tổ chức rất dân chủ; xơ Christina, người vừa mới hoàn thành Cuốn sách về các xơ tại Engelthal và đang bắt đầu cuốn Khải huyền, đã đạt được số phiếu gần như tuyệt đối. Thế là bà đã sở hữu danh xưng mẹ Christina. Hiển nhiên tôi rất hài lòng với sự kiện này, nhưng đó đồng thời cũng là vấn đề đối với xơ Agletrudis. Mọi chuyện mới nhanh chóng chuyển sang chiều hướng bất lợi cho cô ta làm sao kia chứ, về khát vọng leo lên chức thủ thư tu viện ấy. Không chỉ vì sự hiện diện của một thần đồng trong phòng viết, mà còn bởi vị nữ tu viện trưởng mới từ lâu đã luôn là người bảo hộ lớn nhất cho cô bé ấy. Khi tôi chính thức cất lời tuyên thệ theo đạo không lâu sau khi mẹ Christina nhậm chức, đây hẳn đã trở thành giọt nước làm tràn cái

thùng mang tên xơ Agletrudis. Tôi có thể cảm nhận được sự căm ghét bùng cháy trong mắt cô ta khi tôi thề sẽ phục vụ thánh Dominic và tất cả các tu viện trưởng cho tới chết.

Tuy thế, trong mắt những nữ tu sĩ khác, tôi lại thấy sự ủng hộ và tình yêu thương. Đối với họ, có vẻ như tất cả mọi thứ trong cuộc đời tôi đã được đặt vào đúng chỗ - nhưng đó không phải những gì tôi cảm thấy. Tôi thấy mình như một kẻ mạo danh trong ngôi nhà của Chúa vậy.

Tôi đã được nuôi dưỡng trong một bầu không khí vô cùng thiêng liêng, nhưng tôi chẳng cảm thấy mình thánh thiện chút nào. Thế nên rất nhiều xơ trong số chúng tôi, gồm cả Gertrud và Agletrudis, đều đã thấy những ảo giác thần bí, nhưng tôi thì không. Điều này làm tôi luôn có cảm giác kém cỏi. Tôi có năng lực ngôn ngữ, đúng, nhưng đó cũng chỉ là những gì họ thấy - năng lực, chẳng phải quà tặng hay thiên khải của Chúa. Không chỉ mỗi việc thiếu kết nối với Chúa mới làm tôi cảm thấy không xứng, mà còn vì những nữ tu sĩ khác đều có vẻ quá chắc chắn về con đường của họ trong khi có rất nhiều thứ tôi không hiểu gì cả. Tôi cảm thấy hoang mang trong cả tâm hồn và nhận thức; tôi thiếu sự chắc chắn mà dường như tất cả mọi người đều có.

Mẹ Christina trấn an tôi rằng tôi không nên quá lo lắng về việc thiếu ảo giác. Mỗi nữ tu sĩ chỉ nhận được lời nhắn khi đã sẵn sàng, bà nói, và vấn đề không nằm ở việc kêu gọi Chúa đến với mình mà phải làm bản thân trở nên thuần khiết hơn để Chúa muốn tới. Khi tôi trả lời rằng tôi không biết phải làm gì nữa để bản thân được trong sáng hơn, mẹ Christina khuyên tôi nên chuẩn bị sẵn sàng đón nhận Chúa Vĩnh Hằng bằng việc bỏ vẻ phàm tục đã ăn sâu vào trong máu tôi đi. Tôi gật đầu, như thể khẳng định lời giải thích này đã làm sáng tỏ mọi thứ, nhưng thực tế nó để lại trong tôi cảm giác bối rối không khác gì cảm giác của một con bò lạc.

Tôi đã nghĩ về những ý tưởng này cả đời, nhưng chẳng thể ngộ ra. Ý tưởng, khái niệm. Những kiến thức thông thường quá mơ hồ mà tôi không thể nắm bắt. Mẹ Christina hẳn đã nhìn thấy nét mặt tôi khi ấy, vì bà nhắc tôi nhớ rằng tôi cũng có khả năng ngôn ngữ không thể lý giải và dù năng lực này không mang đến những ảo giác kỳ bí, nó thực sự đã làm tôi trở nên độc đáo. Ngày càng rõ ràng là, bà nói, Chúa chắc chắn phải có một dự định tuyệt vời cho tôi. Nếu không thì tại sao Người lại ban cho tôi món quà tuyệt diệu đến như thế? Tôi hứa sẽ nỗ lực nhiều hơn và thầm mong một ngày nào đó tôi cũng sẽ trưởng thành để có niềm tin vào bản thân mình như bà đã có.

Không lâu sau khi bước vào tuổi đôi mươi, tôi đã gặp Heinrich Seuse lần đầu tiên và cũng là duy nhất. Ông đang trên đường từ Straburg tới Koln, nơi ông sẽ học tại studium generale(22). Ông nói, dù không tiện đường nhưng thật khó bỏ qua cơ hội đến thăm Engelthal vĩ đại. Nguyên văn lời ông là thế đấy.

Hiển nhiên ông biết cách uốn lưỡi để bỏ bùa mẹ Christina, nhưng Gertrud thì lại là chuyện khác. Ngay khi nghe phong thanh chuyện Seuse sẽ nghiên cứu dưới sự chỉ dẫn của Eckhart, bà từ chối gặp ông luôn.

Eckhart là một chủ đề khá tế nhị. Dù là một học giả thành công với những bài viết về thần học bằng tiếng Latin, ông có vẻ nổi tiếng hơn, hay đúng hơn là tai tiếng hơn, với những bài thuyết giảng bất thường bằng tiếng Đức mẹ đẻ. Khi Eckhart nói về sự giống nhau siêu hình giữa bản chất của Chúa và linh hồn con người, những ý tưởng của ông dường như xa rời khỏi đạo lý Thiên Chúa chính thống, và đây không phải thời dành cho những ý tưởng như thế. Đã có quá nhiều xung khắc giữa các dòng tu và giới tăng lữ về việc Giáo hoàng chuyển đến Avignon rồi.

Khi tôi đọc những bài viết của Eckhart và hỏi Gertrud về ông, phản ứng của bà khá dữ dội. Dù thừa nhận chưa thực sự đọc tác phẩm nào của ông, bà cũng nhấn mạnh mình cũng chẳng có lý do gì phải đọc cả. Bà đã nghe đủ những quan điểm nhơ bẩn của Eckhart đến nỗi chẳng cần phải đi đến nguồn rác nữa. Bà nhổ tên ông ra khỏi miệng như thể nó là quả thối. "Eckhart là một người đàn ông đầy triển vọng, nhưng ông ta đã tự đẩy bản thân tới chỗ tàn lụi. Ông ta sẽ bị coi là một kẻ dị giáo, chóng thôi, nhớ lời tôi đấy. Ông ta thậm chí còn không thừa nhận rằng Chúa rất tốt đẹp nữa."

Cũng có phần lạ là thái độ của Gertrud thành ra lại có lợi cho tôi. Vì bà từ chối gặp Seuse, tôi đã được chọn để dẫn ông đi thăm thú phòng viết. Tôi khá sốc vì diện mạo của ông. Ông gầy đến nỗi tôi khó mà tin được xương ông có thể chống đỡ được sức nặng cơ thể, mà bản thân nó cũng đã nhẹ lắm rồi. Da ông vàng vọt và đầy vết đồi mồi, và tôi có thể thấy từng mạch máu trên mặt ông nổi ngay dưới lớp da. Quầng thâm đen tụ dưới mắt ông, như thể ông chưa bao giờ được ngủ vậy. Tay ông, chi chít vảy nhỏ mà ông hay gảy đi theo thói quen, trông như đôi găng tay thịt để đầy những mảnh xương ghép lỏng lẻo với nhau.

Sự miêu tả của tôi làm ông trông có vẻ khủng khiếp nhưng trên thực tế ông hoàn toàn ngược lại. Làn da mỏng mảnh của ông dường như chỉ để cho ánh sáng của tâm hồn chiếu rọi qua. Cách ông vẫy những ngón tay mảnh khảnh khi nói làm tôi liên tưởng đến những cây non rung lên trước mỗi cơn gió nhẹ. Và nếu ông trông như chẳng bao giờ ngủ, cách ông nói đã làm người nghe hiểu được đó chỉ là bởi ông thường xuyên phải nhận những thông điệp quan trọng không thể bỏ qua. Mặc dù ông chỉ hơn tôi vài tuổi, tôi không thể không có cảm giác là ông biết những bí mật mà tôi sẽ chẳng bao giờ nắm được.

Tôi dẫn ông đi qua phòng viết và rồi, lát sau, qua những mảnh đất trải dài thuộc về Engelthal. Khi chúng tôi đã an toàn tránh xa khỏi những đôi tai nhan nhản khắp mọi ngóc ngách của tu viện, tôi liền nêu lên chủ đề Meister Eckhart, và đôi mắt Seuse sáng bừng lên như thể tôi vừa đưa cho ông chìa khóa dẫn vào Thiên đường. Ông nói liến láu tất cả mọi điều ông biết về người đàn ông sắp trở thành thầy giáo của mình. Tôi chưa bao giờ nghe

những lời lẽ rối rắm mà lại sáng lạn đến thế, và giọng của Seuse trở nên cuồng loạn trong niềm vui tôn giáo.

Tôi hỏi vì sao xơ Gertrud lại nói rằng Meister Eckhart thậm chí còn không thừa nhận Chúa rất tốt đẹp. Seuse giải thích rằng quan điểm của Eckhart là bất cứ cái gì tốt cũng đều có thể tốt hơn, và mọi thứ đã có thể trở nên tốt hơn ấy thì đều có thể trở nên tốt nhất. Chúa không thể được miêu tả là "tốt", "tốt hơn" hoặc là "tốt nhất" được vì Người ngự trị tất cả mọi vật. Nếu một người nói rằng Chúa rất thông thái, người đó đang nói dối vì bất cứ cái gì thông thái cũng đều có thể trở nên thông thái hơn. Bất cứ điều gì người đó nói về Chúa cũng đều không chính xác, kể cả gọi Người là Chúa. Chúa là "sự hư không thượng đẳng" và là "Đấng siêu việt", Seuse nói, hơn hết thảy mọi từ ngữ và hơn tất cả mọi sự hiểu biết. Điều tốt nhất một người có thể làm là giữ im lặng, vì bất cứ khi nào huyên thuyên về Chúa, anh ta cũng sẽ mắc tội dối trá. Người thầy chân thật biết rằng nếu anh ta có được một vị Chúa mình có thể hiểu được, anh ta sẽ không bao giờ coi Người đó là Chúa.

Buổi chiều hôm đó tâm trí tôi được mở mang những khả năng mới, và trái tim tôi được tiếp thêm những hiểu biết mới. Tôi không thể tưởng tượng nổi tại sao Gertrud lại muốn ngăn không cho những cuốn sách của Eckhart gia nhập vào tủ sách của chúng tôi. Thứ mà ai đó có thể gọi là dị giáo ấy, tôi chỉ thấy chúng như những giả thiết hợp lý về bản chất của Chúa. Tôi đã bị thuyết phục rằng những gì tôi học được trong suốt tuổi trẻ của mình thật quá hạn chế. Nếu những tham luận của Eckhart không đến được tai tôi, còn những gì tôi đã không được nghe nữa? Tôi nhận ra điều đó khi Seuse nói vào buổi chiều hôm ấy, với những tia sáng lấp lánh hiện lên trong mắt, "Đau khổ làm tình yêu của bạn trở nên mạnh mẽ."

Trong cơn bộc phát, tôi thú thật với Seuse rằng tôi cực kỳ mong muốn được đọc một tác phẩm nào đó của Eckhart. Điều này khiến Seuse thoáng cười, nhưng ông không nói gì cả. Tôi băn khoăn không biết có phải vì ông cảm thấy thú vị khi tôi dám nói ra một ước nguyện đi ngược lại với lập trường của tu viện không, nhưng tôi cũng không nghĩ thêm gì đến nó nữa cho tới khi ông rời chỗ chúng tôi vài ngày sau đó. Tôi rất muốn được dành thêm nhiều thời gian với ông, nhưng Gertrud, có lẽ đánh hơi được điều này, đã đảm bảo cho công việc ở phòng viết của tôi nhiều gấp đôi bình thường.

Tôi được phép chào tạm biệt Seuse ở cổng, khi ông khởi hành đến Koln. Khi đã chắc chắn không bị ai nhòm ngó, ông dúi vội vào lần áo chùng của tôi một cuốn sách nhỏ.

CHƯƠNG 13

ừ khi tôi viết những chữ đó ra, chúng cứ ám ảnh tôi. Vứt cái vẻ thương hại khỏi mặt cô đi, con mụ Nhật lùn. Tôi luôn bị thôi thúc sửa lại bức vẽ ngày hôm qua bằng cây cọ vẽ ngày hôm nay và che đi những điều làm tôi cảm thấy hối tiếc, nhưng tôi khao khát xóa những từ ấy đi đến nỗi tôi đã bị thuyết phục là cần phải để chúng lại.

Sayuri Mizumoto không phải một con mụ và cô cũng không nhìn tôi với vẻ thương hại. Điều đó quá hiển nhiên. Tôi đã nói những lời lẽ khủng khiếp ấy vì tôi phát điên lên với việc Marianne Engel cả một tuần liền không thèm đến thăm tôi.

Tôi cảm thấy xấu hổ về cách mình đã đối xử với Sayuri và sợ rằng câu nói đó khiến tôi bị coi là một kẻ phân biệt chủng tộc. Sao lại không thể chứ? Nhưng tôi đảm bảo với bạn rằng tôi chọn từ "Nhật lùn" chỉ bởi vì tôi muốn kiếm cho mình lợi thế có thể làm Sayuri cảm thấy yếu đuối. Tôi dùng từ đó không phải vì tôi nghĩ người Nhật là một dân tộc thấp kém, mà vì tôi cho rằng có thể Sayuri cũng nghĩ bản thân cô thấp kém, bởi là một Nhật kiều. (Khi trở nên thân thiết với cô hơn, tôi đã phát hiện ra cô chẳng có chút phức cảm tự ti dân tộc nào.) Và cũng như từ "Nhật lùn" có hàm ý phân biệt chủng tộc, thì từ "con mụ" có hàm ý khinh miệt phụ nữ, nhưng sự thật là tôi ghét hầu hết đàn ông cũng như hầu hết phụ nữ. Thực ra là tôi có đủ khả năng trở thành một người ghét tất cả mọi sinh vật sống.

Hay ít nhất, tôi cũng đã từng. Tôi tin rằng mình đã thay đổi từ cái hôm tôi đả kích Sayuri. Tuy không thể tuyên bố rằng mình yêu thương sâu sắc tất cả mọi người, nhưng tôi đã có thể tự tin khẳng định giờ tôi ít ghét người hơn hồi xưa. Điều này có thể được coi là một tuyên bố yếu ớt về sự trưởng thành cá nhân, nhưng tôi nghĩ thỉnh thoảng những điều này nên được đánh giá bằng cả một quá trình chứ không chỉ bằng tình hình hiện tại.

Bác sĩ Gregor Hnatiuk, trong cơn giận dữ ngút trời, trông thật đẹp biết bao. Ông ta phóng thẳng vào phòng tôi bắt tôi phải xin lỗi cô Mizumoto. Hiển nhiên ông ta đã đi sau thời đại: ông ta đã nghe về những lời sỉ nhục của tôi, nhưng chưa biết gì về việc tôi chuộc lỗi bằng tiếng Nhật. Tuy thế, cảnh tượng mồ hôi sáng lấp lánh trên vầng trán khi ông ta đang cố bảo vệ danh dự cho người phụ nữ kiều diễm thì thật ngoạn mục.

Đó là lúc tôi nhận ra người ông ta đang mê mẩn là ai.

Tôi giải thích tất cả căng thẳng đã được xóa bỏ và thêm rằng nhờ đó mà Sayuri còn tìm thêm được một người bạn mới biết nói tiếng Nhật nữa. Điều này làm Gregor nguôi ngoai phần nào, nhưng ông ta vẫn thấy cần bồi thêm một cú chua cay nữa. "Một ngày nào đó anh sẽ thấy rằng cái miệng to tướng của mình là cánh cổng chính dẫn đến mọi bất hạnh đấy."

"Phải, Gregor, tôi đã nghe câu đó trước đây rồi," tôi nói. "Từ Sayuri ấy."

Bầu má sóc chuột của ông ta đỏ ửng. Hiển nhiên chỉ cần nghe thấy tên cô cũng quá đủ để ông ta bối rối, và cách ông ta quay ngoắt người biến ra khỏi phòng đã khẳng định mọi nghi ngờ của tôi.

Trước ngưỡng cửa ông ta đột ngột dừng lại, quay lưng lại nói: "Marianne Engel nói được tiếng Nhật à?"

Dưới đây là bản dịch cuộc đối thoại giữa Marianne Engel và Sayuri Mizumoto.

Marianne Engel: Cô Mizumoto. Rất hân hạnh được gặp mặt. Tôi là Marianne Engel.

Sayuri Mizumoto: Vậy ư? Tôi cũng rất vui được gặp cô. Rất mong được chiếu cố. Cô nói được tiếng Nhật ư?

Marianne Engel: Một chút. Tôi từng sống mấy năm tại một trang trại hoa oải hương ở Hokkaido. Có phiền không nếu tôi hỏi, tên Hán tự của cô có phải là "Hoa Loa Kèn Bé Nhỏ" không?

Sayuri Mizumoto: A, đúng đấy. Tiếng Nhật của cô tốt quá.

Marianne Engel: Không, chưa đến mức ấy đâu. Và họ của cô có nghĩa là "Nguồn Nước", có phải không?

Sayuri Mizumoto: Vâng, đúng vậy.

Marianne Engel: Tên của cô rất hợp với người bạn của tôi. Xin hãy chăm sóc anh ấy hộ tôi. Xin hãy bỏ quá cho thái độ không tốt của anh ấy.

Sayuri Mizumoto: Vâng, tôi sẽ cố hết sức.

Câu hỏi đặt ra là: làm thế nào tôi biết được nội dung một cuộc đối thoại mà khi nó diễn ra lần đầu, tôi không hiểu gì cả?

Câu trả lời là: Sayuri đã giúp tôi. Cô đảm bảo với tôi nó rất trung thành với bản gốc nhưng thực sự tôi chẳng có cách nào biết được, ngoại trừ việc tin cô. Tôi tin cô, khá tin, dù tôi vẫn có một nỗi sợ hãi dai dẳng rằng cả bản dịch này là một mớ sai sót mà Titivillus sẽ tống vào cái bao của nó để mang về cho Satan dùng chống lại tôi vào Ngày Phán xét Cuối cùng. Nhưng đây cũng là cơ hội tôi phải chớp lấy.

Tôi rất hài lòng được thông báo rằng những lời lẽ tàn nhẫn của tôi đã không phá hỏng tình bạn ngày càng được củng cố giữa chúng tôi. Trong thời gian chúng tôi ở cùng nhau, tôi đã biết được sự thật về tuổi thơ của Sayuri (hay là, ít nhất, cũng là phiên bản của cô về chuyện đó), như tôi đã viết lúc trước.

Nhưng điều lớn lao nhất tôi học được sau bao năm tháng qua là Sayuri Mizumoto là một phụ nữ tuyệt vời. Còn từ nào để diễn tả một người phụ nữ đã giúp dịch một cuốn sách mà trong đó cô bị gọi là con mụ Nhật lùn chứ?

Sayuri và Marianne Engel đã quyết định sẽ cùng giúp tôi thực hiện chương trình phục hồi chức năng. Bác sĩ Edwards có chút lo ngại về ý tưởng đó, nhưng cuối cùng đã đồng ý khi Sayuri gợi ý rằng một người bạn có thể giúp chương trình trở nên dễ dàng và dễ chịu với tôi hơn.

Tôi đã đứng được và thậm chí còn đi được vài bước nữa, nhưng Sayuri muốn tôi bước đi thật sự cơ. Quá trình này không đơn giản như khi tôi nhảy khỏi giường và đi loạng choạng dọc hành lang. Cô mang đến một sợi xích đặc biệt để chân tôi có thể đu đưa trong khi cô khom người xuống trước tôi, kéo chân tôi theo vòng tròn. Cô, hoặc Marianne Engel, sẽ ấn tay vào gan bàn chân tôi để mô phỏng lực cản của mặt đất, và tôi sẽ phải đẩy lại. Nghe có vẻ đơn giản; nhưng chẳng dễ chút nào đâu.

Cuối mỗi buổi luyện tập, Sayuri sẽ bắt tôi đứng càng lâu càng tốt. Tôi chẳng bao giờ đứng được lâu, nhưng cô luôn hét "Chiến đấu! Chiến đấu! Chiến đấu!" để khích lệ tôi. Khi không thể cố thêm được nữa, tôi sẽ được đặt lại vào giường và chúng tôi sẽ tổng kết lại những tiến bộ đạt được trong ngày hôm đó.

Thỉnh thoảng Marianne Engel sẽ cầm lấy tay tôi và tôi thấy thật khó tập trung xem Sayuri đang nói gì.

Marianne Engel đến trong bộ quần áo bụi bặm đến nỗi tôi phải ngạc nhiên vì sao họ lại cho cô vào. Cô hẳn đã lẻn qua trạm gác của các y tá, dù tôi cũng chẳng biết sao việc đó lại trót lọt trong khi cô phải kéo lê hai giỏ thức ăn. Lúc cô ngồi xổm xuống để dỡ chúng ra, tôi thấy một đám bụi nhỏ rớt ra từ khoeo gối cô.

"Tôi đã nghĩ nhiều về câu chuyện của Francesco và Graziana," tôi thốt lên, vừa nhớ ra mình chưa hề cập nhật với Marianne Engel về việc phát triển nhân cách tới chuẩn lý tưởng của tôi. "Thật lãng mạn."

Cô cười phá lên trong khi lôi hai chai rượu Scotch ra khỏi cái giỏ lạnh. "Đây là dành cho bác sĩ Edwards, cô Mizumoto và các y tá. Tôi mong rằng anh không nói dối tôi, nhưng có lẽ anh sẽ thích câu chuyện tối nay hơn."

Tôi để ý thấy có chút máu khô bám quanh rìa những móng tay bầm giập của cô khi cô lấy thức ăn ra khỏi giỏ lạnh. Cá và khoai tây chiên, xúc xích và khoai tây nghiền. Một dẻ sườn bò đút lò kèm bánh pudding Yorkshire béo ngậy. Những cái sandwich nhỏ xíu: thịt lợn hun khói và trứng, pho mát và rau. Bánh quy và mứt dâu. Bánh sữa Kaiser. Những dây tỏi và hành. Pho mát trộn kem thảo mộc. Pho mát bơ Đức, pho mát Thụy Sĩ, pho mát Gouda, pho

mát hun khói Gruyère, cả pho mát Emmenthal nữa. Xa lát dưa chuột tươi với xốt sữa chua nằm trong một chiếc bát nhỏ xinh xắn vẽ hình Hansel và Gretel. Những củ khoai tây đỏ mũm mĩm, được bổ làm bốn để khoe phần thịt trắng bên trong; những đọt măng tây xanh mum múp, bơ chảy; những quả cà tím béo tròn được nhồi đầy trông như những bà bầu mắn đẻ. Những lát thịt cừu mỡ màng xếp chồng lên nhau như một bức tượng đài khiêu khích bệnh xơ vữa động mạch. Một chồng cải muối đứng lẻ loi dường như được thêm vào phút cuối vì ai đó nghĩ là không đủ rau. Mấy quả trứng nướng, dù ai mà thèm ăn trứng nướng chứ? Rồi, phong cách ẩm thực quay ngoắt sang kiểu Nga: varenyky (bánh hấp, theo kiểu nói của dân không chuyên) phủ hành, và holubtsi (cơm cuốn cải bắp) chan xốt cà chua cay nồng.

Marianne Engel thả một quả trứng vào miệng, như thể bao ngày rồi cô chưa được ăn, và nhồm nhoàm nhai nuốt như một con dã thú. Làm sao một người đói đến chừng này lại không nếm thử thức ăn trong lúc nấu chứ? Khi đã thuần hóa cơn đói ngấu nghiến của mình, cô tuyên bố. "Câu chuyện về Vicky Wennington với những cơn bão dữ dội, một tình yêu ân cần và cái chết trong nước biển mặn chát!"

Tôi ngồi nghiêm chỉnh lại, háo hức nghe, và cắn thêm một miếng holubtsi nữa.

CHƯƠNG 14

Trong xã hội London, không gì quan trọng hơn là sở hữu cái tên thuộc về một dòng họ danh giá, và Victoria D'Arbanville sinh ra đã mang một trong những cái họ lâu đời và đáng kính trọng nhất. Tuổi thơ của cô là một chuỗi những bài học để hỗ trợ cho sự trưởng thành sau này: cô được dạy tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Đức, tiếng Latin và một chút tiếng Nga; cô có thể bàn luận về thuyết tiến hóa của Darwin mà không cần công khai nói đến mối quan hệ giữa người và vượn; và cô có thể hát những khúc opera hay nhất của Monteverdi, dù cô thích Cavalli hơn. Cha mẹ cô thật ra cũng chẳng quan tâm con gái họ thích loại nhạc nào; họ chỉ quan tâm xem làm thế nào để cô cưới được một quý ông lịch lãm, vì đó là điều mà những thiếu nữ thời nữ hoàng Victoria cần phải làm.

Victoria chưa bao giờ nghi ngờ rằng mình cũng sẽ làm theo đúng như thế, cho đến cái ngày cô gặp Tom Wennington. Không phải một anh Thomas nào đó đâu, người đàn ông này là một anh Tom đích thực. Họ đã cùng dự một buổi dạ tiệc trang trọng, Tom - mặc một bộ com lê xộc xệch - đi cùng một người bạn. Sau bữa ăn, cánh đàn ông rút về phòng khách nơi chủ đề chính là Nghị viện và Kinh Thánh. Tom cũng chẳng biết gì nhiều mà góp chuyện mặc dù nếu bị ép buộc anh có thể nêu chút ý kiến về đất cát. Anh là một người nông dân, từ đầu đến chân, như cha ông anh vậy.

Tom là người đàn ông thô kệch hơn bất cứ người đàn ông nào Victoria từng biết, nhưng niềm vui sướng của cô mỗi khi tình cờ gặp anh, vô tình mà hữu ý, trong suốt những tuần tiếp theo, là không thể chối cãi. Về phần mình, Tom cũng đã kéo dài thời gian ở lại London thêm một tháng so với dự định ban đầu; anh gồng mình chịu đựng các bữa tiệc, các buổi uống trà, và các buổi biểu diễn opera chỉ để tìm cơ hội gặp Victoria. Cuối cùng bạn của Tom, dù giàu có và hào phóng, cũng bắt đầu hết cả com lê để cho Tom mượn. Tom, biết rõ ruộng đồng của anh không thể tự sinh sôi, đã quyết định hoặc đi về nhà một mình hoặc lấy hết can đảm bám trụ lại. Tiện đây, đó là câu nói mà Victoria đã dạy anh.

Nhà D'Arbanville hoảng sợ tột độ khi họ đoán được con gái mình quan tâm đến cái anh, cái anh... nông dân này! Nhưng đến lúc đó thì đã quá muộn. Victoria không chỉ giỏi trích lời Phu nhân Macbeth mà còn biết ứng dụng khả năng lập kế hoạch của bà. Khi cô nhanh chóng nhận ra Tom không hiểu được những từ hoa mỹ mình nói, Victoria đã sắp xếp một chuyến đi bí mật đến nhà máy hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất máy nông nghiệp chạy bằng hơi nước của cả London.

Tom đã bước vào cái thế giới xa lạ là London chỉ vì mê mụ Victoria, nhưng anh chưa bao giờ quên rằng Victoria không biết chút gì về cuộc sống của anh. Qua chuyến đi này, cô đã chỉ cho anh thấy cô rất sẵn lòng học nghề nông. Những câu hỏi của cô đối với người quản lý thực vật đã chứng tỏ rằng cô đã bỏ nhiều công sức nghiên cứu về những thứ đó trước cả khi

cô bước chân vào nhà máy, và đây chính là điều đã thuyết phục Tom rằng không có người phụ nữ nào khác dành cho anh ngoài cô.

Khi Tom cầu hôn, cô biết những tháng ngày bó gối trong phòng khách của mình đã kết thúc. Vâng, cô trả lời ngay lập tức, không thèm chơi trò do dự. Cô đã kết thúc cuộc đời làm Victoria, và sẵn sàng bắt đầu cuộc đời mới với tư cách là cô Vicky đáng yêu của anh.

Sự phản đối của cha mẹ cô yếu đi trông thấy khi họ biết Tom sở hữu một diện tích đất rộng bao la, và đôi trẻ đã nên duyên trong một hôn lễ quá hoành tráng so với ý thích của anh. Vicky chuyển đến sống tại trang trại Wennington bát ngát, với một phía nhìn ra cánh đồng và một phía trông về biển Bắc. Đó là một địa điểm khá lạ lùng đối với ngôi nhà, nhưng bà cố nội của Tom đã khăng khăng phải có được một chỗ nhìn ra "nơi đất dừng lại và hòa vào biển cả".

Vicky sẽ nhắc nhở Tom nếu anh quên không cạo râu còn Tom sẽ trêu Vicky rằng gót giày của cô quá cao đối với vợ một người nông dân, nhưng cô cũng thầm run rẩy trước hàm râu lởm chởm ram ráp của anh và anh cũng rất yêu cái cách đôi ủng thành thị làm hông cô lúc lắc. Mùi mồ hôi của anh có thể làm cô rùng mình sung sướng, còn mùi nước hoa thoang thoảng của cô khiến anh phải lấy vội chiếc khăn mùi soa lấm lem ra lau gáy. Khi còn ở London, cơ thể cô chỉ lặng lẽ tồn tại, trên nông trại của họ, Vicky đã ăn sâu bám rễ vào đất mẹ. Cô nhóm lửa để đun những ấm nước khổng lồ cho Tom tắm mỗi tối. Cô thổi ống bễ, mỉm cười, người đẫm mồ hôi, và tưởng tượng anh sẽ cảm thấy thế nào trước sự gần gũi của cô. Chính trong những lần tắm tối này mà lần đầu tiên Vicky cảm thấy yêu đôi tay của mình. Cô quên luôn những bài học piano thuở còn thơ khi kỳ cọ đất bẩn cho chồng.

Đến mùa gặt, Vicky thụ thai. Cô mập lên trông thấy vào mùa đông và sinh em bé khi mùa xuân đến, Vicky gọi cậu bé là Alexander; Tom gọi cậu bé là Al. Bầu không khí thôn quê trở nên ngọt ngào hơn bao giờ hết.

Sáng sáng họ thường cùng nhau đứng trên vách đá, bế em bé trên tay, nhìn những ngư dân đến rồi đi. Họ làm điều này rất thường xuyên sau đám cưới, và mọi việc cũng không có gì thay đổi trong suốt mùa hè đầu tiên của đứa bé. Tom nhắm mắt lại và tưởng tượng mình đang ở trên mặt nước. Khi còn trẻ, anh từng mơ được gia nhập Hải quân Hoàng gia, nhưng đã từ bỏ ý định khi người cha mất và để lại trang trại cho anh.

Tuy nhiên, Tom vẫn có một chiếc thuyền nhỏ anh thường đi vào những ngày Chủ nhật. Vào một ngày như thế đầu tháng Mười một, cũng như bao ngày khác, Tom rủ Vicky đi cùng anh. Vụ mùa mới thu hoạch và họ có đủ thời gian rảnh để dành một ngày cho nhau. Cô nói với anh mình hơi mệt một chút và muốn ở lại chăm sóc em bé. "Nhưng anh cứ đi đi," cô nói. "Vui nhé."

Từ trên vách đá, Vicky bế Alexander trên tay, nhìn Tom lái chiếc thuyền ra khỏi cảng và tiến dần về phía đại dương, bóng hình anh mỗi lúc một nhỏ dần cho đến khi khuất hẳn. Cô kéo áo khoác chặt hơn và kéo chăn lên cằm con. Một luồng gió lạnh căm căm thổi tới; cô cảm thấy rét thấu xương trong lúc vội vã quay về nhà. Tháng Mười một rồi, cô nghĩ, có gió cũng là bình thường thôi.

Luồng gió buốt giá kéo theo cơn bão, thật đột ngột và dữ dội. Trong trang trại, Vicky thiếp đi cùng với cơn đau đầu, tay ôm chặt con bên ngực. Cô cứ trở mình mãi cho đến khi cả hai choàng tỉnh bởi một tia chớp đánh thẳng xuống cánh đồng. Vicky ngồi bật dậy còn Alexander òa lên khóc. Cô mặc vội quần áo rồi chạy về phía rìa vách đá, để em bé lại cho cô giúp việc trông.

Vicky đảo mắt suốt dọc chân trời để tìm chiếc thuyền bé nhỏ của chồng. Chẳng có gì ngoài nước biển xám xịt đang cuộn lên giận dữ.

Ít phút sau, một người tá điền ra đưa Vicky vào nhà, e ngại cơn gió mạnh có thể kéo cả cô bay khỏi rìa vách đá. Dưới đáy vực là những tảng đá sắc nhọn có thể xé toạc một con người. Khi Vicky đã ở yên trong nhà, họ cố trấn an cô. "Anh Wennington là một thủy thủ giỏi. Anh ấy sẽ tìm được chỗ trú trong một cái vịnh nhỏ và ngồi ở một nơi an toàn đợi cơn bão qua đi. Anh ấy sẽ trở lại khi bão tan thôi." Vicky gật đầu cho qua chuyện, mong muốn tin đó là sự thật.

Đó là cơn bão khủng khiếp nhất trong ký ức của những người còn sống và nó gào thét trong suốt ba ngày liền. Vicky dật dờ đi từ nhà ra vách đá, đứng mãi cho tới khi có một người tá điền đến nói với cô là Alexander đang khóc và cần được chăm sóc.

Cơn bão cuối cùng cũng qua đi. Bầu trời u ám rạng dần và ánh mặt trời chiếu rọi qua khe hở giữa các đám mây. Vicky lại quay về chỗ của mình trên rìa vách đá, và cô đứng đó cả ngày liền, đợi người chồng trở về. Nhưng anh vẫn không xuất hiện.

Ngày tiếp theo cô tổ chức một đội cứu hộ. Tom được mọi người yêu quý hết mực và tất cả những chiếc thuyền có thể sử dụng được đều bơi xuôi ngược bờ biển để tìm anh.

Không có chút dấu hiệu nào của Tom. Không có dấu hiệu của bất cứ cái gì. Chỉ có những con sóng cô đơn, trải dài. Cứ như đại dương đã xóa bỏ mọi chứng cứ về sự tồn tại của anh. Sau ba ngày tìm kiếm, những người đánh cá ngại ngần từ bỏ mọi nỗ lực. Họ cũng phải nuôi sống gia đình mình. Họ hứa với Vicky là sẽ tiếp tục để mắt tới mọi dấu hiệu.

Cô không từ bỏ - không thể từ bỏ dễ dàng thế được. Cô thuê một thủy thủ kèm theo thuyền, và hai người cùng nhau tìm kiếm thêm sáu tuần nữa. Vicky dần trở nên thân thuộc với tất cả những rìa đá nhấp nhô nơi bờ biển. Tuy nhiên, đến giữa tháng Mười hai, những cơn gió lạnh như băng đã thổi Vicky và người làm thuê ra khỏi biển cả. Đã đến lúc phải quay về từ

chuyến đi tìm người mất tích để quan tâm chăm sóc đến những người còn sống. Bé Alexander cần mẹ nó.

Những người tá điền vẫn tiếp tục công việc của mình nhưng thiếu đi sự chỉ dẫn của Tom. Điều duy nhất làm họ cảm thấy nhẹ lòng là vụ gặt đã xong trước khi cơn bão ập tới. Giáng sinh là một sự kiện thật thê thảm, không một cây thông được dựng lên, không một con ngỗng nào được chế biến. Năm đó, bắt đầu thật hứa hẹn với sự ra đời của Alexander vào mùa xuân, đã kết thúc trong đau buồn.

Dần dần, Vicky trở lại cuộc sống vốn có của mình nhưng cô vẫn chỉ vận toàn đồ đen. Người trong vùng gọi cô là Góa phụ Wennington. Cô nhận được vài lời trả giá khá hời cho trang trại, nhưng cô cương quyết không bán. Thật không đúng khi từ bỏ mảnh đất đã thuộc về gia đình Tom hàng bao thế hệ, và cô cũng không muốn từ bỏ ngôi nhà nơi cô đã yêu và được yêu mãnh liệt. Hơn nữa, cô cũng không muốn quay trở lại xã hội London. Móng tay cô đã dính quá nhiều đất rồi.

Nhưng hơn tất cả, mảnh đất là tất cả những gì Alexander biết về cha mình. Mảnh đất này là Tom. Trong suốt mùa đông cô đơn đầu tiên, Vicky nghiên cứu cách điều hành trang trại, học tất cả những gì cô có thể, vì người chồng mất tích và đứa con thơ dại của họ. Cô cần phải làm một cái gì đó, bất cứ cái gì, để hạn chế tối đa những suy nghĩ về sự đánh cắp Tom trắng trợn của biển cả. Nhưng mỗi buổi sáng, khi mặt trời mọc, Vicky lại đứng bên rìa vách đá một tiếng đồng hồ. "Tom đã chết rồi," người dân trong vùng nói. "Sao cô ấy lại không thể chấp nhận điều đó chứ? Thật tội nghiệp!"

Khi mùa xuân đến, Vicky bắt đầu điều hành trang trại. Lúc đầu các tá điền khá e dè tuân theo chỉ dẫn của cô nhưng khi thấy rõ ràng là cô biết mình đang làm gì, họ thôi không xì xào nữa. Họ kết luận rằng tiền nhà Wennington vào tay Vicky cũng tốt như khi ở trong tay Tom. Cô làm việc rất chăm chỉ để chứng tỏ bản thân, và dù vụ mùa không thành công bằng năm trước đó, nó cũng không đến nỗi nào. Vào lễ tưởng niệm đầu tiên sự kiện Tom mất tích, Vicky đã tháo bỏ khăn tang, nhưng mỗi sáng cô vẫn luôn đi đến rìa vách đá. Đó không phải điều cô có thể lý giải cho người khác, nhưng cô tin rằng bằng cách nào đó những đợt thủy triều sẽ mang tình yêu của cô đến với Tom.

Năm tháng qua đi, trang trại ngày càng trở nên giàu có. Vicky đã được biết đến như một nông dân giỏi và một nữ doanh nhân tài ba. Cô có những nhân công tốt nhất vì cô luôn trả lương hậu hĩnh nhất. Cô luôn trả lương hậu hĩnh nhất vì cô luôn thu được nhiều nhất. Cuối cùng cô bắt đầu mua những trang trại láng giềng, với giá cả hợp lý, và khi cô quản lý những mảnh đất mới này, chúng đều gia tăng sản lượng thường xuyên.

Trong suốt hai mươi hai năm, Vicky miệt mài làm việc. Bà trở thành người chủ đất giàu có nhất trong cả vùng, còn Alexander trở thành một thanh niên khỏe mạnh, cả về thể chất lẫn tinh thần, và giỏi giang. Rồi một ngày, cậu gặp một thiếu nữ thông minh, mạnh mẽ đến từ

một thành phố gần đó. Cậu yêu cô, cầu hôn và được chấp nhận. Vicky biết rằng con trai mình sẽ hạnh phúc.

Trong suốt hai mươi hai năm, sáng nào bà cũng dành một giờ đứng trên vách đá nhìn xuống những ngọn sóng quằn quại mời gọi phía dưới. Ba trăm sáu mươi lăm ngày một năm. Tất cả mọi người đều biết bà đang đợi chồng mình trở về. Tám nghìn ngày. Mưa, gió, mưa tuyết, tuyết, nắng nôi cũng không ảnh hưởng gì đến Góa phụ Wennington. Tám nghìn giờ. Không một lần bà rời bỏ chỗ đứng cô đơn của mình bên rìa thế giới, nơi mặt đất hòa vào biển cả.

Vào mùa thu sau lễ cưới của Alexander, đã có một trận bão khủng khiếp. Đó, thực sự, là trận bão tệ nhất từ sau trận bão đã cướp Tom đi. Thật lạ lùng, bão đến vào đúng tuần lễ đó, vào đầu tháng Mười một, khi bà mất ông. Gió thét gào, nhưng thậm chí một cơn bão hung bạo cỡ đó cũng không đủ sức khiến Vicky rời khỏi vách đá. Thật ra bà thích những ngày bão tố nhất, vì chúng làm bà cảm thấy mình được đến gần bên người chồng đã mất tích nhất. Vicky đứng hai tay dang rộng, ôm lấy cơn mưa khi nó ập xuống da thịt mình. Bà thì thầm tên ông. "Tom, Tom, Tom, Tom..." Tóc bà tung bay, và rồi bà thét vào trận bão. "Em yêu anh, em yêu anh, em yêu anh, em sẽ luôn yêu anh."

Alexander đứng nhìn từ phía trang trại, vừa phấn khích vừa lo lắng. Anh chấp nhận nghi lễ của mẹ mình vì anh biết nó là một phần không thể thiếu, nhưng lần này thì khác. Bình thường, mẹ luôn yên lặng và đăm chiêu nhìn ra xa; ngày hôm ấy, mẹ giật lên như thể là con rối của trận bão. Alexander chạy vội ra ngăn mẹ lại. "Mẹ! Con chưa bao giờ cản mẹ. Nhưng giờ mẹ phải vào đi, ngoài này quá nguy hiểm."

Vicky gào lên trong cơn bão. "Không!"

Alexander dốc hết sức chống lại cơn bão. Chống lại mẹ mình. "Mẹ có đứng nhìn bao lâu đi nữa cũng chẳng có kết quả gì đâu."

Vicky lắc đầu. "Hiển nhiên là có chứ."

Alexander siết chặt cổ chiếc áo mưa. Anh gào lên dưới lần mũ áo mưa cao su màu vàng. "Không ai nghi ngờ tình yêu của mẹ cả."

Vicky quay mặt khỏi con mình, hướng về phía biển. Bà nói thật nhẹ nhàng, nhẹ nhàng đến mức con mình không thể nghe thấy. "Mẹ chỉ muốn nhớ về ông ấy."

Cơn mưa như trút đã xói đất thành những rãnh nước nhỏ quanh chân bà. Đất bắt đầu long ra và Alexander cảm thấy nó đang dịch chuyển. Một vết nứt toác hiện ra giữa họ: hai mươi hai năm đứng suốt tại một vị trí đã làm mòn nền đá. Alexander hoảng loạn với tay về phía mẹ mình, mắt anh mở to vì hoảng sợ. Anh gào lên bắt mẹ nắm lấy tay mình. Vicky đưa tay về phía con trai nhưng khi tay gần như đã ở trong tay con, bà dừng lại. Bà không còn sợ hãi nữa và mỉm cười. Bà để tay mình buông thõng bên sườn.

"Vì Chúa, mẹ ơi!"

Alexander không thể nói thêm được gì nữa. Tiếng gió mưa gầm rú và tiếng sấm nổ chớp giật ầm ầm khắp nơi, nhưng anh chưa bao giờ thấy mẹ mình bình thản và đẹp đến vậy. Như thể bà đã chờ đến lượt mình, và cuối cùng giây phút đó cũng tới. Đất sụt dưới chân bà và anh đứng nhìn mẹ mình biến mất cùng rìa vách đá vỡ vụn.

Thi thể của bà không bao giờ được tìm thấy. Tất cả dân làng đều nói rằng cuối cùng bà đã trở lại bên Tom yêu dấu của mình, dưới những con sóng đại dương.

CHƯƠNG 15

ên cạnh giường tôi, trên chiếc bàn nhỏ, là một bông loa kèn bằng thủy tinh xuất hiện vào buổi sáng sau hôm câu chuyện về Vicky được kể. Tôi rất lúng túng không hiểu vì sao nó lại ở đó, vì Marianne Engel đã rời bệnh viện từ lâu trước khi tôi ngủ. Khi tôi hỏi các cô y tá xem ai trong số họ đã để bông loa kèn thủy tinh lại thì họ đều thề là không phải mình. Hơn nữa, Maddy còn khẳng định chắc chắn rằng suốt đêm không hề có một ai đi qua phòng trực của y tá. Thế có nghĩa là hoặc các cô y tá nói dối, hoặc Marianne Engel đã lẻn vào với sự trợ giúp của bóng tối.

Câu hỏi thứ hai về bông loa kèn thủy tinh là: Nó tượng trưng cho cái gì?

Tại sao, bạn hoàn toàn có thể hỏi tôi, tại sao tôi lại nghĩ nó mang một ý nghĩa nào đó? Một vài thứ, trong đó có những món được làm từ công nghệ thổi thủy tinh, đơn giản là nhìn rất hay. (Và tôi có cần phải nhắc bạn nhớ là khoa bỏng cấm mang hoa thật vào không nhỉ?) Tuy nhiên, tôi chắc chắn rằng nó thực sự mang một ý nghĩa nào đó; càng dành nhiều thời gian với Marianne Engel, tôi càng tin rằng mọi thứ đều liên quan đến nhau một cách không thể lý giải.

"Ồ," bác sĩ Edwards nói, "một chút bí ẩn không phải lúc nào cũng xấu. Nó khiến người ta có lòng tin."

"Đừng nói với tôi là chị theo đạo đấy, Nan. Tôi không nghĩ là tôi chịu nổi đâu."

"Tín ngưỡng của tôi, có hay không có, cũng chẳng việc gì đến anh. Anh có cuộc sống riêng của mình, như bữa tiệc tối qua ấy, và tôi cũng có cuộc sống của tôi." Có chút... ghen tị pha lẫn giận dữ và làm mình làm mẩy? gọi như thế nào được nhỉ?... trong giọng nói của bà.

Thật lạ khi Nan có vẻ khó chịu với bữa cơm do chính bà chỉ định. Là một kẻ cơ hội, tôi coi đây là bàn đạp cho tôi hỏi bà một câu khiến tôi bận lòng bấy lâu: vâng, tôi biết là tình trạng gia tăng chuyển hóa các chất trong cơ thể khiến tôi cần phải hấp thụ thêm nhiều calo, nhưng lý do thật sự bà cho phép Marianne Engel làm việc đó là gì.

"Mọi người đều phải ăn," Nan thản nhiên nói.

Câu trả lời của bà, dĩ nhiên, không phải một câu trả lời đúng nghĩa. Thế là tôi hỏi lại. Nan, như thỉnh thoảng vẫn thế, dành vài giây cân nhắc lợi hại của việc nói thật. Tôi rất thích khi bà làm thế. Như tôi mong đợi, bà đã không nói dối. "Tôi cho phép những bữa ăn này vì rất nhiều lý do. Đầu tiên, sẽ rất tốt cho anh nếu anh hấp thụ được càng nhiều chất dinh dưỡng càng tốt. Tôi cũng làm việc này vì các y tá nữa vì có vẻ anh đã xử sự phải phép hơn từ khi Marianne Engel đến. Nhưng trên hết, tôi làm việc này vì tôi chưa bao giờ gặp một người nào cần bạn đến như anh."

Nói ra điều đó đã làm Nan cảm thấy nhẹ nhõm. Tôi hỏi bà nghĩ gì về việc Marianne Engel giúp tôi tập vật lý trị liệu, và bà thừa nhận chính xác những gì tôi đang nghi ngờ, rằng bà không thích ý tưởng đó lắm.

"Chị lo lắng là tôi bắt đầu phải phụ thuộc vào cô ấy nhiều quá," tôi nói, "và cô ấy sẽ làm tôi thất vọng."

"Chẳng phải chuyện ấy cũng làm anh lo lắng sao?"

"Phải," tôi trả lời.

Vì Nan đã quyết định nói cho tôi nghe sự thật, điều nhỏ nhặt nhất tôi có thể làm là trả lời thẳng thắn như vậy.

Mọi thứ dường như đang tiến triển gần giống như cái lẽ phải thế. Giờ đây khi tôi thực sự có khát vọng cải thiện bản thân và đang nỗ lực để thực hiện điều đó, tôi có thể cảm thấy mình ngày càng mạnh mẽ hơn. NGƯƠI CÓ CHẮC KHÔNG? Nhưng để sẵn sàng đối mặt với thế giới thực ngoài kia thì phải cần đến cả sức mạnh thể chất lẫn tinh thần.

Maddy đặt tôi ngồi vào xe lăn rồi đẩy tôi vào phòng chung nơi có bốn bệnh nhân bỏng khác. Một người đàn ông đang đứng trên bục trong lễ phục áo sơ mi và cà vạt: Lance Whitmore là một bệnh nhân đã xuất viện. Anh đã phải chịu những vết bỏng gần (nhưng không hoàn toàn) tệ bằng tôi. Vết thương của anh thì khó nhìn thấy hơn - chỉ có bên cằm phải và phần cổ mới cho thấy anh từng bị bỏng - nhưng anh nói trên người anh có chi chít sẹo lồi mà anh sẽ cho chúng tôi xem sau buổi thuyết trình, nếu chúng tôi có muốn xem liệu vài năm sau khi hồi phục thì chúng tôi sẽ được những gì. Tôi chẳng cần; phải đối mặt với những tháng ngày hiện tại đã đủ lắm rồi.

Sự hiện diện của Lance vừa có tác dụng củng cố tinh thần vừa là nguồn thông tin đáng tin cậy. Anh đã ở bên ngoài ba năm và rất sẵn lòng truyền thụ chút kinh nghiệm trong việc hòa nhập thành công, cứ như một nhà diễn thuyết của Hội Cai Rượu ấy.

"Hãy nhìn vào từ chấn thương trong từ điển," Lance bắt đầu, "và các bạn sẽ thấy có rất nhiều định nghĩa. Về mặt y khoa, đây là một từ chỉ những tổn thương gây ra cho cơ thể do tác động bên ngoài, trong trường hợp của chúng ta là do lửa. Dĩ nhiên, cũng có các nghĩa tương tự, và các bạn cũng sẽ bị tổn thương - do người ta vô tình hay hữu ý - khi các bạn rời khỏi đây. Người khác không thực sự hiểu những gì đã xảy đến với chúng ta đâu."

Bài diễn văn của Lance diễn ra như người ta đoán trước: anh lại nói về những "thách thức" và "cơ hội" mình gặp phải, và những gì anh đã làm để có lại cuộc sống của chính mình. Khi bài diễn văn kết thúc, anh để mọi người được tự do thảo luận.

Câu hỏi đầu tiên đến từ một nữ bệnh nhân cứ gãi suốt từ đầu đến cuối buổi nói chuyện. Cô muốn biết liệu "những vùng da bị lóc" của cô có luôn "ngứa đến phát điên" thế này không.

"Cảm giác ngứa cuối cùng cũng hết thôi. Tôi hứa đấy." Một loạt tiếng xì xào nhẹ nhõm rộ lên giữa đám đông. Thậm chí cả tôi, người đã thề sẽ giữ im lặng, cũng phải thở phào biết ơn. "Các bạn không thể làm gì khác ngoài việc cố gắng chịu đựng cho qua thời kỳ khó khăn, quả là bất hạnh, nhưng tôi luôn luôn thấy dễ chịu hơn mỗi khi nhớ về điều mà Winston Churchill từng nói."

"Chúng ta sẽ không bao giờ đầu hàng?" nữ bệnh nhân bị ngứa gợi ý.

"Ồ, vâng," Lance cười, "Nhưng tôi đang nghĩ về câu 'Nếu chúng ta phải đi qua Địa ngục... thì cứ đi thôi.'"

Một bệnh nhân khác hỏi, "Khi ra ngoài xã hội anh cảm thấy thế nào?"

"Thực sự rất khó khăn, nhất là trong thời kỳ đầu. Hầu hết mọi người đều giả vờ không nhìn thấy bạn, nhưng họ vẫn thì thầm. Một vài người còn ngang nhiên nói kháy bạn nữa, thường là mấy cậu choai choai. Điều thú vị ở đây là rất nhiều người nghĩ nếu bạn bị bỏng thì hẳn là do bạn bị quả báo. Suốt bao thế hệ ông bà ta đã dạy như vậy, đúng không? Lửa là dấu hiệu trừng phạt của thánh thần. Thật khó cho mọi người phải đối mặt với một thứ phi logic như chúng ta - bị bỏng, nhưng vẫn sống - vì thế chúng ta hẳn đã làm việc gì đó rất sai trái, nếu không họ sẽ phải chấp nhận một sự thật rằng những điều như vậy cũng có thể xảy đến với họ." Anh ngừng lại. "Có ai ở đây nghĩ những vết bỏng của mình là kết quả của một sự trừng phạt nào đó không?"

Chúng tôi nhìn nhau cho tới khi một bệnh nhân rụt rè giơ tay lên, một giây sau lại thêm một người nữa. Tôi sẽ không giơ tay đâu, dù Lance có đợi bao lâu đi nữa.

"Điều này cũng hoàn toàn bình thường thôi," anh trấn an chúng tôi. "Sao lại là tôi? Ngày nào tôi cũng hỏi mình câu này nhưng chưa một lần nhận được câu trả lời. Tôi sống tốt. Tôi đi lễ nhà thờ, đóng thuế, tình nguyện tham gia câu lạc bộ nam sinh vào cuối tuần. Tôi đã, và đang, là một người tốt. Vậy-sao-lại-là-tôi?" Ngừng lại. "Chẳng có lý do nào cả. Một khoảnh khắc đen đủi, với hậu quả cả đời."

Một bệnh nhân khác hỏi, "Mọi người có hỏi về những vết bỏng của anh không?"

"Có bọn trẻ con, vì chúng vẫn chưa biết cách cư xử phải phép. Một số người lớn nữa, và nói thật thì tôi rất cảm kích. Mỗi một người bạn gặp trong suốt quãng đời còn lại sẽ băn khoăn về chuyện đó, vì thế thỉnh thoảng dẹp thắc mắc ấy khỏi đường đi của mình để có thể đến với những điều khác cũng là một việc tốt."

Một bàn tay dè dặt giơ lên, "Thế còn chuyện ấy thì sao?"

"Tôi rất thích chuyện ấy." Câu nói của Lance khiến vài người cười khúc khích, và tôi đoán anh đã đọc bài phát biểu này đủ nhiều để hoàn thiện câu trả lời mà anh luôn luôn gặp phải. "Với mỗi người khác nhau thì việc chăn gối cũng khác. Da bạn là một phần khá tuyệt vời của chuyện ấy, phải không? Cơ quan lớn nhất trong cơ thể, với diện tích bề mặt lên đến ba mét vuông, và mang lại rất nhiều khoái cảm. Giờ đây chúng ta đã mất khá nhiều đầu dây thần kinh rồi, quả thật rất tệ nhỉ."

Người bệnh vừa nêu câu hỏi liền thở dài nặng nề, nhưng Lance giơ cao tay lên để thể hiện rằng mình vẫn còn vài điều muốn nói. "Da là đường chia cắt giữa người với người, nơi bạn kết thúc và nơi người khác bắt đầu. Nhưng trong quan hệ tình dục, tất cả đều thay đổi. Nếu da là một hàng rào ngăn cách người với người thì tình dục là cánh cổng mở cơ thể của bạn ra cho đối phương."

Chưa bao giờ trong đời tôi lại có ý nghĩ đấy, với bất cứ ai. Càng không phải với Marianne Engel.

Lance đằng hắng. "Tôi đã rất may mắn: vợ tôi đã ở lại bên tôi. Trên thực tế, những vết bỏng đã làm chúng tôi đồng cảm hơn, và điều đó cũng được vận vào đời sống tình dục nữa. Tôi buộc phải trở thành một người tình tuyệt vời hơn, vì tôi phải trở nên ngày một, ừm, sáng tạo hơn. Đó là tất cả những điều tôi muốn nói về chuyện đó."

"Điều gì là khó khăn nhất đối với anh sau khi xuất viện?"

"Quả là một câu hỏi khó, nhưng tôi nghĩ đó là việc phải mặc trang phục tạo áp suất hai mươi ba tiếng mỗi ngày. Chúng thật tuyệt vời, các bạn biết đấy, trong việc hạn chế tạo sẹo nhưng - Chúa ơi! - cảm giác giống như bị chôn sống vậy. Bạn sẽ luôn mong đợi được tắm, dù rất đau đớn, để có thể thoát ra khỏi cái thứ kinh khủng ấy." Lance nhìn vào mắt tôi một thoáng, rồi tôi có cảm giác anh đang đặc biệt nói đến tôi. "Tôi mặc bộ đồ của mình trong mười tháng đầu tiên từ khi ra viện nhưng với một số bạn ở đây thì có thể là một năm, hoặc lâu hơn."

Anh tiếp tục, "Chỉ sau khi rời khỏi đây các bạn mới nhận ra rằng một vết bỏng sẽ tồn tại vĩnh viễn. Đó là một sự kiện dai dẳng, một sự việc liên tục tái diễn. Các bạn sẽ rơi thẳng từ cảm giác hạnh phúc lâng lâng vì biết mình còn sống xuống hố sâu tuyệt vọng khi bạn chỉ ước được chết. Và chính khi bạn bắt đầu nghĩ rằng sẽ chấp nhận con người mới của mình, điều đó cũng thay đổi luôn. Vì việc bạn là ai không phải điều bất di bất dịch đâu."

Lance có vẻ hơi bối rối, như thể anh đã nhỡ đưa mình vào một chủ đề mà bản thân không muốn nói tới. Anh đưa mắt nhìn khắp phòng, đăm đăm nhìn xuống mọi ánh mắt trong vài giây, trước khi kết thúc buổi nói chuyện. "Những phương pháp điều trị bỏng hiện đại thật không thể tưởng tượng nổi, còn các bác sĩ thì thật tuyệt vời, và tôi rất biết ơn vì đã được sống. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Da bạn là dấu hiệu nhận biết nhân dạng bạn, hình ảnh mà bạn trưng ra với mọi người. Nhưng nó không bao giờ khẳng định bạn thực sự là ai. Vì bị

bỏng chẳng hề làm bạn kém - hoặc nhiều - tính người hơn. Chỉ là bạn bị bỏng mà thôi. Vì thế trong hoàn cảnh kỳ dị này, bạn hiểu ra điều mà hầu hết mọi người sẽ không bao giờ hiểu được, rằng da chỉ là nước sơn chứ không phải nét tinh túy của một con người. Xã hội chỉ giỏi khua môi múa mép về chuyện tốt gỗ hơn tốt nước sơn, nhưng ai có thể hiểu được điều đó bằng chúng ta?"

"Một ngày nào đó, nhanh thôi," Lance nói, "các bạn sẽ bước ra khỏi nơi đây và phải quyết định xem mình sẽ sống nốt quãng đời còn lại như thế nào. Bạn sẽ được đánh giá bởi cái mà người khác nhìn thấy, hay bởi cái tinh túy trong tâm hồn các bạn?"

HAI LỰA CHỌN THẬT NGHÈO NÀN.

Gregor mua một bịch kẹo đủ loại để chúc mừng tôi nhân lễ Halloween. Vì chúng tôi là đàn ông nên chúng tôi không đả động gì đến cuộc nói chuyện hôm trước giữa hai người, và mấy cái kẹo là cách ông ta ngỏ ý rằng chúng tôi nên dĩ hòa vi quý. Nếu địa điểm không phải là bệnh viện, tôi tin chắc ông ta đã mang đến cả bịch sáu lon bia rồi.

Buổi tối đó đã cho thấy một đột phá trong tình bạn của chúng tôi. Gregor kể cho tôi nghe một câu chuyện ngượng chín người về lễ Halloween tệ nhất của ông ta, khi ông ta hóa trang - trong một nỗ lực sai lầm để tạo ấn tượng với cô sinh viên y khoa mình đang mê mẩn - thành một bộ gan người. Ông ta đã mất nhiều công sức để chế bộ trang phục của mình trông càng thật càng tốt, gồm cả một ống cao su giả làm ống gan được gài vào một chiếc túi bí mật đựng rượu vodka trong thùy trái lá gan. Lý lẽ ông ta đưa ra là làm thế sẽ giúp ông ta có thể hút rượu cả tối, bất cứ khi nào người phụ nữ kia làm ông ta hồi hộp quá mức. (Có lẽ lần đầu tiên trong lịch sử, một người đàn ông lọc rượu khỏi gan rồi hấp thụ nó vào cơ thể.) Không may là ông ta thẹn đến nỗi nhanh chóng say bí tỉ. Cuối buổi tối hôm đó, Gregor và người ấy thấy mình đang ở trên gác xép của một họa sĩ chép tranh của Jackson Pollock. Câu chuyện kết thúc với cảnh Gregor phải trả cho ông họa sĩ mấy trăm đô la sau khi nôn vào một trong những bức vẽ của ông ấy, dù tôi cũng chẳng hiểu việc đó có tạo được khác biệt gì cho bức tranh hay không.

Tôi cố vượt mặt Gregor bằng câu chuyện về Giáng sinh đáng xấu hổ nhất của mình, về một nỗ lực không thành trong việc quyến rũ một cô yêu tinh tại một cửa hàng tạp hóa, người đã kết hôn với một anh già Noel lạm dụng chất kích thích. Gregor đáp trả bằng câu chuyện lễ Noel của ông ta, khi ông ta đã nhỡ tay bắn mẹ mình bằng khẩu súng hơi mới được tặng sau hàng tháng trời thề thốt rằng an toàn là mối quan tâm hàng đầu của ông ta. Cuối cùng, không hiểu sao chúng tôi quyết định sẽ cùng chia sẻ một câu chuyện đáng xấu hổ nhất thời thơ ấu, vào các ngày lễ hoặc không. Tôi là người kể trước.

Là một cậu bé bình thường, tôi đã phát hiện ra nghịch cái ấy của mình thật thích thú biết bao, nhưng vì lúc ấy đang phải sống với bà mợ nghiện cùng ông cậu nghiện, nên tôi chẳng có ai để san sẻ những khám phá sinh học của mình cả.

Tôi cũng biết láng máng, từ việc nghe lỏm mấy người lớn hút đá, rằng có những bệnh hoa liễu. Bạn chắc chắn không muốn mắc phải một trong số đó đâu, vì những điều rất xấu sẽ xảy đến với súng của bạn. (Mợ Derbi, khi thấy bản thân không thể tránh nói đến cái ấy của tôi, đã luôn gọi nó là súng.) Tôi cũng biết các bệnh hoa liễu được truyền qua chất dịch tiết ra trong khi giao hợp. Mình lẽ ra cũng có thể làm vài nghiên cứu, tôi nghĩ, nhưng tôi biết rõ các cô thủ thư đến độ chẳng thể liều lĩnh bị bắt quả tang đang tìm mấy cuốn sách như thế. Hơn nữa, điều này cũng dễ hiểu: vì người ta có thể mắc bệnh hoa liễu khi xuất tinh và giờ đây khi tôi đã có khả năng xuất tinh, tôi sẽ phải cẩn thận để tránh bị lây nhiễm. Vì thế tôi bắt đầu xem xét các lựa chọn.

Tôi có thể dừng việc thủ dâm. Nhưng việc đó đã quá.

Tôi có thể phủ bụng bằng một chiếc khăn tắm để hứng dòng tinh dịch tội lỗi. Nhưng không thể giấu một chiếc khăn to như thế và lén lút giặt sạch nó cũng khó.

Tôi có thể thủ dâm vào một chiếc tất. Nhưng tất cả những đôi tất của tôi đều được dệt bằng vải bông thưa, và chất dịch có thể rỉ qua đó và thấm vào lỗ chân lông trên da tôi.

Tôi có thể thủ dâm vào những cái túi đựng sandwich có mép dán. Phải rồi, việc này không những nghe có vẻ y học mà còn hợp với tôi kinh khủng. Hiển nhiên, đây là cách tôi chọn.

Không lâu sau tôi đã có một bộ sưu tập túi căng phồng dưới gầm giường, nhưng tôi không thể cứ chất cả đống vào thùng rác chung được - nếu ai đó phát hiện ra, hay nếu một con chó ăn vụng nào đó rải mấy cái túi chứa chất mặn mặn ấy trên bãi cỏ trước cửa? Thế là tôi quyết định tốt nhất là vứt chúng vào thùng rác nhà khác; càng xa ngôi nhà di động của chúng tôi càng tốt.

Địa điểm lý tưởng là khu nhà giàu trong thị trấn, cách xa bãi đỗ xe lưu động cả về khoảng cách lẫn địa vị xã hội. Tuy nhiên điều tôi không lường tới là người giàu ở đây rất nghi ngờ những thằng nhóc cứ lén lút quanh thùng rác nhà họ. Không lâu sau đó, một chiếc xe cảnh sát đã xuất hiện và tôi phải đứng trước hai ông sĩ quan lực lưỡng, cố gắng giải thích những hành vi đáng ngờ của mình.

Tôi không hề muốn phản bội bản chất đích thực của nhiệm vụ của tôi, nhưng các ông cảnh sát đã yêu cầu tôi đưa cho họ túi đồ mua sắm mà tôi đang cầm. Tôi van xin họ để tôi đi, nói rằng chẳng có gì trong túi trừ "bữa trưa" của tôi cả. Khi dùng vũ lực để lấy cái túi, họ đã tìm thấy bốn mươi gói nhỏ chứa một chất màu trắng không rõ nguồn gốc và bắt tôi trả lời chính xác rằng tôi đang buôn bán loại ma túy dạng lỏng nào.

Hoảng sợ trước viễn cảnh bị hỏi cung tại đồn cảnh sát địa phương trong khi họ phân tích thành phần hóa học của chất lỏng dạng sữa này, tôi thú nhận tôi đang đi loanh quanh để tìm chỗ vứt mấy cái túi đựng bánh sandwich có mép dán chứa đầy tinh dịch của mình.

Hai ông cảnh sát lúc đầu chẳng hề tin, nhưng khi câu chuyện của tôi trở nên chi tiết hơn, họ đứng lặng như trời trồng - cho tới khi họ bật cười. Không cần phải nói, tôi chẳng ấn tượng gì trước cách họ phản ứng với tình trạng khủng hoảng sức khỏe của tôi. Sau khi cười đã đời, hai người bỏ cái túi của tôi vào thùng rác gần nhất rồi đưa tôi về nhà.

Trên tinh thần đồng chí vừa xây dựng giữa chúng tôi, Gregor khoác lác rằng ông ta có một câu chuyện hay chẳng kém, nếu không muốn nói là hay hơn.

Khi còn nhỏ, Gregor chẳng khác gì một đứa vô học, dù tôi cho ông ta điểm tối đa vì ông ta không bao giờ tin rằng mình có thể tự chuốc bệnh hoa liễu. Khi ông ta khám phá ra trò thủ dâm, ông ta đã nghĩ thế này: Nếu thủ dâm bằng nắm tay khô cong đã thích thế này rồi, thì sẽ còn thế nào nữa nếu dùng một thứ gì đó trông có vẻ giống âm đạo hơn?

Thế là Gregor bắt đầu các thí nghiệm của mình. Ông ta đã thử dùng nước rửa tay trong nhà tắm cho tới khi phát hiện ra thực tế phũ phàng của bỏng xà phòng. Tiếp theo ông ta thử dùng kem thoa tay, khá công hiệu cho tới khi cha ông ta bắt đầu vặn hỏi tại sao ông con có ham muốn bất thường về một làn da mềm mại. Cuối cùng thì Gregor, luôn có đầu óc sáng tạo và một căn bếp chất đầy bát đựng hoa quả tú ụ, bắt đầu nghiên cứu những khả năng mà một cái vỏ chuối có thể mang lại. Chẳng phải chính tự nhiên đã chế tạo vỏ chuối đặc biệt cho việc phục vụ cái ống bơm da thịt này?

Vỏ chuối có một xu hướng rất xấu là hay bị rách trong khi hành sự nhưng, không bao giờ chịu đầu hàng, Gregor đã quyết định giải quyết yếu điểm tự nhiên này bằng băng dính trong. Rất thành công, nhưng ông ta cũng lại phải đối mặt với vấn đề khó khăn từng gây phiền hà cho tôi: đó là công đoạn xóa dấu vết.

Ông ta quyết định vứt vỏ chuối vào bồn cầu rồi xả nước, nhưng chiếc vỏ thứ tư đã làm mấy cái ống đồng loạt đình công. Khi cha của Gregor phát hiện ra tình trạng tắc nghẽn, rất tự nhiên, cụ bắt tay vào xử lý cái ống bơm. Gregor trốn trong phòng ngủ của mình, cầu Chúa ra tay khiến những cái vỏ trôi khỏi ống thay vì cứ dồn ứ lại. Nếu Người giúp con, thưa Chúa, con sẽ không bao giờ thủ dâm vào vỏ chuối nữa. Khi cha của Gregor không thể tự thông cái ống, cụ đã gọi thợ sửa ống nước trong vùng đến, mang theo dụng cụ thông toilet và những hiểm họa lơ lửng trên đầu.

Chúa đã đáp lại lời cầu nguyện của Gregor. Vỏ chuối gánh tội cuối cùng cũng trôi, và lời nhận xét duy nhất của người thợ sửa ống nước là mẹ Gregor nên xem xét việc thêm chút chất xơ vào khẩu phần ăn của gia đình. Gregor đã giữ lời hứa với Chúa bằng việc từ bỏ việc lạm dụng hoa quả mãi mãi - hay ít nhất ông ta cũng đảm bảo như vậy, bên giường bệnh của tôi.

Chúng tôi đang trêu chọc lẫn nhau và hứa giữ bí mật của cả hai thì Marianne Engel bước vào phòng, bó trong những dải băng xác ướp, đôi mắt xanh biển/xanh lục sáng lấp lánh

giữa những dải băng trắng quấn quanh mặt, mái tóc sẫm màu thả hờ xuống lưng. Cô rõ ràng không ngờ đến sự có mặt của một chuyên gia tâm thần trong phòng tôi, chứ đừng nói là người đã từng điều trị cho cô trong quá khứ. Nó làm cô chết lặng/cứng đơ giữa đường, như một tử thi cứng đờ ba nghìn (hoặc bảy trăm) năm tuổi sống dậy tức thì. Gregor, nhận ra mái tóc và đôi mắt không lẫn vào đâu được của cô, lên tiếng trước. "Marianne, thật tuyệt khi gặp lại cô. Cô khỏe không?"

"Tôi khỏe." Hai từ cụt lủn phát ra. Có lẽ cô sợ bộ trang phục của mình sẽ làm cô bị ném ngay lại vào phòng tâm thần, vì việc lảng vảng quanh khoa bỏng trong bộ dạng quấn băng thì tử tế nhất cũng bị coi là dở hơi và thảm nhất sẽ là một trò đùa tồi tệ.

Trong nỗ lực làm cô được thoải mái, Gregor nói, "Halloween là ngày lễ yêu thích của tôi, thậm chí còn hơn cả lễ Giáng sinh ấy. Bộ hóa trang của cô thật tuyệt." Ông ta dừng lại để cho cô cơ hội đáp lại nhưng cô chẳng nói gì cả, thế nên ông lại tiếp tục, "Điều này rất thú vị đối với các bác sĩ tâm thần, cô biết đấy. Nhìn những bộ hóa trang của mọi người cũng là cách để ta có cái nhìn qua về những ước mơ thầm kín của họ. Tôi ấy à, tôi sẽ hóa trang thành một anh Bolshevik khát máu."

Marianne Engel căng thẳng kéo mấy dải băng xoắn xuýt quanh eo mình. Gregor nhận thấy nỗ lực kéo dài cuộc hội thoại chẳng đi đến đâu cả, thế là ông ta nhã nhặn xin phép rồi thẳng tiến ra khỏi cửa.

Cô nhẹ cả người sau khi ông ta đi, cô đút cho tôi những thanh sô cô la và kể tôi nghe những câu chuyện ma - thể loại truyền thống, không phải chuyện về những người quen của cô. Cô kể câu chuyện nổi tiếng về hai đứa trẻ, sau khi nghe đài báo có một kẻ tay móc sắt vừa trốn khỏi nhà thương điên gần đấy đã chạy vội khỏi Đường Tình Nhân để rồi phát hiện ra một cái móc gãy treo lủng lẳng trên tay nắm cửa khi chúng trở về nhà; câu chuyện về một cô gái trẻ đi nhờ xe về nhà và quên mất áo khoác, mấy ngày sau khi người lái xe mang chiếc áo đến nhà cô trả thì biết rằng người xin đi nhờ ấy đã chết từ mười năm trước, cũng trên đoạn đường anh gặp cô; câu chuyện về người đàn ông ngồi chơi xếp hình bên bàn bếp khi xếp xong hiện lên bức tranh anh đang ngồi bên bàn bếp hoàn thành trò chơi xếp hình, với mảnh cuối cùng lộ ra một khuôn mặt kinh dị đang đứng nhìn từ ngoài cửa sổ; câu chuyện về một cô trông trẻ cứ phải nghe những cuộc điện thoại mỗi lúc một khó chịu hơn, cảnh báo cô về những nguy hiểm xảy đến với đứa trẻ mà cô đang chăm sóc cho tới khi, nhờ tổng đài lần theo số điện thoại gọi đến, cô mới biết cuộc gọi đó được thực hiện từ chính trong ngôi nhà, vân vân.

Vừa kể, Marianne Engel vừa phủ một tấm ga giường thừa lên đầu và chiếu đèn ngược lên mặt bằng chiếc đèn pin mượn ở bàn y tá. Trông cô ảo đến quyến rũ. Cô ở lại quá cả giờ thăm cho phép - mấy cô y tá từ lâu đã thôi áp đặt luật lệ với Marianne Engel - và lúc nửa đêm, cô

dường như cảm thấy bối rối vì sự vắng mặt của chiếc đồng hồ quả lắc điểm mười hai (hay có lẽ là mười ba) tiếng giữa phòng.

Điều cuối cùng cô nói, trước khi rời đi vào sáng sớm, là "Đợi đến Halloween sang năm nhé. Chúng ta sẽ đến một bữa tiệc rất tuyệt vời."

Việc thu hoạch da của tôi diễn ra thưa dần. Những cuộc phẫu thuật vẫn chiếm vị trí chủ đạo trong cuộc sống của tôi, dĩ nhiên là thế, nhưng những mơ mộng tự sát giờ hầu như đã không còn nữa và tôi đã trở thành học sinh siêu sao của Sayuri. Tôi có thể nói dối rằng đó là vì tính cách mạnh mẽ của tôi, và vì tôi quyết tâm giữ lời với Nan. Tôi có thể nói dối rằng tôi làm việc này vì bản thân. Tôi có thể nói dối rằng tôi làm việc này vì tôi đã nhìn thấy ánh sáng chân lý. Nhưng lý do chính khiến tôi làm việc này là để tạo ấn tượng với Marianne Engel.

THẬT DỄ THƯƠNG LÀM SAO. Con rắn cái khẽ hất đuôi và đánh lưỡi, háo hức mơn trớn tôi từ cả hai phía. TA ĐANG BĂN KHOĂN XEM MỌI CHUYỆN SẼ THẾ NÀO KHI NGƯƠI RỜI BỆNH VIỆN.

Tôi đã tốt nghiệp khóa học lê vài bước một lúc, có sử dụng khung tập đi bằng nhôm. Tôi thấy mình như thằng ngốc, nhưng Sayuri đã trấn an rằng tôi sẽ sớm được chuyển sang dùng gậy buộc vào cẳng tay thôi.

Một thứ đã giúp tôi rất nhiều là đôi giày chỉnh hình được chế tạo riêng cho tôi. Đôi đầu tiên làm chân tôi đau đớn nên các chuyên gia đã chế đôi thứ hai khắc phục mọi nhược điểm. Lợi ích lớn nhất của đôi giày, tuy thế, lại nghiêng về mặt tinh thần nhiều hơn thể chất. Giày là cứu tinh vĩ đại cho một người đàn ông bị mất ngón chân: chúng như những món hóa trang bằng da giúp đôi chân tàn phế trông được bình thường.

Tôi phải thừa nhận Sayuri biết chính xác những gì cô làm. Lúc đầu những bài tập rất chú trọng đến việc kéo giãn cơ để giúp tôi lấy lại cảm giác vận động. Rồi chúng tôi viện đến Thera-Bands, những sợi dây co giãn giúp tạo sức cản, trước khi chuyển sang chương trình luyện tập nâng những vật nhẹ. Sức nặng được tăng dần lên theo mỗi tuần, và thỉnh thoảng tôi còn hỏi Sayuri xem liệu mình có thể nâng những vật nặng hơn so với bài tập đề ra một chút được không.

Vì giờ đã có thể đi được vài bước ra khỏi giường, tôi bắt đầu tập tễnh đi về phía toilet của mình mỗi khi cần tỉnh táo. Bạn có thể nghĩ đây là một bước tiến lớn trong việc tin tưởng bản thân nhưng đây thực sự là một cú đấm tâm lý khi nhận ra mình không còn tiểu đứng được nữa. Tôi thấy tình trạng này khiến tôi giống hoạn quan quá chừng.

Tôi đã vào viện được gần tám tháng và Giáng sinh đang đến gần. Marianne Engel làm tất cả những gì cô có thể, treo các vòng hoa, chơi nhạc của Handel và than vãn vì cô không được phép thắp những cây nến Mùa Vọng trong phòng điều trị bỏng.

Vào đêm ngày mùng sáu tháng Mười hai, Marianne Engel đặt đôi giày chỉnh hình mới của tôi lên bậu cửa sổ và giải thích rằng đêm nay thánh Nicholas sẽ nhét quà vào trong những đôi giày của trẻ nhỏ. Khi tôi nói chúng tôi chưa bao giờ có tập tục này hồi còn ở khu nhà lưu động, cô nhắc tôi nhớ rằng thế giới không hề bắt đầu và kết thúc với những kinh nghiệm của bản thân tôi. Khá hợp lý. Khi tôi chỉ ra rằng tôi không còn là một đứa trẻ nữa, cô chỉ suỵt tôi một cái. "Trong mắt Chúa, chúng ta đều là những đứa trẻ."

Khi Connie lấy đôi giày của tôi xuống vào buổi sáng hôm sau - "Những thứ này làm cái quái gì ở đây vậy?" - cô thấy chúng được ních đầy những tờ một trăm đô la.

Tôi rất cảm động trước việc làm ấy, hơn cả những gì tôi có thể tưởng tượng. Phản ứng của tôi không vì bản thân món tiền này, mà vì những tình cảm Marianne Engel gửi gắm vào hoàn cảnh hiện tại của tôi. Kỳ nghỉ lễ đã đặt tôi vào một tình huống khó xử: làm sao tôi có thể tặng lại những món quà Giáng sinh chứ? Dù đúng là tôi có chút tiền giấu trong nhà băng dưới một cái tên giả nhưng tôi chẳng có cách nào để lấy được nó ra cả. Có lẽ thế, sự thật là, tôi sẽ không bao giờ có thể rút được số tiền đó ra, thậm chí cả khi tôi xuất viện, vì nhân dạng giả mà tôi đã dùng để lập tài khoản được đính một bức ảnh không bao giờ có thể là khuôn mặt của tôi nữa.

Marianne Engel đã nhận ra thứ tôi cần và, thay vì bắt tôi hỏi xin tiền hay mặc kệ tôi, đã tìm ra cách trao quà thật đáng yêu. Một món quà! Từ thánh Nicholas! Và thế là tình thế tiến thoái lưỡng nan của tôi đã được giải quyết. Gần như vậy. Tôi vẫn phải tìm cách đem những món quà từ cửa hàng về bên giường mình, nhưng tôi đã có kế hoạch sẵn rồi.

Tôi yêu cầu Gregor ghé qua vào cuối một buổi tập của tôi với Sayuri. Khi cả hai đã tập trung ở đó, tôi bắt đầu: "Cứ thoải mái nói không nếu muốn, nhưng hai người thực sự có thể giúp được tôi chuyện này. Tôi mong hai người có thể mua sắm hộ tôi."

Gregor hỏi tại sao tôi lại cần cả hai người. Bởi vì tôi muốn trao cho mỗi người một món quà, tôi giải thích, và tôi hầu như không thể bảo họ tự mua quà cho mình được. Sayuri sẽ mua món quà tôi định tặng Gregor, và Gregor sẽ mua món quà tôi định tặng Sayuri. Những món quà còn lại, hai người có thể đi mua cùng nhau.

"Đừng lo lắng," Sayuri nói, "Tôi yêu việc mua sắm cho lễ Giáng sinh."

Nghe thấy thế, Gregor cũng nhanh chóng đồng ý. Tôi đưa cho mỗi người một chiếc phong bì chứa danh mục những thứ tôi muốn họ mua, thay mặt tôi, cho mỗi người. Khi họ rời phòng Gregor liếc lại về phía tôi, một nụ cười lạ lùng thoáng hiện trên khuôn mặt.

Marianne Engel vẫn chưa đọc xong phần Địa ngục cho tôi nghe. Đọc lâu một phần là vì cô chẳng bao giờ đọc quá nhiều liền một lúc, cô có vẻ thích tận hưởng vẻ đẹp của những con chữ hơn, nhưng cũng vì cô cứ luôn nhảy sang đọc bằng tiếng Ý. Tôi chẳng bụng dạ nào mà

bắt cô dừng lại mỗi khi cô làm thế vì cô quá chú tâm vào câu chuyện và, hơn nữa, thứ tiếng Ý thốt ra từ miệng cô thật tuyệt. Cuối khổ thơ, tôi phải chỉ cho cô thấy là tôi chả hiểu gì cả, và ngày hôm sau cô sẽ đọc lại đoạn ấy, thường là đọc hết bằng tiếng Anh.

Voltaire viết rằng Dante là một lão điên có quá nhiều kẻ nịnh nọt, và danh tiếng của ông cứ tiếp tục tăng cao chỉ vì hầu như chẳng có ai thực sự đọc hết trường ca Thần khúc. Tôi gợi ý lý do ít người đọc Dante là vì chẳng có ai thực sự thấy cần đọc cả. Trong thế giới Tây phương, Địa ngục là ý niệm của tất cả mọi người về Địa ngục; với tư cách là một tác phẩm văn học, chỉ có Kinh Thánh là thấm sâu vào nhận thức chung của xã hội hơn Địa ngục mà thôi.

"Anh có biết," Marianne Engel hỏi, "rằng Địa ngục của Dante được sáng tác dựa trên Ánh sáng trôi chảy của Thượng đế của Mechthild von Magdeburg không?"

"Một trong Ba Vị Chủ Nhân của cô phải không?"

"Phải," cô đáp.

Tôi thừa nhận, cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên, rằng tôi biết rất ít (sự thật là: không chút nào) về người phụ nữ này, vì thế Marianne Engel lại tiếp tục quá trình giáo dục tôi, Mechthild sinh ra tại Saxony vào đầu thế kỷ mười ba và khi còn nhỏ đã thường xuyên được chính Chúa Thánh Thần viếng thăm hằng ngày. Hai mươi tuổi, cô trở thành một Beguine tại Magdeburg, sống cuộc đời cầu nguyện và hành xác đầy ngoan đạo; thật hấp dẫn, khi cô tăng cường độ hành hạ bản thân, những ảo giác của cô cũng ngày càng đến thường xuyên hơn. Khi cô miêu tả lại cho giáo sĩ nghe xưng tội, ông tin chắc về nguồn gốc thần thánh của chúng và bảo cô viết lại.

Das flieBende Licht der Gottheit, tên tiếng Đức của tuyệt tác đó, đã có ảnh hưởng rất lớn đến lớp nhà văn tiếp theo, gồm cả Meister Eckhart và Christina Ebner. Rõ ràng Dante Alighieri cũng đã đọc bản dịch tiếng Latin, và rất nhiều học giả tin ông đã sử dụng trật tự cuộc sống ở thế giới bên kia trong tác phẩm của Mechthild làm nền móng ý tưởng cho Thần khúc: Thiên đường ở trên cùng, Luyện ngục ở ngay dưới, và Địa ngục ở tận đáy. Trong Địa ngục sâu thẳm của Mechthild, Satan bị xích bởi tội lỗi của chính hắn trong khi đau buồn, bệnh tật và đổ nát chảy thẳng ra khỏi trái tim và cái miệng đang bốc cháy của hắn. Điều này giống một cách đáng ngờ với Satan của Dante, một con quái vật có ba bộ mặt bị nhốt trong một tảng băng ở nơi sâu nhất giữa Địa ngục, miệng nhai bộ ba kẻ tội đồ (Judas, Cassius và Brutus) với dòng mủ cứ mãi chảy khỏi ba cái miệng của nó.

"Có những người," Marianne Engel nói, "tin rằng cô 'Matilda' mà Dante đã gặp trong Luyện ngục thực ra chính là Mechthild."

"Đó có phải những gì cô nghĩ không?" tôi hỏi.

"Tôi tin," cô khẽ cười, "rằng tác phẩm của Dante thường bị ảnh hưởng bởi các nhà văn khác."

Khi cô đọc cho tôi nghe câu chuyện về cuộc hành trình của Dante, tôi thấy thật thân thuộc và tôi rất thích dù (hay có lẽ là vì?) nó được đọc giữa phòng điều trị bỏng. Tôi có cảm giác rất thoải mái khi Marianne Engel đọc cho tôi, trong cách cô luồn tay vào những ngón tay tôi khi đọc thơ. Tôi sửng sốt trước sự kết hợp những ngón tay đẹp đẽ và xấu xí của chúng tôi, và tôi muốn cô cứ đọc cho tôi nghe mãi - có lẽ vì tôi sợ rằng khi kết thúc, cô sẽ không còn tiếp tục dẫn tôi, tay trong tay, ra khỏi Địa ngục của chính tôi nữa.

Khi tôi trình bày với Marianne Engel lý thuyết của tôi là chẳng ai cần đọc Địa ngục để biết hình ảnh tượng trưng về Địa ngục cả, cô đã chỉnh tôi ngay. "Dù điều đó có thể đúng với hầu hết mọi người, nhưng anh thì biết rất rõ vì tôi đã đọc cho anh nghe bản dịch tiếng Đức rồi."

"À há." Tôi đã không ngờ tới việc đó. "Cô dịch lúc nào vậy?"

"Tôi đoán là mười hoặc hai mươi năm sau khi Dante viết xong tác phẩm ấy. Thật tốn thời gian. Tôi khá chắc mình là người đầu tiên dịch phần Địa ngục, nhưng anh không bao giờ xác thực được việc đó đâu."

"Thế cô đã đọc cho tôi nghe lúc nào vậy?" tôi hỏi.

"Khi anh đang hồi phục từ lần bỏng đầu tiên."

Địa ngục được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1314. Nếu Marianne Engel hoàn thành bản dịch của cô hai mươi năm sau, thì có lẽ đó là năm 1334. Cứ chiếu theo lời tuyên bố của cô khi trước là cô sinh vào năm 1330, thì lúc đó cô cũng hơn ba mươi rồi.

Khi tôi nghiên cứu kỹ về những con số này, tôi không quên nhận ra rằng chúng thật lố bịch và hoàn toàn không có khả năng xảy ra. Tôi chỉ đang chỉ ra rằng, ít nhất thì có những điều rất vô lý đã xảy ra trong một giai đoạn lịch sử rất có lý. Đây là điều làm tôi ngạc nhiên về tình trạng thần kinh của cô: những câu chuyện điên rồ của cô vô cùng nhất quán.

CHƯƠNG 16

ì không sống ở thời Trung cổ nên tôi cần phải nghiên cứu rất nhiều trong suốt quá trình viết cuốn sách này để kiểm tra những gì cô nói, hoặc những gì tôi nhớ là cô đã nói, có trái ngược với sự thật không. Điều thú vị ở đây là tất cả những sự kiện cô tuyên bố là sự thật có thể đã diễn ra đúng như những gì cô miêu tả, nếu cô không nói về những sự kiện xảy ra từ thời cổ xưa ấy bằng ngôi thứ nhất.

Dù vẫn phải chịu sự điều khiển của nhà thờ, Engelthal là một thể chế dân chủ với các nữ tu viện trưởng đều được bầu bằng cách bỏ phiếu. Tất cả những hoạt động thường nhật đã được viết rõ trong cuốn Thể chế Giáo hội. Những miêu tả của Marianne Engel về kiến trúc, các bài kinh cầu, các cuốn sách được nghiên cứu, và nghi lễ khi ăn đều chính xác. Christina Ebner đã ở trong tu viện đó và bà đã viết Cuốn sách về các xơ tại Engelthal và Khải huyền. Friedrich Sunder là một giáo sĩ địa phương, làm lễ xưng tội cho các nữ tu, và ông cũng đã viết cuốn Ân điển-cuộc đời. Có một cuốn sách tên là Cuộc đời nữ tu Gertrud tại Engelthal, được viết với sự giúp đỡ của huynh trưởng Heinrich và Cunrat Fridrich.

Mặc dù không có một ghi chép nào về việc Heinrich Seuse đến thăm Engelthal nhưng cũng chẳng có bằng chứng nào ngược lại cả. Nếu ông thực sự có đến vào đầu những năm 1320, như Marianne Engel nói, thì điều này xảy ra khi ông đang trên đường từ Straburg đến Koln để tầm sư Meister Eckhart học đạo. Thế nên ai dám nói là ông đã không đến thăm tu viện từng được coi là trung tâm trọng yếu nhất của Chủ nghĩa Thần bí Đức?

Thế nhưng. Dù có xây dựng quãng đời của cô hay nghiên cứu các hình tượng tôn giáo Đức hoàn hảo đến đâu chăng nữa, Marianne Engel hoặc vẫn bị tâm thần phân liệt, hoặc bị khủng hoảng thần kinh, hoặc cả hai. Tôi không thể quên được điều này. Sáng tạo và điều hành những vũ trụ tưởng tượng là biểu hiện của những bệnh nhân này: không chỉ những gì họ làm, mà còn về họ là ai nữa. Và đã có vài dị biệt trong câu chuyện của Marianne Engel; ví dụ, chẳng có ghi chép nào về một cô xơ tên là Marianne Engel trong bất cứ tài liệu hiện có nào tại Engelthal, cũng như chẳng có gì đề cập đến Die Gertrud Bibel, và tôi đã cố dùng những thiếu sót này để bắt Marianne Engel thừa nhận câu chuyện của cô không có thật.

"Anh siêng học quá nhỉ?" cô nói. "Đừng lo, việc anh không thể tìm được thông tin về tôi hay về cuốn Die Gertrud Bibel cũng có lý do cả thôi. Sẽ đến lúc chúng ta nói về chuyện đó, tôi hứa đấy."

Những người hát mừng Giáng sinh an lành ghé qua để hát về những đêm tĩnh lặng, đêm thánh. Một cô Noel Sally Ann đã mang bánh quy và sách đến. Các đồ trang trí treo khắp hành lang.

Cảm giác mong đợi mùa Giáng sinh mới lạ lùng làm sao. Thường thì tôi luôn ghét Giáng sinh; nó luôn để lại trong miệng tôi dư vị của một cái bánh hoa quả mốc. (Tôi nói điều này

không có ý ám chỉ một bà cô già người Nhật nào đâu.) Suốt thời thơ ấu, những Giáng sinh của tôi luôn gắn liền với việc nhà Grace đốt hết tiền mua quà cho tôi vào ma túy tổng hợp; đến lúc trưởng thành, Giáng sinh có nghĩa là vui vẻ với một người phụ nữ đội mũ phớt đỏ.

Tôi vẫn tập tành, vẫn trải qua các ca trị liệu định kỳ, nhưng sự kiện hấp dẫn nhất là cuộc gặp gỡ với những người phụ nữ quan trọng trong đời tôi: Nan, Sayuri và Marianne Engel. Tôi không biết gì về lịch điều trị, và lạ lùng thay, chẳng ai muốn nói cho tôi biết cả. Trong trái tim bé nhỏ luôn coi mình là cái rốn vũ trụ, tôi tưởng tượng đó sẽ là một bữa tiệc đầy bất ngờ. Tôi đã không thể sai lầm hơn.

Sayuri đến đầu tiên. Tôi đã nói từ trước là cô dường như lúc nào cũng vác cơ thể bé nhỏ của mình theo sau một nụ cười rạng rỡ, nhưng vào ngày hôm ấy, chỉ có cái cơ thể bé nhỏ của cô là có mặt thôi. Khi tôi hỏi liệu mọi việc có ổn không, cô trả lời ổn một cách chẳng mấy thuyết phục. Thay vì tiếp tục chủ đề, tôi hỏi xem cô đã mua quà của tôi cho Gregor chưa. Cô bảo rồi và ít nhất, tôi có thể tin cô. Tôi đang định hỏi thêm vài câu nữa thì Marianne Engel và Nan bước vào phòng như những con ngựa tranh nhau phi về đích. Marianne Engel nhìn thẳng vào tôi và nói luôn: "Khi ra khỏi đây, anh sẽ về với tôi."

"Không nhanh thế chứ," Nan nghiêm giọng nói, trước khi chuyển sự chú ý sang tôi. "Như anh cũng biết, anh sẽ được ra viện trong vài tháng tới..."

"... và sau đó anh sẽ đến sống ở nhà tôi." Sự mất kiên nhẫn trong giọng Marianne Engel đã để lộ ra rằng cô nghĩ cuộc nói chuyện này chẳng cần thiết tí nào.

"Bình tĩnh." Nan giơ tay lên trước khi ném cho Marianne Engel một cái nhìn tức tối. "Đó không phải quyết định của cô."

"Anh ấy chẳng có nơi nào khác để đi cả."

Nan phản đòn. "Tôi đã sắp xếp một chỗ ở Phoenix Hall rồi."

"Anh ấy không muốn đến sống ở đó." Điều này thì rất đúng, tôi không muốn, nhưng bác sĩ Edwards từ lâu đã khuyên tôi đến đó vì nơi ấy có những nhân viên được đào tạo với tay nghề cao, những chương trình giới thiệu việc làm và nguồn cung ứng y tế dồi dào. Thêm nữa, ở đó còn có các tư vấn viên, không kể đến các bệnh nhân bỏng khác cũng cùng phải đối mặt với những vấn đề như tôi.

"Tôi có làm việc với những bệnh nhân ở Phoenix," Sayuri nói, "thế nên nếu anh đến đó, chúng ta vẫn có thể tiếp tục những bài tập vận động cho anh."

"Tôi sẽ thuê cô," Marianne Engel nói. "Tiền không thành vấn đề. Cô có thể làm việc đó ở nhà tôi."

Lời gợi ý này làm Sayuri nhìn bác sĩ Edwards với vẻ mặt khó xử. "Tôi không biết quy định của bệnh viện về vấn đề này thế nào."

Nan trả lời rằng bên cạnh vấn đề quy định, Phoenix Hall có cả một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tất cả đều rất sẵn sàng làm hết sức mình. Marianne Engel đáp lại rằng cô sẽ cung cấp cho tôi tất cả những gì tôi cần. "Nếu cô Mizumoto quá bận rộn, chúng tôi sẽ thuê người khác. Nhưng chúng tôi mong có được cô ấy, vì chúng tôi thích cô ấy."

Cô xoay người nhìn thẳng vào tôi, và cuối cùng cũng chịu hỏi xem tôi muốn gì. "Anh có muốn đến chỗ Phoenix Hall này không?"

"Không."

"Anh có muốn đến nhà tôi không?"

"Có."

Marianne Engel lại hướng sự chú ý của mình về phía bác sĩ Edwards. "Đấy. Thảo luận xong."

Nói tôi cần thời gian để suy nghĩ thì nghe có vẻ thận trọng. Sau rốt, tôi đã chọn Marianne Engel chứ không phải các bác sĩ đã giúp tôi hồi phục trong suốt bao tháng trời. Câu trả lời vội vã của tôi, nói một cách nhẹ nhàng nhất, rất phi logic.

Tuy nhiên, nếu có một điều gì đó mà tôi có thể chắc chắn, thì đó là việc tất cả mọi người trong căn phòng ấy đều một lòng mong những điều tốt đẹp nhất cho tôi. Tôi không biết rằng Marianne Engel và Nan đã tranh luận về việc sắp xếp chỗ ở cho tôi hàng tuần liền; vì tôi hầu như ngày nào cũng thấy cả hai người bọn họ nên điều này chỉ có thể xảy ra nếu họ cùng nhau giấu chuyện để giảm thiểu căng thẳng cho tôi.

"Vẫn còn nhiều thời gian trước khi đưa ra quyết định chính thức," Nan nói, ám chỉ cuộc đối thoại này đã đến hồi kết thúc. Chẳng ai không cảm nhận được sức nặng của từ chính thức mà bà nói ra cả.

Có rất nhiều mối quan ngại khá thực tế mà tôi không thể lờ đi khi tính đến chuyện sống với Marianne Engel. Một trong những vấn đề đó là, dù cô nói mình có nhiều tiền, cô có lẽ cũng không thể chu cấp cho tôi được.

Cưu mang một người bị bỏng là chuyện hết sức tốn kém. Ngoài phí tổn điều trị của tôi - tiền trả cho Sayuri, tiền thuốc, thiết bị tập luyện - thì còn có cả chi phí sinh hoạt nữa. Thức ăn. Quần áo. Giải trí. Vật dụng cá nhân. Cô sẽ phải trả phí tổn cho cuộc sống của tôi, vừa là một bệnh nhân, vừa là một người đàn ông. Mặc dù những chương trình hay tổ chức từ thiện của chính phủ có thể đóng góp phần nào cho việc chăm sóc nhưng tôi rất nghi ngờ việc Marianne Engel lại chịu hỏi xin sự trợ giúp của họ; tính cách của cô luôn như thế, tôi đoán chắc là sự kiêu hãnh, các thủ tục giấy tờ và các vấn đề riêng tư sẽ làm cô chẳng buồn ngó

ngàng đến chuyện đó. Cô tuyên bố mình có đủ khả năng tài chính để nuôi sống tôi, nhưng tôi rất khó lòng chấp nhận điều đó là sự thật được - một tập tiền một trăm đô nhét đầy trong chiếc giày không đủ để thuyết phục tôi tin vào của cải của cô. Liệu chỗ tiền này có phải chỉ là một điều huyễn hoặc như hầu hết các góc cạnh khác trong cuộc sống của cô không? Liệu tôi có phải tin rằng cô đã dành dụm tiền của trong suốt bảy trăm năm hay không?

Việc đến sống với cô không chỉ gặp vấn đề về tài chính, mà còn có cả vấn đề đạo đức nữa. Vì lời đề nghị của cô xuất phát từ niềm tin "trái tim cuối cùng" của cô là dành cho tôi, tôi rõ ràng đang lợi dụng, đang lừa dối một phụ nữ rối loạn tâm thần. Là người còn tỉnh táo, tôi không chỉ biết rõ hơn, tôi còn phải hành động theo đúng cái thực tế mà tôi biết rõ kia nữa. Và bất luận thế nào, tại sao tôi lại phải đặt mình vào tình trạng phụ thuộc một người phụ nữ đầu óc không bình thường mà tôi cũng chẳng quen thân gì cho cam? Dù tình cảnh của tôi giờ đã thay đổi và thể chất của tôi cũng yếu hơn so với trước kia, nhưng từ hồi niên thiếu tôi đã luôn sống tự lập. Thậm chí cả trước đó nữa: dù mang vai trò giám hộ, nhà Grace chỉ giỏi mỗi việc quản lý bộ sưu tập ma túy của họ mà thôi. Trên thực tế, tôi đã phải tự chăm sóc bản thân ngay từ khi sáu tuổi.

Vậy là tôi sai lầm trong việc chấp nhận lời đề nghị của Marianne Engel, và Nan đã đúng. Tôi sẽ thay đổi quyết định nóng vội của mình và cuối cùng cũng đến Phoenix Hall thôi.

Chiều đó khi Gregor đến để đưa quà của Sayuri, ông ta chúc mừng quyết định chuyển đến sống cùng Marianne Engel của tôi. Khi tôi thông báo với ông ta mình đã thay đổi quyết định, ông ta giật nẩy người nói rằng tôi đã đưa ra quyết định đúng đắn duy nhất rồi. "Tôi nghĩ sự tiến bộ của anh dưới sự hướng dẫn của bác sĩ Edwards thật đáng ngạc nhiên. Tôi rất ngưỡng mộ bà ấy."

Tôi biết quá rõ Gregor để có thể nói được khi nào thì ông ta không nói hết những gì mình nghĩ. Đây là một trong những lúc đó. "Nhưng...?"

Gregor nhìn trái, rồi lại nhìn phải, để chắc chắn không có ai xung quanh. "Nhưng mà thậm chí khỉ cũng còn có thể rơi khỏi cây mà."

Tôi chả hiểu câu này có ý nghĩa gì cả, thế là Gregor giải thích: Thậm chí cả các chuyên gia cũng có thể mắc sai lầm. "Dù tiến sĩ Edwards là bác sĩ điều trị cho anh, và là một người tài giỏi,thích tôi cũng không nghĩ rằng anh nên đánh giá thấp ảnh hưởng của Marianne Engel tới sự hồi phục của mình. Cô ấy đến đây hằng ngày, cô ấy giúp anh tập luyện, và hiển nhiên là cô ấy rất quan tâm đến anh. Chúa mới hiểu tại sao. Nhưng tôi sẽ không nói cho anh bất cứ chuyện gì mà anh không biết đâu."

ÔNG TA NGHĨ CÔ BẠN GÁI HÂM DỞ CỦA NGƯƠI THỰC SỰ CÓ TÌNH CẢM VỚI NGƯƠI ĐẤY.

Câm miệng lại, đồ khốn. Tôi chỉnh Gregor. "Cô ấy có hơi ảo tưởng."

"Cứ việc phủ nhận điều đó," ông ta nói, "nhưng rõ là cô ấy thích anh."

THẬT DỄ THƯƠNG.

Tôi không định tiếp tục tranh luận về vấn đề đó. Tôi không có hứng. "Thế ông sẽ làm gì?"

"Là tôi thì tôi cũng sẽ lo lắng về việc sống với Marianne Engel," ông ta nói, "nhưng anh cũng có phải tay khá khẩm đâu cơ chứ. Nếu hai người có thể chịu nổi nhau, tôi nghĩ anh nên làm thế."

"Dù cô ấy thích tôi - tôi không nói rằng cô ấy thích tôi đâu nhé - tôi không thực sự hiểu rõ cảm giác của mình với cô ấy." Tôi ngừng lại. "Tôi không biết."

"Nếu anh không chấp nhận lời đề nghị của cô ấy, anh sẽ là thằng ngu nhất trần đời," Gregor nói, "ngoài việc là một kẻ nói dối trắng trợn nữa."

Khi cứ nằm lì trên một cái giường trong bệnh viện, bạn sẽ bắt đầu có cả một danh mục trong đầu về tất cả những tiếp xúc giữa người với người. Tôi chạm vào mu bàn tay của Gregor, lần đầu tiên chúng tôi chạm vào nhau, và nói, "Cám ơn ông vì đã mang quà của Sayuri đến."

MỘT KHOẢNH KHẮC CẢM ĐỘNG...

Tôi nhấn chuông gọi ý tá mang thêm morphine.

... GIỮA NHỮNG KẺ THUA CUỘC.

Sáng Giáng sinh, Marianne Engel xuất hiện trong phòng tôi với một túi quà và một chiếc va li màu bạc rồi nhét ngay xuống gầm giường tôi. Chúng tôi ở bên nhau vài giờ, nói chuyện như thường lệ về mọi thứ hoặc những chuyện không đầu không cuối, trong khi cô đút cho tôi quýt và bánh hạnh nhân. Như mọi khi, cô đi ra ngoài vài lần để hút thuốc lá, nhưng tôi nhận thấy có những lúc khi quay lại người cô không hề ám khói thuốc. Khi tôi hỏi có phải cô đang làm việc gì khác không, cô lắc đầu bảo không. Tuy thế, nụ cười đã tố giác cô.

Vào đầu giờ chiều, Sayuri và Gregor đến, theo sau là Connie, mới vừa hết ca. Bác sĩ Edwards không bao giờ làm việc vào Giáng sinh, còn Maddy và Beth đều đã xin nghỉ để dành thời gian cho gia đình. Khi thấy không còn ai đến nữa, Marianne Engel lôi túi quà ra khỏi góc phòng và chúng tôi bắt đầu trao quà cho nhau.

Mấy cô y tá đã mua cho tôi vài cuốn sách về các chủ đề hiện đang cuốn hút tôi, ví dụ như kiến trúc nội thất của các tu viện Đức thời Trung cổ cùng những tác phẩm của Heinrich Seuse và Meister Eckhart.

"Mua quà cho anh chẳng dễ chút nào. Tôi đã phải đi ba hiệu sách khác nhau đấy," Connie nói. Ngay khi nhận ra điều này có vẻ nghe giống một lời phàn nàn, cô vội thêm vào, "Không phải tôi khó chịu gì đâu, thật đấy!"

Gregor tặng tôi một bộ dụng cụ văn phòng phẩm, vì tôi đã tiết lộ với ông ta mấy tuần gần đây mình đang viết lách, còn Sayuri tặng tôi mấy que kem vị oải hương mà tôi đã rất vui sướng đem ra chia cho tất cả mọi người. Marianne Engel có vẻ thích món quà này nhất và thấy rất buồn cười khi kem làm lưỡi cô tím ngắt.

Tôi tặng mấy cô y tá những chiếc đĩa nhạc của các ca sĩ họ yêu thích. Món này có vẻ không cá tính cho lắm, nhưng tôi thật sự không biết cuộc sống ngoài bệnh viện của họ như thế nào. Về phần Sayuri, tôi trao cho cô món quà tôi đã nhờ Gregor chọn hộ: một đôi vé đi xem lễ hội phim của Akira Kurosawa sắp tới.

"Tôi đã nảy ra ý tưởng này khi bác sĩ Hnatiuk kể tôi nghe. Ông ấy thích Kurosawa, cô biết đấy."

Marianne Engel nhìn tôi, nhướng mày tỏ ý buộc tội vì tôi chẳng tinh tế gì cả.

Tiếp theo là món quà của tôi cho Gregor, được Sayuri chọn: phiếu giảm giá bữa tối cho hai người tại một nhà hàng Nga với cái tên cực kỳ nhạt nhẽo là Rasputin. Tôi hỏi Sayuri rằng cô đã ăn thức ăn đúng kiểu Nga bao giờ chưa, và cô bảo là chưa. Tới lượt tôi nhướng mày nhìn về phía Gregor. Khi họ cám ơn tôi về những món quà, tôi càu nhàu rằng "Giáng sinh sẽ chẳng là Giáng sinh nếu thiếu đi những món quà ấy." Không ai có vẻ hiểu tôi đang nói về cái gì, chỉ để chứng minh rằng sẽ có thêm nhiều người cần đọc sách của Louisa May Alcott.

Tiếp, đến lượt Marianne Engel tặng quà. Các cô y tá được tặng thẻ spa, Connie nhét ngay thẻ vào chỗ đĩa CD. Sayuri được tặng một ngôi chùa Phật bằng thủy tinh nâu tinh xảo trong khi Gregor được tặng một cặp chân nến làm bằng sắt uốn. Họ đều rất ấn tượng về chất lượng của những món đồ thủ công này, và Marianne Engel khoe rằng những món quà đó đều là tác phẩm của hai người bạn cô.

Về phần Marianne Engel và tôi, chúng tôi đều quyết định sẽ trao quà cho nhau sau đó, một cách bí mật. Và có lẽ tôi là người duy nhất để ý thấy, nhưng có vẻ như Sayuri và Gregor cũng có một ước định tương tự.

Một lát sau, Gregor nói, "Chúng ta đã sẵn sàng đi tiếp chưa nhỉ?" Tất cả mọi người nhìn Marianne Engel, cô gật đầu. Giáng sinh thực sự là mùa của những điều kỳ diệu, khi cán bộ y tế lại trông chờ vào sự hướng dẫn của một người tâm thần phân liệt. Sayuri đặt tôi ngồi vào xe lăn còn Gregor đẩy tôi đi dọc hành lang, và khi tôi hỏi rằng chúng tôi đang đi đâu, chẳng ai chịu trả lời thẳng cả. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng chúng tôi đang hướng tới quán cà phê. Có lẽ ở đó có vài dịch vụ Giáng sinh, một ông già Noel làm thuê hoặc vài người tình

nguyện hát thánh ca, mặc dù việc chưa từng nghe gì về những thứ đó làm tôi thấy hơi kỳ quái. Sau hàng tháng trời ru rú trong bệnh viện, giờ tôi chú ý tới từng sự việc nhỏ nhất.

Khi những cánh cửa của quán cà phê trượt ra, tôi choáng ngợp bởi mùi vị của tất cả những món ăn trên thế giới. Bên bức tường xa xa, một nhóm phục vụ tình nguyện đang bận dọn một dãy bàn ngổn ngộn thức ăn. Ba mươi hay bốn mươi người đang đi lại quanh phòng, dưới những dải biểu ngữ đỏ treo lơ lửng trên trần, và vài người trong số họ ra hiệu về phía chúng tôi. Lúc đầu, tôi tưởng họ đều đang chỉ về tôi nhưng khi những tình nguyện viên vẫy tay với Marianne Engel, tôi nhận ra rằng cô mới là trung tâm chú ý, chứ không phải tôi. Các bệnh nhân bắt đầu thong thả đi về phía chúng tôi; một người đàn ông ho sù sụ, một phụ nữ tóc xoăn với hai cánh tay băng bó, một cậu bé dễ thương có một chân tập tễnh. Phía cuối phái đoàn là một cô nhóc đầu trọc, tay cầm chùm bóng bay, thêm cả một đoàn người nhà theo sau cổ vũ.

Tất cả mọi người đều cám ơn Marianne Engel vì những gì cô đã làm; lúc này thì tôi vẫn chưa biết đó là việc gì. Sau khi Gregor đẩy tôi ra phía mấy bàn thực phẩm và giúp tôi ra khỏi xe lăn, ông ta giải thích rằng cô đã chủ trì kiêm chủ chi cả bữa tiệc. Việc này, xét theo sự thiếu thận trọng thường ngày của cô, không phải nhiệm vụ nhỏ nhặt gì. Thậm chí cả khi đã thấy những bữa ăn ngoại cỡ mà cô mang vào phòng tôi, tôi cũng hầu như không thể đoán được sẽ còn những gì nữa.

Gà tây, thịt lợn hun khói, ngỗng nướng, gà, bánh bao nhân thịt, cà ri dê, lợn rừng, thịt hươu, thịt băm, cá chép (cá chép á? ai ăn cá chép?), cá tuyết đại dương, cá ê fin, cá tuyết hầm, sò, thịt nguội, một tá đủ loại xúc xích, trứng rán, xúp đuôi bò, cháo thịt, cháo hành, nhiều pho mát hơn cả chỗ sữa bạn vắt được từ vú bò, đậu phộng, đậu đỏ, hành, dưa chuột muối, củ cải Thụy Điển, cà rốt, khoai tây, khoai lang, khoai lang ngọt hơn, khoai lang ngọt nhất, bắp cải, cà rốt, củ cải vàng, bí, bí đỏ, cơm gạo basmati, cơm gạo trắng, cơm gạo lứt, cơm gạo hoang, cơm gạo trồng, món khai vị kiểu Ý, thịt nhồi, bánh mì trộn, bánh vòng, bánh sữa, bánh pho mát, salad xanh, salad Caesar, salad đậu, salad trộn mì ống, salad trộn thạch, salad rắc kem và táo, mì spaghetti, mì fettuccini, mì macaroni, mì rigatoni, mì cannelloni, mì tortellini, mì guglielmo marconi (chỉ để kiểm tra xem bạn có đang đọc không ấy mà(23)), chuối, táo, cam, dứa, dâu, việt quất, hạt trộn, bánh thịt băm, bánh pudding Giáng sinh, bánh mì Giáng sinh, bánh quy sữa dừa, bánh hồ đào, sô cô la, sô cô la khúc cây, sô cô la hình con ếch, đậu đa vị Betty Bott, kẹo mềm, đường, gia vị, tất cả mọi thứ ngon miệng, bánh lễ Hiển linh, bánh hoa quả, bánh gừng hình người, bánh Giáng sinh kiểu Ý Torte Vigilia di Natale, những món ngon lành cành đào, rượu nam việt quất, rượu trứng, sữa, nước nho, nước táo, nước cam, đồ uống không cồn, cà phê, trà, bạn-nói-nước-cá-chùa tôi-nói-nước-cà-chua, nước khoáng đóng chai.

Tất cả mọi người trong bệnh viện hẳn đã chất đầy đĩa của họ một, hai, ba lần rồi, và Marianne Engel quyến rũ mỗi vị khách bằng vẻ duyên dáng và lập dị của mình. Chẳng hại gì khi cô khoác lên người bộ đồ yêu tinh và trông cực kỳ dễ thương. Nhạc nổi lên, mọi người vui vẻ nói chuyện với nhau, tất cả đắm chìm trong không khí lễ hội. Những bệnh nhân bình thường chẳng bao giờ thèm gặp nhau giờ đang bù khú chuyện trò, có lẽ là đang so đo bệnh tật. Tiếng ho bị nhòa đi bởi tiếng cười, và những tiếng reo thích thú của lũ trẻ, mỗi em đều được nhận một món quà dưới gốc cây thông Noel bằng nhựa. Hiển nhiên Marianne Engel không được phép mang cây thông thật vào nhưng một cây thông giả đã quá đủ rồi. Nếu hoa có thể giết người, cứ tưởng tượng xem một cây họ tùng bách có thể làm gì.

Trong buổi chiều ấy, tôi đã trở thành ngôi sao của bệnh viện khi người ta xì xào bàn tán rằng bạn tôi là người tổ chức tất cả mọi thứ. Một người đàn ông đi đến nói chuyện với tôi, nở nụ cười rạng rỡ đến nỗi tôi bị sốc khi nghe ông nói rằng người vợ suốt sáu mươi năm chung sống của mình vừa mới qua đời. Khi tôi nói rất tiếc khi biết chuyện đó, ông lắc đầu và đập mạnh tay lên vai tôi. "Đừng uổng công thương cảm tôi, cậu nhóc. Tôi cũng khá ổn rồi, tôi nói cậu nghe điều này nhé. Cậu vớ được một người phụ nữ như thế thì đừng hỏi xem mình đã làm gì để xứng đáng với điều đó. Hãy chỉ hy vọng rằng cô ấy sẽ không tự nhiên tỉnh trí lại mà thay đổi ý định thôi."

Trong suốt bữa tiệc, một cảm giác thanh thản lạ lùng trào dâng trong tôi. Ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên, Marianne Engel đã thể hiện một thứ tình cảm cuồng nhiệt mê muội với tôi đến nỗi tôi nghĩ rằng nó sẽ biến mất đột ngột như khi đến vậy. Mọi mối quan hệ cuối cùng rồi cũng đổ vỡ, lẽ tự nhiên là thế. Chúng ta chẳng thấy gương tày liếp hàng ngàn lần rồi còn gì, thậm chí cả với những cặp chắc chắn "sẽ cùng nhau vượt qua tất cả."

Tôi từng biết một người phụ nữ cứ thích tưởng tượng ra Tình yêu trong lốt một con chó to khỏe, một con chó sẽ luôn chạy theo bắt cái que mỗi khi nó được ném đi rồi trở về vẫy tai đầy sung sướng. Trung thành tuyệt đối, hoàn toàn vô điều kiện. Và tôi đã cười vào mặt cô, thậm chí cả tôi cũng biết tình yêu không phải như thế. Tình yêu là một thứ gì đó rất mỏng manh luôn cần được nâng niu bảo vệ. Tình yêu không mạnh mẽ và tình yêu cũng không cứng cỏi. Tình yêu có thể vỡ nát chỉ bởi vài từ ngữ nặng nề, hoặc bị ném đi không thương tiếc bởi những hành động bất cẩn. Tình yêu không giống một con chó trung thành chút nào; tình yêu giống một con vượn cáo chuột hơn.

Phải, đó chính xác là tình yêu: một loại động vật có vú nhỏ bé, dễ bị kích động với đôi mắt luôn mở to sợ hãi. Đối với những người không hình dung nổi một con vượn cáo chuột, hãy thử tưởng tượng ra hình ảnh thu nhỏ của danh hài Don Knotts hoặc Steve Buscemi đang mặc áo lông thú. Tưởng tượng ra một con vật dễ thương hết mức sau khi bị bóp mạnh đến nỗi tất cả ruột gan đều dồn lên trên cái đầu ngoại cỡ và mắt thì lòi hết cả ra. Con vượn cáo

trông yếu ớt đến nỗi bạn không thể không lo ngại rằng một con dã thú có thể bất thình lình xông tới vồ nó đi mất.

Tình yêu của Marianne Engel dành cho tôi dường như được xây dựng dựa trên một nền tảng mong manh đến nỗi tôi nghĩ nó sẽ sụp đổ ngay giây phút chúng tôi bước qua cánh cửa bệnh viện. Làm sao tình yêu dựa trên một quá khứ giả tưởng có thể tồn tại trong tương lai thực chứ? Không thể nào. Thứ tình yêu đó đáng bị vồ lấy và nghiền nát trong bộ hàm của cuộc sống thực tại.

Đó là nỗi sợ của tôi, nhưng ngày Giáng sinh đã chỉ ra cho tôi thấy rằng tình yêu của Marianne Engle không hề yếu đuối. Nó mạnh mẽ, vững chãi và vĩ đại. Tôi tưởng nó chỉ có thể lấp đầy căn phòng trong khoa điều trị bỏng của tôi, nhưng nó đã bao trùm cả bệnh viện. Quan trọng hơn, tình yêu của cô không chỉ dành riêng cho tôi; nó được hào phóng chia sẻ với cả người lạ - những người cô không nghĩ là bạn từ thế kỷ mười bốn của mình.

Cả cuộc đời tôi đã phải nghe biết bao câu chuyện dớ dẩn về tình yêu: rằng anh càng cho nhiều, anh càng nhận được lắm. Điều này đối với tôi không hơn một sự vi phạm các nguyên tắc toán học cơ bản. Nhưng nhìn Marianne Engel phóng khoáng chia sẻ tình yêu của cô đã làm thức tỉnh trong tôi những cảm xúc lãng mạn kỳ cục nhất: sự đối lập của ghen tuông.

Tôi thấy ấm lòng khi nhận ra tình yêu là bản chất tự nhiên của tâm hồn cô chứ không phải một phút lầm lạc do ảo tưởng. Tình yêu của cô không phải con vượn cáo chuột, một loài động vật được đặt tên như thế vì những nhà thám hiểm Bồ Đào Nha khi đến Madagascar đã thấy những đôi mắt to sáng lấp lánh ló ra từ rừng rậm khi họ đang ngồi quanh đống lửa trại. Tin rằng những đôi mắt đó thuộc về linh hồn những người đồng hành đã khuất, họ đặt cho loài động vật cái tên Latin "lemur," nghĩa là "linh hồn của người chết."

Khi cái đùi gà tây cuối cùng đã yên vị trong dạ dày thực khách, Marianne Engel cảm ơn và trao cho những người phục vụ những chiếc phong bì có ghi "chỉ là chút tiền công cho việc làm thêm ngày lễ." Vừa đẩy tôi về phòng, cô vừa nói rằng đây là lễ Giáng sinh tuyệt vời nhất của cô. Tôi bảo cô đó đúng là một lời tuyên bố ra trò, nếu cho là cô đã trải qua tới bảy trăm lễ Giáng sinh thật.

Sau khi giúp tôi lên giường, Marianne Engel ngồi phịch xuống đầy thỏa mãn. Tôi nói rằng bữa tiệc đã tốn của cô một khoản kha khá; cô phẩy tay phản đối và lôi chiếc va li bạc từ dưới gầm giường của tôi lên. "Mở ra đi."

Chiếc va li chật cứng những cọc tiền năm mươi và một trăm đô la. Trong quãng đời đóng phim khiêu dâm và nghiện ngập, tôi thỉnh thoảng cũng thấy những túi đầy tiền, nhưng chẳng cái nào giống thế này cả. Tôi nhẩm tính trong đầu, cố gắng ước lượng. Rất khó khăn trong việc tính toán - tôi vẫn còn đang quá sửng sốt vì sự tồn tại của chỗ tiền đó - thế là Marianne Engel liền giải vây giùm tôi. "Hai trăm nghìn đô la."

Hai trăm nghìn đô la. Cô để cái va li cả ngày dưới gầm giường. Bất cứ ai cũng có thể xách đi. Tôi bảo cô là đồ ngốc; cô cười đáp rằng thậm chí cả thánh cũng có lúc sai lầm. Và thực sự thì, cô hỏi, ai có thể lục tìm một va li tiền dưới gầm giường trong ngày lễ Giáng sinh chứ?

"Anh nghĩ tôi không cưu mang nổi anh," cô nói cứ như thể cô chẳng thể sai về điều đó được. Cô không sai thật. Khi tôi gật đầu, cô liền thêm, "Tôi sẵn sàng nhận quà của mình rồi đây."

Trong suốt mấy tuần qua tôi đã cố nặn ra hàng tá phiên bản khác nhau cho cùng một bài phát biểu ngắn ngủn, như một cậu học sinh trung học đang bàn mưu tính kế mời cô bạn gái của mình tới buổi vũ hội, nhưng khi phút giây trọng đại đến, tôi chỉ cảm thấy bất an. Rụt rè. Xấu hổ. Tôi muốn tỏ ra thật khéo léo, nhưng y như cậu học sinh trung học đó, tôi cứ câm như hến. Quá muộn để trốn chạy, và tôi biết rằng món quà của mình - có ba thứ - là quá riêng tư. Quá ngu ngốc. Hàng giờ lao động của tôi đã thành vô ích: ảo tưởng kiêu hãnh nào đã thuyết phục tôi chuẩn bị những món quà ấy chứ? Cô sẽ nghĩ chúng thật trẻ con; cô sẽ nghĩ tôi quá sấn sổ, hoặc còn e dè. Tôi mong sét sẽ đánh xuống phòng tôi, xuyên qua chiếc tủ đầu giường nơi những món quà nhỏ ngốc nghếch của tôi được giấu trong ngăn kéo.

Tôi đã viết ba bài thơ cho cô. Con rắn ký sinh trong xương sống cười chế nhạo những nỗ lực quá ngạo mạn của tôi.

Cả cuộc đời, tôi đã từng làm thơ, nhưng tôi chưa bao giờ cho ai xem. Tôi giấu những gì mình viết, và giấu cả bản thân trong những trang viết mà tôi đã giấu - chỉ một con người không đủ sức đối diện với thế giới thực mới tạo ra một thế giới ảo để trốn tránh. Thỉnh thoảng khi tôi nhận ra mình không thể thôi viết lách dù rất muốn, cơn rùng mình chạy dọc sống lưng tôi, như thể có một người đàn ông khác đang đứng quá gần mình ở nhà vệ sinh công cộng vậy.

Thỉnh thoảng tôi cũng cảm thấy có gì đó cực kỳ thiếu nam tính trong việc viết lách, và thơ ca là thứ tồi tệ nhất. Khi bị chìm đắm trong những ảo giác do cocaine tạo ra, tôi luôn đốt hết những tập thơ của mình và nhìn những trang giấy cháy rụi hết tập này đến tập khác, nhìn ngọn lửa khạc tàn tro xám xịt vào không trung. Khi những con chữ đã thành tro than của tôi cuộn lên Thiên đường, tôi cảm thấy rất hài lòng vì biết rằng nội tâm mình lại được an toàn: đội ngũ các nhà khoa học pháp y giỏi nhất của FBI cũng không thể ráp nối những cảm xúc của tôi lại nữa. Vẻ đẹp của việc giữ cảm xúc thật nhất của mình trong những trang viết nằm ở chỗ tôi có thể đốt nó đi ngay lúc nào mình muốn.

Tán tỉnh để đưa một phụ nữ lên giường là một chuyện an toàn, vì những lời nói của tôi sẽ biến mất cùng lúc với hơi thở thoát ra; viết một bài thơ tặng một người phụ nữ là chế cho cô ấy thứ vũ khí mà sau này cô sẽ dùng để tấn công mình. Đem tặng những bài viết của mình có nghĩa là nó sẽ được phơi bày mãi mãi trước cả vũ trụ, sẵn sàng quay lại trả thù mình bất cứ lúc nào.

Vì thế tôi đã gạt nó ra khỏi đầu. Hôm nay là Giáng sinh, tôi đang bị kẹt trong chiếc giường xương, tôi nợ Marianne Engel một món quà, và tôi không có món quà thay thế nào cả. Tôi chỉ có những nét nguệch ngoạc trẻ con làm bẩn cả sự trong sáng của tờ giấy trắng mà thôi. Từ ngữ của tôi là những chữ tượng hình của Ai Cập cổ đại trước khi người ta phát hiện ra hòn đá Rosetta, từ ngữ của tôi là những anh lính bị thương tập tễnh trở về nhà, không còn chút đạn dược, từ một trận chiến thất bại; từ ngữ của tôi là những con cá hấp hối, quẫy đạp điên cuồng khi cái lưới được đổ ra và cá chất trên boong tàu như một ngọn núi trơn nhẫy cố vươn thành thảo nguyên.

Từ ngữ của tôi trước đây, và bây giờ, không xứng đáng được đem tặng cho Marianne Engel.

Nhưng tôi không có sự lựa chọn nào khác, thế là tôi với tay ra chỗ ngăn kéo và - ĐỒ THUA CUỘC - dồn hết lòng can đảm giả tạo yếu ớt của mình. Tôi lôi ba tờ giấy ra, nhắm tịt mắt lại, và chìa mấy bài thơ về phía Marianne Engel, mong chúng đừng mủn ra trên tay tôi.

"Đọc cho tôi nghe đi," cô nói.

Tôi bảo rằng mình không thể. Đây là những bài thơ, và giọng tôi là sản phẩm của một cuộc thương lượng thất bại thảm hại nơi ngã tư đường(24). Một con chó Địa ngục dữ tợn đã xé toác cổ họng tôi và để lại phía sau một chiếc ghi ta vỡ vụn với những dây đàn hoen gỉ. Giọng của tôi đã - đang - cực kỳ không phù hợp cho thơ với ca rồi.

"Đọc cho tôi nghe đi,".

Giờ đã rất nhiều năm trôi qua. Bạn đang cầm cuốn sách này trong tay, vì thế hiển nhiên tôi đã vượt qua được nỗi sợ không dám cho người khác đọc những gì mình viết ra. Nhưng ba bài thơ tôi viết cho Marianne Engel vào ngày Giáng sinh đó sẽ không được ghi lại trong câu chuyện này. Bạn đã có đủ bằng chứng buộc tội tôi rồi.

Khi tôi đọc xong, cô trườn lên giường. "Thật là tuyệt vời. Rất cám ơn anh. Giờ tôi sẽ kể anh nghe chúng ta đã gặp nhau như thế nào nhé."

Chú thích

(23) Guglielmo Marconi là tên một nhà vật lý nổi tiếng người Ý.

(24)Truyền thuyết Hy Lạp kể rằng vào đêm trăng sáng, nếu bạn mang đàn ghi ta ra ngã tư đường, vừa đánh vừa cầu mong ác quỷ đến thì ác quỷ sẽ xuất hiện thật và cho bạn khả năng chơi được bất cứ loại nhạc cụ nào, làm được bất cứ việc gì trên thế giới này. Nhưng để đổi lại, bạn phải trao linh hồn vĩnh hằng của mình cho nó.

CHƯƠNG 17

au khi tôi bắt đầu đọc những tác phẩm của Meister Eckhart, một luồng suy nghĩ mới xuất hiện trong đầu tôi. Nó không quá mạnh mẽ nhưng cũng đủ gây ảnh hưởng đến tôi, và cuối cùng tôi cũng bắt đầu hiểu được một số điều mà mẹ Christina đã nói về việc xóa bỏ sự phàm tục trong tâm hồn để có thể đến gần hơn với Chúa Thánh Thần. Nhưng tôi luôn bí mật giữ cuốn sách, vì những xơ như Gertrud sẽ không bao giờ chấp nhận nổi những ý tưởng còn cấp tiến hơn những gì bà đã từng biết. Và dù Eckhart là chất xúc tác, người làm dấy lên những băn khoăn trong tôi lại là một người khác. Khi một trong những bà xơ có tuổi ở tu viện chúng tôi qua đời, Gertrud đã bổ nhiệm tôi vào vị trí của bà ấy, bao gồm cả việc giao thiệp với thương gia cung cấp giấy da cho chúng tôi nữa.

Người buôn giấy da này thô lậu hơn hết thảy những người đàn ông tôi từng biết, vì thế việc chúng tôi trở nên thân thiết với nhau thật đáng ngạc nhiên. Điều đầu tiên ông ta muốn tôi làm là cầu nguyện cho ông. Ông giải thích rằng bà xơ tiền nhiệm thường làm như thế, và đó là bài học đầu tiên của tôi về việc có qua có lại. Nếu tôi làm thế, ông sẽ giảm giá cho tu viện. Ông thú nhận là ông đã phạm tội, nhưng kèm thêm một nụ cười giả lả rằng ông "chưa phạm tội đến mức phải cầu xin được ân xá."

Ông thích nói mọi chuyện trên trời dưới bể và tôi rất ấn tượng với những hiểu biết của ông về chính trị, nhưng có lẽ chỉ vì tôi không biết rằng những điều ông phàn nàn đều là chuyện tầm phào trong bất cứ quán rượu cuối ngày nào. Trong hàng tháng trời làm việc cùng nhau, tôi biết thêm nhiều điều về một nước Đức tồn tại bên ngoài những bức tường tu viện. Đức Giáo hoàng John ôm mối thâm thù với Louis vùng Bavaria. Chiến tranh nổ ra, và những lãnh chúa địa phương đã phải viện đến sự trợ giúp của đám lính đánh thuê gọi là condotta; nhà ngôn ngữ học trong tôi nhận ra ngay đó là một từ vay mượn tiếng Ý. Cái chết được đem ra bán lấy lãi, hoàn toàn không có chút lý tưởng hay lòng tin nào tồn tại, và điều này làm tôi buồn nôn. Tôi không hiểu nổi vì sao con người có thể làm những chuyện như thế, và người buôn giấy da chỉ nhún vai nói với tôi rằng những chuyện như thế xảy ra ở khắp mọi nơi.

Ở trong phòng viết, Gertrud bắt chúng tôi làm việc thâu đêm với cuốn Die Gertrud Bibel, và những nỗ lực đang được đền đáp xứng đáng. Dù bà để tâm đến từng chi tiết, dù chúng tôi vẫn phải làm biết bao công việc khác nữa, tôi vẫn có thể thấy rằng tác phẩm chỉ mất vài năm nữa là hoàn thành. Bà đã lớn tuổi, nhưng tôi biết bà sẽ ép bản thân tiếp tục. Dù ngoan đạo như vẫn luôn tuyên bố, bà hẳn đã phải tranh luận với chính Chúa Jesus xem liệu Người có dám cả gan mang bà đi trước khi mọi sự xong xuôi hay không.

Đó là vào lúc nửa đêm, như bất cứ nửa đêm nào khác, khi một trong những bà xơ đi đến phòng viết và thì thầm về sự xuất hiện của hai người đàn ông, một người đầy vết bỏng nặng

đến nỗi trông anh ấy như thể "vừa có một trận chiến với Kẻ thù!" Nghe có vẻ khá thú vị, nhưng tôi vẫn còn việc phải làm.

Buổi sáng hôm sau, xơ Mathildis, y tá của tu viện, đánh thức tôi dậy khi tôi còn đang ngủ trong phòng mình và nói tôi buộc phải có mặt ở bệnh xá, theo lệnh của mẹ Christina. Tôi khoác vội chiếc áo choàng rồi hai người chúng tôi cùng nhau băng qua khu vườn của tu viện trong khi bà thông báo cho tôi rằng bà và những xơ khác phụ trách bệnh xá - xơ Elisabeth và Constantia - đã thức suốt đêm để chăm sóc cho nạn nhân bỏng. Tất cả mọi người đều ngạc nhiên khi thấy anh ta có thể chịu đựng được lâu đến như vậy.

Mẹ Christina đón chúng tôi ở cửa bệnh xá. Trong phòng, cha Sunder và các xơ y tá đang chăm sóc một người đàn ông nằm đắp một tấm chăn trắng. Một binh sĩ đã kiệt quệ, vẫn còn khoác trên người bộ quần áo lính tơi tả, đang ngồi ủ ê ở góc phòng. Khi nhìn thấy tôi, anh ta liền nhảy ngay tới và đề nghị, "Xin cô giúp anh ấy với."

"Xơ Marianne, đây là Brandeis, anh ấy đã mang người bị bỏng đến chỗ chúng ta. Chúng ta đã tham khảo tất cả sách y khoa hiện có" - mẹ Christina hất đầu về phía những cuốn sách đang lật mở nơi góc bàn - "nhưng không có đủ thông tin để áp dụng với những vết thương kiểu này."

Tôi không biết họ cần gì ở mình. "Thế bệnh viện Thánh thần ở Mainz thì sao ạ? Con nghe kể đó là một trong những nơi tốt nhất."

Cha Sunder liền tiến lên phía trước. "Chúng ta cũng đã xem xét khả năng đó, dĩ nhiên là thế, nhưng tình trạng sức khỏe của anh ấy quá nguy kịch nên không thể liều lĩnh đi một quãng đường xa như thế. Tất cả những gì có thể làm được đều phải được làm ở đây."

"Nếu có ai đó biết mọi thứ trong phòng viết, thì đó là con," mẹ Christina nói. Sau khi cân nhắc thiệt hơn, bà thêm, "Và xơ Gertrud, dĩ nhiên. Nhưng bà ấy hiện có rất nhiều nhiệm vụ cần kíp khác, đúng với vị trí của mình, vì thế ta sẽ phải nhờ con tìm tòi trong thư viện bất cứ thông tin nào có thể hữu ích cho việc chữa trị."

Có hai điều trở nên rõ ràng ngay lập tức. Điều đầu tiên, biện pháp này được thực hiện chủ yếu để làm yên lòng Brandeis; hầu như chẳng có chút hy vọng rằng mấy cuốn sách của chúng tôi có thể chứa những thông tin thực sự hữu ích. Điều thứ hai, mẹ Christina không tin Gertrud có thể toàn tâm toàn ý nghiên cứu tìm tòi. Dù chỉ có chút hy vọng nhỏ nhoi là có thể tôi sẽ tìm thấy gì đó, méo mó có hơn không, rõ ràng mẹ Christina đã quyết định rằng mạng sống của một con người quan trọng hơn lòng kiêu hãnh của Gertrud. Điều này, tôi phải thú nhận, làm tôi cảm thấy rất thích thú. Nhưng để lộ ra thì thật thất lễ, vì thế tôi chỉ nhũn nhặn cúi đầu mà nói rằng tôi rất sẵn lòng phục vụ tu viện trưởng của tôi trước Chúa. Yêu cầu duy nhất của tôi là cho phép tôi được xem qua những vết thương của người lính, để tôi có thể biết được mình cần tìm những phương thuốc như thế nào.

Khi lại gần chiếc bàn, tôi đã nhìn thấy khuôn mặt anh lần đầu tiên. Khi đó mặt anh đã bị bỏng nặng, như bây giờ, dù đỡ khủng khiếp hơn, và có một ụ máu lớn trên ngực anh, thấm qua tấm chăn trắng. Tôi không thể không nghĩ nó trông như một bông hồng bật lên khỏi tuyết. Dù chỉ trong giây lát, tôi cũng biết đó là một suy nghĩ không đúng đắn chút nào. Cha Sunder nhìn mẹ Christina, bà gật đầu đồng ý, thế là ông nhẹ nhàng kéo tấm chăn lên. Tôi có thể nghe thấy một tiếng xoẹt nhẹ khi tấm vải đầy máu tách ra khỏi người anh.

Phản ứng của tôi lúc đó đã làm chính bản thân tôi bất ngờ. Tôi đã bị anh cuốn hút hơn bất cứ thứ gì khác, và chắc chắn tôi sẽ không thoái lui. Trong khi tất cả mọi người trong phòng, thậm chí cả người lính tên Brandeis, đều lùi lại một bước, tôi lại tiến lên một bước.

Có những vùng da bị cháy, dĩ nhiên, và cơ thể anh chảy nhiều máu hơn khả năng thấm hút của những dải băng. Tôi xin một mảnh vải để lau chỗ máu rỉ ra. Máu đen, đỏ lẫn xám chảy lẫn vào nhau, nhưng khi lau những vết máu đọng, tôi đã có một phát hiện bất ngờ. Có một vùng hình chữ nhật trên ngực anh không hề bị bỏng. Nó ở bên trái, ngay phía trên trái tim anh, và nổi bật lên giữa những vùng da thịt bị hủy hoại xung quanh. Ngay giữa tâm của nó là một vết thương độc nhất, một vết rạch nơi vật nhọn nào đó đã cắt vào thịt anh. Tôi hỏi Brandeis về chuyện này, và anh ta trả lời rằng đó là điểm đầu mút của mũi tên đã đâm vào anh. Anh ta nói rằng mũi tên không đâm sâu lắm nhưng chính ngọn lửa đã gây nên những thương tổn nặng nề nhất.

Tôi hỏi xem thực sự chuyện gì đã xảy ra. Khuôn mặt của Brandeis chùng xuống, vì anh ta đã kể câu chuyện này cho những xơ y tá rồi và không muốn kể lại nữa. Nhưng anh ta tự trấn an bản thân và bắt đầu nói.

Anh và Brandeis thuộc về một nhóm lính condotta, đội cung thủ đánh thuê. Và anh ta nhìn xuống sàn nhà với vẻ xấu hổ khi thừa nhận công việc mình làm trong ngôi nhà của Chúa. Hôm trước đó đã có một trận đánh. Vừa mới đây hai người các anh còn cầm cung tên bên cạnh nhau, giây tiếp theo anh đã bị trúng một mũi tên lửa. Brandeis phản ứng hết sức nhanh nhạy, nhưng ngọn lửa đã kịp lan ra. Vì mũi tên cắm thẳng vào ngực anh, anh không thể lăn lộn trên đất để dập lửa được, nên Brandeis đã bẻ đoạn gần đầu mũi tên đi. Nói đến đoạn này, anh ta giơ lòng bàn tay cho chúng tôi xem vết bỏng khá nặng của mình. Anh ta cố xé bộ quần áo bén lửa của anh ra nhưng đã quá muộn. Anh đã phải chịu những thương tổn quá nặng nề rồi.

Anh ta ở bên cạnh anh trong suốt trận chiến, dùng cây cung của mình hạ gục tất cả những những kẻ dám mon men đến gần. Khi đối phương đã rút lui, các đồng đội của anh bắt đầu rà soát chiến trường để tìm người sống sót.

Có một luật lệ mà tất cả mọi người đều hiểu rõ. Nếu quân địch bị thương bị tìm thấy, anh ta sẽ bị xử tử. Nếu quân ta bị thương nhưng vẫn có thể chữa lành, anh ta sẽ được chữa trị.

Nhưng nếu quân ta vẫn còn sống nhưng vết thương không thể cứu chữa được, anh ta cũng sẽ bị giết. Đây được coi là một hành động vì mục đích nhân đạo cũng như lợi ích kinh tế. Để một người tốt phải chịu cái chết từ từ thì thật không hay chút nào, và cũng rất phi thực tế nếu cứ lãng phí nhân lực và lương thực để giữ lại mạng của một người lính vô dụng.

Khi anh và Brandeis được đám lính đánh thuê tìm thấy, tất cả những người còn lại nhanh chóng đi đến quyết định. Anh đã bị thương quá nặng và anh sẽ được giải thoát khỏi mọi khổ sở. Họ cũng vậy.

Một chiến binh trẻ tuổi tên là Kuonrat bước tới đề nghị được chém nhát chém cuối cùng, mà không hề nghĩ lấy một giây rằng đây là nhiệm vụ sau này sẽ làm hắn ta hối hận. Kuonrat là một gã háo danh và khát máu chẳng chút lương tri; hắn ta đã để mắt đến vị trí cao nhất, và cái chết của anh đơn giản là loại bỏ một kẻ kỳ cựu ngáng chân hắn trên con đường tới chức condottiere, đội trưởng đội lính mà thôi.

Nhưng ngày đó Herwald vẫn là chỉ huy, và mối quan hệ của anh với ông khá lâu dài và bền vững. Thực ra, ông chính là người đã đưa anh vào đội khi anh còn là một cậu thiếu niên. Anh là một trong những người lính thân cận với ông nhất, và qua năm tháng ông ngày càng trân trọng anh hơn. Ông không hề muốn ra lệnh xử tử anh, nhưng không có lựa chọn nào khác, anh cũng quyết không giao trách nhiệm cho một kẻ như Kuonrat. Vì thế Herwald đã đề nghị Brandeis, người bạn thân nhất của anh làm việc đó. Nếu Brandeis từ chối, Herwald sẽ phải đích thân ra tay.

Brandeis không muốn nghe bất cứ một câu nói nào về việc giết anh hết. Anh ta đứng thẳng người và rút thanh kiếm của mình ra. "Tôi sẽ chém tất cả những ai dám bước tới dù chỉ một bước. Tôi sẽ không để bạn mình bị giết như một con ngựa què đâu."

Tại sao Brandeis không thể đưa anh tới một nơi nào đó và tự tay chăm sóc anh? Lý do nằm ở phương châm của nhóm lính đánh thuê condotta. Một khi đã là lính, anh ta sẽ mãi mãi là một người lính. Đã như thế, vẫn như thế, và sẽ luôn luôn như thế. Một người lính cần phải biết rằng mình có thể trông cậy vào người bên cạnh mình, cũng như biết rằng mình sẽ không bị bỏ rơi trong lúc nguy nan. Để củng cố luật lệ này, tất cả những ai cố gắng bỏ trốn sẽ bị truy đuổi và bị giết hại dã man, không có ngoại lệ. Nếu Brandeis được phép rời vị trí để chăm sóc anh, ai biết được sau này sẽ có ai khác đòi quyền lợi như thế nữa?

Brandeis đứng nhìn xuống anh, thanh kiếm của anh ta giơ lên chống trả cả đội quân và chống lại cả một truyền thống không thể bị phá bỏ. Thật là một việc làm cực kỳ can đảm nhưng cũng không kém phần ngu ngốc. Nhưng, có lẽ, những người lính khác cũng cảm thấy trong lòng dấy lên cảm giác kính trọng khó tả trước một người dám liều cả mạng sống của mình để bảo vệ một người bạn. Tình thế tiến thoái lưỡng nan chỉ có thể được giải quyết nếu Brandeis đưa ra được một giải pháp khả dĩ, và thật ngạc nhiên, Brandeis đã làm được thế.

Brandeis biết được khoảng cách giữa Engelthal và nơi vừa diễn ra trận chiến, và anh ta cũng biết tu viện nổi tiếng là nơi thường xảy ra những điều kỳ diệu. Brandeis đã thề, trên danh dự của anh ta, rằng anh ta sẽ quay lại với đội quân trước trận chiến sắp tới nếu anh ta được phép đưa anh tới tu viện. Anh ta nhấn mạnh rằng - vì tất cả mọi người đều tin kiểu gì thì anh cũng chết - ít nhất anh cũng nên được chết dưới sự bảo vệ của Chúa.

Herwald chấp nhận lời đề nghị, một sự nhượng bộ hiếm có của ông. Về cả lý và tình, đây quả là một quyết định đúng đắn. Nó thể hiện rằng những người lính trung thành sẽ được trọng thưởng, đồng thời giúp ông khỏi phải ra lệnh xử tử một người bạn lâu năm. Và không ai có thể buộc tội ông cho phép một người lính còn khỏe mạnh rời bỏ vị trí, vì anh ta đã hứa sẽ quay lại.

Kuonrat Háo Danh biết rõ là không nên công khai đả kích Herwald khi bầu không khí thiện chí đang lên cao, nhưng hắn cũng không bỏ lỡ cơ hội thì thào với tất cả những ai chịu lắng nghe rằng thực sự đây là lần thứ hai quy định không thể phá vỡ của đoàn quân bị xem thường. "Không ai nhớ chuyện về tên cung thủ người Ý Benedetto à? Chúng ta đã để hắn trốn thoát mà không hề đem quân đi truy đuổi. Herwald một lần nữa lại phản bội chúng ta vì ông ta quá yếu đuối. Chúng ta còn để chuyện này tiếp diễn tới bao giờ nữa?"

Chỉ vài người chịu nghe. Hầu hết mọi người đều tán thành rằng sau bao nhiêu năm phục vụ, anh nên được phép chết bên cạnh Chúa, trong sự chăm sóc của các xơ ở Engelthal.

Khi Brandeis kết thúc câu chuyện, anh ta lấy tay vuốt khuôn mặt mệt mỏi của mình. Có lẽ tôi đã thấy một giọt nước mắt, nhưng cũng có thể chỉ là một giọt mồ hôi. Và đó là cách anh đến với tu viện. Đó là cách anh đến với tôi.

Câu chuyện của Brandeis làm tất cả mọi người trong phòng xúc động, cả những người đã nghe câu chuyện đó từ trước cũng vậy. Cuối cùng cha Sunder phá vỡ bầu không khí tĩnh lặng, cất lời ca ngợi anh ta vì những hành động đúng đắn. Mẹ Christina nói rằng dù bà không thiện cảm với lính đánh thuê nhưng cũng đã nhận ngay ra tình anh em chân thật khi gặp các anh. Bà trấn an Brandeis một lần nữa rằng chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể, và các xơ y tá cũng gật đầu đồng ý. Đây đều là những lời lẽ tốt đẹp, dĩ nhiên, nhưng mọi khuôn mặt trong phòng đều chung một vẻ tiếc thương. Tất cả mọi người đều nghĩ rằng anh sẽ chết.

Tôi thì không. Tôi muốn lướt ngón tay mình lên những vết thương của anh; tôi muốn máu anh tưới lên người tôi. Nơi mọi người nhìn thấy một người đàn ông đang hấp hối, tôi chỉ thấy một con người đang chờ được tái sinh. Tôi nghĩ đến những vết thương của Chúa trong những giây phút đẹp nhất của Người.

Brandeis vươn thẳng người, theo đúng cách đàn ông hay làm khi nghĩ rằng làm thế sẽ cho họ nhiều sức mạnh hơn những gì họ đang thực sự sở hữu. Anh ta cúi đầu, nói phải giữ lời

hứa của mình và quay trở lại đội quân. Anh ta tin tưởng vào khả năng của chúng tôi, anh ta nói, và vào sự tốt đẹp của Chúa. Đến bên cửa anh ta còn quay đầu lại nhìn anh lần cuối.

Sau khi Brandeis đi, tôi dành cả ngày lùng sục tất cả các cuốn sách trong phòng viết để tìm mọi thứ có thể giúp anh chữa trị. Nhưng dù nhiệm vụ có cấp thiết đến mức nào, tôi cũng không thể tập trung được. Tôi cố hình dung cảnh hai người trên chiến trường, nhưng không thể. Brandeis dường như quan tâm đến sinh mạng của anh tới nỗi không thể là một kẻ giết người, và nét bình thản trên khuôn mặt anh khi anh nằm trên bàn cứ luôn ám ảnh tôi. Lúc đó tôi không hề để ý, nhưng anh đã yếu lắm rồi. Khi ấy, dường như tôi có cảm giác là linh hồn anh đã rời khỏi thân xác rồi. Là một tu sĩ, tôi cảm thấy vô cùng rối bời. Tôi đã không thể tập trung suy xét để nhận ra rằng mình chưa hề hỏi Brandeis tại sao cái vùng hình chữ nhật trên ngực anh lại không bị bỏng, giữa những tổn thương khủng khiếp đã gây ra cho cả thân người anh như thế.

Sách của chúng tôi không hề có một tài liệu nào chỉ ra cách chữa những vết bỏng đáng sợ của anh. Không chút ánh sáng xuyên qua ô cửa sổ chiếu rọi một trang sách khả dĩ, cũng không một luồng gió thổi qua khung cửa sổ lật một cuốn sách đến trang thích hợp. Vào buổi tối, tôi thấy mình buộc phải quay trở lại bệnh xá, chỉ để thông báo cho các xơ y tá rằng tôi đã không tìm được bất cứ điều gì.

Quang cảnh khác biệt rõ rệt so với lúc trước. Tôi chưa từng thấy ai gào thét điên cuồng như anh. Những năm tháng yên lặng trong tu viện đã làm tôi không tưởng tượng nổi một con người có thể phát ra những tiếng động kinh dị đến vậy. Các nữ tu đều đang cố ghìm anh lại, nhưng đó quả là một cuộc chiến không cân sức. Xơ Elisabeth vui vẻ tột độ khi nhường vị trí của cô cho tôi. Người anh thấm đẫm chất dịch mỗi lúc một rịn ra nhiều hơn, đôi mắt anh đảo hết bên này sang bên kia như để tìm một con quỷ chỉ anh mới có thể nhìn thấy. Tôi đặt một bàn tay lên đầu anh để giúp anh trấn tĩnh, nhưng anh vẫn không ngừng quẫy đạp. Tôi vuốt tóc anh và nói những lời an ủi nhẹ nhàng trong khi những người khác đổ nước lên người anh. Mỗi gáo nước lạnh lại làm người anh giật nẩy lên. Tôi cũng lấy một bình nước và cố hết sức đổ xuống họng anh. Khi anh cuối cùng cũng chịu mở miệng ra đón lấy, trong một khoảnh khắc mắt anh đã chớp một cái rồi lại nhắm chặt.

Một phút yên lặng kỳ dị trôi qua, và tôi có thể thấy trong cách họ liếc nhìn nhau, tất cả mọi người đều chắc chắn rằng anh đã chết. Những cô y tá rụt rè tự cho phép bản thân ngồi xuống, quá mệt mỏi vì phải chăm sóc anh rồi.

Và rồi anh hổn hển bật dậy, mắt anh ngập tràn nỗi kinh sợ như thể anh đã thấy mọi thứ phải biết về cái chết. Anh lại bắt đầu gào thét, vì thế tôi tát vào mặt anh và cố làm anh tập trung, nhưng đôi mắt anh lại tiếp tục đảo tìm con quái vật lần nữa. Tôi dùng hết sức để giữ chặt anh và gí sát mặt vào anh, thét lên ầm ĩ. Khi cuối cùng anh cũng có thể tập trung nhìn tôi, nỗi sợ của anh dường như tan biến.

Ánh nhìn của anh cho thấy rõ anh đã nhận ra điều gì đó. Chúng ta chăm chú nhìn nhau. Tôi không biết bao nhiêu phút giây đã trôi qua. Anh cố nói gì đó, nhưng nhỏ nhẹ đến nỗi tôi nghĩ mình đang tưởng tượng ra giọng nói của anh. Tôi ghé sát tai vào miệng anh. Những nữ tu khác đã lùi lại mấy bước và không thể nghe anh thều thào vài từ.

"Trái tim của tôi... Bị khóa... Chìa khóa."

Rồi anh nhắm mắt lại và chìm vào hôn mê.

Tôi không hiểu những từ anh nói có ý nghĩa gì, nhưng chẳng hiểu sao chúng đã củng cố niềm tin rằng tôi có sứ mệnh giúp anh. Một nữ tu không bao giờ được phép chấp nhận ý tưởng là trái tim của một con người đã bị khóa, đặc biệt khi đó là trái tim của một người đàn ông không lâu nữa sẽ đến ngưỡng cửa Thiên đường - hay, dù bản thân tôi cũng không muốn thừa nhận điều đó, Địa ngục. Người ta phải thấy rõ điểm đến cuối cùng của một người lính đánh thuê là Địa ngục.

Tôi ở bên anh suốt đêm và lau những chất dịch nhầy trên ngực anh, tôi cố gắng nhẹ nhàng hết sức, nhưng da thịt anh vẫn cứ giật lên dưới tay tôi. Dù quả là khó khi phải nhìn những vết thương của anh, tôi đã chắc chắn - lần đầu tiên trong đời - rằng Engelthal chính xác là nơi dành cho tôi. Sự thiếu ảo giác thần bí, thiếu khả năng giao tiếp với Chúa Thánh Thần Vĩnh Hằng, tất cả những điều này hoàn toàn không quan trọng.

Sáng hôm sau, trên lối quay về phòng, tôi đụng độ Gertrud. Bà hỏi, với một giọng ngọt ngào giả tạo, rằng khi nào "tôi có thể thu xếp thời gian chăm sóc kẻ giết người" để trở lại với nhiệm vụ phòng viết và tiếp tục công việc của Chúa. Tôi thông báo với bà rằng mẹ Christina đã đặc biệt giao trọng trách chăm sóc bệnh nhân bỏng cho tôi, và rằng đó là nhiệm vụ chính của tôi bấy giờ. Tôi cũng lỡ miệng nói rằng mẹ Christina nghĩ tôi có khả năng độc nhất vô nhị trong việc tìm kiếm bất cứ tài liệu cần thiết nào trong phòng viết. Tôi có thể thấy mặt Gertrud phừng phừng giận dữ, nhưng chỉ đúng trong một khoảnh khắc thôi.

Khi đã lấy lại bình tĩnh, Gertrud nói, "Mẹ Christina thật tốt bụng khi dành cả người lẫn của để cứu giúp một người đàn ông. Tuy nhiên, ta nghĩ con cũng nên thông minh một chút để nhớ rằng chỉ có Chúa mới cứu được người đàn ông này. Một đứa con hoang bị vứt ngoài cổng thì chẳng làm được cái gì đâu."

Đây là những từ ngữ nặng nề nhất bà từng nói với tôi. Tôi đã bị sốc, nhưng cũng kịp bảo rằng bà nói rất đúng, dĩ nhiên rồi. Tuy thế, tôi cũng nói thêm rằng tôi nên xin phép đi đọc kinh tạ ơn rồi chợp mắt một chút, phòng trường hợp Chúa thực sự quyết định ban cho đứa con hoang như tôi khả năng giúp đỡ một người trong cơn hoạn nạn.

Lát sau khi tôi quay lại bệnh xá, tôi nhận thấy anh đã phải trải qua một quãng thời gian rất khó khăn khi tôi vắng mặt. Anh đang lắp bắp những từ vô nghĩa và trở mình dữ dội. Mẹ

Christina và cha Sunder đang ở đó, thảo luận với y tá, nhưng không ai biết phải làm gì tiếp theo.

Không hề báo trước, anh giơ tay lên chỉ thẳng vào tôi. Tất cả những lời lẽ rối rắm của anh đã rơi đi đâu hết và anh dõng dạc nói to: "Người này."

Tất cả mọi người đều sững sờ. Trừ vài từ chỉ mình tôi nghe thấy lúc trước, đây là lần đầu tiên anh nói chuyện. Một sự ngưng đọng kịch tính đến hoàn hảo bao trùm cả căn phòng trước khi anh nói thêm, "Tôi đã có ảo giác."

Những nữ tu há hốc mồm còn mẹ Christina thì mấp máy cầu nguyện Chúa chỉ dẫn ngay lập tức. Một binh sĩ có ảo giác: Engelthal thực sự là một nơi linh thiêng và tuyệt vời biết bao! Nhưng tôi không tin điều đó. Anh mới ở trong tu viện được một thời gian ngắn, nhưng bằng cách nào đó anh đã biết được thứ duy nhất có ý nghĩa vào thời điểm này là thiên khải.

Mẹ Christina do dự bước thêm một bước nữa. "Anh đã thấy ảo giác nào?"

Anh lại chỉ tay vào tôi lần nữa và thì thầm, "Chúa nói rằng người này sẽ chữa lành cho tôi."

Mẹ Christina bấu chặt lấy cánh tay của cha Sunder. "Anh chắc chứ?"

Anh nhẹ nhàng gật đầu và nhắm mắt lại, theo đúng cái cách những nữ tu vẫn làm để thể hiện họ đang trầm tư mặc tưởng đến mức nào.

Những xơ y tá siết chặt tay trong nỗi sợ hãi thần thánh và quỳ lạy với sự tôn kính vô bờ, cha Sunder và mẹ Christina thì rút vào một góc hội ý với nhau. Ngay sau đó, mẹ Christina đặt tay tôi vào tay bà. "Đây là một điều rất kỳ lạ, xơ Marianne, nhưng chúng ta phải tin những lời anh ấy nói. Chẳng phải ta vẫn luôn nói với con rằng mọi chuyện không đơn giản như vẻ bề ngoài hay sao?"

Có lẽ mẹ Christina, Chúa phù hộ bà, đang ngóng trông một chương mới trong biên niên sử về Engelthal của mình. Tôi là ai mà dám làm bà thất vọng chứ? Tôi gật đầu, như thể cái vỏ bọc một y sư được lựa chọn là gánh nặng đối với một nữ tu chẳng xuất chúng gì như tôi đây, nhưng đó cũng là trách nhiệm tôi phải gánh vác cho tu viện. Phía sau mẹ Christina, anh dường như lại rơi vào trạng thái bất tỉnh, nhưng môi anh nở một nụ cười.

Những nữ tu khác hầu như cho tôi toàn quyền quyết định cách chữa trị cho anh sau thiên khải của Chúa. Không nghi ngờ gì, họ không hề muốn những lỗi lầm trần tục của mình làm kinh động đến những phương thuốc của thánh thần. Tôi dùng nước sạch lau vết thương và thay băng cho anh, nhưng tôi cũng bắt tay vào việc cắt những phần thịt thối rữa của anh, một quy trình vấp phải sự phản đối của những người xung quanh cho tới khi tôi nhắc họ về ảo giác của anh. Có lẽ họ không có gan phản đối việc đó, hoặc có lẽ họ nghĩ mình không có quyền làm mạo phạm một cơ thể được Chúa tạo nên, dù sao, họ luôn luôn rời phòng mỗi khi tôi làm đến công đoạn ấy.

Vì sao tôi lại cho rằng việc cắt bỏ phần hoại tử là một hành động đúng đắn, tôi sẽ không bao giờ có thể biết được. Từ khi sinh ra đến giờ, tôi luôn tâm niệm làm người phải biết phân biệt tốt xấu, thế nên có lẽ tôi chỉ áp dụng ý tưởng này theo ý nghĩa trần tục nhất. Và lý do tại sao anh lại để tôi cắt da thịt mình, tôi cũng không rõ, nhưng anh thì biết. Anh gào lên, tỉnh rồi lại mê, nhưng không một lần bảo tôi dừng con dao lại. Tôi đã vô cùng sửng sốt trước lòng can đảm của anh.

Trong suốt tuần đầu tiên, anh luôn ở trong trạng thái mê sảng. Đến ngày thứ bảy, anh hạ sốt và cuối cùng cũng thức tỉnh đón chào thế giới. Tôi đang lau mồ hôi trán cho anh thì anh ngước nhìn tôi và bắt đầu cất tiếng hát yếu ớt.

Dû bist mẏn, ich bin dẏn:

des solt dû gewis sẏn;

dû bist beslozzen in mẏnem herzen,

verlorn ist daz slüzzelẏn:

dû muost och immer darinne sẏn.

Chẳng vấn đề gì, cái việc anh vừa ho vừa hát ấy. Đơn giản đó là tiếng ca cất lên từ cổ họng của một người đang dần bình phục, nó hay hơn mọi bài tụng ca Chúa mà tôi từng nghe các nữ tu cất giọng hát.

Tin anh tỉnh lại đã lan khắp Engelthal. "Bàn tay xơ Marianne thực sự đã làm nên điều kỳ diệu!" Tôi nghĩ rằng đó chỉ là những kiến thức thông thường, nhưng anh không thể nào tranh luận với những nữ tu đang hân hoan vui sướng được đâu. Thậm chí Gertrud và Agletrudis cũng thôi thầm thì vào tai mẹ Christina rằng tôi cần quay về làm nhiệm vụ tại phòng viết.

CHƯƠNG 18

hế bài hát ấy có nghĩa gì?"

"Thật lạ là anh không còn nhớ cả tiếng mẹ đẻ của mình," Marianne Engel trầm ngâm suy nghĩ. Em là của tôi, tôi là của em: em có thể chắc chắn về chuyện đó. Em đã bị khóa chặt trong trái tim tôi, chìa khóa đã bị ném đi; trong trái tim tôi, em sẽ phải ở lại mãi mãi. Đó là một bài dân ca về tình yêu."

"Sao lại là bài này?" tôi hỏi.

"Anh là một chiến binh, chứ không phải một ca sĩ. Có lẽ đó là bài hát duy nhất anh biết."

Chúng tôi nói chuyện thêm một lúc nữa - hầu như toàn là cô nói, giải thích cho tôi nghe lịch sử truyền đời của những Minnelieder - những bài tình ca thời Trung cổ - cho tới khi cô phải ra về. Sau khi thu dọn đồ đạc của mình, cô bảo tôi nhắm mắt lại.

Khi tôi nhắm mắt, cô luồn qua đầu tôi một sợi dây da mảnh, mặt dây là một đồng xu treo lủng lẳng. "Tên chính xác của vật này là 'thiên thần'. Chúng được lưu hành ở Anh vào thế kỷ mười sáu. Hãy cho phép tôi tặng anh."

Ở một mặt của đồng xu là cảnh một người đang giết rồng. Marianne Engel giải thích lịch sử của hình ảnh đó như sau. "Đó là Đại Thiên thần Michael, xuất hiện trong Khải huyền. Có một trận chiến nổ ra trên Thiên đường, Michael và các thiên thần khác đã chiến đấu chống lại con rồng... Và cuối cùng rồng hung ác đã bị diệt trừ."

"Cám ơn," tôi nói.

"Khi thời cơ đến, anh sẽ biết mình phải làm gì với đồng xu ấy."

Những lời nhận xét kiểu đó của Marianne Engel, nhẹ nhất là vô nghĩa và tệ nhất là quái gở, đã quá nhiều đến nỗi tôi cũng chẳng buồn hỏi xem chúng có nghĩa gì. Cứ cố bắt cô giải thích thì sẽ chỉ đặt dấu chấm hết cho cuộc nói chuyện của chúng tôi và, quan trọng là, có bao giờ cô chịu giải thích đâu cơ chứ.

Marianne Engel báo rằng sau mấy ngày Tết cô mới trở lại vì cô có cả một tầng hầm đầy ắp những gargoyle bị bỏ bê. Trước khi đi ra cửa, cô không quên vỗ nhẹ vào cái va li chứa hai trăm nghìn đô la. "Đừng quên, anh sẽ đến sống với tôi đấy."

NGƯƠI CHO RẰNG CÔ TA CHỊU DỌN MẤY CÁI TÚI DẪN LƯU NƯỚC TIỂU CỦA NGƯƠI Ư?

Tôi tập trung nghĩ về căn phòng trống trải. Tôi sẽ không để con rắn cái tra tấn tôi đâu.

KHÔNG HIỂU CÔ TA CÓ MANG NHỮNG THẰNG ĐÀN ÔNG ĐẦY ĐỦ HÀNG HỌ VỀ NHÀ KHÔNG NHỈ?

Lợi ích lớn nhất của việc nghiện ngập trước kia là khả năng quên sầu suốt cả một ngày trời. Tôi khao khát có được cảm giác ngất ngây mà cocaine và đồ uống có cồn đã luôn mang lại.

ĐÀN BÀ CÓ NHỮNG NHU CẦU MÀ NGƯƠI KHÔNG THỂ NÀO THỎA MÃN ĐƯỢC ĐÂU.

Bác sĩ Edwards bước vào phòng, mặc một chiếc áo len đỏ rực đón chào lễ Giáng sinh. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy bà mặc gì ngoài áo blu. "Tôi nghe nói bữa tiệc rất vui."

Tôi rất hài lòng khi được thấy Nan, vì sự hiện diện của bà có thể làm con rắn biến mất trong chốc lát. Con rắn có vẻ khoái gây sự với tôi khi chỉ có mình tôi với nó. "Thật buồn vì chị đã không ở đó."

Bà kiểm tra phác đồ điều trị của tôi. "Có thể là sang năm."

"Chị có vất vả lắm không?" tôi hỏi. "Ý tôi là, chắc phải ký rất nhiều giấy tờ. Văn bản pháp luật, quyền từ chối, đại loại thế."

"Bệnh viện sẽ xem xét quan điểm của mình," Nan thừa nhận. "Và cũng đòi quyền được miễn trừ có liên quan tới rất nhiều vấn đề. Giả sử ai đó bị ngộ độc thực phẩm thì sao?"

"Tôi không tưởng tượng nổi Marianne Engel có thể tự xoay xở các loại giấy tờ."

"Tôi đã làm trung gian giữa cô ấy và hội đồng luật pháp," Nan nói, "nhưng chỉ vì tôi nghĩ làm thế sẽ tốt cho tất cả các bệnh nhân khác, chứ không chỉ vì mình anh đâu."

"Cám ơn. Tôi biết chị cũng không thích cô ấy lắm."

Bác sĩ Edwards khẽ ưỡn thẳng người. "Tôi nghĩ cô ấy là người tốt."

"Chị chỉ hồ nghi về khả năng chăm sóc thôi."

"Suy nghĩ của tôi thì quan trọng gì chứ."

"Dĩ nhiên là có chứ," tôi nói. "Áo len của chị đẹp nhỉ. Chị định đi đâu chơi à?"

Bà nhìn xuống, như thể đã quên mất mình đang mặc nó, nhưng màn kịch câm tệ quá. "Tôi không muốn nói chuyện riêng tư."

"Được thôi," tôi nói. "Thế tại sao chị lại trở thành bác sĩ?"

"Đó là một câu hỏi riêng tư."

"Không," tôi chỉnh bà. " Đấy là về nghề nghiệp của chị."

Bà ngả đầu sang một bên. "Cũng cùng một lý do như tất cả những người khác thôi, tôi đoán thế. Để giúp đỡ mọi người."

"Còn tôi nghĩ rằng một vài bác sĩ chỉ làm vì tiền," tôi nói. "Sao lại là khoa bỏng? Có nhiều khoa khác nhẹ nhàng hơn mà."

"Tôi thích không khí ở đây."

"Tại sao?"

"Khi mọi người rời khỏi đây, có một..." Nan dừng lại, tìm từ thích hợp nhất. "Khi tôi còn là bác sĩ nội trú, họ đã ghim vào đầu tôi nếp nghĩ phải coi tất cả những người đến đây đều là những kẻ chết rồi. Đó là một ngón nghề, anh biết đấy, vì có rất nhiều bệnh nhân bỏng đã chết ngay trong mấy ngày đầu nhập viện. Nhưng nếu khi người bệnh đến đây ta coi họ như đã chết, và rồi bằng cách nào đó họ nỗ lực..."

"Đó là một cách để nghĩ bạn chỉ cứu người và không bao giờ để mất họ," tôi nói. "Nó có hiệu quả không?"

"Thỉnh thoảng tôi ghét cuộc sống nơi đây."

"Tôi cũng thế mà." Tôi muốn vươn người nắm lấy tay bà, nhưng tôi kìm được. Thay vì thế tôi nói, "Tôi nghĩ chị là một bác sĩ tuyệt vời."

"Tôi rất ích kỷ. Tôi chỉ thích cảm giác khi một bệnh nhân xuất viện." Bà ngước mắt lên và lại nhìn vào mắt tôi. "Đã ai nói với anh là tim anh ngừng đập hai lần trong suốt những ca cấp cứu của mình chưa?"

"Không. Tôi nghĩ có thể đoán được kiểu gì nó cũng đập lại thôi."

"Không phải lúc nào cũng thế đâu."

"Tôi sắp đến sống với Marianne."

"Tôi chỉ không muốn anh mắc sai lầm khi anh đã cố gắng được đến mức này."

"Nếu không đến với cô ấy, tôi sẽ không hiểu vì sao chị lại phải cứu mạng tôi."

Nan ngẫm nghĩ một chút, trầm ngâm giây lát trước khi nói tiếp. "Tôi không thể cứu mạng ai. Tôi chỉ có thể giúp một số người khỏi phải chết không đúng lúc thôi, mà tôi cũng chẳng thường xuyên làm được việc đó."

"Ồ," tôi nói. "Tôi vẫn ở đây này."

"Ừm, anh vẫn ở đây." Bà cúi xuống chạm vào người tôi, nhưng chỉ trong thoáng chốc. Rồi bà quay người rời khỏi phòng, nhưng khi ra đến cửa bà ngoái lại nói thêm, khá hấp tấp, "Tôi có hẹn uống rượu với chồng cũ. Vậy nên tôi mới mặc cái áo này."

"Tôi không biết chị đã kết hôn."

"Đã, còn hiện tại thì không." Bà mân mê tay nắm cửa, xoay xoay vài lần. "Chồng tôi là người tốt nhưng chúng tôi không hợp nhau. Thế là chuyện gì phải đến cũng đến."

Sang năm mới, Marianne Engel càng tích cực tham gia vào những bài tập vật lý trị liệu của tôi. Tôi được hướng dẫn cách đánh răng, cài cúc áo, sử dụng đồ dùng gia đình, tập luyện những sinh hoạt hằng ngày... để chuẩn bị cho thời điểm xuất viện. Mỗi lần tôi dùng cánh tay lành lặn để thực hiện các động tác này, Sayuri lại mắng tôi một trận. Dù làm thế có thể dễ dàng cho tôi trong một thời gian ngắn, cô lý luận, nhưng cánh tay bị thương của tôi sẽ teo tóp. Cả những hành động đơn giản cũng đều là "bài tập".

Tôi được lên lịch học tắm, lại thêm một điều nữa phải học lại từ đầu, và tôi cảm thấy vô cùng khó chịu trước ý nghĩ Marianne Engel sẽ tham gia vào bài tập này. Dù đã giúp tôi tập hầu hết những bài phục hồi chức năng khác, cô vẫn chưa có mặt khi tôi thay băng toàn thân. Cô đã biết là cái ấy của tôi không còn nữa; cô chỉ chưa nhìn thấy thôi. Khi tôi chuyển đến nhà cô, cô sẽ là người giúp tôi tắm, và hiển nhiên việc đó sẽ không thể thực hiện được nếu tôi cứ mặc quần áo trên người. Tuy nhiên, tôi vẫn chưa sẵn sàng để cô chứng kiến khiếm khuyết rất cơ bản về thể chất của tôi.

Một thỏa hiệp đã được ký kết. Dù Sayuri nghĩ rằng tốt nhất cứ để Marianne Engel tham gia luyện tập ngay từ những buổi đầu tiên, chúng tôi vẫn sẽ tập tắm mấy lần đầu mà không có cô, để tôi có thêm thời gian cố thích nghi với ý tưởng đó.

Gregor rất phấn khích với buổi tối xem phim của Akira Kurosawa bên Sayuri Mizumoto.

Ông ta nhồi vào đầu tôi chuyện họ đã mua gì ở quầy phục vụ (bỏng ngô + cam thảo); Sayuri không thích cam thảo đến thế nào (hiển nhiên đây là một vấn đề văn hóa, vì hầu hết người Nhật đều nghĩ nó có vị như thuốc bắc mốc); những ngón tay của họ tình cờ chạm vào nhau khi cùng với tay lấy bỏng ngô; họ nắm tay nhau sau khi hết bỏng ngô; rồi chuyện tất cả những gì ông ta có thể nghĩ trong đầu là những vệt bơ còn dính trên ngón tay; chuyện ông ta cầu nguyện cô đừng nghĩ bơ nhờn là mồ hôi tay ông; chuyện ông ta cố lau tay vào quần để không làm cô khó chịu vì bàn tay nhớp nhớp của ông; chuyện bốn vệt ngón tay đầy bơ dính trên quần ông ta suốt cả buổi tối; chuyện ông ta tin chắc cô sẽ coi những vệt ấy là dấu hiệu cho thấy ông ta kém vệ sinh đến mức nào; vân vân. Thật dễ thương. Gregor kể tôi nghe mọi chuyện trừ tên phim, một khía cạnh tôi cho là kém quan trọng nhất trong cả sự kiện vĩ đại này.

Vào cuối buổi hẹn hò của hai người, Sayuri đã đồng ý đi ăn tối với Gregor tại nhà hàng Rasputin vào cuối tuần sau.

Marianne Engel đẩy tôi vào căn phòng có một nhóm đông thực tập sinh đang đợi. Sayuri giới thiệu tôi với tất cả mọi người rồi hỏi một câu có vẻ rất ngây thơ: "Thế nhiệm vụ của tôi là gì nào?"

Những thực tập sinh đưa mắt nhìn nhau, cảm thấy đang có trò gì đấy đáng ngờ. Một thanh niên đứng phía sau lên tiếng, bảo rằng, rõ quá, Sayuri là chuyên gia vật lý trị liệu. Nụ cười

tươi tắn của cô càng tươi tắn hơn khi cô lắc đầu. "Hôm nay tôi chỉ là cô thợ may thôi. Việc đo đạc này cực kỳ quan trọng, vì bộ đồ chúng ta chuẩn bị thiết kế đây sẽ được mặc hai mươi tư giờ một ngày, trong một năm trời đấy."

Cô lấy cái thước dây ra và hỏi liệu có ai muốn giúp một tay không. Hai thực tập sinh bước về phía trước và nhanh chóng trải những mảnh vải - loại dùng làm trang phục tạo áp suất - dọc theo cơ thể tôi. Công đoạn này tốn thời gian hơn tôi tưởng, chủ yếu vì họ không được tự tin cho lắm. Sayuri kiên nhẫn giải đáp mọi thắc mắc và cô rõ ràng không chỉ là một giáo viên giỏi mà còn thực sự rất thích làm việc đó nữa. Khi lấy xong số đo, cô nhiệt tình giải thích những việc tiếp theo - lấy dấu khuôn đầu tiên cho cái mặt nạ bằng thủy tinh plexi tôi sẽ phải đeo - một công đoạn còn nhiều thách thức hơn nữa.

"Anh ấy đã trải qua hầu hết các phẫu thuật vùng đầu và các vết phồng rộp trên mặt cũng bớt sưng đi nhiều, vì thế chức năng chủ yếu của chiếc mặt nạ là giảm thiểu nguy cơ tạo sẹo. Thế chúng ta phải làm gì đầu tiên nhỉ?"

"Chúng ta sẽ làm một cái khuôn âm bản của khuôn mặt anh ấy," một sinh viên trả lời.

"Không đâu," Sayuri nói, giơ máy ảnh lên. "Chúng ta sẽ chụp ảnh tư liệu trong khi chuẩn bị phần bên trong của chiếc mặt nạ. Làm sao bạn có thể đeo một chiếc mặt nạ không vừa với mình trong suốt một năm được chứ?"

Sayuri tự chụp ảnh, từ mọi góc độ để lưu từng nét đặc trưng trên khuôn mặt tôi. Tôi ghét chuyện cô làm một hồ sơ dài hạn về diện mạo tôi. Khi đặt máy ảnh xuống, cô nói, "Giờ đã đến công đoạn làm khuôn. Chúng ta sẽ làm gì trước nhỉ?"

Ít nhất cũng có một sinh viên đã đọc đúng chương cần đọc trong sách. "Chúng ta sẽ đổ GelTrate lên khắp mặt, rồi đắp thạch cao lên."

"Rất xuất sắc. Cậu lên giúp tôi một tay nhé." Sayuri kéo tấm khăn trắng phủ trên chiếc bàn gần đấy ra; phía dưới là toàn bộ vật liệu cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ. Hai miếng vải nhỏ hình tròn đặt lên mắt tôi, và hai ống nhỏ được nhét vào lỗ mũi để giúp tôi thở. Các sinh viên bóp một ít GelTrate ra tay và bắt đầu quệt khắp mặt tôi. "Đây là chất được dùng để tạo khuôn răng đấy. Nên nhớ thế, vì chẳng ai thích nó cả. Làm nhẹ tay thôi nhé."

Những ngón tay của cậu thực tập sinh thật gượng gạo so với tay Sayuri, nhưng dù sao cô cũng khen ngợi cậu ấy, rồi cô đề nghị vài người nữa "bước lên thử một chút". Cảm giác có quá nhiều đôi tay sờ vào mặt mình làm tôi choáng ngợp. Sayuri không ngừng giải thích khi làm, "Việc lấy được khuôn tự nhiên của đầu, xương gò má, vùng quanh mắt... là rất quan trọng. Hãy nhớ phải thật nhẹ nhàng..."

Sau khi bôi GelTrate, các thực tập sinh nẹp cổ tôi để cố định trong khi đặt những dải thạch cao vào vị trí. Sayuri chỉ dẫn cho họ về các góc chuẩn, thỉnh thoảng sửa vài lỗi sai nhưng chủ

yếu chỉ nhắc họ cẩn thận. "Đây không phải da bình thường đâu, mà là da bỏng đấy. Nhớ nhé."

Khi các dải thạch cao cuối cùng đã yên vị, chúng tôi phải ngồi chờ nó khô lại. Sayuri tận dụng khoảng thời gian này để trả lời các câu hỏi về quá trình hồi phục của tôi; với cái đầu bó bột, tôi chẳng thể thêm được câu nào vào cuộc hội thoại. Để tránh làm phiền các thực tập sinh, Marianne Engel thì thầm rằng cô sẽ đọc nốt khổ cuối của Địa ngục cho tôi nghe. Lời đề nghị làm tôi cực kỳ sung sướng; tôi luôn muốn nghe giọng cô trong bóng tối.

Cô bắt đầu:

"Tiến lên hỡi những ngọn cờ của Diêm vương,"

chủ nhân của tôi nói, "Về phía chúng tôi. Nhìn thẳng phía trước:

ngươi có nhận ra hắn nơi tâm điểm của ngục băng không?"

Satan, vua của Địa ngục, bị nhốt trong một xà lim băng nơi lòng Địa ngục: một hình ảnh mới hợp làm sao, tôi trầm ngâm khi cũng đang nằm trong cái xà lim thạch cao của chính mình. Thầy của Dante là nhà thơ Virgil, dẫn ông về phía trước, trong khi người đưa đường của tôi là Marianne Engel. Cô đọc chệch sang tiếng Ý hai lần, rồi nhớ ra và cười lớn trước khi đọc lại cho tôi nghe bằng tiếng Anh. Giọng nói lí nhí của các thực tập sinh - lúc đó vẫn đang học về các khó khăn trong việc điều trị bỏng - văng vẳng bên tai. Khi Sayuri quyết định đã đến giờ tháo mặt nạ, tôi có thể cảm nhận những ngón tay cô đang bóc lớp thạch cao đi. Ngay khi tôi lại được nhìn thấy ánh sáng căn phòng, Marianne Engel khẽ đọc nốt câu cuối cùng của Dante vào bên tai lành lặn của tôi:

... Và chúng ta lại đi dưới những vì sao.

"Chỉ được mặc áo cotton trắng ngắn tay thôi đấy," bác sĩ Edwards nói, "và giặt kỹ bằng nước lã nhé. Xà phòng sót lại rất có hại cho da đang lành đấy."

Tôi đã được lên kế hoạch xuất viện; tôi đã tiến bộ đến mức sẽ được ra viện vào giữa tháng Hai, sớm hơn dự định gần hai tháng. Nan chỉ vào cuốn sách hướng dẫn phục hồi chức năng trong tay Marianne Engel. "Bồn tắm phải được khử trùng trước mỗi lần tắm, và phải nhớ thêm các hóa chất cần thiết vào nước tắm đấy. Danh sách hóa chất đều được liệt kê trong sách rồi. Chúng tôi sẽ cung cấp cho cô một lượng đủ cho tuần đầu tiên, nhưng sau đó cô phải tự mua đấy nhé. Cũng có cả một danh sách các loại xà phòng thích hợp nữa. Đừng quên bôi thuốc mỡ sau khi tắm, và nhớ thay băng mới. Quần áo tạo áp suất cho anh sẽ xong trong khoảng một tháng tới, nhưng từ giờ đến lúc ấy thì anh vẫn phải quấn băng thôi. À, nếu anh đã từng dùng nước hoa và nước khử mùi trước tai nạn thì nhớ rằng giờ chúng bị cấm tiệt rồi nhé."

"Còn gì nữa không?" Marianne Engel hỏi.

Nan nghĩ một chút. "Cẩn thận với côn trùng đấy. Một vết đốt thôi là có thể gây nhiễm trùng nặng. Không có con côn trùng nào trong nhà cô chứ?"

"Dĩ nhiên là không," Marianne Engel nói, trước khi thêm, "nhưng mà một người bạn của tôi từng bị ong bắp cày đốt tưởng chết ấy chứ. Thật khủng khiếp."

Cuộc hội thoại đột ngột dừng lại khi cả tôi và bác sĩ Edwards cố gắng hình dung ra Marianne Engel đang nói về cái gì. Chúng tôi nhìn nhau và đi đến một thỏa hiệp ngầm là có hỏi cũng chẳng tích sự gì, thế là Nan chỉ nói rằng sốc do quá mẫn cảm khá phổ biến trong các trường hợp đó rồi tiếp tục hướng dẫn cách chăm sóc tôi. Bà nhắc tôi chú ý đến cả những tổn thương tiềm ẩn cũng như những vết thương bên ngoài. Da là cơ quan điều hòa thân nhiệt, giảm nhiệt qua mồ hôi trong những ngày nóng nực hoặc trong khi chơi thể thao, và cơ thể của tôi đã mất phần lớn khả năng đó. Vì tuyến mồ hôi và lỗ chân lông của tôi bị tổn thương, bộ não sẽ phải đối mặt với những thử thách cam go trong việc kiểm soát các trung khu thần kinh và cơ quan nội tiết. Về mặt lý thuyết, cơ thể tôi có thể nổi loạn và nướng chính mình từ trong ra ngoài; nếu không cẩn thận, tôi có nguy cơ trở thành cây đuốc sống tự cháy bất cứ lúc nào.

"Chúng tôi đã giữ mọi thứ ở nhiệt độ thích hợp cho anh trong căn phòng này," bác sĩ Edwards nói, "nhưng anh có lẽ sẽ phải thử với điều hòa nhiệt độ để xem thế nào là hợp lý nhất. Cô cũng có điều hòa nhiệt độ chứ, Marianne?"

"Tôi sẽ cho lắp càng sớm càng tốt."

"Tốt. Còn câu hỏi chốt nào không?"

Tôi hỏi họ sẽ cung cấp bao nhiêu morphine nữa. (Tôi chắc chắn con rắn cái ấy sẽ không trườn khỏi xương sống của tôi khi tôi xuất viện đâu.)

"Đủ cho một tháng," Nan trả lời, "nhưng cẩn thận đấy. Một chút đau đớn bây giờ còn hơn là nghiện cả đời. Anh đã thông chưa nhỉ?"

"Dĩ nhiên rồi," tôi nói. Nhưng tôi đang THÈM KHÁT liều thuốc thơm ngon sắp tới.

Sau khi nghe hướng dẫn điều trị xong, tôi được đặt vào xe lăn, theo nội quy bệnh viện, rồi Nan đẩy tôi ra cửa chính. Marianne Engel chả buồn cự nự rằng cô mới là người được đẩy; có lẽ cô nghĩ bác sĩ Edwards cần làm việc đó cho bệnh nhân của mình, như một nghi lễ trước khi để họ đi.

Tại cửa chính, tôi đứng dậy khi Nan nói lời cảnh báo cuối cùng. "Mọi người nghĩ rằng khi một bệnh nhân bỏng được về nhà, giai đoạn tồi tệ nhất đã qua. Trên thực tế, các bạn sẽ phải đối mặt với việc thiếu đi hệ thống hỗ trợ hằng ngày của bệnh viện. Nhưng chúng tôi vẫn luôn ở đây, vì thế đừng ngại gọi cho chúng tôi nếu mọi người cần gì."

Không giống Howard, tôi không có cả một phái đoàn bạn bè, gia đình và vợ chưa cưới cũ đến đưa tiễn. Nhưng tôi hầu như chẳng có gì phải phàn nàn; không như Thérèse, tôi rời viện mà vẫn còn sống. Nhân viên bệnh viện và Marianne Engel xúm xít xung quanh để trao nhau những lời chúc chân thành "Cám ơn" và "Chúc may mắn". Connie ôm chầm lấy tôi. Beth bắt tay tôi thật chặt, và dù Maddy không có mặt, tôi chắc chắn nếu cô mà ở đấy thì hẳn sẽ lắc mông dữ lắm. Sayuri hứa sẽ sớm ghé qua để tiếp tục giúp tôi tập đi và xin lỗi thay Gregor đã vắng mặt tại buổi chia tay. Ông ta phải cấp cứu bệnh nhân, cô giải thích.

Tôi mong Nan sẽ chìa tay ra, nhưng bà không làm thế. Bà ôm Marianne Engel, nói với cô hãy chăm sóc tôi cẩn thận. Rồi bà hôn lên má tôi và dặn tôi cũng phải chăm sóc cho Marianne Engel.

Họ để bệnh nhân tâm thần phân liệt lái xe sao? Có vẻ thế. Marianne Engel sở hữu một chiếc xe đua đời 70, thứ mà tôi chẳng bao giờ hình dung nổi sẽ dành cho cô; thế nên, tôi thấy thật tuyệt. Cô khoe rằng nó từng thuộc về người chiến thắng trong cuộc thi Hoa hậu Quý bà Ngành Y 1967.

NGƯƠI THẬM CHÍ CÒN CHẲNG THỂ NGỒI CÙNG XE VỚI CÔ TA...

Trong suốt những giây cuối cùng trước khi bị tống vào bệnh viện, tôi đã được lôi ra từ một cái xác ô tô nghi ngút khói. Giờ đang đứng đây, điều đầu tiên tôi làm khi xuất viện là leo lên một phương tiện giao thông bốn bánh. Tôi biết mình không thể đi bộ được nhưng tôi vẫn ước giá mà có cách nào khác.

... MÀ KHÔNG BĂN KHOĂN CÔ TA CÓ NÊN LÁI XE HAY KHÔNG.

Động cơ chuyển mình như một con gấu cáu kỉnh ngáp dài thoát khỏi giấc ngủ đông. Máy nghe nhạc kiểu cổ bật lên, và thế là để lái xe thật thoải mái, Marianne Engel hát. Lúc đầu, Edith Piaf bay khỏi miệng cô như một con sẻ nhỏ bị thương mà vẫn duyên dáng, sau đó, cô lẩm nhẩm hai từ "quá dài" trong bài hát của Leonard Cohen.

Ở cột đèn giao thông, chúng tôi đỗ cạnh một đôi đi xe Ford cũ. Người phụ nữ ngồi trên ghế hành khách nhìn thấy tôi - tôi vẫn đang quấn băng, và sẽ quấn thế cho tới khi trang phục tạo áp suất được làm xong - và cô ta khẽ thét lên trước khi quay ngoắt lại nhìn đường, cố vờ như chưa hề phản ứng.

Người phụ nữ đó đã nhìn chúng tôi và nghĩ rằng Marianne Engel là người bình thường.

CHẲNG AI TRONG BỌN NGƯƠI BÌNH THƯỜNG CẢ.

Chuyện như thế này sẽ xảy ra thôi, và tôi nghĩ lẽ ra mình nên được chuẩn bị trước. Nhưng tôi đã không có cái may mắn đó.

CHƯƠNG 19

ẽ ra tôi không nên quá ngạc nhiên khi tòa nhà đầu tiên đập vào mắt lúc chúng tôi rẽ vào đường Lemuria Drive là một nhà thờ. Nhà thờ thánh Romanus xứ Conrat là một khối kiến trúc đồ sộ cố ra vẻ đáng kính hơn thực tế. Trông nó không có vẻ bị bỏ bê, mà đúng hơn là dường như tiền đã cạn kiệt. Lớp sơn bong tróc, gạch đá sứt mẻ, và những vết nứt trên cửa sổ thì được dán lại bằng băng dính trong. Có một biển báo bên cạnh con đường bê tông hướng ra cửa chính, viết chữ đen trên nền bảng trắng rằng cha Shanahan mời tất cả mọi người đến dự lễ Mass vào ngày Chủ nhật. Phía sau nhà thờ Romanus là một khu nghĩa trang đổ nát với những phiến đá xám bạc màu nối đuôi nhau trồi lên khỏi mặt đất như những viên sủi giảm đau Alka-Seltzer rơi xuống rìa đất vậy. Cỏ héo vàng trông như mái tóc lởm chởm còn hoa tưởng niệm người quá cố thì thối rữa trên đất. Một vài tấm bia lớn hơn có tạc tượng các thiên thần đưa người đã khuất lên Thiên đường. Tôi hỏi Marianne Engel có tạc bức tượng nào ở đây không. Không, cô nói, cô không chế tác những công trình kiểu ấy.

Ngôi nhà của cô, ở lô đất tiếp theo nhìn từ phía nhà thờ thánh Romanus, thực sự trông giống một pháo đài hơn: một thành trì bằng đá vĩ đại khiến người ta không khỏi nghĩ nó có thể chống chọi cả một cuộc vây ráp của quân Hung Nô. Cô có thể thấy rõ mặt tôi thộn ra thế nào trước sự kiên cố đó, nên đã giải thích ngay rằng cô không thể tưởng tượng được việc phải sống trong một tòa nhà không thể đương đầu với dòng chảy thời gian.

Khi cô giúp tôi ra khỏi xe, tôi hỏi liệu cô có thấy sợ khi sống cạnh một nghĩa trang không. Cô chỉ nhún vai và nhắc tôi để ý những phiến đá lát đường vì vài viên đã long ra. Cô lầm bầm giải thích về cái cây vươn lên trên chiếc xe cút kít như một chậu cây cảnh, bánh trước gỉ sét của nó ngập trong đất mùn. Một hòm thư được cấu tạo sao cho thư được nhét vào cái miệng há hốc của một con rồng.

Ở hông nhà là hai cánh cửa gỗ sồi to tướng với bản lề bằng thép nặng trịch mở lối xuống xưởng chế tác dưới tầng hầm, được lắp đặt đặc biệt để những tảng đá tạc tượng có thể lọt qua. "Cải tiến được nhiều như thế này là nhờ vào việc giảm thuế. Nhân tiện, đó là những gì Jack nói với tôi." NGƯƠI VẪN CHƯA QUÊN CHUYỆN CỦA JACK, ĐÚNG KHÔNG?

Một con chó màu nâu sữa chạy ra từ sân sau, con Bougatsa nổi tiếng đây mà. Marianne Engel cúi xuống xoa xoa cái đầu to bự ngu ngốc của nó, kéo tai nó ra sau. "Boogie!" Chỉ cần mất một giây là có thể xác định ngay con cẩu này đã củng cố tất cả những gì tôi ghét về loài chó. Nó trông đần độn theo đúng kiểu của chó, cái lưỡi lờ đờ liếm hết bên này đến bên khác, cái đầu lúc lắc xung quanh như một vũ nữ Hawaii bằng nhựa õng ẹo ngồi trên bảng điều khiển xe ô tô của một tay ma cô.

TA CƯỢC RẰNG JACK LÀ MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG BÌNH THƯỜNG. CÓ NHIỀU THỨ ĐẦY HỨA HẸN.

"Chúng ta hát cho chàng trai dễ thương này một bài nhé?" Marianne Engel rên lên như một dã nhân chân to rít thuốc hết điếu này đến điếu khác, và Bougatsa hùa vào, cố bắt chước. Tôi đã biết rõ là cô hát rất hay, thế nên rõ ràng cô chỉ hát kiểu này để chơi với con cún của mình thôi. Giờ đây tai tôi chỉ còn là mấy mẩu thịt be bé, từa tựa như quả mơ khô nhú ra từ cái đầu đặc kín bé tí thôi. Tai phải hầu như đã điếc hẳn nhưng tai trái vẫn còn đủ thính để nhận ra những âm thanh ấy khủng khiếp đến mức nào. Hai cái đầu nghiêng ngả khiến người ta nghĩ rằng hai kẻ chủ tớ đang tưởng tượng ra những nốt thăng lượn lờ trên đầu mình, chờ họ nhảy lên vồ lấy. Họ trượt. Chẳng có gì ngạc nhiên khi Marianne Engel lại sống cạnh một nghĩa trang: ngoài người chết ra còn ai có thể chịu nổi cô cơ chứ?

MỘT CÔNG VIỆC CHẲNG HẠN. Con rắn cái. HAY LÀ MỘT TƯƠNG LAI.

Trong khi chủ tớ bọn họ chơi trò chó sủa mèo kêu, tôi mải mê ngắm nhìn ngôi nhà kỳ dị của cô. Những bậu cửa sổ được làm bằng gỗ dày, còn cửa sổ gắn kính pha chì dày tới mức một quả bóng rổ đi lạc chỉ có nước bật ngược trở lại. Những phiến đá tảng trông như thể đã được đám đàn ông lông lá bụng bự lần lượt đặt vào vị trí rồi đập cho ngay hàng thẳng lối bằng những cái vồ nặng trình trịch. Dây trường xuân xanh mướt lan trên những bức tường hướng về phía điểm nổi bật nhất của toàn bộ chỗ này: những con quái vật chạm khắc dọc theo máng xối. Để kéo Marianne Engel khỏi trò chơi hò la, tôi nhận xét rằng bình thường chẳng thấy nhiều tượng gargoyle ở nhà riêng như thế này.

"Anh mà thấy thế thì tôi đã giàu lâu rồi. Chúng rất được ưa chuộng đấy, tôi còn được lên báo nữa cơ. Hơn nữa, tôi còn có nhiều cậu bé đến nỗi chưa biết làm gì với chúng đây."

Lũ quỷ liếc nhìn xuống, đôi mắt lồi to đùng của chúng trân trối nhìn tôi dù tôi bước sang phải hay trái. Những cơ thể xoắn vặn của chúng mê hoặc tôi: phần thân trên của một người đàn ông nối với cái đuôi cá nhưng vẫn không biến ông ta thành một nam nhân ngư thực thụ được; cái thân khỉ lủng lẳng trên hông ngựa; cái đầu bò thò ra từ thân một con sư tử có cánh. Một con rắn mọc ra từ một con dơi. Một khuôn mặt phụ nữ giận dữ khạc ra đầy những cóc. Trên tất cả những thân thể được khắc chạm ở đây, những con quái vật tạp nham cùng tồn tại với nhau; thật khó có thể xác định chỗ kết thúc và điểm bắt đầu tiếp theo, và cũng không thể biết được rằng con dã thú nào - hay phần nào của con dã thú - là tốt hay xấu.

"Ta cần đặt chúng trên đó," Marianne Engel nói.

"Để làm gì?"

"Để đuổi những linh hồn xấu xa đi." Cô nắm tay tôi dẫn tôi qua cửa chính. Tôi hỏi sao cô không xây cầu kéo và đào hào nữa cho đủ bộ. Luật trong vùng, cô giải thích.

Tôi cứ nghĩ nội thất trong nhà sẽ toàn thảm và ngai vàng phủ nhung, nhưng tất cả chỉ là một khoảng không trống rỗng. Những cây cột gỗ vuông vắn chống đỡ mái nhà, còn sàn nhà thì

lát ván cỡ đại. Cô treo áo khoác lên cái giá bằng sắt ngay phía sau cửa, thế rồi nhận thấy sự hứng thú của tôi với các đồ gỗ trong nhà, cô bèn nói "Xà nhà là gỗ tuyết tùng còn rui là gỗ linh sam."

Cô bắt đầu dẫn tôi tham quan nhà cửa, bắt đầu từ phòng khách sơn đỏ. Có một chiếc lò sưởi khổng lồ với họa tiết hình thiên thần và ác quỷ đan xoắn vào nhau quanh cửa lò bằng đáù. Có hai cái ghế bành, với một tấm thảm lớn đặt ở giữa, như thể đang chờ các vị nhiếp chính quan ngồi vào bàn chuyện đại sự.

Phòng ăn treo rất nhiều tranh trên tường, hầu hết đều có những vệt sẫm màu quệt qua các hình ảnh bay lượn. Chúng trừu tượng hơn tôi nghĩ; và nếu phải đoán thì tôi sẽ cho rằng cô có những bức tranh vẽ đề tài tôn giáo. Nhưng không phải thế. Có một chiếc bàn gỗ sồi lớn với những họa tiết hoa màu tím tươi sáng ở chính giữa, và những cây nến đặt chỉn chu trong chân nến bằng thép ở hai bên bàn. "Francesco đã làm những thứ này đấy. Khi anh thấy những đồ kim loại trong ngôi nhà này, anh có thể biết đó là do anh ấy làm." Tôi gật đầu: Chắc chắn rồi, sao lại không chứ? Nhà nào chẳng được vài con ma Ý trang bị đồ đạc?

Nhà bếp có một bếp lò tròn ủng màu bạc, một cái tủ lạnh kiểu cổ và hàng ấm đồng treo trên trần. Lọ thủy tinh đựng mì sợi và gia vị xếp dọc trên giá, lớp sơn màu hoa hướng dương làm căn phòng rạng rỡ khôn tả. Tất cả mọi thứ đều ở đúng vị trí, và dấu hiệu lộn xộn duy nhất là một cái gạt tàn đầy tràn. Ngôi nhà của cô một lần nữa lại làm tôi bất ngờ: không phải vì cái gạt tàn, mà là vì sự ngăn nắp của nó.

Phòng viết của cô bị chiếm hữu bởi một cái bàn gỗ to tướng mà theo lời cô thì từng là vật sở hữu của một ông vua Tây Ban Nha. Tôi cũng chỉ gật đầu thêm cái nữa: Chắc chắn rồi, sao lại không chứ? Mấy con ma Ý có phải cái gì cũng làm được đâu. Đằng sau bàn là một cái ghế cực kỳ chắc chắn, bên phải ghế là một chiếc đi văng bọc da trông như đang đợi một bệnh nhân của nhà tâm lý học Freud.

Giá sách, nặng trịch sách về các chủ đề nghiêm túc, chiếm trọn ba bức tường. Spenser, Milton, Donne, Blake và Đức ngài Bede đại diện dân Anh. Tác giả người Đức gồm có Hartman von Aue, Wolfram von Eschenbach, Ulrich von Turheim. Walther von der Vogelweide và Patrick Suskind. Tác phẩm văn học Nga gồm có Cuộc đời của đại tư tế Avvakum, Ác quỷ của Mikhail Lermontov và Những linh hồn chết của Nicolai Gogol. Tây Ban Nha cung cấp các kiệt tác của thánh Teresa xứ Avila: Lâu đài nội tâm và Đường đến hoàn thiện. Người Hy Lạp cũng không để bị lãng quên: Homer, Plato, Aristotle, Euripides và Sophocles chiếm hầu hết ngăn cuối cùng, như thể từ lâu chúng đã quyết định rằng giá sách sẽ không thể hoàn thiện nếu mọi cuốn khác không chịu đứng lên vai chúng vậy. Chiếm nửa bức tường là sách Latin, nhưng chỉ có độc hai cuốn thu hút tôi là Giấc mơ của Scipiocủa Cicero và Những biến thái của Ovid. Trông hơi lạc lõng, nhưng không hề muốn bị bỏ rơi khỏi trường quốc tế, là một lượng lớn sách đến từ châu Á. Tôi không thể phân biệt nổi chữ

Trung Quốc với chữ Nhật Bản, và thậm chí cả những nhan đề được dịch sang tiếng Anh nhiều khi cũng chẳng giúp tôi đoán được nguồn gốc của cuốn sách. Cuối cùng là bản in của tất cả các tài liệu tôn giáo trọng yếu trên thế giới: Kinh Thánh Thiên Chúa, kinh Do Thái, kinh Koran, bốn bộ kinh Vệ Đà, vân vân.

Điểm nổi bật nhất của bộ sưu tập này là mỗi cuốn sách ngoại văn đều có hai bản, đứng cạnh nhau: bản gốc và bản dịch tiếng Anh. Rất tự nhiên, tôi hỏi Marianne Engel về điều này.

"Bản tiếng Anh là cho anh," cô nói. "Như thế ta có thể cùng bàn luận về chúng."

"Thế còn bản gốc?"

"Tôi đọc bản dịch làm gì?"

Marianne Engel lướt qua chồng sách và chọn ra hai cuốn trông có vẻ không phải được in bởi một nhà xuất bản chuyên nghiệp, mà được viết tay trên những tờ giấy dày đóng xộc xệch bằng chỉ thêu. Nét chữ là của cô và bản viết, may mắn làm sao, là tiếng Anh thay vì tiếng Đức. Khải huyền của Christina Ebner và Ân điển-cuộc đời của Friedrich Sunder.

"Tôi nghĩ anh có thể muốn đọc mấy cuốn này," cô nói, "nên tôi dịch chúng."

Có một vật thể khá thú vị nữa trên giá sách: một bức tượng thiên thần bằng đá nhỏ với đôi cánh dang rộng về phía Thiên đường. Tôi hỏi có phải cô tạc bức tượng này không nhưng câu hỏi ngây thơ của tôi có vẻ đã làm tổn thương cô. Cô chớp mắt vài lần, như thể cố kìm nước mắt, và mím chặt môi để làn môi dưới run bần bật của mình bình tĩnh lại. "Anh đã tạc cái đó cho tôi," cô thốn thức nói. Đó là Morgengabe(25) của tôi.

Thế là kết thúc chuyến thăm tầng trệt của tòa nhà. Xưởng tạc tượng của cô nằm ở tầng hầm, nhưng chân tôi chẳng còn sức mà đi nữa. Ngày đầu rời bệnh viện đối với tôi thế là đã quá đủ rồi, và sự thật là, tôi thấy choáng ngợp trước cảm giác tự do. Tôi đã dần quen với việc thuộc từng phân ngoại cảnh và từng phút lịch trình, vậy mà giờ tôi đang phải đối mặt với những cảm giác mới lạ bất tận. Chúng tôi ngồi tại phòng khách chuyện trò trong thời gian còn lại của buổi chiều, nhưng cô vẫn không lấy lại được nụ cười đã tắt vì câu hỏi của tôi về bức tượng thiên thần.

CHUYỆN NÀY CHẲNG KÉO DÀI LÂU ĐÂU, NGƯƠI CŨNG BIẾT ĐẤY. Con rắn quấn đuôi quanh ruột tôi. NGƯƠI SẼ LÀM TỔN THƯƠNG CÔ TA BẰNG SỰ THIẾU NHẠY CẢM CỦA MÌNH CHO MÀ XEM.

Vào đầu buổi tối, tôi leo cầu thang lên tầng trên với sự hộ tống của Marianne Engel, phòng tôi bị trượt chân. Tôi khao khát một mũi morphine để bịt mồm con rắn cái khốn kiếp. Tôi được chọn hai phòng: một là phòng dành cho khách, đã dọn sẵn, một là cái góc nhỏ trông chẳng khác gì gác xép trông ra khu nghĩa trang đằng sau nhà thờ thánh Romanus. Marianne Engel khá lo lắng về cấu trúc kỳ dị của căn phòng, lép kẹp vào góc mái, có thể quá khó chịu

cho tôi sau hàng tháng trời nằm viện, nhưng tôi ngay lập tức thấy thích nó. "Nó giống như một cái tháp chuông nhà thờ ấy. Rất tuyệt."

Morphine cô tiêm cho tôi giờ ngọt ngào hơn cả cơn mưa đầu mùa trên sa mạc, và con rắn lặng lẽ trườn lại vào cái ổ của mụ. Tôi cứ nghĩ mình có thể ngủ một mạch đến tận sáng hôm sau, nhưng đời không đẹp như tôi tưởng. Đang là tháng Hai và ngoài trời vẫn chưa ấm lắm, nhưng vì một vài lý do nào đó trong nhà lại nóng một cách quái gở. Có lẽ một phần là do ảnh hưởng tâm lý, tôi có hơi căng thẳng vì lần đầu tiên ngủ ở một nơi xa lạ sau mười tháng trời.

Làn da chết của tôi nóng bừng lên trong cái đêm ngây ngấy sốt ấy và tôi đã mơ về những trại tập trung, về những lò thiêu người và những cơ thể gầy rộc. Cơn đói biến họ thành những sinh vật gầy guộc đến nỗi không còn ra hồn người. Mắt họ lồi ra buộc tội; họ săn đuổi tôi với ánh nhìn như ăn tươi nuốt sống. Ai đó nói bằng tiếng Đức, "Alles brennt, wenn die flamme nur heik genug ist. Die Welt ist nichts als ein Schmelztiegel." Tất cả sẽ cháy nếu lửa đủ nóng. Thế giới chỉ là một lò lửa đang hừng hực cháy. Đó là câu tôi đã nghe thấy trong cơn ác mộng về chiếc giường xương bùng cháy giữa những tấm vải liệm khi còn nằm viện.

Tôi giật mình bật dậy dưới những tấm chăn mỏng, ước sao có thể đổ mồ hôi. Tôi nghe con rắn ngân nga từ DIỆT CHỦNG. DIỆT CHỦNG. DIỆT CHỦNG... "Holocaust" - từ này, tôi được dạy, nghĩa đen là "thiêu cháy tất cả mọi thứ". Cái tháp chuông nhà thờ đang nướng tôi lên; bác sĩ Edwards nói đúng, chúng tôi cần phải lắp điều hòa nhiệt độ. TA ĐANG TỚI ĐÂY VÀ NGƯƠI CHẲNG THỂ CẢN ĐƯỢC ĐÂU... Không thể phủ nhận con rắn này đeo bám người dai như đỉa đói; cứ như là có một thành viên của tổ chức Nhân chứng của Chúa đang ký sinh trong xương sống tôi vậy. TA ĐANG TỚI ĐÂY VÀ NGƯƠI CHẲNG THỂ CẢN ĐƯỢC ĐÂU.

Tôi nhìn cuốn Gnaden-vita của Friedrich Sunder (nghĩa là Ân điển-cuộc đời) trên chiếc bàn đầu giường. Tôi quyết định mình chẳng có tâm trạng đâu mà đọc sách, nhất là những thứ khó đọc như vậy. Tôi cố ngồi dậy trên đôi chân bất hợp tác, và với một chút dỗ dành, cuối cùng nó cũng chịu xoay về hướng phòng ngủ của chủ nhà, nơi mà - khá bất ngờ - không hề có sự hiện diện của Marianne Engel. Tôi lắng nghe âm thanh của ngôi nhà. Từ phía dưới, tôi nghe văng vẳng tiếng nhạc cổ điển, tôi không nhận ra giai điệu nhưng không hiểu sao nó lại làm tôi nghĩ đến những người nông dân. Tôi vất vả đi xuống hai tầng cầu thang, từ tháp chuông nhà thờ xuống tầng trệt, rồi từ tầng trệt xuống xưởng tạc tượng dưới hầm.

Có hàng trăm ngọn nến, hàng trăm đốm lửa sáng bừng trong hầm. Tôi không thích chúng. Những dòng sáp đỏ chảy tràn xuống chân nến sắt; những tia lửa tí tách phản chiếu xuống nền nhà trông như vòm trời sao màu hồng ngọc bị lật úp. Tôi có thể nhìn thấy cái bóng khổng lồ của cánh cửa gỗ sồi ở một góc phòng và một băng ghế gỗ nặng trịch ở góc bên kia. Một hàng dụng cụ trên móc treo tường, có cả một cái máy pha cà phê ở trên giá cạnh chiếc đài đang phát nhạc. Một cái chổi rơm tựa vào bức tường gần đống đá vụn vun cẩu thả. Nhưng đây chỉ là những chi tiết vớ vẩn thôi.

Khắp nơi la liệt những con quái vật chưa thành hình. Hầu như những bộ phận chưa hoàn thành là phần dưới của những bức tượng grotesque, cứ như có một đám mafia yêu tinh đã cho chúng những đôi giày xi măng tượng trưng vậy. Một con quỷ biển bán thân đang dùng những ngón tay có màng cố thoát ra khỏi đại dương đá granite. Phần thân trên của khỉ đang hoảng sợ tột độ đâm ra từ mình một con sư tử chưa tạc xong đôi chân. Đầu chim đặt trên vai một con người, nhưng tất cả những gì bên dưới ngực chỉ là một khối cẩm thạch chưa hề được đụng đến. Ánh nến lung linh chỉ làm tăng thêm độ rùng rợn cho những đường nét vốn đã kinh dị của lũ quái vật.

Cả xưởng làm việc là một bản giao hưởng bất toàn, với những bức tượng grotesque nằm giữa lằn ranh tồn tại và không tồn tại. Khó mà nói chúng đang vui hay buồn, sợ hãi hay chẳng chút sợ sệt, đầy sức sống hay vô hồn; có lẽ ngay chính bản thân chúng cũng chưa biết được. Vẫn chưa đủ ánh sáng để đánh giá chúng đẹp đẽ hay kinh tởm. Và giữa cái đống tượng ngổn ngang này, Marianne Engel đang nằm ngủ trên một tảng đá lớn, chẳng mặc gì trừ cái vòng cổ với mặt mũi tên trên khe ngực, phập phồng theo nhịp thở của cô. Nhà cô là ở đây, bóng tối và ánh sáng nhảy nhót trên cơ thể trần truồng, mái tóc cô quấn quanh người như những đôi cánh dệt từ thừng bện màu đen. Cô bám lấy tảng đá như đám rêu chờ được tắm trong mưa, và tôi không thể rời mắt khỏi thân hình rực rỡ ấy. Tôi không muốn cứ chằm chằm nhìn thế; chỉ có điều tôi không đừng được.

Tôi biết mình đang xâm phạm một thứ gì đó rất đỗi riêng tư; có gì đó giữa quang cảnh ấy còn mong manh hơn trạng thái trần trụi của cô. Tôi có cảm giác mình đang xen vào một cuộc trò chuyện riêng tư, và tôi biết mình cần phải rời đi ngay lập tức.

Tôi trèo lên tầng trệt và quyết định sẽ ngủ lại trong phòng viết vì nó có vẻ mát hơn tháp chuông. Tôi đặt mấy tấm khăn lên ghế da vì tôi vẫn còn đang trong thời kỳ thay da, rồi nằm xuống. Tôi cho mình một liều morphine nữa, vì thuốc độc đối với người này lại là sữa ấm với người kia mà. Thế là đêm đó tôi chả mơ mộng gì về diệt chủng nữa.

Tôi tỉnh dậy thì thấy Marianne Engel, trong tấm áo chùng trắng, đang đứng trước mặt. Chúng tôi nói chuyện với nhau vài phút thì cô lôi tôi vào phòng tắm, bồn tắm đã được chuẩn bị sẵn sàng với các hóa chất cần thiết và có cả một chiếc cặp nhiệt độ treo phía trên thành bồn nữa. "Anh cởi quần áo ra đi."

Tôi đã tránh được mấy bài tập tắm rửa với Marianne Engel hồi còn ở bệnh viện nhờ may mắn và lừa gạt, nhưng giờ thì vận may của tôi hết rồi. Nhà hảo tâm cưu mang tôi giờ đang đề nghị nhìn cái thân thể trần trụi của tôi, thế là tôi tung đại con bài cuối cùng ra: tôi bảo cô rằng tôi ngại phô thân thể mình ra trước mặt cô lắm, và hỏi liệu cô có hiểu cho không. Cô nói là có thể, nhưng điều đó cũng chẳng thay đổi được thực tế là tôi phải đi tắm đâu, tôi nói cô cần phải tôn trọng sự riêng tư của tôi. Cô cười phá lên và kể cho tôi nghe một giấc mơ

cực kỳ sinh động về việc tôi đứng giữa xưởng tạc tượng, nhìn chằm chằm vào cơ thể trần trụi của cô.

Tôi chẳng đối đáp được câu nào. Điều khá khẩm nhất tôi có thể làm lúc này là mặc cả mặc lẽ: tôi đồng ý để cô tắm cho nếu cô chịu tăng liều lượng morphine lên cho tôi trước. Thỏa hiệp được ký kết. Rất nhanh chóng tôi đã đứng trần như nhộng giữa phòng, trông như được làm từ cao su chưa đổ vào khuôn, trong khi cô tìm khắp cái thân thể xấu xí của tôi một cái ven háu đói thích hợp để tiêm morphine vào.

Tay cô đặt trên hông tôi và cánh tay trái của tôi chìa ra nhận thuốc, nhưng cánh tay phải thì cứ đong đưa có mục đích trước vùng háng.

Cô chuẩn bị kim tiêm, hướng đầu nhọn về vị trí sắp đâm, và hỏi: "Chỗ này được chưa?" CÔ TA CÓ THỂ VÀO TRONG NGƯƠI... Tôi gật đầu. Mũi kim xuyên qua da nhưng tôi thậm chí còn chẳng buồn nghĩ về lượng morphine đang chảy vào cơ thể; tôi chỉ đang nghĩ... NHƯNG NGƯƠI KHÔNG THỂ VÀO TRONG CÔ TA rằng tôi phải chắc chắn không chuyển động cánh tay phải bằng mọi giá.

"Vào bồn nào," cô nói. Nhưng tôi không thể trèo vào bồn mà không cử động cánh tay phải được. Thế là tôi cứ đứng đó, giấu giếm chỗ trống không giữa hai chân.

"Tôi sẽ giúp anh tắm rửa hằng ngày," cô dịu dàng nói. "Khó mà che giấu mãi được."

Tôi có che giấu gì đâu, tôi nghĩ.

"Tôi đã biết nó bị mất rồi."

Tôi không nói gì hết.

"Anh nghĩ tôi sẽ mất hứng," Marianne Engel tiếp tục nói, "hoặc là tình cảm của tôi dành cho anh sẽ thay đổi."

Cuối cùng tôi cũng thốt ra. "Phải."

"Anh sai rồi."

Tôi thả tay xuống như thách thức cô, như mong đợi phản ứng trái ngược với những gì cô nói. Tôi muốn cô giật lùi kinh hãi trước vết sẹo, nhìn vào đó người ta có thể hình dung cơ thể tôi bị tách ra, dương vật thụt vào, rồi khe hở lại được khâu kín miệng. Tôi muốn cô giật lùi kinh hãi trước cái bìu đơn côi của tôi, trông giống hệt đám cỏ dại trên con phố bỏ hoang ở một thành phố ma.

Nhưng cô không nao núng chút nào; trái lại, cô còn quỳ xuống trước thân thể trần trụi của tôi, ngả người vào đó. Đầu cô đặt ngang tầm với háng của tôi, mắt cô nheo lại xem xét những đường khâu mờ nhạt đã kín miệng từ lâu, che khít nơi từng là dương vật của tôi. Cô giơ tay lên rồi lại rụt về, nhưng không phải vì ghê sợi: cô dường như hành động theo bản năng,

rằng cơ thể tôi là của cô nên cô cứ tự nhiên đụng chạm trước khi nhận ra không phải thế, ít nhất cũng không phải trong thế kỷ này. Thế là cô ngước mắt lên xin phép tôi.

Tôi đằng hắng, một lần, hai lần, và rồi yếu ớt gật đầu.

Marianne Engel lại giơ tay ra lần nữa, những đầu ngón tay của cô lướt trên vùng hoang mạc nhăn nheo xơ xác của tôi. Tôi không hề cảm nhận được sự đụng chạm, vì mật độ sẹo quá dày đặc, quá kín kẽ; tôi chỉ biết những đầu ngón tay cô đang đặt trên người tôi vì tôi có thể nhìn thấy chúng ở đó.

"Dừng lại đi," tôi nói.

"Anh đau à?"

"Không." Đằng hắng lần thứ ba. "Cô nhìn đủ chưa?"

Cô rụt tay lại và đứng dậy. Cô nhìn thẳng vào mắt tôi, hôm nay mắt cô có màu xanh lục, và chúng lại khiến tôi cảm thấy bối rối như đôi khi vẫn thế. "Tôi không có ý làm anh thấy thiếu thoải mái."

"Cô có đấy," tôi nói. "Thỉnh thoảng."

"Anh có thật sự tin," cô hỏi, "rằng tôi từng yêu anh vì cơ thể của anh không?"

"Tôi không..." Lần thứ tư, lần thứ năm, cái cổ họng chết tiệt của tôi. "Tôi nghĩ là không." Và để chứng tỏ mình thực sự nghĩ thế, tôi tự động trèo vào bồn tắm mà không tranh cãi thêm bất cứ câu nào nữa.

Bồn tắm trông thật hoành tráng với bốn chân hình móng sư tử và Marianne Engel nhanh chóng bắt tay vào cạo lớp da chết bên ngoài của tôi. Đó là một quá trình cực kỳ đau đớn, vì thế cô cố làm tôi phân tán tư tưởng - và chứng minh rằng cô luôn sẵn sàng tiếp chuyện với tôi - bằng việc hỏi tại sao tôi lại khó ngủ đến thế. Tôi giải thích rằng phòng hơi nóng nên tôi gặp ác mộng. Rồi tôi hỏi lý do gì mà cô lại nằm dài trên tảng đá. "Nhận chỉ dẫn hả?"

"Tôi nghĩ một con grotesque đã sẵn sàng," cô thú nhận, "nhưng tôi đã nhầm."

"Cô từng nói với tôi rằng cô luôn phải tạc càng nhanh càng tốt để giúp những con grotesque mau được thoát ra khỏi tảng đá, nhưng tầng hầm lại đầy những bức tượng dang dở."

"Thỉnh thoảng tôi làm được nửa chừng rồi chúng mới nhận ra rằng mình chưa sẵn sàng. Vì thế chúng tôi dừng lại một thời gian." Cô vốc một chút nước vào lòng bàn tay rồi đổ lên đầu tôi. "Khi tôi lại nghe thấy tiếng gọi, tôi sẽ hoàn thành chúng."

"Thế nếu mà," tôi hỏi, "cô bắt buộc phải từ chối khi chúng gọi?"

"Tôi không thể làm thế. Tôi chạm trổ để làm vui lòng Chúa."

"Sao cô biết được?"

Cô chà miếng bọt biển lên vùng da thô nhám của tôi mạnh hơn nữa. "Vì Chúa cho tôi đôi tai có thể nghe được giọng nói cất lên từ trong đá."

"Thế chính xác chuyện đó diễn ra như thế nào?"

Cô nói vấp váp, với tất cả năng lực ngôn ngữ có được cô vẫn không thể diễn tả chính xác mình muốn nói gì.

"Tôi chỉ thanh lọc bản thân. Tôi từng khao khát nhận được những chỉ dẫn từ Chúa đến nỗi không thể làm được điều này. Nhưng giờ tôi đã có thể làm bản thân thanh tịnh, và đó là lúc những con gargoyle có thể nói chuyện với tôi. Nếu tâm hồn không thanh tịnh, tôi sẽ luôn dựa vào những suy nghĩ của chính mình, mà suy nghĩ của tôi thì lúc nào cũng sai cả. Bọn quái vật làm việc này dễ dàng hơn, anh thấy đấy, vì chúng đã tự thanh lọc hàng triệu năm nay rồi. Chúa đã nhập vào những tảng đá và thông báo cho chúng những gì cần làm. Rồi chúng thông báo cho tôi những dự định của Chúa với chúng tôi. Tôi phải" - cô dừng đúng năm giây - "tôi phải thanh lọc bản thân tới mức có thể làm được những hành động thuần khiết nhất. Nhưng chỉ có Chúa mới làm chủ được những hành động thuần khiết."

Tôi không định giả vờ rằng mình hoàn toàn hiểu chuyện này, nhưng đây là cách hiểu tốt nhất tôi có thể đưa ra: Chúa tác động đến "những gargoyle bị chôn vùi" (ám chỉ những gargoyle vẫn còn kẹt trong đá) bằng việc thông báo cho chúng hình dạng chúng cần phải có. Rồi những gargoyle bị chôn vùi sẽ tác động đến Marianne Engel, hướng dẫn cho cô cách tạo hình. Thế là Marianne Engel trở thành trung gian tác động, đẽo gọt tảng đá. Bằng cách này, cô để cho những gargoyle tự hình dung ra hình dạng Chúa đã định cho chúng. Những gargoyle thành hình (tác phẩm chạm trổ hoàn thiện) vì thế trở thành bằng chứng cho sự hiện thực hóa những chỉ dẫn của Chúa. Chúng không phải những sáng tạo của Marianne Engel, vì cô không phải người tạc; Chúa mới là người tạc. Cô chỉ là một công cụ trong tay Người.

Cô vẫn tiếp tục kỳ cọ khắp người tôi trong khi giải thích. Khi cuối cùng cô cũng xong, tôi có thể thấy rõ những vảy da của mình nổi lềnh phềnh trong nước bồn tắm.

Chẳng mấy chốc một đám thợ đã đến lắp điều hòa nhiệt độ và giờ tôi có thể thoải mái ngủ trong cái tháp chuông nhà thờ rồi. Tôi đã cho lắp vài cái giá trong phòng - một để sách, một để con grotesque nhỏ và bông loa kèn bằng thủy tinh tôi được tặng trong bệnh viện. Có một bàn làm việc trong góc phòng, được tôi trang bị hộp dụng cụ văn phòng phẩm Gregor đã tặng tôi. Ở góc phòng khác là một chiếc ti vi và một chiếc đầu video mà Marianne Engel đã mua cho tôi, dù bản thân cô luôn dị ứng với những món đồ quá hiện đại.

Ngay sau ngày hôm đó, cảnh tượng dưới tầng hầm không còn tái diễn nữa, và chúng tôi cũng nhanh chóng hình thành một thông lệ. Buổi sáng khi tôi thức dậy, cô sẽ tiêm cho tôi trước rồi mới tắm cho tôi. Tiếp theo đó là một loạt bài tập mà Sayuri đã đề ra. Đầu giờ chiều tôi sẽ ngủ một chút, và trong khi tôi ngủ, Marianne Engel sẽ đi mua sắm các dụng cụ hỗ trợ hồi phục sức khỏe cho tôi hoặc dẫn Bougatsa đi dạo. Sẩm tối khi tôi tỉnh lại thì chúng tôi sẽ chơi bài, hoặc uống cà phê và nói chuyện. Thỉnh thoảng, nếu cô có việc, tôi sẽ gọi cho Gregor và chúng tôi sẽ nói chuyện với nhau vài phút qua điện thoại. Tôi dần thấy mình nhớ những cuộc viếng thăm của ông ta bên giường bệnh và mỗi khi kết thúc cuộc nói chuyện, cả hai lại hứa với nhau sẽ mau chóng gặp lại. Tuy thế, chẳng dễ dàng gì vì lịch làm việc của ông ta rất bận rộn và dường như có chút thời gian rảnh nào là ông ta lại dành hết cho Sayuri.

Cuối mỗi buổi tối, Marianne Engel sẽ đi ngủ trước tôi, còn tôi sẽ thức đọc Friedrich Sunder hay xơ Christina.

Cuốn Ân điển-cuộc đời khá thú vị, mặc dù, vì vài lý do tôi không thể hiểu nổi, bản ghi chép thỉnh thoảng lại có vài bận người viết thay đổi giới tính. Sunder viết theo đúng phong cách nam giới và rồi - ô la la! - ông trở thành một phụ nữ. Những sai lệch này có thể bắt nguồn từ các biên tập viên nữ sau khi Friedrich qua đời, hoặc bởi vô số các nhà sao chép bản thảo nữ trong suốt bao năm qua, hoặc thậm chí bởi Marianne Engel khi cô dịch bản thảo này sang tiếng Anh. (Thử tưởng tượng ra sự rạo rực sung sướng trong mắt quỷ Titivillus xem!) Tuy nhiên, tôi khá nghi ngờ chuyện đó có thể xảy ra, vì những đoạn đầy nữ tính không chỉ được tìm thấy ở những lỗi viết sai đơn thuần, chúng còn dính cả vào nội dung nữa.

Một ví dụ nổi bật nằm ở đoạn Friedrich Sunder miêu tả đám cưới của ông với Chúa. Ý tưởng về một sự hòa hợp như thế có vẻ - đối với đầu óc hiện đại của tôi - khá kỳ cục, nhưng rõ ràng việc "kết hôn" với Chúa khá phổ biến trong giới đàn ông kiểu như Friedrich. Tuy thế, ngay cả khi chấp nhận vấn đề này, ta cũng không thể phủ nhận bản chất tình dục dữ dội của hình ảnh cô dâu chú rể. Cảnh động phòng diễn ra trên một chiếc giường lộng lẫy phủ đầy hoa, chính giữa cung điện, và được chứng kiến bởi rất nhiều nhân vật tầm cỡ đến từ Thiên đường, có cả Đức Mẹ Mary. Sunder viết rằng Chúa đã ôm hôn ông, và họ đã vui vẻ cùng nhau. (Bạn đọc không sai đâu.) Khi Chúa hành sự xong xuôi với Friedrich, Người lệnh cho các thiên thần nâng nhạc cụ tấu lên những khúc ca đầy hoan lạc như Người đã tấu cho người vợ đáng yêu của mình. Chúa thậm chí còn tuyên bố rằng đêm động phòng sẽ giải phóng hàng loạt linh hồn đang bị giam giữ dưới Luyện ngục, thực sự đã gợi ý rằng đây quả đúng là một đêm tân hôn.

Tôi thoáng nghĩ Marianne Engel trong quá trình dịch có lẽ đã thêm đoạn này vào chỉ để cười vào mặt tôi. Bởi vì - thôi nào! - cái chương này hiển nhiên không thể tồn tại trong bản thảo gốc của Sunder được, đúng không nào? Nhưng khi rỗi rãi tôi đã kiểm tra những nguồn khác và nhận thấy đó đúng là sự thật.

Một điểm hấp dẫn khác, đáng chú ý hơn, đó là việc cuốn Ân điển-cuộc đời chẳng có đoạn nào viết về một xơ Marianne bị bỏ rơi trước cổng Engelthal khi còn là một đứa bé sơ sinh cả. Khi tôi nói chuyện này, Marianne Engel đảm bảo với tôi rằng việc cô bị xóa khỏi cuốn sách của Sunder sẽ được giải thích sau khi cô kể xong về tiền kiếp của chúng tôi.

"Tôi biết anh không thích đến nơi công cộng," cô nói, "thế giờ chúng ta đi nhé, trong bóng đêm bao phủ."

Tôi kháng cự như lệ thường, nhưng lại tò mò muốn biết một buổi đi dạo lúc nửa đêm với Marianne Engel (và Bougatsa) sẽ dẫn đến đâu. Thế là chúng tôi nhanh chóng ngồi trong xe của cô, hướng ra bãi biển, một chuyến đi tôi chẳng muốn dừng lại chút nào. Tôi băn khoăn không biết liệu có ai ở đó không và cuối cùng đi đến kết luận là có lẽ không, ai lại ra biển vào một đêm giá rét cuối tháng Hai thế này chứ. Nhưng tôi đã nhầm. Bờ biển cát trắng bập bùng ánh lửa trại nơi đám thiếu niên ngồi lai rai uống rượu. Những đống lửa cách đều nhau trong bóng tối, khiến tất cả mọi người đều phần nào không rõ hình rõ dạng. Tôi thích thế.

Marianne Engel lôi một cái chăn mỏng ra. Tôi muốn cởi đôi giày dính đầy cát, nhưng ngay cả trong bóng tối tôi cũng cảm thấy rất xấu hổ về bàn chân mất ngón của mình. Cô mong tôi có thể đi bơi cùng cô, hay ít nhất cũng lội nước đến đầu gối, nhưng cô đâu biết nước biển mặn sẽ tác động ra sao lên da tôi. Tôi có cảm giác đó sẽ là tác động không dễ chịu gì. Cũng chẳng thành vấn đề, vì từ bé tôi cũng có biết bơi đâu. "Thật tệ," cô nói. "Tôi rất yêu nước."

Tôi gối đầu lên lòng cô và cô kể tôi nghe chuyện một con sói lớn tên là Skưll hằng ngày đuổi theo cố gắng ăn mặt trời. Người ta nói rằng tại Ragnarưk, trận chiến cuối cùng của thế giới, cuối cùng nó cũng sẽ nuốt chửng được mặt trời trong khi người em Hati của nó ăn mặt trăng, rồi những ngôi sao sẽ biến mất khỏi bầu trời. Cô kể tôi nghe về những trận động đất khủng khiếp có thể xé toạc trái đất khi Miðgarðsormur, con Mãng xà sống ở Cõi người, cuộn thân hình khổng lồ của nó dưới lòng đại dương và gây nên những cơn sóng thần. Tất cả thần thánh sẽ bị cuốn vào một cuộc chiến đáng sợ, rồi những ngọn lửa man rợ sẽ lan ra khắp mọi nơi. Thế giới, Marianne Engel nói, sẽ cháy rụi trước khi những phần tro bụi sót lại chìm vào biển cả. "Ít nhất đó là những gì người bạn Sigurðr của tôi tin tưởng."

Cô bật dậy khỏi chiếc chăn và bắt đầu cởi quần áo. "Tôi đi bơi đây."

Dù thường quen chấp nhận thói leng keng của cô, tôi vẫn bị sốc bởi lời tuyên bố dõng dạc này. Rõ là nguy hiểm, và tôi bác rằng trời đang quá lạnh.

"Ổn mà," cô khăng khăng. "Mọi người toàn làm thế, anh thấy còn gì, ở lễ hội nhảy xuống nước lạnh ấy."

Tôi cũng đã nghe về mấy vụ đó rồi - người ta nhảy xuống biển lạnh giá trong vài phút, thường là để làm từ thiện - và cũng biết rằng đám người ấy được bao nhiêu tình nguyện

viên, cả bác sĩ nữa, để ý từng li từng tí. Bất cứ ai trong đoàn người tham gia sự kiện ấy cũng đều có thể cứu một thành viên gặp nạn, nhưng ở đây, cô chỉ có một mình.

"Tôi rất thích khi anh quá lo lắng cho tôi," cô nói, "nhưng tôi đã làm thế hàng bao nhiêu lần rồi."

"Thế cơ à?" tôi vặn. "Ở đâu? Khi nào?"

"Ở Phần Lan. Rất thường xuyên."

Phần Lan. "Cũng chẳng làm ý tưởng hôm nay khá khẩm hơn chút nào." Chúng ta đâu có ở Phần Lan.

"Anh thật dễ thương. Tôi sẽ chỉ ở dưới nước vài phút thôi, và tôi sẽ không bơi sang vùng nước sâu quá tầm đứng đâu." Quần áo cô giờ đã cởi hết ra rồi, xếp thành đống trên bãi biển, tôi lại đề nghị cô đừng đi. "Chỉ vài phút thôi. Không bơi chỗ nước sâu đâu."

TA CHẮC CHẮN LÀ KHÔNG SAO ĐÂU.

"Tôi thực sự cảm động vì sự quan tâm của anh đấy," cô nói thêm, "nhưng anh không cần phải lo đâu."

Cô bình thản đi ra biển. Mặt trăng dịu dàng tỏa sáng lên những ngọn sóng. Cô không hề dừng lại, không hề run rẩy, không hề té nước, không hề hất nước lên bụng để cơ thể quen dần với cái lạnh. Không, cô cứ đi cho tới khi nước ngập đến ngực và rồi ngả người về phía trước để THẾ LÀ CÔ TA ĐÃ ĐI chìm vào làn nước.

Phía cuối bãi, tôi nghe giọng vài đứa nhãi con cười bảo sao lại có người ngu ngốc đến mức đi bơi vào cái lúc RÉT CĂM CĂM trong năm thế này. Tôi dõi theo những con sóng nhỏ gợn lên phía sau cô khi cô càng lúc càng rời xa tôi, nhưng vẫn song song với đường bờ biển. Ít nhất cô cũng giữ lời hứa không bơi quá xa vào vùng nước sâu. Tôi đi theo cô, tập tễnh dọc bờ biển để nắm được tình hình. Dù tôi chẳng biết mình có thể làm được gì nếu cô gặp rắc rối trong bất cứ trường hợp nào. NÓI "TẠM BIỆT" ĐI NÀO. Thét gọi lũ thanh thiếu niên, tôi nghĩ thế; vì vụ tai nạn đã tước hết mọi cơ hội chống chọi với nước biển lạnh giá của tôi.

Cô nhẹ nhàng rẽ sóng; hiển nhiên là cô rất giỏi việc này, và dù cô thường hút thuốc nhưng cơ thể cô cũng rất khỏe mạnh nhờ việc tạc tượng. Thỉnh thoảng cô cũng nhìn về phía bờ, về phía tôi. Tôi nghĩ mình nhìn thấy cô mỉm cười, nhưng cô đang ở xa đến nỗi tôi chẳng thể biết chắc được. Tôi hồi hộp bấu lấy đồng xu khắc hình thiên thần đeo trên cổ cho tới khi thấy cô quay người trở lại nơi cô bắt đầu xuống nước.

Khi cô trở vào bờ - chỉ vài phút sau khi rời đi, tôi nhẹ cả người - cô rời khỏi làn nước theo đúng cách cô bước vào. Cô không vội vã chạy ra, cô cũng không lắc người cho khô. Cô chỉ từ

tốn hiện lên và đi về phía tôi, lúc này đang run rẩy vì hơi lạnh buổi tối, có điều đỡ lạnh hơn tôi đã tưởng tượng.

"Anh có biết phần tuyệt nhất của lần bơi vừa rồi là gì không?"

"Không."

"Là biết rằng anh đang ở trên bờ đợi tôi." Cô dùng một cái khăn tắm để vắt nước khỏi tóc - không hề đơn giản chút nào, xin các bạn biết thế - rồi mặc lại chỗ quần áo tôi rụt rè ném cho, châm thuốc, và nói rằng đã đến lúc kể thêm cho tôi về câu chuyện của hai người.

Mỗi lần cô dừng lại, có lẽ để thêm chút kịch tính cho câu chuyện, tôi đều lo rằng đó là dấu hiệu muộn của tình trạng nhiệt độ cơ thể giảm dưới mức bình thường.

Chú thích

(25) Món quà buổi sáng, do người chồng tặng vợ sau đêm tân hôn.

CHƯƠNG 20

ấy giờ khi anh đã qua khỏi tình trạng nguy kịch, sức khỏe của anh tiến triển từng ngày. Vẫn còn nhiều thương tổn cần chữa trị, nhưng tôi không còn lo anh sẽ đột ngột ra đi mỗi khi tôi rời căn phòng đó nữa.

Lúc đầu, anh không muốn nói chuyện về cuộc đời mình. Tôi không chắc đó là bởi anh cảm thấy xấu hổ vì cuộc đời làm lính đánh thuê của mình hay vì trận đánh đó đau đớn đến nỗi khó có thể nhớ lại. Nhưng vì không được bàn tán gì cuộc đời anh, tôi bèn lôi cuộc đời tôi ra làm chủ đề trò chuyện. Anh dường như bị cuốn hút vì nó, vì tôi, một điều tôi không tài nào lý giải nổi. Cuộc đời trong tu viện thì có thể có gì hay ho chứ? Nhưng mắt anh sáng lên khi tôi kể cho anh nghe về công việc của tôi trong phòng viết, và anh đã hào hứng hỏi về quần áo của mình. Tôi lấy chúng ra khỏi tủ. Dù chúng hầu như chỉ còn là những mảnh rách rưới, các xơ không thể vất đi những thứ không thuộc về họ.

Mũi tên đã đâm xuyên qua ngực chiếc áo giáp không tay của anh và vùng xung quanh gần như đã bị cháy sém hết, nhưng tôi vẫn có thể cảm thấy một vật khá nặng hình chữ nhật nằm trong túi áo khâu ngược vào trong. Anh rút vật này ra, nó được gói trong những lần vải. Mũi tên gãy vẫn kẹt ở phần trước của vật này, đầu mũi tên hầu như không xuyên qua phía sau. Anh lật vật ấy trên tay vài lần, ngạc nhiên vì tấm khiên bất ngờ này đã ngăn không cho mũi tên đâm sâu hơn vào ngực mình. Sau khi rút đầu mũi tên ra, anh ấn nó vào tay tôi và bảo tôi làm gì với nó cũng được.

Tôi chẳng cần phải suy nghĩ gì; tôi nói ngay lập tức là mình đã biết phải làm gì với nó rồi.

"Thế đó là gì vậy?"

"Tôi sẽ đưa nó lại cho anh," tôi trả lời, "sau khi tôi nhờ cha Sunder ban phước lành cho nó. Rồi ngực anh sẽ chấp nhận nó như một lá bùa bảo vệ chứ không phải một thứ làm hại mình."

"Tôi rất trông chờ đến ngày đó," anh nói khi đưa cái gói cho tôi. "Tôi có thứ này từ một người bạn đã qua đời."

Tôi mở cái gói ra, bên trong là một cuốn sách viết tay với những vệt cháy sém ở phần rìa dây cả bụi than ra tay tôi. Tôi tự hỏi làm sao cuốn sách có thể nguyên vẹn không bị ngọn lửa nuốt chửng chứ?

Tôi đặt nó lại vào ngực anh, và nó vừa khít với những vết bỏng. Phần da không bị cháy chính là nơi cuốn sách đã bị mũi tên găm vào, và nó cũng giải thích cho vết cắt nhỏ ở chính giữa cái hình chữ nhật không bị lửa viếng thăm đó.

Tôi lật qua cuốn sách, nhận thấy càng về cuối vết rạch trên những trang giấy càng nhỏ dần, và tôi hỏi anh về người đã mất. Anh trả lời, "Có hai người Ý trong đội của chúng tôi. Một bị giết trên chiến trường, một người rất tốt tên Niccolò. Cuốn này là của anh ấy."

Việc các đội quân condotta thuê người ngoại quốc cũng là bình thường, miễn là họ có năng lực đặc biệt. Đội lính đánh thuê của anh đã tuyển các cung thủ người Ý và đó thực ra là lý do ngay từ đầu đội quân các anh lại gọi là condotta; đó là thuật ngữ Ý chỉ các đội lính đánh thuê, và các binh lính rất thích cách phát âm đó.

Người Ý là một trong những cung thủ giỏi nhất anh từng thấy, và họ rất thân thiện với anh và Brandeis. Anh không thông thạo tiếng của họ lắm nhưng cả Benedetto - anh người Ý còn lại - và Niccolò đều có khả năng xoay xở với tiếng Đức, và trong suốt những năm tháng sống cùng nhau, anh dần cảm phục họ với tư cách là cung thủ cũng như những người đàn ông chân chính. Các anh tin tưởng lẫn nhau tới mức tâm sự với nhau rằng mình đều dần trở nên quá chán ghét chiến tranh.

Khi Niccolò chết, Benedetto nhận thấy mình chịu đựng thế là quá đủ. Vì anh ấy đã suốt ngày phải liều mạng trên chiến trường rồi, có liều mình đào ngũ thì cũng đâu là gì. Nỗi sợ hãi bị truy đuổi cuối cùng đã bị lấn át bởi nỗi sợ phải tiếp tục ở lại. Thay vì cứ thế bỏ đi không lời từ biệt, Benedetto cho Brandeis và anh cơ hội nhập bọn.

Anh đã cân nhắc ý tưởng đó, nhưng cuối cùng quyết định không. Herwald có thể cho qua chuyện một người nước ngoài tự dưng biến mất, nhưng nếu cả ba cung thủ cùng biến mất một lúc thì không thể tránh khỏi hậu quả cực kỳ khủng khiếp. Nhưng, quan trọng hơn hết thảy, cả anh lẫn Brandeis đều không dám làm như Benedetto. Thật ra các anh sợ đội quân của chính mình còn hơn sợ kẻ thù. Tuy thế, hai người vẫn rất ngưỡng mộ Benedetto và thấy cần phải giúp anh ấy, phần vì tình bạn, phần vì cảm giác hồi hộp khi làm việc đó.

Benedetto thấy cũng là chuyện đúng đắn nếu cố mang tất cả những gì có thể đến cho vợ và hai con trai của Niccolò ở Firenze. "Bọn cần phải giữ thứ gì đó thuộc về cha chúng khi chúng lớn lên." Thế là, trong bóng đêm, ba người các anh đã xếp hết di vật của người chết ra xem xét cẩn thận. Có một túi tiền, quần áo, một đôi ủng, một cuốn sách và một cây cung. Benedetto giữ túi tiền, một món đồ giá trị để trao cho người vợ, và cây cung, anh ấy nghĩ đây là món quà xứng đáng cho những người con của một chiến binh.

Mặc dù thực sự không cần cuốn sách, anh cũng ấn vào tay Benedetto một chút tiền để mua nó. "Người cha không còn nữa, họ sẽ cần cái này hơn vài lời nói suông."

Benedetto gật đầu, nói rằng không hiểu tại sao bạn mình lại có một cuốn sách. "Có vẻ như nó được viết bởi một nhà thơ nổi tiếng xứ Firenze, nhưng tôi đã luôn trêu Niccolò về chuyện đó. Đàn ông như chúng ta cần thơ ca làm gì chứ?"

Buổi sáng hôm sau, anh và Brandeis phải giả vờ bất ngờ như tất cả những người khác trước chuyện Benedetto biến mất. Kuonrat Háo Danh sốt sắng đòi tiến hành cuộc truy lùng quy mô lớn để "tìm giết kẻ phản bội!" Herwald thì suy nghĩ chín chắn hơn. Ông ấy đã quyết chỉ để cho một nhóm nhỏ đuổi theo Benedetto, và chỉ trong một thời gian ngắn thôi.

Herwald lý luận, "Anh người Ý đó sẽ trở về quê thôi. Cứ để anh ấy đi. Anh ấy không phải người Đức; anh ấy không phải một trong số chúng ta. Nhưng đừng có nghĩ việc này sẽ gợi ý một sự thay đổi trong đường lối hoạt động của đội. Nếu một binh lính Đức trốn chạy, chúng ta sẽ không ngừng truy đuổi cho tới khi tìm giết được kẻ đó. Dù có mất bao nhiêu năm đi nữa."

Bài phát biểu này xoa dịu cả đoàn quân, hầu hết đều chẳng ưa gì việc mấy tay nước ngoài cứ lố nhố giữa bọn họ. Đối với họ, sự ra đi của cả hai tay người Ý, cách này hay cách khác, là quá đủ rồi. Kuonrat Háo Danh vẫn còn tức giận trước sự biến mất của Benedetto, nhưng lời đe dọa nóng hổi về cái chết dành cho những kẻ đào ngũ người Đức đã mang lại một nụ cười đểu cáng trên khuôn mặt hắn. Tuy thế, hắn vẫn kịp nhận ra đây là một cơ hội hoàn hảo để thì thầm những lời vu khống. "Ông già Herwald đã dần trở nên mềm yếu rồi."

Đúng lúc này thì anh đột ngột dừng câu chuyện, rồi nhìn xuống sàn bệnh xá Engelthal với vẻ bối rối đến nỗi tôi phải hỏi ngay là có chuyện gì không.

"Cuốn sách này," anh nói, "có gì đó rất lạ lùng. Khi tôi nhìn thấy nó lần đầu tiên, nó dường như đang gọi tôi. Như thể nó muốn tôi nhận lấy nó vậy."

"Cũng chẳng có gì quá kỳ lạ đâu. Những cuốn sách lúc nào chẳng làm tôi có cảm giác đó."

"Nhưng xơ Marianne," anh thú nhận, "tôi không biết đọc."

Tôi không hiểu vì sao anh nghĩ tôi trông chờ anh biết đọc. Tôi ý thức rõ khả năng đọc của mình rất khác thường, không phải ai cũng làm được. Nếu như anh không lấy quyển sách, tôi chỉ ra, mũi tên đã có thể đâm xuyên tim và giết chết anh rồi. "Chắc chắn anh nhận ra nhiều giá trị của cuốn sách này," tôi nói, "hơn bất cứ thứ gì tôi từng đọc."

Anh đã biết, hoặc ít nhất anh cũng đoán ra được, cuốn sách đó được viết bằng tiếng Ý chứ không phải tiếng Đức. Tôi xác nhận lại điều đó, nhưng cũng nói thêm là tôi có thể dịch được. Anh khá ấn tượng, vì anh không nghĩ là ai đó có thể đọc được một ngôn ngữ, nói gì đến hai. Tôi hứa sẽ nghiên cứu kỹ khi quay trở về phòng, và sẽ cho anh biết nó viết về cái gì. Điều này làm anh hài lòng, nhưng anh vẫn muốn xin tôi một ân huệ nữa.

"Hãy cầu nguyện cho linh hồn người bạn đã chết Niccolò của tôi và vợ con anh ấy. Và cho cả Brandeis nữa. Tôi có thể tự làm việc đó, nhưng tôi sợ những lời cầu nguyện của tôi không có giá trị như của xơ."

Tôi đảm bảo với anh rằng lời cầu nguyện của tất cả mọi người đều có giá trị như nhau, nếu được nói ra với một trái tim chân thành, nhưng chắc chắn tôi sẽ làm theo yêu cầu của anh.

Buổi tối hôm đó, tôi bắt tay vào dịch sách. Cuốn sách có rất nhiều hình ảnh tôn giáo, vì thế cuốn kinh cầu nguyện của Paolo thực sự rất hữu ích, nhưng nó dường như được viết bởi một giọng văn đặc địa phương, một thách thức đối với tôi. Ngay từ đầu nó rõ ràng không giống với bất cứ cuốn sách nào tôi từng đọc. Đây cũng sẽ là một cuốn sách cần được giữ kín khỏi mọi tai mắt của các nữ tu khác. Địa ngục, bìa sách viết, của Dante Alighieri.

Dù Dante rõ ràng là một người rất sùng đạo, nhưng ông cũng chẳng mấy coi trọng các hoạt động thường nhật của Giáo hội. Tôi há hốc mồm khi đọc đến đoạn miêu tả khu giam giữ những Giáo hoàng dị giáo dưới Địa ngục. Một trong những Giáo chủ đó là Đức ngài Boniface, Giáo hoàng đương nhiệm. Gertrud và thậm chí cả mẹ Christina đều rất coi trọng ông.

Đêm tôi dịch khẩn trương, và ngày tôi lại chăm sóc anh. Khi các xơ y tá đi ra ngoài cầu kinh theo lịch, tôi đọc cho anh nghe những gì tôi vừa dịch đêm hôm trước. Tôi cảm thấy chúng ta đang chia sẻ với nhau một cái gì đó rất xấu xa, nhưng xấu xa một cách tuyệt vời. Câu chuyện đã đưa chúng ta tới những nơi khác nhau. Thứ ngôn ngữ bình dân không trau chuốt và những hình ảnh thô cứng đã mang tôi đến với thế giới của anh, nhưng những ý tưởng về tôn giáo lại mang anh đến cuộc sống tâm linh của tôi. Bằng cách nào đó chúng ta đã gặp nhau trong cuốn sách.

Tôi luôn được dạy rằng mình có thể tìm thấy Chúa ở khắp mọi nơi, trong tất cả tạo vật, nhưng chẳng bao giờ tôi thực sự làm được. Tôi được dạy rằng nếu tôi không tìm thấy Chúa, tôi sẽ phải cầu nguyện để nhận được thêm nhiều chỉ dẫn, hoặc để làm bản thân thanh khiết hơn sao cho Người có thể đến với tôi. Vì thế hãy tưởng tượng tôi đã bất ngờ thế nào khi tôi bắt đầu hiểu rõ hơn về Chúa Thánh Thần thông qua giọng nói của Dante, và sau cả cuộc đời chìm đắm trong những lời chỉ dạy của Thiên đường, cuối cùng tôi đã có thể tìm được Chúa sau khi nhìn thấy thế nào là Địa ngục.

Những giây phút riêng tư giữa hai chúng ta không bao giờ là đủ. Các nữ tu rồi cũng quay trở lại và chúng ta sẽ phải chuyển chủ đề sang những thứ không liên quan đến cuốn sách đó. Thời gian trôi qua và anh dần hé lộ về cuộc đời làm lính đánh thuê của mình. Tôi bị mê hoặc bởi tất cả những gì anh kể, kể cả lý do anh trở thành lính đánh thuê.

Khi còn nhỏ, anh luôn nghĩ mình sẽ theo bước cha trở thành thợ nề. Anh được cha chỉ dạy và cuộc đời anh dường như đã được định đoạt cho tới những năm đầu niên thiếu, khi cha anh bị đá đè khi chuyển đá xây dựng, và mẹ anh cũng mất không lâu sau đó, vì một căn bệnh không ai biết nổi tên, nói gì đến chữa trị.

Thế là từ con trai của một gia đình tử tế, anh trở thành một đứa trẻ mồ côi không nơi nương tựa. Thành phố tịch thu nhà của anh, và vì chẳng có người thân thích nào khác, anh đã tự

dạy mình cách sinh tồn trên đường phố. Trộm cắp vặt dường như không phải tội lỗi gì ghê gớm lắm khi nó là cách kiếm cơm duy nhất của anh.

Một ngày nọ anh đã cố trộm một chút tiền từ ví của Herwald, lúc đó ông đang vào thị trấn để kiếm đồ tiếp tế. Khi bắt quả tang anh, ông đã bị ấn tượng bởi nghị lực hơn là khó chịu vì hành động sai trái của anh. Ông đã đề nghị anh gia nhập đội quân của mình, và anh cũng thấy chẳng việc gì phải từ chối cả. Anh rất hào hứng trước lời đề nghị, và cứ xét một cách đơn giản thôi, anh lúc đó cũng không thể tưởng tượng nổi còn có giải pháp nào tốt hơn nữa.

Gia nhập đội quân condotta thực ra cũng không hẳn là một lựa chọn quá tệ, hay ít ra nó cũng có vẻ như thế. Việc tranh giành quyền lực giữa Giáo hoàng và Hoàng đế Louis khiến tất cả những hoàng thân quốc thích còn sót lại trên khắp đất nước rơi vào cảnh rối loạn. Khi quân đội Đức cuối cùng cũng trở nên kiệt quệ, các lãnh chúa quý tộc bắt đầu lập những đội quân cho riêng mình. Tình thế đã trở nên phức tạp đến nỗi chính họ cũng chẳng biết đâu là bạn đâu là thù và điều chắc chắn duy nhất là những đội lính đánh thuê chả bao giờ thiếu việc. Khi tôi hỏi anh đứng về phe nào - Giáo hoàng John hay Hoàng đế - anh trả lời rằng một khi đã tham gia vào chiến tranh thì ở bất cứ phe nào cũng đều sai cả. "Tiến trình lịch sử chỉ xoay quanh việc người này cố giành lấy một thứ gì đó từ một người khác, và thường thì thứ gì đó ấy thực ra cũng chẳng phải của bất cứ bên nào."

Quan điểm này của anh giải thích tại sao anh có thể xoay xở qua ngày với cây cung trên tay. Đó chỉ là vì anh thực tế. Tôi chưa từng nghe ai nói thẳng thừng như anh, thậm chí cả người buôn giấy da cũng không nói với tôi những điều như thế. Tôi không thích mình cảm thấy thích thú vì điều đó, nhưng sự thực là thế. Tôi luôn thấy thanh thản khi tưởng tượng lính tráng chỉ là những cỗ máy giết người vô tri không hơn không kém, nhưng anh đã chứng minh ngược lại. Tôi có lý do để mà phần nào có thể tự cao tự đại về cuộc đời nghiên cứu sách vở của mình, nhưng tôi cũng phải thừa nhận có nhiều điều anh biết mà tôi lại không hay.

Phần thịt nơi ngực anh ngày càng rúm lại khi vết thương dần lành miệng. Anh đã nhờ tôi khoét hở ngực để nó có thể phát triển. Tôi không muốn làm thế, và phải nhìn anh chịu đau đớn vì con dao trong tay tôi là điều tôi không thể chịu nổi. Nó khác với lúc tôi cắt bỏ phần thịt thối rữa của anh, vì hồi đầu, tôi vẫn còn có khả năng kiềm chế cảm xúc của mình.

Nhưng anh cố đòi bằng được. Anh cảm thấy điều này rất cần thiết, anh có thể cảm nhận được điều đó dựa trên nỗi đau đớn khi phải giơ tay lên. Vì thế cứ vài ngày anh lại ngậm một miếng vải cuộn gọn ghẽ trong miệng và tôi sẽ rạch vài vết trên ngực anh để làm giảm sự co rúm. Việc ấy thật kinh khủng và tôi phải vừa làm vừa tránh nhìn, nhưng những tiếng thét nghẹn ứ của anh thì vẫn còn đó. Anh không thể biết tôi ngưỡng mộ lòng can đảm của anh đến mức nào đâu. Cách điều trị này có vẻ mang lại kết quả tốt: cuối cùng anh cũng có thể rời

giường bệnh để đi lại vài bước ngắn, và thỉnh thoảng tay chúng ta lại vô tình chạm vào nhau.

Những lời đồn thổi không thể tránh khỏi rốt cuộc cũng bắt đầu lan khắp Engelthal. Các xơ y tá, khi trở về từ buổi cầu nguyện, đã tìm mọi cách gián đoạn câu chuyện Địa ngục để tìm hiểu bí mật giữa chúng tôi. Và không ai không nhận ra có gì đó sâu đậm hơn quan hệ y tá và bệnh nhân trong cách chúng tôi nhìn nhau. Thời gian chúng tôi ở bên nhau không còn được lý giải chỉ để cho việc điều trị nữa.

Tôi chắc chắn Gertrud và Agletrudis đứng đằng sau tất cả mọi chuyện. "Tên lính đánh thuê đã làm vấy bẩn xơ Marianne đáng yêu của chúng ta." Tôi nghĩ điều này cũng chẳng có gì sai, vì tôi đã nhận ra mình hoàn toàn có thể yêu nhiều hơn chỉ một vị Chúa. Thực tế, tôi đã nhận ra rằng yêu nhiều hơn chỉ một vị Chúa thực ra còn tốt hơn ấy chứ.

Chuyện gì đến cũng phải đến. Mẹ Christina quyết định tống anh đi, nhưng vì anh vẫn chưa hoàn toàn bình phục, bà bèn gửi anh đến chỗ cha Sunder và huynh trưởng Heinrich. "Để giúp anh dần quay lại với cuộc sống," bà nói. "Mọi thứ đã lo liệu xong cả rồi."

Tôi chẳng thể nói gì, vì tôi đã thề dành cả đời tận tâm phục vụ nữ tu viện trưởng của mình. Vậy là anh thu dọn chút đồ đạc ít ỏi của mình và cám ơn tất cả chúng tôi, cám ơn những cô xơ y tá khác nhiều như cám ơn tôi vậy, vì đã quan tâm chăm sóc anh tử tế. Cách chia tay của anh quy củ đến mức làm tim tôi nhói đau, nhưng tôi nghĩ những người lính giỏi nhất biết rõ những trận đánh nào cần phải tránh xa. Cứ thế, anh bị đưa ra khỏi cuộc đời tôi rồi được đặt vào bàn tay chăm sóc của những người khác. Tôi tự nhủ làm thế là tốt hơn cả, và tôi thậm chí còn quyết tâm bắt mình phải tin điều đó.

Đã đến lúc tiến về phía trước. Chúa không ban cho tôi năng lực ngôn ngữ kỳ diệu để dịch những tác phẩm báng thánh bổ thần của các nhà thơ Ý, thế nên tôi đã khóa kín Địa ngục vào trong rương của mình. Tôi tự nhủ tình cảm tôi dành cho anh thực sự chẳng hơn gì một thử thách, để tôi có thể vượt qua mọi ham muốn thế tục và vì thế có thể phụng sự Chúa hết lòng hết dạ hơn. Tôi dự tất cả các buổi cầu nguyện và làm việc cho tới tận khuya tại phòng viết, tập trung vào Die Gertrud Bibel. Gertrud đã bắt đầu thiết kế bìa cho cuốn sách và đôi khi lớn tiếng băn khoăn liệu trang sức đính kèm có nhiều quá không. Tôi trấn an bà rằng để tôn vinh Chúa thì chẳng có gì là quá xa xỉ cả.

Chuyện này kéo dài được một tuần rồi tôi cũng ngộ ra vài điều. Tôi không thể cứ khóa kín Địa ngục trong rương mãi được, vì nó thực ra có phải của tôi đâu. Trả nó lại cho anh thì mới đúng đạo. Cũng như chuyện các nữ tu không được phép hủy quần áo tư trang của anh, tôi cũng chẳng có quyền giữ sách của anh. Thế này cũng là một dạng trộm cắp, và tôi biết chắc Chúa không hề mong tôi trở thành một tên trộm.

Tôi quyết định lẻn đi gặp cha Sunder, sao lại không chứ? Tôi đã đi đêm đến nhà ông bao lần rồi, vậy tại sao mọi thứ lại phải thay đổi chỉ vì anh ở đó? Nếu tôi tránh không thực hiện thói quen hằng ngày của mình thì có khác nào cho phép sự hiện diện của anh thay đổi nếp sống của tôi - chính là điều mà tu viện trưởng đang cố ngăn cản. Cách duy nhất khiến anh không gây ảnh hưởng đến cuộc sống của tôi nữa là lén lút viếng thăm ngôi nhà anh đang ở.

Cha Sunder ra mở cửa và hất đầu về phía góc nhà nơi anh đang ngồi. "Cái người này," ông nói, "cả tuần nay đã cố hết sức không đả động gì đến tên con rồi."

Khuôn mặt anh trông hồng hào hơn nhiều so với khi tôi gặp anh lần cuối, và khi anh đứng lên thì tôi có thể thấy rõ phần thân trên của anh đã cử động được dễ dàng hơn. Chẳng mấy chốc anh sẽ khỏe lại rồi rời nơi này, tôi nghĩ, và ngay trong giây phút đó, tim tôi như ngừng đập. Tôi quay về phía cha Sunder hốt hoảng hỏi, "Thế con phải làm gì bây giờ?"

Ông nhìn về phía huynh trưởng Heinrich và họ như trao đổi với nhau điều gì đó, một cái nhìn hay một ký ức, trước khi ông lại hướng sự chú ý về phía tôi mà ngọt ngào nói, "Xơ Marianne. Con sẽ rời Engelthal, dĩ nhiên."

Theo như tôi nhớ, cha Sunder đã luôn than trách về những tội lỗi thời trai trẻ của mình, vậy mà giờ đây ông lại đang khuyên tôi bỏ trốn khỏi Engelthal để dấn bước vào cái thế giới tội lỗi ấy sao? Do chẳng bao giờ dám nghĩ tới điều này nên tôi đã thì thầm, nhỏ đến nỗi anh chẳng thể nghe thấy, "Tại sao chứ?"

"Ta đã ở cùng mẹ Christina vào cái đêm con được tìm thấy ngoài cổng," cha Sunder thì thầm đáp lại, "và ta đã tranh luận với mọi người rằng sự hiện diện của con là một dấu hiệu của Chúa. Khi đó ta đã nghĩ rằng Chúa có một dự định đặc biệt nào đó cho con, và ta vẫn luôn nghĩ vậy. Nhưng ta không còn tin rằng những dự định đó có thể được thực hiện tại Engelthal."

Vẫn chưa đủ, tôi muốn ông giải thích thêm nữa.

"Khi người đàn ông này xuất hiện, một lần nữa ta lại có mặt để chứng kiến. Ta đã thấy tình trạng của anh ta, và lẽ ra anh ta đã chết rồi - nhưng anh ta lại sống sót. Không ai có thể nghi ngờ chuyện con là nguyên do của điều kỳ diệu này. Ta không thể không nghĩ rằng cuộc hành trình của con với anh ta vẫn chưa kết thúc, và đó là một cuộc hành trình được Chúa mỉm cười đồng thuận."

"Nhưng chối bỏ lời thề của con là một tội lỗi."

"Ta không tin vào một vị Chúa coi tình yêu là tội lỗi," cha Sunder thì thầm.

Những lời đó chính là sự cho phép tôi cần, và tôi không biết phải nói gì để cảm ơn ông. Tôi vòng tay ôm chặt lấy ông, chặt đến nỗi ông phải xin tôi nới lỏng tay ra.

Tôi quay trở lại phòng và thu dọn chỗ đồ đạc ít ỏi của mình. Vài bộ áo chùng, đôi giày tốt nhất và cuốn kinh cầu của Paolo: tôi chẳng còn gì đáng mang theo nữa. Trời đổ mưa khi tôi bắt đầu quay trở lại nhà cha Sunder, băng qua vườn. Như tất cả các xơ khác khi đi theo lối vườn, tôi đọc kinh Cầu hồn để cầu nguyện cho linh hồn những xơ đã khuất được chôn phía dưới, nhưng những lo nghĩ của tôi về tương lai đã làm tôi run lên, vì cả sợ hãi lẫn hy vọng. Thật tốt vì trời mưa, tôi nghĩ, như thể cơn mưa đó được gửi đến để rũ sạch mọi thứ liên quan đến tu viện khỏi người tôi.

"Trông cô tay xách nách mang quá, xơ Marianne." Đó là giọng nói của xơ Agletrudis. "Ít ra cô cũng đã nói lời tạm biệt với người bảo hộ của mình, tu viện trưởng rồi chứ nhỉ?"

Đó quả là một cú đánh hoàn hảo. Tôi chẳng quan tâm việc Agletrudis và Gertrud sẽ nghĩ gì, nhưng tận trong sâu thẳm trái tim tôi cảm thấy mình đang phản bội mẹ Christina. Nhưng tôi có thể nói gì với bà chứ? Tôi làm sao có thể chịu đựng nổi nỗi đau trong mắt bà. Bà đã luôn tin tôi, thậm chí ngay cả khi tôi chẳng có chút lòng tin vào chính bản thân mình, và bà sẽ không bao giờ ngờ được tôi lại bất trung với bà thế này.

Tôi cứ thế đi thẳng qua Agletrudis mà không thèm trả lời, và cô ta gọi với theo tôi. "Đừng lo gì về mẹ Christina. Tôi sẽ bảo đảm bà ấy không bao giờ quên cô."

Suýt nữa tôi đã quay người lại để hỏi xem cô ta nói thế là ý gì, nhưng làm thế thì được gì chứ? Thế là tôi cứ tiếp tục đi. Tôi biết Agletrudis sẽ không rung chuông thông báo vụ bỏ đi của tôi ngay đâu. Cô ta chẳng thích để tôi ra đi âm thầm lặng lẽ và lấy lại cái ghế trưởng phòng viết đang chờ sẵn quá ấy chứ.

Khi đến được nhà cha Sunder thì tôi đã hoàn toàn rũ bỏ mọi suy nghĩ về Gertrud và Agletrudis ra khỏi đầu. Khuôn mặt mẹ Christina, tuy thế, vẫn còn vương vấn trong tâm trí tôi. Huynh trưởng Heinrich gói cho tôi chút thức ăn và dù cha Sunder đã gần bảy mươi, ông vẫn khăng khăng đòi tiễn chúng tôi một đoạn. Tôi lấy lý do trời mưa, nhưng ông cứ khoác áo tơi lên rồi đi.

Khi chúng tôi đi, cha Sunder ở giữa, tôi không nghĩ gì về tương lai mà là về những gì tôi đã bỏ lại phía sau. Dù được những lời lẽ ân cần của cha Sunder động viên, tôi cũng chẳng thể bác lại sự thật trần trụi và đáng nguyền rủa rằng việc phá vỡ giao ước thiêng liêng của tôi là một tội lỗi. Tôi đã cố lý lẽ này nọ và, sau một nỗ lực đáng kể, tôi thậm chí còn chế ra được một bài tranh luận ra vẻ chính đáng.

Trong tất cả các nữ tu tại Engelthal, tôi là người duy nhất không hề quyết định sẽ sống một cuộc đời như vậy. Dù đến đó khi còn trẻ, họ cũng đã từng biết đến một cuộc sống ngoài những bức tường tu viện; họ đã sống cuộc sống thế tục và biết mình đã mất những gì khi bước chân vào đời sống tu sĩ. Tôi chưa từng có cơ hội đó. Vì thế nếu tôi rời Engelthal cùng anh, và trở lại sau đó, cuộc sống tâm linh sẽ có giá trị hơn. Cuối cùng, ít nhất đó cũng là sự

lựa chọn của tôi chứ không phải của ông bố bà mẹ nào đấy đã vứt tôi trước cổng: để biết được rằng liệu cuộc sống tu viện có phải là định mệnh dành cho tôi không, tôi phải rời bỏ nó đã.

Sau khi chúng ta đi được khoảng một dặm, tôi thấy anh rất mệt. Cũng dễ hiểu thôi, vì thương tích của anh rất trầm trọng và từ sau tai nạn đó thì anh mới chỉ vận động chút đỉnh, nhưng anh đã quyết tâm thể hiện sự yếu đuối của mình càng ít càng tốt - để thuyết phục bản thân anh hay tôi rằng anh sẽ ổn, tôi cũng không rõ nữa. Tuy thế, cha Sunder là người dừng lại đầu tiên vì tuổi cao sức yếu. Ông nắm lấy tay anh và nhắc anh chăm sóc tôi thật tốt, và rồi ông kéo tôi qua một bên để chúng tôi có thể chuyện trò riêng tư một chút.

Ông lấy một chiếc vòng cổ cất trong lần áo lễ và nhét vào tay tôi. Mặt dây là đầu mũi tên được lấy ra từ cuốn Địa ngục, rồi ông nói, "Ta đã làm những gì con yêu cầu, xơ Marianne, và cũng đã chúc phúc cho nó rồi."

Tôi định cám ơn nhưng ông đã giơ tay lên. "Ta vẫn còn có thứ muốn trao cho con." Ông lại lần tay trong chiếc áo lễ và lấy ra vài mẩu giấy. "Mẹ Christina không mù cũng chẳng ngốc đâu. Bà ấy không nghĩ con sẽ ra đi thật, nhưng bà cũng liệu trước khả năng đó. Bà ấy đã nhờ ta giữ những thứ này, phòng khi cần đến."

Ông trao cho tôi hai mẩu giấy mà cha mẹ tôi đã để lại trong chiếc giỏ đựng tôi trước cổng. Trên đó, được viết bằng tiếng Đức và tiếng Latin, là những dòng chữ đã đi cùng tôi đến Engelthal. Một đứa trẻ của định mệnh, đứa con thứ mười trong một gia đình tử tế, được đem tới như món quà dành cho Chúa Cứu thế và tu viện Engelthal. Xin hãy đối xử với con bé như Chúa mong muốn.

Chỉ khi đó tôi mới tuôn những giọt nước mắt đã cố giấu suốt từ khi ra quyết định. Trong một thoáng ngờ vực, tôi hỏi cha Sunder ông có thực sự tin rằng tôi đã lựa chọn đúng đắn hay không.

"Marianne, con yêu thương nhất của ta," ông nói, "ta tin chắc rằng nếu không nghe theo tiếng gọi của trái tim mình trong chuyện này, con sẽ mãi mãi phải hối tiếc đấy."

CHƯƠNG 21

hân lúc ở nhà một mình khi Marianne Engel đi chợ mua tạp phẩm, tôi quyết định dành trọn buổi chiều để đọc tác phẩm Ân điển-cuộc đời. Tôi đang ngồi đọc trong nhà bếp thì nghe tiếng ai đó đi qua cổng chính pháo đài, bước những bước chân như của một con tê giác mẹ hùng hục đi tìm con.

"Marianne?" Giọng một phụ nữ bắn những âm tiết như một khẩu súng khạc ba viên đạn một lúc. Vừa xuất hiện trước cửa phòng ăn, bà lùi ngay lại trước sự hiện diện của tôi. "Anh là người đó hả? Lạy Chúa tôi! Thế này còn tệ hơn tôi tưởng."

Thấp, nhưng thấp kiểu Napoleon; cái kiểu thấp mà luôn kiễng chân lên để cố trông có vẻ cao hơn. Mập, nhưng mập kiểu một quả bóng nước; da thịt không nhão nhoét, nhưng cứ tròn ung ủng như đang tìm chỗ để nổ tung lên. Tuổi tác sao, năm mươi chăng? Rất khó nói chính xác, nhưng có lẽ vậy. Bà chưa có nếp nhăn; khuôn mặt quá tròn mà. Tóc ngắn cũn, má hồng rực; bộ âu phục đen với áo sơ mi trắng, ve áo rộng hất ra phía trước; giày đánh xi bóng lộn; tay chống hông. Mắt bà đầy vẻ hiếu chiến, như thể đang thách tôi đập một cú vào cằm bà ấy. Bà nói, "Anh đúng là một đống bầy nhầy không hơn không kém."

"Bà là ai?"

"Jack," bà trả lời. Cuối cùng tôi đã đứng trước mặt người đàn ông luôn làm tôi cảm thấy bất an, chỉ để thấy rằng đó là một người đàn bà. Nhưng rõ ràng Jack Meredith trông cũng chẳng khác típ phụ nữ luôn mong mình là đàn ông.

"Người môi giới của Marianne phải không?"

"Anh cứ yên tâm là không bao giờ sờ được một xu nào của cô ấy đâu." Bà một tay tự pha cà phê cho mình, một tay cứ không ngừng xỉa xỉa vào tôi. "Cô ấy nói anh được sống ở đây hả?" Có vẻ như Jack biết câu trả lời rồi, vì bà chẳng thèm cho tôi cơ hội trả lời. "Cô ấy định chăm sóc anh kiểu gì? Nói tôi nghe coi!"

"Tôi không cần cô ấy chăm sóc mình," tôi nói, "và tôi cũng chẳng quan tâm gì đến tiền bạc của cô ấy."

"Thế thì là gì? Tình dục à?" Bà bật ra cái từ đó đầy khinh khi để tôi hiểu rằng bà coi tình dục chẳng là gì ngoài một cuộc vật lộn ghê tởm giữa hai cơ thể khác biệt.

"Tôi chẳng có cái ấy đâu."

"Ồ, ơn Chúa vì chuyện đó." Bà bỏng cả môi khi nhấp ngụm cà phê đầu tiên. "Chúa rất yêu những kẻ khờ."

Bà vớ lấy một nắm giấy ăn để lau vệt cà phê dây ra cằm, vừa làm vừa soi tôi với vẻ coi khinh xen lẫn tò mò. "Thế thực ra là đã có chuyện gì xảy ra với anh?"

"Tôi bị bỏng."

"Ồ, tôi có thể thấy thế mà, anh tưởng tôi ngốc chắc?" Bà vo tròn mấy tờ giấy ăn lại rồi ném thẳng vào thùng rác. Bà ném trượt và bực tức với bản thân vì chuyện đó, bà bước vài bước cần thiết để nhặt cục giấy ăn lên thả vào thùng. "Bị bỏng hả? Tệ quá."

"Bà lúc nào cũng cứ thế mà đi thẳng vào nhà à?"

"Tôi đã vào cái nhà này từ khi anh còn là một thằng nhóc ăn trộm đồ uống ở các buổi khiêu vũ trung học cơ," Jack quát ầm lên, "và tôi cũng chẳng thích thú gì cái việc anh ở lại đây cả. Anh có thuốc lá chứ?"

"Tôi không hút."

Bà với lấy gói thuốc lá Marianne Engel để trên quầy. "Trong tình trạng anh hiện nay thì đó có vẻ là một ý hay đấy."

"Thế bà là người môi giới của Marianne à?" Tôi vẫn chưa có được câu trả lời cho câu hỏi lúc đầu.

"Thế và hơn nữa, cậu trai, nên hãy cư xử cho cẩn thận." Jack hít một hơi thật sâu rồi chĩa điếu thuốc về phía tôi vẻ buộc tội. "Cái kẻ chẳng biết gọi là gì này, anh sống ở đây à, thật là một ý tưởng siêu tồi tệ. Tôi sẽ thuyết phục cô ấy bằng được, đồ quỷ nhỏ."

Có lẽ bạn cũng có thể đoán được là tôi rất thích Jack Meredith. Trước hết bởi bà là người duy nhất nói đủ to để tôi không phải bảo bà lặp lại cho tôi nghe. Nhưng hơn thế, tôi đã bị hớp hồn bởi cá tính mạnh bạo của bà: bà cứ như một con gà tây béo tròn nhân hóa được chọn làm nhân vật chính cho tiểu thuyết trinh thám kỳ bí của Raymond Chandler vậy. Tuy nhiên, điểm làm tôi cảm kích bà nhất là bà chẳng có chút cảm thông nào với bệnh nhân bỏng. Chúng tôi nhìn nhau vài phút qua cái bàn. Bà vừa cuộn điếu thuốc lá giữa ngón cái và ngón trỏ vừa nheo nheo mắt, vẻ rất khó chơi, trước khi nói: "Cậu nghĩ mình đang nhìn cái quái gì đấy hả, đồ Khoai Tây Chiên?"

Vài ngày sau, Marianne Engel và tôi ngồi ở hiên sau nhà đợi người ta chở một chuyến đá phiến mới đến, cô bảo với tôi rằng cô đã nhờ Jack lập một tài khoản ngân hàng cho tôi. Khi tôi nói tôi chả tưởng tượng được Jack lại vui vẻ chịu làm việc ấy, Marianne Engel nói, "Bà ấy sẽ làm những gì được nhờ thôi. Jack chỉ giỏi dọa chứ không làm gì đâu."

TA BIẾT CHÚNG TA CÓ THỂ LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ VỚI MỘT CÁI THẺ TÍN DỤNG ĐẤY.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi lan man đôi chút, trước khi tôi quay lại hỏi cô về đoạn kết câu chuyện của chúng tôi: Tôi muốn biết áo tơi là cái gì. Marianne Engel giải thích đó là một

loại áo mưa mà các tu sĩ hay dùng, được trang trí với những cảnh trong kinh Tân ước. Tôi lại hỏi thế áo mưa của cha Sunder có hình gì không. Cô xác nhận là có. "Và tôi sẽ nói cho anh biết đó là hình gì," cô ngập ngừng nói như trêu ngươi, "khi câu chuyện tiếp tục."

Khi xe tải đến nơi, cô vỗ tay cuồng nhiệt như một đứa trẻ được đi dự hội và chạy biến ra chỗ cửa tầng hầm để tra chiếc chìa khóa to tướng vào ổ khóa khổng lồ. Cô đặt những con lăn sắt xuống đất để đẩy đá vào nhà. Nhìn những tảng đá biến mất qua khung cửa, tôi lại liên tưởng đến một giáo dân đói khát đang ngửa tay ra nhận cứu trợ. Cô đứng lùi sang một bên, khẩn khoản nhắc mấy người vận chuyển nhẹ tay với những bạn nhỏ của mình. Họ nhướng mắt nhìn như thể cô là kẻ điên nhưng vẫn tiếp tục công việc. Ngay khi họ đi khỏi, cô nhanh chóng cởi quần áo rồi thắp nến. Sau khi bật một đĩa thánh ca do nhóm Gregorian trình bày, cô nằm dài ra trên một phiến đá mới và chìm vào giấc ngủ mê mệt đến tận sáng hôm sau.

Cô ào vào phòng tôi, miệng toe toét cười và tuyên bố đã nhận được những chỉ dẫn tuyệt vời, nhưng cô sẽ tắm cho tôi đã rồi mới bắt tay vào việc. Khi cô kỳ cọ cho tôi, tôi có thể cảm nhận cô chẳng có chút hứng thú nào - ngón tay cô muốn những phiến đá, chứ không phải da thịt - nhưng cô vẫn thấy cần phải làm vì đó là nhiệm vụ của mình. Vừa tắm cho tôi xong, cô liền chạy ngay xuống tầng hầm. Tôi ngồi trong phòng khách ở tầng giữa ngôi nhà, cố tập trung đọc sách, nhưng bị phân tán bởi tiếng đục đẽo của cô. Tôi chuyển lên tháp chuông để nghiền ngẫm những thứ khác - video, đọc sách, trêu con Bougatsa với cái khăn treo trên dây - nhưng chỉ được vài tiếng, nỗi tò mò của tôi đã trở nên quá lớn rồi. Tôi mở cửa dẫn xuống tầng hầm và nhón vài bước xuống cầu thang để rình Marianne Engel.

Tôi không cần lo lắng cô sẽ phát hiện sự xuất hiện tự tiện của tôi, vì cô chăm chú làm việc đến mức chẳng nhận ra tôi có mặt ở đó. Trước sự ngạc nhiên của tôi, cô ở trần mà tạc tượng; tôi cảm thấy hơi bối rối khi nhìn cô tạc tượng thoăn thoắt với những dụng cụ kim loại sắc nhọn. Đống dụng cụ giận dữ lướt qua lướt lại nhưng đôi tay cô vẫn trông thật chắc chắn, tôi cứ ngồi đó ngơ ngẩn trước vũ điệu của kim loại, của đá, và của da thịt.

Nói Marianne Engel "tạc" thôi vẫn chưa đủ: còn nhiều hơn thế nữa kia. Cô cứ vuốt ve tảng đá cho tới khi nó không thể chịu hơn được nữa và phải nhả con grotesque ở bên trong ra. Cô đã dụ dỗ những gargoyle ra khỏi hang đá của chúng. Cô yêu việc đưa chúng ra khỏi đá.

Khi đã hàng giờ trôi qua mà cô vẫn không hề để ý đến tôi, tôi càng lúc càng ngạc nhiên trước sự bền bỉ của cô. Cô vẫn tiếp tục làm việc cho tới tận lúc tôi đi ngủ, và còn làm xuyên đêm. Ngày tiếp theo cô cũng làm việc như vậy, cũng đẽo tạc thâu đêm. Tổng cộng, cô đã lao động hơn bảy mươi tiếng đồng hồ, uống hàng lít cà phê, hút hàng trăm điếu thuốc lá. Đây chính là phong cách làm việc mà cô từng nói - tạc không ngừng nghỉ suốt mấy ngày liền - nhưng tôi chưa bao giờ tin cô có thể làm được như thế. Tôi đã nghĩ đó chỉ là lời nói phóng đại về cách làm việc nghệ sĩ của cô mà thôi. Nhưng không phải thế. Kẻ đa nghi có thể nghĩ rằng cô chờ tôi đi ngủ rồi tự cho mình đánh một giấc, nhưng những tiếng búa đập liên hồi của cô đã làm

tôi trằn trọc suốt đêm. Vào buổi sáng đầu tiên, cô cũng cố ép mình rời khỏi công việc một lúc để tắm rửa cho tôi, nhưng tôi có thể thấy - có thể cảm nhận cô chỉ miễn cưỡng làm việc đó. Mắt cô ánh lên nét lo lắng bồn chồn, gần như điên cuồng, khi cô chà miếng bọt biển lên người tôi.

Khi đã làm việc được khoảng sáu mươi tiếng, cô nhờ tôi đặt hai cái pizza chay cỡ lớn. Bình thường thì cô cũng chẳng phản đối việc ăn thịt, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra khi đang đục đẽo, cô sẽ điên cuồng từ chối món thịt. "Không thịt! Không động vật!" Khi tôi mang mấy chiếc pizza xuống, cô lại đi về phía góc phòng để xin phép Ba Vị Chủ Nhân của mình - "Jube, Domine benedicere" - và không chịu ăn cho đến khi họ cho phép. Cô ngồi vắt vẻo giữa đống đá vụn và ngốn ngấu như một con quái thú, hầu như chẳng để ý gì đến sự có mặt của tôi. Một vệt pho mát chảy dài từ miệng cho tới ngực trái cô, và tôi thực sự muốn lướt tay như một lính đặc công pho mát để cào cấu bộ ngực đáng yêu của cô. Ánh nến nhảy nhót trên làn da trắng như trứng gà bóc, làm ánh lên những dòng mồ hôi chảy xuống những hạt bụi đá phủ đầy đôi cánh thiên thần trên lưng cô. Sự hòa quyện của những hình xăm và vẻ xuất thần của cô làm cô nửa giống nữ tu thông thái Hildergard von Bingen, nửa chẳng khác gì mafia Nhật.

Cái đài của cô hàng giờ qua chơi đủ mọi thể loại, từ những tác phẩm của Carl Orff; Symphonie Fantastique của Berlioz, tổ khúc giao hưởng thứ chín của Beethoven; Poe (ca sĩ Poe, chứ không phải nhà văn Allan Poe đâu nhé); album đầu tay của Milla Jovovich; toàn bộ album của The Doors; nhạc của Robert Johnson; Cheap Thrills của Big Brothers và ban Holding Company (chơi tới bốn lần một lúc); và tuyển tập ca khúc của Bessie Smith, Howlin' Wolf và Son House. Thời gian cứ thế trôi, nhạc cứ thế to lên và càng lúc cô càng lựa chọn những giọng ca trầm đục hơn. Dù tai tôi chẳng còn thính nhạy, cuối cùng tôi cũng phải thoái lui về cái tháp chuông nhà thờ với đôi bông bịt tai.

Khi xong việc, cô hầu như không đứng nổi. Con quái vật vừa được hoàn thiện là một cái đầu người có sừng, đặt trên thân một con rồng đang quỳ, thế rồi cô hôn đôi môi lạnh lẽo của nó trước khi bò lên cầu thang rồi đổ ập xuống giường, người vẫn đầy bụi và mồ hôi.

"Ồ, rõ ràng khủng hoảng tinh thần là bệnh thường gặp của các nghệ sĩ," Gregor vừa nói qua bàn vừa rót một ly bourbon ông ta mới mua cho chúng tôi. Mặt trời đang lặn dần và chúng tôi ngồi trên hiên sau; Marianne Engel vẫn đang ngủ cho lại sức. Sau khi đã nhắc đi nhắc lại rằng ông ta không thể tiết lộ bất kỳ điều gì cụ thể về việc điều trị trước đây của cô, ông ta cũng nói mình rất vui nếu được trả lời những câu hỏi chung chung.

"Sau khi đọc hết chỗ sách ấy," tôi nói, "tôi đã rút ra một kết luận rằng những triệu chứng của cô ấy có vẻ giống của người bị bệnh tâm thần phân liệt hơn là của người bị khủng hoảng tinh thần."

"Ừm. Có lẽ. Có thể cả hai ấy." Gregor trả lời, "hoặc không cái nào cả. Tôi chẳng biết được. Có lẽ đó là hội chứng rối loạn thần kinh chức năng. Cô ấy có bao giờ nói vì sao mình phải làm liên tục đến mức thế chưa?"

"Cô ấy nghĩ mình đang làm theo những chỉ dẫn của Chúa. Cô ấy nghĩ cô ấy đang trao những trái tim còn thừa trong ngực mình cho chúng."

"Ồ, thật là kỳ lạ." Gregor nhấp môi. "Ê, cái này hay đấy. Nó cho tôi hiểu thêm về tình trạng của Marianne."

"Không phải việc của ông là biết những thứ này sao?"

Gregor nhún vai. "Những điều tôi không biết có thể chất đầy cả một cái nhà kho to đùng. Cô ấy có uống thuốc không?"

"Không. Cô ấy ghét thuốc còn hơn ghét bác sĩ ấy. Không có ý gì đâu nhé."

Tôi hỏi xem liệu cô có thể bị ép uống thuốc bởi một quy định gì đó không. Gregor giải thích chỉ người giám hộ hợp pháp mới có thể sử dụng biện pháp đó. Tôi gợi ý Jack, người tôi mới phát hiện vừa là bảo hộ vừa là quản lý cho cô, nhưng Gregor giải thích người bảo hộ thì chỉ có quyền hạn với tài sản của cô, chứ không có quyền gì với các quyết định tự thân của cô cả. Không ai có thể bắt một bệnh nhân phải vào bệnh viện trừ quan tòa, Gregor nói, và cũng chỉ được trong vài ngày thôi. Tôi cắt ngang là tôi không hề muốn cô phải vào viện, tôi chỉ muốn cô dùng thuốc thôi. Gregor nói rằng tất cả những gì tôi có thể làm là nhã nhặn đề nghị cô thôi. Rồi ông ta hỏi tôi xem liệu chúng tôi có thể ngừng nói về bệnh trạng của cô được không; dù ông ta thấy mình vẫn chưa xâm phạm quyền bảo mật của bệnh nhân, nhưng rõ ràng ông ta lo ngại mình đang tiến quá gần lằn ranh đó.

Chúng tôi đã bỏ dở chủ đề đó như thế. Tôi hỏi ông ta về Sayuri và ông ta kể với tôi rằng hai người họ ngày càng gặp nhau nhiều hơn. Mới có một cuộc hẹn tối qua, nói thật là thế. Rồi ông ta phản pháo rằng sao tôi cứ tọc mạch chuyện tình cảm của ông ta, trong khi chẳng bao giờ hé lộ chuyện riêng. Tôi cười xòa - Chuyện tình cảm nào chứ? - nhưng ông ta đã trả đòn. "Anh chẳng lừa được ai đâu."

Một khoảng lặng xen vào cuộc chuyện trò, nhưng đó là một khoảng lặng giàu ý nghĩa. Gregor lại uống một ngụm bourbon nữa và chúng tôi cùng nhau nhìn về phía mặt trời lặn. "Một đêm đẹp nhỉ," ông ta nói.

"Cô ấy chạm vào tôi," tôi bật ra.

Điều này làm Gregor bất ngờ. "Anh nói thế là ý gì?"

"Lần đầu tiên khi cô ấy tắm cho tôi và nhìn thấy... háng của tôi" - Gregor, nhờ vị trí của ông ta ở bệnh viện, đã biết về mất mát của tôi - "cô ấy kiểm tra nó. Lướt những ngón tay của mình lên khắp chỗ sẹo."

"Cô ấy đã nói gì?"

"Rằng cơ thể tôi có thế nào cũng không ảnh hưởng gì đến cô ấy."

"Anh có tin cô ấy không?" ông ta hỏi.

"Tôi không biết." Tôi lắc lắc chỗ rượu bourbon trong ly của mình. "Dĩ nhiên là có ảnh hưởng chứ. Nó có còn nữa đâu."

Gregor chau mày. "Tôi thất vọng đấy."

Giờ ông ta lại làm tôi bất ngờ. "Vì cái gì chứ?"

"Câu trả lời của anh," ông ta trả lời. "Vì tôi tin cô ấy, và tôi nghĩ anh cũng nên thế."

Lại một khoảng lặng nữa trong cuộc đối thoại, lần này người phá vỡ lại là tôi. "Đêm đẹp nhỉ?"

Ông ta gật đầu. Tôi đã không nói với ông ta rằng nhãn rượu bourbon Gregor mua cùng loại với chai rượu đã đổ lên đùi tôi, lấy mất cái vật đang là chủ đề nóng hổi hiện tại. Gregor mang rượu đến làm quà là có ý tốt, thế nên ích lợi gì đâu nếu làm ông ta phải nghĩ ngợi vì chuyện đó cơ chứ?

Tôi đã tưởng tượng cốc rượu bourbon đó sẽ chất đầy vị của những ký ức tồi tệ; ngược lại, nó chỉ có vị rượu ngon mà thôi. Và uống thật tuyệt: Marianne Engel cứ hay bám lấy cái suy nghĩ kỳ cục là morphine và bia rượu mà trộn với nhau thì thật tệ, nhưng tôi ngờ rằng Gregor đang cố cho tôi thấy con người hoang dại của ông ta bằng cách cho phép tôi làm một hai cốc.

Vài ngày sau, khi cô đã hồi phục, tôi hỏi Marianne Engel tại sao cô nghe đài trong lúc tạc tượng. Cô nhắc tôi nhớ rằng thời gian tạc càng lâu thì những gargoyle càng gào thét dữ dội hơn, và bật nhạc to là cách hiệu quả để át đi tiếng thét của chúng. Cô giải thích rằng khi cô đẽo xuyên qua những lớp đá thừa để tìm hình dạng thật sự của gargoyle, cách duy nhất để biết cô đã chạm đến lớp ngoài của bức tượng hay chưa là cứ đẽo thẳng vào nó. Nếu gargoyle gào thét trong đau đớn. Marianne Engel sẽ biết là mình đã đẽo đủ sâu.

Tôi hỏi liệu cô có sợ mình sẽ làm át cả những chỉ dẫn quan trọng của Chúa không. Cô cười trấn an tôi rằng trong cả thế giới này, chẳng đâu có được thứ âm nhạc đủ lớn để át những tiếng chỉ dẫn của Người cả.

Vấn đề chủ yếu mà các bệnh nhân bỏng phàn nàn là phía bảo hiểm chỉ chi trả độc có một bộ quần áo tạo áp suất, bất chấp việc những bộ áo quần này tốn hàng ngàn đô la và phải mặc lên người suốt hai mươi ba tiếng mỗi ngày. Thời gian còn lại, người bệnh sẽ được tắm rửa, và nếu người chăm sóc đang bận tắm cho người bệnh rồi, thì làm sao người ấy có thể cùng lúc giặt cái bộ áo áp suất đó chứ? Đây là lý do tại sao bắt buộc phải có ít nhất hai bộ. "Nhưng giá cả!" những công ty bảo hiểm khóc thét lên khi họ từ chối chi trả. Hơn nữa, dù có được giữ gìn cẩn thận đến đâu chăng nữa thì những chất liệu tạo áp suất này cũng chỉ bền được độ ba tháng mà thôi.

Những công ty bảo hiểm không thành vấn đề với tôi, vì mọi chi phí của tôi đã được Marianne Engel bao hết rồi. Nhưng tôi vẫn phải băn khoăn về va li tiền dưới gầm chiếc giường xương, làm sao cô có thể cáng đáng nổi tất cả những thứ này chứ? Cô luôn luôn trấn an tôi rằng khả năng tạc tượng tuyệt vời của cô đã nhận được những phần thưởng xứng đáng và rằng cô cũng chẳng muốn tiêu tiền vào việc gì cả. Tôi vẫn không thấy chắc chắn lắm, nhưng nếu cố tranh cãi thì tôi sẽ ra sao đây? Những vết thương của tôi sẽ không được chữa trị ư?

Bộ quần áo và mặt nạ tạo áp suất của tôi cuối cùng cũng hoàn thành vào giữa tháng Ba. Khi Sayuri trao chúng cho tôi, tôi thấy cảm kích tức thì trước tâm sức của tất cả mọi người. Chiếc mặt nạ đã được đánh giấy ráp để có thể nhẹ nhàng bám lấy khuôn mặt tôi. Sayuri cũng cho tôi biết đám sinh viên thực tập đã nghiên cứu kỹ lưỡng những phần sẹo lồi trên mặt tôi, theo đó mà chuẩn bị tấm mặt nạ nhựa tương ứng.

"Anh cũng cần dùng cả cái này nữa," cô lôi một thiết bị kỳ cục có gắn lò xo ra. Tình trạng bỏng của khuôn mặt đã làm tôi trở nên cực kỳ nhạy cảm với khóe môi - mô sẹo quanh mép tôi - những phần ấy, nếu không được chú ý cẩn thận, sẽ làm tôi ăn nói khó khăn trong tương lai. Sau khi đặt cái banh miệng vết thương vào miệng theo đúng quy cách, tôi bắt đầu kéo mặt nạ lên mặt. Chiếc mặt nạ phải ở nguyên vị trí ấy mọi lúc mọi nơi, chỉ trừ khi tắm rửa và chăm sóc da, thậm chí cả lúc tôi ngủ. Tôi hỏi Marianne Engel trông tôi thế nào (trong lúc đó tôi phát hiện ra cái banh miệng vết thương đã làm chất giọng méo mó của tôi trở nên tệ hơn) và cô đáp tôi trông giống như một người đàn ông sẽ sống rất thọ.

Tôi soi gương. Như thể một địa đồ sẹo chằng chịt trên khuôn mặt tôi vẫn chưa đủ, giờ tôi còn phải chịu cảnh địa đồ ấy bị chiếc mặt nạ nhựa trong đè dẹp lép. Vùng da bình thường đỏ tấy giờ đã chuyển trắng bệch dưới áp suất và cái banh miệng vết thương đã khiến miệng tôi vểu ra thành một nụ cười gằn đáng tởm. Mọi khiếm khuyết đều được phóng đại tối đa, và tôi trông chẳng khác nào thằng con hoang của bác sĩ ăn thịt người Hannibal Lecter và Ma nữ trong nhà hát Opera.

Sayuri trấn an tôi rằng phản ứng tiêu cực lúc đầu là rất bình thường, vì tất cả những bệnh nhân bỏng - gồm cả tôi nữa, dù đã được thông báo rõ ràng - vẫn cứ đinh ninh chiếc mặt nạ

sẽ giúp họ che giấu khuôn mặt mình. Nhưng thực tế thì ngược lại. Nó sẽ không che chắn cho tôi và giúp tôi đối mặt với mọi thứ; nó là cái đĩa thí nghiệm dưới kính hiển vi của thế giới.

Sayuri giải thích các trình tự chuẩn của việc mặc bộ quần áo tạo áp suất và chỉ cho Marianne Engel cách buộc các sợi dây lại với nhau. Trong khi họ đang rối rít với các chi tiết kỹ thuật, tôi một mình tận hưởng cảm giác mới lạ, như trượt vào nắm tay siết chặt của một vị thần cuồng nộ nào đó. Đó chỉ là vải thôi mà, tôi tự nhủ. Đó không phải là chính bản thân mình. Dù sao tôi vẫn thấy lạnh xương sống.

DỄ CHỊU THẬT ĐẤY NHỈ? NHƯ THỂ NGƯƠI ĐANG BỊ CHÔN SỐNG VẬY. Con rắn sung sướng cười nhạo tôi. TA ĐANG TỚI ĐÂY.

Tôi thấy Marianne Engel đang chờ mình ở phòng ăn, mặc một bộ kimono lụa màu xanh ngọc. Họa tiết thêu cảnh, đứng dưới cây anh đào nở hoa gần dòng sông cá chép tung tăng bơi lội, mũi thêu trau chuốt. Trên nền trời đầy sao của bộ áo ấy, ánh trăng tròn chiếu sáng đôi tình nhân như thể đó không chỉ là nguồn sáng mà còn là người bảo vệ tình yêu của họ nữa.

Cô hỏi tôi đã sẵn sàng ăn chưa. Tôi trả lời rằng rồi. Tôi khập khiễng bước ra, phát hiện thực đơn hôm nay là món Nhật.

"So desu ne.(26) Anh giỏi quan sát thật," cô khẽ cúi xuống nói. Vẻ sóng sánh trên bộ kimono của cô tan vào chiếc khăn xanh da trời thắt ngang eo, được kết thành một cái nơ obi sau lưng. "Tôi đang đọc Makura no soushi."

"Ừm, tôi đã thấy nó trên giá sách của cô. Gối-cái gì đó, có phải không?"

"Sách gối đầu giường của Sei Shounagon. Một tác phẩm văn học rất nổi tiếng của Nhật Bản, viết vào thế kỷ thứ mười, và cũng là cuốn tiểu thuyết đầu tiên trên thế giới. Hay ít nhất cũng là những gì họ nói, ai mà biết chắc được? Tôi đang tính làm gì đó với nó. Anh sẽ phải ngạc nhiên khi biết rằng rất nhiều tác phẩm vĩ đại của Nhật Bản không có bản dịch tiếng Latin chuẩn xác."

"Không, tôi chẳng ngạc nhiên đâu."

Marianne Engel nhanh nhẹn bước những bước ngắn vào trong bếp, cô thậm chí còn đi cả geta, guốc mộc truyền thống của Nhật. Cô trở lại với một khay sushi đầy màu sắc: những lát cá trắng (và cam và bạc) nằm gọn trên lớp cơm nắm; những hạt trứng cá đỏ rải trên lớp tảo biển; tôm hùm cuộn vào nhau; cứ như đang ôm nhau thắm thiết trong những giây phút cuối cùng trên trái đất ấy. Có cả inarizushi, cơm nắm được bọc trong lát đậu phụ vàng óng ngọt ngào. Gyoza, sủi cảo làm từ thịt bò hoặc thịt lợn, đẫm nước xốt đen tuyền cay nồng. Yakitori, những dải thịt gà và thịt bò nướng trên xiên gỗ. Rồi thì onigiri, cơm nắm hình tam giác gói

trong tảo biển; mỗi nắm cơm, cô giải thích, lại có nhân khác nhau, rất ngon: mận chín, trứng cá, gà, cá ngừ hay tôm hùm.

Chúng tôi lau tay với o-shibori, một loại khăn ướt, rồi cô đập hai lòng bàn tay vào nhau. Cô nói, "Itadakimas!" (câu mời trước khi ăn của người Nhật), trước khi khấn thêm bài kinh bằng tiếng Latin quen thuộc.

Cô chỉ tôi cách khuấy xúp miso đúng kiểu và tuyên bố rằng ăn mì ramen thì phải xì xụïp to vào vì nó không chỉ làm mì nguội mà còn làm mì có vẻ ngon hơn nữa ấy. Dù cô uống rượu sake, cô cứ khăng khăng bắt tôi uống mỗi trà ô long; cô vẫn không bỏ được cái suy nghĩ là rượu và morphine không được uống cùng nhau. Cứ khi nào cốc của tôi vơi quá nửa, cô lại trang trọng nghiêng đầu đổ đầy cốc. Khi tôi cắm đôi đũa vào bát cơm để chúng có thể đứng thẳng như hai cái cây mọc trên đỉnh núi tuyết, cô ngay lập tức lôi chúng ra. "Như thế là không tôn trọng người chết."

Khi cuối cùng cũng ăn xong, cô sung sướng xoa hai tay vào nhau. "Tối nay tôi sẽ kể cho anh nghe câu chuyện về một người phụ nữ khác cũng tên là Sei, dù người này phải sinh sau cuốnSách gối đầu giường hàng trăm năm cơ."

CHƯƠNG 22

gày xửa ngày xưa ở Nhật Bản, có một cô bé tên là Sei, con người thợ thổi thủy tinh Yakichi. Lúc đầu cha cô rất thất vọng khi thấy cô không phải con trai, nhưng nỗi thất vọng của ông tan biến ngay khi ông ôm cô vào lòng. Kể từ giây phút đó, ông luôn hết lòng vì cô và cô cũng vậy.

Yakichi hãnh diện chứng kiến Sei từ một cô bé hiếu động trở thành một thiếu nữ thông minh tuyệt vời. Vẻ xinh đẹp của cô là điều không phải bàn cãi, và trong nét đẹp ấy, Yakichi có thể nhìn thấy hàng lông mi và gò má người vợ đã khuất của mình. Người mẹ mất khi Sei còn nhỏ và điều này càng làm tình cha con giữa họ thêm sâu nặng.

Trước ngưỡng cửa trưởng thành, Sei quyết định sẽ theo bước cha mình. Yakichi cảm thấy cực kỳ vui sướng trước quyết định của con gái và niềm hạnh phúc của ông giờ đã trọn vẹn: cuối cùng thì những tri thức của ông cũng không phải theo ông xuống mồ. Sei nhận lấy chức danh Thợ Thổi Thủy Tinh Học Việc và thể hiện năng lực nổi trội cũng như luôn có những tiến bộ vượt bậc. Cô có đôi bàn tay tinh tế và quan trọng hơn, cô có thể hình dung ra vật đó trước cả khi nó được thổi. Kỹ năng thì lúc nào cũng có thể học được, Yakichi biết thế, nhưng Sei được ban cho khả năng tưởng tượng ngay từ khi mới sinh. Cô có thể nhìn thấy những vật đẹp đẽ ở nơi người khác chỉ thấy hư không.

Sei học hành nghiêm túc dưới sự chỉ dẫn của cha mình, biết cách đốt lò sao cho đủ nóng và thổi thế nào cho đủ mạnh. Cô học cách đọc chỉ dẫn từ những đốm sáng rực rỡ của mảnh thủy tinh được đốt nóng. Cô chăm chỉ học cách phát triển khả năng điều khiển hơi thở của mình; vì cô biết rằng với hơi thở, mình có thể sáng tạo cả thế giới. Cô tưởng tượng mình đang thổi sự sống vào thủy tinh, và cứ mỗi tuần trôi qua, Sei càng cảm thụ rõ hơn vẻ đẹp của những đồ vật mà cô có thể vẽ nên trong trí tưởng tượng.

Yakichi bắt đầu đưa Sei đến chợ phiên cuối tuần trong vùng, ở đó ông có một quầy hàng bán những món đồ họ làm ra. Đàn ông bắt đầu bu lại như kiến. Họ nói muốn xem đồ thủy tinh nhưng thật ra, dĩ nhiên, họ đến để ngắm người thiếu nữ quyến rũ ấy. "Bản thân cháu mới giống thủy tinh làm sao," một ông lão không thể kìm được đã nói thế, rồi chạy biến đi như một con cua bò ngang trên bờ biển khi nhận ra rằng những từ đó thật sự đã vuột khỏi mấy cái càng của mình.

Rất nhanh chóng, hàng của họ đã bán hết veo trước giờ ăn trưa. Hầu hết những món đồ ở đó đều được cánh đàn ông mua - thậm chí để làm quà tặng vợ - đơn giản vì họ muốn được sở hữu chiếc bình chứa hơi thở của Sei.

Yakichi rất hài lòng. Công việc kinh doanh phát đạt hơn bao giờ hết, tài chính cũng tốt, và Sei dần trở thành một thợ thổi thủy tinh giỏi. Nhưng dù thành công như vậy, Yakichi chỉ ước kiếm được một người chồng cho con gái mình. Dù là một người cha cưng con hơn

trứng, ông vẫn muốn hưởng tất cả những gì cuộc đời ban tặng, và ông nghĩ, một đám cưới "ra tiền" sẽ củng cố thêm lợi ích dòng họ.

Thế là ông bắt đầu sàng lọc trong đám đàn ông hay qua lại gian hàng của mình. Họa sĩ, chủ đất, ngư dân, nông dân, binh lính và samurai, đủ cả. Chắc chắn rồi, ông mỉm cười nghĩ thầm, chẳng thiếu gì người đến cầu hôn. Xét cho cùng, Sei có nhan sắc, tài năng, sức khỏe và một nhân cách tốt đẹp, lại còn chung thủy nữa. Cô sẽ trở thành một người vợ đảm và một người mẹ tốt, bất cứ ai cũng có thể thấy thế, và việc dàn xếp một đám cưới có lợi là quá dễ dàng.

Khi Yakichi đến gần con gái để gợi ý điều đó, cô đã rất choáng váng. "Con biết truyền thống là như thế," cô khóc nấc lên, "nhưng con chưa bao giờ nghĩ cha lại đòi hỏi điều đó ở con. Con sẽ kết hôn vì tình yêu, và chỉ vì tình yêu mà thôi."

Sức mạnh trong lời buộc tội của con gái đã làm Yakichi bất ngờ, vì từ trước đến nay cô chưa bao giờ làm trái ý ông. Cưới xin là để củng cố địa vị gia đình, ông lão nghĩ vậy; cưới xin không phải vì tình yêu. Nhưng Sei cứ khăng khăng tin như vậy, và vì rất yêu quý cô, Yakichi cũng chấp thuận. Nhưng ông vẫn lo ngại vì chưa có ai trong trái tim con gái mình cả.

Nhưng, như thường thấy trong các chuyện tương tự, Sei nhanh chóng gặp một thanh niên và toàn tâm toàn ý yêu anh. Lúc đầu, Yakichi rất bất mãn khi thấy Sei chọn Heisaku, một anh nông dân chân chất không tiền chẳng tương lai. Tuy nhiên, cậu trai ấy lại có một trái tim trong sáng, chân thật. Vì thế, biết đâu...

Yakichi nhớ về người vợ đã khuất của mình. Dù đám cưới của họ là do hai bên gia đình sắp đặt, họ vẫn rất may mắn và Sei sinh ra là kết tinh của tình yêu hai người. Hạnh phúc khi nghĩ đến sự may mắn của chính bản thân, Yakichi quyết định không thể để con gái chịu bất hạnh. Ông chúc phúc cho Sei và Heisaku.

Chính lúc này một trong những tác phẩm đẹp nhất của Sei - một bông hoa bằng thủy tinh - được một tên đầy tớ của daimyo, chúa đất địa phương, tặng cho hắn. Mọi người trong vùng đều căm ghét và kinh sợ tên chúa đất này vì tính khí tàn độc của hắn. Hắn chẳng hơi đâu mà quan tâm đến hoa thủy tinh và tức giận truy vấn hàm ý của đồ vật vớ vẩn này.

Tên đầy tớ, luôn luôn chớp thời cơ để tìm kiếm ân sủng của chủ, đã nói, "Con nghĩ ngài có lẽ muốn biết, thưa chủ nhân, rằng bông hoa thủy tinh này được tạo nên bởi người phụ nữ đẹp nhất thế gian." Tai tên daimyo dựng đứng lên và tên đầy tớ mau mắn thêm thắt, "Và cô ấy vẫn chưa kết hôn." Tên đầy tớ, anh thấy đấy, gần đây đã nghe lỏm được chuyện tên daimyo nói về khát vọng sinh con đẻ cái của hắn, hắn đã nói rằng chỉ người phụ nữ đẹp và tài năng nhất mới có thể xứng đáng mà thôi.

Tên daimyo nhanh chóng lập kế hoạch hành động. Hắn gửi một thông điệp rằng hắn muốn có một bức tượng thủy tinh lớn, và hắn nghe đồn Sei và cha cô là những người thợ thổi thủy tinh lành nghề nhất Nhật Bản. Vì lý do này, bức thông điệp cho biết, hắn muốn triệu tập họ.

Tên daimyo coi việc đặt làm tượng thủy tinh cũng hão huyền như đặt làm thang bắc lên mặt trăng vậy. Hắn chỉ khoái sở hữu đất đai lâu đài với gia súc, đồng ruộng mà thôi. Và một người phụ nữ đẹp. Phải, điều đó rất hấp dẫn hắn. Nhưng Sei và Yakichi chẳng mảy may biết, trong đầu họ chỉ có niềm hân hoan vui sướng mà thôi. Họ tưởng tượng ra đây có thể là một trong những nhiệm vụ vinh quang đầu tiên của mình - nói ngắn gọn, giấc mơ thành hiện thực của họ. Vì thế hai cha con chất hành lý lên cái xe hàng nhỏ và hướng về phía lâu đài của tên chúa đất.

Họ được đưa vào chính điện, nơi tên chúa đất đang sốt ruột đợi, và hàng lông mày của hắn nhướng cao lên khi nhìn thấy Sei. Ánh mắt hắn dõi theo cô khắp căn phòng; với Sei, hắn như một con gián trườn trên da cô vậy. Cô có thể thấy ngay đây chẳng phải người tử tế, khi hắn ngồi đó lật qua lật lại bông hoa thủy tinh của cô trên bàn tay nhớp nhúa. Nhưng cảm giác của mình đâu có quan trọng, cô tự nhủ, và tất cả những gì cô có thể làm là cố gắng hết sức để thể hiện mình.

Cha con Sei trình cho tên daimyo những tác phẩm đẹp nhất của họ và giới thiệu chi tiết cho hắn. Cô cho hắn xem mấy con sếu pha lê và cá gai bong bóng thủy tinh với làn da trong suốt. Cô trưng ra những cốc rượu sake nhuộm màu và những chiếc ly nặng trịch. Cô bày những cái đĩa cùng ngựa đồ chơi và những chiếc chuông gió cứ ngân lên thánh thót mỗi khi gió nhẹ thổi qua. Khi hai cha con đã xong xuôi, các tác phẩm thủy tinh bảy sắc cầu vồng hiện ra trước mặt tên chúa đất.

Tên chúa đất rất ấn tượng, chắc chắn rồi, nhưng bởi người nghệ sĩ, chứ không phải những tác phẩm nghệ thuật. Sei là một trong những cô gái hấp dẫn nhất hắn từng thấy. Hắn vỗ hai tay vào nhau khi Sei và cha mình cúi gập người xuống. "Ta đã quyết định rồi," hắn thông báo.

Hai cha con nín thở, một việc rất bất thường đối với thợ thổi thủy tinh. Họ hy vọng, chờ đợi nhưng những lời được nói ra lại nằm ngoài sự mong đợi của họ. Vừa chỉ tay vào bông hoa thủy tinh, tên chúa đất vừa nói, "Sei rất thích hợp trở thành vợ ta và sinh con cho ta. Cô ta phải thấy mình may mắn và hạnh phúc đến chừng nào."

Sei biết đây là một kẻ rất quyền thế và chống lại hắn là việc không hề đơn giản. Tuy nhiên, cô cũng không thể kiềm chế. "Nhưng tôi đã yêu người khác rồi."

Yakichi ngay lập tức xin thứ lỗi về sự bất nhã của con gái mình. Tuy thế, khi bị ép phải khai, ông cũng xác nhận những lời cô nói là sự thật. Tên chúa đất giận điên lên và vô tình bông hoa thủy tinh vỡ nát trong nắm tay hắn. Ai dám đọ với một vị lãnh chúa cơ chứ? Hắn ra lệnh phải nêu tên của "kẻ kia" ra.

Sei cất tiếng, "Anh ấy chỉ là một nông dân, nhưng tình yêu tôi dành cho anh ấy thì rất chân thành."

Tên chúa đất hỏi, "Tên hắn là gì?"

Cô sợ rằng nếu mình nói ra, Heisaku sẽ bị truy sát. Cô nhìn xuống chân mình trong giây lát rồi ngẩng đầu lên đối mặt với ánh nhìn của tên chúa đất. "Tên của một người quê mùa không xứng làm lãnh chúa bận tâm."

Tên chúa đất choáng váng trước sự mạnh bạo của cô gái. Rồi hắn cười phá lên, thật chướng tai và hiểm ác. "Một tên nông dân? Ngươi dám coi một tên nông dân hơn ta sao? Ngươi dám giấu tên của hắn sao?" Tên chúa đất nhìn xuống thấy tay mình đang chảy máu do vết cắt của bông hoa thủy tinh. Dòng máu làm hắn trấn tĩnh lại vì nhớ ra mình là ai.

"Ngươi sẽ không cưới gã nông dân đó đâu," hắn tuyên bố chắc nịch, "và ngươi phải cám ơn ta đã cứu vớt đời ngươi. Ngươi sẽ kết hôn với ta."

Sei nói với giọng cũng chắc nịch không kém. "Tôi sẽ không kết hôn với ngài, tôi sẽ kết hôn với người nông dân đó hoặc sẽ không kết hôn với ai cả."

Cú phản đòn của tên chúa đất thật nhanh gọn và tàn nhẫn. "Tốt lắm. Thế cứ cưới đi. Cưới tên nông dân này thì ta sẽ xử tử cha ngươi. Nhưng cưới ta thì cha ngươi sẽ sống."

Sei đứng như trời trồng, vì cô chưa bao giờ tưởng tượng mình rơi vào tình thế này. Chưa bao giờ cô tưởng tượng lại có một gã đàn ông đê tiện đến thế. Tên chúa đất nói tiếp, "Trong vòng một tuần, ngươi phải trở lại đây và nói một từ thôi. 'Có' nghĩa là ngươi sẽ kết hôn với ta và cha ngươi sẽ sống. 'Không' nghĩa là ngươi từ chối ta và cha ngươi sẽ chết. Một từ thôi. Nghĩ kỹ đi, Sei." Nói xong những lời này, tên chúa đất ném những vụn hoa xuống chân Sei rồi hùng hục lao ra ngoài sân điện.

Hai cha con người thổi thủy tinh được thả khỏi lâu đài để có thời gian suy nghĩ về câu trả lời của mình. Chẳng có chỗ nào cho họ trốn cả; họ không thể cứ thế thu vén đồ đạc rồi rời đi được; vì họ sẽ bị truy ra đến cùng ở bất cứ nơi đâu. Yakichi khẩn nài xin Sei hãy nói không. Ông đã có tuổi và chắc cũng chỉ sống được vài năm nữa, ông lý luận, trong khi cô lại có cả cuộc đời trước mặt. Người cha chấp nhận ra đi để cô con gái không phải sống đời khổ hạnh.

Sei cương quyết không nghe. Cô từ chối ra quyết định có thể hại chết cha mình. Tuy thế, cô biết đời mình sẽ hoài phí nếu phải sống với tên chúa đất hung bạo.

Đêm đó, Sei không tài nào ngủ được. Cô trằn trọc mãi trên giường, xem xét vấn đề từ mọi khía cạnh, nhưng dường như chẳng có lối thoát nào khả dĩ cả. Rồi, ngay trước khi bình minh ló rạng, một ý tưởng chợt đến và cô biết mình phải làm gì. Khi Yakichi thức dậy, ông thấy con gái mình đã đi mất, và trong phòng của cô, một lời nhắn viết rằng cô sẽ trở lại vào tuần tới để đối mặt với tên chúa đất.

Đầu tiên, Sei đến chỗ anh nông dân giải thích tình hình. Cô nói với Heisaku rằng anh là tình yêu đích thực của cô nhưng cô sẽ không thể nói thêm lời nào với anh được nữa. Những lời cuối cùng cô nói với anh là, "Nếu lắng nghe tiếng gió thật kỹ, anh sẽ nghe thấy em thì thầm tiếng yêu anh." Rồi cô đi mất.

Nhiều ngày trôi qua, và Yakichi bắt đầu cho rằng con gái mình đã bỏ trốn. Dù rất đau lòng vì không thể nói lời tạm biệt, ông vẫn cảm thấy thanh thản vì cô sẽ sống. Khi một tuần đã hết, người cha đến trước mặt tên chúa đất nói rằng con gái mình đã biến mất và ông sẵn sàng nộp mạng thay cô.

Tên chúa đất đang chuẩn bị ra lệnh hành quyết người cha thì hai người phụ nữ, cạo trọc đầu và khoác áo cà sa giản dị, bước vào sân điện. Cả Yakichi cũng phải mất một lúc mới nhận ra người phụ nữ trẻ hơn là Sei. Ông bật khóc khi thấy Sei quay trở lại để cưới kẻ xấu xa này.

"Cái gì thế này?" tên chúa đất lớn tiếng hỏi. "Sao ngươi lại cạo đầu? Người đàn bà đi cùng ngươi là ai?"

Nhưng cả Sei và người phụ nữ đều không nói một lời nào.

Tên chúa đất nổi điên lên, "Thái độ xấc xược này là sao hả? Ta ra lệnh cho các ngươi phải nói."

Tuy nhiên, Sei và người phụ nữ vẫn tiếp tục im lặng.

"Câu trả lời của ngươi là gì? Ngươi có định trở thành vợ ta và cứu mạng cha ngươi không? Hay ta sẽ giết hắn vì tính ích kỷ của ngươi? Trả lời câu hỏi của ta - có hay không, ngươi có chịu cưới ta không?"

Vẫn thế, cả Sei và người phụ nữ đều không chịu trả lời.

Tên chúa đất giậm chân thình thịch. "Xử trảm lão già này!" hắn ra lệnh. Nhưng Sei đã giơ tay ra ngăn hai tên lính đang tiến đến chỗ cha mình. Cô bước về phía tên chúa đất và đưa một mẩu giấy ra.

Hắn ra hiệu cho viên cận thần trong điện cầm lấy tờ giấy, như thể tự tay cầm sẽ hạ thấp giá trị của hắn vậy, và gầm gừ, "Đọc to vào, để tất cả mọi người có thể nghe thấy những lời lẽ của con ranh hỗn xược nhất thế gian này!"

Viên cận thần liếc qua lời nhắn trên giấy và đằng hắng. Ông không muốn đọc. Nhưng ông chẳng có lựa chọn nào khác:

Một tuần trước, ngài bắt tôi làm vợ ngài. Câu trả lời có sẽ báo hiệu cuộc hôn phối của chúng ta còn câu trả lời không sẽ đưa cha tôi vào chỗ chết. Tôi sẽ không nói một lời nào, vì giờ tôi đã trở thành một mugon no gyo no ama-san.

Những từ cuối cùng nghẹn lại trong cổ họng viên cận thần. Ông biết từ này làm tên chúa đất khó chịu đến thế nào, vì mugon no gyo có nghĩa là "lời thề câm lặng" và ama-san nghĩa là "ni cô".

Người cận thần đằng hắng lần nữa và tiếp tục đọc:

Tôi đã thề sẽ mãi mãi sống trong câm lặng và nghèo khổ, và tôi cũng đã cạo đầu mình để thể hiện sự cống hiến trọn vẹn. Tôi đã chuyển tới sống tại một ngôi đền trên ngọn núi cao nhất trong vùng. Đó là nơi chúng tôi cảm thấy mình được gần với Phật tổ nhất. Tôi không thể cưới ngài vì tôi đã thuộc về Vạn vật rồi. Tôi không thể trả lời câu hỏi của ngài vì lời thề của tôi không cho phép tôi làm việc đó. Vì thế, không nhận được một câu trả lời nào, ngài phải thả cha tôi ra và tôi sẽ quay trở về đền thờ trên núi để trọn đời cống hiến cho Thần Phật.

Tên chúa đất choáng váng. Đầy quyền uy là thế, hắn vẫn biết là không nên mạo phạm Phật tổ. Hắn nghĩ một lúc rồi trả lời.

"Ta phải chúc mừng ngươi vì sự kiện này," hắn nói. "Ta sẽ không cản ngươi quay lại đền đâu. Cứ làm thế đi."

Sei cúi đầu để giấu nụ cười có thể để lộ vị ngọt chiến thắng.

"Nhưng trước khi để ngươi đi," tên chúa đất tiếp tục, "ta muốn ngươi khẳng định, một lần nữa, lời thề im lặng suốt đời của mình."

Sei lại cúi đầu lần nữa ám chỉ mình sẽ giữ lời. "Tốt," tên chúa đất nói thêm, "vì nếu ngươidám nói, mạng cha ngươi sẽ tàn, và ngươi sẽ trở thành vợ ta. Còn nếu tên nông dân của ngươi dám lai vãng lại gần ngôi đền để thăm ngươi, ta sẽ giết cả hắn lẫn cha ngươi và bắt ngươi làm vợ ta. Rõ rồi chứ?"

Tên chúa đất để lời tuyên bố chìm vào khoảng không trong giây lát. "Liệu ta có thể tin lời ngươi, tin Lời thề Thiêng liêng của ngươi, rằng ngươi sẽ không bao giờ nói, không bao giờ gặp lại tên nông dân ấy nữa được chứ?"

Sei đứng lặng yên một lúc, rồi gật đầu. Tên chúa đất bèn nói, "Ta đã xong."

Trên lối ra khỏi cung điện, Sei nhìn thấy Heisaku nấp chỗ rui mái nhà. Phải yêu cô đến nhường nào anh mới liều mạng làm một việc ngốc nghếch đến thế. Heisaku nhìn xuống với ánh mắt buồn bã vô hạn, vì giờ anh đã thực sự hiểu được tình huống ngặt nghèo mà họ gặp phải. Sei nhìn về phía anh và thầm nói Aishiteru, "Em yêu anh." Hơi thở thợ thổi thủy tinh của cô mang những lời đó đến tai người nông dân, và đúng như những gì Sei đã hứa: nếu anh lắng nghe thật kỹ, anh sẽ có thể nghe thấy tiếng cô thì thầm trong gió.

Yakichi và Sei được hộ tống trở lại ngôi đền. Cha cô chào tạm biệt, nhưng Sei, dĩ nhiên, không thể nói gì cả. Cô chỉ khóc những giọt nước mắt thầm lặng và Yakichi hứa sẽ gửi quà cho cô sớm nhất có thể. Rồi ông cũng đi mất.

Món quà cuối cùng cũng tới: một bộ dụng cụ thổi thủy tinh đầy đủ. Những vị ni cô khác rất vui vẻ để cô sử dụng những món đồ này, vì họ thực sự yêu cái đẹp và cũng vì họ xem những tác phẩm của Sei như một cách thờ phụng Phật tổ. Hơn nữa, những đồ vật đó sẽ là nguồn thu nhập để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của họ. Thậm chí cả các ni cô cũng biết rằng dù nghèo khó là một đức hạnh, nó cũng vô cùng bất tiện.

Sei được phép dùng một phòng trống trong ngôi đền, và hằng ngày cô làm việc chăm chỉ để tạo nên tất cả các loại đồ vật, từ đồ dùng cho bữa ăn đến những tác phẩm nghệ thuật. Ngày nối ngày thành tuần, tuần nối tuần thành tháng. Những tác phẩm của cô ngày càng tinh xảo khi kỹ thuật của cô trở nên điêu luyện hơn. Và trong suốt thời gian ấy, cô chậm rãi thổi một bức tượng thủy tinh mang hình hài của Heisaku.

Sei tạc bức tượng đó mỗi khi cô thấy cần phải nói, như một cách thể hiện tình yêu của mình. Điều này có nghĩa là ngày nào cô cũng tạc tượng. Cô dồn hết tình yêu thương vào nó, từng chút từng chút một. Bức tượng bắt đầu với cổ chân phải của anh. Dần ra đến gót chân. Rồi những ngón chân. Cứ thêm được chút nào - mắt cá chân, bắp đùi dưới, bắp đùi trên, cẳng chân dưới, cẳng chân trên, đầu gối - cô sẽ thì thầm khi đang thổi phần đó. Aishiteru. Âm thanh ấy được gói trọn trong những bong bóng thủy tinh. Aishiteru. "Em yêu anh."

Hàng dặm xa, Heisaku có thể cảm thấy những từ ngữ đó trong tai mình. Chúng lướt dọc sống lưng anh rồi khắc sâu vào trái tim anh. Anh ngừng đường cày ngước mắt nhìn về phía ngọn núi xa xa. Và cứ thế hàng năm trôi qua. Mỗi lần Sei thấy cần phải cất lên tiếng yêu thương của mình, cô sẽ thổi một phần của bức tượng, gửi hơi thở thầm thì của cô dành cho Heisaku vào xương hông, vào ngón tay, vào vai, vào tai... của anh. Aishiteru, aishiteru, aishiteru.

Khi bức tượng chàng thanh niên hoàn thành, tình yêu của cô vẫn còn dang dở. Vì thế cô bắt đầu tạc phong cảnh xung quanh anh, đầu tiên là một cánh đồng hoa loa kèn bằng thủy tinh làm chỗ đứng cho anh. Sau đó, khi những bông hoa loa kèn đã được thổi xong, cô sẽ phải tìm tiếp thêm những thứ khác. Có lẽ, cô nghĩ, mình sẽ làm một cái cây che bóng cho người yêu dấu của mình... Tạo những chiếc lá không thôi cũng đủ làm mình cảm thấy cuộc đời dễ chịu hơn rồi.

Cuộc đời cô cứ thế trôi đi cho đến một buổi sáng, như những buổi sáng khác, khi Sei đang tắm rửa tại một con suối trên núi. Dòng nước lạnh làm da cô cảm thấy thật sảng khoái nhưng khi cô bắt đầu gội đầu, cô thấy cổ đau nhói. Còn chưa kịp phản ứng gì, tay chân cô đã bắt đầu co cứng lại.

Sei đã bị côn trùng đốt rất nhiều lần, nhưng đây là lần đầu tiên cô bị loại ong bắp cày kỳ dị này đốt, và như số phận đã sắp đặt, cô bị dị ứng nặng. Cổ họng nghẹn lại, cơ thể không chịu phản ứng, và cô không thể cử động được nữa. Cơ thể tê liệt của cô trôi theo dòng suối cho đến khi bị một tảng đá lớn chặn lại. Hai tiếng liền cô nằm đó, để cho dòng nước lạnh giá của dòng suối trườn khắp da thịt mình.

Cuối cùng, một ama-san khác tìm thấy và lôi cô ra khỏi nước. Mắt Sei không chớp lấy một lần và làn nước lạnh băng đã làm tim cô đập yếu đến mức không thể nhận thấy được. Thêm nhiều ama-san nữa được gọi đến nhưng không ai thấy một dấu hiệu sự sống nào, và bất chấp lời thề câm lặng của họ, buổi sáng ấy tiếng khóc nức nở vang động cả ngọn núi tĩnh lặng.

Sei bị liệt toàn thân nhưng cô vẫn có thể nhìn thấy mọi thứ, cho tới khi những ni cô khác vuốt mắt cô lại vì tưởng cô đã chết. Thậm chí ngay cả khi cơ thể cô đã ấm lại một chút, chất độc vẫn làm cô bất động. Trong suốt ba ngày, các ama-san lặng lẽ cầu nguyện cho cô. Yakichi nhận được thông báo đã đến để chôn cất con gái mình, người đã hy sinh cả tính mạng để ông có thể tiếp tục sống.

Tên daimyo cũng đến, để chắc chắn đây không phải trò bịp. Hắn đã nghe tin Sei sẽ được chôn cất nên lấy làm nghi ngờ vì mọi người đều biết các nhà sư đều phải được hỏa táng để ngọn lửa thanh tẩy tâm hồn. Nếu xác thịt còn ở lại, linh hồn sẽ tiếp tục nhớ thương sự tồn tại của nó trên dương gian và không thể thanh thản sống trên Thiên giới. Dù vậy nguyện ước của Sei là được địa táng, vì cô muốn tiếp tục tồn tại mãi mãi như một phần của mảnh đất nơi Heisaku sẽ luôn cày cấy.

Yakichi cũng đưa Heisaku đến cùng mình, nhưng nói rằng anh là một thợ thổi thủy tinh học việc mới. Nỗi sợ tên chúa đất buộc ông phải nói dối. Ai biết được hắn sẽ làm gì nếu hắn nhận ra đây chính là chàng trai đã đánh bại hắn để giành được tình cảm của Sei?

Tên chúa đất chính là kẻ đóng nắp quan tài sau khi đã chắc chắn người ở bên trong là Sei. Không thể cử động được, Sei nằm đó nghe giọng nói kinh tởm của hắn. "Được, ta rất hài lòng. Cô ta đã thực sự chết rồi." Sei vô cùng biết ơn Trời Phật vì mắt cô đã được vuốt cho khép lại, vì thật khủng khiếp nếu cảnh tượng cuối cùng cô nhìn thấy lại là bộ mặt của kẻ ghê tởm này.

Sei nghe tiếng những sợi thừng kéo căng khi quan tài của cô được vùi vào trong đất và cơ thể cô trở về với đất mẹ. Yakichi xúc xẻng đất đầu tiên đổ vào huyệt mộ và Heisaku đổ xẻng thứ hai. Trong lúc ấy, Sei vẫn nghe tiếng đất đá đập vào nắp quan tài của mình.

Và rồi một điều kỳ diệu đã xảy ra. Cô cảm thấy chất độc trong mạch máu tan dần và cơ thể cô bắt đầu thả lỏng. Cô có thể mở mắt nhưng chỉ nhìn thấy bóng tối. Cô có thể duỗi ngón tay ngón chân nhưng vẫn chưa đủ khỏe để nâng tay chân lên để đập vào nắp quan tài. Nhưng cô

biết nếu mình thét gọi, những người ở trên có thể nghe thấy tiếng cô. Cô cảm thấy mình sắp nói được trở lại, và hân hoan vì cuối cùng mình đã không chết. Tất cả những gì cô phải làm là thét gọi...

Rồi Sei nhớ đến lời hứa của mình. Chỉ cần cô thốt ra một câu thôi để cứu mạng mình, cô sẽ trở thành vợ của tên chúa đất. Cha cô sẽ bị xử tử, Heisaku cũng vậy. Tên chúa đất ở ngay cạnh họ, vì thế không thể phủ nhận việc cô đã phản bội lời hứa của mình. Sẽ chẳng thể phủ nhận việc Heisaku đã đến đền thờ.

Và thế là, Sei đành ngậm miệng lại chấp nhận bị chôn sống. Cô lắng nghe tiếng đất đổ lên mộ mình, âm thanh ngày một xa dần với mỗi xẻng đất chất chồng phía trên. Khi tất cả những âm thanh cùng ngừng lại một lúc, cô biết rằng huyệt mộ đã bị lấp kín và mình đã nằm sâu dưới ba tấc đất.

Phía trên mặt đất, Yakichi và Heisaku khóc than trước cuộc đời nghiệt ngã của Sei. Cô đã hy sinh quá nhiều để bảo vệ những người mình yêu thương và phần thưởng dành cho cô là thế này đây. Về phần tên chúa đất, hắn chẳng quan tâm gì đến người phụ nữ vừa được chôn trước mắt; hắn chỉ thấy thỏa mãn vì cô ta không bao giờ có thể lừa hắn thêm lần nào nữa.

Vì tên chúa đất chưa từng đến ngôi đền đó bao giờ và có thể sau này sẽ không bao giờ quay lại, hắn quyết định thám hiểm xung quanh trước khi trở về lâu đài của mình. Các ama-san cố dẫn hắn đi theo con đường cách xa xưởng thủy tinh của Sei nhưng không thành. Khi vào trong xưởng, hắn choáng váng trước bức tượng thủy tinh mang hình dáng "người thợ học việc" mới của Yakichi đứng giữa cánh đồng hoa loa kèn còn dang dở. Tên chúa đất chẳng ngu dại gì: hắn nhận ra ngay lập tức đây là bức tượng của tên nông dân Sei hết mực thương yêu, và hắn cũng biết thằng nhãi giả làm thợ học việc chính là tình yêu cả đời của Sei.

Ánh sáng tràn qua những ô cửa sổ của ngôi đền và đổ nắng lên bức tượng. Vẻ đẹp thuần khiết của nó, sự quan tâm và tỉ mỉ, tất cả đều như đang cười nhạo tên chúa đất. Hắn nhặt một thanh củi trên bàn dụng cụ và thề sẽ phá hủy bức tượng trước, rồi diệt trừ tên nông dân bằng xương bằng thịt sau. Tên chúa đất nhào tới, vung thanh gỗ như cái lưỡi hái để chém xuyên qua những bông hoa thủy tinh bao quanh bức tượng. Đòn ra thật mạnh mẽ, và hàng chục bông hoa đã bị vỡ với chỉ một cú chém.

Một tiếng nổ lớn phát ra khi những cánh hoa và cành hoa thủy tinh bắn tung tứ phía, tạo nên một làn sóng âm thanh khủng khiếp. Tất cả những lời thì thầm yêu thương Sei gửi gắm trong những bông hoa loa kèn cùng đồng loạt ào ra. Áp lực mạnh đến nỗi những mảnh thủy tinh như cưỡi trên ngọn gió lốc. Chúng cứa khắp người tên chúa đất, làm hắn biến dạng đến nỗi không ai có thể nhận ra được nữa. Âm thanh như sấm rền đến nỗi tai của hắn điếc đặc còn lông tóc thì bạc trắng ngay lập tức.

Âm thanh chấn động cả xưởng thổi thủy tinh và lan ra khắp bầu trời Nhật Bản. Người ở khắp mọi nơi trên đất nước đều có thể nghe thấy, và rồi tất cả mọi người đều đồng ý rằng đó là thanh âm đẹp nhất họ từng nghe. Nó giống như tiếng nói của tình yêu đích thực.

Tên chúa đất vẫn sống, nhưng chỉ còn là một kẻ quặt quẹo người chẳng ra người ngợm chẳng ra ngợm, sẹo và thương tích chằng chịt. Sự giận dữ và ghen tuông của chính hắn đã hủy hoại hắn. Hắn chẳng còn uy hiếp ai được nữa và cũng chẳng còn lòng dạ nào làm hại Heisaku hay Yakichi.

Heisaku và Yakichi, về phần họ, chất bức tượng lên xe và mang nó trở lại làng. Heisaku chuyển đến sống cùng nhà với ông lão với tư cách là người con trai ông chưa từng có, và họ dần trở thành bạn tốt. Xét cho cùng, họ cũng được gắn kết lại bởi tình yêu của người phụ nữ họ cùng đánh mất.

Suốt những tháng năm còn lại trong cuộc đời hai người, bức tượng thủy tinh đứng sừng sững giữa ngôi nhà của họ. Heisaku phần nào cảm thấy hơi kỳ cục khi hằng ngày cứ nhìn thấy bản thân mình, nhưng nó có tác dụng rất lớn. Mỗi khi nỗi tiếc thương Sei trở nên quá sức chịu đựng, Heisaku vàYakichi sẽ bẻ một mảnh của bức tượng - một ngón tay, một lọn tóc, một cánh hoa loa kèn còn sót lại.

Aishiteru, aishiteru, aishiteru. Từ mỗi mảnh thủy tinh vỡ, tiếng thì thầm của Sei sẽ làm nguôi ngoai nỗi đau buồn của họ.

CHƯƠNG 23

ù rõ ràng đã biết câu trả lời, Marianne Engel vẫn cứ vờ vịt hỏi tôi xem hôm nay là ngày gì.

"Thứ Sáu Tuần Thánh," tôi trả lời.

"Theo tôi." Chúng tôi trèo vào xe của cô và chưa đầy nửa tiếng sau tôi đã nhận ra chính xác nơi chúng tôi định đến: ngọn đồi nơi tôi đã gặp tai nạn. Khi chúng tôi đến nơi, chẳng dấu hiệu gì cho thấy nơi đây từng xảy ra một vụ tai nạn. Cây cối không còn che giấu cả một toán lính đánh thuê được gửi tới để tiêu diệt tôi nữa. Những cây cột gỗ đã thay mới, dây cáp cũng chăng lại, và giờ cũng bạc phếch chẳng khác gì những cái còn lại. Chẳng có vết bánh xe hay đất cát bị xới tung lên; chỉ là một khúc cua khác mà thôi. Khi tôi hỏi tại sao cô biết chính xác địa điểm này, Marianne Engel chỉ mỉm cười và cho Bougatsa nhảy ra khỏi ghế sau. Nó khoái chí nhảy vòng quanh, và cô đã phải quát lên khi nó ra quá gần rìa đường.

Cô lấy một chiếc túi nhỏ bằng da trong cốp xe và cầm tay dẫn tôi tới dải phân cách giữa mặt đường và vách đá. Nơi đây tôi thấy dấu hiệu đầu tiên chứng tỏ tai nạn của tôi đã thực sự xảy ra. Vẫn còn một vùng đất cháy sém ở dưới đáy vực, một chấm đen nhỏ chẳng khác gì dấu chấm bạn có thể thấy ở cuối câu này, ngay bên cạnh con suối nhỏ đã cứu mạng tôi.

Những chiếc mô tô phóng vụt qua, rõ ràng họ rất băn khoăn không hiểu chúng tôi đang nhìn gì. "Xuống đi nào," cô nói rồi dẫn tôi qua những chiếc cọc gỗ mới. Bougatsa chạy trước chúng tôi, sung sướng tìm thấy một lối đi xuống đáy vực nơi chúng tôi có thể dễ dàng theo sau, và xa phía bên góc đường tôi thấy một miếng nhựa đỏ vỡ vụn, một cái vỏ đèn xi nhan gãy rời khỏi chiếc ô tô. Chiếc xe ô tô của tôi. Bụng tôi thót lại.

Khi chúng tôi trèo xuống, có hàng chục bậc đá nhỏ giúp đôi giày chỉnh hình của tôi dễ bám, nhưng tôi vẫn khó giữ thăng bằng. Tôi cố bắt chân mình cử động như trước vụ tai nạn, nhưng có vẻ không khả thi: đầu gối mới phục hồi của tôi quá yếu ớt. Khi tôi nói với Marianne Engel mình không thể xuống được, cô kiên quyết không chấp nhận. Cô đứng ngay phía trước tôi, hai chân giẫm mạnh xuống sườn dốc để tôi có thể đặt tay mình lên lưng cô. Tư thế này thừa sức chứng minh rằng tôi có thể xuống dốc được và không có làu bàu gì nữa hết.

Khi chúng tôi xuống tới chỗ đất cháy sém, tôi thấy một vài cụm cỏ, vừa lún phún mọc lên.Một ngày nào đó vùng đất này sẽ tươi tốt trở lại, tôi thầm nghĩ.

"Gì đấy?" cô hỏi.

"Không có gì," tôi nói. "Chỉ là tôi chưa bao giờ nghĩ mình lại quay lại chỗ này, thế thôi."

"Cũng tốt khi quay lại nơi mình đã từng phải chịu đau đớn mà."

"Cô sai rồi." Tôi có thể nhớ lại toàn bộ: những mảnh kính vỡ văng tung tóe; cần tay lái lướt vụt qua tôi; tiếng động cơ gầm rú, những bánh xe quay tròn mãi cho tới khi dừng hẳn; ánh lửa xanh xẹt qua trần xe; cách những ngọn lửa bùng lên; mùi khét của tóc tôi; và cả việc da thịt tôi bắt đầu nổ lốp bốp và phồng rộp lên nữa. Tôi có thể nhớ tất cả những thứ đã biến tôi từ một con người thành tôi bây giờ.

"Anh có tán thành hay không cũng không quan trọng. Người ta không thể trở nên hoàn thiện nếu cứ phớt lờ những bất hạnh của mình đi." Marianne Engel mở túi lấy một cái chân nến bằng sắt mà cô nói rằng đã được Francesco chế tác rồi cắm một ngọn nến vào cái miệng đang há hốc của nó. Cô đưa cho tôi một bao diêm và bảo tôi châm nến lên. "Nhưng việc kỷ niệm năm nay anh vẫn sống thì rất quan trọng đấy."

Tôi bảo thực ra đây không phải lễ kỷ niệm một năm: dù đúng là tai nạn của tôi đã xảy ra vào ngày thứ Sáu Tuần Thánh, nhưng hiển nhiên là ngày lễ đó mỗi năm lại rơi vào một ngày khác nhau.

"Anh không nên nghĩ về thời gian theo cái nghĩa đen ấy," Marianne Engel vừa nói vừa hôn lên khuôn mặt thủy tinh dẻo của tôi. "Chỉ một ngày thì có gì quan trọng trong cả thời gian vĩnh hằng chứ?"

"Tôi nghĩ là mọi ngày đều quan trọng," tôi nói. "Đặc biệt là những ngày khi ta gần chết."

Câu ấy lẽ ra nghe có vẻ đầy kịch tính, tôi nghĩ thế, nếu đúng vào lúc đó, con Bougatsa không nhảy tưng lên trên không trung để vồ như điên mấy con bọ vo ve quanh đầu nó.

"Nhưng anh đã chết đâu," Marianne Engel nói. "Nói tôi nghe nào, thế cuộc sống của anh trước khi bị tai nạn có tốt không?"

"Cũng không hẳn."

"Thế thì việc bắt đầu lại từ đầu sẽ là một món quà đáng trân trọng đấy."

Cô thực tâm tin rằng tôi đang bắt đầu lại từ đầu và tôi cũng nghĩ thế, nhưng không hoàn toàn, và tôi cảm thấy lương tâm cắn rứt khi nghĩ đến việc tôi sắp làm với số tiền vừa rút từ tài khoản Jack lập cho mình.

Vài hôm sau, khi Marianne Engel đã rời khỏi pháo đài, dẫn con Bougatsa đi dạo, là lúc tôi quyết định tiến hành nhiệm vụ bí mật của mình. Tôi trùm một chiếc áo mưa màu xám dài thượt lên bộ quần áo tạo áp suất, và dù không được phép làm thế, tôi cũng tháo mặt nạ và cái banh miệng ra. Tôi đội mũ và đeo kính đen, dựng cổ áo lên bằng đôi tay đeo găng trông chẳng khác tội phạm, rồi tôi nhìn vào gương để thấy một bức tranh biếm họa về một tên biến thái đang ngó lại mình. Tôi nghĩ thế là quá hoàn hảo rồi, so với cái nơi mà tôi sắp đến.

"Tới hiệu đồ chơi tình dục gần nhất." Giọng tôi, rú lên như tiếng động cơ của một cái mô tô gỉ sét, làm người lái xe taxi phải xoay gương chiếu hậu để nhìn tôi được rõ hơn. Ông ta dường như đang suy nghĩ lại xem có nên cùng đi với một người đàn ông không xác định được nhân dạng tới nơi đồng không mông quạnh hay không, nhưng đã đổi ý ngay khi tôi giơ thẻ tín dụng ra. Người lái xe khởi động ô tô và chúng tôi phóng qua mặt tiền của nhà thờ thánh Romanus, nơi cha Shanahan đang đổi tấm bảng nhựa trắng thành: "Ngày Thứ Sáu Của Bạn Có Tốt Đẹp Như Lẽ Ra Nó Phải Thế Không?"

Khi chúng tôi tới Triple-XXX Velvet Palace, tôi bảo người lái xe đợi một chút. Ông ta gật đầu; ông ta đã thấy tôi tập tễnh nhảy vào xe và biết tôi chẳng chạy xa được. Bước vào cửa hiệu cứ như là được về nhà vậy. Mùi cao su tổng hợp latex, mùi da, mùi chất bôi trơn quen thuộc dậy lên. Bên tay phải tôi là bộ sưu tập dụng cụ kích thích hậu môn và dương vật nhân tạo khổng lồ, bên tay trái tôi là tập hợp các bộ đồng phục của nữ phục vụ người Pháp và nữ sinh trung học Nhật. Hàng dãy tạp chí treo đầy trên tường, nhưng thứ tôi thực sự muốn tìm là chồng đĩa video ở phía sau kia. Liếc qua mấy cái vỏ, tôi nhanh chóng thấy một đĩa phim của chính mình: Doctor Giving Bone, I Presume (Tôi đoán bác sĩ đang cho xương). (Tôi đã luôn coi đây là một trong những tên phim thú vị nhất của mình.) Tôi đặt nó trước mặt ông thu ngân hói đầu đeo mục kính. "Một lựa chọn hoàn hảo," ông ta nói bằng giọng không chút hào hứng.

Trở về tháp chuông, tôi nhét cái đĩa vào đầu video. Màn hình ti vi màu xanh dương ấm áp hiện lên và theo sau là logo công ty sản xuất phim cũ của tôi. Kịch bản, như mọi phim khiêu dâm khác, luôn đọng lại một cái gì đó đầy khao khát; thậm chí cả tôi - tác giả, diễn viên, đạo diễn, kiêm nhà sản xuất - cũng không rõ nó là cái gì. Bộ phim mở ra với cảnh một người phụ nữ, Anne, đang chuẩn bị đến lượt kiểm tra sức khỏe. Khi không tự mình mặc đồng phục khám bệnh được, cô nhờ mấy cô y tá giúp, và như bình thường, theo sau sẽ là các cảnh đồng tính nữ nóng bỏng. Vị bác sĩ (tôi) tình cờ bắt gặp mấy trò này, và không mảy may lo lắng về những hành động trái luân thường đạo lý hay dễ dẫn đến bệnh hoa liễu, đã quyết định liệu pháp trị liệu thích hợp nhất cho Anne là quan hệ qua đường hậu môn mà không dùng các biện pháp bảo vệ.

Tôi nghĩ về cái ngày bộ phim được bấm máy. Đồ ăn được đặt ở tiệm đồ ăn nhanh Trung Hoa của Sun Lee, ngay cuối phố, và người ta đã đưa đồ ăn đến khá muộn. Boyce Burgess phụ trách máy quay còn Irdman Dickson lo phần âm thanh, ấy thế mà, dù chúng tôi sẽ phải quay tất cả các cảnh trong buổi chiều hôm đó, Irdman lại say bí tỉ. Với tư cách đạo diễn, lẽ ra tôi đã khiển trách anh ta nặng nề nếu tôi lúc đó không phê cocaine. Thực ra, nếu coi kỹ phim, bạn sẽ thấy một cái thìa vàng trên dây chuyền của tôi nảy ra khỏi cổ áo bác sĩ khi tôi vỗ mông Anne qua cái bàn khám bệnh. Vì sự cố say xỉn của Irdman, âm thanh khá tệ và ở vài chỗ còn chả nghe ra cái gì. Thỉnh thoảng cũng có thể nghe được vài câu: gì đó về việc đo

nhiệt độ của Anne bằng cái "cặp nhiệt độ cỡ bự của tôi". Tôi nghĩ việc hầu hết các đoạn hội thoại đều không nghe được có khi lại là điều hay.

Cái cảnh mở màn này, đáng tiếc làm sao, lại là phần thông minh nhất trong cả bộ phim. Từ đoạn này trở đi, câu chuyện trở nên cực kỳ ngớ ngẩn. Một trong những cô tình nhân của tôi là bác sĩ tâm lý, cứ suốt ngày lải nhải về chứng thù địch với phụ nữ của tôi mỗi khi tôi đét đít cô. Trong khi đó, Anne dần mắc chứng hoang tưởng về các loại bệnh tật/cuồng dâm, luôn tin rằng bệnh dị ứng mèo của cô chỉ có thể trị dứt bởi hàng loạt liều dương vật.

Tất cả những trò này sẽ rất hài hước nếu không nói gì đến hình ảnh của tôi lúc ấy. Tóc tôi hất lên hất xuống với mỗi cú huých của vùng xương chậu, da tôi bừng sáng rực rỡ khi những giọt mồ hôi trườn từ cổ xuống ngực. Cơ tay của tôi cuộn lên mỗi khi tôi phát vào mông cô tình nhân ngu ngơ đáng yêu của mình, cho cô ta ra rồi lại lôi cô ta vào. Nụ cười của tôi kéo dài tới tận mép của cái miệng không phải đeo thiết bị banh hàm và mặt tôi căng ra trong trạng thái đợi chờ tuyệt diệu khi tôi chuẩn bị lên đỉnh.

Tôi phải tắt bộ phim đi: tôi muốn phát bệnh khi phải nhìn thân thể đẹp đẽ từng là của mình, rồi đem so với cái thứ khốn nạn tôi đã trở thành. Tôi muốn phát bệnh khi thấy, mãi mãi được đóng khung trong những thước phim, những giọt mồ hôi trên làn da mượt mà của tôi. Tôi, người không bao giờ có thể đổ mồ hôi được nữa. Đây có phải những gì Fred Astaire cảm thấy khi trở thành một ông già không còn khả năng nhảy múa không? Hình ảnh trai tráng của một con người sẽ trở thành thứ tra tấn họ không dứt khi họ về già; hình ảnh đó đã xử tử cả Fred Astaire lẫn tôi.

Khi tôi ấn nút thoát, cái đĩa õng ẹo trượt khỏi đầu video như một cái lưỡi lè ra trêu tức tôi. Tôi mang nó xuống lò sưởi trong phòng khách, đặt nó lên trên một chồng báo. Châm một que diêm, tôi đứng nhìn ngọn lửa bùng lên nuốt chửng cái đĩa phim.

Đó là lần cuối cùng tôi xem một bộ phim cũ của mình.

Sayuri đến chỗ chúng tôi một hoặc hai lần mỗi tuần, luôn luôn mỉm cười khi giúp tôi tập những bài tập với độ khó ngày càng tăng. Kết quả không có gì phải bàn cãi: các cơ co cứng trên cơ thể tôi bắt đầu thư giãn, lưng tôi bắt đầu chuyển dần từ hình dấu hỏi sang dấu chấm than. Tâm điểm của liệu pháp điều trị này là kiềm chế ham muốn sử dụng những cơ khỏe nhất thay vì những cơ thích hợp của cơ thể tôi. Sayuri tập trung giúp tôi đi đúng cách và đi bên cạnh với hai tay đặt lên mạng sườn tôi, bắt tôi giữ thẳng đầu. Cô sửa cách tôi vung tay, giúp tôi tăng khả năng giữ thăng bằng và luôn nhắc tôi nhớ dồn đều sức nặng xuống cả hai chân. Việc này trở nên cực kỳ khó khăn mỗi khi phải đi lên đi xuống cầu thang.

Đã thành thục những chuyển động cơ bản, chúng tôi bắt đầu lập kế hoạch đi bộ với tốc độ nhanh hơn và với quãng đường xa hơn. Bougatsa cũng đòi theo, vừa chạy quanh vừa sủa ăng ẳng. Sayuri ném cho nó một quả bóng để nó chạy đuổi theo, nhưng chủ yếu là để tống

khứ nó đi cho cô có thêm thời gian để ý đến tôi. Khi quay trở về nhà, chúng tôi tập bằng các dụng cụ Marianne Engel đã mua cho tôi. Có một ghế tạ, một máy Nautilus và một chiếc xe đạp tại chỗ. Sayuri tự quyết định món nào sẽ được áp dụng vào quá trình hồi phục của tôi.

Cô luôn luôn kiểm tra quần áo bảo vệ của tôi mỗi khi đến và thỉnh thoảng lại tìm được vài chỗ cần sửa chữa. Khi những vết sẹo trên mặt tôi dần lành lại dưới tác dụng liên tục của áp suất, cái mặt nạ của tôi cũng phải chỉnh lại theo. Sayuri sẽ đánh giấy ráp cho phù hợp, và cũng phải mang đến bệnh viện mấy lần để sửa lại. Một lần, cái mặt nạ được sửa xong nhưng lại sai sót; khi tôi chỉ cho Sayuri xem, cô mấp máy vài từ bằng tiếng Nhật: "Saru mo ki kara ochiru." Khi tôi hỏi câu ấy nghĩa là gì, cô trả lời, "'Thậm chí cả khỉ cũng có lúc rơi khỏi cây.' Nó nghĩa là..."

Tôi cắt ngang. "... nghĩa là thậm chí cả các chuyên gia cũng có lúc mắc sai lầm. Ừm, tôi đã nghe thấy câu này trước đây rồi."

Khi cô hỏi là ở đâu, tôi bảo cô nên hỏi bạn trai mình ấy. Cần phải nói là, tôi không tin mình đã gặp ai khi đỏ mặt lại có thể đáng yêu đến như Sayuri.

Có một khía cạnh của câu chuyện thời Trung cổ luôn làm tôi thắc mắc hơn bất cứ chuyện gì: việc Gertrud dịch một bản tiếng Đức của Kinh Thánh. Chuyện này, xin nhớ giùm tôi, xảy ra đúng hai trăm năm trước khi Martin Luther bắt tay thực hiện bản dịch nổi tiếng của mình. Nhà thờ đã phản đối kịch liệt tác phẩm của Luther, thế thì sao họ lại có thể cho phép xơ Gertrud làm thế chứ?

Tôi tiếp cận vấn đề theo cách tôi vẫn luôn làm, và kết quả bất ngờ đầu tiên trong nghiên cứu của tôi là phát hiện ra khi cuốn Die Luther Bibel xuất hiện, đã có hàng loạt bản dịch Kinh Thánh bằng tiếng Đức rồi; Luther chỉ đơn giản là người đầu tiên dịch sang ngôn ngữ của lớp người bình dân mà thôi. Những bản dịch trước là những bản dịch bám sát nguyên tác với các thành ngữ khó hiểu và hầu như chỉ những độc giả có thể đọc bản tiếng Latin mới hiểu được.

Bản Kinh Thánh bằng tiếng Đức cổ nhất là một bản dịch theo phong cách Gothic của Ulfilas hồi thế kỷ thứ tư, ra đời trước bản tiếng Latin hàng chục năm. Là một người xuất chúng, Ulfilas nhận thấy cần phải lập cả một bảng chữ cái để viết cuốn sách của mình nên ông đã sáng tạo rất nhiều thuật ngữ Thiên Chúa giáo bằng tiếng Đức đương thời. Chỉ một phần một bản viết tay của cuốn Kinh Thánh này, được biết đến với tên Codex Argenteus hay Silver Bible, là còn tồn tại, hiện được lưu tại Thư viện Quốc gia Uppsala. Sau đó là bản viết vào thế kỷ thứ chín ở Fulda, với bản dịch bốn cuốn đầu tiên trong Kinh Cựu ước bằng tiếng Đức thời Thượng cổ và một bản đầy đủ hơn, nhưng không chính quy, dịch Kinh Thánh vào khoảng năm 1260. Một vài đoạn trong Kinh Thánh, ví dụ như Kinh cầu Chúa, từ lâu đã được dịch sang tiếng Đức, nhưng chẳng có bằng chứng nào xác thực có người đã hoàn chỉnh cả bản Kinh Thánh bằng tiếng Đức tại thời điểm Gertrud được cho là đang dịch nó cả - dù

người ta cũng nói rằng không lâu sau đó, vào năm 1350, một bản Kinh Tân ước hoàn chỉnh đã xuất hiện tại Augsburg.

Đến đây mọi thứ đều logic: có lẽ thời điểm đầu thế kỷ mười bốn rất thích hợp cho người ta bắt tay vào thực hiện cả một dự án đồ sộ, vậy tại sao đó không phải là xơ Gertrud của tu viện Engelthal nhỉ?

Thực sự thì, có rất nhiều lý do, nhưng có lẽ không gì bằng sự sùng đạo cuồng nhiệt của chính Gertrud - hay ít nhất, là nỗ lực hết mình tỏ ra ngoan đạo. Bà không muốn tiến hành dưới bất cứ hình thức nào có thể bị coi là báng bổ thánh thần, và hành vi dị giáo cũng chỉ dừng ở mức dịch Kinh Thánh trái phép. Trước khi khởi sự một nhiệm vụ kinh thiên động địa thế này thì Gertrud bắt buộc phải được sự cho phép của cấp trên, và có thể nói việc đề nghị đó được chấp thuận là gần như không thể. Nhưng đó mới chính là cốt lõi của vấn đề - "gần như là không thể" chứ có phải "không thể" đâu.

Tu viện trưởng của Engelthal là một phụ nữ đã có tuổi; liệu sự từng trải của bà có cho phép bà chấp nhận một bản dịch mà bất cứ một nhà chức trách có đầu óc nào cũng sẽ từ chối không? Những chuyện kỳ lạ vẫn hay xảy ra. Tuy nhiên, nói thế thì có người sẽ nghĩ là Gertrud phải được phép của tu viện, mà thực ra điều đó cũng chẳng cần thiết. Có lẽ bà đã ra ngoài để tìm một quan chức giáo hội có kế hoạch của riêng mình; nên nhớ rằng Nhà thờ khét tiếng với những trò thao túng chính trị sau cánh gà. Có thể một nhân vật quyền cao chức trọng nào đó đã thông qua công trình của Gertrud với tư cách là một phần của kế hoạch lớn hơn, và Gertrud hẳn rất vui mừng bỏ qua việc bà chỉ là một con tốt thí miễn là được phép thực hiện tác phẩm của mình. Đó thực sự là một canh bạc đầy bất trắc, nhưng lách luật với sự giúp đỡ của một vị tai to mặt lớn thì bao giờ chẳng dễ dàng hơn.

Tất cả chỉ là giả thiết mà thôi, hiển nhiên rồi. Lý do Gertrud cho rằng bà có thể thực hiện dự án đó vẫn là một câu hỏi chưa có lời giải đáp thỏa đáng, nhưng tôi có thể đưa ra một khả năng khác: có lẽ tôi đã đánh giá thấp khát vọng được đời sau nhớ đến của bà. Hư danh vừa là một nguồn động lực mạnh mẽ vừa là một kẻ lừa gạt tài tình, và cái ý tưởng để lại một di sản vĩnh cửu có thể khiến người cẩn trọng nhất cũng trở nên liều lĩnh. Có lẽ bà đã tự thuyết phục bản thân rằng mình chẳng làm gì sai trái dù không được cho phép. Xét cho cùng, bà đã dịch từ bản tiếng Latin được viết vào thế kỷ thứ tư, và niềm tin vững như kiềng ba chân vào bản dịch tuyệt vời của mình có lẽ đã đẩy bà tới mức rốt cuộc đánh cược vào việc cuốn Kinh Thánh của bà sẽ hay đến độ không thể bị phạt. Ta có thể hình dung bà lý luận rằng sự tồn tại của cuốn Die Gertrud Bibel đủ để miễn tra cứu nguồn gốc bí ẩn của nó, và vì tác phẩm phải kéo dài cho tới cuối đời, có lẽ bà cũng sẵn lòng chấp nhận mạo hiểm. Các nhà chức trách còn làm gì được với một bà già biết chỗ của mình trên Thiên đường đã được sửa soạn xong cả rồi chứ?

Khi cuối cùng tôi cũng hỏi Marianne Engel việc dịch cuốn Die Gertrud Bibel là do ai thông qua, tôi đã mong nhận được một câu trả lời chắc chắn hoặc một lời đáp đầy mâu thuẫn có thể vùi dập câu chuyện đó một lần và mãi mãi. Nhưng câu trả lời của cô chẳng hề trùng khớp.

"Hồi đó tôi còn quá nhỏ nên chẳng mảy may thắc mắc gì, mà Gertrud cũng chẳng bao giờ nói. Bà lúc nào cũng giữ bí mật về chuyện đó và không một nữ tu nào được hé lộ câu gì ngoài phòng viết cả."

"Chẳng lẽ họ không phản kháng à," tôi hỏi, "nếu họ tin là có gì đó không chính đáng?"

"Có lẽ họ sẽ phải đối chất trên Thiên đường vì những gì mình đã làm," cô nói, "nhưng tôi nghĩ ở đây trên mặt đất này thì họ sợ Gertrud và Agletrudis hơn."

Marianne Engel có vẻ rất hài lòng về chuyện tôi thực sự quan tâm đến mọi khía cạnh của câu chuyện cô kể, và điều đó đã thúc đẩy cô hỏi liệu tôi có muốn nghe tiếp không.

"Dĩ nhiên," tôi nói.

CHƯƠNG 24

au lưng tôi là cuộc sống duy nhất tôi từng biết, và trước mặt tôi trải ra một cuộc sống tôi chẳng thể nào tưởng tượng nổi. Vừa đi, tôi vừa ngoái lại nhìn hình bóng cha Sunder dần khuất trong màn đêm. Ông đã luôn hiện diện trong cuộc đời tôi từ những hồi ức đầu tiên, vậy mà giờ ông không còn bên tôi nữa. Chỉ khi đó tôi mới nhận ra là cả tôi lẫn anh đều không có chút ý tưởng nào về nơi chúng ta sẽ đến cả.

Anh dẫn đường, vờ như biết mình đang làm gì, đưa chúng ta ra xa khỏi Engelthal. Tôi ngờ rằng anh đang lo lắng không biết liệu có một toán nữ tu đang chạy theo truy lùng chúng ta không; có lẽ điều anh bận lòng hơn cả là tôi có thể nhụt chí mà quay trở lại. Thế nên anh cứ tiếp tục tiến về phía trước, dù thực tế anh vẫn phải chịu đau đớn vì những vết bỏng, và tôi đã phải hộc tốc để theo kịp anh. Chân tôi ngập trong bùn nhưng tôi quyết tâm cho anh thấy dù anh đi nhanh thế nào, tôi cũng bắt kịp được. Tôi nghĩ điều đó rất quan trọng với mình vì chính tôi cũng không biết đó có phải sự thật không.

Tôi có thể thấy chiến tranh đã dạy anh quên đi những đau đớn thể xác và tiến bước chỉ bằng ý chí bản thân. Tôi đã giúp đỡ quá trình hồi phục của anh, tôi biết những nỗ lực này còn vượt xa tất cả những gì anh đã làm khi được đưa đến Engelthal, và tôi rất ngưỡng mộ sức chịu đựng của anh - cho tới khi, sức chịu đựng ấy bất thình lình suy kiệt.

Anh trượt chân xuống bùn và loạng choạng ngã. Anh cố đứng ngay dậy nhưng không được: ngay khi đứng lên được, anh lại mất thăng bằng một lần nữa. Lần này, khi ngã xuống, anh lấy tay chống, nhưng vùng da co rúm trên ngực đã làm anh rên lên đau đớn. Theo bản năng, anh thu tay lại và chúi mặt xuống bùn.

Tôi cúi xuống đỡ anh và hành động tức thì của anh là đẩy tôi ra. Rồi, có lẽ nhận ra để tiếp tục tiến bước thì chúng ta phải phối hợp cùng nhau, anh để tôi giúp anh đứng dậy. Anh nói, cố ra vẻ đùa cợt, "Tôi nghĩ một con quỷ đã cố kéo tôi xuống đấy."

Một lúc sau, anh đã hồi phục nên chúng ta có thể rời tới trú dưới một gốc cây. Rồi chúng ta ngồi đó, thân lấm đầy bùn, chờ mưa tạnh. Chúng ta rúc vào nhau để lấy hơi ấm và đây là lần đầu tiên tôi ở gần một cơ thể khác, nói gì đến cơ thể một người đàn ông, nhưng nó lại chẳng giống với những gì tôi từng tưởng tượng. Tôi biết giây phút này thế nào cũng đến và từng nghĩ nó sẽ hồi hộp khủng khiếp, nhưng tôi chỉ cảm thấy một nỗi sợ mơ hồ rằng mình đã sai lầm khi quyết định rời khỏi Engelthal.

Đây là điểm khởi đầu của cuộc sống chung giữa hai chúng ta: trong làn mưa lạnh giá, không thể tiến lên phía trước, đợi buổi sáng đến và có lẽ - có lẽ - mặt trời sẽ mang tới chút nắng ấm. Có lẽ, tôi nghĩ, đây là dấu hiệu để tôi quay lại. Tôi sẽ trở lại trước khi bất cứ ai biết là tôi đã biến mất, và tôi sẽ giả ốm trong phòng. Một hay hai ngày gì đấy, tôi sẽ trở lại làm việc, và đời cứ thế trôi đi như trước.

Nhưng không. Agletrudis còn lâu mới ỉm hành động của tôi đi, và tôi cũng không thể để mặc một người đàn ông đang đau yếu bên vệ đường được, đặc biệt lại là một người tôi cảm thấy thực sự phải có trách nhiệm. Tuy nhiên, tôi vẫn không thể không nghĩ tới sự bình lặng của tu viện và vị trí của tôi ở đó. Nhà tôi là ở phòng viết, giữa những cuốn sách. Nhưng dưới một cái cây, trong cơn bão, với một người đàn ông tôi hầu như không biết nhưng cũng là người tôi đã đặt cả tương lai vào: sao đó có thể là kim chỉ nam của đời tôi cơ chứ?

Và chẳng có cách nào khác ngoài việc đợi cho đêm tối qua đi.

Rồi mặt trời cũng mọc nhưng vẫn chưa thể xuyên qua những đám mây xám xịt, cơn mưa thưa dần nhưng vẫn chưa chịu tạnh hẳn. Chúng ta bắt đầu đi tiếp, nhưng vẻ mạnh mẽ của anh đã tan biến. Mọi nỗ lực bước đi đều là sự thách thức, và mọi bước đi thành công đều là một niềm hân hoan lớn. Tôi luôn ở cạnh anh với mỗi thắng lợi nhỏ bé này, tôi quàng tay qua người anh, lo ngại rằng nếu lại ngã xuống thì anh sẽ không đứng dậy được nữa.

Rồi may mắn cũng đến với chúng ta, dưới hình dạng một chiếc xe bò. Tiếng chân bò gõ lọc cọc trước mặt chúng ta, anh bèn vẫy tay ra hiệu cho người đàn ông dừng lại. Anh hỏi người đó đang đi về đâu - câu trả lời là Nürnberg, tới chợ - nhưng khi anh xin được đi nhờ, người nông dân đã thẳng thừng từ chối. Có chỗ nào để ngồi giữa một đống lợn thế này cơ chứ, ông ta nói, chỉ vào chỗ hàng đang chở.

"Hai con giá bao nhiêu?" anh hỏi.

Người nông dân ra giá và anh lấy số tiền tương ứng trao cho ông ta, rồi chậm rãi trèo lên chiếc xe bò. Anh cố nâng một con lợn lên nhưng không đủ sức bèn gọi tôi và cả hai ta hợp lại đủ để làm việc đó. Ngay khi con lợn chạm chân xuống đất, nó vội rú lên eng éc và chạy biến vào rừng, và chúng ta lại cho con thứ hai một kết cục tương tự. Anh quay về phía người lái xe đang há hốc mồm và nói, "Giờ đã có chỗ cho chúng tôi rồi đấy."

Người nông dân càu nhàu thừa nhận rằng ông ta nên làm thế. Tôi có thể thấy ông ta chẳng vui vẻ gì khi có bạn đồng hành là người, nhưng ông ta cũng thừa biết anh sẽ không cho ông ta cứ thế lái đi mà bỏ chúng ta lại đâu. Vì ông ta đã nhận tiền rồi, tặc lưỡi đồng ý có vẻ dễ dàng hơn là tiếp tục tranh cãi.

Những con lợn chen lấn nhau trong suốt chuyến đi, đâm bổ vào chúng ta với vẻ tò mò, dò la chúng ta với mấy cái mũi khụt khịt của chúng. Lúc đầu tôi còn cố xua chúng đi, nhưng những nỗ lực cuối cùng cũng nguội đi vì tôi nhận ra chúng chẳng còn chỗ nào để đi cả. Nếu tôi đẩy được một con ra, ngay lập tức một con khác sẽ nhảy vào thế chỗ. Chúng kêu eng éc liên tục nhưng tiếng ồn cũng chẳng là gì so với mùi hôi, và khi cuối cùng chúng ta cũng tới được ngoại ô Nürnberg, tôi tin chắc Chúa đã viện đến phân lợn để gửi thông điệp của Người.

Người nông dân thả chúng ta xuống một nhà trọ, tôi đoán có lẽ ông ta có thâm thù gì đó với người chủ. Chúng ta hiển nhiên là hai người lạ, lại bốc mùi, đang cố xin thuê một phòng. Chủ nhà trọ có vẻ do dự, chẳng biết xử trí thế nào với một người đàn ông bị bỏng và một nữ tu đi cùng một bầy gia súc, lại còn định thuê chung một phòng nữa chứ. Nhưng anh đã dúi cho ông ta thêm một ít tiền và tôi đề nghị sẽ cầu Chúa chúc phúc cho ông ta, đảm bảo với ông ta rằng dù trông tôi có thế nào thì Chúa cũng vẫn cứ nghe lời cầu nguyện của tôi như bình thường. Ông ta cuối cùng cũng dè dặt kiếm cho tôi và anh một phòng cuối dãy, biệt lập khỏi những phòng trọ khác, và chúng ta chỉ được phép vào ở nếu chịu tắm rửa giặt giũ tại một con suối gần đó trước.

Chỉ có một chiếc giường duy nhất trong phòng và điều này đã nhấn mạnh chuyện tôi đang cố gắng hết sức để không nghĩ tới. Hiển nhiên là có tính nhục dục trong những cuộc trò chuyện giữa chúng ta tại Engelthal. Tôi biết tôi không bỏ đi chỉ để sống như em gái anh, nhưng tôi chẳng biết chút gì về quan hệ nam nữ cả. Những gì tôi nghĩ hẳn đã lộ hết trên mặt. Anh đi ra giữa phòng và trải vài mảnh vải ra, nói rằng anh đã quen nằm đất từ những ngày ở trong đội lính đánh thuê rồi. Anh chẳng nhìn tôi lấy một lần khi tôi cởi bộ đồ ướt nhoẹt của mình ra và trèo lên giường, và tôi vẫn luôn luôn ghi tâm sự tốt bụng đó của anh.

Dù thực sự rất mệt mỏi, tôi vẫn không tài nào ngủ được. Có lẽ anh nghe thấy tiếng chân tôi cứ cọ vào giường bồn chồn lo lắng, hoặc có thể là do hơi thở của tôi không được thoải mái. Dù vì lý do gì đi nữa, sau vài phút anh gọi, "Marianne?"

Tôi gần như hoảng sợ đến nỗi không dám trả lời nhưng cuối cùng cũng đáp lại. "Vâng."

"Không phải một khởi đầu thực sự tốt đẹp, nhưng dù gì đi nữa nó vẫn là một khởi đầu," anh nói. "Tôi hứa nó sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Còn tối nay thì cứ ngủ đi và biết rằng em đã an toàn rồi."

Anh không thể tưởng tượng được những lời đó đã làm tôi trấn tĩnh đến mức nào đâu, và để đáp lại, tôi đã làm điều tôi có thể. Tôi đưa cho anh sợi dây có mặt là đầu mũi tên - không đủ can đảm để tự tay đeo nó vào cổ anh - và nói rằng cha Sunder đã ban phúc để nó luôn bảo vệ anh.

"Thế thì tôi sẽ đeo nó mãi mãi, và sẽ đeo nó đầy kiêu hãnh," anh nói, "và tôi cám ơn em."

Chúng ta ngủ cho tới tận tảng sáng hôm sau và quyết định ở lại thêm một đêm nữa để hồi phục trước khi tiếp tục cuộc hành trình. Chúng ta phải tự quyết định tương lai của mình và thậm chí cả điều này cũng làm tôi lo sợ, vì chúng ta đã có thể tự do chọn lựa điều gì sẽ xảy ra tiếp theo trong cuộc đời mình. Tự do lựa chọn là việc anh không thể làm từ khi gia nhập đội quân condotta, và là điều tôi chưa từng biết tới.

Người chủ nhà trọ chuẩn bị bữa tối cho chúng ta và tôi thực sự ngạc nhiên khi thấy thức ăn có thể ngon đến thế. Hãy nhớ, các nữ tu luôn được dạy rằng sự khiêm tốn của họ được đo đếm bởi sự đạm bạc trong việc nấu nướng. Anh và tôi nói chuyện luôn miệng khi ăn. Chúng ta đều muốn tới một nơi nào đó rộng lớn một chút, để hòa vào đám đông càng nhiều càng tốt, vì những lý do rất hiển nhiên. Hai thành phố lớn nhất vùng là Nürnberg, nhà trọ của chúng ta nằm ven nơi này, và Mainz. Có rất nhiều công trình đang được xây dựng tại Mainz, phần lớn là các nhà thờ mới, vì thế đó là một điểm lợi cho chúng ta. Ngoài nghề cung thủ ra thì nghề duy nhất anh được đào tạo bài bản là thợ xây, thế nên đó là việc anh định làm để kiếm sống. Sẽ chẳng dễ dàng gì, vì anh đã bỏ nghề hơn chục năm rồi và vẫn còn chưa hồi phục khỏi những vết bỏng, nhưng chúng ta chẳng còn lựa chọn nào tốt hơn cả. Anh để dành được chút tiền từ hồi còn làm lính và huynh trưởng Heinrich cũng đã dúi vào tay tôi ít tiền trước khi chúng ta rời đi, vì thế chúng ta cũng có thể chống chọi được một thời gian.

Có một lý do nữa cho việc chọn Mainz: nó có một sự cân bằng lạ lùng giữa đời sống tâm linh và thế tục. Những cư dân ở đó đã giành được quyền tự bầu chính quyền của mình và tự điều hành các vấn đề tài chính, thay vì để cho Nhà thờ gánh toàn bộ trách nhiệm. Dù vị trí của tôi ở Engelthal chẳng quan trọng cho lắm, tôi vẫn cảm thấy khá hơn nếu chúng ta tới sống ở một thành phố có chút tự trị. Nürnberg quá gần Engelthal cả về địa lý và lịch sử - xét cho cùng, chính từ Nürnberg mà Adelheit Rotter đã lãnh đạo những người Beguine thành lập tu viện đấy thôi.

Đã quyết định lựa chọn Mainz, giờ chúng ta sẽ phải tìm cách đến đó. Tôi không thể đi xa hơn trong bộ quần áo nữ tu của mình, vì tôi sẽ lại có cảm giác mình đang lừa dối mọi người. Dù vẫn chưa biết phải gọi mình là gì, nhưng tôi cũng hiểu mình không còn là nữ tu nữa. Chúng ta tìm được một cửa hàng bán loại quần áo thịnh hành thời đó, và đó cũng là nơi tôi học thêm được về trang phục. Tôi thử một chiếc áo choàng kiểu Pháp với ống tay áo rộng thùng thình, loại áo tôi đã được dạy là "cửa sổ dẫn tới Địa ngục" vì chúng cám dỗ đàn ông khám phá bên trong. Kiểu quần áo như thế không dành cho tôi. Cuối cùng tôi quyết định mặc quần bó và một chiếc áo thụng giản dị. Tôi gói mấy cái áo choàng nữ tu của mình rồi cất vào trong túi đeo vai thay vì ném chúng đi. Dù có muốn đi nữa, tôi cũng chẳng thể nào ném chúng đi như một đống rác được.

Chúng ta tiến vào Mainz từ hướng Đông, qua những cánh cổng mở ra phía sông Rhine. Anh không thể tưởng tượng nổi điều đó đã cuốn hút tôi đến thế nào đâu. Mọi người cứ hò hét ầm ĩ! Tôi biết cũng không hẳn là thế, nhưng hãy nhớ rằng tôi đã sống cả đời trong tu viện. Chúng ta luồn qua đám đông gần chỗ những sạp bán thức ăn, và đi qua đám người say xỉn loạng choạng bước ra khỏi mấy quán rượu. Chẳng một ai cúi chào tôi như cách họ luôn làm nếu tôi mặc áo choàng tu sĩ. Tôi chỉ là một công dân khác mà thôi.

Chúng ta tiến về phía khu dân nghèo của thành phố, tìm kiếm những chỗ trọ rẻ hết mức. Cuối cùng chúng ta cũng tìm được một nhà trọ nhỏ ở khu định cư cho người Do Thái đằng sau cửa hàng của một cặp vợ chồng đã có tuổi. Họ hơi bối rối vì không hiểu tại sao chúng ta lại muốn sống ở đó, vì người phụ nữ đã nhận ra ngay tôi là người theo Thiên Chúa giáo. Tôi đảm bảo với họ rằng tôi không bao giờ muốn cải đạo, và thế là quá đủ. Tôi nghĩ sự chân thành của chúng ta là rất rõ ràng và họ có thể thấy chúng ta chỉ là một đôi trẻ đang yêu. Chúng ta có thực sự như thế hay không thì lại là chuyện hoàn toàn khác - tôi vẫn chưa chắc chắn lắm - nhưng ít nhất đó cũng là những gì chúng ta cho bà chủ nhà thấy. Chúng ta trả trước vài tháng tiền thuê nhà và họ thậm chí còn cho chúng ta ít bánh mì làm quà nữa.

Chúng ta đi thám thính thành phố một lúc, vì anh vẫn chưa thực sự sẵn sàng bắt tay vào công cuộc tìm việc. Tôi đã luôn chắp tay cầu nguyện trong suốt tuần đầu tiên, cầu mong chúng ta sẽ có tình cảm với thành phố này, và quan trọng hơn, cầu mong chúng ta sẽ tiếp tục có tình cảm với nhau. Mainz chỉ rộng độ một đến hai kilomet, không quá lớn, nhưng cũng phải có đến hai mươi nghìn dân. Một mật độ khá lớn vào thời đó. Có một khu dân cư trung tâm với một cái chợ ở góc Đông Bắc thành phố, và khi đến đó lần đầu tiên chúng ta đã lạc vào một lễ hội sôi động chưa từng thấy. Tòa thị chính đặt ở đó, cùng với một bệnh viện được dựng lên để tôn vinh các thánh thần, tôi đã từng gợi ý chuyển anh đến đó khi anh mới bị bỏng. Có một vườn cây ăn quả ở góc phía Tây, và cả một trại nuôi lợn do các tăng lữ dòng Antonite điều hành nữa. Vì lý do nào đó, họ tin rằng chăn lợn là sự bổ sung hoàn hảo cho việc chăm lo người ốm của mình.

Số lượng các hội thánh ở Mainz quả là đáng ngạc nhiên. Có các tu sĩ dòng Franciscan, dòng Augustinian. Dòng Teutonic, dòng Carthusian, dòng Magdalen, và... tôi không biết, nhiều đến nỗi không thể nhớ nổi. Nhưng tôi hứng thú nhất với dòng Beguine, những nữ tu thực thụ mà chẳng cần theo một hội thánh đặc thù nào. Cứ xem hoàn cảnh của tôi thì rõ, anh có thể thấy tôi cảm thấy có gì đó rất gần gũi với họ - họ không thực sự thuộc về Giáo hội nhưng cũng chẳng thuộc về giới trần tục. Họ dường như có mặt ở khắp nơi trên phố và điều đó làm tôi cảm thấy thoải mái hơn một chút. Dù đã rời bỏ Engelthal, tôi không hề có ý định rời bỏ Chúa.

Thánh đường của thánh Martin vượt trội hơn hẳn những nhà thờ khác trong thành phố. Nó được xây dựng dưới sự chỉ đạo của Tổng giám mục Willigis vào khoảng năm 1000, vì ông cần một nơi tôn nghiêm sau khi quyền được tấn phong tại Mainz của các vị vua Đức đã được củng cố. Nhưng ngay trước hôm chính thức khánh thành, nhà thờ thánh Martin bị cháy. Từ đó nó hình như trở nên khoái lửa, vì trên thực tế, đến khi chúng tôi tới thì nó đã bị lửa thiêu hai lần rồi. Tôi luôn nghĩ rằng chuyện ấy có gì đó rất hợp lý. Bị thiêu ba lần, hồi sinh ba lần.

Nhà thờ thánh Martin mang một vẻ đẹp diệu kỳ. Nó có những cánh cửa bằng đồng sáng loáng với một bức tượng đẹp mê hồn tạc cảnh Chúa bị đóng đinh, có cả những cánh cửa sổ trang trí họa tiết gân lá khiến cả gian giữa thánh đường ngập tràn những sắc màu kỳ ảo trong những ngày nắng rực rỡ. Bục chính cho dàn đồng ca được đặt sau cánh ngang còn bục phụ đặt ở hướng Đông. Mộ của một số vị Tổng giám mục như - Siegfreid von Epstein, tôi nghĩ thế, và Peter von Aspelt đặt tại đây. Trong thời gian chúng ta ở Mainz, nhà thờ còn được đặt thêm ngôi mộ của Tổng giám mục xứ Bucheck. Ta không thể nào bước chân vào nơi đây mà không cảm thấy sức nặng của lịch sử.

Sau khi chúng ta kết thúc cuộc hành trình khám phá thành phố, anh liền bắt tay vào tìm việc. Anh biết mình sẽ phải bắt đầu lại từ con số không, nhưng anh luôn tin chắc mình có thể xoay xở tất cả. Mỗi buổi sáng anh dậy thật sớm để đi đến những nhà thờ đang xây dựng, và mỗi ngày anh đều bị bọn họ từ chối. Rồi anh bắt đầu đi đến những ngôi nhà tư nhân đang xây dựng dở dang, nhưng những công trình này cũng từ chối anh nốt. Anh đã trở thành một con chó săn ngộ nghĩnh nổi tiếng quanh khu công trình xây dựng, nhưng dù anh có làm gì đi nữa, cũng chẳng ai chịu nhận anh cả.

CHƯƠNG 25

ấn đề đầu tiên là tại anh không chịu nói dối. Khi những người quản lý hỏi kinh nghiệm, anh luôn thật thà nói rằng mình đã không làm thợ xây một thời gian rồi. Khi họ hỏi anh làm gì trong khoảng thời gian đó. Anh trả lời rằng anh đi lính. Nếu bị vặn hỏi chính xác là kiểu lính nào, anh sẽ giữ im lặng. Nhưng lý do thật sự khiến anh bị từ chối, hết lần này đến lần khác, là vì những vết bỏng của anh. Chúng không nhiều như bây giờ đâu, nhưng cứ thử hình dung ra độ mê tín ở cái thời đó thì biết. Ai biết một người bị bỏng đã dính líu đến cái gì, đặc biệt là nếu anh ta không chịu nói rõ ra? Hẳn là anh ta đã làm một chuyện gì đó rất xấu xa, hiển nhiên rồi.

Đêm đêm anh lê bước về nhà, nhưng anh dừng lại một chút trước cửa phòng chúng ta. Anh rũ quần áo cho thật thẳng thớm, anh nắm chặt tay lại rồi xòe tay ra vài lần trước khi hắt ra một nụ cười. Tôi biết điều này vì tôi thường nhìn anh qua ô cửa sổ nhỏ. Trước khi anh bước vào, tôi sẽ chỉnh lại tư thế ngồi để anh không thể biết là tôi đã chứng kiến cảnh ấy.

Chuyện tôi khó thích nghi với cuộc sống mới thì lại khác. Tôi cảm thấy bị đè bẹp bởi sức nặng của tự do. Không còn phải cầu kinh theo lịch nữa, tôi đến thăm thú các nhà thờ trong vùng vào những lúc rảnh rỗi, nhưng cầu kinh khi đó rất khác vì tôi thực sự không bị bắt buộc. Tôi bắt đầu tự học nấu nướng, một điều tôi chưa từng làm khi còn ở tu viện. Tôi ngập trong rau xanh và hoa quả, nghĩ mình không thể phạm sai sót, cho tới khi, sau vài tuần, anh nói thích món gì đó "có chất" hơn. Có nghĩa là món gì được nấu chín, món gì liên quan đến thịt thà ấy. Nấu chín quá, nấu chưa kỹ, kết hợp không hoàn hảo cả hai trạng thái, tôi luôn phá hỏng hầu như tất cả mọi thứ tôi châm lửa vào. Anh cười xòa trước những cố gắng của tôi, giấu những mẩu thức ăn thừa vào trong túi áo và nói rằng tôi ngày càng tiến bộ. Anh lại đối xử tốt với tôi nữa rồi. Cuối cùng bà chủ nhà của chúng ta, người không chịu nổi cái mùi phát ra từ trong bếp thêm chút nào nữa, đã chỉ cho tôi đủ ngón nghề để có thể tự xoay xở được.

Nhưng nấu nướng còn khá dễ dàng nếu so với việc thực hiện bổn phận của một người yêu. Chúa ơi, thật khủng khiếp! Nhưng một lần nữa anh lại hết sức kiên nhẫn, rõ ràng còn kiên nhẫn hơn cả những gì tôi có thể mong đợi nữa. Có lẽ một phần là do những vết bỏng của anh; vài đêm anh yếu đến nỗi không chịu được việc bị đụng chạm nữa. Anh không trong sáng gì và tôi phải ngây thơ lắm mới tin vào điều ngược lại, nhưng anh chưa bao giờ xin lỗi việc mình đã gần gũi nhiều phụ nữ trước tôi. Trước và sau khi chúng ta gặp nhau là hai chuyện hoàn toàn khác, thế thôi. Cùng với việc tôi bỏ lại cuộc sống trước kia của mình ở phía sau, tôi phải chấp nhận rằng anh cũng có thể làm thế. Phần lớn thời gian việc đó cũng không quá khó khăn, dù thỉnh thoảng tôi cũng phải tống sự ghen tuông của mình vào tủ quần áo những lúc anh không để ý.

Kinh nghiệm của anh trong chuyện tình dục thực sự có ích. Lạ lùng thay, đó cũng y hệt như chuyện tôi đã dành cả đời để cố gắng, nhưng thất bại, để có thể toàn tâm toàn ý với tình yêu tâm linh. Tôi không bao giờ phải dẫn lối chỉ đường, tôi chỉ cần nhận. Anh mang đến cho tôi một thứ cảm xúc xác thịt tôi chưa từng nghĩ mình có thể sở hữu. Tôi đã phát hiện ra rằng tôi... Nhìn tôi này, bao nhiêu năm đã trôi qua, mà tôi vẫn còn đỏ cả mặt. Tôi vẫn không thể nói về chuyện đó. Cứ cho là tôi đã luôn sống theo đúng lời thề của mình, nhưng sau vài tháng ở cùng anh tôi đã nhận ra một cuộc đời đức hạnh hầu như chẳng phải cuộc sống đích thực.

Dù sao, tôi cũng đã thích nghi được với cuộc sống ngoài tu viện. Tôi vẫn đến nhà thờ thánh Martin nhưng chẳng mấy chốc tôi đã chuyển sang cầu nguyện cho sức khỏe của anh và mong anh chóng tìm được việc làm, nghĩa là giờ đây tôi cầu nguyện cho những gì tôi mong sẽ xảy ra chứ không phải cho những gì Chúa đã mang lại. Ngoài nhà thờ, tôi bắt chuyện với mấy cô Beguine trên phố và kết bạn được với vài người.

Giáo hội về cơ bản coi việc mấy kẻ vô danh tiểu tốt cứ đòi xía vào việc của Chúa là không hợp tí nào, nhưng tôi thì không thấy thế. Những người Beguine làm việc trên phố và thực hiện đúng lời thề sống trong nghèo khó của họ; họ hoàn toàn tương phản với những người sống trong nhà thờ, vì tôi đã phát hiện ra rằng phần lớn các linh mục đều không xứng đáng và thậm chí có người còn biển thủ của công nữa. Người Beguine tự cung tự cấp bằng những đồ thủ công nhỏ và những công việc trong bệnh viện, bằng lòng với những món tiền người dân tự nguyện quyên góp, thay vì áp chế thuế má bắt buộc. Hằng đêm họ sẽ quay trở lại nghỉ tại dãy nhà nhỏ của mình để lại bắt đầu quy trình vào sáng hôm sau, và sự thành tâm của họ thì không có gì phải bàn cãi. Chẳng bao lâu sau tôi đã nhận ra rằng lý do chính để Giáo hội chống lại người Beguine là vì những kẻ vô danh tiểu tốt này biến Giáo hội thành kẻ xấu.

Những người Beguine không thể hiểu tôi thật sự là ai. Tôi có thể nói hàng giờ về Kinh Thánh và tôi có thể đọc được cả tiếng Latin lẫn tiếng Đức. Tôi đã học tất cả sách của các học giả và chuyên gia. Tôi biết về Mechthild von Magdeburg, nữ tu sĩ có tầm ảnh hưởng lớn tới những người Beguine, và tôi cũng chẳng lạ gì kiệt tác của bà, Ánh sáng rực rỡ dịu dàng của Chúa Thánh Thần. Tôi biết tất cả những thứ này nhưng tôi không thể - không bao giờ - nói cho họ biết là bằng cách nào và tại sao. Tôi gây ấn tượng tốt nhưng lại rất khó hiểu. Cái họ quan tâm nhất, tuy thế, lại là tri thức khổng lồ của tôi về việc làm sách. Tôi biết nhiều hơn cả các chuyên gia của họ, những người đang soạn những cuốn Kinh Thánh cho dân nghèo được họ phân phát khắp nẻo đường góc phố.

Mùa đông đang đến gần: anh vẫn chưa tìm được việc làm, và những lời từ chối liên tục đã thành gánh nặng trên vai anh. Những người quản lý thi công ngày một trở nên thù địch với mỗi chuyến viếng thăm của anh, và hằng đêm anh lại lê bước về nhà với vẻ mệt mỏi hơn.

Anh bắt đầu cằn nhằn bản thân vì không đủ khả năng để "làm chuyện bất cứ một người đàn ông tử tế nào cũng phải làm được". Tôi lại được thêm một bài học nữa về thế giới bên ngoài, bài học về lòng kiêu hãnh đàn ông. Tôi muốn giúp anh nhưng mọi gợi ý đều chỉ làm anh giận dữ. Dù biết anh giận dữ với chính bản thân mình chứ không phải với tôi, tôi vẫn thấy mọi việc dễ dàng hơn chút nào.

Một trở ngại lớn khác là anh không có giấy tờ tùy thân, lẽ ra là thứ phải có với bất cứ một người thợ nào ở tuổi anh. Đó không phải lỗi của anh, anh đâu có dự liệu chuyện cả cha lẫn mẹ đều mất khi anh còn nhỏ đâu, nhưng như thế cũng chẳng giải quyết được vấn đề. Vấn đề nằm ở chỗ đó. Hội thợ nề rất cứng rắn và anh chỉ đơn giản là không đáp ứng được những yêu cầu của họ. Phải làm một cái gì đó, và phải thật nhanh chóng, vì chỗ tiền tiết kiệm của chúng tôi chẳng thể nào tồn tại mãi được.

Thế là tôi đã ra hai quyết định, và tôi chẳng nói quyết định nào cho anh cả. Điều đầu tiên tôi làm là đề nghị được giúp đỡ những người Beguine. Không phải với tư cách một thành viên, mà là với tư cách một lao động tự do.

Việc soạn Kinh Thánh cho dân nghèo của họ cũng không phức tạp gì, chỉ là những tấm gỗ có in tranh và chữ, nhưng tôi vẫn thấy nó rất ấn tượng. Rất ít người biết đọc nên tranh ảnh là phương thức duy nhất để truyền tải những câu chuyện tôn giáo đến với quần chúng nhân dân. Những câu chuyện trong Kinh Cựu ước và Kinh Tân ước được đặt cạnh nhau để người đọc có thể nghiền ngẫm mối liên hệ giữa chúng: thay vì coi khinh người đọc, những người Beguine đã cố gắng lôi kéo họ vào công cuộc suy nghĩ tìm hiểu tác phẩm. Tuy nhiên, tôi biết mình vẫn có thể cải thiện chất lượng bản thảo và gợi ý phối hợp một số cảnh thích hợp hơn. Những người Beguine không xuôi theo ngay, vì thế tôi đã cung cấp một số bản mẫu và họ đã phải công nhận rằng tôi có thể làm được. Khi họ tiếp tục cảnh giác khi cho một người ngoại đạo tham gia vào công việc của mình, tôi quyết định đây là lúc phải nói với họ về cuộc sống của tôi khi ở Engelthal.

Biết được điều này, họ vẫn chưa thể đưa tôi vào hàng ngũ của mình một cách nhanh chóng được. Họ không nói thẳng ra, dĩ nhiên, nhưng có lẽ họ nghĩ nếu họ từ chối tôi, có lẽ một chút nào đó của Engelthal sẽ tan biến theo. Dù không có khả năng trả công cho tôi, họ vẫn tặng bánh mì và củ cải thay thế. Viêc này thực sự đã làm mọi chuyện trở nên dễ dàng hơn vì khi anh trở về sau chuyến săn việc tôi có thể nói với anh, một cách thành thật, rằng chỗ thức ăn đó là đồ cứu tế nhân đạo. Tôi không phải nói rằng tôi có việc làm trong khi anh thì không.

Việc thứ hai tôi làm, tôi chưa bao giờ nói với anh cho đến tận bây giờ. Hãy nhớ rằng đó là chuyện từ rất lâu rồi, và tôi mong anh sẽ tha thứ cho tôi.

Một buổi sáng nọ, anh thức dậy chuẩn bị cho chuyến đi tìm việc thường nhật của mình. Tôi vô tư hỏi rằng anh định đến những nhà thờ nào, anh bảo sẽ bắt đầu với nhà thờ thánh

Christoph rồi tới nhà thờ Poor Clares và nhà thờ thánh Quintin. Sau đó thì, anh thực sự cũng không biết.

Khi anh ra khỏi cửa, gót chân lê nặng nhọc trên nền đá, tôi mặc chiếc áo choàng nữ tu lần đầu tiên kể từ khi rời khỏi Engelthal. Tôi đi đến nhà thờ thánh Quintin, biết rằng phải một lúc lâu nữa anh mới đến đó.

"Đây sẽ là một nhà thờ rất đẹp," tôi nói với người quản lý công trình. "Gian trung tâm có vẻ khá thấp còn lối đi giữa các hàng ghế lại rất cao. Thật là một hiệu ứng thú vị."

Ông ta cảm ơn tôi, nhưng cũng thừa biết rằng tôi đến đó không phải chỉ để nói về kiến trúc. Khá nhã nhặn - vì ai lại muốn sỉ nhục một nữ tu cơ chứ? - ông ta hỏi lý do thực sự của chuyến viếng thăm này là gì. Tôi đến đây vì một người bạn, tôi trả lời, một người đàn ông đang rất cần việc. Một người đàn ông đầy vết bỏng. Người quản lý đảo mắt trả lời, vâng, một người đàn ông như thế ngày nào cũng mò đến đây ăn vạ, thứ lỗi cho cách dùng từ của ông ta, nhưng họ đã có đủ công nhân rồi. Hơn nữa, vẻ ngoài của người đó làm những công nhân khác sợ chết khiếp.

Tôi đã dùng giọng nói ngọt như mía lùi của mình, giọng nói tôi đặc biệt dùng khi nói về Chúa. "Nhưng chắc chắn con người không thể chỉ được đánh giá bởi vẻ bề ngoài đâu. Tôi biết rằng người đàn ông này có cả trái tim tuyệt vời lẫn kinh nghiệm làm thợ nề."

Người quản lý trả lời, lại rất nhã nhặn, rằng kinh nghiệm làm việc của anh dường như đã bị gián đoạn trong nhiều năm khi anh làm một loại lính gì đó, một người lính đánh thuê nếu ông ta không nhầm.

Tôi không xác nhận cũng không phủ nhận sự hoài nghi của người quản lý công trình nhưng tôi đã nói bóng gió, một cách khá bí ẩn, "Có những người lính chiến đấu nhân danh Chúa, làm những việc rất cần thiết nhưng không bao giờ khoe khoang nơi công cộng. Thế tôi muốn hỏi ngài một lần nữa, để xây dựng một nhà thờ to đẹp thế này, chắc chắn phải có chỗ cho một công nhân nữa chứ? Thậm chí cả với những người có lỗ hổng trong tiểu sử chứ? Bản thân tôi có thể đảm bảo cho nhân cách của anh ấy."

Ông ta nhìn tôi từ đầu đến chân và hỏi, chính xác là, tôi từ đâu đến vậy. Tôi trả lời rằng tôi đến từ Engelthal, không hề nói là tôi đã không còn là nữ tu tại đó nữa. Tôi không biết người này có bị ấn tượng bởi việc đó không. Ông ta hẳn có nghe nói về Engelthal, vì cuối cùng ông ta cũng gật đầu. Ông ta nói sẽ cân nhắc xem có giúp được gì không nhưng cũng thêm rằng mình không thể hứa chắc điều gì.

"Tôi thực sự cám ơn sự quan tâm của ngài. Trong trường hợp ngài tìm được một chỗ cho anh ấy thì xin đừng nói với anh ấy rằng tôi đã đến đây. Anh ấy là một người có lòng tự trọng cao và sẽ rất tốt nếu để anh ấy tin rằng sự bền bỉ của mình đã được đền đáp." Tôi cúi đầu

chào, và để cho chắc chắn, nói thêm với người quản lý xây dựng rằng tôi sẽ cầu nguyện cho ông ta.

Sau khi thay quần áo bình thường, tôi đi thẳng tới thánh đường thánh Martin. Không phải để cầu nguyện cho linh hồn người quản lý, như tôi đã nói, mà cho chính bản thân tôi. Chuyện tôi giả dạng với bộ quần áo của Giáo hội làm tôi phát buồn nôn. Khi rời thánh đường, tôi không hề có cảm giác mình được tha thứ. Tôi đã cầu xin một dấu hiệu, nhưng chẳng có gì xuất hiện cả.

Cho tới buổi tối hôm ấy, khi anh bước qua ngưỡng cửa kiệt quệ nhưng miệng nở nụ cười và người đầy bụi đất. "Hôm nay một người quản lý đã nhận tôi rồi."

Sau nhiều tuần anh đã tạo được ấn tượng tốt ở nơi làm việc. Khi công việc ở nhà thờ thánh Quintin xong xuôi, người quản lý đã giới thiệu anh tới nhà thờ thánh Stephan. Suốt mùa đông mọi chuyện cứ thế diễn ra, anh chuyển chỗ làm hết từ nhà thờ này tới nhà thờ khác. Anh đã có chút danh tiếng và cũng kết bạn được với vài người, và hằng ngày anh đều vui mừng khôn xiết mang một vốc tiền đầy về nhà. Tôi đun nước và đổ một thùng đầy để tắm rửa cho anh. Anh vẫn còn nhiều sẹo và các cơ vẫn còn khá cứng, tôi đã xoa bóp cho anh đến khi các khớp xương của anh trở nên mềm dẻo. Công việc rất nặng nhọc với bất cứ ai, nhưng những thương tích của anh khiến nó còn nặng nhọc gấp đôi. Tuy thế, mỗi ngày anh cũng trở nên khỏe mạnh hơn. Tôi luôn cố gắng cho anh ăn tất cả những gì chúng ta có, thông thường chỉ là củ cải và bánh mì đen, những miếng thịt lườn rẻ tiền, và tất cả những gì tôi bí mật đem về từ chỗ những người Beguine.

Chúng ta luôn có vừa đủ tiền để tiếp tục ở trọ. Bà chủ nhà vẫn luôn dạy tôi cách nấu nướng và còn giới thiệu tôi với một số người bạn của bà nữa. Cũng phải mất một thời gian thì họ mới chấp nhận tôi, vì những mối liên hệ với người Thiên Chúa luôn gây rắc rối cho những người Do Thái sống ở Mainz - người ta vẫn nhắc đến cuộc thảm sát người Do Thái trong cuộc Thập tự chinh thứ nhất của Emich, và chuyện tổng giám mục đã từng cố đuổi tất cả những người Do Thái ra khỏi thành phố. Nhưng vì họ đều sống và kinh doanh trong cùng một thành phố, việc tránh mặt mọi loại người là không thể. Tôi nghĩ họ đã quyết định rằng vì tôi chưa bao giờ quá câu nệ chuyện tôn giáo với họ, họ có thể chấp nhận tôi với tư cách một công dân bình thường.

Thế là bây giờ tôi đã quen biết vài người Do Thái cùng mấy cộng sự người Beguine, và anh cũng có đồng nghiệp ở khắp các công trình trong thành phố. Tôi đã ngừng cầu nguyện để xin một dấu hiệu cho thấy tôi đã đúng khi rời Engelthal. Tôi biết mình đã có dấu hiệu đó rồi.

Vào mùa xuân, một người bạn thợ đá của anh đã đưa ra một lời đề nghị bất thường và đáng ngạc nhiên. Anh ta nói đã "quá chán ngán cái việc gõ đầu lũ trẻ ranh ngu ngốc rồi" và đang muốn có một anh bạn đồng hành. Nếu anh không phiền mức giá hơi thấp, anh ta sẽ xin Hội Thợ đá một ngoại lệ đặc biệt để nhận anh làm thợ học việc. Anh ta cảnh báo rằng sẽ không

dễ dàng gì và thu nhập của anh sẽ giảm sút nghiêm trọng, nhưng cuối cùng anh sẽ có được giấy tờ tùy thân. Chúng ta chỉ bàn bạc vài phút trước khi quyết định rằng một lời đề nghị như thế sẽ không bao giờ có lại lần hai. Có chút khó khăn trong việc thuyết phục Hội Thợ đá nhưng cuối cùng họ cũng đồng ý, và anh đã trở thành người thợ học việc lớn tuổi nhất thành Mainz như vậy đấy.

Anh ngập chìm trong công việc, đến sớm về muộn. Anh làm tất cả những gì được nhờ, không bao giờ phàn nàn, và cẩn thận chú ý tới tất cả những lời chỉ dẫn. Việc anh có một cảm quan bẩm sinh với đá đã không bị bỏ phí. Những bài học của anh từ cha cũng không bị mai một theo thời gian.

Niềm tin vào một tương lai tốt đẹp hơn thật là một món quà kỳ diệu. Chúng ta vẫn chưa có tiền, nhưng chúng ta cũng bắt đầu nói về việc sẽ tìm một nơi ở mới. "Một ngôi nhà nhỏ, có lẽ thế." Niềm tin cho chúng ta cái cớ để mơ mộng và giấc mơ là thứ rất cần thiết vì thu nhập giảm sút đã ảnh hưởng tới mọi mặt đời sống của chúng ta, rõ ràng nhất là trong khẩu phần ăn hằng ngày. Nếu không có mấy món "từ thiện" từ những người Beguine, có lẽ chúng ta đã không thể qua khỏi.

Dù bụng trống rỗng, chúng ta vẫn đi khắp thành phố và chỉ trỏ vào những ngôi nhà sẽ thuộc về chúng ta. Một ngày nào đó.

"Và khi chúng ta đã có nhà," anh nói, "tôi sẽ xin em cho tôi vinh hạnh được lấy em làm vợ."

CHƯƠNG 26

uá khứ của chúng tôi dừng tại đây.

Khi tôi nài nỉ hỏi khi nào thì chúng tôi cưới, Marianne Engel nói, "Anh phải đợi thôi."

* * *

Tôi quay lại bệnh viện để thực hiện thêm mấy cuộc phẫu thuật tái tạo. Cho tới lúc này, đó hầu hết là những ca phẫu thuật chỉnh hình: những nỗ lực để khiến tôi trông, thay vì hoạt động, tử tế hơn. Tôi hỏi Nan những cuộc phẫu thuật phục hồi diện mạo của tôi còn kéo dài đến bao giờ nữa, bà bảo không biết. Tôi hỏi cuối cùng trông tôi sẽ khá hơn đến mức nào, và bà trả lời chuyện đó còn tùy vào mỗi bệnh nhân.

Tôi luôn luôn cảm thấy rằng, dù Marianne Engel có quan tâm đến tôi thế nào đi nữa, những lúc tôi vắng mặt khỏi pháo đài là thời gian cô có thể làm việc mà không bị gián đoạn. Việc tôi đi taxi về nhà sau vài ngày nằm viện và thấy cô kiệt sức nằm dài trên giường, người vẫn bám đầy bụi đất cũng chẳng còn bất thường nữa, và tôi sẽ hé nhìn vào xưởng ở tầng hầm để thấy một con quái vật mới đang gian giảo giương mắt nhìn tôi. Rồi tôi sẽ kiểm tra cái bát nước uống và thức ăn tôi đã để dành cho Bougatsa trước khi rời nhà và chúng luôn luôn sạch trơn; tôi ngờ rằng nó đã nuốt hết tất cả mọi thứ ngay cái giây phút tôi bước chân ra khỏi cửa rồi, nhưng tôi chẳng thể làm được gì hơn. Nói chung thì, những chuyến đi khám bệnh cũng có cái lợi, vì việc cô tạc tượng trong thời gian tôi đi vắng có nghĩa là chúng tôi sẽ có nhiều gian cho nhau hơn khi tôi quay về.

Nhưng vẫn có những lúc cô phải tạc tượng còn tôi thì không vào viện, và tôi đã dần biết tự chăm sóc bản thân - và cô hơn. Dù cô cố ngơi tay để tắm cho tôi, tôi có thể thấy rõ là cô rất khó chịu: cô đục đẽo bức tượng sâu bao nhiêu, cô cọ người tôi mạnh bấy nhiêu. Khi xong việc, cô sẽ lại quay về tầng hầm và tôi sẽ mang thức ăn đến cho cô. "Cô biết đấy, cô sẽ có thể tạc tốt hơn - và nhanh hơn - nếu thỉnh thoảng cô chịu ăn chút gì đó."

"Không phải chỉ có mỗi chuyện giải thoát gargoyle đâu. Tôi còn phải trui rèn tinh thần của mình nữa."

"Thế nghĩa là sao?"

"Thế giới trần tục ru ngủ cơ thể bằng đồ ăn và vật chất tiện nghi," cô nói. "Chúng làm cơ thể thỏa mãn nhưng lại là kẻ thù của tinh thần. Kiêng khem là cái cương giúp tinh thần có cơ hội thắng thế trong cuộc tranh đấu không có điểm dừng với cơ thể."

Lại một cuộc tranh luận mà logic chỉ là kẻ lạ mặt; vì thế, đó lại là một cuộc tranh luận khác mà tôi chắc chắn sẽ thua. Thế là tôi đổ gạt tàn thuốc lá của cô, rót đầy chai nước, và để lại một đĩa hoa quả bổ sẵn mà tôi biết sẽ vẫn nằm chỏng chơ khi tôi xuống lần tới.

Sự cuồng nhiệt của Marianne Engel luôn luôn tàn dần rồi lụi hẳn vài ngày sau. Cô sẽ xin lỗi cho quãng thời gian không ở bên tôi, nhưng tôi biết là mình cũng chẳng có gì đáng phàn nàn, một cách thực tâm, vì nhiều nhất mỗi tháng cô thường cũng chỉ có một - hai đợt làm việc như thế này. Nó thanh toán cho đủ mọi thứ, bao gồm cả các hóa đơn của tôi nữa, và tất cả thời gian còn lại của cô là dành cho tôi: bất cứ ai có một người vợ phải làm việc công sở từ chín giờ sáng đến năm giờ chiều cũng sẽ bảo tôi im cái miệng hay lèo nhèo đi.

Thêm vào đó, mỗi đợt làm việc của cô còn là cơ hội tuyệt vời để tôi gọi cho bạn bè cũ và sắp xếp mua thêm morphine bằng thẻ tín dụng của tôi.

Mọi người trong siêu thị cố không nhìn chúng tôi, nhưng không thể. Marianne Engel vẫy tay chào một bà lão mồm há hốc chạy vội đi như vừa bị bắt quả tang làm điều gì đó thiếu đạo đức lắm, nhưng vẫn không thể không cố ngoái đầu lại tới hai lần.

Về mặt lý trí tôi có thể thông cảm với những biểu hiện thái quá dành cho tôi, nhưng về mặt tình cảm thì tôi lại ghét điều đó vô cùng. Tôi chẳng còn là một kẻ mờ nhạt, vì tôi giờ đã trở nên nổi bật theo đúng nghĩa đen của từ này rồi. Việc mặt tôi bị giấu sau lớp mặt nạ thủy tinh dẻo và những bộ quần áo tạo áp suất chỉ làm tôi, theo một cách nào đó, càng thêm "hấp dẫn" mà thôi. Như trong bất cứ bộ phim kinh dị chất lượng nào, điều bạn phải tưởng tượng luôn luôn đáng sợ hơn những gì bạn thực sự thấy.

Tôi nghe thấy tiếng một bà mẹ ở lối đi số tám bảo con mình đừng nhìn. Cậu bé, năm hay sáu gì đấy, nấp cái thân thể bé nhỏ của mình vào chân mẹ cho an toàn nhưng mắt vẫn không rời khỏi tôi. Người mẹ nói, "Tôi xin lỗi. Nó, ừm, tò mò và, à, rất thân thiện..."

"Chị không nên xin lỗi vì việc đó! Thân thiện mấy cũng không thừa mà!" Marianne Engel cúi xuống để nhìn thẳng vào mắt cậu bé. "Cháu dễ thương quá. Cháu tên gì vậy?"

"Billy."

"Có phải đó là tên gọi tắt của William không?"

"Vâng."

"Đó là một cái tên rất hay." Marianne Engel hất đầu về hướng tôi đứng. "William, cháu có nghĩ bạn cô trông đáng sợ không?"

"Một chút," Billy thì thầm.

"Chú ấy thực sự không tệ đến thế đâu, một khi cháu làm thân với chú ấy."

Tôi không biết Marianne Engel đang làm cho ai cảm thấy bất tiện - Billy, mẹ của Billy, hay là tôi - thế là tôi nói rằng chúng tôi cần phải đi tiếp. Tôi đã quên mất ảnh hưởng của giọng nói như cóc kêu của tôi với những người mới nghe lần đầu. Sau khi Billy giật lùi lại phía sau, cậu bé hỏi với giọng pha lẫn tò mò và sợ sệt. "Có chuyện gì với chú vậy ạ?"

Người mẹ mắng cậu bé, giải thích với cậu ta rằng câu hỏi đó không lịch sự một chút nào. Tôi phẩy tay cho qua, nhưng Marianne Engel lại hỏi xem chị ta có tò mò chút nào về chuyện đấy không. Mẹ Billy lúng búng trong miệng trước khi nhả ra hai từ "Ờ, có..."

"Dĩ nhiên là có rồi. Nhìn cậu bé đi! William chỉ hỏi một câu mà tất cả mọi người ở đây đang nghĩ trong đầu mà thôi." Marianne Engel xoa đầu cậu bé, để nó biết rằng mọi người không hề chỉ trích nó.

"Nó mới đi nhà trẻ thôi," người mẹ nói.

"Tôi bị bỏng trong một vụ cháy." Tôi chỉ muốn cuộc nói chuyện kết thúc cho nhanh để chúng tôi đi tiếp, nhưng Billy lại hỏi thêm câu nữa: "Thế có đau không ạ?"

"Có." Tôi cố kìm nén ham muốn tự nhiên là cảnh báo cậu bé đừng có dại mà nghịch diêm. "Chú đã nằm viện một thời gian dài."

"Oài," Billy nói, "chắc chú rất vui khi không phải ở đó nữa."

Bà mẹ kéo tay con mạnh đến nỗi cậu bé không thể lờ mẹ mình được nữa. "Chúng tôi thực sự phải đi rồi." Chị ta không hề nhìn lại, nhưng Billy quay lại vẫy tay với chúng tôi trong lúc mẹ nó kéo nó xuống lối đi.

Khi chúng tôi rời siêu thị, Marianne Engel dốc toàn bộ số tiền thừa của cô vào tay những người ăn xin dật dờ gần đó. Suốt dọc đường cô toàn nói về những bức tượng dang dở trong xưởng của mình vì, hiển nhiên rồi, Ba Vị Chủ Nhân của cô gần đây lại mới thông báo rằng cô cần phải hoàn thành chúng.

Tôi đang đi rất bình thường cho tới khi chúng tôi ra được chỗ ô tô, nhưng trong khi lên xe, tôi đã quệt mạnh cả một mảng lớn da bỏng vào cửa hành khách. Cơ thể tôi ngay lập tức phản ứng với sai lầm bằng việc truyền những cơn co giật đau điếng người từ bó dây thần kinh này đến bó dây thần kinh khác, và con rắn cái trong xương sống bắt đầu đớp lấy phần sau xương sọ của tôi như thể nó là một con chuột đồng chỉ chực bị nuốt chửng. MẸ KIẾP! MẸ KIẾP! MẸ KIẾP! Tay tôi bắt đầu run lẩy bẩy vì đói morphine khẩn cấp và tôi khẩn khoản xin Marianne Engel tiêm cho tôi một liều càng nhanh càng tốt. Cô lấy dụng cụ ra khỏi hộp đồ nghề của tôi (tôi không bao giờ rời nhà mà thiếu nó cả) và đâm kim tiêm vào người tôi.

Morphine như một kẻ quá khích đang trên đường thực hiện nhiệm vụ; nó len vào mọi ngóc ngách trong cơ thể để chuyển hóa, mang đến những giấc mơ tẩm sữa-và-mật ong chậm chạp chảy qua mạch máu bạn. Con rắn trở nên lờ đờ trong dòng sữa ngọt và từ từ rơi vào trạng thái bất động, nhưng tôi biết mụ ta sẽ trở lại. Con rắn đó luôn luôn trở lại.

Lần cuối cùng máu tôi sạch trong, không nhiễm trùng là khi nào nhỉ? Hồi tôi ngoài hai mươi chăng, tôi nghĩ thế.

Marianne Engel suốt mấy ngày liền cứ đi đi lại lại trong nhà với cốc cà phê và điếu thuốc lá, xỉ vả bản thân vì đã không thể tẩy trần cái dụng cụ là cơ thể cô và nhận được những sự chỉ dẫn mới. Cuối cùng cô cũng chấp nhận rằng đã đến lúc cô phải hoàn thành những bức tượng dang dở đang chật cứng trong xưởng của mình. "Không thể bỏ mãi được, tôi nghĩ vậy. Những Chủ Nhân đã nói thế."

Khi tạc những bức tượng này, cô không bị ám bởi những nguồn năng lượng ma quỷ như khi tạc một bức tượng từ đầu. Cô sẽ đi lên cầu thang để giúp tôi tập luyện hoặc đi dạo với Bougatsa. Khi cô tắm cho tôi vào buổi sáng, tôi cũng không cảm thấy mình là kẻ quấy rầy công việc chính của cô. Sự khác biệt, cô giải thích, không đến từ bản thân cô mà là từ những bức tượng kinh dị. Đã bị ngừng tạc một lần rồi, chúng giờ cũng hiểu rằng chúng có nhiều thời gian hơn chúng vẫn tưởng. "Chúng đã hiểu được dù tôi làm gì với chúng, chúng cũng vẫn sẽ là đá thôi. Chúng biết mình không cần phải gào thét với tôi để có được cái mình muốn."

Vài tuần sau, cô đã hoàn chỉnh được một vài tác phẩm còn dang dở của mình. Đầu con chim, trước đây được đặt chễm chệ trên một đôi vai người mà phần dưới vẫn chưa hề được động chạm đến, giờ đã được cho thêm cái thân người và hai chân sau của con dê. Con quái vật biển cố vùng vẫy khỏi đại dương đá granite đã có phần thân còn lại và những ngọn sóng bạc đầu. Xe tải thi nhau mang chúng đến triển lãm của Jack để bán, vì thuốc lá và quần áo tạo áp suất không thể tự trả tiền cho mình được.

Khá bất ngờ khi sau vài tuần, Marianne Engel đề nghị tôi theo cô vào xưởng, khu vực trong nhà rõ ràng rất riêng tư của cô. Cô đi loanh quanh một lúc, không nói gì cả, không nhìn tôi, cố hết sức để ra vẻ bình thường. Điều này thực sự đối lập với những lúc tôi thấy cô chìm đắm vào công việc. Cô lấy một cái chổi và quét vài cục đá nhỏ vào trong góc nhà, rồi lúng búng, "Tôi mong anh sẽ không tức giận."

Cô đi tới một khối đá được phủ vải trắng. Tôi đã không để mắt đến nó; giữa đống tượng kỳ cục của cô, giấu một tác phẩm nghệ thuật cho tới khi nó được hoàn thành cũng là việc bình thường. Tôi có thể thấy một vật giống như người ẩn dưới lớp vải, nó làm tôi nghĩ đến hình ảnh một đứa trẻ hóa trang thành ma trong lễ hội Halloween. Khi cô giật mảnh vải che ra, cô nói, "Tôi đang tạc tượng anh."

Một bức tượng về tôi mới hoàn thành một nửa. Không, không phải một nửa - chính xác hơn, đó chỉ là những đường nét cơ thể tôi mà thôi. Chưa có chi tiết nào được đục đẽo cả, nhưng cũng không thể không mơ hồ nhận ra dáng hình tôi: hai vai khom xuống y như người thật; cột sống cong vẹo hình con rắn, cái đầu nhìn rất chuẩn, trong sự sai khác về tỷ lệ với những phần còn lại của cơ thể. Giống như soi gương vào buổi sáng, trước khi tỉnh táo mở mắt vậy. Tôi lắp bắp nói tôi không hề tức giận khi cô tạc tượng tôi, nhưng cảm thấy khá bối rối. Tại sao?

"Chúa đang truyền đạt ý chỉ của mình qua tôi," cô nghiêm túc nói, rồi bật cười để tôi biết rằng cô đang đùa. Tôi cũng cười theo, nhưng có vẻ không thuyết phục cho lắm.

"Tôi muốn anh ngồi làm mẫu cho tôi, nhưng hãy nghĩ kỹ trước khi chấp nhận," cô nói, chỉ vào những gargoyle chưa hoàn thành nằm ngổn ngang quanh mình. "Tôi không muốn anh phải chịu chung số phận với những cái này."

Tôi gật đầu - để nói rằng tôi sẽ suy nghĩ về chuyện đó, chứ không phải tôi đã đồng ý - và chúng tôi lại đi lên cầu thang. Tôi cố tập trung bước với dáng chuẩn, nhưng khi tôi ngoái nhìn bức tượng đá trong góc nhà, tôi không thể không nghĩ rằng mình thực sự cần phải chỉnh tư thế thật tử tế.

Jack đâm sầm qua cửa chính, lặc lè dưới sức nặng của một thứ um tùm lá, bà ném thẳng nó vào một góc trong phòng khách. "Lần cuối cùng đến đây, tôi thấy mấy người chẳng có cây cối gì cả. Chẳng có cái gì là sinh vật sống ở đây à?" Jack nhìn tôi, rồi nói thêm, "Lạy Chúa, anh trông vẫn chưa khá lên được chút nào à?" Bà hướng ngay sự quan tâm của mình về phía Marianne Engel, vốn đang vui thích nhìn cảnh bà đi vào. "Cô nữa, tôi đã tìm được vài mối lẻ muốn mua các tác phẩm độc đáo rồi. Họ chẳng thật sự thích tác phẩm nào bày ngoài cửa hàng cả, vì thế họ muốn biết liệu cô có đang sáng tác cái gì đó mới không. Tôi nói với họ là cô luôn luôn tạo ra những thứ mới mẻ."

"Nhà tử tế chứ?" cô hỏi.

"Phải, họ đều là những gia đình tử tế. Tôi luôn luôn tìm những nhà tử tế, và lũ quái vật nhỏ của cô sẽ được chăm sóc rất cẩn thận. Dù chúng chỉ là mấy cục đá vớ vẩn. Cô biết thừa chứ nhỉ, có phải vậy không? Ồ, và đại học Princeton đang có mấy chỗ cần sửa chữa."

Marianne Engel lắc đầu. "Giờ tôi không có hứng thú đi ngay."

"Phải rồi. Bận rộn chăm sóc Khoai Tây Chiên quá mà," Jack nói. "Chúa ơi. Marianne, đó là một khoản lớn và cô đang để nó tuột khỏi tay đấy. Khi nghệ thuật gặp từ thiện, nó đã bị định sẵn là sẽ trở thành thứ không ra gì mà."

Marianne Engel ôm Jack thật chặt, nói vài lời bào chữa cho tôi, nhưng chủ yếu cô chỉ cười khúc khích trước cơn thịnh nộ của Jack. Điều này chỉ làm Jack thêm tức giận. "Nhớ lúc cô mang Bougatsa về chứ?" bà nói. "Nó cũng chỉ là một kẻ đầu đường xó chợ thôi."

Trong cái kiếp trước được cho là của chúng tôi ấy, tôi đã tạc tặng Marianne Engel một bức tượng thiên thần - nó hiện vẫn đang ở trên giá sách của cô - trong khi ở kiếp này cô đã tạc tặng tôi một bức tượng quỷ. Sự tương xứng có vẻ khá giống với sự đảo lộn trong công việc của chúng tôi: thời đó, cô là người làm việc với sách vở còn tôi làm việc với đất đá.

Lời nhận xét đó có vẻ khá hàn lâm, tôi nghĩ thế, nhưng phản ứng của tôi về chuyện cô đang tạc tượng mình thì hoàn toàn mang tính bản năng. Được một nghệ sĩ tạc tượng quả rất đáng phổng mũi, dĩ nhiên, nhưng nó cũng làm tôi cảm thấy xấu hổ khi nghĩ rằng hình dáng xấu xí của mình sẽ mãi mãi bị lưu lại. Lần đầu tiên, tôi hiểu được cảm giác sợ hãi của người man di, rằng những chiếc máy quay sẽ giam cầm cả linh hồn lẫn hình ảnh họ.

"Làm thế nào vậy?" tôi hỏi. "Tôi sẽ phải làm gì?"

"Anh sẽ không phải làm gì cả," cô trả lời. "Anh sẽ chỉ phải ngồi ở đó thôi."

Câu trả lời làm tôi nhớ tới cuộc nói chuyện giữa chúng tôi sau khi cô bắt tôi xin lỗi Sayuri, khi cô nói tôi sẽ "không phải làm gì" để chứng tỏ tình yêu của mình với cô. Tôi không hiểu cô muốn nói gì, nhưng nếu đây là những gì cô muốn nói, làm sao tôi có thể từ chối cô được? "Được thôi, tôi sẽ làm."

"Tạc tượng từ chính cuộc sống để đổi gió cũng hay lắm," cô nói. "Cuối cùng tôi cũng có thể đưa những đường nét vào trong đá, thay vì kéo nó ra."

Cô bắt đầu cởi quần áo ra và tôi hỏi cô đang làm gì. Cô vẫn luôn tạc tượng trong bộ dạng này, cô nói, và cô cũng không có ý định thay đổi thói quen đó lúc này; tôi có khó chịu với việc đó không? Tôi bảo không khó chịu gì hết, nhưng tôi thực sự cũng không chắc lắm. Có gì đó trong cảnh cô ở trần đã tác động đến tôi, diễn viên phim cấp ba kiêm kẻ quyến rũ phụ nữ khét tiếng đã giải nghệ, theo một cách chính tôi cũng không thể lý giải nổi. Có gì đó rất nguyên thủy và quyến rũ trong cái vẻ trần trụi của cô...

Nhưng tôi không thể bắt cô phải làm gì trong nhà cô được. Ngay khi trút bỏ quần áo, cô tháo bộ đồ tạo áp suất ra khỏi người tôi và lướt ngón tay lên những nếp gấp trên khuôn mặt đầy vết bỏng của tôi, như thể những ngón tay của cô đang cố ghi nhớ một con đường. "Tôi yêu màu đỏ của những vết sẹo của anh. Anh có biết rằng hồi xưa những gargoyle thường được sơn màu sắc rực rỡ để làm nổi bật những đường nét của chúng không?"

Cô đi về phía một bức tượng và lướt ngón tay lên đó, đúng cái cách cô đã làm với tôi mấy phút trước. Nhìn những ngón tay cô chuyển động, tôi hình dung ra cảnh một dòng sông dịu dàng chảy qua một tảng đá trong hàng ngàn năm. Cô chỉ vào những nét chạm khắc sâu hoắm dưới mắt một con quái vật của cô. "Anh thấy cách những đường nét này được khắc để làm nổi bóng, để tạo chiều sâu chứ? Cho dù có ngước nhìn lên những gargoyle này, người dân bình thường cũng chẳng thể thấy được các chi tiết này đâu."

"Thế sao còn làm?"

"Chúng tôi làm để Chúa thưởng thức."

Bị đem ra làm mẫu tạc tượng khiến tôi cảm thấy mình còn trần trụi hơn cả việc đóng bất cứ bộ phim khiêu dâm nào, và tôi chỉ có thể chịu nổi lần ngồi mẫu đầu tiên vì độ ngắn của nó. Tôi chỉ có thể bỏ bộ quần áo tạo áp suất của mình ra khoảng mười lăm phút một lúc, một giới hạn mà Marianne Engel luôn tôn trọng. Việc tiến triển nhanh chậm cũng chẳng quan trọng gì; tôi tin chúng tôi sẽ phải mất hàng năm để hoàn thành bức tượng này.

Cuối mỗi đợt chạm khắc cô sẽ khoe thành quả của cô và chúng tôi sẽ nói về bất cứ những gì mình nghĩ. Một dịp nọ, cô nói bâng quơ trong khi dụi một mẩu thuốc lá, "Đừng quên là chúng ta còn một bữa tiệc Halloween sắp đến đấy nhé."

Đây là lần đầu tiên tôi nghe nói về vụ này, tôi nói.

"Không phải thế," cô phản bác. "Năm ngoái ở khoa bỏng tôi đã hứa là chúng ta sẽ tham dự mà, nhớ chứ?"

"Chuyện đó xưa lắm rồi."

"Một năm không phải là dài, nhưng tôi sẽ thương lượng với anh chút vậy. Anh có chịu đi nếu tôi kể cho anh nghe một câu chuyện nữa không?"

"Về cái gì," tôi hỏi.

"Tôi nghĩ anh sẽ rất thích câu chuyện này," cô nói. "Đó là về Sigurðr, người bạn Viking của tôi."

CHƯƠNG 27

ối với một cậu bé có thể trở thành trẻ mồ côi, Iceland vào thế kỷ thứ chín là một trong những nơi tệ nhất. Cha mẹ của Sigurðr Sigurðsson đã đến đây theo làn sóng di dân đầu tiên của người Na Uy và quyết định rằng vùng đất này có một vẻ đẹp kỳ lạ thích hợp với việc gây dựng một gia đình. Nhưng khi Sigurðr mới được chín tuổi, cha cậu đã mất tích trên những tảng băng trôi và, không lâu sau đó, mẹ cậu vĩnh viễn không bao giờ tỉnh lại sau giấc ngủ. Cậu bé tiếp nhận phần đất đai của gia đình và quyết tâm cho đời thấy mình có thể làm được những gì, nhưng cậu đã thất bại: cậu còn bé quá, và chẳng mấy chốc đã phải kiếm sống bằng cách nhặt nhạnh từ những xác cá voi chết dạt vào bờ.

Thực ra, có thể sở hữu kỹ năng đó cũng chẳng phải chuyện không hay: thịt được dùng làm thức ăn, mỡ làm đèn, còn xương thì để làm tất cả những vật dụng gia đình người ta có thể nghĩ ra. Tất cả những thứ này, Sigurðr có thể đem bán lấy tiền tự trang trải cuộc sống. Tuy nhiên, cậu bé vẫn cảm thấy sự tồn tại của mình thiếu một cái gì đó; dù vẫn chỉ là một đứa trẻ, cậu biết cứ sống lay lắt nhờ những xác chết là không đủ, và cậu luôn mong được trở nên mạnh mẽ và can đảm.

Vì thế, những khi không xẻ thịt xác cá voi bị sóng đánh lên bờ, Sigurðr lại lặn. Trên bờ vực trông xuống một cái vịnh hẹp, với cả đại dương bao la trải dài trước mặt, cậu sẽ tận hưởng giây phút cả thế giới xung quanh mình dường như đều tan biến vào hư không. Rồi chân cậu sẽ đẩy cậu bay vào không trung và sẽ có một khoảnh khắc không trọng lượng ngắn ngủi khi trận chiến giữa đại dương và bầu trời bất phân thắng bại, và Sigurðr sẽ - chỉ trong phút giây đẹp đẽ ngắn ngủi này - tưởng tượng bản thân đang trôi dần tới mảnh đất thiên đường Valhalla.

Nhưng đại dương luôn luôn thắng, và cậu sẽ xé gió rơi xuống như một con dao bị thả độp xuống đất. Mặt nước chồm lên chào đón cậu, và khi rẽ sóng lướt qua mặt nước trong veo, cậu sẽ cảm thấy như mình đã trở về nhà. Sâu xuống dưới sẽ là nơi cậu lặn, tìm kiếm gì đó dưới đáy biển, trước khi trồi lên khỏi mặt nước với cảm giác được thanh tẩy. Nhưng cảm giác đó chẳng bao giờ tồn tại đủ lâu cả.

Khi chơi với những cậu con trai khác, vì vẫn còn chút thời gian rỗi cho việc này, cậu luôn luôn cảm thấy bị tách khỏi chúng theo một cách nào đó. Cậu thích chơi đấu vật và chạy thi y như những đứa trẻ khác, và cậu thậm chí còn thích đánh nhau đến rớm máu trong vài cuộc thi đấu nữa, nhưng rồi cũng đến lúc tất cả thanh niên khác đều đã tìm được các thiếu nữ để cùng chơi trò "đấu vật". Sigurðr, Sigurðr tội nghiệp, vẫn chỉ hài lòng với việc đấu vật cùng mấy cậu trai, và chẳng mấy chốc mọi người bắt đầu băn khoăn tại sao cậu lại chẳng có chút hứng thú nào trong việc tìm vợ cả.

Sigurðr quen dần với việc dành cả buổi tối ở những quán rượu trong vùng để cố gắng thể hiện sự nam tính, nhưng dù cậu có cố dán mắt vào bộ ngực của các cô phục vụ đến mấy đi nữa, mắt cậu cuối cùng vẫn cứ lang thang tới những đốt ngón tay lông lá của anh phục vụ quầy rượu. Từ đó, mắt cậu sẽ lướt dần xuống những đường cong mạnh mẽ trên mông của Hodbroddr và rồi, luôn luôn là như thế, ánh mắt cậu sẽ dừng lại nơi một người đàn ông, lớn hơn cậu ấy một chút, tên là Einarr Einarsson.

Einarr là một tảng đá granite được ngụy trang thành người, với bộ ngực nở nang và hai cẳng tay có thể thuần hóa bất cứ người đàn ông nào - đấy là Sigurðr thích tưởng tượng ra thế. Mắt Einarr làm Sigurðr nghĩ tới dòng nước lạnh như băng nơi cậu hay ngụp lặn, và mái tóc rực lửa của anh thì giống như sự cuồng nhiệt trong trái tim chàng trai trẻ vậy. Einarr có nghề thợ mộc, nhưng anh cũng là một Viking.

Hai người quen biết nhau sơ sơ, do dân cư nơi đây khá thưa thớt, nhưng chẳng qua lại gì mấy cho tới buổi tối Sigurðr dồn hết can đảm để đi ra bắt chuyện. Cậu ưỡn ngực cao hơn bình thường, hạ giọng xuống, và chỉ cười tiếng cười đàn ông nhất của mình. Tuy nhiên, Einarr nhận ra ngay ngồi trước mặt anh không phải một người đàn ông mà chỉ là một cậu bé cô độc.

Có gì đó ở Sigurðr, quá đáng thương và cũng quá lạc quan, đã chạm vào góc tâm hồn tốt đẹp của Einarr. Anh biết cậu đã mất cả cha lẫn mẹ, và anh cũng đã thấy cậu lang thang trên bờ biển với những cái túi đựng thịt cá voi. Thay vì đuổi cậu đi, anh đã lắng nghe, và khi Sigurðr nói những chuyện linh tinh vớ vẩn - mà những chuyện đó thì nhiều lắm - Einarr chỉ gật đầu. Anh thấy không nên nói nặng với một người đã phải chịu quá nhiều đau khổ trong đời.

Cái đêm trong quán rượu đó là mở đầu cho rất nhiều đêm khác. Mối quan hệ giữa họ khá lạ lùng, nhưng chẳng hiểu sao khá tốt đẹp, vì Einarr rất yêu mến những nét tính cách của Sigurðr mà những người bạn Viking của anh không có. Chàng trai trẻ, dù không đặc biệt thông minh, luôn có những lúc mong muốn một điều tốt đẹp hơn sẽ đến. Sigurðr không muốn phá hủy, cậu muốn sáng tạo - chỉ là cậu không biết phải làm như thế nào thôi. Cậu thường nói với Einarr rằng nghề mộc của anh thật tuyệt vời. Trong khi Einarr ngoài mặt thì càu nhàu, thâm tâm anh cũng đồng ý như vậy - đó là một nghề kiếm sống khá tốt - và anh cũng nghĩ có lẽ cậu bé này có thể còn làm được tốt hơn, nếu được hướng dẫn đúng cách.

Chẳng mấy chốc Einarr nhờ Sigurðr giúp mình ở cửa hàng đồ gỗ, và lời đề nghị đã được chấp nhận đầy háo hức. Thực ra, đó không phải một quá trình học việc chính thức, vì không có gì cho thấy sau này Sigurðr sẽ trở thành thợ mộc, nhưng đó cũng là một cách hay để giúp cậu bận rộn. Trái tim Sigurðr đập nhanh hơn bình thường khi cậu lần đầu tiên đến căn nhà dài của Einarr.

Ngôi nhà mang đậm phong cách Iceland, xây dựng bằng bất cứ loại vật liệu nào tìm được. Những tảng đá xù xì đặt làm móng cho các cột gỗ thẳng tắp. Các bức tường trát bằng đất trộn than bùn với những kẽ hở được lấp đầy gỗ sồi Iceland. Einarr tự hào khoe một đặc điểm không lẫn với nơi đâu của ngôi nhà: ở trong góc, anh đã đào một cái rãnh dưới bức tường để lấy nước từ dòng suối gần đó. Chẳng cần phải đi xa để lấy nước sạch, vì tất cả những gì anh cần làm là nhấc tấm ván sàn lên và múc một xô nước, thế là xong.

Từng phân của ngôi nhà đều được chất đầy gỗ: một số loại là gỗ Iceland bản địa, một số được nhập từ Na Uy, và một số là gỗ dạt vào bờ. Tất cả đều được giữ trong nhà để luôn trong tình trạng khô ráo sẵn sàng làm việc. Những bức tường treo đầy vật dụng bằng sắt, giũa, nạo, dao và đục, và có hàng giá đựng dầu được dùng cho công đoạn cuối cùng.

Hầu như tất cả các ghế băng, giá để đồ, và thậm chí cả nông cụ đều được khắc những họa tiết tinh xảo. Sigurðr dịu dàng lướt tay lên những vết khía xoắn xuýt lại với nhau của một trong những đồ vật đó, một cái nôi dựa vào tường. Từ bốn góc của nó, những cây cột dựng đứng lên trên; đầu mỗi cây cột đều được chạm trổ hình rồng với cái đầu vừa khít nắm tay của cha mẹ bé để họ có thể đu nôi cho em bé ngủ.

"Nó là cho con trai tôi, Bragi."

Sigurðr biết Einarr đã kết hôn và làm cha. Không cần phải nhắc cậu về chuyện này nữa. "Thật là tốt," cậu trả lời, rồi chỉ về phía một cái thùng đầy ứ những ống mảnh bằng gỗ. "Chúng là gì vậy?"

Einarr rút một cái ống đưa ra trước mặt mình, chiêm ngưỡng độ dài của nó, trước khi đưa cho Sigurðr.

"Tôi không giỏi làm cung tên, nhưng có thể chế một chiếc cung thẳng và chắc chắn thì lại là chuyện khác."

"Einarr lại đang khoe khoang phải không?"

Một phụ nữ bế một đứa bé sơ sinh đang bú mẹ đi vào nhà mà không ai hay biết. Màu xanh da trời trong mắt cô thậm chí còn rực rỡ hơn của Einarr và tóc cô, được buộc gọn bằng một chiếc chun sặc sỡ, có những lọn vàng óng lấp lánh do được cô nhuộm với kiềm.

"Cậu hẳn là Sigurðr. Thật mừng quá, cuối cùng cũng được gặp cậu."

"Đây là Svanhildr," Enairr nói. "Cái mỏ neo của tôi."

"A, cái giữ cho anh được vững vàng phải không?" người vợ hỏi.

"Không," người chồng trả lời, "cái luôn kéo tôi xuống ấy."

Svanhildr đập mạnh vào vai anh một cái, và Einarr giơ tay ra - không phải để đánh lại, mà để đỡ lấy đứa bé để nó không bị mất thăng bằng.

"Cậu nhóc may mắn này," Enairr nói, "là Bragi."

Svanhildr trao đứa bé cho chồng, chỉnh lại chiếc vòng nạm đá quý quanh cổ, và hất vạt chiếc váy tạp dề xuống. Chuỗi chìa khóa đeo bên eo cô đồng loạt kêu leng keng cùng những viên đá trang trí trên dây chuyền, và kết quả là mọi cử động của cô đều ồn ào. Cô lại vỗ yêu chồng một cái nữa, trước khi ôm lấy đứa trẻ. Nhìn nét mặt cô, bất cứ ai cũng có thể thấy rằng đây là người phụ nữ rất hài lòng với cuộc sống hiện tại.

Người đàn ông và cậu bé làm việc suốt buổi chiều - hầu như là thế, Einarr hướng dẫn cách sử dụng các dụng cụ - rồi Sigurðr trở về nhà sau khi đã từ chối lời mời ở lại ăn cơm tối của Svanhildr.

Ngày hôm sau, khi Svanhildr đón cậu nơi ngưỡng cửa nhà dài, Sigurðr đã trao cho cô một cái túi. "Tôi mang ít thịt cá mập đến," cậu nói.

"Cậu thật tốt bụng," cô nói, nhã nhặn cầm chiếc túi sao cho nó trông có vẻ nặng hơn trọng lượng thật. "Tôi sẽ ủ men chỗ này, và khi nào xong xuôi cậu sẽ ăn với chúng tôi nhé."

Sau khi ngập ngừng một lúc, Sigurðr lúng búng, "Tìm được xác cá voi thì rất tốt, nhưng cá mập thì cũng hữu ích lắm."

"Ừ. Thôi vào đi." Cô đá đống gỗ qua một bên. "Ấy là, nếu cậu tìm được chỗ giữa cái đống gỗ này. Thỉnh thoảng tôi cứ có cảm giác là mình đang sống trong rừng ấy."

Một lần nữa hai người đàn ông lại dành cả ngày cùng nhau; lần này là bài học về cách bảo quản dụng cụ. Khi Svanhildr mời Sigurðr ở lại ăn tối, cậu đã chấp nhận. Cô dọn món thịt gà hầm với rong biển, và trong khi hai người đàn ông ăn uống, cô ngồi đưa nôi cho tới khi Bragi ngủ.

Họ ngồi quanh đống lửa trong nhà cho tới tận tối muộn, những cột khói cứ đều đặn bốc qua lỗ thông hơi trên trần nhà. Svanhildr đun một chảo bia nhỏ và khi những cốc bia của họ gần cạn, cô sẽ nhúng chiếc muôi có hình con ngỗng vào chảo để lại đổ đầy cốc. Khi Sigurðr khen ngợi hương vị tuyệt hảo của món đồ uống, Svanhildr giải thích rằng bí mật nằm ở sự kết hợp giữa vị cây bách và hoa mua mọc ở đầm lầy. "Người ta hay nói rằng người đàn ông hạnh phúc hay không là phụ thuộc vào chất lượng thức ăn của anh ta," cô giải thích tiếp, "nhưng trong trường hợp của Einarr thì nó có vẻ phụ thuộc vào chất lượng bia rượu của anh ấy nhiều hơn."

Einarr làu bàu đồng ý rồi lại uống thêm một ngụm đầy nữa.

Đêm đó, khi Sigurðr quay trở lại nhà mình, cậu lơ đãng chùi tay vào tấm da cá mập mà cậu định tặng cho Einarr. Cậu đã cắt nó ra từ lớp vây trên vì cậu biết nó có thể được dùng để làm giấy ráp tốt, nhưng cậu không tìm được lúc nào thích hợp để tặng cả. Khi cậu về đến cái lán xác xơ của mình, những ngón tay của cậu tê cứng đến nỗi cậu không để ý rằng chúng đã nhuốm đầy máu.

Vào các buổi chiều sau đó, Sigurðr nhận ra dù không thực sự yêu thích nghề mộc, cậu lại khá có tài vẽ. Cậu tìm các loại phẩm màu - màu đen từ than đá, màu trắng từ bột xương, màu son từ đất đỏ - và sơn chúng lên các tác phẩm gỗ đã hoàn thành. Sigurðr hài lòng gấp ba: bởi kỹ năng cậu đang học, bởi bản thân những màu sắc đó, và bởi nụ cười trên gương mặt của Einarr.

Einarr cũng cảm thấy rất hài lòng. Không chỉ vì những bức tranh của Sigurðr tôn thêm vẻ đẹp cho tác phẩm của anh, mà còn vì chàng trai trẻ đó thực sự là một người đồng hành tốt - chưa hẳn là một người bạn, nhưng chắc chắn không chỉ là một đồng nghiệp đơn thuần. Để chứng tỏ điều này, một ngày nọ Einarr đưa cho Sigurðr một cái gói dài, được bọc vải len và buộc dây da. Bên trong là một thanh kiếm với chuôi hình rồng chạm trổ tinh tế. "Nếu cậu có một thanh kiếm tử tế thì rất tốt," Einarr nói, "chứ không phải là con dao chặt cá cậu đang dùng bây giờ."

Sigurðr gật đầu, vì cậu cũng chẳng biết phản ứng thế nào. Từ khi cha mẹ mất, đây là món quà đầu tiên cậu được nhận.

"Nào," Einarr nói với Sigurðr, "cậu có muốn học cách sử dụng không?"

Einarr sửa các thiếu sót trong động tác kỹ thuật của Sigurðr, và cậu học sinh rất nhanh chóng thấm nhuần các bài dạy. Einarr cảm thấy rất ấn tượng. "Cơ thể của cậu tự nó đã biết phải chuyển động thế nào rồi, thật tuyệt. Có rất nhiều thứ có thể dạy được, nhưng khả năng đánh hơi nguy hiểm thì không nằm trong số đó đâu."

Sigurðr cúi gằm mặt nhìn xuống chân mình. Cậu không muốn để Einarr thấy khuôn mặt mình đỏ bừng lên vì lời khen.

"Cậu sẽ cần đặt cho nó một cái tên," Einarr nói. "Tôi gợi ý tên là Sigurðsnautr. Vì nếu có lúc nào cậu đâm thanh kiếm này vào ai thì đó sẽ là một món quà anh ta không thể mau quên được đâu."

Khi Sigurðr trở về nhà vào tối hôm đó, cậu lật đi lật lại thanh kiếm trên tay. Cậu rất thích cái tên - "Món quà của Sigurðr." Cậu cẩn thận buộc hai đầu đoạn dây da đã dùng để bó cái gói lại với nhau và đeo vào cổ. Từ ngày đó trở đi, cậu không bao giờ tháo nó ra, nhưng cậu luôn cẩn thận chú ý để sợi dây được giấu kín trong lần áo chùng của mình. Chẳng có lý do nào để khoe nó ra cả; biết rằng thứ đã từng ở trên tay Einarr giờ luôn chạm vào da cậu là vui lắm

rồi. Suy nghĩ đó thỉnh thoảng cũng làm Sigurðr nổi da gà, như bị một trận gió phương Bắc quật vậy.

Khi cái ngày Einarr phải cùng đoàn Viking lên đường đột kích những vùng đất khác cuối cùng cũng đến, Sigurðr những tưởng đây là lúc cậu phải quay lại với cuộc sống đơn độc của mình. Nhưng Svanhildr đã mời cậu đến ăn bánh ngọt và uống bia vào mỗi buổi sáng và - chính cậu cũng thấy ngạc nhiên - Sigurðr luôn xuất hiện. Bragi ngày một khôn lớn và chẳng mấy chốc đã cho thêm một cụm từ vào cái vốn từ ngày càng nhiều thêm của cậu nhóc. Cậu biết mẹ, cha và gỗ, nhưng một ngày nọ cậu đã ngước mắt nhìn vào người thanh niên miệng chật ních bánh ngọt và gọi: "Sig Sig."

Dù Einarr là người chất tiền vào mấy cái rương trong nhà, Svanhildr mới là tay hòm chìa khóa. Nếu không có sự trù liệu cẩn thận thì một hộ gia đình Viking sẽ không thể chống chọi nổi với những mùa đông khắc nghiệt, và Sigurðr ngày càng thêm ngưỡng mộ công việc của Svanhildr. Cô biết tất cả những phương thức dự trữ thịt - hun khói, ướp muối, ngâm giấm, và còn nhiều hơn nữa - để chồng mình không chán ngấy vì những bữa ăn ngày nào cũng như ngày nào. Một thời gian sau, Sigurðr bắt đầu phụ giúp cô làm bữa sáng, thái thịt thành những lát mỏng trong khi cô chuẩn bị nước muối để ngâm chúng.

Trong suốt đợt vắng nhà của chồng mình, không một lần nào Svanhildr tỏ vẻ lo sợ anh sẽ không quay về - nhưng khi nghe tin chiếc thuyền đã trở về, cô sẽ chạy thẳng ra bờ biển và nhảy vào vòng tay đang háo hức ngóng trông của Einarr. Cô sẽ hôn anh nồng nàn, véo anh hai cái vào mặt, và rồi nhẹ nhàng hôn bằng hết chỗ máu đọng trên môi anh. Sigurðr không thật sự chắc lắm, nhưng gần như cứ khi nào Svanhildr rút tay lại sau cú véo đầu tiên, Einarr sẽ lại chìa cằm ra để chuẩn bị đón cú tiếp theo.

Sigurðr giúp chồng mang chiến lợi phẩm về nhà dài và sửng sốt trước sự đa dạng của những món đồ: kim loại quý hiếm cùng những túi đầy tiền vàng, đồ trang sức, dụng cụ cướp được từ những công xưởng ngoại quốc, và những chai rượu chưa bị vỡ trên chuyến hải trình trở về nhà. Nhưng trong tất cả những thứ này, hiển nhiên Svanhildr mong đợi một cái gì đó hơn thế kia. Rồi Einarr lấy một bìa sách nạm đá quý anh đã giật ra từ một bản Kinh Thánh ở một tu viện nước Anh, ấn nó vào tay Svanhildr. Cô ngắm nghía nó một lúc trước khi bổ sung món đồ trang sức lòe loẹt ấy vào chuỗi vòng đá quý của mình, và cuối cùng Sigurðr cũng hiểu bộ sưu tập bùa ngải đủ chủng loại của cô đến từ đâu. Khắp mọi nơi.

Họ uống bia và rượu cho tới tận khuya, đến khi Sigurðr say đến nỗi không thể lê về nhà, bất tỉnh nhân sự trên một chiếc ghế băng kê sát tường. Cậu nằm ngủ ở đó, rồi bỗng bị đánh thức bởi tiếng ồn của một trận đánh nhau trong lúc đầu óc quay cuồng - hay ít nhất cậu cũng tưởng thế, rồi mới nhận ra mình đang nghe trộm cuộc vui của chủ nhà.

Einarr hùng hục vào trong vợ mình từ phía sau, tay anh kéo hông cô lại. Có vẻ như Svanhildr đang cố hết sức tìm lối thoát, và cũng đúng là thế thật, nhưng không hẳn: đó là

một phần trong cuộc chơi của họ. Khi cuối cùng cô cũng thoát ra được, Einarr tóm lấy hai chân đang đá lung tung của cô rồi lật người cô lại. Khi anh vào trong cô từ phía trên, móng tay cô bấu khắp lưng anh, làm anh chảy cả máu. Cô cắn vào cổ anh mạnh đến nỗi anh phải túm tóc cô lôi ra. Cô gầm lên đau đớn, rồi cười một cách quái lạ và nói chồng mình có mùi như cá ươn và làm tình thì như một cô gái. Enairr gầm gừ lại rằng cô sẽ không thể đi lại tử tế vào sáng hôm sau được đâu.

Phải mất một lúc lâu Sigurðr mới ngủ lại được.

Khi cậu tỉnh dậy, hiển nhiển là Einarr - những vết răng cắn vẫn còn hằn rõ trên cổ họng - đã tắm rửa sạch sẽ ở con suối gần đó rồi. Bragi thì đang chạy lăng xăng, làm quen lại với cha mình, trong khi Svanhildr - với những vết bầm giập dọc hai cánh tay - van nài con nói nhỏ nhỏ thôi trong khi cô kiên nhẫn gỡ đống tóc rối bù của Einarr với chiếc lược làm bằng xương cá voi. Cứ chốc chốc, cô lại quàng tay quanh người anh thầm thì, "Ég elska þig. Ég elska þig. Ég elska þig." Em yêu anh. Em yêu anh. Em yêu anh.

Khi Sigurðr giả bộ ngáp thật lớn cho biết mình đã dậy, Svanhildr buông ngay chồng ra và đi lấy một xô nước mát cho vị khách rửa ráy. Khi cô mang xô nước lại, Bragi đã trèo vào lòng Sigurðr. Bây giờ, vốn từ vựng của cậu bé đã tiến bộ thêm một chút và cậu sung sướng thét lên "Chú Sig!"

Không lâu sau Einarr, lần thứ hai, nêu ra một đề nghị sẽ thay đổi cả cuộc đời Sigurðr: lần này, đề nghị cậu gia nhập đội Viking. Như Einarr giải thích, những chuyến hải trình rất buồn tẻ và anh nhớ cuộc sống quê nhà; có lẽ có một người bạn theo cùng sẽ làm dịu nỗi nhớ đó.

Lời đề nghị đưa ra có phần nài nỉ, vì Sigurðr thường e rằng mình không đủ nam tính. Các buổi sáng, cậu thường lặn ngụp dưới nước để tìm xác động vật; các buổi chiều thì cậu phụ việc, khi cậu cảm thấy cô đơn, cậu lại giúp vợ một người đàn ông khác làm việc nhà. Sigurðr chỉ hứa sẽ xem xét đề nghị đó nhưng cậu đã biết chắc mình sẽ chấp nhận, và lý do lớn nhất là vì Einarr đã coi cậu là một người bạn.

Sigurðr nhanh chóng nhận ra mình bị mấy người Viking soi mói. Có chút khó chịu - những thầm thì đồn thổi về chuyện Sigurðr là fudlogi, một người đàn ông sợ làm tình với phụ nữ - nhưng không ai muốn xúc phạm Einarr. Khi sự tồn tại của một người phụ thuộc vào chiếc thuyền dài, chẳng hay ho gì khi làm phiền lòng người thợ mộc bậc thầy. Hơn nữa, người Viking tin rằng bất luận thế nào, cảm giác khó chịu với kẻ khác cũng không gây ảnh hưởng gì lắm, miễn là kẻ đó biết tấn công. Người đàn ông bất lực trên giường thì cũng thua trong các cuộc đánh nhau, nhưng chẳng có bằng chứng nào cho thấy Sigurðr đã từng đầu hàng một người đàn ông nào khác, người ta chỉ đồn rằng cậu cũng không ngại làm chuyện đó thôi. Sau vài bài kiểm tra sức mạnh cũng như kỹ thuật sử dụng vũ khí của Sigurðr, họ đã đồng ý cho cậu thử đi cùng trong chuyến viễn du dọc bờ biển nước Anh.

Chiến thuyền trông thật đáng ngưỡng mộ, với mặt ngoài phủ da bò và những cánh buồm bằng len dày, phía mũi thuyền là hình một con mãng xà dữ tợn. Họ lái thuyền dưới ánh mặt trời và dưới những vì sao, người Viking ngồi trên những chiếc rương rỗng sẽ đầy khi họ quay trở về nhà. Hiển nhiên có những thành viên của đoàn Viking rất háo hức với trận chiến sắp đến. Họ chuẩn bị cho cuộc bao vây bố ráp với những bài tụng niệm bằng cách tát bôm bốp vào mặt nhau, rạch da của chính họ để làm dịu cơn khát máu của những thanh kiếm. Một số thậm chí còn tưởng tượng ra mình bị các linh hồn động vật nhập vào người, và để trí tưởng tượng bay xa hơn bằng cách dùng thêm chút berserkjasveppur - những cây nấm berserker giúp tăng hưng phấn - trước khi đổ bộ lên bờ biển nước Anh.

Einarr khuyên Sigurðr đừng quan tâm đến mấy cái đó. Anh đã dùng nó trong cuộc tấn công đầu tiên của mình, nhưng chúng chỉ làm anh mất tập trung. Tuy nhiên, anh thú nhận rằng mình thỉnh thoảng cũng dùng trong xưởng gỗ khi muốn tìm cảm hứng làm việc. Sau khi ăn vài cây nấm, anh nói, rất dễ hình dung ra những họa tiết mượt mà mà người ta không thể nghĩ đến trong lúc tỉnh táo.

Sigurðr nhanh chóng nhận ra việc chiến đấu đối với cậu thật dễ dàng và áp đảo người Anh chỉ là một nhiệm vụ đơn giản; họ cứ thế nộp cống vật để cho qua chuyện thôi, đặc biệt là mấy lão thầy tăng ấy. Cuộc tấn công thu được thắng lợi lớn và Sigurðr, với sự giúp đỡ của Einarr, đã làm tròn nhiệm vụ của mình. Cậu được mời tham gia vào cuộc tấn công thứ hai, rồi thứ ba, và sau đó cậu trở thành một thành viên thường trực. Lần đầu tiên trong đời, cậu cảm thấy mình là một phần của cái gì đó. Từ không gia đình, cậu đã có tới hai - gia đình của Einarr và hội những người anh em Viking - và cậu tin rằng tính đàn ông mới được phát huy này của cậu sẽ giúp cậu có thể bước vào thiên đường Valhalla lúc cuối đời.

Mọi việc cứ tiếp diễn trong nhiều năm. Vào những đợt nghỉ giữa các cuộc tấn công, Sigurðr và Einarr cùng trui rèn khả năng sử dụng vũ khí và củng cố kỹ năng mộc của nhau. Tác phẩm chạm trổ của Einarr ngày càng trở nên sáng tạo hơn, có lẽ nhờ những cốc bia anh uống mỗi ngày một thường xuyên hơn hoặc do những cây nấm anh dùng mỗi khi cần tìm cảm hứng. Khả năng sơn vẽ của Sigurðr cũng ngày càng tiến bộ. Hai người ở cùng nhau nhiều hơn, và thường thì, mỗi ngày mới đến họ lại có thiện cảm với nhau hơn hôm trước.

Không thể tránh khỏi, dĩ nhiên rồi, Sigurðr đã yêu Einarr. Không chỉ là sự đam mê đơn thuần lúc đầu, mà là một tình cảm chân thật hơn, sâu đậm và đẹp đẽ hơn. Einarr chắc chắn cũng biết điều này, nhưng anh giả vờ không nhận thấy những ánh mắt thỉnh thoảng lưu luyến nhìn mình của Sigurðr. Đây là cách họ giải quyết vấn đề: vờ như nó không hề tồn tại. Chẳng hay ho gì khi nói về nó cả, vì thế họ quyết định không nói gì hết, và chuyện đó cứ lơ lửng giữa họ như một đêm dài dằng dặc mà bình minh sẽ không bao giờ đến.

Đối với Svanhildr, tình yêu cô dành cho Einarr cũng lớn dần theo năm tháng; tuy nhiên, niềm say mê cuộc sống Viking luôn vẫy gọi anh lên đường bất chấp những ngày vắng nhà,

và cô lại đeo bộ mặt ủ rũ vào những tuần trước mỗi cuộc hành trình cướp phá. Đến một hôm tình trạng này trở nên tồi tệ hơn tất cả những lần trước đó. Cô gắt lên mỗi khi Einarr xin lấy thêm một cốc bia tươi, càu nhàu với thánh thần vì những lý do không đâu, và thậm chí còn òa khóc khi Bragi xước đầu gối khi đang nghịch thanh kiếm đồ chơi.

Khi Einarr không thể chịu nổi thêm nữa, anh chộp lấy vai cô và lắc cho tới khi cô không thể im lặng được nữa.

"Vấn đề nằm ở anh ấy," cô nói. "Và những chuyến đi của anh, trong khi em phải ở nhà với con."

Một nụ cười hiện lên trên khuôn mặt Einarr.

"Thôi đi! Em không có ý định chửa đẻ nữa đâu," cô la thét. "Em có tuổi rồi."

"Nhưng không quá già nhỉ," Einarr nói. "Hiển nhiên rồi."

Đêm trước khi những người đàn ông phải rời đi, Einarr đã dọn thịt lợn hun khói và những cốc bia tươi nhất của cô cho họ nhưng chẳng nói năng gì. Sáng hôm sau, cô không ra biển tiễn Einarr. Cô chỉ tát nhẹ vào miệng anh ở ngưỡng cửa thay lời tạm biệt.

CHƯƠNG 28

hững cuộc tấn công diễn ra như thường lệ. Danh tiếng của người Viking gần như đủ để chiến thắng bất cứ trận chiến nào trước cả khi lưỡi gươm tuốt ra khỏi vỏ và khi họ tới mục tiêu cuối cùng, thuyền họ đã chở nặng lắm rồi. Họ nhiều lần tấn công dễ dàng các ngôi làng nước Anh, nhưng gần đây người dân đã học được vài mánh tự vệ để gỡ gạc chút danh dự. Họ không mong sẽ đánh bại người Viking, nhưng họ thực sự mong muốn ít nhất cũng diệt được vài kẻ.

Khi những người Viking ào ra khỏi thuyền và chạy qua bãi cát, một đợt cung tên bất ngờ xé toạc bầu trời lao về phía họ. Sigurðr rất giỏi quan sát: cậu đã phát hiện ra một mũi tên mang mối nguy hiểm đặc biệt. Cậu đã sẵn sàng tránh khỏi đường bay của nó nhưng rồi nhận ra nếu cậu làm thế, mũi tên sẽ đâm vào người đứng sau cậu.

Einarr.

Và thế là cậu không tránh.

Mũi tên xuyên qua lớp áo da trên ngực cậu, cậu thét lên đau đớn rồi ngã xuống đất, những ngón tay bấu chặt lấy cuống tên.

Sau chút bất ngờ đầu tiên, những người Viking dần lấy lại thế thượng phong và dân làng trở thành mồi ngon cho những kẻ tấn công, như mọi khi. Nhưng trận chiến không còn liên quan gì đến Einarr Einarsson hay Sigurðr Sigurðsson nữa, họ đã quay trở lại bờ biển. Mũi tên cắm sâu vào ngực của Sigurðr, ngập tới ngọn, và không thể rút ra mà không xé toạc vết thương.

Sigurðr biết điều này. Cậu rất sợ nhưng vẫn cố thu hết can đảm kể cả khi cậu cảm thấy ánh mắt Einarr nhìn mình như băng bám trên những mái chèo hờ hững. "Einarr?"

"Ừ."

"Tôi sắp chết rồi."

"Cậu sẽ không chết đâu."

"Hãy nhớ đến tôi."

"Sao tôi có thể quên một người ngốc đến nỗi tin rằng cậu ta sắp chết vì một vết thương phần mềm chứ?" Einarr đáp lại.

"Einarr?"

"Cái gì?"

"Có một điều tôi muốn nói với anh."

"Với một người sắp chết thì cậu nói hơi nhiều đấy."

"Không," Sigurðr khăng khăng tiếp tục. "Ég elska"

Einarr ngắt lời cậu. "Mấy trò lắp bắp này làm cậu cứ như đàn bà ấy. Cố giữ sức đi."

Nét mặt của Einarr cho Sigurðr biết cuộc tranh luận đến đây là chấm dứt, vì thế cậu nhắm mắt lại và để người bạn đưa mình lên lại trên thuyền dài. Ở đó Einarr đã cắt bỏ những phần da xung quanh mũi tên và Sigurðr cứ liên tục rú lên đau đớn với mỗi nhát dao. Khi vết thương bị khoét đủ sâu, Einarr dùng một cái kẹp gắp đầu mũi tên ra và cầm nó lên để Sigurðr, sắp bất tỉnh đến nơi, có thể thấy những sợi thịt đang bám chặt lấy nó.

"Svan hẳn đã chăm cậu rất tốt," Einarr nói, "chỗ gần tim cậu có mỡ bám đấy."

Trong suốt chuyến đi về nhà, Einarr thường xuyên thay băng và kiểm tra xem vết thương của Sigurðr có bị nhiễm trùng không nhưng có vẻ như nếu chưa đỡ hơn thì ít ra nó cũng không nặng thêm. Gần như trước khi Sigurðr kịp nhận ra, cậu thấy mình tỉnh lại, trước mặt là Svanhildr đang cầm một bát xúp hành tỏi tây.

"Đồ nóng sẽ rất tốt cho cậu đấy," cô nói.

"Tôi có thể đi mà. Một người đàn ông ốm yếu ở lại nhà của một phụ nữ đang mang bầu thì chẳng hay gì đâu."

Cô có vẻ buồn cười trước câu nói ấy. "Cậu cũng là người trong nhà cả mà, và chúng tôi sẽ không nghe bất cứ điều gì tương tự như vậy nữa đâu."

"Nhưng em bé..."

"Uống nào. Nếu ngửi được mùi hành ở vết thương của cậu, tôi có thể biết được nội tạng cậu có bị tổn thương hay không."

Trong suốt những ngày tiếp theo, Einarr và Bragi luôn cầu khấn nữ thần chữa trị, và Svanhildr vẫn tiếp tục chăm sóc vết thương của Sigurðr. Thầy pháp địa phương đã ban phước cho một loạt cổ ngữ Rune khắc lên xương cá voi để đổi lấy một trong những rương châu báu quý giá nhất của Einarr và rải xương quanh chiếc ghế băng nơi Sigurðr ngủ.

Việc ấy có vẻ có tác dụng: vết thương của Sigurðr không còn mùi hành. Việc đầu tiên cậu làm, khi chắc rằng cậu sẽ sống, là tiến thẳng tới xưởng để đục một lỗ xuyên qua một chiếc xương trị bệnh. Cái này, cậu đem đưa cho Svanhildr.

"Tôi sẽ cảm thấy rất vinh hạnh," cậu nói, "nếu cô luồn cái này vào cùng những viên đá trên chuỗi vòng cổ. Cô không bắt buộc phải làm thế đâu, nhưng mà..."

Cô ngắt lời cậu bằng việc quàng tay qua cổ cậu, và gật đầu lia lịa.

Việc phục hồi cũng không dễ dàng gì. Sigurðr vẫn chưa thể giơ tay lên thoải mái và thỉnh thoảng cậu vẫn phải chịu những cơn đau nhói bất ngờ, cậu cũng nhanh chóng chán cái cảnh được chăm sóc thái quá rồi. Cậu cùng Einarr hoàn thành công việc mới nhất của anh: một chiếc thuyền dự định đưa Bragi đi câu cá ở vịnh. Cậu đã quyết tâm sơn vẽ toàn bộ con thuyền; dù việc trang trí thực sự không cần thiết. Nhưng cậu thấy rất vui khi lại được cảm nhận cây cọ trong tay mình. Công việc kéo dài đằng đẵng, nhưng Einarr chẳng mảy may phàn nàn về sự chậm chạp của bạn mình.

Svanhildr thai nghén cũng không vất vả lắm, dù tuổi tác của cô không thực sự phù hợp với việc mạo hiểm này. Khi cô đến lúc vượt cạn, Bragi bé nhỏ đã chạy đi mời các bà mụ trong khi hai người đàn ông ở lại an ủi cô. Một cậu bé nữa, khỏe mạnh xinh xắn được đặt tên là Friðleifr, nhanh chóng trở thành thành viên mới trong gia đình.

Khi chắc chắn hai mẹ con đã mẹ tròn con vuông, những người đàn ông quyết định uống mừng may mắn. Thậm chí cả Bragi cũng được cho phép thức khuya và được chuốc vài cốc bia đặc, vì cậu giờ đã phải trông một đứa em, cha cậu thấy rằng đã đến lúc cho cậu uống như một người đàn ông.

Căn phòng được thắp sáng bởi cái lò sưởi dài và những chiếc đèn mỡ cá voi, Einarr cười khi người bạn - giờ, anh tự hào nhấn mạnh, người bạn trưởng thành của anh - loạng choạng đổ ập lên băng ghế kiêm giường ngủ của cậu. "Không, vẫn chưa hẳn là một người đàn ông," anh đùa, trong khi Sigurðr hét lên rằng bia sẽ làm ngực Bragi mọc lông, hay ít nhất lưỡi cậu cũng sẽ mọc lông vào sáng hôm sau.

Chỉ vài phút sau cậu đã ngáy khò khò và Einarr, cảm thấy thỏa mãn khi cả vợ và cậu con mới sinh của mình đều đã chìm vào giấc ngủ, liền quay lại xưởng gỗ. Anh trở vào nhà với một cái túi và ném nó về phía Sigurðr; bên trong rất nhiều nấm khô. "Giờ chúng ta có thể thực sự ăn mừng được rồi. Thần thánh luôn mỉm cười với chúng ta."

Mỗi người ăn một ít berserkjasveppur - Sigurðr không thích món này nhưng cũng ăn một chút vì không muốn từ chối bạn mình điều gì - trước khi Einarr đổ chỗ còn lại vào chảo bia trên bếp lò. "Chúng ta sẽ đun chỗ còn lại. Không ngon lắm, nhưng tác dụng của nó thì..."

Họ uống đến tận khuya, Einarr cố gắng miêu tả vẻ đẹp của những hình ảnh đang tự do bay lượn xung quanh mình, còn Sigurðr cười phá lên trước những nỗ lực của anh. Thỉnh thoảng Svanhildr bối rối ngẩng đầu lên trước những câu nhận xét của Sigurðr, nhưng lại ngủ tiếp mà không nói một lời nào. Hai người đàn ông uống cho đến tận khi bát nấm đã sạch bách, rồi ăn nốt chỗ vụn nấm lép nhép sót lại ở đáy bát.

"Cậu thật tốt khi tặng Svanhildr miếng xương cá voi cổ ngữ để đeo vào vòng cổ của cô ấy," Einarr lè nhè nói. "Tôi nghĩ là mình sẽ luôn nhớ tới việc đó."

"Cô ấy đã chăm sóc tôi," Sigurðr nói. "Anh cũng thế."

"Đã đến lúc cô ấy cần một vật của cậu để đeo quanh cổ rồi."

"Tôi quý cô ấy," Sigurðr nói.

"Tôi biết."

"Bragi," Sigurðr nói thêm. "Bragi, tôi cũng quý cậu bé nữa."

"Tôi có một thứ dành cho cậu." Einarr lại đi vào trong xưởng, và lần này anh quay lại với cái đầu mũi tên đã cắm vào ngực Sigurðr. Anh ngồi phịch xuống, sát Sigurðr hơn trước. "Đưa cái vòng cổ của cậu cho tôi."

"Tôi không biết..." Sigurðr thầm thì. "Tôi không nghĩ anh lại để ý đến nó."

"Tôi để ý nó ngay từ đầu rồi, nhưng tôi đã nhớ lại khi rút cái này" - anh giơ đầu mũi tên ra - "khỏi ngực cậu."

Sigurðr lôi sợi dây da ra, và khi nó đã ở trong tay Einarr, anh xoắn nó lại và nói, "Nó vẫn y như cái ngày tôi dùng nó để buộc Sigurðsnautr."

Sigurðr nhìn chằm chằm vào đống lửa, không dám nhìn bạn mình, trong khi Einarr luồn đầu mũi tên vào sợi dây. Rồi anh đưa cho Sigurðr.

Sigurðr định với lấy nó, nhưng rồi đổi ý và cúi đầu xuống một chút. Einarr hơi do dự, rồi choàng cái vòng cổ qua đầu Sigurðr. Sigurðr có thể cảm nhận bàn tay anh cọ vào tóc cậu, có lẽ thậm chí còn lướt qua cả gáy cậu nữa. Sau bao nhiêu năm tưởng tượng những ngón tay của Einarr ở đó, giờ chúng thực sự đã ở đó rồi.

Họ bất động trong vài giây, mắt nhìn thẳng vào nhau.

Sigurðr rướn lên trước một chút, và Einarr không lùi lại. Họ thật gần nhau. Sigurðr đằng hắng, cảm thấy họng nghẹn lại vì bia sôi và nấm, rồi giọng cậu lạc đi khi thốt ra những từ cậu đã đợi suốt bao nhiêu năm để nói ra. "Ég elska þig."

Mắt Einarr hơi nheo lại, nhưng ngoài đó ra, nét mặt anh không hề thay đổi.

Sigurðr rướn lại gần hơn chút nữa. Và Einarr vẫn không lùi lại. Thế là Sigurðr lấn tới, áp miệng mình lên miệng Einarr, và hôn anh.

Einarr không phản ứng gì. Sigurðr coi đó là dấu hiệu chấp nhận bèn hôn cuồng nhiệt hơn.

Rồi Sigurðr thấy Einarr giật lùi lại, theo sau là một cú đập mạnh vào thái dương cậu. Cú đấm làm cậu văng khỏi ghế và chỉ kịp ngước mắt lên để thấy Einarr lao về trước, chân vung mạnh. Cú đá trúng mạng sườn của Sigurðr và rút hết không khí ra khỏi phổi cậu. Dùng cánh

tay cầm kiếm, Einarr đấm thẳng vào giữa bụng của Sigurðr, và cứ đấm liên tục thế. Những đợt tấn công mù quáng, điên cuồng loạn xạ, hầu hết những cú đấm đều trượt.

Sigurðr cố thoái lui nhưng Einarr huých vai anh vào ngực cậu, hất Sigurðr ngã vào một cái đèn, làm nó đổ xuống. Cậu cố lợi dụng lực xoay để lăn đi, nhưng Einarr đã đuổi theo với những cú đấm còn điên loạn hơn. Quá nhiều cú đấm đá, quá nhanh, và ở khắp mọi chỗ - vào quai hàm của Sigurðr, sượt qua vai cậu, thẳng vào cổ họng cậu, và ở chỗ yếu nhất trên ngực cậu nơi mũi tên đã đâm vào. Cậu hầu như không thở nổi, vì sự tấn công hung bạo và cả sự thật đang diễn ra trước mắt nữa.

Em bé sơ sinh Friðleifr, giờ đang gào khóc trong cái nôi rồng, nhận ra có chuyện gì đó vô cùng tệ hại đang xảy ra trong cái thế giới cậu hầu như chưa biết gì. Svanhildr bật dậy và thét gọi chồng mình dừng lại, còn Bragi lăn khỏi cái ghế ngủ của cậu, quay cuồng không hiểu vì sao cuộc đánh nhau lại diễn ra và vì chỗ bia vẫn đang chảy trong huyết quản cậu. Cậu vẫn chưa đứng vững được còn sàn nhà thì chao đảo như một con thuyền trong bão.

Einarr không còn nghe ra bất cứ tiếng kêu thét nào nữa. Ảo giác do berserkjasveppur mang lại khiến anh cứ tưởng tượng ra con quái vật nào là thẳng tay đánh chúng, như thể chúng là những sinh vật duy nhất thực sự tồn tại trong căn phòng.

Sigurðr không hề đánh trả với lý do ai cũng có thể đoán được. Thương tích của cậu đã hạn chế các cử động, đúng thế, nhưng sự thực không chỉ có vậy: khi cậu nhìn thấy Bragi loạng choạng đứng dậy và nghe tiếng thét của Svanhildr, cậu đã hoàn toàn mất hết ý chí chiến đấu. Cậu nhận ra một điều, dù không tỉnh táo nhưng rất rõ ràng, rằng phút giây yếu lòng của cậu đã biến cậu thành kẻ phản bội những người gần gũi cậu nhất, với gia đình đã nhận chăm sóc một cậu bé không nơi nương tựa và cho cậu cuộc sống của một người đàn ông. Trong một khoảnh khắc ham muốn, Sigurðr đã vượt qua cái giới hạn bất thành văn mà cậu và Einarr đã mất hơn mười năm gây dựng.

Vì thế Sigurðr cứ nằm bất động; cậu sẽ để Einarr đấm cho cái giới hạn ấy quay lại mới thôi.

Khi thấy Sigurðr không phản kháng, Svanhildr rất lo lắng cho tính mạng của cậu và đổi hướng không đến bên chiếc nôi rồng nữa. Cô giữ chặt cánh tay phải của Einarr khi anh thu tay lại để chuẩn bị cho một cú đấm nữa, và chồng cô theo bản năng đã tung nắm đấm tay trái ra. Cô trúng đòn mạnh, văng ra đập đầu vào đống gỗ.

Bragi biết rõ không nên đối đầu trực tiếp với cha mình; một cậu con trai vẫn còn chơi đùa với kiếm đồ chơi không thể nào địch nổi một Viking. Việc chú Sig bị đánh làm cậu rất hoảng sợ, nhưng Bragi còn thấy một mối nguy hiểm khác nữa: mỡ cá voi đã tràn khỏi cái đèn bị đổ lúc nãy, làm một chồng đồ gỗ mới khắc bắt lửa, và ngọn lửa đang lan rộng ra.

Bragi bắt đầu thét ầm lên rằng nhà đang cháy, nhưng thậm chí cả điều này cũng không đủ làm cha cậu tỉnh trí lại. Những cú đấm của Einarr, dù vẫn trượt nhưng không hề giảm đi,

tiếp tục trút như mưa xuống người Sigurðr và trên khuôn mặt kẻ tấn công chẳng biểu lộ gì ngoài cơn thịnh nộ đầy đáng sợ.

Những băng ghế dọc tường cũng bén lửa và ngọn lửa leo dần lên các cành sồi Iceland nhô khỏi mấy bức tường. Chẳng có cách nào ngăn lửa lại và - không thể tệ hơn, Bragi đã thấy - lửa đang hướng về phía mẹ mình, cô đang nằm bất động nơi cô ngã xuống. Máu rỉ ra trên trán cô, chảy xuống cặp mắt nhắm chặt.

Bragi lắc mẹ mình, nhưng mẹ không phản ứng lại. Khi cậu nhận ra không thể lay mẹ dậy, cậu vòng tay xuống nách mẹ và cố đứng vững. Cậu dùng hết bình sinh để kéo, nhưng cậu vẫn còn say và còn quá bé nên chỉ kéo được mẹ ra một chút, vài phân một lần. Tuy thế, cậu vẫn kéo mẹ ra. Cậu phải kéo mẹ ra.

Khi Bragi kéo Svanhildr ra cửa, Einarr vẫn tiếp tục đợt tấn công hung hãn của anh. Cho dù có muốn Sigurðr cũng không còn phản công được nữa: mặt cậu ngập trong vũng máu, xương sườn bị gãy vô số kể, và chân cậu giật lên với mỗi cú đấm trúng đích. Tuy nhiên, cậu vẫn cố nói qua kẽ những chiếc răng gãy.

"Cháy, Einarr," cậu thốt lên. "Vợ! Bragi!"

Cậu cứ lặp đi lặp lại mấy từ đó cho tới khi cuối cùng nó cũng đến tai Einarr. Einarr ngưng đấm đá và bối rối nhìn xung quanh, như một người không biết mình vừa tỉnh dậy tại nơi nào. Anh nhìn thấy Bragi đang đứng ở cửa ra vào của ngôi nhà dài, bên dưới là Svanhildr nhưng không thể đi xa hơn, họ đã bị chặn lại bởi một hàng rào lửa.

Anh chạy vụt đến chỗ họ và đá đổ cánh cửa đang bốc cháy. Anh tóm lấy Bragi và ném cậu ra, nhưng anh không thể làm thế với Svanhildr - không thể khi cô đang bất tỉnh nằm đó được - thế nên anh đã vác cô lên vai và chúi người xuống. Cách duy nhất để thoát là phóng thẳng qua cửa; họ có thể bị bỏng, nhưng họ sẽ sống.

Sigurðr, thương tích đầy mình nằm trên sàn, nhìn Einarr và Svanhildr biến mất sau màn lửa và biết rằng cậu sẽ không thể theo họ được. Cậu không thể tưởng tượng nổi mình có thể lê được một phân nào, nói gì đến cả quãng đường cần thiết để thoát khỏi đám cháy, và nghĩ:Tất cả mọi thứ sẽ kết thúc như thế này đây. Trong biển lửa.

Lửa tí tách nhảy múa quanh cậu như đang cười nhạo, và cậu nghĩ đây sẽ là âm thanh cuối cùng mình nghe thấy. Rồi cậu nghe thấy tiếng đứa bé khóc.

Quần áo Sigurðr đã bắt lửa và cậu cảm thấy da mình đang nổ lộp bộp như bong bóng. Dùng những ngón tay gãy nát của mình, cậu dập hết chỗ lửa đó; cậu có thể làm tay mình cháy rụi khi làm thế, nhưng cậu đã không còn cảm giác gì nữa và điều đó cũng chẳng quan trọng. Máu rỉ từ khóe mắt và đọng lên râu của cậu, nhưng cậu chỉ lau đi và bắt đầu bò về nơi phát ra tiếng khóc của Friðleifr.

Bên ngoài, trong ánh lửa bùng lên từ nhà dài, Svanhildr đã tỉnh lại và điên cuồng ôm chặt lấy Bragi. Khi nhận ra rằng Friðleifr không ở đó với họ, cô buông tay ra và gào khóc thảm thiết. Cô bắt đầu loạng choạng đi về phía ngôi nhà, và Bragi đã phải giữ cô lại; cậu không thể để mẹ mình bước vào cái địa ngục nơi chẳng hy vọng gì thoát ra được.

Einarr, đã tĩnh trí lại, cũng lao về phía ngôi nhà đang chìm trong lửa. Trái tim anh thúc giục anh chạy bổ vào trong, nhưng bản năng gốc không cho phép điều đó. Không làm được gì khác, không thể tiến về phía ngọn lửa hay tránh xa khỏi nó, anh quỳ xuống đất và úp mặt vào đôi bàn tay. Svanhildr tiếp tục gào thét về phía ngôi nhà đang cháy và Bragi tiếp tục giữ chặt cô lại cho tới khi mục tiêu sự cuồng nộ của cô không chỉ nhằm vào ngôi nhà nữa. Cậu thả mẹ mình ra và cô chạy thẳng đến chỗ Einarr, đấm đá anh đến khi kiệt sức gục xuống bên cạnh chồng mình.

Enairr không hề đưa tay lên đỡ cho tới khi cô sụp xuống, rồi anh giơ tay lên với tới chỗ cô. Giây phút lòng bàn tay anh chạm vào cô, cô đã giật mình tránh ra, và anh biết mình không nên thử nữa làm gì.

Buổi sáng hôm sau, nhà dài chẳng còn gì ngoài một nhúm tàn than cháy dở vương vãi trên những tảng đá làm móng nhà. Những người khác đã tới - nông dân, Viking, thương nhân - bắt đầu lục lọi chỗ đổ nát. Einarr không muốn làm việc này chút nào, nhưng vẫn biết mình buộc phải làm thế.

Anh đi về phía chỗ trước kia là cái nôi rồng, nhưng nó đã không còn ở đó nữa: chỉ có một đống cột cháy thành than, và một cái cột đầu rồng chưa bị thiêu trụi cùng những cột khác vẫn âm ỉ cháy.

Có tiếng thét cất lên từ một người trong đội tìm kiếm: xác của Sigurðr đã được tìm thấy. Không phải nơi trận đánh nhau xảy ra, mà có lẽ phải xa chỗ đó đến hơn chục mét. Thi thể bị bám tro khủng khiếp đến nỗi Einarr cũng không thể nhận ra đây là bạn mình; nó có mang hình dạng con người, nhưng đã bị thiêu rụi đến tận xương.

Cảnh đó làm Einarr phát buồn nôn, nhưng địa điểm tìm thấy xác đã làm anh bối rối. Thay vì hướng về phía cửa, Sigurðr đã bò về phía góc nhà chỗ có rãnh nước. Điều này có thể hiểu được nếu chỗ đó đủ rộng để có thể thoát ra - nhưng nó quá nhỏ. Sigurðr còn chẳng nạy tấm ván sàn lên nữa; cậu nằm hẳn lên trên nó.

Có một tiếng động.

Einarr và những người đàn ông đang đứng quanh cái thân xác cháy rụi cứ nhìn nhau hết người này đến người khác, như thể để xác nhận rằng mình không điên, rằng thực sự đang có âm thanh phát ra từ một xác chết.

Yếu ớt. Một tiếng rên rỉ.

Ở bên dưới. Tiếng động phát ra từ bên dưới những tấm ván sàn.

Hai người đàn ông kéo xác Sigurðr qua một bên, một luồng hơi đầy tro bụi bay ra từ cái sọ, và Einarr bắt đầu giật tấm ván lót nền lên. Chúng cháy sém nhưng không bị lửa thiêu rụi; rõ ràng Sigurðr đã dùng thân mình ngăn lửa lại. Khi những tấm ván đã được gỡ ra, Einarr nhìn thấy một thứ đang trôi trên dòng nước, bọc kỹ trong lần chăn ấm và được buộc chặt bằng sợi dây mặt đầu mũi tên của Sigurðr là em bé mới sinh. Cậu bé Friðleifr đang run bần bật và nửa chìm nửa nổi trong làn nước lạnh, nhưng vẫn sống.

Einarr đỡ đứa trẻ lên và ôm chặt lấy nó, chặt hơn bất cứ cái ôm nào trước đó.

Những ngày sau đó, Einarr và Bragi dành hết thời gian ở bên cái vịnh yêu thích của Sigurðr, đào một cái huyệt khổng lồ. Khi cái huyệt đã đủ to, họ nhờ những người Viking khiêng chiếc thuyền của Bragi tới - chiếc thuyền Sigurðr đã sơn với những màu sắc rất rực rỡ. Trong lúc đưa nó xuống huyệt, vài người Viking làu bàu rằng Sigurðr chẳng phải một chiến binh vĩ đại đến mức xứng đáng được hưởng một ngôi mộ là con thuyền đẹp thế này, nhưng chẳng ai dám nói lớn lên cả. Họ cứ để Einarr và gia đình anh vĩnh biệt người đàn ông đã cứu mạng con họ.

Bên cạnh thi thể của Sigurðr trên thuyền, họ đã đặt vào đó cơ man nào là đồ vật: cốc bia ưa thích của cậu và cái muỗng hình con ngỗng trong bếp, cả hai đều được lôi ra từ đống tro tàn; cọ vẽ và phẩm màu của cậu; Sigurðsnautr; và cái đầu rồng duy nhất không bị thiêu trụi từ nôi của Friðleifr. Rồi Svanhildr tháo chuỗi vòng cổ của cô ra và nhẹ nhàng đặt lên bộ ngực tàn tạ của Sigurðr, chỉ giữ lại mảnh có khắc cổ ngữ mà cậu đã tặng cho cô.

Svanhildr và Einarr cũng định đặt cả chiếc vòng cổ có hình đầu mũi tên vào mộ nhưng cuối cùng quyết định không làm thế. Nó sẽ dành cho Friðleifr, làm một lá bùa bảo vệ cậu khi cậu trưởng thành.

Einarr tự tay xúc đất lấp huyệt. Bragi và Svanhildr, với đứa bé bấu chặt lấy ngực cô, đã ở suốt đêm bên cạnh anh. Khi ánh mặt trời đầu tiên xuất hiện, xẻng đất cuối cùng được đổ xuống, Einarr kiệt sức ngồi phịch xuống, nhìn vào đại dương nơi mặt trời đang mọc lên như ánh nhìn phán xét của thần Odin. Bragi đã ngủ thiếp đi và Einarr, không thể cứ tiếp tục giữ cái bí mật khủng khiếp ấy thêm giây phút nào nữa, đã thú nhận với Svanhildr lý do vì sao trận đánh nhau đó lại xảy ra.

Khi anh kết thúc, Svanhildr chạm vào chồng mình lần đầu tiên từ sau khi ngôi nhà dài bị cháy. Cô không thể nói lời tha thứ nào, nhưng cô đã nắm lấy tay anh.

"Anh không hiểu vì sao anh lại làm thế," Einarr nói, nước mắt chảy xuống hai má. "Anh rất yêu quý cậu ấy."

Họ ngồi đó không nói gì trong một lúc lâu, Einarr vẫn khóc, cho tới khi cuối cùng Svanhildr cũng chịu lên tiếng. "Friðleifr là một cái tên đẹp," cô nói, "nhưng có lẽ không đẹp bằng Sigurðr."

Einarr bóp tay cô mạnh hơn và gật đầu, rồi lại tiếp tục khóc.

"Chúng ta không được phép quên," Svanhildr nói, nhìn xuống khuôn mặt đang say ngủ của em bé mới thoát chết đang tựa vào ngực cô ấy. "Kể từ hôm nay, đứa trẻ này sẽ mang tên người bạn của chúng ta."

CHƯƠNG 29

ránh không bị ai chú ý đối với một nạn nhân bỏng lúc thường đã là rất khó khăn, nhưng nó còn trở nên khó khăn gấp bội khi anh ta phải ở trong cửa hàng vải vóc cùng một phụ nữ tóc tai rối bù cứ giơ những mảnh vải trắng ra trước ngực anh ta, đo đạc sao cho đủ để may cho anh ta bộ áo choàng thiên thần.

Khi đến lúc trả tiền, tôi bước tới giữa Marianne Engel và cô thu ngân, chìa thẻ tín dụng của mình ra. Cái cảm giác độc lập về tài chính nó mang lại mới buồn cười làm sao, vì đằng nào tiền trong thẻ cũng lấy từ tài khoản của cô. Tuy nhiên, tôi vẫn có thể sống trong ảo giác một chút.

Sau khi mua sắm xong các đồ hóa trang cần thiết, chúng tôi đến một nhà băng địa phương để làm một việc kỳ lạ. Marianne Engel muốn ghi tên tôi vào danh sách những người có thể sử dụng tài khoản két sắt ngân hàng của cô, và nhà băng cần mẫu chữ ký của tôi để hoàn tất thủ tục. Khi tôi hỏi tại sao cô lại muốn làm thế, cô chỉ trả lời rằng chuẩn bị trước thì tốt, vì có Chúa mới biết được chuyện gì sẽ xảy ra trong tương lai. Tôi lại hỏi là cô có định đưa chìa khóa két sắt cho tôi hay không. Không, cô trả lời, chưa đến lúc. Thế còn ai trong danh sách nữa? Chẳng ai cả.

Chúng tôi đến một quán cà phê để uống cà phê sữa không bọt, ngồi tại một cái bàn ngoài cửa trong khi Marianne Engel dạy tôi đọc phiên bản Địa ngục của Iceland. Hiển nhiên đó không phải một nơi đầy lửa mà là đầy băng: trong khi người Anh nói rằng "nóng như địa ngục", người Iceland sẽ nói là helkuldi, "lạnh như địa ngục". Điều này cũng dễ hiểu thôi: dành cả đời mình vật lộn trong cái khí hậu băng giá khắc nghiệt ấy, làm sao họ có thể sợ cái gì hơn một phiên bản vĩnh hằng của thứ tương tự? Đối với người bị bỏng, tôi xin nói thêm, thật thú vị khi biết rằng ý tưởng này đã đánh đổ quan niệm của cả người Do Thái lẫn Thiên Chúa cho rằng phương tiện tra tấn vĩnh cửu phải là lửa.

Việc coi địa ngục được cấu tạo riêng biệt cho từng đối tượng cũng không hẳn là một ý tưởng mới. Trên thực tế, đó là một trong những sáng tạo nghệ thuật thành công nhất trong tác phẩm Địa ngục của Dante: việc những kẻ tội đồ bị trừng phạt xứng với những gì hắn đã gây ra. Linh hồn của những kẻ dâm đãng, những kẻ cả đời để bản thân bị những trận cuồng phong của ham muốn xác thịt cuốn đi, khi chết sẽ không ngừng bị vùi dập bởi những ngọn gió dữ dội. Linh hồn của những kẻ báng bổ thần thánh, những kẻ cả đời xúc phạm Chúa bằng việc lạm dụng chức vụ tôn nghiêm của mình để tư lợi cá nhân, sẽ bị treo ngược lên thiêu đốt trong lửa để rửa hết tội lỗi. Linh hồn của những kẻ xu nịnh sẽ bị chôn đời đời kiếp kiếp trong phân, cách thức để chúng nhớ tới những lời lẽ thô bỉ chúng nói khi còn sống.

Chuyện này làm tôi băn khoăn không biết phiên bản địa ngục của tôi - nếu tôi tin vào cái thứ như thế, chỉ là nếu thôi - sẽ là gì. Liệu tôi có bị kẹt trong chiếc xe của mình, cứ thế bị thiêu

mãi không? Hay địa ngục của tôi sẽ là cái bàn cắt lọc? Hay nhận ra cuối cùng mình cũng có thể yêu thì đã quá muộn?

Khi đang nghĩ về chuyện này, tôi thoáng thấy bóng dáng một người bạn của mình đang đi về cuối phố. Đó là một cảm giác kỳ lạ, lần đầu tiên tôi nhìn thấy một nạn nhân bỏng khác ở nơi công cộng, và chính là một người tôi biết: Lance Whitmore, người đàn ông đã có một bài phát biểu đầy cảm hứng tại bệnh viện. Anh đi thẳng đến chỗ chúng tôi và hỏi xem có phải anh và tôi từng gặp nhau hay không. Tôi không thể trách anh không nhận ra tôi được, vì không chỉ nét mặt tôi thay đổi trong đợt điều trị, chúng còn bị giấu sau lớp mặt nạ nhựa đặc biệt nữa.

"Thật tuyệt khi nhìn thấy một trong số chúng ta ra ngoài vào ban ngày," anh nói. "Không phải chúng ta là những bóng ma, chỉ là chúng ta giỏi giấu mình thôi."

Chúng tôi nói chuyện phiếm trong độ chục phút và có vẻ Lance chẳng thấy phiền gì khi chúng tôi thu hút những ánh nhìn tò mò của hầu hết mọi người đi ngang qua. Tôi chắc Lance cũng thấy, nhưng tôi rất ngưỡng mộ khả năng vờ như không thấy gì của anh.

Tôi mặc áo chùng màu trắng và đeo một đôi cánh làm từ tất giấy căng trên mắc áo, phủ đầy kim tuyến bạc. Marianne Engel chỉnh lại vầng hào quang trên đầu tôi (cái que rửa ống nước, sơn màu vàng) trước khi xắn ống tay áo thiên thần của tôi lên để tiêm một liều morphine, nó chảy vào trong huyết quản tôi như những giọt sữa vón cục của lòng nhân đạo. Bougatsa chạy quanh cắn vào gót chân chúng tôi, và tôi băn khoăn không hiểu sao cái đầu óc bé tí của con chó có thể nghĩ ra một trò như thế.

Cô cũng mặc áo chùng - hay chính xác hơn, một chiếc váy suông thắt eo lỏng đến nỗi trông y như cái áo chùng. Tóc cô hơi rối hơn bình thường, dù đã được buộc gọn lại trước trán bằng một dải ruy băng lớn trùm cả lên thái dương của cô. Một dải vải không bị vướng vào mấy lọn tóc tuột xuống lưng cô. Cô luồn chỗ vải thừa này vào khuỷu tay, để nó phủ lên cẳng tay cô như cách người hầu bàn phục vụ khăn ăn cho khách. Tay còn lại của cô cầm một chiếc đèn lồng kiểu cổ, không có dầu bên trong, và quanh mắt cá chân cô - bên mắt cá chân có hình xăm chuỗi tràng hạt - là một vòng lá. Cô giải thích rằng cái này tượng trưng cho vòng nguyệt quế lẽ ra phải được buộc vào chân cô rồi cứ thế để loẹt quoẹt dưới đất, nhưng nếu làm thế thật thì cô sẽ không di chuyển thoải mái trên sàn nhảy được. Tôi hỏi cô đang hóa trang thành ai.

"Một trong những Trinh nữ Ngốc nghếch," cô trả lời.

Bữa tiệc diễn ra tại một trong những khách sạn cổ và sang trọng nhất thành phố. Một người gác cửa đội mũ chóp cao mở cửa xe taxi và cầm tay Marianne Engel dắt ra. Anh ta gập người chào, trước khi bối rối nhìn tôi như thể đang cố gắng tìm hiểu tại sao những vết bỏng hóa trang của tôi trông lại thật đến thế. "Ngài là Lucifer có phải không ạ?"

"Cái gì cơ?"

"Thiên thần sa đọa duy nhất mà tôi biết, thưa ngài." Anh ta lại lịch sự cúi đầu. "Hóa trang tuyệt quá. Tôi xin phép nói thêm rằng giọng của ngài cũng rất ấn tượng nữa!"

Vừa tiến vào hành lang, Marianne Engel vừa nắm lấy tay tôi. Ánh đèn ở đây mờ mờ ảo ảo, và những tấm biểu ngữ ma quái cứ xổ xuống từ trần nhà. Mạng nhện giăng khắp bốn góc và hàng tá mèo đen lượn lờ quanh phòng. (Tôi băn khoăn họ kiếm đâu ra lắm thế; có phải cướp ở một trung tâm thú nuôi nào đấy không?) Khách khứa tập trung hết tại phòng khiêu vũ. Có nửa tá xương khô đi lại trong phòng, lúc lắc mấy cái xương sơn trắng hếu trên những bộ quần áo bó sát màu đen. Marie Antoinette, đội tóc giả và đánh phấn trắng xóa với cái cổ áo siêu trễ, đang nói chuyện với Quý cô Godiva, mái tóc vàng óng trải dài xuống bộ quần áo bó sát. Một kỵ binh cảnh sát Canada đang uống whiskey với Al Capone. Một người phụ nữ mặc bộ quần áo cà rốt chúa khổng lồ, vung vẩy cái quyền trượng rau, đứng bên cạnh bạn trai thỏ. Một ông Albert Einstein say xỉn đang tranh cãi với một ngài Jim Morrison tỉnh táo và, ở một góc xa xa, hai con quỷ đang đọ xem đuôi ai xịn hơn. Một người phục vụ lướt qua với chiếc khay bạc trong tay và Marianne Engel điệu nghệ nhấc một cốc martini, nhấp một ngụm trước khi hôn lên cái má đeo mặt nạ của tôi.

Chúng tôi kiếm được một cái bàn phủ khăn đỏ như máu, một cây nến nhô ra giữa bộ sưu tập nhãn cầu bằng thủy tinh. Chúng tôi ngồi cùng nhau: cạnh Marianne Engel là một người đàn ông mặc áo vịt cao su và cạnh tôi là một nữ cảnh sát quyến rũ.

Chẳng mấy chốc tôi đã nhận ra rằng Halloween sẽ là ngày lễ ưa thích nhất của mình. Khi người nữ cảnh sát khen ngợi bộ đồ hóa trang của tôi, tôi đã bịa rằng "trong đời thực" tôi là giáo viên Ngữ văn ở một trường trung học. Sau khi Marianne Engel uống hết ly martini thứ ba - thật thú vị, vì cô rất hiếm khi uống rượu - cô đã kéo tôi lên sàn nhảy. Cô biết rõ là tôi luôn thầm mong được khiêu vũ cùng cô; tôi không tập luyện chăm chỉ với Sayuri chỉ để cả đời làm một bông hoa treo tường.

Ban nhạc chơi một điệu waltz tiết tấu nhanh, và Marianne Engel đứng thẳng người để đỡ lấy tôi bằng đôi tay điêu khắc của cô. Cô chăm chú nhìn vào mắt tôi và, trong giây lát, tôi có cảm giác biển cả như xô ập tới trước mặt mình. Tôi không biết chúng tôi đã bất động nhìn nhau như thế trong bao lâu trước khi cô đưa chúng tôi hòa theo điệu nhạc. Tôi chỉ phải bước theo cô; cô dường như có một trực cảm bẩm sinh về sức mạnh cơ thể hiện tại của tôi. Không một lần tôi phải lo lắng về chuyện cái đầu gối yếu ớt của mình phải chịu sức nặng vượt quá mức chịu đựng khi chúng tôi xoay vòng tròn quanh những cặp Romeo và Juliet, gần mấy đôi Esmeralda và Quasimodo, lướt qua vài cô Uma và anh Travolta. Marianne Engel nhìn thẳng vào mắt tôi, luôn luôn, và những đôi nhảy khác trong phòng nhòa vào một vũ điệu màu sắc không chút quan trọng đối với chúng tôi.

Mọi thứ cứ thế trôi, tôi không biết là trong bao lâu, và nó sẽ còn tiếp tục lâu nữa nếu tôi không bắt gặp hình ảnh, xuất hiện trong khóe mắt của tôi, một đôi nhảy rất thú vị. Lúc đầu, tôi nghĩ đầu óc mình có vấn đề và tự nhủ rằng họ thực sự không thể ở đó được. Họ biến mất khi Marianne Engel kéo tôi vào một vũ điệu nửa vòng tròn, và tôi thực sự mong rằng họ sẽ biến mất ở lượt khiêu vũ tiếp theo. Nhưng họ đã không làm thế.

Lần này tôi không thể coi là không có họ ở đó được: một phụ nữ Nhật Bản mặc một bộ đồ thầy tu với cái đầu trọc tương phản rõ rệt với mái tóc đỏ hoe của người chiến binh Viking cô đang nhảy cùng. Cô thật duyên dáng còn anh thì thật vụng về, chẳng khác gì xem một con chim sẻ cưỡi lên sừng một con bò vậy. Cô mím chặt môi đầy bướng bỉnh khi cái bao kiếm của anh đập vào hông cô và khi cô tìm cách đặt tay lên eo anh để được thoải mái hơn, một chút đất đã rơi ra khỏi ống tay áo cô.

Marianne Engel lại xoay tôi thêm một vòng nữa trước khi chúng tôi quay lại vị trí lúc đầu, cặp nhảy đó đã biến mất. "Cô có thấy họ không?"

"Thấy ai?"

Ngay lúc ấy, tôi lại nhìn thấy một cặp khác. Lần này người phụ nữ mặc quần áo thời nữ hoàng Victoria nhưng rất gọn ghẽ, như một loại quần áo để đi làm đồng chứ không phải khiêu vũ. Nó không phải bộ đồ đáng được ngoái nhìn lần thứ hai ở một vũ hội hóa trang thế này - trừ cái việc nó ướt sũng: nước nhỏ giọt xuống sàn nhà, làm thành vũng dưới chân cô. Người thanh niên trông khá vui vẻ dù tay anh phải ôm một người phụ nữ ướt như chuột lột, không mảy may bận tâm đến chuyện đó. Anh mặc một chiếc áo da thú và có cánh tay to với cái bụng còn to hơn. Cô vừa mỉm cười vừa nhã nhặn nói, nhưng cô cứ ngước nhìn qua vai anh như để tìm kiếm một ai đó khác. Chúng tôi chỉ đủ gần để tôi có thể nghe thấy anh nói bằng tiếng Ý và cô đáp bằng tiếng Anh: "Tom? Em không biết..."

Marianne Engel cố xoay tôi thêm lần nữa, nhưng tôi đã buông ra. Tôi chỉ rời mắt khỏi hai người đó một chút nhưng cũng kịp cho họ biến mất rồi. Tôi điên cuồng nhìn khắp đám đông để tìm xem có dấu hiệu nào của họ không, nhưng chẳng có gì cả.

Tôi quay lại chỗ người phụ nữ thời Victoria để rớt nước ra sàn. Nhưng sàn nhà khô cong. Tôi tìm khắp sàn nhà chỗ đất đã rơi khỏi ống tay áo của người phụ nữ Nhật Bản. Nhưng sàn nhà sạch không chê vào đâu được. Tôi quỳ sụp xuống đất, dùng tay lần khắp nơi trên sàn, và những người khác tránh xa khỏi tôi như thể tôi là một thằng điên. Tôi bò khắp nơi, tìm tất cả mọi thứ có thể tìm được nhưng chẳng thấy gì. Marianne Engel cúi xuống thì thầm vào tai tôi. "Anh đang tìm cái gì vậy?"

"Cô đã nhìn thấy họ. Có phải không?"

"Tôi không biết anh đang nói về cái gì."

"Những hồn ma."

"Ôi. Những hồn ma." Cô khúc khích cười. "Anh không thể cứ chăm chăm đi tìm họ mãi được, anh biết còn gì. Việc đó giống như tóm đuôi lươn vậy. Cứ khi anh nghĩ mình đã tóm được chúng rồi, chúng sẽ tuột khỏi tay anh ngay."

Chúng tôi ở lại đó thêm vài giờ nữa, nhưng tôi dành hết thời gian để tìm mấy con ma. Tôi biết mình đã nhìn thấy một thứ không thể tồn tại: nó không phải là ảo giác đánh lừa. Tôi đã nhìn thấy họ. NGƯƠI CŨNG ĐIÊN NHƯ CÔ TA THÔI. Câm ngay, con rắn thối tha. Ta sẽ tống cho mụ nhiều morphine đến nỗi mụ chỉ muốn lột da cho nhanh mà thôi.

Khi chúng tôi về đến nhà, Marianne Engel mang trà ra để cố làm tôi bình tĩnh lại. Khi thấy trà không có tác dụng, cô quyết định tiếp tục kể câu chuyện của chúng tôi. Có lẽ biết được chúng tôi có cưới nhau hay không, cô nói, có thể làm tôi cảm thấy khá hơn.

CHƯƠNG 30

Trước khi anh nói là một ngày nào đó anh sẽ cưới tôi, tôi chưa bao giờ thực sự nghiêm túc nghĩ việc đó có thể xảy ra. Tôi thừa nhận mình cũng có chút hy vọng hão huyền về chuyện đó, nhưng tôi đã phá bỏ một loạt lời thề độc rồi và tôi không chắc mình lại muốn thề thêm lần nữa. Một phần trong tôi sợ rằng tôi sẽ phản bội anh như tôi đã phản bội mẹ Christina, vì thế khi anh không nhắc gì về chuyện đó nữa tôi đã nghĩ rằng anh chỉ nói vu vơ thôi, cái cách đàn ông vẫn hay làm khi lãng mạn. Sự thực là, việc đó thậm chí cũng chẳng làm tôi buồn phiền gì, vì cuộc đời tôi giờ đã tuyệt vời hơn tất cả những gì tôi có thể tưởng tượng từ trước đến nay rồi. Tôi đang giúp việc cho mấy người Beguine, cải thiện việc soạn sách của họ, chẳng mấy chốc thì tin tôi được đào tạo tại phòng viết ở Engelthal đã rò rỉ tới tai một số nhân vật giàu có trong vùng.

Có một điều chẳng bao giờ thay đổi. Những kẻ có của luôn muốn khoe khoang những gì họ có mà người khác lại không. Hồi đó, có gì tốt hơn sách chứ? Người ta không chỉ có thể khoe sự giàu có, mà còn có thể khoe cả sự thông minh xuất chúng và khiếu thẩm mỹ cao nữa. Tuy nhiên, tôi vẫn không hay biết về điều đó khi một nữ quý tộc đến gặp tôi và đề nghị giao một nhiệm vụ cho tôi, là xem tôi có thể làm một bản Der gute Gerhard của Rudolf cho sinh nhật chồng bà hay không. Tôi từ chối bà, nghĩ rằng sẽ là sỉ nhục anh nếu tôi thấy cần đóng góp thêm vào thu nhập gia đình. Nhưng lại có một đặc tính khác chẳng bao giờ thay đổi ở người giàu: họ cho rằng người nghèo luôn nghĩ mình có giá. Và sự thật quả đúng như họ nghĩ. Bà quý tộc đưa ra một cái giá vượt xa những gì anh có thể kiếm được trong một năm. Tôi lại bắt đầu từ chối, nhưng... ờ, chúng ta cần khoản tiền đó, vì thế tôi xin được suy nghĩ thêm một chút.

Tôi không biết phải nói với anh thế nào. Chúng ta đã cùng đồng ý rằng chuyện học việc lâu dài của anh là lựa chọn tốt nhất rồi, nhưng tiền lương của anh thì ít đến nỗi anh không thể kiếm đủ tiền để trang trải các khoản thiết yếu nhất của chúng ta. Đôi vợ chồng cho chúng ta thuê nhà cũng hiểu hoàn cảnh của chúng ta, và dù bản thân họ cũng chẳng khá giả gì, họ vẫn tốt bụng giảm bớt một phần tiền thuê nhà. Đây là thứ duy nhất giúp chúng ta tiếp tục trụ lại được, nó làm anh cảm thấy mình đang làm cả họ lẫn tôi phải thất vọng.

Suốt mấy ngày liền tôi cứ đi đi lại lại trong phòng, nói những câu không đầu không cuối. Anh cứ hỏi suốt là có chuyện gì thế, và tôi cứ nói "Không có gì". Cuối cùng khi không thể chịu đựng thêm được nữa, anh gặng hỏi tôi đang nghĩ gì vậy. Tôi thực đã không phải với anh - giảm bớt trách nhiệm của mình bằng cách khiến anh bắt tôi thú nhận. Tôi nói rằng tôi muốn làm sách lần nữa và nói với anh về lời đề nghị của bà quý tộc. Tôi làm ra vẻ anh đang ban ân huệ nếu cho phép tôi được thực thi nhiệm vụ đó vậy.

Anh thoải mái với chuyện đó hơn cả tôi tưởng tượng, anh bảo nếu việc đó làm tôi vui thì tôi nên làm đi. Lý do anh không để tâm đến chuyện đó, dù chẳng bao giờ nói ra, là tôi có thể làm nhiệm vụ ấy miễn là cả hai chúng ta đều giả vờ làm vì sở thích. Nhưng cả hai chúng ta cũng chẳng giả vờ được lâu khi anh mở tròn mắt ngạc nhiên lúc tôi nói được trả bao nhiêu tiền.

Người phụ nữ quý tộc nhanh chóng ứng trước một khoản. Với bà chẳng là gì, nhưng với chúng tôi, đó là một gia tài. Cũng phải mất vài ngày tôi mới có thể dồn hết can đảm để tiêu vài đồng trong số đó, tôi biết là ngay khi tôi làm thế, tôi sẽ không còn đường thoát. Khi đưa đồng tiền đầu tiên cho người thợ làm giấy da, tôi đã có một cảm giác khá thanh thản, và thế là tôi bắt tay vào làm việc.

Tôi hoàn thành cuốn sách đầu tiên đó và người phụ nữ quý tộc có vẻ rất hài lòng với thành quả đạt được. Tôi không biết có phải bà giới thiệu tôi cho bạn bè hay họ tìm được tôi nhờ những kênh thông tin khác, nhưng điều đó thực sự cũng chẳng quan trọng. Dù gì, họ cũng tìm được tôi.

Thợ làm sách ở Mainz còn thiếu năng lực và vì đến từ Engelthal, tôi đã có một sự đảm bảo nhất định. Không ai tin rằng thành phố quê hương của mình có thể sản sinh ra những nghệ sĩ đích thực, nhưng hầu như tất cả mọi người đều chấp nhận rằng ở những nơi khác nhân tài nhiều như lá mùa thu. Tuy nhiên, quan trọng hơn, ai cũng thừa nhận rằng bản thảo tốt nhất phải đến từ phòng viết trong các tu viện, vì thế nếu một người phụ nữ quý tộc không thể đặt sách thẳng từ một tu viện nào đó, tôi sẽ là lựa chọn thay thế tốt nhất. Bà ấy sẽ tự hào khoe là mình đang sở hữu một cuốn sách được viết bởi một nữ tu của tu viện Engelthal - mà dĩ nhiên không hề đả động đến việc người nữ tu đó không còn ở trong tu viện nữa rồi.

Chẳng mấy chốc tôi đã nhận được nhiều đơn đặt hàng không thể làm xuể, và đó là lúc người ta bắt đầu giở trò biếu xén. Khi tôi bâng quơ nói mình thích nấu ăn đến mức nào, một nữ quý tộc đã đáp ngay lập tức rằng bà sẽ cho tôi cả một lô xích xông thịt ngon nhất đủ loại nếu tôi đặt đơn hàng của bà lên đầu danh sách. Tôi chấp nhận và nhanh chóng phát hiện ra các lời đồn thổi của tầng lớp bay nhanh đến thế nào. Không chậm trễ, tôi đã được mời dùng tất cả các thể loại ngon ngọt và, trước khi tôi kịp nhận ra, yến mạch và lúa mạch đã thay thế hạt kê trong bữa ăn hằng ngày của chúng ta. Chúng ta được tặng tất cả các loại hoa quả đang vào mùa - anh đào, mận, táo, lê và mận gai - và cả những thứ đắt đỏ khác như đinh hương và gừng, mù tạt và thì là, đường và quả hạch. Anh không thể tưởng tượng nổi những thứ này có ý nghĩa đến thế nào đâu. Bất cứ lúc nào không dịch hay chép sách thì tôi lại cố thử các công thức khác nhau; tôi cảm thấy mình đang cố đền bù cho tất cả những món chúng ta chưa bao giờ được ăn. Bà chủ nhà cũng giúp tôi vì bà ấy cũng hiếm khi được sử dụng các loại gia vị hảo hạng thế này, và tôi đã phải cười phá lên trước việc tôi đang dần trở thành

một tội đồ ẩm thực. Xét cho cùng, chẳng phải Dante đã ném một nữ quý tộc xứ Sienese vào Địa ngục vì phát hiện ra "tội dùng đinh hương lãng phí" hay sao?

Chẳng mấy chốc chúng ta đã sống như ông hoàng bà chúa ở Pháp. Tôi để cửa mở suốt với một nồi thịt hầm lúc nào cũng nghi ngút khói và chúng ta nhanh chóng trở thành đôi vợ chồng nổi tiếng nhất trong vùng. Thậm chí cả những người bạn Beguine của tôi cũng ghé qua, dù họ luôn giả bộ khinh bỉ đồ ăn ngon. Tôi luôn nhắc họ nhớ rằng họ đã thề sống cả đời để làm từ thiện và nếu họ làm trái tim tôi tổn thương thì đó không phải việc thiện đâu. Họ sẽ giả vờ đang ban cho tôi ân huệ bằng việc ăn những món đó, và tôi bắt đầu nhận ra ngay cả các Beguine cũng thích tán hươu tán vượn trong bữa ăn.

Những người phụ nữ Do Thái thỉnh thoảng cũng ghé vào và tôi đã bất ngờ khi biết rất nhiều người trong số họ làm kinh doanh, đặc biệt nếu người chồng đã mất và người vợ phải đứng ra đảm đương việc giao thương của gia đình. Phải nói thật, điều này đã tạo cảm hứng cho tôi. Khi tôi trở nên quá bận rộn không thể nhận các bản thảo mới, một trong những người phụ nữ này đã gợi ý tôi nên thuê công nhân và bắt đầu kinh doanh đi là vừa.

Đến lúc này, lòng tự trọng bị thương tổn của anh đã được tiền chữa lành. Anh nói tôi có thể làm gì tùy thích, vì thế tôi quyết định mở rộng phạm vi làm ăn. Sao lại không chứ? Khi ở phòng viết, tôi đã học được cách nhiều người hợp tác để làm nên một cuốn sách như thế nào, tôi cũng đã có kinh nghiệm làm việc với các thương gia và hiểu mọi ngóc ngách của quy trình. Càng nghĩ nhiều, tôi càng tin chắc mình có thể làm được.

Đầu tiên, tôi tìm một người thợ làm giấy tôi thích. Tôi nhận được sự thán phục của ông khi tôi chỉ cho ông cách làm hỗn hợp đá vôi dùng để ngâm da động vật được nhuyễn hơn. Sau khi ông hết sốc vì được một phụ nữ chỉ dạy, tình bạn của chúng tôi đã nở rộ. Chúng tôi lập một bản giao kèo: hằng tháng ông sẽ mang giấy đến cho tôi, giảm giá nếu tôi lấy nhiều. Mỗi khi hàng được đưa tới, chúng tôi sẽ cùng ngồi xuống nhấm nháp chút thịt hầm và bàn bạc về lượng giấy tôi cần vào tháng tới. Chúng tôi đã trở thành bạn tốt, bạn tốt thực sự ấy, và ông ngày càng thích tài nấu nướng của tôi cũng như việc kinh doanh giữa tôi và ông vậy.

Tiếp theo, tôi tìm được một người vẽ tranh minh họa mà sự tinh tế trong tâm hồn rất hợp với tôi. Thương lượng với cậu khá là dễ dàng vì cậu còn trẻ và đang gặp vận rủi. Hằng tháng tôi sẽ gửi cho cậu vài trang sách để vẽ những bức tiểu họa. Cậu cũng làm người kẻ khung và sắp chữ cho tôi, nghĩa là tôi sẽ đỡ phải quản lý thêm một người nữa. Sự sắp xếp này làm cả hai chúng tôi hài lòng; vì lần đầu tiên trong đời cậu có thể kiếm sống nhờ tài vẽ của mình. Cậu tử tế đến mức vẫn giữ một mức giá phải chăng cho tôi ngay cả khi cậu đã có tiếng và rất nhiều người làm sách khác cũng mời mọc cậu làm cho họ.

Cũng có cả những người làm công khác nữa, chủ yếu là người viết thuê tự do, nhưng tôi sẽ không làm anh mất thì giờ với tiểu tiết đâu. Điều tuyệt vời nhất trong chuyện kinh doanh này nằm ngoài sức tưởng tượng của tôi: đột nhiên tôi lại được làm việc với sách. Khi tôi

được thuê làm các bản sao Eneid của Virgil và Giấc mơ của Scipio của Cicero, nhà bảo trợ đã cho mượn các sách gốc để giúp tôi dễ làm việc. Sau đó, tôi làm các tác phẩm anh hùng lãng mạn - Hiệp sĩ Parzival của Wolfram, Hiệp sĩ Iwein của Hartman và Hiệp sĩ Tristan của Gottfreid. Vào buổi tối, tôi sẽ mang chúng đến bên giường và đọc cho anh nghe. Đây là một trong những giờ khắc hạnh phúc nhất trong cuộc đời chúng ta, vì chẳng có gì làm tôi yêu quý hơn là được ngồi với một cuốn sách đặt lên đùi và có anh tựa vào vai tôi. Tôi cố dạy anh học đọc nhưng anh chẳng bao giờ chịu kiên nhẫn. Hơn nữa, anh bảo thích được tôi đọc cho nghe hơn.

Thời gian cứ thế trôi và tôi thấy mình dành nhiều thì giờ hướng dẫn những người chép sách khác hơn là tự mình chép, cho tới khi tôi nhận ra rằng mình đã có đủ năng lượng để các buổi tối tập trung vào bản dịch Dante. Tôi đã buộc phải từ bỏ việc này khi chúng ta mới đến Mainz vì không có giấy viết, rồi khi có những tờ giấy viết đầu tiên thì tôi lại không có thời gian. Giờ tôi có cả hai, và cuối cùng cũng hiểu những gì Gertrud nghĩ về cuốn Kinh Thánh của bà. Tôi sẽ tỉ mẩn soi từng chữ một để đảm bảo bản dịch của tôi phải là một kiệt tác, và sao tôi lại phải vội nhỉ? Anh và tôi còn có cả cuộc đời phía trước cơ mà.

Cuối cùng đợt học việc của anh cũng kết thúc và anh đã có giấy tờ tùy thân. Thông thường theo sau đó sẽ là hành trình Wanderjahre, anh sẽ phải đi hết thành phố này đến thành phố khác để học những người thầy khác nhau, nhưng anh chẳng có ý định đi đâu cả. Anh sẽ tìm việc ở Mainz, nơi hầu hết những người thợ đá đều đã biết anh và hiểu rõ tại sao anh quyết định không đi học đâu nữa. Chẳng ai chê bai người đàn ông đã trở thành thợ học việc lớn tuổi nhất trong thành phố cả.

Chúng ta đã gặp quá nhiều may mắn trong đời đến nỗi hầu như không ai nói gì về một chuyện hiện không được tốt đẹp cho lắm. Có lẽ chúng ta nghĩ mình không có quyền phàn nàn, hoặc có lẽ chúng ta cũng không muốn ám quẻ nhau, nhưng chúng ta đã rất cố gắng trong chuyện ấy rồi mà tôi vẫn chưa thụ thai. Trong sâu thẳm tâm trí, tôi luôn lo lắng rồi anh sẽ nghĩ tôi không phải một người bạn đời thích hợp, vì thế anh không thể hiểu được tôi đã nhẹ nhõm đến mức nào khi vừa cầm giấy tờ trong tay, anh tuyên bố sẽ kết hôn với tôi.

Chúng ta quyết định sẽ chỉ làm một lễ cưới nho nhỏ thôi nhưng ngay khi tin đồn rò rỉ ra ngoài, tất cả những người chúng ta biết đều muốn tham dự. Tôi cho rằng đó là vì chúng ta được yêu mến, nhưng có vẻ mọi người mong đợi một bữa tiệc hoành tráng thì đúng hơn. Tôi chuẩn bị thức ăn, món quà tặng hoành tráng nhất, và nhanh chóng có cả một đội quân giúp sức xuất hiện trong bếp. Khi ngôi nhà của chúng ta trở nên quá nhỏ, việc chuẩn bị đã tràn cả sang những ngôi nhà lân cận. Bà chủ nhà của chúng ta đã điều hành mọi thứ, và thậm chí cả mấy người Beguine cũng đến giúp sức dù họ là những đầu bếp cực kỳ kinh khủng.

Nuối tiếc duy nhất của tôi là tôi không thể mời mẹ Christina, cha Sunder và huynh trưởng Heinrich. Tôi đã nghĩ đến việc gửi lời mời tới Engelthal, nhưng tôi biết họ sẽ buộc phải từ chối thôi, và tôi không muốn đặt họ vào tình cảnh đó. Tôi tự an ủi bản thân với suy nghĩ là nếu có thể thì họ chắc chắn sẽ đến. Còn việc duy nhất khiến anh hối tiếc là chuyện anh đã không thể mời Brandeis.

Anh còn thậm chí không biết bạn mình còn sống hay không. Tệ hơn, anh không thể đi tìm anh ấy mà không để lộ ra rằng mình đã thoát nạn và trốn khỏi đội quân condotta, đội quân mà luật lệ duy nhất là không để ai trốn thoát. Anh không thể tha thứ cho bản thân chuyện Brandeis đã để anh trốn thoát, trong khi anh ấy phải quay lại với họ. Vẫn có những lúc anh giật mình tỉnh khỏi cơn ác mộng về những trận chiến xưa cũ.

Lễ cưới của chúng ta diễn ra rất suôn sẻ và trời thì không thể nào đẹp hơn. Những người thợ đá đứng cùng những người thợ làm sách, người Do Thái với Thiên Chúa giáo, và tất cả mọi người, thậm chí cả những người Beguine nữa, đều ăn cho tới khi bụng no căng. Hầu hết khách khứa đều khật khưỡng về nhà, và rồi chỉ còn lại anh và tôi, dành cho nhau đêm đầu tiên với tư cách là vợ chồng.

Khi chúng ta tỉnh dậy vào sáng hôm sau, anh đã tặng tôi một bức tượng thiên thần nhỏ bằng đá anh mới tạc. Đây là Morgengabe của tôi - món quà buổi sáng anh tặng cho tôi, thể hiện chúng ta đã trở thành vợ chồng hợp pháp của nhau. Chính thức là của nhau. Tôi luôn nghĩ rằng điều đó chẳng quan trọng, chẳng cần phải có nghi lễ gì để chứng tỏ một tình yêu tôi đã biết chắc là tình yêu đích thực, nhưng tôi vẫn không kìm được những giọt nước mắt hạnh phúc.

Anh nhanh chóng tìm được một việc làm ổn định và sức khỏe cũng khá lên. Anh hồng hào khỏe mạnh và luôn thích được làm việc với đá. Tôi làm sách, quản lý nhân viên, và tiếp tục dịch cuốn Địa ngục. Chúng ta vẫn tiếp tục nói chuyện về việc sẽ chuyển đến một ngôi nhà lớn hơn nhưng không hiểu sao chúng ta chẳng còn thực sự hào hứng với việc đó nữa. Chúng ta yêu nơi mình đang ở, chúng ta yêu quý bạn bè mình, và có lẽ việc ở khu người Do Thái rất hợp với chúng ta vì chúng ta cũng chỉ là người ngoài, như họ thôi. Có lẽ một ngôi nhà lớn hơn chỉ là một giấc mơ chúng ta tạo ra khi cần gì đó bấu víu để có thể tiếp tục đi tiếp. Chỉ còn một thứ có thể làm chúng ta trở nên hạnh phúc hơn - và rồi, chúng ta cũng có được nó.

Sau bao nhiêu năm không thành công, cuối cùng tôi cũng có thai. Giây phút hạnh phúc nhất tôi từng có trong đời là khi tôi nói với anh và nhìn thấy nét mặt anh lúc đó. Chẳng có chút sợ sệt hay ngờ vực gì, chỉ có sự háo hức khôn tả. Anh chạy ào ra ngoài để kể với tất cả đồng nghiệp của mình và khi trở lại anh đã ôm tôi thật chặt, nói huyên thuyên về những lợi ích của con gái so với con trai, rồi của con trai so với con gái.

Không lâu sau khi chúng ta cùng ra chợ mua rau quả thì thấy một nhóm thanh niên tranh cãi với một người bán hàng rong về việc mua rẻ bán đắt. Chúng mặc những bộ quần áo rách rưới và cư xử ngông cuồng theo cái cách mà chỉ thanh niên mới làm. Đứng ở một bên, một người đàn ông đứng tuổi đang nhìn cảnh đó với ánh mắt của người đã phải chứng kiến cảnh tượng tương tự hàng trăm lần, nhưng biết chẳng thể làm được gì, đành mặc ra sao thì ra.

Tôi nghĩ mình đã nhìn thấy anh ấy trước đó, nhưng không thể nhớ nổi tên. Tôi nắm lấy tay anh và chỉ về phía người đàn ông, hỏi xem anh có nhận ra anh ấy không. Anh đánh rơi túi rau quả, và mặt anh cắt không còn một giọt máu. Khi cuối cùng cũng có thể nói lại được, anh gần như không thể thốt được tên người đó.

CHƯƠNG 31

Sáng ngày mùng một tháng Mười một, dù tỉnh dậy đầu vẫn còn choáng váng do hậu quả của lễ hội Halloween, Marianne Engel vẫn đi thẳng xuống tầng hầm. Trong vòng hai ngày tiếp theo, bức tượng dang dở cuối cùng của cô - con sư tử/khỉ run sợ - đã được tạc một đôi chân để đứng. Khi nó hoàn thành, cô lại nằm lên một phiến đá mới và ngủ khoảng mười hai tiếng trước khi lao vào tạc một bức tượng mới. Trong lúc đó, tôi ngồi một mình trên gác với ký ức về những bóng ma nhảy múa mà lẽ ra tôi không thể thấy được.

Con quỷ lùn mới của cô (một khuôn mặt người cắm trên thân hình dị dạng của một con chim) mất bảy mươi tư giờ đồng hồ để hoàn thành, trước khi cô đi lên phòng tắm rửa một chút rồi ngấu nghiến tất cả những gì tìm được trong tủ lạnh. Tôi đã nghĩ rằng cô, như bình thường, sẽ quay trở về phòng ngủ một giấc cho lại sức, nhưng không, cô đi thẳng xuống cầu thang để nằm dài lên trên một khối đá nữa. Sau khi mơ thấy giấc mơ đá, cô lại bỏ ra hơn bảy mươi tiếng để ức chế đối tượng mới nhất của cô. Khi cô xong việc, một con cóc mặt đầy mụn cơm với cái mỏ đại bàng đang gào thét đã hiện ra.

Marianne Engel trở lại giường và ngủ rất ngon, nhưng mười tiếng sau cô đã vào bếp uống cả một bình cà phê và ăn nửa cân thịt hun khói. (Khi không phải tạc tượng, cô được phép ăn thịt.) Ngay khi vét sạch cái đĩa, cô lại bước xuống cầu thang tầng hầm. "Một con nữa đang gọi." Khi tôi hỏi làm sao cô có thể ngủ trên đá sau khi đã uống nhiều cà phê như thế, cô đáp chẳng vấn đề gì. "Con này đã nói chuyện với tôi khi tôi đang tạc con cóc rồi."

Dù đó mới chỉ là tuần thứ hai của tháng Mười một, Marianne Engel đã bắt đầu tạc bức tượng thứ ba trong tháng. Sự gia tăng số lượng hình như còn chưa đủ để làm tôi bực mình, giờ còn thêm cả sự thay đổi về độ tập trung nữa: cô say sưa làm việc hơn bất cứ lần nào tôi chứng kiến trước đây. Mồ hôi chảy khắp người cô, đọng lại thành dòng trên bụi đá, và cô phải mở toang những cánh cửa gỗ sồi khổng lồ để đón gió thu mát lạnh. Cô không bao giờ tắt một trăm ngọn nến đỏ cháy rực xung quanh mình và vòng lửa của chúng bập bùng trong gió như những ngọn lúa mì nhảy múa trên cánh đồng. Nhìn đám dụng cụ cứ lướt vun vút của cô, tôi không thể không nghĩ tới hình ảnh một người nông dân đang vung lưỡi hái lên trong nỗ lực chạy đua với mùa đông đang đến gần.

Khi bức tượng thứ ba hoàn thành, Marianne Engel ngay lập tức bắt tay vào làm cái tiếp theo.

Những tiếng búa đục đã dần quen thuộc đến nỗi ngôi nhà trở nên thinh lặng quá đỗi khi cô ngơi tay làm việc. Thỉnh thoảng nó - tiếng ồn ấy, không phải sự yên lặng hiếm hoi đâu - còn làm tôi lao ra khỏi nhà. Tôi không bao giờ đi đâu xa, thường chỉ trốn sau mấy góc pháo đài để nhìn những người dân đến thăm nhà thờ Romanus. Cha Shanahan sẽ đứng trên bậc thềm

trước, vui vẻ mời họ vào và nài nỉ họ đến vào tuần sau. Họ đều hứa là sẽ đến, và hầu hết đều làm đúng như thế.

Shanahan có vẻ là một người khá chân thành, theo chuẩn của linh mục, dù tôi phải thừa nhận rằng mình cũng không hẳn là một người đánh giá vô tư cho lắm. Tôi luôn luôn có cảm giác phấn khích/khó chịu với bọn đàn ông mặc áo chùng: vì tôi ghét cái thể chế mà bọn họ bảo vệ. Tôi còn muốn coi thường họ trên tư cách con người nữa. Nhưng tôi thường nhận ra mình không thể ghét người, chỉ ghét cái bộ áo chùng thôi.

Tôi có thể tưởng tượng ra phản ứng tự nhiên của độc giả, họ cho rằng tính vô thần của tôi đã được nuôi dưỡng từ những trải nghiệm cay đắng trong cuộc đời: thời thơ ấu không nơi nương tựa, sự nghiệp khiêu dâm, thói nghiện hút, một vụ tai nạn đã thiêu tôi thành miếng khoai tây chiên. Suy nghĩ đó không hề chính xác.

Chẳng có lý do logic nào để tin vào Chúa. Có những lý do cảm tính, dĩ nhiên, nhưng tôi tin rằng chẳng có gì tồn tại chỉ vì nó làm người ta cảm thấy an tâm. Chuyện tôi tin vào Chúa cũng lố bịch như tôi tin rằng có một con khỉ vô hình sống trong mông tôi; tuy nhiên, tôi sẽ tin cả hai nếu cả hai đều được chứng minh một cách khoa học. Đây là vấn đề cốt lõi của những người theo thuyết vô thần: không thể chứng minh sự không tồn tại của một điều gì đó, nhưng những người theo thuyết hữu thần vẫn có xu hướng đặt chủ đề đó ra trước mặt chúng tôi để chứng minh rằng "Thiếu bằng chứng không phải là bằng chứng thiếu," họ hợm hĩnh nói. Ồ, đúng thôi. Tất cả những gì cần làm là hô biến ra một cây thập tự giá bốc lửa giữa trời, KHÔNG CÒN KHỈ TRONG MÔNG NỮA À? được tất cả mọi người trên thế giới nhìn thấy một lúc, THẾ CÒN RẮN TRONG XƯƠNG SỐNG THÌ SAO? để chứng minh với tôi rằng Chúa thực sự tồn tại.

Marianne Engel tạt lên nhà nhờ tôi pha ít cà phê hòa tan. Tôi nghĩ đây là một yêu cầu khá kỳ cục, vì tầng hầm cũng có một máy pha cà phê thường, nhưng cái nhà này sống được là nhờ tiền của cô, nên tôi khó có thể từ chối được.

Ngay khi tôi quay lại, cô giật cái bình ra khỏi tay tôi, tóm lấy thìa, rồi quay trở lại xưởng. Tôi nghĩ một thoáng, tự nhủ rằng cô không thể nào lại... và rồi ngó xuống từ bậc thang trên cùng để thấy rằng cô thực sự đang làm thế thật.

Vừa rít những hơi thuốc lá dài cô vừa nốc cà phê hòa tan, nhai rào rạo hạt cà phê như một vận động viên bóng chày nghiền nát món thuốc lá nhai, rồi uống cà phê vừa pha trong cái cốc ngoại cỡ để cho trôi hết.

Chuông cửa reo.

Nếu bạn giống hầu hết những người bình thường khác, chuông cửa reo thì bạn sẽ ra mở cửa; nhưng đối với tôi, việc này phức tạp hơn. Đối với tôi, đó thực sự là một bài kiểm tra ý chí. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu khách là một nữ hướng đạo sinh bán bánh quy? Chuyện gì sẽ

xảy ra nếu cô ấy nhìn tôi một cái, vãi tè và bất tỉnh? Làm sao tôi có thể giải thích được với người ta về việc có một nữ hướng đạo sinh bất tỉnh và ướt hết cả quần nằm trước hiên nhà tôi? Đối với một người có ngoại hình như tôi đây, đó thực sự là một lời mời những người dân địa phương đốt đuốc đuổi đi đến tận cái cối xay gió cũ ấy chứ.

Tôi quyết định thử vận may và đối mặt với thách thức, thậm chí cả khi đó là một nữ hướng đạo sinh chăng nữa. Khi mở cửa ra, tôi nhìn thấy một người đàn ông và một phụ nữ trạc tuổi trung niên, có lẽ là vợ chồng, mặc quần áo lịch sự. Người phụ nữ giật lùi lại như thể cô là ma cà rồng còn tôi là mặt trời ấy. (Thỉnh thoảng tôi thấy việc cho ai đấy vào vai ma quỷ cũng là một trò khá thú.) Người đàn ông theo bản năng nhảy ra trước mặt người vợ ma cà rồng của mình, lấy tay làm lá chắn che chở cho cô. Môi cô vén lên để lộ hàm răng.

"Vâng?"

"Tôi, à... chúng tôi," vị anh hùng lắp bắp, không biết tôi là cái thứ gì, trong khi người phụ nữ mỗi lúc một co rúm lại. Người đàn ông, lấy hết can đảm, lúng búng, "Chúng tôi muốn đến nhà thờ! Có thế thôi!" Phòng trường hợp tôi vừa bị bỏng vừa thiểu năng, anh ta trỏ tay về phía nhà thờ thánh Romanus. "Chúng tôi thấy nó... à, à... đóng cửa, và rồi chúng tôi thấy nơi này có, anh thấy đấy, những bức tượng gargoyle với những thứ, tương tự thế, giống nhà thờ, và... vì thế, anh biết đấy, hiển nhiên là chúng tôi nghĩ nơi này có, à, à, à, liên quan đến nhà thờ. Hay đại loại thế." Anh ta ngừng lại. "Có phải không?"

"Không."

Marianne Engel đang hí hoáy làm trò gì mới với mấy bức tượng đá của mình: trang trí mỗi bức tượng đã hoàn thành bằng một con số. Cái đầu tiên là 27, cái thứ hai là 26, cái thứ ba là 25; cô hiện đang làm cái thứ 24.

Khi tôi hỏi cô về việc đó, cô nói, "Ba Vị Chủ Nhân của tôi gần đây đã nói với tôi rằng tôi chỉ còn hai mươi bảy trái tim nữa thôi. Đây là để đếm ngược."

Tôi đợi cho đến khi thấy những người tham gia lớp học nghiên cứu Kinh Thánh vào tối thứ Năm do cha Shanahan giảng dạy bắt đầu tản ra. Đã tới lúc đến nhà thờ thánh Romanus và than phiền về mấy giáo dân đã nhầm pháo đài là một kiểu chương trình từ xa của Hội thánh.

Tôi bước lên những bậc thang dẫn tới cửa chính nhà thờ, nhìn trái nhìn phải, rồi đi thẳng qua cổng. Tiếng bước chân của tôi vang vọng khắp nơi, nhưng Shanahan - đang đứng giữa các hàng ghế, ngước nhìn lên những ô cửa sổ, chẳng có vẻ gì chú ý cả. Ông đang trầm tư mặc tưởng trước một tấm kính màu vẽ cảnh Chúa Jesus bị đóng đinh trên thập tự giá. Thật lạ khi thấy ai đó lại ngồi ngắm thứ ấy trong đêm, vì chẳng có chút ánh sáng nào rọi vào để Jesus trông tỏa sáng và quyền thế cả.

Ông không mảy may biết đến sự có mặt của tôi cho tới khi tôi cất tiếng, hỏi ông đang nghĩ ngợi gì thế. Cái giọng thảm hại của tôi làm ông giật mình, cái mặt phủ nhựa của tôi cũng mang đến hiệu quả tương tự khi ông quay lại nhìn, nhưng ông đã nhanh chóng lấy lại bình tĩnh. Một nụ cười thoáng hiện trên khuôn mặt, ông nói, ít nhất một lần, ông có thể trả lời trọn vẹn câu hỏi của tôi.

"Thật lạ lùng khi người ta có thể nhìn vào cái này hằng ngày," - ông nói, ám chỉ Chúa - "mà vẫn luôn tìm thấy một điều mới mẻ. Bốn góc của thập tự giá tượng trưng cho bốn nguyên tố trên Mặt đất, dĩ nhiên, nhưng anh có thấy cách Chúa bị đóng đinh, với đôi tay dang rộng và đôi chân Người khép lại với nhau không? Nó tạo thành một hình chạc ba, và ba là số của Chúa. Ba ngôi. Hồi sinh sau ba ngày. Thiên đường, Địa ngục và Luyện ngục. Anh nắm được ý tưởng ở đây rồi đấy. Thế là bốn gặp ba, Mặt đất gặp Thiên đường. Thật là hoàn hảo, dĩ nhiên, vì chẳng phải Jesus là con của cả Chúa lẫn Con người hay sao?"

Ông chỉnh lại kính và nhoẻn miệng cười. "Anh đến đúng lúc tôi đang hơi mơ màng, tôi e là thế. Tôi có thể giúp gì cho anh?"

"Tôi sống ở nhà bên."

"Phải, tôi đã thấy anh rồi."

"Tôi là một người vô thần."

"Phải, Chúa tin vào anh," ông nói. "Anh uống tách trà chứ?"

Ông chỉ vào căn phòng lấp ló đằng sau bục giảng kinh, và vì vài lý do, tôi quyết định đi theo ông. Hai chiếc ghế đặt trước bàn của ông, hiển nhiên là dành cho các đôi nghĩ rằng vài lời vàng ngọc của Chúa sẽ giúp ích được gì đó cho cuộc hôn nhân rắc rối của họ. Trên bàn, bên cạnh cuốn Kinh Thánh, là bức ảnh ông đang quàng vai một người đàn ông. Cạnh họ là một phụ nữ, khá xinh đẹp, và một cậu thiếu niên có vẻ là con họ. Đầu người phụ nữ nghiêng về phía chồng nhưng ánh mắt thì rõ ràng đang nhìn cha Shanahan đăm đăm, ông trông khá không thoải mái trong cái áo cổ trắng. Khi tôi hỏi liệu đây có phải em trai và em dâu của ông không, Shanahan có vẻ bất ngờ vì tôi có thể biết ai là ai nhanh thế. "Trông chúng tôi giống nhau đến thế sao, em tôi và tôi ấy?"

"Vợ cậu ấy là một phụ nữ rất hấp dẫn," tôi nói.

Cha Shanahan đằng hắng khi ông đổ nước vào cái ấm điện. "Phải. Nhưng cô ấy cũng vậy, Marianne ấy."

"Ông đã gặp cô ấy rồi."

"Cô ấy thông hiểu Kinh Thánh, thậm chí còn hơn cả tôi, nhưng cô ấy luôn từ chối lời mời dự đại lễ Mass. Vấn đề lớn nhất với hầu hết những người theo Thiên Chúa giáo là họ đến nhà

thờ mỗi tuần một lần để cầu xin thực hiện ý chỉ của Chúa - và khi ý chỉ được thực hiện, họ lại phàn nàn." Ông đặt hai chiếc tách lên mặt bàn, cùng với một bình sữa nhỏ. "Không thể nói rằng tôi hoàn toàn bất đồng với cô ấy."

Ông ngồi trước mặt tôi và chỉnh lại cái kính thêm lần nữa, dù chúng đã tọa lạc trên mũi ông chuẩn lắm rồi. Tôi tưởng ông sẽ nói vài chuyện linh tinh, vì thế tôi rất ngạc nhiên khi ông nói, "Anh có thể bỏ mặt nạ ra khi chúng ta nói chuyện được chứ?"

Cách ông hỏi cho thấy rõ ràng ông không hề ghê sợ cái mặt nạ, mà chỉ tò mò về diện mạo tôi thôi. Tôi giải thích với ông là quá trình trị liệu của tôi bắt buộc phải đeo mặt nạ mọi lúc mọi nơi. Ông gật đầu tỏ vẻ hiểu, nhưng tôi có thể thấy một nét thất vọng thoáng hiện trên khuôn mặt ông. Tôi gợi ý mình có thể bỏ mặt nạ ra một lúc, nếu ông thực sự muốn xem bên dưới nó là cái gì. Ông gật đầu bảo rất muốn thế.

Khi tôi tháo cái mặt nạ ra, ông rướn người về phía trước để nhìn cho rõ. Ông gãi gãi sau tai và quay trái quay phải để có thể nhìn rõ tôi từ mọi góc độ. Khi ông đã săm soi xong, tôi liền hỏi, "Trông tôi có giống những gì ông tưởng tượng không?"

"Tôi chẳng tượng tưởng gì cả. Tôi đã định học nghề thầy thuốc trước khi làm linh mục. Tôi thỉnh thoảng vẫn còn viết bài cho các báo."

Khi ông quyết định chọn nghề, ông giải thích trong lúc rót trà, là khi ông nhận ra rằng các bác sĩ trong phòng cấp cứu được dạy phải coi nạn nhân đau tim mới nhập viện là đã chết rồi. Đó là một phương thức làm việc: nếu bệnh nhân sống, bác sĩ có thể tin mình vừa đưa một người từ cõi chết trở về nhưng nếu bệnh nhân "vẫn" chết, các bác sĩ cũng có thể tin rằng mình không làm gì sai để dẫn đến tình trạng đấy cả.

"Nhưng chỉ Chúa mới có quyền quyết định sự sống và cái chết," cha Shanahan nói. "Trong khi bác sĩ có thể kéo dài sự sống của một người, linh mục có thể giúp anh ta đạt được cuộc sống vĩnh hằng."

"Ông có thực sự tin như vậy không?"

"Đó là yêu cầu bắt buộc của công việc."

"Cho tôi hỏi ông một câu. Liệu có thể tin vào sự tồn tại của những linh hồn nhưng lại không tin vào sự tồn tại của Chúa được không?"

"Với một số người, có thể." Cha Shanahan nhấp một ngụm trà. "Nhưng không phải với tôi."

* * *

Số 24 đã xong. Số 23 đã xong. Số 22 đã xong. Đó là tuần cuối cùng của tháng Mười một, và Marianne Engel cuối cùng cũng chịu lên gác. Có vẻ chuyện thiếu ăn thiếu ngủ tử tế đã làm cô không thể chịu đựng thêm nữa.

Tôi chẳng giỏi nấu ăn lắm, nhưng tôi cũng bắt cô ăn một bữa và đảm bảo bữa ăn đó thật đủ chất. Cô không chỉ kiệt sức, lượng caffeine và nicotine cô nốc vào người đã làm cô suy nhược khủng khiếp. Cô cứ rung bần bật trên ghế, mắt không tập trung được một giây, và liên tục đánh rơi thìa. Khi ăn xong, cô cố đứng dậy nhưng nhận thấy mình không thể. "Anh giúp tôi cái!"

Tôi đã kiếm được cơ hội thể hiện tài leo cầu thang của mình và cố hết sức đỡ cô từ phía sau, gần như là kéo lê cô trên mấy bậc thang. Khi chúng tôi tới được phòng tắm, tôi mở vòi và cô ngồi phịch vào bồn tắm. Chẳng việc gì phải đậy kín lỗ thoát nước cho tới khi chúng tôi xả xong lớp ghét bẩn đầu tiên cả, thế là tôi cứ giúp cô xối nước lên người. Khi cô đã tráng xong người để có thể tắm tử tế, chúng tôi vặn đầy nước vào bồn.

Tôi ngồi bên bồn, kỳ cọ cho cô. Những quầng thâm đen to tướng đã xuất hiện dưới mắt cô. Tôi giội sạch những mảnh đá vụn bám vào mớ tóc rối xù, giờ đang rung rinh như những giàn nho ai đó quên tưới nước. Sự thay đổi tệ nhất chính là số cân cô đã sụt: có lẽ gần năm cân, có thể là mười. Điều đó chẳng tốt đẹp gì cho cô cả, vì cô sụt cân nhanh quá, theo đúng cách tệ nhất có thể. Tôi thề rằng mình sẽ bắt cô ăn tử tế hơn, ăn nhiều hơn. Ngày nào cũng vậy.

Việc tắm rửa làm cô sảng khoái đến mức cô có thể tự về phòng ngủ mà không cần tôi giúp. Ngay khi cô đã yên vị trong chăn thì tôi liền xoay người đi luôn, nghĩ rằng cô sẽ ngủ ngay lập tức. Cô đã làm tôi ngạc nhiên khi gọi tôi lại.

"Mainz. Khu chợ. Anh có muốn biết đó là ai không?"

CHƯƠNG 32

ho tới tận giây phút đó, chúng ta thậm chí còn không chắc anh ấy vẫn còn sống. Anh nói tên anh ấy như thể đang cố tự thuyết phục bản thân rằng anh đang thực sự nhìn thấy anh ấy, sau ngần ấy năm.

"Brandeis."

Anh ấy có vài vết sẹo mới và mái tóc đã điểm nhiều sợi bạc, và anh ấy vẫn ưa dùng cái chân đã từng không cứng đến thế khi tôi gặp anh ấy lần đầu tại Engelthal. Nhưng nhìn chung anh ấy trông rất mệt mỏi. Những tên lính đánh thuê trẻ vẫn tiếp tục nhục mạ người bán hàng và khuôn mặt của Brandeis để lộ ra một ánh nhìn khinh bỉ xen lẫn chẳng chút ngạc nhiên trước cái cảnh ấy.

Anh kéo tôi vào góc khuất sau một quầy hàng. Hầu hết những tên này đều là lính mới và không thể biết mặt anh, nhưng anh cũng không bao giờ có thể cảm thấy thực sự an toàn, không phải với những tên này. Anh đã rút ra một kết luận từ nhiều năm về trước rằng lý do duy nhất sự biến mất của anh không bị điều tra là vì tất cả mọi người, gồm cả Brandeis, đều nghĩ rằng những vết bỏng đã giết chết anh rồi.

Khỏi nói anh khao khát nói chuyện với anh ấy đến thế nào. Anh không thể - và sẽ không để cho cơ hội này cứ thế mà qua được, nhưng vấn đề là làm thế nào tới được chỗ Brandeis mà không bị phát hiện. Khi mấy gã trai bắt đầu đấm đá người chủ hàng, anh đã nghĩ mình có thể lẻn vào giữa đám lộn xộn. Tôi tuyệt đối phản đối ý tưởng đó, dù tôi biết có nói thế cũng không cản nổi anh. Ngay khi anh bước tới trước một bước, một người đàn ông khác đã xen vào cảnh đó, và toàn bộ không khí đã thay đổi. Ngay lập tức bọn lính trẻ tránh khỏi người bán hàng, như thể chúng quá sợ làm gì mà không được phép vậy.

Điều đầu tiên tôi nhận ra ở người đàn ông là nét tàn nhẫn xảo quyệt hiện rõ trong mắt hắn. Chúng dường như đang cháy bừng ngọn lửa thèm khát bạo lực, như thể hắn nghĩ hỗn loạn tồn tại chỉ để cho hắn cơ hội đạt mục đích.

"Hắn là ai?" tôi hỏi.

Anh trả lời với giọng lạnh như băng. "Kuonrat Háo Danh."

Cái cách bọn lính khúm núm trước hắn đã thể hiện rõ rằng giờ hắn là chỉ huy của đội lính. Chỉ vài từ và lưỡi gươm kề sát cổ người bán hàng, vấn đề đã được giải quyết. Bọn lính đánh thuê lấy tất cả những gì chúng muốn, và người chủ được phép giữ lại mạng sống.

Kuonrat là kẻ anh không bao giờ dám xuất đầu lộ diện trước mặt, nhưng tôi không bị bó buộc bởi những điều đó. Trước khi anh kịp cản, tôi đã bước ra khỏi chỗ nấp và đi thẳng đến chỗ đám đông. Tôi biết anh sẽ không thể theo sau tôi được: việc anh lộ diện có thể còn đặt

tôi vào tình thế nguy hiểm hơn là cứ để tôi tự ra tay. Tôi kéo cổ áo rộng ra và đi đến chỗ Brandeis.

Đó là một sự liều lĩnh có tính toán. Kuonrat chưa bao giờ nhìn thấy tôi và Brandeis thì khó mà nhận ra tôi, bao nhiêu năm đã trôi qua và tôi không còn mặc quần áo nữ tu. Tôi cố hết sức đóng giả một gái bán hoa, cố cho tất cả mọi người thấy là tôi đang cố mồi chài Brandeis. Đó thực sự là một màn kịch khó đỡ nếu xét đến việc dù không để lộ ra nhưng rõ là tôi đang mang đứa con của anh trong bụng. Vài tên lính rú lên khi tôi ngả người về phía trước để thì thầm vào tai Brandeis - đang ra giá đây, chúng nghĩ. Tôi đã nói thầm hai điều: tên anh, và rằng tôi là nữ tu đã chăm sóc cho anh tại Engelthal.

Brandeis giật lùi ra sau, mắt anh ấy nhíu lại nhìn mặt tôi trong khi đang cố lục lọi trí nhớ của mình về tu viện đó. Sau khi đã bình tĩnh lại, anh ấy thông báo với những người còn lại là mình sẽ gặp lại họ sau, và bóng gió nói về một buổi chiều vui vẻ đang chờ phía trước. Cả Kuonrat cũng gật đầu đồng ý và nói, "Có lẽ sau khi đã xong xuôi với anh ta, cô sẽ quay lại đây với chúng tôi."

Cái ý tưởng đó làm tôi phát buồn nôn nhưng tôi chỉ cất tiếng cười "có lẽ" và lôi Brandeis đi. Để anh đoàn tụ với anh ấy ở chốn đông người sẽ là một hành động quá mạo hiểm nên tôi đưa anh ấy về nhà chúng ta, nơi tôi biết anh đang đợi. Brandeis hầu như không thể tin vào mắt mình khi thấy anh vẫn còn sống. "Tôi đã nghĩ... tôi đã tin chắc là... tôi đã quay lại Engelthal một lần, nhưng chẳng ai nói gì với tôi cả..."

Tôi mang chỗ bia ngon nhất trong nhà ra và bắt tay vào nấu nướng. Tôi muốn tạo ấn tượng tốt, tôi muốn Brandeis thấy tôi đã chăm sóc cho anh tốt đến mức nào. Anh kể với anh ấy tất cả mọi thứ đã xảy ra trong từng ấy năm, và anh ấy rất bất ngờ trước việc anh có thể gây dựng một cuộc sống như thế.

Khi đến lượt mình, Brandeis kể với anh những chuyện xảy đến với đội quân condotta. Rằng nó đã trở nên tồi tệ đến thế nào. Herwald đã bị thương nặng trên chiến trường và Kuonrat là kẻ chém nhát kiếm cuối cùng lên cổ người đàn ông tội nghiệp. Chẳng phải một hành động nhân đạo gì; Kuonrat chỉ đang cố thị uy. Khi hắn thách xem có ai dám phản đối việc hắn làm trưởng đội không, không ai bước ra cả.

Kuonrat chỉ thu nhận những kẻ khát máu nhất. Bản năng chiến đấu của chúng rất ác liệt, nhưng những tên lính mới rất ngu ngốc và không có chút tự trọng nào. Quả thực chúng giết được nhiều hơn, nhưng chúng cũng bị giết nhiều hơn. Chúng đánh nhau với sự hăng máu, chứ không phải với trí thông minh, và Kuonrat thì chăn chúng như một gã chủ chăn bầy chó hoang của mình vậy. Chúng chết thì sao, cả nước này không thiếu bọn choai choai thích tỏ vẻ người lớn. Bảo vệ một nguồn lực có thể tự tái tạo là một việc phí thời gian đối với Kuonrat. Và thêm vào đó, hắn cũng hiểu từ kinh nghiệm bản thân rằng cứ ở trong đội đủ lâu thì thỉnh thoảng sẽ lại có vài kẻ thèm khát quyền lực.

Bất chấp những cách thức dã man, kết quả Kuonrat thu lại không có gì để bàn cãi. Đội quân trở nên khét tiếng tàn bạo kinh dị và khả năng đánh bại cả những lực lượng lớn hơn chỉ bằng vũ khí là sự hung bạo. Thành công làm hắn bạo gan thêm và bắt đầu suy xét lại tính thực tiễn của việc làm lính đánh thuê. Tại sao, hắn tự hỏi, bọn quý tộc lại được sở hữu đất đai trong khi người bảo vệ chúng lại là đội lính condotta? Tiền đối với hắn giờ không đủ. Kuonrat muốn có nhiều quyền lực hơn. Hắn đang chuẩn bị thôn tính lãnh thổ cho riêng mình.

Những năm tháng dưới quyền Kuonrat đã làm khao khát rời khỏi đội lính của Brandeis ngày càng thêm mãnh liệt, nhưng trốn chạy giờ đã gần như là không thể. Vẫn còn đó đạo luật, một khi gia nhập đội, anh sẽ phải ở trong đội đến hết đời, nhưng giờ còn có thêm vài trở ngại nữa. Kuonrat không bao giờ có thể quên được chuyện Brandeis đã đứng lên chống lại hắn như thế nào khi anh bị thương trên chiến trường; hắn luôn tìm cớ để trả đũa. Nếu Brandeis dám cả gan bỏ trốn, Kuonrat sẽ cho những tên truy kích tài ba nhất, những kẻ vừa gan lì vừa độc ác, đi lùng.

Dù đê tiện, Kuonrat cũng không phải thằng ngu. Hắn biết mình không thể tự dưng mà tấn công Brandeis được, vì đội vẫn còn một số người lính từ thời trước, những người vẫn coi trọng Brandeis với tư cách là một cung thủ lẫn một con người. Và vì thế, nói chung, Brandeis luôn được để yên. Nhưng hiểm họa thì vẫn treo lơ lửng trên đầu.

Thật lạ khi thấy anh ở cùng với một người bạn cũ, người đã cùng anh đối mặt với sống chết trên chiến trường không biết bao nhiêu lần. Brandeis đã chia sẻ một phần đời của anh mà tôi không thể nào hiểu được. Có một sự thân thiết kỳ lạ trong cái cách cả hai người đều cố tỏ ra cứng rắn nhưng cũng không thể giấu hết được sự dịu dàng trong lời nói dành cho nhau. Tôi có thể thấy anh nhớ tới những năm tháng xưa cũ - không phải những trận chiến mà là tình bạn bè. Có những ký ức thật ngộ biết bao; sau đêm hôm đó, có một hình ảnh vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của tôi. Trong bữa ăn, Brandeis giơ tay ra với một cử chỉ hầu như không thể hiểu nổi, nhưng anh vẫn biết là cần đưa nước cho anh ấy. Đó hẳn là một hành động các anh đã lặp đi lặp lại hàng nghìn lần trong những bữa ăn bên đống lửa trại và nó đã không bị lãng quên trong ngần ấy năm xa cách. Chẳng ai trong hai anh có vẻ nhận ra điều ấy cả.

Cuối bữa ăn, một sự im lặng nặng nề bao trùm lên hai người. Anh và anh ấy cứ ngồi nhìn nhau chằm chằm, có lẽ đến cả phút, cho tới khi Brandeis nói thành lời. "Tôi không thể tiếp tục sống cuộc sống hiện tại nữa."

"Tôi sẽ giúp anh bằng mọi cách," anh nói.

Nhưng không thể trốn ngay đêm đó được. Nếu Brandeis biến mất, những tên lính đánh thuê sẽ biết phải truy lùng "cô gái bán hoa" đã gặp anh ấy lần cuối. Mọi người quyết định rằng

anh ấy sẽ trở về đội condotta và vờ như đã có một khoảng thời gian vui vẻ với tôi rồi. Đội lính sẽ ở lại thành phố thêm vài ngày nữa rồi đi làm nhiệm vụ tiếp theo ở nơi khác. Sau một tháng khi những ngày ở Mainz chỉ còn là một ký ức xa xôi, anh ấy mới có thể đào thoát được.

Nếu tất cả mọi chuyện đều xuôi chèo mát mái, thì đây là một kế hoạch khôn ngoan nhất. Brandeis chẳng có thân thích gì ở Mainz, chẳng có quan hệ ràng buộc với thành phố này theo bất cứ kiểu nào. Ai lại nhớ được buổi chiều anh ấy quan hệ với một ả nào đó cả tháng trước chứ? Thế là kế hoạch được vạch ra.

Tại ngưỡng cửa, hai người bọn anh đã đứng ưỡn ngực đúng như hai người đàn ông. Anh ấy vỗ vai anh còn anh đấm vai anh ấy. Tôi ôm ghì lấy anh ấy và hứa sẽ cầu nguyện cho anh ấy được an toàn. Brandeis nói rằng đó quả là một ý hay, và chúc mừng tôi thêm lần nữa về việc tôi có thai. Khi anh ấy nắm tay tôi, tôi có thể cảm nhận được vết sẹo dài trên tay anh ấy, và chỉ khi đó tôi mới nhớ ra anh ấy đã bị bỏng khi cố rút mũi tên ra khỏi ngực anh. Khi anh ấy đi về phía màn đêm, tôi thực sự nhận ra rằng chúng ta đã nợ anh ấy nhiều đến thế nào.

Tháng tiếp theo cứ thế trôi đi. Chúng ta có nói về Brandeis nhưng chẳng bao giờ nhiều hơn vài từ một lần, gần giống như hồi chúng ta tránh nói về khát khao có con, như thể chúng ta sợ dại mồm dại miệng vậy. Năm tuần. "Anh có nghĩ...?" tôi hỏi. "Rồi sẽ có lúc anh ấy về," anh trả lời.

Sáu tuần, Brandeis không xuất hiện. Tôi không khỏi lo lắng, và tôi nôn suốt các buổi sáng vì ốm nghén. "Rồi sẽ có lúc anh ấy về," anh liên tục nói thế. Tôi đã vượt qua được nỗi lo lắng cho sự an nguy của anh ấy - và của cả chúng ta nữa, khi cuối cùng anh ấy trở về thật. Anh liên tục trấn an tôi rằng mọi thứ sẽ ổn thôi, và tôi đã cố hết sức để tin như vậy.

Bảy tuần. Tôi đang ở nhà soạn một bản thảo, ngồi bên cạnh cửa sổ, thì một bóng người trùm khăn kín mít đi qua những dãy phố về phía ngôi nhà. Tôi nhận ra cái chân cứng đơ và ngay lập tức biết đó là Brandeis dù anh ấy đã che kín mặt. Chiếc áo chùng của anh ấy phủ đầy những lớp tuyết rơi từ sáng sớm, và đó là một ngày hoàn toàn thích hợp để ăn mặc ấm áp mà không bị nghi ngờ. Không ai có thể băn khoăn nghi ngại gì trước việc một người đàn ông chỉ đang cố giữ ấm thân thể. Tôi để anh ấy vào khi đã chắc chắn không có ai lai vãng trên đường.

Anh ấy xì xụp húp xúp và giải thích rằng mình đã đi suốt tám ngày, đi ngược lại rồi đi vòng, tránh các thành phố lớn. Thay vì mua thức ăn, anh ấy giết các động vật nhỏ để không một thương gia nào có thể nhận ra. Anh ấy chắc chắn mình vẫn chưa bị bám theo. Tuy nhiên, tôi và anh ấy không nhắn tin đến chỗ làm cho anh mà đợi anh về nhà như thường lệ. Phải để mọi thứ diễn ra càng bình thường càng tốt.

Những ngày đầu tiên sẽ là lúc nguy hiểm nhất. Kuonrat sẽ có thể phái nhóm truy kích giỏi nhất của hắn ngay khi chúng phát hiện ra Brandeis đã biến mất. Hai người các anh luôn cảnh giác canh chừng cửa sổ, cây cung không lúc nào rời khỏi tầm tay. Brandeis đã mang hai cây cung theo mình, một là của anh ấy và một anh ấy trộm cho anh.

Các anh thay nhau thức canh, và Brandeis thậm chí còn không dám dỡ hành lý ra. Tất cả những chuyện này đều quá đáng sợ, hơn cả những gì tôi có thể tưởng tượng. Nếu xảy ra chuyện gì xấu - dù tôi vẫn luôn mong là không, dĩ nhiên - tôi sẽ phải chịu trách nhiệm không chỉ với bản thân mình mà còn cả đứa con trong bụng nữa. Tôi nói rằng tôi không hiểu vì sao Brandeis lại có thể bị lần ra trong một đất nước rộng lớn như thế. Khi tôi nêu ý kiến này lên, hai người các anh nhìn nhau không nói câu gì. Ánh mắt đã nói lên tất cả.

Nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Hàng tuần đã trôi qua mà chẳng có kẻ nào đến lùng sục. Các anh bắt đầu ngủ trong đêm, dĩ nhiên là sau khi đã mắc chuông vào góc cửa ra vào. Cuối cùng anh cũng quyết định là đã đến lúc để Brandeis mạo hiểm đi ra khỏi nhà. Dĩ nhiên là vẫn phải kéo mũ trùm đầu lên.

Không một bóng dáng khả nghi nào ẩn hiện trong bóng tối, vì thế một tuần sau Brandeis đã bắt đầu theo anh đến các công trình xây dựng. Sự giới thiệu của anh đủ để kiếm cho anh ấy việc lao động chân tay. Anh ấy làm việc chăm chỉ và ăn trưa cùng anh nhưng luôn tránh xa những người khác. Không ai hỏi nhiều; với những đồng nghiệp của anh thì anh ấy cũng chỉ là một người thợ không lành nghề khác mà thôi. Chẳng bao lâu sau, chúng ta đã quyết định sẽ tìm cho anh ấy một căn nhà riêng vì tôi bắt đầu giật mình thức dậy trong đêm với những cơn co thắt. Một chút riêng tư sẽ tốt cho tất cả mọi người.

Chúng ta có rất nhiều bạn nên việc tìm nhà chỉ là vấn đề cỏn con, ngôi nhà nằm cách vài con phố bên ngoài khu Do Thái. Tôi cương quyết đòi trả tiền đặt cọc bằng tiền kiếm được từ việc kinh doanh của tôi, và khi tất cả mọi việc đã xong xuôi, chúng ta đã quyết định tự cho phép mình tổ chức một buổi ăn mừng đúng nghĩa. Không phải vì hai người các anh hoàn toàn tin đây là một cuộc đào thoát thành công, mà vì các anh rất mong muốn được coi đây có vẻ như một cuộc đào thoát thành công. Đó là một bữa tiệc hoành tráng, và anh đã rất hạnh phúc vì cuối cùng cũng có thể nghĩ rằng mình đã trả nợ được cho anh ấy.

Sức khỏe của tôi khá tốt và quần áo tôi bắt đầu chật hết cả, việc thai nghén có vẻ diễn ra rất thuận lợi. Có một lần đứa bé đạp bụng tôi trong bữa ăn và anh đã bắt Brandeis phải đặt tay anh ấy lên bụng tôi. Anh ấy hơi do dự nhưng khi tôi trấn an rằng tôi sẽ rất vui nếu anh ấy làm thế, anh ấy đã dè dặt đặt bàn tay lên đó. Khi anh ấy nhận thấy sự chuyển động bên dưới, anh ấy giật ngay tay lại và trợn tròn mắt nhìn tôi đầy ngạc nhiên.

"Tất cả những điều này là nhờ anh," anh nói với Brandeis. "Sinh mạng này có được là vì anh đã cứu tôi."

Nói xong, tất cả chúng ta cùng nâng cốc chúc mừng việc mọi người đều đã thoát khỏi cuộc sống cũ để bước vào một cuộc đời mới tốt đẹp hơn.

Nhưng người ta không bao giờ được phép đếm cua trong lỗ. Ngay ngày hôm sau, trong khi Brandeis đang thu dọn nốt đồ đạc còn lại ở chỗ chúng ta, một người Beguine đã hộc tốc chạy đến. Tôi hiểu đây không phải dấu hiệu tốt lành gì, vì trước đó tôi chưa bao giờ thấy ai trong số họ chạy hết. Cô ấy đặt tay lên đầu gối và thở hổn hển một lúc trước khi đủ sức thốt ra rằng có một toán người - "bọn mọi rợ, nhìn đã biết" - đang tra hỏi quanh chợ để tìm một người đàn ông có nhân dạng giống Brandeis.

Rõ ràng Mainz không rộng lớn như tôi tưởng. Dù chúng ta đã hết sức cẩn thận để giấu tung tích vị khách, ngay cả những người Beguine cũng biết rằng anh ấy đang ở cùng chúng ta. Họ cũng đủ hiểu rằng đưa thông tin này cho những kẻ lạ mặt không phải một việc khôn ngoan gì, nhưng chẳng chóng thì chày ai đó sẽ nói mà không nghĩ đến hậu quả cho coi. Brandeis hỏi vài câu về "bọn mọi rợ", và những câu trả lời của người Beguine đã khẳng định mọi nghi ngờ. Những gã này rõ ràng là toán truy kích được đội quân condotta phái đến. Cho tới tận hôm nay, tôi vẫn không thể biết tại sao bọn chúng có thể tìm được anh ấy, nhưng bằng cách nào cũng chẳng quan trọng. Điều quan trọng duy nhất là Mainz giờ không còn là nơi an toàn nữa rồi.

Brandeis đề nghị sẽ trốn chạy một mình, để lại dấu vết đủ rõ để bọn truy kích bỏ qua chúng tôi. "Chúng chỉ đi tìm tôi thôi. Anh có một cuộc sống tốt đẹp ở đây, vì thế đừng..."

Anh đã không để anh ấy nói hết câu. Danh dự của anh không cho phép việc đó. Anh nói rằng bọn truy kích kiểu gì cũng tìm được chỗ chúng ta dù chúng ta có làm gì đi nữa, và khi - khi chứ không phải nếu nữa, khi - chúng tìm ra, rất có khả năng một trong số chúng sẽ nhận ra anh. Chúng sẽ sung sướng đến phát điên, nếu cử một đội truy lùng đi tìm một kẻ đào tẩu để rồi cuối cùng bắt về được hai. Điều đó sẽ làm Kuonrat cực kỳ thỏa mãn, và thông điệp sẽ trở nên thật rõ ràng: dù một người lính đã thành công trong việc đào tẩu hàng bao năm và đã bị coi là chết rồi đi nữa thì cuối cùng cũng vẫn sẽ bị lần ra.

Cả anh lẫn Brandeis đều cương quyết không cho tôi theo - vì tôi đã có mang gần đến tháng cuối rồi, vì tôi sẽ cản trở các anh, vì đi lại sẽ làm ảnh hưởng đến đứa trẻ. Tôi bác lại rằng ở lại Mainz còn nguy hiểm hơn, nơi bọn truy đuổi sẽ lùng ra tôi và làm mọi cách để moi cho được thông tin. Tóm lại, tôi nói, tranh luận thế nào đi nữa cũng không quan trọng. Tôi sẽ không ở lại đâu, và nếu các anh không chịu cho tôi đi cùng, tôi cũng vẫn sẽ đi theo thôi. Phải, tôi đang có mang, nhưng tôi vẫn có thể tự đi được và tôi cũng nợ Brandeis nhiều như anh nợ anh ấy thôi. Kết luận, nếu tôi và anh lạc nhau lúc này, chúng ta có thể gặp lại nhau ở đâu được chứ? Việc chúng ta sống ở Mainz đã bị bại lộ và chúng ta không thể trở lại sống như cũ được nữa. Tôi nói rằng chính vì tôi đang mang thai nên tôi càng phải ở với anh, còn hơn là chịu cảnh ly biệt mãi mãi.

Tôi bác tất cả ý kiến của các anh đi và thắng thế vì chẳng còn thời gian đâu mà tranh luận. Vì thế chúng ta nhanh chóng sắp dọn đồ đạc, chỉ những thứ đáng giá nhất, và chuẩn bị rời đi càng sớm càng tốt.

Tôi gói cuốn Địa ngục cùng cuốn kinh cầu nguyện của Paolo, và khi anh không chú ý tôi đã luồn vội bức tượng Morgengabe vào túi của tôi. Anh chắc chắn sẽ không cho phép mang một vật nặng như thế, nhưng tôi quá trân trọng nó đến nỗi không nỡ bỏ nó lại. Tôi cũng xếp cả bộ quần áo nữ tu của mình vào nữa, vì tôi đã nhận ra rằng nó có thể dùng làm đồ cải trang rất tốt. Chúng ta cầm theo tất cả số tiền dành dụm cho một ngôi nhà chúng ta đã không bao giờ mua, và anh cùng Brandeis đi mua ba con ngựa tốt. Tôi bán tất cả chỗ gia vị và sách cho bất cứ ai muốn mua, dù do quá gấp gáp nên tôi gần như không thu được gì. Chỉ vài giờ sau khi người Beguine tới nhà, chúng ta đã lên đường rời khỏi Mainz. Tôi đeo cái túi, trong khi hai người các anh chỉ mang theo cung tên và quần áo. Cuộc sống chúng ta bỏ hàng bao năm gây dựng đã kết thúc, chỉ đơn giản như thế.

Ngay cả khi khỏe mạnh tôi cũng không phải người cưỡi ngựa giỏi và việc thai nghén làm tôi càng khó xoay xở. Cả khi chúng ta đã ra khỏi thành phố, anh vẫn không ngừng khuyên tôi nên đi theo lối khác. Ba dấu chân ngựa đi theo cùng một hướng sẽ dễ bị phát hiện hơn những dấu chân đi theo hướng ngược nhau, anh lý luận thế. Tôi chẳng chịu nghe và vặc lại rằng điều tốt nhất chúng ta có thể làm bây giờ là chạy càng xa càng tốt.

Chúng ta đã chạy liên tục cho tới khi những con ngựa kiệt sức không thể đi tiếp được nữa. Lưng tôi đau nhói, những cơn đau chạy dọc suốt sống lưng tôi theo mỗi tiếng vó ngựa, rồi lan khắp bụng dưới. Nhưng tôi kiên quyết không phàn nàn, vì tôi được ở bên anh.

Chúng ta tìm được một nhà trọ nhỏ và tôi được cử đi thương thuyết với người chủ trọ, vì các anh càng ít bị nhìn thấy bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Trước khi chúng ta đi ngủ trong cái đêm trốn chạy đầu tiên ấy, tôi có hỏi rằng chúng ta sẽ đi về đâu. Brandeis trả lời, "Không có đích đến thì tốt hơn. Nếu chúng ta biết mình định đi về đâu, những kẻ truy kích cũng sẽ biết." Tôi không hiểu tại sao chuyện đó có thể là thật được, nhưng tôi đã quá mệt mỏi để tiếp tục tranh luận rồi.

Trong những ngày tiếp theo chúng ta sẽ cưỡi ngựa đi càng xa càng tốt miễn là tôi vẫn chịu được và rồi sẽ kiếm một phòng trọ, không ai trong số chúng ta dám mạo hiểm ra ngoài trừ lúc tôi đi tìm thức ăn. Chẳng mấy chốc chuyến đi đã khiến tôi kiệt quệ. Ngực tôi đau nhói và chứng chuột rút ở chân ngày càng nặng thêm, cơ nơi lồng ngực của tôi căng ra làm tôi đau như xé. Tôi biết tôi đang làm chúng ta chậm lại, tất cả chúng ta đều thấy vậy, và chuyện này càng đổ thêm dầu vào những cuộc tranh luận càng lúc càng thường xuyên hơn giữa chúng ta. Anh chỉ ra rằng việc tôi cứ chốc chốc lại đi vệ sinh không những làm chúng ta chậm lại, mà còn giúp bọn chúng dễ lần theo. Anh thậm chí còn dọa sẽ bỏ tôi lại nhưng, dĩ nhiên, anh nào dám làm thế.

Chúng ta đi tắt qua những thung lũng sau lưng các thành phố và trong cơn bấn loạn chúng ta bắt ngựa chạy băng qua những dòng suối băng giá và những vùng đất đá lởm chởm lồi lõm. Những con ngựa cuối cùng đã không thể tiếp tục giữ tốc độ chúng tôi cần, chúng đã hoạt động quá sức mà không được nghỉ ngơi đầy đủ. Khi chúng kiệt sức, chúng ta bán chúng lấy những con ngựa mới. Những kẻ truy kích cũng sẽ buộc phải làm như thế hoặc bị bỏ lại đằng sau thôi.

Dù luôn ngoái lại đằng sau, tôi không bao giờ thấy bọn truy kích. Tôi muốn tin rằng chúng ta đã bỏ xa bọn chúng. Nói thật, tôi nghĩ bọn chúng chẳng thể tiếp tục lần theo dấu của chúng ta, với tất cả những mánh lới chúng ta đã sử dụng trên đường. Nhưng nghĩ lại, chúng đã tìm ra Brandeis ở Mainz. Tôi thực sự không hiểu được khả năng của chúng nhưng hai người các anh đã từng sống với loại người này, vì thế tôi buộc phải tin nỗi sợ của các anh là thật. Các anh cứ không ngừng thúc bản thân và tôi tiến về phía trước với một tốc độ khủng khiếp.

Mỗi ngày trôi qua lại làm tăng thêm nỗi sợ của tôi rằng chuyến đi sẽ ảnh hưởng xấu đến con chúng ta - liệu nó có làm em bé ra đời sớm quá không? Tôi luôn phải tự thuyết phục bản thân, hết giờ này đến giờ khác, rằng việc thoát khỏi bọn truy lùng xứng đáng với bất cứ sự mạo hiểm nào. Trong những giây phút hiếm hoi tôi không lo lắng quá về đứa trẻ, tôi củng cố niềm tin của mình bằng việc nhớ lại cách anh mua cho chúng ta một chỗ ngồi trên chiếc xe chở lợn khi chúng ta mới vừa rời khỏi Engelthal. Tôi cố gắng thuyết phục bản thân rằng tình trạng hiện tại của chúng ta chỉ là một thử thách nữa chúng ta phải vượt qua để được sống một cách trọn vẹn, và ít ra thì cũng không có mùi hôi của lợn.

Nhưng sau một tuần, tôi đã không thể đi thêm được nữa. Anh và Brandeis vẫn chịu đựng được, nhưng tôi cầu xin được nghỉ. Chúng ta đã đi nhiều dặm đến nỗi chắc chắn là nghỉ một ngày cũng không sao. Anh đồng ý. Không phải vì đã an toàn, mà vì đã đến lúc phải lập một kế hoạch. Tôi không quan tâm là tại sao. Tôi sẽ nghỉ với bất cứ lý do gì.

Chúng ta đã đi đường vòng để làm rối bọn bám đuôi nhưng kết quả không như mong đợi, chúng ta chưa đi được bao xa khỏi nơi khởi hành. Chúng ta thấy rằng mình đã gần đến Nürnberg, đó là một điều khá thuận lợi bởi thành phố đó đủ lớn để chúng ta có thể trốn thêm vài giờ nữa.

Chúng ta tìm một quán trọ và hai người các anh lại ngồi xuống để bàn bạc bước tiếp theo. Có lẽ chúng ta sẽ đi lên phía Bắc, tới Hamburg, hoặc có lẽ đi ra phía Đông sẽ an toàn hơn, đến Bohemia hoặc Carinthia. Thậm chí còn bàn cả về việc sẽ đến Ý nữa. Các anh biết vài câu tiếng Ý căn bản, và tôi có thể làm phiên dịch cho hai người. Bọn truy đuổi chúng ta sẽ khó mà đoán ra nơi đó và thậm chí nếu có đoán ra được, Kuonrat cũng sẽ phải bỏ một nguồn nhân lực và vật lực lâu dài nếu muốn tiếp tục săn đuổi chúng ta tới tận một nước khác.

Chúng ta chỉ định ở lại Nürnberg một ngày thôi, nhưng sức khỏe của tôi không cho phép. Trong ba ngày liền, tôi quá đau đớn nên không thể tiếp tục cuộc hành trình. Tim tôi đập thình thịch liên hồi và tôi luôn bị hụt hơi. Tôi thèm ăn đến không thể kiềm chế nổi. Tôi thèm ngủ, nhưng trí óc tôi đã mê man trước cả khi kịp mắt nhắm. Tôi bị động thai và cuối cùng, một cách miễn cưỡng, tôi phải thừa nhận rằng anh đã đúng: tôi quá yếu để có thể tiếp tục. Quyết định được đưa ra; tôi sẽ được đặt vào bàn tay chăm sóc của nhà thờ gần đấy. Anh đưa cho tôi một nắm tiền, đủ để trả cho việc chăm sóc tôi cho đến lúc sinh nở, và khi anh tin rằng mình đã đào thoát thành công, anh sẽ quay lại đón tôi. Kế hoạch đã được lập; anh cho tôi ngủ thêm một đêm nữa trước khi bắt tay vào hành động. Tôi hỏi anh sẽ đi đâu sau khi để tôi ở lại, nhưng thậm chí cả điều này anh cũng không nói với tôi. "Không biết đích đến thì tốt hơn..." Tôi khóc suốt cho tới khi ngủ thiếp đi vào tối hôm đó, với anh ở bên vuốt tóc tôi và an ủi tôi rằng mọi việc rồi sẽ tốt đẹp cả thôi.

Định mệnh, tuy nhiên, lại có một kế hoạch khác. Đến nửa đêm thì có hàng loạt tiếng đập thình thịch vào cánh cửa nhà trọ của chúng ta, làm đống đồ đạc anh dùng để chặn cửa rung lên bần bật, và ngay lập tức mọi thứ trở nên rõ ràng, chúng ta đã bị phát hiện. Đường thoát duy nhất là qua cửa sổ, dù chúng ta đang ở trên tầng hai, cách mặt đất khoảng năm mét.

Tôi cố gắng nâng mình ra khỏi giường nhưng không thể, và anh phải dùng cả hai tay để xốc tôi dậy. Khi tôi đã thở lại bình thường, Brandeis thu dọn chỗ túi xách; anh nghển cổ ngó ra ngoài khung cửa sổ để xem có kẻ nào bên dưới không, và hất tay cảnh báo mọi người lùi lại. "Cung," anh ra lệnh.

Brandeis chộp lấy cây cung và lắp tên sẵn vào cho anh. Ngay khi sợi dây đã được kéo căng, anh ấy đặt nó vào tay anh và anh bắn thẳng mũi tên qua cánh cửa sổ. Tiếng tên xé gió bay vụt đi và rít lên khi nó đâm vào một vật cứng. Anh lại đưa tay ra hiệu rằng đường đã thông và nhảy khỏi cửa sổ trước. Không phải do anh thiếu lịch thiệp, mà vì phải có người đỡ tôi xuống. Phía sau chúng ta, tiếng cánh cửa vỡ ra dưới những nhát rìu.

Dù nguy hiểm đã cận kề ngay trước mặt, tôi vẫn đông cứng lại trước cái cửa sổ. Cú rơi là quá sức của tôi, quá nguy hiểm cho đứa bé. Brandeis đứng giữa tôi và cánh cửa ra vào, thét gọi tôi nhảy xuống. Nhưng tôi cứ đứng yên bất động, nhìn xuống cánh tay dang rộng ở phía dưới của anh, cho tới khi tôi nghe thấy giọng Brandeis vang lên từ phía sau - "Marianne, tôi xin lỗi" - khi anh ấy đẩy tôi qua khung cửa sổ mở toang.

Tôi ôm bụng rơi xuống và anh hứng toàn bộ sức nặng từ cú rơi của tôi bằng cách lăn xuống tuyết khi anh bắt được tôi. Tôi nghe thấy tiếng quát tháo phía trên; vài giây sau, Brandeis bắn ra khỏi cửa sổ.

Cách anh ấy rơi có gì đó rất lạ, nhưng hầu hết tất cả sự chú ý của tôi đều tập trung vào tên lính nằm chết ngắc trên đường. Mặt hắn bị vùi trong một vũng tuyết bẩn, cổ thì ngoẹo thành

một góc quái dị vì bị mũi tên cắm xuyên qua. Rồi tôi nhận ra rằng tuyết không hề bẩn, mà đỏ quạch vì dòng máu nóng vẫn còn đang ọc ra từ cổ hắn.

Anh đẩy tôi về phía lũ ngựa và điều tôi biết tiếp theo, chúng ta đang phóng ngựa vụt qua những con phố của Nürnberg. Anh và Brandeis ở bên cạnh tôi, điều khiển ngựa của tôi và quyết định đường đi của tôi. Kiệt sức và sốc trước vụ tấn công, tôi gần như vô dụng.

Tôi nhìn con ngựa của mình vừa thở phì phò vừa hùng hục chạy, suốt dọc đường cứ nghĩ mãi về người đàn ông nằm trên đường không bao giờ có thể hít thở được nữa. Cái cách hắn chết làm tôi cảm thấy bối rối, cái cách anh giết hắn không cần suy nghĩ, không cần ngần ngại. Tôi đã nhìn vào khuôn mặt anh khi anh bắn mũi tên đó, và tôi đã không mảy may nghĩ rằng mục tiêu lại là một con người. Môi anh mím chặt, mắt anh nhíu lại, và những ngón tay của anh không chút do dự. Anh hít nhanh một hơi trước khi kéo dây cung nhưng không phải để vững tinh thần, chỉ để vững tay anh thôi. Tất cả chỉ xảy ra trong... bao lâu nhỉ? Một giây? Ít hơn? Đây thực sự có phải là thời gian vừa đủ để giết một người không?

Chúng ta vừa đến ranh giới thành phố thì tôi để ý đến phía sau lưng con ngựa của Brandeis. Con ngựa thực ra không có vẻ gì là đang hất anh ấy xuống cả; đúng hơn, Brandeis chỉ đang ngồi lệch về phía sau mà thôi. Con vật phì ra một tiếng rên rỉ và cứ xoay đi xoay lại, như thể nó bị mất phương hướng vì người cưỡi không còn ở đó nữa. Máu ở khắp mọi nơi, trên tuyết, ở hai bên sườn con ngựa, dọc suốt chân của Brandeis. Quần anh ấy bị rách toạc một mảnh và có một vết thương ngoác miệng ở phía đùi trên nơi da toác ra như nụ cười của một con quỷ, miệng ngập ngụa máu. Mặt anh ấy tái xanh lại, môi run lên. "Một tên trong bọn chúng ném rìu. Nó trúng vào chân tôi khi tôi đang nhảy ra khỏi cửa. Tôi xin lỗi."

Tôi đặt tay mình lên trán anh ấy, nó lạnh quá, ướt quá. Tôi không thể hiểu nổi vì sao anh ấy có thể ngồi lâu trên lưng ngựa được đến như thế. Anh rửa vết thương bằng một nắm tuyết, và một vũng nước hồng hồng dần bám xung quanh miệng vết thương đang sủi bọt. Anh bảo lấy ít vải, vì thế tôi lấy ra cái đầu tiên tôi tìm được trong chiếc túi xách của mình. Bộ quần áo nữ tu của tôi. Lẽ ra tôi phải tìm một thứ gì đó khác nhưng tôi đang quá sốc, tôi nghĩ thế, mà nó thì ở trên cùng. Anh xé nó thành một dải vải đủ để băng bó và buộc vết thương.

Anh đuổi con ngựa của Brandeis về hướng ngược lại bằng cánh đánh cho nó một phát, hy vọng rằng nó có thể làm mồi nhử, và nhấc Brandeis ra khỏi đống tuyết. Anh nhắc tôi nhớ rằng bọn truy kích vẫn còn ở phía sau, nhưng giờ chắc chúng đang tức giận lắm, rồi anh kéo Brandeis đặt lên ngựa của anh và để anh ấy tựa vào lưng anh. Anh quàng tay anh ấy vào người mình và buộc hai bàn tay anh ấy quanh eo mình. "Engelthal không còn xa nữa. Cả lính đánh thuê cũng phải kính trọng ngôi nhà của Chúa."

Bụng tôi quặn lại vì tôi không hề muốn trở về Engelthal. Nhưng tôi cũng hiểu tình hình nguy ngập đến thế nào và tôi cố nuốt hết mọi câu phản đối có thể tuôn ra khỏi miệng. Brandeis cần phải được chữa trị ngay lập tức, vì thế chúng tôi vội vã chạy về hướng tu viện.

Anh ấy vắt vẻo sau lưng anh như một con bù nhìn bị nhồi quá tay rồi ném ra cánh đồng đuổi quạ. Ngựa của anh khổ sở vì phải chở nặng nên chúng ta không thể đi nhanh được, nhưng anh cố hết sức thúc nó đi càng nhanh càng tốt. Chúng ta bỏ đường vòng và chọn đường chính dẫn thẳng đến tu viện, vì chẳng còn thời gian mà lén lút nữa. Chúng ta không thể dừng lại kiểm tra vết thương của Brandeis và tôi vẫn phải chống chọi với quả tim đang đập thình thịch trong ngực mình. Trong khi cưỡi ngựa, tôi hỏi anh câu hỏi mà tôi không thể đừng được nữa. "Làm sao anh bắn trúng được người đó vậy? Xuyên thẳng qua cuống họng?"

"Anh đã ngắm vào ngực hắn ta." Cách anh nói mới bàng quan làm sao, và giọng anh khiến tôi hiểu rõ rằng cuộc nói chuyện đến đây là kết thúc.

Khi bắt đầu nhận ra đường cũ, tôi chỉ cho anh con đường dễ đi nhất. Đến cổng Engelthal, tôi khó nhọc xuống ngựa và gọi cửa. Thành khẩn xin vào có vẻ tốt hơn cho chúng ta, hơn nữa, để tháo Brandeis ra khỏi người anh cũng mất rất nhiều thời gian.

Xơ Constantia là người ra mở cửa, và ánh mắt bối rối lập tức hiện lên trên khuôn mặt cô. "Xơ Marianne?"

Tôi giải thích tình thế của chúng ta cho cô ấy và tôi có thể thấy cô cứ chốc lại liếc anh, nhận ra rằng anh chính là người lính bị bỏng cô đã chăm sóc nhiều năm về trước. Khi cuối cùng cũng cất tiếng được, xơ Constantia nói, "Bình thường thì... bình thường thì, tôi sẽ để mọi người vào... chuyện này chẳng bình thường chút nào." Ánh mắt cô chúi xuống, gần như là xấu hổ, nhìn vào cái bụng căng phồng của tôi.

Tôi không thể hiểu nổi sự do dự đó là vì sao. Dù người ta có đồn đại gì đi nữa về sự biến mất của tôi, chúng ta cũng phải cần được che chở nếu không Brandeis sẽ chết mất. Tôi ra hiệu về phía anh ấy để thêm phần thuyết phục. Tôi thấy xơ Constantia đã nhận ra đống vải đầy máu buộc xung quanh chân anh ấy là những phần còn lại của bộ áo nữ tu của tôi.

"Nếu chị không thể để chúng tôi vào," tôi nài nỉ, "hãy gọi mẹ Christina. Bà sẽ không để người đàn ông này phải chết đâu."

"Tu viện trưởng đang ở Nürnberg và sẽ không quay trở lại chóng vậy đâu. Xơ Agletrudis đang làm quyền tu viện trưởng thay bà. Tôi sẽ gọi xơ ấy." Trước khi quay vào trong tu viện, xơ Constantia nói thêm một điều nữa. "Nhưng xơ ấy vẫn chưa tha thứ cho việc cô phá hoại phòng viết đâu."

Tôi chẳng hiểu xơ Constantia nói thế là có ý gì, nhưng tôi có thể chắc chắn rằng mình sẽ biết điều đó khi Agletrudis đến.

CHƯƠNG 33

háng Mười một kết thúc với việc hoàn thành bức tượng 21, đưa tổng số lượng đã làm xong trong tháng lên tới bảy.

Bức tượng thứ 20 và 19 được hoàn thành trong tuần đầu tiên của tháng Mười hai. Bức tượng thứ 18 xuất hiện vào tuần thứ hai. Việc chuẩn bị cho các tác phẩm điêu khắc đá ngày càng kéo dài, nhưng giường cô vẫn trống không kể từ cái đêm cô kể cho tôi nghe về Brandeis. Cuộc sống của chúng tôi bây giờ chỉ bao gồm có ba hành động. Cô tạc tượng và quên tất cả mọi thứ, còn tôi thì nhìn.

Tôi nhìn cô bơ Bougatsa đi; cô quên không giúp tôi tắm. Tôi nhìn cô gạt hết các đĩa thức ăn tôi chuẩn bị cho cô sang một bên; cô quên không bỏ quà vào đôi giày đặt trên bậu cửa sổ cho lễ thánh Nick của tôi. Tôi nhìn cô hút hàng trăm điếu thuốc lá một ngày; cô quên không đổi bất cứ album nào trong đĩa. Tôi nhìn cô ăn vã hàng bình cà phê hòa tan; cô quên không lau máu dính trên ngón tay. Tôi nhìn thân thể của cô cứ héo mòn đi, tôi nhìn má cô hóp lại, tôi nhìn mắt cô ngày càng nhiều quầng thâm đen hơn; cô quên cách sắp xếp từ ngữ để nói một câu hoàn chỉnh.

NGƯƠI LÀ Tôi không phải ĐỒ VÔ DỤNG.

Tôi khẩn khoản xin cô nghỉ một chút, nhưng cô cứ khăng khăng nói rằng mình không còn thời gian nữa. Giờ không chỉ những bức tượng mà cả Ba Vị Chủ Nhân của cô cũng đang thúc giục cô làm việc nhanh lên.

Tôi gọi Gregor và Sayuri vì tôi chẳng biết phải làm gì khác. Họ cố gắng nói lý với cô, nhưng họ cũng chỉ như đang nói chuyện với bức tường mà thôi. Tôi thậm chí còn không chắc Marianne Engel biết họ đang ở trong phòng với cô. Khi tôi cầu viện sự giúp đỡ của Jack, bà đã chuyển sang chủ đề chuyện này ảnh hưởng đến bà như thế nào. "Tôi chẳng còn chỗ trống ở triển lãm nữa còn cô ấy thì cứ tiếp tục gửi mấy bức tượng này. Nó chẳng có vẻ gì là hàng chạy mùa Giáng sinh cả, anh cũng biết đấy." Tôi dập mạnh ống nghe xuống rồi đi thẳng tới chỗ hộp morphine để tìm chút thanh thản.

Tôi phải thuê thợ đến khiêng những bức tượng thừa ra để ở sân sau. Tôi phản đối việc này, mong rằng cái xưởng làm việc chật ních sẽ làm Marianne Engel phải dừng lại, nhưng cô cứ cương quyết bắt tôi làm thế. Khi tôi phản đối thì cô bắt đầu thét vào mặt tôi bằng thứ ngôn ngữ tôi chẳng hiểu nổi, và tôi đã thua. Rõ ràng một chuyện gì đó rất khủng khiếp sắp xảy ra.

"Cô không thể cứ tiếp tục làm việc như thế này được."

"Những con quái vật là điềm gở của thần thánh."

"Người cô máu me bê bết hết rồi. Để tôi giúp cô tắm một chút."

"Máu của sự sống."

"Sao cô không ăn cái gì đi?" tôi dụ dỗ. "Cô đang ngày càng yếu đi đấy."

"Tôi đang dần đạt tới sự hư vô tuyệt đối. Đó là vinh quang."

"Nếu ốm bây giờ, cô sẽ không giúp bọn quái vật thoát ra khỏi đá được đâu."

"Nếu ốm bây giờ, tôi sẽ thấy hạnh phúc vì Chúa đã nhớ đến tôi."

Cô không chịu lên tầng trên, để tắm, hoặc để ngủ, vì thế khi cô đang nằm ngủ trên những tảng đá để chờ nhận chỉ dẫn, tôi mang một xô nước ấm và xà phòng xuống tầng hầm. Nếu cô không chịu tắm rửa, tôi sẽ tắm rửa cho cô.

Miếng bọt biển chà lên xương sườn cô như một cái ô tô chạy trên đường gập ghềnh ổ gà. Những giọt nước màu xám rỏ xuống từ thân thể cô, rơi xuống sàn nhà và làm thành những hình thù kỳ dị giữa đám bụi đất. Con Bougatsa gắt nhặng lên ở trong góc. Khi tôi lật cô sang một bên để dễ kỳ cọ phần lưng, hình xăm cánh thiên thần trên lưng gần như chùng xuống trên lớp da bèo nhèo của cô. Jack chẳng làm gì giúp tôi, nhưng bà cũng không thể không để ý đến tốc độ tạc tượng kinh hoàng ấy chứ, cả đống tượng làm ngập hết cả phòng triển lãm của bà rồi còn gì. Jack càng chậm đáp lại đề nghị giúp đỡ mà tôi không thèm nói ra, tôi càng thêm ức chế. Khi không thể nhịn thêm được nữa, tôi bổ nhào vào cửa tiệm của bà, thậm chí chả thèm chào hỏi, bắt bà phải làm gì đó.

"Anh trông mong tôi làm được cái gì cơ chứ?" Jack nói. "Cô ấy quan tâm đến anh nhiều ơn tôi hàng tỷ lần, thế mà anh cũng chẳng bắt cô ấy dừng lại được. Vì thế cứ lo mà dỗ cho cô ấy ăn uống, rồi đợi cho đến khi cô ấy kiệt sức là xong."

"Thế hả?" tôi hỏi. "Bà đang kiếm được hàng đống hợp đồng, và đó là tất cả những gì bà có thể nói đấy hả?"

"Lạy Chúa, anh đúng là một thằng khốn." Jack chọc vào vai tôi bằng cái bút đang cầm. "Cô ấy có uống thuốc không?"

Tôi giải thích rằng tôi đã cố trộn thuốc vào chỗ bột cà phê của cô nhưng cô đã phát hiện ra trò lừa gạt. Cô huỳnh huỵch đi thẳng lên tháp chuông quăng cái bình qua đầu tôi, khiến nó va vào tường vỡ nát. "Bà có biết quét hết bột cà phê ra khỏi giá sách khổ thế nào không?"

Jack gật đầu. "Lần tôi cố lén cho cô ấy uống thuốc, cô ấy đã không nói chuyện với tôi suốt ba tháng trời. Cô ấy tưởng tôi cũng là một phần trong kế hoạch chống lại cô ấy."

Biết rằng Jack cũng đã cố thử cái trò đó làm tôi dịu đi phần nào. Chúng tôi kết thúc cuộc nói chuyện khá lịch sự, và Jack hứa sẽ ghé qua pháo đài tối hôm đó.

Bà mang đồ ăn mà Marianne Engel có thể thấy rõ là không hề trộn thuốc - bánh mì, hoa quả, pho mát, vân vân và vân vân - và cố kéo cô cùng nói chuyện. Chẳng tác dụng gì. Marianne Engel rất tức giận với chúng tôi vì đã làm phiền cô, cô đứng dậy bẻ chỗ bánh mì thành hàng trăm mảnh rồi thả xuống cùng đống vụn đá trên sàn nhà, rồi vặn volume đài lên tới mức chúng tôi không chịu được nữa và phải chạy luôn. Đang trèo lên cầu thang, tôi nghe thấy tiếng cô phấn khích nói một mình bằng tiếng Latin.

Dù chúng tôi chẳng hề làm được gì nhưng mọi nỗ lực cố gắng cũng đã vắt kiệt sức chúng tôi. Jack và tôi ngồi im lặng trong phòng khách đến mười lăm phút. Rốt cuộc tôi cũng nhận ra không phải Jack chẳng quan tâm, đơn giản là vì bà - trước kia từng nếm mùi chuyện này rồi - thực sự biết chúng tôi không thể làm gì để thay đổi tình hình cả. Tuy thế, khi ra về, Jack đã nói, "Mai tôi sẽ quay lại."

Sáng hôm sau, tôi thấy Marianne Engel nằm ườn ra trên bức tượng sắp hoàn thành số 17. Tôi quàng tay quanh người cô còn cô chẳng còn hơi sức đẩy tôi ra nữa dù đã cố hết sức. "Không, tôi còn phải làm cái tiếp theo nữa." Cô thực sự quyết tâm nhưng cô chẳng còn chút sức lực để chống lại tôi nữa, và tôi giúp cô lên cầu thang.

Tôi lại xả sạch bụi, mồ hôi và máu khỏi người cô, trong khi cô mệt mỏi tựa đầu vào thành bồn tắm như một con rối dây không có chủ điều khiển. Cô cứ liên tục nói với tôi, suốt lúc tắm rửa và cả khi tôi giúp cô lên giường, rằng cô phải quay lại xưởng. Nhưng chỉ sau vài giây chạm vào chăn nệm, cô đã ngủ.

Marianne Engel vẫn còn mê man khi Jack đến vào tối hôm đó. Thấy mình lại ở một mình với bà Meredith, tôi khui một chai rượu bourbon mới ra.

Jack kể cho tôi nghe về những khách mua tượng gargoyle. Những cái tên thật ấn tượng: các thương gia thành đạt, chính khách, nhà bảo hộ nghệ thuật lừng danh, kể cả những nhân vật tiếng tăm trong ngành giải trí. Tôi nhận ra một số lượng lớn các tên tuổi đứng đầu bảng xếp hạng âm nhạc và các diễn viên hạng A ở Hollywood, cả một nhà văn gần như được cả thế giới coi là vua của thể loại truyện kinh dị nữa. Một đạo diễn, nổi tiếng với những bộ phim lãng mạn về mấy kẻ bị xã hội ruồng bỏ, đã mua ít nhất là nửa tá tượng. (Với mớ tóc đen bù xù và khuôn mặt nhợt nhạt như xác chết, tôi nghĩ ông ta sẽ rất dễ bị nhầm là người anh cùng cha khác mẹ mắc bệnh thiếu máu của Marianne Engel.) Dù không ngạc nhiên khi thấy nhiều nhà thờ mua các gargoyle của cô, tôi không hề nghĩ rằng nhiều trường đại học cũng là khách hàng quen của cô.

Jack ăn gần hết chỗ đồ ăn Trung Hoa mà chúng tôi đã đặt, nốc hết cốc rượu này đến cốc rượu khác để trôi thức ăn. Bà lau sạch chỗ nước xốt dính trên miệng mình bằng mặt sau của ống tay áo và hỏi có phải cái ấy của tôi đã thực sự mất rồi không. Khi tôi xác nhận rằng nó không còn nữa, bà xin lỗi vì trước kia đã nói đùa về chuyện đó. Tôi chấp nhận lời xin lỗi với

tất cả những cử chỉ lịch thiệp nhất tôi có thể nghĩ ra và bà thậm chí đã rơm rớm nước mắt; tôi phát hiện ra rằng rượu - như nó vẫn gây ra cho cả những đệ tử lưu linh kỳ cựu nhất - có thể làm bà trở nên tình cảm hơn. Khi tôi hỏi xem Jack đã chuẩn bị gì cho Giáng sinh chưa, bà trả lời bằng cách thuật lại chuyện đời mình.

Bà có bầu khi vẫn còn là trẻ vị thành niên và đã sinh một cậu con trai. Ted, giờ khoảng ba mươi tuổi. Jack đã cưới cha Ted, một kẻ bạo lực và suốt ngày rượu chè be bét, bà đã sống với ông ta vì có vẻ bà chẳng có sự lựa chọn nào khác. Bà đã cố gắng tốt nghiệp trung học, nhưng đại học thì chẳng cần nói cũng biết. Khi Jack mang bầu lần hai, lão chồng đã buộc tội bà đang cố hủy hoại đời lão: "Cô lại dính lần nữa, dù chúng ta chẳng có tiền. Con khốn!" Ted, lúc ấy sáu tuổi, phải chứng kiến cảnh người mẹ bụng mang dạ chửa bị bố đánh ít nhất một tuần một lần trong suốt thai kỳ.

Vào một buổi tối khi Jack đang ở tháng mang thai thứ bảy, chồng bà đã cho bà một trận thừa sống thiếu chết. Khi lão ta xỉn quắc cần câu, Jack đã sắp ít đồ đạc và mặc quần áo ấm cho bé Ted. Bà đặt thằng bé ra chỗ cửa ra vào rồi quay lại phòng ngủ với một cái chảo rán trong tay, đập thẳng vào đầu chồng. Bà bảo làm thế để chắc chắn lão ta không tỉnh dậy và đuổi theo, nhưng tôi ngờ lý do chủ yếu bà ra tay là bởi nó làm bà dễ chịu. Suốt mấy ngày liền, bà nói, bà đã xem các báo địa phương để biết liệu mình có giết lão không. Khi không có lời cáo phó nào đăng lên, bà cảm thấy nhẹ cả người nhưng cũng thấy hơi thất vọng một chút.

"Sau khi bỏ chồng, tôi thỉnh thoảng cũng lo rằng lão sẽ chực chờ ở bệnh viện của mẹ tôi. Bà ấy bị mắc chứng tâm thần phân liệt," Jack nói. "Nhưng tôi không bao giờ gặp lại lão khốn ấy thêm lần nào nữa. Không có gan làm một kẻ đeo bám, tôi đoán thế."

Việc mẹ Jack là bệnh nhân tâm thần phân liệt đúng là một bất ngờ. Liệu điều đó có quan hệ gì với Marianne Engel không? Thực sự là có.

"Tôi yêu mẹ và phải đến thăm bà ấy, đặc biệt khi không có ai khác làm thế. Cha tôi đã bỏ mẹ tôi đi lâu rồi. Tôi nghĩ ông ấy không thể chịu cảnh phải nhìn người phụ nữ mình yêu trở nên điên loạn."

Tôi đưa ra vài nhận xét nho nhỏ rằng có vẻ cuộc đời bà cũng gặp nhiều trắc trở.

"Quá đúng ấy chứ. Tất cả những gã đàn ông xuất hiện trong cuộc đời tôi đều thối nát đến nỗi khi Ted lớn lên," Jack thú nhận, "tôi đã thầm mong nó sẽ thành một đứa đồng tính."

"Và?"

"Không được may đến thế," bà làu bàu, đổ đầy bourbon vào cốc.

"Ồ, đừng nên từ bỏ hy vọng," tôi nói, cố tỏ vẻ tử tế.

"Phải, thế nào cũng được." Bà lại làm một ngụm tướng nữa. "Dù sao, mọi việc khá vất vả nhưng chúng tôi cũng đều đã vượt qua được. Sinh Tammie, đứa trẻ tôi mang nặng khi tôi bỏ lão chồng. Kiếm được công việc bồi bàn. Được thăng lên làm đầu bếp, rồi trợ lý bán hàng. Một quán ăn nhỏ bẩn thỉu, nhưng còn có thể làm gì hơn? Vài luật sư lần ra tôi sau khi cha tôi mất, và ông già cũng có để lại cho tôi chút tiền. Vì thế tôi nghĩ, xét cho cùng, mấy kẻ thối nát cũng có điểm tốt." Bà nâng cốc hướng lên trời. "Tôi biết tôi không thể nuôi dạy hai đứa con với những gì mình kiếm được ở cái nhà hàng đó, vì thế tôi dùng một chút tiền để theo học một khóa học buổi tối, làm kế toán. Kiếm được bằng khá, và cũng kiếm được một chân tệ hại trong một công ty tử tế."

"Mãi lâu sau bà mới trở thành chủ phòng triển lãm," tôi nhắc, "và trung gian của Marianne Engel."

"Không lâu như anh nghĩ đâu. Tôi tiếp tục đến bệnh viện thăm mẹ mình và một ngày tôi đã để ý đến một bệnh nhân mới, một cô gái trẻ. Hấp dẫn, anh biết đấy, ngồi một mình bên bàn. Đang vẽ. Cô ấy khác với những người còn lại. Có lẽ đấy là do mái tóc và đôi mắt."

"Marianne."

"Trúng rồi," Jack nói. "Trừ việc lúc đó tên cô ấy không phải là thế. Cô ấy là một em Jane Doe cảnh sát tìm thấy bên vệ đường. Marianne Engel chỉ là cái tên mà tự dưng một ngày nọ cô ấy bảo các bác sĩ gọi mình thôi."

Marianne Engel không phải tên thật của cô. Vẻ bất ngờ của tôi trước thông tin đó làm Jack cười khẩy. Bà hài lòng khi biết những chuyện mà tôi không biết về người bạn chung của chúng tôi.

"Các y tá nói với tôi rằng không xác định được danh tính cô ấy, và dấu vân tay thì chẳng khớp với ai. Cô ấy không chịu, hay không thể, nói với họ bất cứ điều gì về quá khứ của mình. Có lẽ cha mẹ cô ấy đã mất hay họ chỉ đơn giản là đã vứt cô ấy đi, ai biết được? Dù sao, sau vài chuyến thăm, tôi đã quyết định chào hỏi. Khi đó cô ấy khá e thẹn. Khi tôi hỏi xem tranh của cô ấy, cô ấy không cho. Nhưng tôi cứ tiếp tục hỏi, và sau vài lần thăm viếng nữa, cô ấy cuối cùng cũng đồng ý. Tôi choáng váng. Tôi những tưởng đó là mấy nét vẽ nguệch ngoạc, nhưng hóa ra lại là những con quái vật, ác thú kỳ lạ xấu xí, nhưng chúng đều có vẻ mỏng manh, yếu ớt. Một vẻ gì đó khiến đôi mắt chúng có hồn."

Jack ngừng lại. Tôi nhìn qua những khe hở trên chiếc mặt nạ nhựa dẻo đặc biệt của mình, và trong phút chốc, tôi lo ngại bà sẽ nói rằng trong mắt tôi cũng ẩn chứa đau thương. Nhưng bà chỉ làm thêm một ngụm rượu nữa và tiếp tục nói. "Cô ấy bảo thực ra cô ấy không phải họa sĩ vẽ tranh ký họa. Cô ấy là thợ điêu khắc và những sinh vật này đang đợi để được giải phóng khỏi đá."

"Vậy," tôi nói, "thậm chí ngay từ khi còn nhỏ..."

"Phải, thậm chí ngay từ khi còn nhỏ," Jack xác nhận lại. "Tôi nghĩ mình khá thích thú trước cái ý tưởng đó, nhưng tôi chẳng biết cóc khô gì về nghệ thuật cả. Có lẽ đến nay tôi vẫn không biết gì hết. Nhưng tôi biết rõ điều này - có gì đó rất đặc biệt ở khả năng tưởng tượng của cô ấy. Tôi thích nó, và hóa ra nhiều người khác cũng thích. Nhưng vào lúc đó, tôi chỉ gật đầu, vì tôi có thể làm được cái quái gì cơ chứ? Nhiều tháng trôi qua, tôi vẫn tiếp tục đến thăm mẹ, còn Marianne Engel vẫn tiếp tục cho tôi xem tranh của cô ấy, và tôi không biết... chỉ là cô ấy ngày càng thân thiện với tôi hơn. Tôi nghĩ mình cảm thấy thương hại cô ấy. Cô ấy còn quá trẻ, và có lẽ tôi cũng hiểu cái cảm giác khi bị kẹt ở một nơi chẳng mang lại điều gì tốt đẹp cho ta. Nhà thương điên là nơi thích hợp cho mẹ tôi, không có gì phải bàn cãi về điều đó, nhưng nó không phải nơi thích hợp với Marianne Engel."

"Thế chuyện gì đã xảy ra?"

"Các bác sĩ cứ chế thuốc cho cô ấy mãi cho tới khi cuối cùng họ cũng tìm được một hợp chất có vẻ có tác dụng và tình trạng của cô ấy đã khá hơn. Marianne có thể cư xử bình thường, anh cũng biết đấy, khi cô ấy uống thuốc. Nhưng cô ấy luôn nghĩ chúng có hại cho những trái tim của mình." Jack ngừng lại. "Phải, cái ảo tưởng đấy cũng chẳng mới mẻ gì. Một lần tôi thậm chí còn nhờ họ chụp X-quang để cô ấy thấy mình chỉ có duy nhất một quả tim thôi, ấy vậy mà cô ấy vẫn không chịu tin tôi."

"Nhưng làm thế nào mà..."

"Tôi sẽ nói đến đoạn đó, nếu anh chịu ngậm miệng lại." Jack xỉa đôi đũa của bà về phía tôi, một mẩu thịt gà Cung Bảo văng ra giữa chúng tôi. "Sau khi các bác sĩ giúp cô ấy bình thường trở lại, họ đưa cô ấy vào một nhà tình thương và cô ấy cuối cùng đã kiếm được việc làm tại một quán cà phê. Rửa bát đĩa, anh có thể tin được không? Khi nghe được chuyện đó, tôi đã đến thăm và thấy khuỷu tay cô ấy ngập trong nước bẩn, và trong đầu tôi chỉ có duy nhất hình ảnh những bức ký họa tuyệt vời đó. Cũng trong thời gian này, cô ấy đã có hình xăm đầu tiên trên cánh tay, một trong những câu tiếng Latin. Khi tôi hỏi tại sao lại làm thế, cô ấy bảo vì không có tiền mua đá, cô ấy sẽ dùng chính thân thể mình để làm khung tranh. Tất cả những hình xăm ấy, cô xăm chúng khi không thể tạc tượng vì một lý do nào đó. Dù thế nào thì, tôi nói, chuyện này thật vớ vẩn. Nếu cô ấy muốn tạc tượng đến thế, tôi sẽ giúp. Vì thế tôi trả tiền cho cô ấy theo học một khóa học buổi tối, dù toàn bộ gia sản của tôi chỉ là số tiền còm cõi bố tôi để lại, mà tôi lại còn hai đứa trẻ phải nuôi nữa chứ. Ngu hết thuốc chữa, nhỉ?"

Ngu thật, nhưng tôi cũng nghĩ (dù tôi chẳng nói tướng lên làm gì) như thế thật tuyệt. Jack lại lấy thêm một điếu thuốc của Marianne Engel - vì bà không hút, như bà đã nói với tôi không chỉ một lần - và tiếp tục câu chuyện của mình. Cứ khi nào đến đoạn kịch tính, bà lại trỏ điếu thuốc vào không khí như đang cố gắng châm vào những quả bong bóng vô hình vậy.

"Giáo viên hướng dẫn nói rằng Marianne Engel là học sinh tài năng nhất ông từng dạy, rằng cô ấy chỉ vô cùng say mê tạc tượng thôi. Khi tôi không thể bòn thêm được đồng nào để trả tiền học nữa, ông bảo Marianne cứ tiếp tục học. Ông bảo rằng một ngày nào đó ông sẽ có thể tự hào khoe rằng mình đã từng là thầy của cô ấy. Vì thế tôi lại đưa ra một quyết định ngu ngốc khác nữa là gợi ý với Marianne rằng tôi có thể làm đại diện cho cô ấy. Cô ấy đồng ý, dù sau đó tôi có nói rằng mình chẳng biết cái cóc khô gì về việc kinh doanh nghệ thuật cả. Nhưng tôi cũng xoay xở kiếm được cho cô ấy một bộ dụng cụ tạm ổn ở cửa hàng đại hạ giá, nói chung là khá may mắn, và một ít đá. Tảng đầu tiên là thứ đá rẻ tiền, kinh tởm, cứ chực nát ra như cám dưới lưỡi đục của cô ấy, đúng, nhưng cô ấy cuối cùng vẫn lôi được gargoyle ra và nó trông khá ổn. Thế là giờ tôi đã có bức tượng và phải bán được nó trước khi chúng tôi có thể kiếm một tảng đá khác, vì thế tôi đã mượn tạm cái xe tải cà tàng này lái đến các phòng triển lãm khắp nơi mang theo bức tượng vứt trong thùng xe. Cuối cùng tôi cũng tìm được một người muốn trưng bày nó, nhưng họ chỉ đồng ý mua nếu giá thực sự hời, nhưng đến lúc này, chúng tôi chẳng còn lựa chọn nào khác, và thế là tôi đồng ý. Khi cuối cùng nó cũng được bán, anh có tin nổi không, tôi thực sự đã lỗ vốn. Cả quy trình mất hàng tháng trời và suốt khoảng thời gian ấy Marianne Engel cứ liên tục xăm thêm những hình mới, trở nên điên cuồng vì không có đá. Nhưng cuối cùng chúng tôi cũng bán được một cái khác, và một cái khác, rồi tự nhiên có một ít tiền chảy vào túi chúng tôi và mọi chuyện đều diễn ra tốt đẹp."

Tôi rất thích nghe một câu chuyện về Marianne Engel không liên quan gì đến các tu viện thời Trung cổ. Nó làm tôi nhận ra rằng tôi đã chìm đắm đến thế nào trong những câu chuyện thần tiên của cô.

"Khi cô ấy thực sự bắt tay vào làm việc, những bức tượng cứ thế tuôn ra ào ào. Đó là lần đầu tiên tôi thấy cô ấy cuồng nhiệt đến thế, anh cũng biết phải không? Lần đầu tiên cô ấy làm việc đến kiệt sức." Jack nhướng mắt về phía phòng của Marianne Engel. "Hồi đó cô ấy còn trẻ khỏe hơn bây giờ, và tôi đã nghĩ rằng đó chỉ là lửa nhiệt tình của tuổi trẻ mà thôi. Niềm đam mê hưng phấn với những sáng tạo đầu tiên. Tôi không biết mọi việc lại diễn ra như vậy - giờ được bao lâu rồi? Trong suốt khoảng hai chục năm thì phải."

"Cô ấy chắc chắn đã làm việc rất tốt," tôi nói. "Tôi muốn nói là, ngôi nhà và tất cả mọi thứ..."

"Phải, biết cách kiếm tiền, chắc chắn rồi. Marianne làm gì cũng giỏi nhất thế giới, và không chỉ có thế. Làm với nhau năm năm, chúng tôi đã kiếm đủ để mở một phòng triển lãm. Mười năm, chúng tôi kiếm được cho cô ấy chỗ này. Cứ thế mà trả tiền mặt thôi, không phải thế chấp gì hết."

"Bà đã trở thành người giám hộ cho cô ấy như thế nào?"

"Chỉ là chuyện sớm muộn cũng đến mà thôi," Jack trả lời. "Không, khốn kiếp, bao nhiêu việc hành chính và những chuyến thăm tòa án liên miên. Nhưng anh phải nhớ rằng cô ấy chẳng có gia đình gì hết, ít nhất không có loại gia đình mà tôi biết. Cô ấy không bao giờ kể cho tôi nghe về cuộc đời mình trước khi chúng tôi gặp nhau và, thành thực mà nói, tôi cũng chẳng rõ cô ấy có biết hay không nữa."

"Jacqueline," tôi nói, "bà chẳng bao giờ trả lời thẳng vào câu hỏi của tôi cả."

"Đừng gọi tôi như thế, mẹ kiếp, mà tôi còn chẳng nhớ nổi cái câu hỏi chết tiệt của anh là gì."

"Là liệu bà có làm gì vào Giáng sinh này không."

"Không, mẹ tôi mất mười năm trước rồi và bọn trẻ cũng chẳng còn liên lạc gì với tôi nữa." Bà chụp lấy áo khoác và nói rằng đã đến lúc phải về. Đến cửa, bà nói, "Đừng nghĩ chúng ta đã bạn bè gì với nhau đấy. Nếu tôi được phép tự quyết, anh đừng hòng có thẻ tín dụng."

"Hiểu," tôi xác nhận. "Tôi mong là điều tôi sắp nói ra không có vẻ tệ quá, nhưng tôi thực sự mừng rằng Marianne đã bất tỉnh. Ít nhất cô ấy cũng có thể nghỉ một chút."

Jack khịt mũi. "Cô ấy chưa xong đâu."

Khi Marianne Engel thức dậy, cô chứng minh rằng Jack đã đúng. Cô xơi một bữa sáng khổng lồ, rồi đi ngay xuống tầng hầm, giam mình tại đó suốt bốn ngày tiếp theo. Mọi cử động của cô đều rất uể oải, như thể ai đó đã quay phim quá trình làm việc của cô và cho đoạn phim chạy bằng nửa tốc độ bình thường vậy. Cô thiếu năng lượng để có thể làm việc nhanh hơn.

NẾU NGƯƠI TRỘN CHO CÔ TA MỘT ÍT MORPHINE Cái gì? CÔ TA SẼ NGỦ NGAY.

Vào ngày hai mươi tháng Mười hai, Sayuri đến giúp tôi tập bài tập cuối cùng trước kỳ nghỉ lễ. Chúng tôi đã cố hết sức để bơ tiếng búa đập lờ đờ của cô đi.

"Gregor nói với tôi rằng cô sắp đi gặp bố mẹ ông ấy," tôi nói. "Một bước tiến lớn đấy."

"Từ trước đến nay anh ấy chắc chưa làm việc gì như thế này," Sayuri nói, "đưa một người phụ nữ về ra mắt bố mẹ mình."

"Cô cảm thấy thế nào?"

"Tôi không thấy lo lắng lắm, nhưng tôi khá ái ngại cho anh ấy. Tôi nghĩ anh ấy chưa bao giờ thấy mình thỏa mãn được sự kỳ vọng của họ hàng."

"Ông ấy có nghĩ là cô sẽ làm họ thất vọng không?" tôi hỏi với một vẻ rất đỗi ngây thơ.

"Anh ấy lo họ nghĩ rằng anh ấy không xứng với tôi hơn." Sayuri tăng lực ma sát cho cái xe đạp của tôi và bắt tôi phải chiến đấu, chiến đấu, chiến đấu! "Thật nực cười."

"Thế, cô có nghĩ là ông ta định...?" Tôi gõ tay vào ngón áp út của cô, nhiển nhiên là chẳng có cái nhẫn nào trên đó cả.

"Không đâu," Sayuri vội vã trả lời. Cô rụt tay lại, nhưng tôi có thể nhìn mặt cô mà nói rằng cô cũng chẳng ngại cái ý tưởng đó đâu. "Anh ấy chỉ muốn tôi đến thành phố quê hương của mình thôi."

Âm thanh dưới tầng hầm đã có chút thay đổi - tiếng búa đập đều đều đơn điệu không còn nữa. Sống cùng nhau đến lúc này, tôi biết rõ lịch tạc tượng của Marianne Engel để có thể nhận ra rằng cô không thể nào hoàn thành bức tượng hiện tại của mình vào lúc này được. "Tôi phải đi xem cô ấy thế nào."

MORPHINE RẤT TỐT. Với cô ấy thì không.

Tôi không nhìn thấy cô khi tôi bắt đầu đi xuống cầu thang. Tôi gọi to, nhưng không có tiếng đáp lại. Nửa điếu thuốc lá đang cháy dở trong gạt tàn. Rồi tôi thấy cô đằng sau một bức tượng gần như đã hoàn chỉnh, hai tay duỗi ra trong một tư thế rất kỳ cục. Ngón tay cô vẫn đang nắm hờ vào cái búa; cái đục văng ra xa khoảng vài mét.

Khi đến bên tảng đá, tôi thấy cô đã bất tỉnh, với một vết rách lớn trên trán. Tôi nghĩ có lẽ là do cô ngã đập đầu xuống tảng đá khi bất tỉnh.

Bệnh viện giữ Marianne Engel lại bốn đêm. Đầu cô được khâu kín, và một cái ống truyền dịch vào tay cô để chống lại sự mất nước. May mắn làm sao, cô đã quá mệt mỏi để có thể giận dữ vì tôi đã đặt cô vào vòng tay của các bác sĩ thù địch. Tôi để cô lại rồi đi về nhà ngủ một chút. Tôi cho Bougatsa ngủ cùng giường với mình, dù biết Nan sẽ điên lên trước những dị ứng mà lông chó sẽ gây ra cho da người bỏng. NGƯƠI CÒN CHẲNG TỰ CHĂM SÓC ĐƯỢC BẢN THÂN. Sáng hôm sau, tôi quay lại bệnh viện ngay lập tức. SAO NGƯƠI CÓ THỂ CHĂM SÓC CHO CÔ TA ĐƯỢC?

Marianne Engel ra viện vào đêm Giáng sinh. Thành thực mà nói, các bác sĩ phải giữ cô lại lâu hơn, nhưng họ cho cô ra vì nghĩ đến ngày lễ. Khi chúng tôi về đến nhà, cô chỉ đòi ăn mỗi bánh hạnh nhân, nhưng tôi đã thuyết phục cô ăn thêm một ít quýt. Tôi bê cái ti vi và đầu video từ tháp chuông xuống phòng cô và chúng tôi cùng xem Cuộc sống tươi đẹp, vì đó là điều những người bình thường hay làm vào đêm Giáng sinh. Sau khi xem xong, cô cứ đòi tôi ngủ lại trên giường mình, vì cô muốn tỉnh dậy vào ngày lễ Giáng sinh với tôi bên cạnh.

Tôi nằm trên giường với bộ quần áo tạo áp suất thô cứng chạm vào cơ thể trần trụi mềm mại của cô; nhận ra rằng lẽ ra tôi phải cảm thấy vui sướng trước sự gần gũi này mới phải. Nhưng không; tôi chỉ đang nghĩ rằng tại sao cơ thể cô lại có thể mang lại cảm giác mạnh mẽ đến thế cho tôi. Tôi đã dành hầu hết phần đời trai trẻ của mình với những phụ nữ trần

truồng - đó là công việc của tôi vào ban ngày, và sở thích của tôi vào ban đêm - nhưng khi ở bên Marianne Engel thì nó luôn có vẻ gì đó khác lạ. Rất khác lạ.

Có nhiều cách khả dĩ để giải thích cho sự bất tiện của tôi. Có lẽ cơ thể cô ảnh hưởng mạnh mẽ đến tôi như vậy vì tôi thực sự thích cô. Có lẽ vì đó là lần đầu tiên trong đời, với việc giải phẫu cắt bỏ dương vật, tôi không thể từ chối cơ thể một người phụ nữ bằng cách chinh phục nó nữa. Có lẽ những cảm giác của tôi chỉ đơn thuần là kết quả của hoóc môn giới tính. Tất cả những giả thiết này đều rất đáng hoan nghênh, và tới một mức nào đó thì có lẽ chúng đều hợp lý, nhưng vào cái đêm Noel đó, nằm bên cô mà không tài nào ngủ nổi, tôi đã tìm ra được đáp án. Lý do chính, tôi tin vậy, cơ thể cô làm tôi hưng phấn đến thế là vì nó làm tôi cảm thấy đó không chỉ là cơ thể con người mà còn là một thứ gì đó có thể chạm được tới cả ký ức và hồn ma.

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy cơ thể cô, một cách trọn vẹn, là ở trong phòng điều trị bỏng khi cô cởi quần áo ra cho tôi xem những hình xăm của mình. Cảnh ấy đã kích thích tôi và làm tôi cảm thấy xấu hổ, rồi khi tôi lướt ngón tay lên những cái lông vũ trên đôi cánh thiên thần của cô thì cơ thể cô đã run lên, và để đáp trả, cũng làm trái tim tôi run rẩy. Lúc đó, tôi không thể hiểu tại sao mình lại có cảm giác như vậy, nhưng nhiều tháng sau, tôi bắt đầu nhận ra đó là vì những ngón tay của tôi cảm thấy không phải chúng đang chạm vào người cô lần đầu tiên mà là vì chúng đang trở lại một nơi chốn quen thuộc. Tôi đã không hiểu ra điều này cho tới tận lần đầu tiên Marianne Engel tắm cho tôi trong pháo đài, khi nhìn cách cô giơ tay ra chạm vào người tôi như thể nó thuộc quyền sở hữu của cô vậy. Cô đã cử động cánh tay mình hệt như khi tôi giơ tay ra chạm vào tấm lưng xăm hình đôi cánh thiên thần của cô lần đầu tiên. Như thể da thịt của người khác đã bị chiếm làm của riêng, và cánh tay đang giơ ra ấy thuộc về một người chủ đi vắng lâu ngày nay đã trở lại. Khi tôi chạm vào cô lần đầu tiên, tôi không có cảm giác đó là lần đầu tiên tôi chạm vào cô.

Giờ đây, nằm trên giường cạnh cô trong đêm Giáng sinh này, cơ thể cô vẫn mang đến cho tôi những cảm xúc đó. Khi nằm bên cô, tôi như thể được sinh ra là để nằm tại đó, cơ thể tôi như thể đã nằm bên cô hàng nghìn lần trước đó rồi. Tôi có cảm giác như mình không chỉ đang nằm cạnh một con người, mình còn đang nằm cạnh ký ức của một con người nữa, trong khi cùng lúc, ký ức ấy được chuyển hóa thành một cái gì đó thậm chí còn vô hình hơn. Cơ thể cô quá người trong cái hoang dại của nó, nhưng nó cũng làm tôi có cảm tưởng rằng nó là một thực thể đang dần biến thành một bóng ma, cứ như cơ thể gầy gò của cô đang biến thành một thứ gì đó còn mong manh hơn. Tôi miết nhẹ ngón tay lên những cái xương sườn nhấp nhô của cô và lướt xuống đỉnh xương chậu nhô lên khỏi bụng cô. Cơ thể cô, xác thịt lẫn ký ức luôn rơi vào trạng thái lẫn lộn mơ hồ và đầy hứng khởi, vẫn mang lại cho tôi cảm giác nó thuộc về tôi nhưng dường như đang dần mất đi. Cô không chỉ mất đi sinh lực khi làm việc, cơ hồ cô đang cố làm việc để mất đi sinh lực; như thể không chỉ những gargoyle mới là nghệ

thuật lặp lại, mà cả bản thân người nghệ sĩ là cô nữa, cũng cố gắng đạt đến mức độ vừa vô hình vừa hữu hình hơn lúc bắt đầu.

Đó là cách mà cơ thể cô - thân xác, ký ức và linh hồn - làm tôi không thể chống cự lại được.

Tôi tỉnh giấc, sau khi đã chìm vào một giấc ngủ ngắn chập chờn, trước khi cô dậy. Tôi mang một khay trứng đến cho cô, và lấy hết can đảm để tặng cho cô món quà đầu năm. Một lần nữa đó lại là các sáng tác văn chương, vì hiển nhiên tôi vẫn chưa rút ra được bài học từ sau vụ thơ thẩn năm ngoái. Tôi đã viết lại theo trí nhớ những câu chuyện về bốn người bạn ma mà cô đã kể cho tôi nghe - "Người thợ rèn tài ba," "Người phụ nữ trên vách đá," "Người thợ thổi thủy tinh học việc," và "Quà tặng của Sigurðr" - và tách từng truyện một giữa các trang bìa. Ngoài bìa trước là dòng chữ Những câu chuyện tình yêu, được kể bởi Marianne Engel.

"Đây là một món quà tuyệt vời. Không chỉ cho tôi, mà cho cả Sigurðr nữa. Đối với một người Viking, địa ngục khủng khiếp nhất là bị vùi vào quên lãng." Cô nắm tay tôi và xin lỗi. Cô đã dồn hết tâm sức vào việc tạc tượng suốt mấy tuần qua, và vì vậy cô đã bỏ bê không chuẩn bị cho tôi một món quà xứng đáng.

"Nhưng," cô gợi ý, "tôi giải thích cho anh nghe ý xơ Constantia khi bảo rằng tôi đã hủy hoại phòng viết nhé?"

CHƯƠNG 34

rời đã rạng khi Agletrudis xuất hiện trước cổng Engelthal, với nụ cười hả hê trước sự đau khổ của người khác không hợp chút nào với gương mặt của một nữ tu. Cô ta hất hàm về phía anh, lúc này vẫn còn đang loay hoay trên lưng ngựa với thân thể đầy máu của Brandeis, và nói, "Tôi thấy hình như cô đã mang người tình của mình tới."

Tôi không thể bộc lộ nỗi tức giận của mình nếu chúng ta muốn có bất cứ cơ hội nào vào trong. Tôi cần phải cầu xin lòng trắc ẩn của cô ta; cô ta, xét cho cùng, cũng đã nguyện cống hiến cả đời cho Chúa. "Chúng tôi cần chỗ trú. Nếu không được giúp đỡ, chúng tôi sẽ chết."

"Ái chà," Agletrudis nói, gật gật đầu và đan hai tay lại sau lưng. "Vậy cái linh hồn ham hố phiêu lưu của cô cuối cùng đã tìm được thứ nó dày công tìm kiếm bấy lâu. Có khi còn hơn ấy chứ." Cũng giống như xơ Constantia trước đấy, Agletrudis chăm chú soi mói cái bụng lồ lộ của tôi.

Tôi dằn từng tiếng. "Cô phải hiểu rằng không dễ dàng gì để chúng tôi - để tôi - đến được đây." Hai tay tôi cũng chắp sau lưng, nhưng bởi vì tôi không muốn Agletrudis nhìn thấy chúng co lại thành hai nắm đấm. "Chúng tôi chẳng còn chỗ nào để đi cả."

Agletrudis cố nặn ra một vẻ mặt thông cảm, nhưng chỉ làm nụ cười của cô ta thêm kinh tởm. "Chuyện này đã đặt chúng tôi vào một tình huống vô cùng thú vị. Nhiệm vụ của chúng tôi là nhân từ độ lượng, và chúng tôi được dạy phải tha thứ cho mọi kẻ tội đồ. Tuy thế, vấn đề khó khăn nằm ở chỗ hầu hết các xơ ở đây đều coi cô còn tệ hơn cả một kẻ tội độ bình thường nữa."

Điều này làm tôi cảm thấy đây là một phản ứng thái quá trước việc tôi rời Engelthal. "Khi tôi rời khỏi, tôi không bao giờ có ý nghĩ không tôn trọng tu viện hoặc Chúa."

"Hay mẹ Christina, tôi có thể chắc chắn thế nhỉ." Agletrudis vẫn không mai một khả năng đánh đúng điểm yếu nhất của người khác. "Nếu cô chỉ đơn giản biến mất, sẽ chẳng có ai lại không chịu giúp đỡ cô bây giờ cả. Nhưng vì những hành động của cô vào đêm đó, xơ Gertrud tội nghiệp đã vỡ tim mà chết."

Gertrud sẽ chẳng mảy may quan tâm đến chuyện tôi biến mất, trừ phi việc đó có thể làm chậm tiến trình hoàn thành cuốn Kinh Thánh của bà. "Cô đang nói về cái gì vậy?"

"Chối chả có ích gì đâu, x... - ồ tôi xin lỗi. Marianne. Cô không nhớ rằng tôi đã nhìn thấy cô rời phòng viết vào cái đêm đó sao? Tôi vẫn nhớ việc đó, và tôi vẫn nhớ việc sáng hôm sau, xơ Gertrud tội nghiệp nhìn thấy tất cả công trình của bà đều đã ra tro. Từng chương, từng tiết một." Agletrudis ngưng lại với một tiếng thở dài đầy kịch tính. "Sao cô lại có thể lấy đuốc mà đốt Kinh Thánh của bà chứ?"

Tiếng thở dài đã giải thích tất cả. Cô ta đã đốt Die Gertrud Bibel vào cái đêm tôi rời đi và đổ mọi tội lỗi lên đầu tôi. Và thế là, tôi đã trở thành người nữ tu phá hủy tác phẩm cả đời của Gertrud, người nữ tu đã biến Lời Dạy Của Chúa thành một đống tro và chạy trốn để làm nhân tình của một kẻ giết người.

Mắt Agletrudis sáng lên đầy hằn học. "Mẹ Christina đã ra lệnh xóa tên của cô ra khỏi mọi biên niên ký, và giờ khi cha Sunder đã mất - tôi tin rằng cô biết ông đã chết? - chúng tôi cũng đang tiến hành xóa tên cô khỏi sách của ông ấy đây."

Tôi đã luôn thấy Agletrudis bợ đỡ Gertrud quá thể, nhưng cũng còn lâu mới đến mức phản trắc. Tâm tính con người thay đổi mới nhanh làm sao. Thật bất ngờ khi trong phút chốc hiểu ra Agletrudis có thể độc ác đến mức nào. Tôi biến mất, cô ta có thể thừa kế chức trưởng phòng viết. Nhưng như thế vẫn chưa đủ với cô ta. Cô ta phải hủy hoại tên tuổi của tôi đời đời kiếp kiếp, và để đạt được điều này thì cô ta sẵn lòng hy sinh giấc mơ cả đời của người thầy.

Tôi chẳng tự hào gì khi không thể ngăn nắm đấm của mình lại. Tay phải của tôi đập vào vai Agletrudis, cú đấm đầu tiên tôi quăng ra trong đời. Tôi đã nhằm vào đầu cô ta nhưng tôi nghĩ sự tức giận của tôi đã ảnh hưởng xấu đến mục tiêu. Cú thứ hai và thứ ba có vẻ chính xác hơn, dù mang thai có làm động tác của tôi hơi vụng về lóng ngóng đã hạ cánh lên ngực và cằm của cô ta. Cô ta ngã ngửa về phía sau, dù tôi không chắc bao nhiêu là vì cú đấm và bao nhiêu là vì ngạc nhiên. Khi cô ta bò dậy, cô ta nhe hàm răng đầy máu ra cười.

"Tôi sẽ không hạ nhục bản thân bằng việc đánh một con điếm chửa đâu," Agletrudis nói, "nhưng tôi chắc chắn sẽ gửi lời của cô đến cho mẹ Christina."

Ở lại chẳng ích gì cả, vì giờ đây chúng ta không bao giờ được phép vào trong tu viện nữa, mà bọn truy kích thì vẫn còn đang đeo bám ngay phía sau. Tôi cố trèo lại lên ngựa và anh đã để tôi phóng nước đại cho xả bớt cơn giận của mình trước khi hỏi chúng ta sẽ đi về đâu. Tôi nói là tôi không biết. Anh gợi ý cái lán của cha Sunder. Tôi nói rằng ông đã mất rồi. Anh hỏi là không biết huynh trưởng Heinrich có còn sống không. Tôi không biết. Anh nói rằng chúng ta không có sự lựa chọn nào khác, và ngôi nhà của họ là cái đích mới của chúng ta.

Huynh trưởng Heinrich rất choáng váng khi thấy chúng ta trước cửa nhà mình sau ngần ấy năm, nhưng ông thậm chí chẳng ngần ngại đến một giây. Ông mở toang cánh cửa để cho chúng ta vào, và tôi sẽ luôn nhớ tới ông vì điều đó. Anh đưa Brandeis thẳng đến chỗ cái giường nhỏ mà anh đã nằm khi ở đây trị bệnh.

Huynh trưởng Heinrich trông như đã sức tàn lực kiệt. Ông không còn đi đứng vững chãi được nữa, và ông phải tập tễnh đi lấy nước và dọn chỗ nằm cho chúng ta. Ông giúp chúng ta trị thương cho Brandeis, cố hết sức ghìm anh ấy trong khi anh rửa vết thương cho bạn. Khi Brandeis ngừng vùng vẫy, chính huynh trưởng Brandeis - chứ không phải anh hay tôi - đã

nhẹ nhàng vuốt tóc anh ấy, dù ông chưa từng gặp Brandeis trước đó. Khi Brandeis cuối cùng cũng chìm vào giấc ngủ chập chờn, huynh trưởng Heinrich nói rằng sẽ chuẩn bị một chút thức ăn. "Tôi có rất ít khách đến thăm, hãy để tôi được tiếp mọi người..."

Tôi khăng khăng đòi giúp và huynh trưởng Heinrich cảm thấy rất thích thú khi thấy giờ đây tôi cũng đã biết nấu nướng. Khi ông khen ngợi kỹ năng mới của tôi, tôi mới dám nói lời chia buồn trước cái chết của cha Sunder. Huynh trưởng Heinrich vừa thái rau vừa gật đầu một cái. "Anh ấy đã sống một cuộc đời tốt đẹp và ra đi trong giấc ngủ, vì thế không có gì phải tiếc thương đâu. Có một đài tưởng niệm rất đẹp và tất cả các xơ đều nói rằng ác quỷ đã mừng vui trước cái chết của anh ấy. Không phải vì Kẻ Thù Lớn đã chiếm được một linh hồn mới, mà vì Friedrich không bao giờ có thể làm hại Hắn với những lời cầu nguyện của mình được nữa."

Giọng ông run rẩy. Friedrich, ông đã nói vậy. Không phải là huynh trưởng Sunder, như ông vẫn thường gọi khi cha còn sống. Không phải trước mặt tôi, ít nhất là thế. Ông cố mỉm cười nhưng không thể, và tôi đã hiểu vì sao ông lại trông khắc khổ đến như vậy. Huynh trưởng Heinrich đang chờ đến lượt mình.

"Cô có biết là xơ Gertrud cũng mất rồi không? Trái tim của bà ấy dường như đã không thể chịu nổi sau khi..." Giọng của Heinrich trượt đi. Dĩ nhiên, ông muốn nói đến chuyện cuốn Kinh Thánh của bà bị đốt. "Marianne, khi chỗ tro tàn sót lại được tìm thấy, bà ấy nhận ra rằng cả đời này cuốn Kinh Thánh của mình sẽ không bao giờ được hoàn thành. Những chuyện không hay xảy ra giữa hai người chẳng phải bí mật gì, nhưng cô cần biết rằng tôi không bao giờ tin cô đã đốt nó. Và Friedrich cũng vậy. Anh ấy chết với niềm tin tuyệt đối vào sự vô tội của cô."

Đúng lúc đó thì bụng tôi quặn lại, và theo bản năng, tôi đặt ngay tay mình lên đứa trẻ. Tôi không dám ngước lên nhìn vào mặt huynh trưởng Heinrich, lo lắng không biết liệu ông có nghĩ rằng vì tôi rời bỏ Engelthal mà đã xảy ra cơ sự này hay không. Nhưng đây là những điều mà ông đã nói với tôi: "Friedrich hẳn phải rất hài lòng nếu biết được rằng cô đã có mang. Anh ấy luôn tin rằng tình yêu cô dành cho người đó là chân thật."

Ngay chính giữa căn bếp ấy, tất cả những sự kiện xảy ra hàng tuần trước đó đã trở lại với tôi. Đánh mất cuộc sống tôi và anh cùng nhau xây dựng tại Mainz, phát hiện ra mình đã bị đổ cho một tội lỗi khủng khiếp, và biết tin cha Sunder đã mất. Agletrudis đứng cười ở cổng, với tư cách là quyền tu viện trưởng. Việc thai nghén của tôi, tôi đã lo lắng từng giây phút mỗi ngày. Tôi đã gần như kiệt hết ý chí và tinh thần từ khi chúng ta rời khỏi Nürnberg, nhưng ngay trong giây phút ấy thì tất cả mọi sức mạnh còn sót lại của tôi đều cạn sạch. Tôi giải phóng tất cả những giọt nước mắt mình đã cố kìm nén từ trước đến giờ. Tôi gục xuống, người tôi gập lại trong cánh tay của người anh lớn.

Lại được ôm thật là một điều tuyệt vời, chỉ đơn giản là được ôm và được nghe những lời nói ân cần. Anh đã quá bận rộn chiến đấu bảo vệ chúng ta, thúc cho ngựa chạy và lập các bước hành động tiếp theo. Tôi không trách anh, nhưng tôi nhớ những cử chỉ quan tâm ấm áp của anh. Huynh trưởng Heinrich vuốt tóc tôi y như với Brandeis, và ông đặt tôi nằm lên giường của chính mình. Ông đắp chăn cho tôi và nói cho tôi chính xác điều tôi cần được nghe: rằng tất cả mọi việc đều sẽ tốt đẹp cả thôi.

Vài ngày trôi qua và chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài cứ ở nguyên tại đó. Tôi hy vọng có lẽ chúng ta đã đánh lừa được bọn truy lùng, nhưng anh đảm bảo với tôi rằng chúng ta chắc chắn không làm được điều đó. Anh nói với một sự tin tưởng tuyệt đối rằng, giờ đây khi một tên truy kích đã chết, những kẻ còn lại sẽ tái hợp và cố gắng tìm hiểu xem chúng ta đang bài binh bố trận thế nào.

Chúng ta luôn cẩn thận rửa vết thương cho Brandeis và mong nó sẽ lành, nhưng chúng ta đã hy vọng quá nhiều. Nó bị nhiễm trùng và anh ấy sốt rất cao, nói mê sảng. Anh đã chứng kiến chuyện này trước đây, trên chiến trường, và biết mình phải làm gì. Huynh trưởng Heinrich giữ hai vai của Brandeis còn tôi giữ hai chân anh ấy, trong khi anh dùng một cái rựa cắt đi một phần đùi của anh ấy. Khi chúng ta làm xong, quần áo mọi người đều dính đầy máu và có cả một tảng thịt trong cái xô. Khi tôi nhìn vào vết thương khủng khiếp trên đùi Brandeis, tôi đã cảm thấy hai điều: xấu hổ vì nỗi sợ rằng vết thương sẽ ảnh hưởng đến tôi theo cách nào đó và làm hại đứa trẻ, và tội lỗi vì lý do gây ra vết thương. Nếu tôi không do dự trước cửa sổ nhà trọ đó, Brandeis đã có thể nhảy ra trước khi cái rìu phóng tới.

Huynh trưởng Heinrich là người đầu tiên nhận thấy sự hiện diện của hai gã đàn ông cưỡi ngựa. Chúng giữ một khoảng cách khá xa ngôi nhà, qua rặng đồi nơi tôi từng chơi đùa khi còn nhỏ, nhưng chắc chắn bọn chúng đang theo dõi chúng ta. Chúng là bọn truy kích, dĩ nhiên. Khi tôi hỏi tại sao chúng không tới thẳng chỗ chúng ta, "Bọn chúng biết là chúng ta có cung tên và có thể sử dụng vũ khí, vì thế chúng đã gọi viện binh."

Có vẻ bọn chúng vẫn chưa phát hiện ra anh, vì chúng chưa nhìn được rõ anh. Mà cho dù có nhìn được, chúng cũng khó mà nhận ra anh - không chỉ vì anh bị bỏng, mà còn vì chúng gia nhập đội condotta sau khi anh đã trốn đi. Chúng không thể biết tôi là ai, dù chúng là những thành viên kỳ cựu đến thế nào, nhưng chúng chắc chắn cũng đoán được hẳn là phải có lý do gì đó thì chúng ta mới không tiếp tục trốn chạy. Chúng có biết về vết thương của Brandeis không? Rất có thể, vì chúng hẳn đã nhìn thấy những vệt tuyết đầy máu bên vệ đường ở Nürnberg. Liệu chúng có phát hiện ra cái bụng bầu giấu dưới lần áo choàng của tôi không? Chắc là không. Nhưng trước tất cả những câu hỏi của chúng về chúng ta, tôi có một câu hỏi lớn hơn dành cho chúng: chuyện gì sẽ xảy ra khi những tên lính đánh thuê khác đến?

Chúng ta đã tranh cãi rất kịch liệt. Huynh trưởng Heinrich nói ông sẽ đi ra với tư cách người phụng sự Chúa để nói chuyện phải quấy với chúng. Anh cười vào cái ý nghĩ đó. Brandeis,

trong lúc tỉnh táo, đã tranh luận rằng anh ấy sẽ đối diện với số phận của mình như một người đàn ông, và đây cũng là cách duy nhất giúp những người còn lại thoát chết. Chúng ta phải chạy trốn để bảo toàn tính mạng, anh ấy nói thế, trong khi anh ấy đánh lạc hướng bọn chúng bằng cách phi ngựa theo hướng ngược lại. Nhưng dĩ nhiên chúng ta không thể để anh ấy làm hành động tự sát như thế. Anh muốn đứng lên chiến đấu, ngay bây giờ và tại đây, nhưng ai sẽ chiến đấu cùng anh? Không phải một nữ tu đã giải nghệ và đang mang bầu. Không phải Brandeis, người vẫn chưa tỉnh hẳn khỏi cơn mê sảng. Không phải Heinrich, một ông già. Vì thế điều anh thực sự muốn nói ở đây là anh sẽ một mình chống lại chúng. Lập luận của anh là nếu anh có thể diệt được hai tên lính này, ít nhất tôi và Heinrich cũng có thể trốn thoát trước khi bọn còn lại đến. Anh sẽ đưa Brandeis đi theo hướng ngược lại, dù anh ấy có chịu được hay không. Kế hoạch này, anh nói, giờ là lựa chọn tốt nhất. Chúng ta không thể cứ chờ chết ở đây được.

Cuối cùng, chẳng lập luận nào thành công cả. Khi tất cả những người còn lại đã ngủ và đến lượt anh phải thức canh, anh mang cung tên biến vào bóng đêm. Không ai hay biết anh đã đi cho tới khi anh quay lại đánh thức mọi người dậy.

"Chúng chết rồi," anh nói. "Trời tảng sáng rồi và những kẻ khác sẽ đến chóng thôi, vì thế chúng ta phải nhanh lên."

Tôi đã không thể kìm được sửng sốt trước chuyện anh giết người, khó kiềm chế hơn cả lúc chúng ta chạy trốn khỏi Nürnberg. Lần này, tuy thế, sự ngu ngơ của tôi đã làm anh tức giận. "Em không hiểu sẽ xảy ra chuyện gì nếu chúng tóm được chúng ta à? Chúng sẽ giết Brandeis và anh, nhưng chúng sẽ biến em thành thứ đồ chơi cho đến khi em chỉ muốn được chết thôi. Chuyện em bụng mang dạ chửa chẳng làm mọi việc khác đi được đâu. Chúng sẽ cưỡng hiếp em, và nếu em may mắn, em sẽ chết trước khi hồn em nhỏ máu đấy. Vì thế đừng đứng đấy mà phán xét anh, nghĩ là anh không quan tâm gì đến tính mạng con người. Anh đang làm tất cả mọi thứ để giữ mạng chúng ta đấy."

Cuối cùng tôi cũng phải chấp nhận sự thật là tôi không thể vừa ở bên cạnh anh vừa bảo vệ được con chúng ta. Chúng ta buộc phải tách nhau ra. Tôi sẽ trở lại Mainz và trốn ở chỗ những người Beguine cho đến khi anh quay lại. Anh sẽ đưa Brandeis đi theo hướng ngược lại; giờ đây khi hai tên truy kích giỏi nhất đã chết, có lẽ hai người các anh sẽ có cơ hội trốn thoát.

Huynh trưởng Heinrich sẽ đến Engelthal, vì chắc chắn tu viện đó sẽ cho ông vào nếu ông không đi cùng chúng tôi. Tôi cám ơn ông từ tận đáy lòng, hôn lên trán ông, và nói sẽ cầu nguyện để bọn lính đánh thuê không phá hủy ngôi nhà của ông khi chúng tới.

"Đừng mất thì giờ cầu nguyện những chuyện linh tinh ấy, xơ Marianne," ông nói. "Nó chỉ là một căn nhà thôi. Tôi đã luôn sống trong ngôi nhà của Chúa rồi mà."

"Con của chúng tôi nợ ông mạng sống," tôi nói. "Nếu đó là con trai, chúng tôi sẽ đặt tên con là Heinrich."

"Hai người sẽ làm tôi cảm thấy vinh hạnh hơn nếu hai người đặt tên con mình là Friedrich," người linh mục già nói.

Tôi hứa sẽ làm thế. Thời tiết đang thay đổi, nên có lẽ cuối cùng số phận cũng mỉm cười với chúng ta; kể từ khi rời khỏi Mainz, chúng ta đã luôn cầu nguyện bão tuyết sẽ ập tới để xóa dấu vết. Huynh trưởng Heinrich kéo chặt chiếc áo khoác của mình và trùm chiếc áo tơi của cha Sunder lên ngoài, như một lớp áo phòng thêm để chống lại cái lạnh. Ông tạm biệt chúng ta rồi chìm dần vào trong mưa tuyết, những bước chân loạng choạng không vững; và vài phút sau ông đã đi khuất. Thứ cuối cùng đọng lại trong mắt tôi là hình thêu phía sau chiếc áo tơi của cha Sunder, ấy là cảnh đại thiên thần Michael và các thiên thần khác đang chiến đấu chống lại con rồng trong Khải huyền và bị nuốt chửng trong tuyết trắng.

Cây cung của Brandeis giờ đã trở nên vô dụng với anh ấy, vì thế anh đã ấn nó vào tay tôi dù tôi cự rằng tôi không muốn cầm nó. Anh nói với tôi rằng tôi không phải dùng nó để tấn công ai cả nhưng tôi phải cầm nó, để phòng bất trắc, và anh cương quyết không cho tôi đi mà không cầm nó theo. Tôi chỉ đồng ý vì anh đã quá cứng rắn.

Anh dạy qua cho tôi cách giương cung và ngắm mục tiêu. "Em để nó tựa vào vai mình, thế này này, và đây là cách em đưa mục tiêu vào tầm ngắm. Em giữ chắc vũ khí bằng cách thở chậm lại. Hít vào, thở ra, hít vào, thở ra. Từ tốn. Ngắm. Tin vào mũi tên. Thở ra. Thả tay."

Anh đặt cây cung vào cái bao đeo bên sườn ngựa và mở áo khoác của tôi ra để đặt một tay lên cái bụng đang phập phồng của tôi. Anh dùng tay còn lại luồn sợi dây có xỏ đầu mũi tên lên cổ tôi. "Để làm bùa hộ thân. Và em cần nó nhiều hơn anh. Em có thể trả nó lại cho anh khi chúng ta gặp lại nhau, vì anh hứa rằng tình yêu của chúng ta sẽ không kết thúc như thế này đâu."

Rồi anh phát vào ngựa của tôi để bắt nó chạy đi. Tôi nhoài người lại nhìn anh lần cuối, anh đứng đó nhìn tôi phóng ngựa đi trước khi dồn mọi sự chú ý vào con đường sẽ đưa tôi và đứa con chưa chào đời của chúng ta ra khỏi vòng nguy hiểm.

Tuyết cuộn xoáy trước mặt tôi. Tôi cố hình dung chuyện gì sẽ xảy đến với anh. Có bao nhiêu tên lính đánh thuê sẽ đến chứ? Một tá? Hai tá? Tôi nghĩ rằng điều đó còn phụ thuộc vào việc chúng có đang đánh thuê cho một vị lãnh chúa nào đó, ở một nơi nào đó không. Hay Kuonrat sẽ mang tất cả lính của mình tới, để chúng có thể thấy chuyện gì sẽ xảy ra với những kẻ đào ngũ? Tôi lo lắng không biết liệu có cơ hội nào cho anh trốn thoát không. Tôi đã biết tài bắn cung của anh nhưng với số lượng đông như vậy... Sao anh có thể trốn được khỏi cái quá khứ cứ quyết bắt anh phải trả giá? Gió nổi lên, tuyết trắng đến lóa mắt. Giá rét xuyên qua quần áo, thấu vào tận xương tủy.

Tôi không thể làm thế. Tôi không thể đi mà không có anh. Tôi thật ngốc nghếch khi nghĩ mình có thể rời bỏ anh, ngay khi anh cần tôi nhất. Đi được nửa giờ thì tôi quyết định quay ngựa và dồn hết sức bình sinh phóng thẳng lại nơi tôi đã đi qua. Tôi chỉ mong rằng không quá muộn.

Tìm lại đường giờ là một việc rất khó khăn, nhưng tôi biết tất cả mọi con đường dẫn tới nhà của Heinrich. Tuy thế, khi chỉ còn khoảng hơn trăm mét nữa, tôi không thể thấy được nó trong cơn bão đang cuồng loạn gào thét. Nhưng rồi tôi nghe thấy tiếng của rất nhiều người, theo gió bay đến tai tôi, vậy là tôi biết trong khoảng thời gian mình rời đi, bọn condotta đã tới. Vấn đề duy nhất là không biết anh và Brandeis đã thoát được hay chưa.

Tôi thúc ngựa lên rặng đồi trông xuống ngôi nhà, lẩn vào bụi rậm tôi đã từng dùng làm nơi chơi trốn tìm khi còn nhỏ. Tôi thậm chí không nghĩ rằng có thể sẽ có lính luẩn quẩn ở đó; tôi đã rất may mắn khi chỉ có một mình. Tôi luồn vào một bụi cây nơi có thể buộc tạm con ngựa vào một nhành cây rủ xuống gần đó, và tìm một chỗ có thể nhìn được chuyện gì đang xảy ra ở dưới. Tôi biết với cơn bão tuyết này, tôi chắc chắn sẽ không bị phát hiện.

Gần như ngay lập tức tôi thấy điều tôi lo sợ nhất: anh đã không trốn thoát được, và bọn lính đang lôi anh ra khỏi nhà. Một giọng sang sảng cất lên giữa gió bão. Đó là Kuonrat Háo Danh, cười sung sướng trước sự may mắn của mình. "Không phải một kẻ đào ngũ, mà là hai! Hai cơ đấy!"

Bọn lính bẻ quặt tay anh ra sau lưng rồi đẩy anh quỳ sụp xuống đất. Kuonrat bước tới trước một bước rồi đặt tay lên cằm anh, bắt anh ngẩng đầu lên để buộc anh phải nhìn vào mắt hắn. Vẫn tiếp tục cười, hắn nhìn như thể đang cố thuyết phục bản thân rằng hắn thực sự đã rất may mắn. Một bóng ma được mang đến từ nơi xa xôi nhất trong ký ức của hắn. Một bóng ma hắn có thể dùng để dạy những kẻ còn sống một bài học.

Tôi có thể làm được gì? Tôi nghĩ đến việc lấy cung ra bắn. Trong bão tuyết, bọn lính sẽ không thể biết được có mũi tên đang bay đến cho tới khi quá muộn, và chúng thậm chí cũng không thể biết được nó bay đến từ đâu. Nhưng làm thế thì ích gì? Bọn chúng có ít nhất hai mươi tư tên, đều là những kẻ giết thuê, và tôi chưa bao giờ sử dụng cung tên trong đời. Tôi có thể may mắn hạ được một tên. Nhưng, tôi nghĩ, nếu tôi có thể ngắm thành công, chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi bắn trúng Kuonrat? Liệu bọn lính có tán loạn lên khi chúng thấy thủ lĩnh của mình bị hạ không?

Dĩ nhiên không. Chúng đều là dân chuyên nghiệp và tôi cũng biết mình không có gan giết ai cả, kể cả Kuonrat.

Phải mất mấy tên lính mới ghìm được anh xuống đất, nhưng Brandeis đã yếu đến nỗi chỉ hai tên đã dựng được anh ấy dậy. Khi chúng thả anh ấy ra, anh ấy đổ sụp xuống đất trong khi Kuonrat hất hàm hỏi, "Ngươi có gì để nói không?"

Những trận gió tuyết khắc nghiệt lướt qua chúng, phóng thẳng về phía tôi, mang những lời chúng nói đến nơi trú ẩn của tôi. Có thể nghe được những gì chúng nói là may mắn hay bất hạnh, tôi không chắc được, nhưng lúc đó tôi đã rất biết ơn vì mình không phải lẻn đến nấp gần bọn chúng hơn.

Brandeis mang dáng vẻ của một kẻ tội đồ khốn khổ đang cầu xin tha thứ và cơn gió đã mang những lời anh ấy nói đến tai tôi. "Anh muốn giết tôi kiểu gì tùy thích. Bằng mọi hình thức khủng khiếp anh muốn, bằng mọi hình thức khủng khiếp anh có thể đưa ra. Lấy tôi mà làm gương. Tôi thừa nhận mình đã bỏ trốn khỏi đội condotta. Tôi chỉ là một đứa trẻ run sợ. Tôi chỉ cầu xin anh trừng phạt tôi, và chỉ mình tôi mà thôi."

"Nghe trò ngã giá của những kẻ chẳng có gì để đánh đổi mới thú vị làm sao," Kuonrat vừa cười sằng sặc vừa nói.

Brandeis cương quyết không để tràng cười này ảnh hưởng đến những việc làm cuối cùng của anh ấy trên trần gian. Tên đao phủ đang đứng trước mặt anh nhưng Brandeis không một lần cầu xin cho mạng sống của chính mình. Không, anh ấy dùng những giây phút cuối cùng của mình để tha thiết cầu xin cho mạng sống người bạn thân nhất của anh ấy.

Brandeis chỉ ra rằng khi anh ấy rời đội condotta, đó hoàn toàn là một quyết định sai lầm của chính bản thân anh ấy - nhưng khi anh rời đi, thì đó lại chẳng phải một quyết định gì cả. Ý của Chúa đã làm anh bị trọng thương trên chiến trường, chứ không bị giết. Ý của Chúa đã khiến trận đánh diễn ra quá gần Engelthal và anh đã được đưa đến đó. Ý của Chúa giúp anh lành những vết thương lẽ ra đã có thể lấy mạng anh. Không có bằng chứng nào thể hiện việc Chúa muốn anh sống, Brandeis lý luận, đanh thép hơn cái sự thật là hiện tại anh vẫn sống cả.

Brandeis chỉ về phía anh. "Sinh mạng này còn giữ được là do ý Chúa, vì thế hãy tha thứ cho tội lỗi của anh ấy và nhân đôi tội của tôi. Tôi biết anh là một vị chỉ huy thông thái và công bằng, Kuonrat, và tôi biết rằng anh cũng không muốn kháng lại ý Chúa đâu."

Lặp đi lặp lại rằng việc anh sống sót là do ý Chúa là một chiến thuật rất thông minh. Nếu có bất cứ điều gì có thể giúp anh khỏi bị hành hình, thì đó chính là niềm tin của Kuonrat rằng giết anh sẽ mạo phạm đến mong muốn của Chúa. Rõ ràng hắn chẳng coi con người ra cái gì, nhưng có lẽ Chúa lại là chuyện khác.

Cơn bão quét tuyết bay tứ tán khắp vùng. Theo bản năng, Brandeis quay mặt đi để bảo vệ mắt và tôi thấy một vệt sáng bạc lóe lên, như thể cánh tay Kuonrat đã được kéo dài ra. Một dòng máu đỏ bắn ra khắp nơi trên mặt đất và đầu của Brandeis văng trong không trung vài mét rồi bị lực hấp dẫn kéo rơi độp xuống đất.

Kuonrat lau sạch thanh kiếm của hắn, lưỡi thép vẫn còn bốc khói với dòng máu nóng. "Ý Chúa chẳng là gì. Ý ta mới quan trọng."

Hắn quay lại, vừa nói vừa cười vào khuôn mặt đang choáng váng của anh, rằng hắn có trò hay hơn dành cho anh. Một trò không quá đau đớn và cũng không quá nhanh chóng đâu. Xét cho cùng, sự biến mất của anh cũng lâu hơn của Brandeis rất nhiều.

Kuonrat gọi lũ lính của mình lại và giao nhiệm vụ cho chúng. Một phần ba trong số chúng phải đi vào rừng kiếm củi và cành khô. Một phần ba khác sẽ đến nhà Heinrich để lục lấy bất cứ đồ vật có giá trị nào - thức ăn, tiền bạc, quần áo - mà bọn lính có thể đem đi đổi chác được. Nhóm quân còn lại nhận lệnh chuẩn bị xử anh.

Những tên lính lôi anh qua xác của Brandeis. Máu vẫn rỏ ra từ cổ anh ấy, hòa vào đống tuyết đỏ rực. Bọn lính kéo anh đến chỗ nhà Heinrich, dựng anh dựa vào bức tường. Chúng đá vào mắt cá chân anh cho đến khi anh buộc phải giạng chân ra, và dang hai tay anh đến gần hết chiều rộng của ngôi nhà. Khi anh cố chống cự lại, chúng đã đánh, tát vào mặt anh và cười như thể đây chỉ là một trò đùa quái dị nào đó.

Một tên lính, cao to hơn tất cả những tên còn lại, tiến về phía anh với cái rìu trên tay. Tim tôi như nẩy lên và nghẹn lại trong cổ họng, vì tôi chắc chắn rằng hắn sắp chặt chân tay anh. Nhưng không phải vậy. Những tên lính khác, những tên đang giữ tay anh, cố kéo mấy ngón tay đang nắm chặt thành nắm đấm của anh cho đến khi lòng bàn tay anh lộ ra. Một tên lính đang cầm cái gì đó đâm vào bàn tay phải của anh. Tên lính cao to xoay cán rìu lại, và tôi nhận ra cái vật đó là một cây đinh. Hắn dùng phần cùn của chiếc rìu như một cái búa gõ cây đinh đâm sâu vào lòng bàn tay anh. Dù đã ở xa đến thế, tôi vẫn nghe được tiếng xương bàn tay anh gãy vụn như tiếng xương cổ gà bị bẻ gãy. Anh rú lên và điên cuồng giật tay ra, cố kéo tay ra khỏi bức tường, nhưng nó bị đóng quá chặt. Chúng tiếp tục làm thế với bàn tay trái của anh, một cái đinh nữa đóng xuyên qua lòng bàn tay, một vệt máu nữa lại bắn lên tường. Vai anh run lên yếu ớt và tất cả những mạch máu trên cổ anh trông như thể sắp nổ tung đến nơi.

Tiếp theo, những tên lính cố giữ chặt chân anh, nhưng anh vùng vẫy điên dại vì quá đau đớn. Vì thế tên cầm rìu giơ phần rìu sắc nhọn lên và phang nó thẳng vào đầu gối anh nơi dây chằng nối với xương. Đùi anh vẫn chưa đứt hẳn nhưng cẳng chân anh đã trở nên vô dụng, treo lủng lẳng như thể nó chỉ được gắn vào người anh bằng những sợi dây thừng gần như sắp đứt rời ra. Những tên lính cười phá lên, lại một trò hay ho nữa, và tay anh vẫn tiếp tục nhỏ máu xuống dọc bức tường.

Chúng tóm lấy mắt cá chân anh, việc này giờ đã trở nên dễ dàng một cách kỳ cục, đâm đinh qua bàn chân anh khiến anh bị đóng cứng vào bức tường cách mặt đất tuyết phủ đến hơn hai mét. Tiếng xương bàn chân anh bị gãy, những chiếc xương ấy mới thật mỏng manh yếu

đuối làm sao, thật quá sức chịu đựng, và máu, máu ở khắp mọi nơi. Anh trông như đang bay lên, với hai tay làm điểm tựa; giờ anh trông không khác gì một bóng ma, trôi trên nền ngôi nhà. Chúng muốn dùng chính sức nặng của anh để treo anh lên, vì làm thế sẽ gây cho anh nhiều đau đớn hơn. Chúng thích thú nhìn những cây đinh yếu ớt không thể chống đỡ được sức nặng của anh, và chúng thích thú đóng những cây đinh mới vào cẳng tay anh để anh không rơi khỏi bức tường. Máu chảy dần khỏi cơ thể anh còn thi thể không đầu của Brandeis nằm trên tuyết đỏ, vệt máu loang càng lúc càng rộng, và đỏ hơn, còn những cột khói, những cột khói cứ thi nhau bốc lên. Tôi lấy cung tên ra khỏi chỗ giấu trên lưng ngựa và bước một bước về phía cảnh rùng rợn ấy, muốn chạy ngay xuống đồi để đến với anh, nhưng sợi dây rốn của đứa con chưa ra đời của chúng ta đã kéo tôi lại, tôi nhận ra mình chẳng thể làm được gì cả. Cây cung treo lủng lẳng trên tay tôi, thật vô dụng khi ở cạnh tôi, tiếng tim tôi đập lớn đến nỗi tôi tin bọn lính ở xa kia cũng có thể nghe thấy. Cả những tiếng khóc mà tôi không thể nén lại được nhưng một phần trong tôi chẳng thèm quan tâm và một phần khác thậm chí còn muốn bị bắt, muốn được chết, vì giờ đây tôi còn sống để làm gì nữa? Nhưng chúng đã không thể nghe thấy tôi, gió vẫn mang tiếng khóc và tiếng tim đập của tôi đi, nhưng chúng còn đang quá bận cười theo nhịp máu rỏ của anh, và tôi không thể làm được gì nếu không hy sinh mạng sống của con chúng ta.

Giờ những tên lính được cử đi tìm củi đã quay lại và Kuonrat chỉ vào chỗ đất dưới chân anh. Chúng xếp củi ngập lên quá đầu gối của anh. Và tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Gió giật và tuyết quất làm việc nhóm lửa trở nên rất khó khăn, nhưng lính đánh thuê là những kẻ đã quá quen cuộc sống hoang dã rồi, nên chúng biết cách cúi thấp người để làm hàng rào cản gió. Rất nhanh chóng, một tia lửa lóe lên và những cành củi khô bắt đầu âm ỉ cháy, khói bốc lên và tôi có thể nghe thấy tiếng nhựa cây bén lửa nổ tí tách, nó làm tôi nhớ đến bàn tay cùng bàn chân gãy nát của anh. Những ngọn lửa nhỏ dần trườn về phía các ngón chân anh nhưng anh không thể kéo chúng ra chỗ khác được, chúng vẫn bị đóng đinh chặt vào tường. Rồi Kuonrat ra lệnh cho đám lính cầm cung lên, châm lửa vào mũi tên, bọn chúng liền làm theo, khi những đầu mũi tên đã ngập trong lửa, chúng đứng thành hình bán nguyệt và đồng loạt ngắm về phía anh. Kuonrat nói rằng nhiệm vụ của chúng không phải là bắn chết anh mà ngắm sao cho mũi tên càng gần anh càng tốt, trò chơi là như thế, mục tiêu là châm lửa cho bức tường cháy và dần dần thiêu đốt anh từ mọi phía thay vì chỉ từ dưới lên. Nhưng rồi Kuonrat nghĩ ra một ý hay hơn và đổi ý bảo bọn lính rằng chúng có thể bắn vào anh cũng được, miễn là không vào những chỗ hiểm - xé rách chân tay anh cũng không sao, nhưng bắn vào đầu hay ngực anh thì không được và giọng của hắn tràn ngập sự sung sướng, tự mãn trước sự thông minh xuất chúng của mình, bọn xạ thủ giương cung lên và bắt đầu vừa bắn vừa gọi tên các bộ phận cơ thể anh - "Tay trái!" "Chân phải!" "Đùi trên!" - và chúng đã bắn rất chuẩn, chúng hầu như luôn trúng vào những bộ phận được gọi tên. Khi một mũi tên trúng đích, tất cả bọn chúng reo hò hưởng ứng, và nếu một mũi tên trật mục tiêu, hết thảy đều chửi đổng lên, như thể đó chỉ là một trò chơi trong lễ hội, và lửa dưới chân anh ngày

càng lan rộng ra, những ngọn lửa mới bùng lên khắp xung quanh người anh, bốc cháy với mỗi mũi tên được bắn ra.

Giữa những tiếng reo hò sung sướng của bọn lính đánh thuê, Kuonrat gào lên tiếng chào vĩnh biệt dành cho anh. "Tất cả mọi thứ sẽ cháy nếu lửa đủ nóng. Thế giới chỉ là một lò lửa đang hừng hực cháy."

Và rồi tôi đã biết mình phải làm gì.

Tôi lần tay vào trong lớp áo khoác, tìm chiếc vòng cổ của mình, tôi nắm chặt lấy đầu mũi tên đã được cha Sunder ban phước, và tôi cầu xin sức mạnh.

Tôi nâng cây cung lên. Tôi cố gắng nhớ lại bài học anh đã dạy. Mọi bí quyết đều nằm ở cách thở, anh đã nói thế, em hãy giữ chắc vũ khí bằng cách thở chậm lại. Hít vào, thở ra, hít vào, thở ra. Từ tốn. Ngắm. Tôi kiểm tra lại lần nữa xem mũi tên đã được lắp đúng chưa. Tôi biết mình sẽ chỉ có một lần bắn tên duy nhất, lần bắn tên đầu tiên và cũng là cuối cùng của tôi. Cách thở là quan trọng nhất. Tin vào mũi tên. Thở ra.

Tôi cầu Chúa giúp đưa mũi tên bay thẳng và trúng mục tiêu, đâm vào chính giữa ngực anh, xuyên qua cơn bão tuyết và bọn lính condotta.

CHƯƠNG 35

hoảng thời gian giữa Giáng sinh và lễ Valentine là lúc Marianne Engel ngừng tạc tượng.

Chỉ có đúng một buổi chiều cuối tháng Một là cô đi xuống tầng hầm để hoàn thành nốt gargoyle cô đang tạc dở khi ngất xỉu và được đưa tới bệnh viện. Khi nhiệm vụ nhỏ nhặt này được hoàn tất, nhanh gọn và không chút kịch tính, cô trở lại tập trung nghỉ ngơi dưỡng sức - và quay lại chuẩn bị các bữa ăn.

Kể từ khi tôi được ra viện, cô mới chỉ nấu một bữa ăn cực kỳ thịnh soạn có một lần: đồ ăn Nhật, vào đêm kể câu chuyện của Sei. Nhưng cứ độ ba hay bốn ngày, cô sẽ lại đi chợ và biến mất vào trong bếp hàng giờ liền. Mỗi lần hiện ra, cô lại mang theo cả một lô đặc sản từ một vùng nào đó trên thế giới.

Trong số những món đáng chú ý phải kể đến món ăn Senegal, đặc sản quý hiếm chẳng thuộc châu Á cũng không thuộc châu Âu. Về các món khai vị thì chúng tôi sẽ có thịt rán nhồi đậu đen và quả mã đề nướng, tiếp theo là món xúp sữa gạo gọi là sombi. Các món chính: thịt gà Yassa, thịt gà ướp gia vị để qua đêm rồi được ninh với hành trộn nước xốt mù tạt tỏi chanh; ceebu jen, cá rưới nước xốt cà chua và rau, đặt trên một nắm cơm, món ăn quốc hồn quốc túy của Senegal; mafé, món thịt trộn xốt đậu phộng có thể được chế biến cùng thịt gà, thịt cừu, hoặc thịt bò - thế là, dĩ nhiên, cô làm cả ba loại luôn; và một món hải sản hầm với tôm hùm, cá pecca và chuối xanh. Với món tráng miệng, cô có Cinq Centimes, món bánh quy đậu phộng "năm xu" rất phổ biến ở các siêu thị, và ngalax, cháo đường hạt kê nước thịt. Trong suốt bữa ăn chúng tôi nhấm chút nước xoài, nước bissap và nước cây bao báp, trước khi kết thúc với trà. Và cùng với việc thưởng thức những món ăn thịnh soạn Marianne Engel chuẩn bị, điều làm tôi hạnh phúc nhất là đôi cánh thiên thần xăm trên lưng cô đã bắt đầu trông có da có thịt hơn vì được hấp thụ đủ calo.

Mọi việc đều có vẻ rất tốt đẹp với tất cả mọi người, ít nhất cũng trong thế kỷ này: Marianne Engel đang hồi phục sức khỏe; Sayuri nói chuyện về chuyến thăm tốt đẹp đến nhà bố mẹ Gregor; và Gregor rủ rỉ qua những cốc cà phê là ông ta gần như chắc chắn Sayuri thích mình. Cả Bougatsa cũng rất hài lòng, vì nó lại tiếp tục được đi dạo hằng ngày với cô chủ.

Bình thường vào nửa đêm, Marianne Engel và tôi sẽ cùng nhau đi ra biển. Bất chấp giờ giấc và cái lạnh thấu xương, vẫn luôn có vài đứa nhóc tụ tập trên bãi biển, uống bia và hôn hít. Cô sẽ đốt một đống lửa trại, khêu khêu cho tàn tro bốc lên trời, và lấy thức ăn từ trong chiếc giỏ picnic cô luôn chuẩn bị sẵn, thường là với những món còn lại của bữa tiệc quốc tế thịnh soạn hôm trước. Cô đốt lửa để giúp tôi giảm bớt nỗi sợ lửa; cô nói rằng tôi nên cố hòa mình vào những lực lượng tự nhiên. Xét cho cùng, chúng cũng vẫn cứ tồn tại thôi.

Tôi không thể nhìn vào ngọn lửa mà không nghĩ gì, nhưng tôi ngạc nhiên vì tôi đã nghĩ về số phận của chính mình trong cái xe ô tô đó ít hơn là về phiên bản bị đóng đinh vào tường rồi

thiêu trong lửa hồi thế kỷ mười bốn của tôi. Tôi nài nỉ Marianne Engel tiếp tục câu chuyện nhưng cô bắt tôi phải kiên nhẫn, trích thêm những câu vô nghĩa về những tháng ngày đơn độc giữa cõi vĩnh hằng mênh mông. Thay vì thế, cô lại kể cho tôi nghe những câu chuyện khác mà tôi biết chắc là không có thật, huyền thoại trận Armageddon, nhưng tôi không quan tâm. Cô tin chúng có thật, thế là đủ.

Rồi cô sẽ phóng tầm mắt ra giữa đại dương, duỗi chân về phía biển, và than thở trời vẫn chưa đủ ấm để đi bơi. "Ồ, ừ," cô nói, "Tôi nghĩ là mùa xuân cũng sẽ đến nhanh thôi."

Bộ quần áo tạo áp suất của tôi đã được lột ra vào đầu tháng Hai, và cảm giác giống như vừa thoát ra khỏi cái vũng lầy tôi đã phải bơi trong đó suốt gần một năm vậy. Mặt nạ và cái chỉnh hàm cũng được tháo ra và mặt tôi cuối cùng đã trở lại với chủ nhân của nó, dù không thể nào nhận ra được đó là khuôn mặt từng là của tôi trước đây.

Tôi đã trải qua cảm giác rùng mình khiếp đảm khi bắt đầu lại. Chẳng dễ dàng gì với ngoại hình hiện tại của tôi: trong văn hóa quần chúng, người ta chỉ có thể thấy khuôn mặt như của tôi ở Bóng ma trong nhà hát Opera, ở Freddie Krueger từ phố Elm, hay ở Leatherface từ sâu trong lòng Texas. Chắc chắn một điều, một nạn nhân bỏng vẫn có thể "kiếm được một em xinh tươi" - nhưng thường là phải dùng đến dụng cụ hỗ trợ là cái cuốc chim.

Tôi miễn cưỡng coi khuôn mặt này là của mình, nhưng đây chính là lý do tôi phải làm thế: nếu tôi không làm thế, khuôn mặt tôi sẽ coi tôi là của nó. Có một câu sáo ngữ là vào năm hai mươi tuổi thì người ta sẽ sở hữu khuôn mặt mà Chúa ban cho họ, nhưng đến năm bốn mươi tuổi thì người ta sẽ sở hữu khuôn mặt mà người ta đáng được sở hữu. Nhưng nếu khuôn mặt và tâm hồn hòa quyện với nhau để khuôn mặt có thể phản ảnh được tâm hồn, chắc chắn sẽ có cái hệ quả là tâm hồn cũng có thể phản ảnh được gương mặt. Như Nietzsche đã viết: "Các nhà tội phạm học nói cho chúng ta biết rằng loại tội phạm điển hình thì luôn rất xấu xí:monstrum in fronte, monstrum in animo (một con quái vật trong vẻ ngoài, một con quái vật trong tâm hồn).

Nhưng Nietzsche sai rồi. Tôi bẩm sinh đã rất đẹp và tôi đã sống với một diện mạo đẹp trong ba mươi năm tròn, và trong suốt thời gian đó tôi chưa bao giờ cho phép tâm hồn mình biết yêu là gì dù chỉ một lần. Làn da không tì vết của tôi là một chiếc áo giáp lạnh lẽo dùng để quyến rũ phụ nữ bằng vẻ hào nhoáng, trong khi đè nén mọi cảm xúc và cố gắng bảo vệ người mặc nó. Những hành động nóng bỏng nhất chỉ mang tính kỹ thuật: tình dục chỉ là hoạt động thể xác đơn thuần; chinh phục là một sở thích; cơ thể tôi luôn được đem ra sử dụng, nhưng hiếm khi được thưởng thức hạnh phúc đúng nghĩa. Tóm lại, tôi sinh ra với tất cả những lợi thế mà một con quái vật không bao giờ có, và tôi đã chọn việc coi khinh tất cả những thứ đó.

Giờ áo giáp của tôi đã bị tan chảy và thay thế bởi một vết thương lở loét. Lằn ranh đẹp đẽ tôi dùng để ngăn cách mình với mọi người đã biến mất, được thay thế bởi một hàng rào mới -

sự xấu xí - khiến tất cả mọi người đều tránh xa khỏi tôi, dù tôi có thích thế hay không. Ai đó có thể nghĩ rằng kết quả cũng y như nhau thôi, nhưng không hẳn thế. So với trước đây, giờ tuy chỉ có rất ít người xung quanh tôi nhưng họ lại là những người tốt đẹp hơn rất nhiều. Khi những người đã từng kết giao với tôi liếc tôi một cái ở phòng điều trị bỏng rồi đi luôn, họ đã mở rộng cánh cửa cho Marianne Engel, Nan Edwards, Gregor Hnatiuk, và Sayuri Mizumoto.

Sự đời xoay chuyển mới bất ngờ làm sao: chỉ sau khi làn da của tôi bị thiêu thì tôi mới có được khả năng cảm nhận. Chỉ sau khi tái sinh trong một hình thù xấu xí thì tôi mới thấu hiểu chút ít những gì trái tim có thể làm được: tôi chấp nhận khuôn mặt ác quỷ và cơ thể quái dị bởi vì chúng bắt tôi phải vượt qua những hạn chế của con người tôi, trong khi cơ thể cũ lại cho phép tôi giấu chúng đi.

Tôi không phải và sẽ không bao giờ là một người anh hùng, nhưng tôi đã trở nên tốt đẹp hơn tôi trước đây. Hay ít nhất đó cũng là những gì tôi tự nhủ; và lúc này đây, thế là đủ.

Marianne Engel bước vào phòng tôi vào hôm mười ba tháng Hai, lúc nửa đêm, và cầm tay tôi dẫn đi. Cô đưa tôi xuống cầu thang và đi ra ngoài qua cửa sau. Ngoài trời tuyết đang rơi khiến những bức tượng quái vật bừa bãi cả sân sau trông như đang đội mũ trùm đầu màu trắng.

Cô mở cánh cổng dẫn chúng tôi ra nghĩa trang phía sau nhà thờ thánh Romanus. Những bia đá trông không khác gì mấy cái lưỡi xám xịt nhô lên khỏi các ụ tuyết nhìn chúng tôi rón rén đi qua chúng để đến điểm trung tâm của nghĩa trang, nơi cô đã trải sẵn một tấm chăn bằng da ngựa. Trên đầu chúng tôi, mặt trăng như một cái mụn rực lên giữa ngàn sao. Marianne Engel cố thắp nến nhưng những ngọn gió cứ thổi tắt hết diêm của cô đi, và cô cười phá lên trước chuyện này. Cô kéo chặt áo khoác quanh người. Tôi ghét cái lạnh nhưng tôi thích được ở gần cô.

"Tôi đưa anh tới đây để nói với anh vài điều," cô nói.

"Điều gì?"

"Tôi sắp chết rồi."

Không, cô sẽ không thế đâu. "Sao cô lại nói vậy?"

"Tôi chỉ còn mười sáu trái tim nữa thôi."

"Cô sẽ sống tới già cơ," tôi trấn an cô.

"Tôi đã già rồi," cô cười mệt mỏi. "Tôi nghĩ lần này, thần chết sẽ mang tôi đi."

"Đừng nói thế. Cô sẽ không chết đâu." Cô sẽ không chết đâu.

Cô đặt tay lên má tôi. "Trái tim cuối cùng của tôi luôn luôn dành cho anh, vì thế tôi muốn anh chuẩn bị sẵn."

Tôi đang định nói với cô rằng cô chỉ toàn nói năng linh tinh, nhưng cô đã đặt một ngón tay lên môi tôi. Khi tôi cố nói bằng mọi giá, cô đã hôn lên đôi môi mỏng dính của tôi và tất cả những từ ngữ định nói ra đã bị đẩy lại vào trong miệng.

"Tôi không muốn chết," cô thì thầm, "nhưng tôi cần phải vứt gánh nặng của hàng trăm trái tim này đi."

"Chỉ là... cô đang gặp phải tình trạng bệnh lý thôi." Tôi băn khoăn không biết mình thương cảm cô ngần nào do cô bị tâm thần phân liệt và yêu mến cô bao nhiêu dù cô có mắc bệnh hay không. "Tôi biết cô không muốn tin vào điều đó, nhưng đó là sự thật...."

"Những điều anh tin mới ít làm sao, và để anh tin mới mất nhiều công sức thế nào," cô nói. "Nhưng anh sẽ tin thôi. Giờ hãy đi vào trong nào."

Cái cách cô nói chúng tôi sẽ đi vào trong đầy cả quyết và chắc chắn, làm tôi không khỏi lo lắng chuyện xấu nhất có thể xảy ra. "Tại sao?"

"Vì ngoài này lạnh như băng ấy," cô nói, và vẻ nhẹ nhõm của tôi rõ đến nỗi có thể nhìn thấy được. "Đừng lo lắng, tôi không định chết tối nay đâu. Chúng ta vẫn còn nhiều việc phải làm."

"Ví dụ?"

"Ví dụ như giúp anh bỏ thuốc kích thích." KHÓ LẮM. Cô nói, "Anh thực sự nghĩ tôi không biết anh đang mua thêm morphine à?"

Buổi sáng hôm đó, ngày Valentine, khi thức dậy, tôi đã nhìn ngay vào cái hộp gỗ nhỏ cất quỹ đen để mua morphine của mình và thấy nó trống rỗng. Tôi lật đật đi vào phòng ngủ của Marianne Engel, nơi cô đang nằm bất động. Tôi lắc mạnh vai cô và khi cô mở he hé mắt ra, tôi liền hỏi hộp thuốc của mình đang ở đâu.

"Trèo lên giường với tôi. Anh sẽ ổn thôi."

"Cô không hiểu. Có một con rắn trong xương sống của tôi..."

"Anh chàng ngốc nghếch," cô nói. "Anh cần biết không nên nghe lời bọn rắn. Chúng toàn nói dối thôi."

"Cô đã không cho tôi đủ thời gian để thích ứng với ý tưởng đó," tôi nài nỉ. "Ngày mai, tôi sẽ bỏ, nhưng cho tôi một ngày..."

TA ĐÃ GẦN ĐẾN ĐÂY RỒI...

"Chịu đựng là một bài tập tốt cho tâm hồn."

"Không phải thế!"

"Nếu anh không thể yêu được nỗi đau" - cô cố xoay chuyển tình thế - "ít nhất anh cũng có thể yêu được những bài học nó dạy cho mình."

... VÀ NGƯƠI CHẲNG THỂ...

Tôi thà cứ vô học còn hơn. "Tôi có thể điền lại đơn thuốc của mình và..."

"Tôi giật nó trôi xuống toilet rồi," cô trả lời, "và bác sĩ Edwards sẽ không điền lại đơn đâu. Tôi cũng đã đóng băng tài khoản của anh rồi, vì thế anh chỉ còn cách cướp tiền của tôi để mua thuốc kích thích ngoài đường, không thì trèo lên giường."

... CẢN ĐƯỢC ĐÂU.

"Ngủ đi," Marianne Engel nói. "Hãy cứ ngủ đi."

Morphine được sản xuất từ cây anh túc, Papaver somniferum, và được chiết xuất lần đầu tiên vào những năm đầu thế kỷ mười chín bởi y sĩ người Đức F.W.A. Serturner. Nó được đặt theo tên của Morpheus, vị thần của những giấc mơ trong thần thoại Hy Lạp, và tôi có thể chứng nhận rằng cái tên đó rất chuẩn xác. Morphine mang lại ảo giác và mê muội cho mọi hoạt động sống kể từ lần đầu được tiêm thẳng vào mạch máu tôi.

Dù chức năng chủ yếu của morphine là giảm đau, nó cũng có thể giảm nỗi sợ hãi và lo lắng, giảm đói và tạo cảm giác hưng phấn. Bất cứ khi nào tôi tiêm morphine vào người, nó cuộn trào trong cơ thể tôi những cảm giác ngọt ngào tuyệt hảo đến nỗi khiến cuộc sống của tôi dễ chịu hơn. Morphine cũng giúp làm giảm khát khao tình dục của tôi, điều mà, trong khi có lẽ không phải là tác dụng mong muốn cho hầu hết số đông, là món quà của thượng đế dành cho một người đàn ông không có dương vật nhưng vẫn còn duy trì khả năng sản xuất kích thích tố sinh dục nam. Tác dụng tiêu cực, tuy thế, tôi vẫn thường xuyên bị táo bón.

Nhưng điều morphine thực sự giúp tôi - chức năng tối quan trọng của nó - là khóa miệng con rắn lại, ít nhất là một lúc.

Khi mới đến ở với Marianne Engel, tôi đã dùng khoảng một nghìn milligram một ngày. Liều dùng của tôi theo thời gian đã trườn qua cả sức chịu đựng của tôi và cuối cùng, tôi hiện đang dùng morphine với liều lượng gấp bốn lần lúc đầu.

CHƯƠNG 36

GƯƠI BIẾT MÌNH ĐANG ĐI ĐÂU ĐẤY CHỨ?

Tôi thức tỉnh giữa bóng tối. Tôi tỉnh ngay lập tức, hai mắt mở thao láo, nhưng tôi chẳng nhìn thấy gì cả. Tôi có thể cảm nhận được nhờ các đặc điểm của thành phần không khí nơi đây (độ ẩm, độ đặc loãng) rằng mình đang ở trong một không gian kín. Không khí nặng nề đến nỗi gần như không thể thở nổi, với mùi gỗ mục, và tôi đang nằm ngửa. Một cảm giác ngột ngạt đáng sợ bao trùm lên tôi.

TA Ở ĐÂY RỒI.

Tôi có thể nghe được - không, cảm nhận được - sự sung sướng trong giọng nói của con rắn; mụ ta đang hạnh phúc với việc ký sinh trong xương sống của tôi hơn bao giờ hết. Morphine đã giúp kiềm chế mụ ta nhưng giờ đây, tại nơi này, cái rào chắn đó đã bị dỡ bỏ. Con rắn cuồng loạn ăn mừng.

NGƯƠI CHẲNG THỂ CẢN ĐƯỢC ĐÂU.

Tôi cố vươn hai cánh tay ra nhưng tay tôi chạm vào những rào chắn ở mọi phía, chỉ cách có độ chục phân. Gỗ phẳng và nhẵn. Gần một mét chiều rộng, gần hai mét chiều dài; kích thước cơ thể tôi. Đối với con người, chỉ có duy nhất một cái hộp có kích cỡ thế này.

NGƯƠI ĐANG NẰM TRONG QUAN TÀI.

Điều này không có thật. Tôi cố nhớ lại mọi thứ. Tôi đã biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu ngưng dùng morphine, vì thực sự tôi cũng đang trong tình trạng đó, không phải trong cái mộ tưởng tượng này. Tôi đã nghiên cứu, như một sinh viên khẩn khoản cầu nguyện bài kiểm tra sẽ bị hoãn lại, về việc cai nghiện. Đột ngột bỏ morphine không phải chuyện gì nguy hiểm đến tính mạng, như chuyện hay xảy ra với những loại thuốc gây nghiện khác, nhưng nó có thể gây ra những ảo giác kỳ lạ. Rõ ràng đây là một trong số những ảo giác ấy.

Có quá nhiều lý do để không tin vào chuyện này. Làm sao tôi có thể bị lôi ra từ phòng ngủ rồi bị chôn mà không hề hay biết? Nếu gỗ quan tài đã mục ruỗng đến mức này, làm sao tôi có thể ở dưới đất lâu đến thế? Làm sao trong đây vẫn còn có ôxy? Tất cả những chuyện này đều không thể xảy ra; vì thế, tôi chỉ đang bị ảo giác thôi.

Nhưng liệu những người bị ảo giác có đủ tỉnh táo để nhận ra điều đó không? Không phải tất cả mọi ảo giác đều được mặc định, theo nghĩa thông thường, là rất vô lý sao? Tôi không hề có cảm giác mình đã bị tách rời khỏi hiện thực; thực sự, chuyện này quá giống thực tế. Những người đang bị ảo giác có thể phân biệt chất lượng không khí không? Họ có nghĩ được là gỗ đóng quan tài mất bao lâu để mủn ra không, hay họ có nghĩ được bọn sâu bọ cần bao lâu để chui vào quan tài không? Nếu tôi thực sự đang chịu tác dụng của việc ngừng dùng

thuốc đột ngột, tại sao tôi lại không lên cơn thèm thuốc? Vì thế dù tôi biết rằng chuyện này không thể có thật, tôi vẫn phải băn khoăn vì sao tôi lại hỏi cái câu logic đến thế?

Tôi liền nhận ra ngay những con nghiện cố bỏ thuốc sẽ mất tỉnh táo y như kiểu những triệu phú vô lo vô nghĩ mất tiền của: dần dần, rồi độp một cái. Sau khi xem xét mọi thứ cẩn thận, tôi ngay lập tức mất luôn khả năng kiểm soát xem cái gì mới được coi là đối lập hoàn toàn với một khám phá bất ngờ: thay vì tất cả những suy nghĩ của tôi cùng xuất hiện rõ ràng, chúng cùng nhau bật khỏi trí óc tôi như những nạn nhân cố gắng thoát khỏi tâm chấn động đất vậy.

Dù rõ ràng không có chỗ để nạy nắp quan tài lên, tôi vẫn điên cuồng tung những cú đấm của mình ra xung quanh, đập vào miếng gỗ bị đè nặng dưới ba tấc đất. Tôi cào xé cho đến lúc móng tay của mình tứa ra và kêu gào cho tới khi không còn chút hy vọng nào trong cổ họng. Khi còn nằm viện, tôi tin rằng mình đã biết thế nào là sợ hãi khi chờ tới đợt cắt lọc tiếp theo. Nhưng đó chỉ là trò vớ vẩn; tôi chả biết gì cả. Tỉnh dậy trong một cái quan tài và biết rằng mình chỉ còn cách chờ chết? Đó mới là sợ hãi.

Sự chống trả quá khích chẳng thấm vào đâu của tôi đã tỏ ra rất vô dụng, dĩ nhiên. Vì thế tôi ngừng lại. Dù có thể phá được lớp gỗ này ra thì tôi vẫn cứ phải chết thôi, chỉ khác mỗi phương thức: thay vì chết do thiếu ôxy, tôi sẽ bị ngạt thở trong đống đất đang bao kín quan tài. Thiếu không khí còn hơn là bị đất đè cho chết ngạt. Và thế là, yên lặng bao trùm lên cái hộp của tôi như chiếc chăn đắp trên một thây ma. Không có gì để làm ngoài việc chờ đợi, tôi quyết định sẽ làm gì cho ra dáng một chút.

Tiếng thở của tôi vọng lại, như thể cỗ quan tài là một căn phòng tồi tàn nhỏ bé bằng bê tông. Tôi sẽ nghe cho tới khi không còn nghe được nữa, rồi hơi thở yếu ớt cuối cùng của tôi sẽ tan vào bóng tối. Tôi sẽ ra đi thật nhẹ nhàng, tôi hứa với bản thân mình như vậy, bởi vì tôi - sau tai nạn thảm khốc này - đã sống lâu hơn khả năng của mình rất nhiều.

Rồi tôi nhận ra rằng chuyện này ngu ngốc đến thế nào, nghĩ về cái chết khi đang bị ảo giác. Không vấn đề gì. Bình tĩnh tự tin. Tôi đã dạy cho Marianne Engel hồi ở Đức thế nào nhỉ?Mọi bí quyết đều nằm ở cách thở. Hãy giữ chắc vũ khí bằng cách thở chậm lại. Hít vào, thở ra, hít vào, thở ra. Từ tốn. Tôi là vũ khí, tôi tự nhủ; một vũ khí sống, được tôi luyện trong lửa, và không gì có thể cản lại được.

Và rồi. Tôi đã cảm thấy. Một cái gì đó. Và cái gì đó chỉ có thể diễn tả bằng một từ tôi không muốn dùng chút nào: kỳ-bí, một từ ngu ngốc tôi bắt buộc phải đem ra sử dụng vì, rất không may mắn, đó là từ duy nhất chính xác. Tôi cảm thấy một cái gì đó đang hiện hữu. Và nó đang ở ngay bên cạnh tôi. Một người phụ nữ. Tôi không hiểu tại sao mình lại biết đó là một phụ nữ, nhưng sự thật là thế. Không phải là Marianne Engel, vì tiếng thở không giống. Mãi đến lúc ấy tôi mới biết mình có thể nhận ra cô bằng nhịp thở, nhưng tôi đã làm được và đây không phải cô. Tôi đột nhiên nghĩ tiếng thở đó có thể xuất phát từ con rắn. Có lẽ mụ già đã

trườn khỏi xương sống của tôi để trực diện đối đầu với tôi. Rốt cuộc thì, chẳng ai có thể cứ nói sau lưng người khác mãi được.

Nhưng không, đây là một cơ thể người đang bình thản nằm cạnh tôi. Thật nực cười, vì quan tài - cái quan tài tưởng tượng - chẳng còn chỗ cho thêm một ai nữa. Tuy nhiên, để chắc chắn, tôi hích nhẹ vào lớp gỗ bên cạnh mình. Hơi thở của cô rất nhịp nhàng, không hiểu sao làm cho tôi cảm thấy rùng rợn.

Một bàn tay chạm vào tôi. Tôi hẩy ngay ra. Tôi ngạc nhiên thấy mình có thể cảm nhận được da thịt cô; tôi đã nghĩ thực thể này là một thứ gì đó phi vật chất. Những ngón tay của cô rất nhỏ nhắn nhưng cô vẫn đủ sức nắm lấy tay tôi.

Tôi cố tỏ ra can đảm trong khi đòi cô nói cho mình biết cô là ai, nhưng giọng tôi đã bị khản đặc. Không có câu trả lời. Chỉ có tiếng thở đều đều của cô. Tôi hỏi lại lần nữa: "Cô là ai?"

Ngón tay cô nắm chặt hơn một chút, đan vào ngón tay tôi. Tôi hỏi một câu khác. "Cô đang làm gì ở đây?"

Vẫn chỉ có tiếng thở nhẹ nhàng, đều đặn của cô. Với những câu hỏi không lời đáp, tôi đã cảm thấy bớt sợ hơn. Cách cô nắm tay tôi không còn đe dọa nữa, mà như đang trấn an tôi, rồi tôi nhanh chóng thấy mình đang bay lên, gần như thế - không, không phải gần như thế, mà chắc chắn là - đang bay lên. Lưng tôi bắt đầu nhấc khỏi đáy quan tài nơi tôi vừa nằm.

Tôi cảm thấy mình là một diễn viên trong trò ảo thuật bay với hai tay được giữ bởi một nhà ảo thuật. Tôi cảm thấy chúng tôi đang xuyên qua nắp quan tài, rồi xuyên qua lớp đất đá. Một quầng sáng màu cam lướt qua mí mắt tôi khi chúng tôi đến gần mặt đất, và tôi thậm chí còn không chắc mình còn thở không nữa.

Đất vỡ ra xung quanh khi tôi nhìn thấy ánh mặt trời, và màu cam đó rừng rực trước mắt. Tôi được nâng lên cao, cách vài phân so với mặt đất. Đất rớt khỏi ngực tôi và tôi có thể cảm thấy nó trượt xuống những dẻ xương sườn, rơi khỏi hông. Tôi đang trôi trong không trung mà không có chỗ nào để bấu víu; người phụ nữ đã không phá huyệt ra cùng tôi. Chỉ có một cánh tay của cô là trồi lên, kết nối tôi với mặt đất như sợi dây gắn với quả bóng bay. Tay cô giữ tôi trong thoáng chốc rồi thả ra và bị kéo lại vào trong mộ. Đó là lúc tôi nhận ra rằng cô không thể rời khỏi đó được: cô không phải là khách đến thăm quan tài của tôi, tôi mới là khách của cô.

Cơ thể tôi nằm trên một đống đất đá. Mắt tôi đã quen dần với ánh sáng. Tôi đang ở trên một ngọn núi và tôi có thể nghe thấy tiếng sông chảy róc rách gần đó. Thật thanh bình, chỉ trong giây lát, cho đến khi mặt đất dưới chân tôi lại bắt đầu rung chuyển. Trong giây phút hoảng loạn, tôi lo rằng người phụ nữ câm lặng đó đã quyết định kéo tôi lại xuống đất, nhưng chuyện xảy ra khác hẳn. Từ tứ phía, đất đá khẽ rung chuyển từng đợt, như những con chuột chũi dùng móng vuốt cào cấu để cố trồi lên mặt đất vậy.

Lúc đầu, chúng chỉ là những tia sáng lóe lên trong nắng. Nhưng rồi hình dạng thật của chúng bắt đầu hiện ra: những bông hoa, với những cánh hoa không màu. Khi nhìn gần hơn, tôi nhận ra rằng chúng được làm từ thủy tinh. Hoa loa kèn. Cả ngàn bông loa kèn thủy tinh nở khắp mọi nơi, với ánh sáng rực rỡ dường như tỏa ra từ chính chúng vậy.

Tôi rướn người bẻ một bông. Ngay khi tôi chạm vào, bông hoa đóng băng lại dưới ngón tay tôi. Biến từ thủy tinh thành băng, cả một nghìn bông hoa - như thể đều được gắn kết với nhau bởi một linh hồn - bắt đầu nổ tung ra thành từng mảnh nhỏ. Mỗi tiếng nổ là một từ được thoát ra, trong giọng thì thầm của một người phụ nữ, và tất cả hợp với nhau thành một bản giao hưởng nghe như tiếng của tình yêu thuần khiết. Aishiteru, aishiteru, aishiteru.

Những bông hoa loa kèn nổ tung rơi xuống núi như những quân cờ domino đổ ập về phía chân trời. Trong niềm hân hoan của câu hát Aishiteru vang vọng khắp bầu trời, ngọn núi rung lên dữ dội rồi sụp đổ, thành những bình nguyên trải ra mọi hướng. Chỉ vài giây sau khi chuyện này xảy ra, khắp xung quanh tôi những bông hoa vụn vỡ đã trở thành một cánh đồng băng trải dài ngút tầm mắt.

Tôi chăm chú nhìn cánh đồng băng hoang dại này và nó cũng tàn nhẫn nhìn thẳng vào tôi. Gió rét buốt như đến từ Nam Cực cứ quật liên hồi vào thân thể đang run bần bật của tôi. Giờ tôi mới nhận ra mình hoàn toàn trần trụi, không có gì trên người ngoài sợi dây chuyền mặt khắc hình thiên thần không bao giờ rời khỏi cổ tôi.

Ngôi mộ đã biến mất - dĩ nhiên, khi giờ đây cả ngọn núi cũng đã biến mất - nhưng có một chiếc áo nhà sư tuềnh toàng đang nằm tại nơi từng là ngôi mộ. Khi tôi nhặt nó lên ướm thử vào người mình, vài hạt đất nhỏ rơi ra rồi bị điệu vũ ba lê mạnh mẽ của gió thổi đi mất. Chiếc áo nhà sư quá nhỏ so với người tôi nhưng vì nó là tất cả những gì tôi hiện có, tôi đã mặc nó vào. Bạn có thể tưởng tượng một người bị bỏng như tôi mặc chiếc áo ni cô bé xíu thì trông lố bịch đến thế nào nhưng khi bạn đang chết rét thì lo lắng về thẩm mỹ chẳng có ích lợi gì đâu.

Chiếc áo giống hệt cái tôi đã thấy người phụ nữ Nhật Bản mặc hôm lễ hội Halloween. Không nghi ngờ gì nữa, cái áo và ngôi mộ này, thuộc về Sei.

Sự trống trải lạnh lẽo của thế giới mới này như nuốt chửng tôi. Địa điểm tồn tại của tôi thay đổi đến chóng mặt: từ cái nơi bé và tối nhất tôi có thể tưởng tượng ra, đến nơi rộng lớn và sáng sủa nhất. Trong hàng dặm quanh đấy, tôi là vật thể cao nhất, trông thật hoành tráng chỉ vì có hai chân để đứng được, thế nhưng tôi vẫn cảm thấy mình thật bé nhỏ giữa bầu trời bao la. Đứng trên một bình nguyên bằng phẳng làm bạn cảm thấy vừa vĩ đại lại vừa nhỏ bé.

Chiếc áo mỏng manh chẳng chống rét được mấy, gió lạnh thấu xương. Tôi nhìn thấy gì đó, tôi đã bắt đầu bị mù tuyết, nhưng vẫn cố nheo mắt để xác định cho rõ vật kia: một sinh vật nặng nề bước đi giữa không gian trống trải ghê hồn. Hình thù đó có vẻ đang đi thẳng về phía

tôi, nhưng rất khó nói chắc được giữa một nơi bằng phẳng thế này. Tôi tiến về phía nó. Nó có là gì đi nữa thì cũng không thể tệ hơn việc cứ đứng thế này, đợi đông thành đá được.

Một lúc sau tôi nhận ra cái vật thể đang tiến về phía mình ấy là một người đàn ông. Anh ta hẳn đến cứu tôi, vì nếu không đến cứu tôi thì chắc chỉ để giết tôi mà thôi. Chi tiết đầu tiên tôi nhìn ra là những lọn tóc đỏ và dày của anh ta, nổi bật trên nền tuyết trắng như vết máu đọng trên tấm khăn trải giường. Thứ tôi thấy tiếp theo là anh ta choàng áo lông thú dày cộp và đi đôi ủng cũng dày không kém. Quần anh ta làm bằng da thuộc dày dặn và áo khoác cũng được làm từ da thú. Hình như anh ta mang một chiếc túi da trên vai. Anh ta thở ra khói liên tục. Râu anh ta đọng đầy những hạt tuyết nhỏ li ti. Anh ta ở gần tôi lắm rồi. Khóe mắt anh ta hằn những nếp nhăn và tôi tin anh ta trông già hơn tuổi thật rất nhiều.

Khi đến trước mặt tôi, anh ta giơ cái túi đeo trên vai ra và nói, "Farðu í petta." Tôi hiểu câu đó có nghĩa là gì: Anh mặc những cái này vào.

Tôi mở chiếc túi ra và thấy một bộ quần áo đầy đủ làm bằng da dày phủ lông để bảo vệ tôi. Tôi hối hả mặc quần áo vào, và nhanh chóng cảm thấy người mình ấm lên hẳn. "Hvað heitir pú?" Tên anh là gì? Tôi bất ngờ khi thấy miệng mình cũng phát ra tiếng Iceland.

"Tôi là Sigurðr Sigurðsson, và anh sẽ đi cùng tôi." Câu trả lời đã giúp tôi khẳng định chắc chắn nhân dạng của anh ta mà khi nãy tôi đã đoán ra; nhưng không chắc lắm, bởi vì ở đây - bất kể đây là đâu đi nữa - Sigurðr cũng không bị thiêu cháy dù đó là cách chấm dứt cuộc đời anh. Điều đó làm tôi băn khoăn tại sao thân thể tôi vẫn đầy thương tổn.

"Chúng ta đang đi đâu vậy?" tôi hỏi.

"Tôi không biết."

"Khi nào chúng ta sẽ đến đó?"

"Tôi không biết," anh ta liếc mắt nhìn về phía đường chân trời. "Tôi đã đi được khá lâu, tôi nghĩ chắc cũng gần tới rồi."

Sigurðr đeo một cái vỏ kiếm ở thắt lưng, thứ đã lắc qua lắc lại trên hông Sei khi họ khiêu vũ. Anh ta rút thanh Sigurðrsnautr chuôi chạm hình mãng xà ra, rồi đưa thắt lưng và bao kiếm cho tôi. "Đeo cái này vào, anh sẽ cần đến nó đấy."

Tôi hỏi tại sao. Anh ta trả lời là mình cũng không biết.

Tôi ném áo nhà sư của Sei đi, nghĩ nó đã vô dụng khi giờ đây tôi đã có bộ quần áo bằng da. Sigurðr nhặt nó lên và đưa lại cho tôi. "Dưới Địa ngục, anh sẽ phải dùng đến tất cả mọi thứ mình có."

Tôi buộc chiếc áo lại quanh eo, làm thành chiếc thắt lưng thứ hai cùng với chiếc mà Sigurðr vừa mới tặng cho tôi. Tôi hỏi anh ta tại sao lại biết chúng tôi phải đi theo hướng nào.

"Tôi không biết," anh ta trả lời. Sigurðr là người khá kiệm lời. Anh ta dùng thanh kiếm của mình làm gậy đi đường, mặt băng bị cắt ra dưới mỗi nhát kiếm. Đối với một người không biết mình đang đi về đâu, những bước chân của anh ta thật quyết đoán làm sao.

"Đây có phải chỉ là ảo giác không?" Tôi cảm thấy mình cực kỳ ngớ ngẩn khi đang ở trong một ảo giác mà hỏi xem liệu đó có phải là ảo giác không bằng một ngôn ngữ tôi không hề biết. (Trên thực tế, có bao nhiêu người trên cả thế giới này biết từ "ảo giác" trong tiếng Iceland là ofskynjun?) Sigurðr trả lời rằng anh ta không nghĩ đây lại là một ofskynjun, nhưng cũng không chắc lắm.

Chúng tôi cứ đi. Đi mãi. Hằng ngày trời, nhưng mặt trời không bao giờ lặn. Có lẽ bạn nghĩ đây là một kiểu nói quá, rằng tôi thực sự chỉ muốn nói là hàng giờ, và thời gian ấy dài lê thê như thể bao ngày đã trôi qua mà thôi. Nhưng không, tôi muốn nói là hằng ngày trời. Chúng tôi cứ đi trong trạng thái cực kỳ mệt mỏi nhưng chúng tôi lại không bao giờ cảm thấy cần ngủ, và dù đầu gối tôi chẳng tử tế gì, tôi vẫn cảm thấy mình có thể đi mãi không thôi. Tôi nghĩ về những nơi ở vùng cực Bắc của thế giới, nơi mặt trời mọc liên tục trong suốt sáu tháng liền. Liệu chúng tôi có phải đi xa đến thế không?

Sigurðr vẫn tiếp tục đóng vai người nói ít, và nói tối nghĩa; hầu như trong suốt cuộc hành trình, âm thanh duy nhất phát ra từ người anh ta là tiếng nhạc nhẹ nhàng từ dưới chiếc áo da, quanh vùng cổ. Được một lúc thì tôi dừng nói chuyện với anh ta, trừ việc cố làm anh ta cười. Tôi chưa bao giờ thành công cả. Thỉnh thoảng tôi không đi tiếp chỉ để phá vỡ sự đơn điệu. Tôi nài nỉ Sigurðr chờ chỉ một phút thôi nhưng anh ta luôn nói rằng chẳng có thời gian nghỉ ngơi đâu. Khi tôi hỏi tại sao, anh ta trả lời, "Vì chúng ta cần phải đến đó."

Khi tôi hỏi Sigurðr "đó" là ở đâu, anh ta không biết. Vì thế tôi nói với anh ta rằng, khi anh ta không biết nơi đó là ở đâu, tôi chẳng thấy có lý do gì phải tiếp tục đi theo anh ta cả. Anh ta khịt mũi, nói tôi được phép chọn làm cái việc ngu ngốc ấy, và cứ tiếp tục đi mà không cần có tôi. Ngay trước khi anh ta khuất khỏi tầm nhìn, tôi lại hộc tốc chạy đuổi theo. Vì dĩ nhiên là tôi cần anh ta - một mình tôi thì làm được gì ở cái chỗ này chứ? Và thế là chúng tôi lại nặng nhọc tiến về phía trước, tiến về cái nơi anh ta không thể định nghĩa được còn tôi thì không thể tưởng tượng nổi.

Ảo giác lẽ ra phải đẹp hơn thế này, tôi nghĩ vậy. Đi dọc bình nguyên băng giá trong hằng ngày trời thật là một việc buồn tẻ và tôi phải ngạc nhiên khi thấy mình có thể tưởng tượng ra một thứ vớ vẩn như thế, trong thời gian lâu đến thế. Lạnh cắt da cắt thịt; tuyết cuộn xoáy bay tứ tung; và sự mệt mỏi làm tôi đau đớn đến nỗi nghĩ rằng đây chẳng phải tưởng tượng. Điều duy nhất có vẻ thiếu thực tế ở đây là khả năng đi liên tục mà không cần nghỉ ngơi hay ăn uống gì của tôi.

Dĩ nhiên đây chỉ là ảo giác. Một ảo giác quá thật, quá lạnh lẽo, quá dai dẳng. Việc ngừng dùng thuốc kích thích lẽ ra không gây ra hậu quả thế này. Trừ phi...

"Sigurðr, tôi đã chết chưa?"

Anh ta cuối cùng cũng cười, "Anh chỉ là khách ở đây thôi."

Nếu nơi đây thuộc về Sigurðr, cũng như cỗ quan tài là của Sei, tôi muốn biết nhiều hơn về nó. Về tất cả mọi thứ. Tôi quyết định loại hết tế nhị qua một bên. "Âm thanh phát ra từ cổ anh - có phải là của chiếc vòng cổ đính đá quý từng thuộc về Svanhildr không?"

Anh ta ngừng bước, có lẽ đang quyết định có nên xác nhận hay không. Anh ta chọn có. "Ừ."

"Anh cũng có cả sợi dây gắn đầu mũi tên chứ?"

"Cái đó đã được trao cho Friðleifr rồi."

"Tên cậu ấy đã được đổi thành Sigurðr, anh biết mà."

Anh ta không nói gì một lúc lâu, cho tới khi trả lời với giọng nhẹ nhàng nhất tôi từng được nghe từ miệng anh. "Ừ, tôi biết. Đó là một niềm vinh hạnh lớn."

"Anh có thể kể cho tôi nghe về Einarr chứ?"

Câu hỏi làm anh ta bước tiếp. "Câu chuyện đó không dành cho anh."

"Tôi đã được nghe kể về nó rồi."

Sigurðr quay lại nhìn thẳng vào mắt tôi. "Không. Anh chỉ được nghe phiên bản của Marianne Engel về câu chuyện của tôi thôi. Làm sao anh lại dám nghĩ mình hiểu được trái tim tôi, trong khi anh thậm chí còn không hiểu được trái tim của chính bản thân mình?"

Hãy để một người Viking dạy bạn nghệ thuật nói năng khi bạn ít ngờ đến nhất. Tôi ngậm miệng lại và đi tiếp.

Tôi cứ nghĩ có gì đó ở ngay phía trước, nhưng mãi vẫn chẳng thấy gì, tôi cứ nghĩ là chúng tôi sẽ đi đến một ngọn đồi nhìn xuống một thung lũng, hoặc một thảm rêu mọc trên những mỏm đá granite, nhưng mỗi "đỉnh đồi" chúng tôi gặp đều chỉ là đường chân trời hiện tại được thay thế bằng một đường chân trời mới. Tôi cầu mong sự đơn điệu này được phá vỡ, bởi cái gì cũng được. Một hòn đá tảng. Một vết móng guốc nai sừng tấm Bắc Mỹ. Một con chó kéo xe bị đông cứng. Tên một người được khắc vào băng tuyết với những chữ cái vàng rực trong nắng. Nhưng chúng tôi chỉ gặp thêm nhiều băng, nhiều tuyết. Vào ngày thứ tư (tôi nghĩ đó là ngày thứ tư), tôi dừng lại. Bỏ cuộc.

"Chẳng có gì ở đây cả. Bất cứ cái gì anh nghĩ mình có thể tìm thấy..." Giọng tôi lạc đi. "Sigurðr, anh đã đến 'nơi đó' hơn một nghìn năm rồi, vậy mà anh thậm chí còn chẳng biết đó là nơi nào."

"Anh đi cho tới khi nào đến nơi thì thôi," anh ta nói, "và giờ anh đi được đủ xa rồi."

Nơi này chẳng khác bất cứ chỗ nào trên cái bình nguyên này cả. Tôi xoay đủ mọi hướng, vung hai cánh tay lên để nhấn mạnh điểm này. "Anh nói về cái gì vậy?"

"Nhìn lên trời đi."

Tôi ngước mắt lên. Dù sự thật là chẳng có ai trong hàng dặm xung quanh, vẫn có một mũi tên từ đâu phóng thẳng về phía tôi.

Tôi muốn di chuyển nhưng người cứ đông cứng lại, phản ứng duy nhất của tôi là lấy hai tay che đầu. (Mặc dù, sau khi nghe tất cả những câu chuyện của Marianne Engel, quyết định có vẻ logic hơn phải là lấy tay che ngực mới phải.) Mũi tên hụt khỏi tôi độ vài phân, cắm thẳng xuống đất, và mặt đất nứt toác ra như một con quái vật bạch tạng bị gãy móng vuốt. Hàng tảng băng khổng lồ văng lên rồi nứt vỡ, điên cuồng lao vào chúng tôi. Một tảng lớn đập trúng vào vai phải của tôi, hất tôi vào một tảng xù xì khác. Trong giây phút tôi ngộ ra, chuyện này giống y như lúc tôi lái xe lao xuống vực, tất cả mọi thứ chuyển động chậm lại khi tôi nhìn sự cố xảy ra. Nước chậm chạp phun ra từ một vết nứt trên mặt đất, và cuối cùng tôi đã hiểu được tại sao chẳng có điểm gì nổi bật để chúng tôi có thể phân biệt cảnh này với cảnh kia trong suốt quãng đường chúng tôi đi. Chúng tôi có ở trên mặt đất đâu, chúng tôi đang ở trên một khối băng khổng lồ. Những tảng băng nhọn hoắt xoay tròn xung quanh tôi và chẳng mấy chốc tôi đã thấy mình bị trọng lực kéo sụp xuống lòng biển mới vừa được phát hiện.

Tôi cảm thấy lạnh thấu xương. Lớp áo da của tôi đã trở nên vô dụng; vô dụng không để đâu cho hết, thực sự là thế, vì chúng ngấm nước và làm tôi chìm xuống sâu hơn. Lúc đầu tôi còn cố quờ quạng bám vào những tảng băng trôi phía trên, bấu tay vào bất cứ chỗ nào tôi có thể bám được. Tôi cảm thấy hơi ấm nơi bụng mình, nhưng rồi nó cũng nhanh chóng tan đi. Tôi thấy những cử động của mình chậm dần, và tiếng răng tôi va lập cập vào nhau mạnh đến nỗi át cả tiếng băng nứt xung quanh; tôi băn khoăn liệu những cái sẹo lồi trên người tôi có tím tái không.

Chẳng thấy Sigurðr đâu cả. Anh ta hẳn đã bị nuốt chửng giữa những tảng băng nhấp nhô rồi. Một tảng băng quét qua sườn trái tôi và một tảng khác đập bốp vào lưng tôi. Chúng lượn lờ xung quanh tôi, khép chặt vòng vây lại và dìm tôi xuống. Bất cứ nhà khoa học nào cũng sẽ giải thích các tảng băng vỡ sẽ tụ lại trên mặt nước, và đây chính là cách chúng đang làm để lấp lại cái hố mà mũi tên gây ra. Thế là thậm chí cả trong một đại dương ảo giác thì dường

như các định luật vật lý cơ bản cũng vẫn được áp dụng; điều này, không nghi ngờ gì nữa, sẽ làm Galileo nở nụ cười hạnh phúc.

Tôi không thể ngẩng mặt lên khỏi mặt nước được nữa, băng đập vào hai cái tai như hai bông súp lơ của tôi, và tôi nhắm mắt lại vì đây là điều mà một người sắp chết chìm phải làm. Tôi cảm thấy thân thể mình đã ngưng hoạt động. Vậy đây là cách mọi thứ kết thúc. Trong nước.Tôi trượt xuống dưới, và thực sự cảm thấy có chút thanh thản. Cách này có vẻ dễ chịu hơn.

Tôi không gặp vấn đề gì với việc nín thở trong hàng chục phút, suốt thời gian đó tôi lịm đi, cho tới khi tôi phát chán với việc chờ phổi mình hết hơi. Tôi mở mắt ra, nghĩ rằng mình sẽ không thể bơi xa được vài phân. Trên mặt băng đã khó xác định khoảng cách rồi, dưới cũng vậy: lại một lần nữa không có gì có thể dùng làm hệ quy chiếu. Không cá, không sinh vật nào khác, không tảo biển, chỉ có làn nước trong veo. Bong bóng nổi lên từ những nếp gấp trên quần áo của tôi và cuộn dọc theo người tôi cho tới khi chúng tụ lại ở góc mí mắt. Thật buồn cười. Trong thế giới thực, tôi không thể tiết ra nước mắt, nhưng trong một thế giới dưới nước thì tôi lại tạo ra nước mắt nhờ không khí.

Một quầng sáng hiện lên, xa xa phía trên đầu tôi. Nó phản chiếu vào trong những giọt nước mắt bong bóng của tôi và khiến tôi băn khoăn, Đây có phải là hành lang ánh sáng dẫn người chết lên Thiên đường không? Chẳng giống chút nào. Cách mọi việc diễn ra giống như một con cá răng nhọn khoe những nếp da phủ lân tinh, dụ con mồi lại để ăn thịt. Tuy nhiên, hóa ra quầng sáng đó chẳng phải con đường dẫn lên Thiên đường mà cũng chẳng phải một con cá ăn thịt. Đó là ánh sáng phát ra từ mũi tên lửa đã đâm vào băng, giờ đang nằm trong bàn tay nắm chặt của Sigurðr khi anh ta trồi lên từ dưới biển và bơi thẳng về phía tôi.

Luồng sáng (lửa không bị tắt trong nước: các định luật vật lý tự nhiên không còn chính xác trong một nơi siêu nhiên như thế này nữa) xuyên qua bộ râu của Sigurðr và hất lên những nếp nhăn quanh mắt anh ta. Mái tóc dài màu đỏ xõa trên đầu anh ta như một vầng hào quang làm từ tảo bẹ, và anh ta đang mỉm cười thanh thản, như thể đã có một chuyện gì đó rất tuyệt vời xảy ra vậy. Anh ta giơ mũi tên ra như một vận động viên Olympic truyền đuốc và, cùng lúc, chúng tôi tiếp tục chìm dần xuống nước. Ngón tay tôi nắm chặt lấy mũi tên, tôi cảm thấy cảm giác ấm áp đầy vinh quang đang truyền khắp người mình, và Sigurðr mỉm cười như một người đàn ông đã hoàn thành nhiệm vụ. Như một người đàn ông sẽ còn được nhớ đến trong ký ức mọi người. Anh ta gật đầu đồng thuận và lặn xuống sâu hơn, để tôi tiếp tục chìm một mình.

Tôi chìm xuyên qua đáy đại dương.

Chỉ còn cách mặt đất vài phân thì tôi rơi xuống. Khi tôi nhìn lên, đáy đại dương - dòng nước lẽ ra là cái trần nhà trên đầu tôi - đã biến mất. Chân tôi đang đặt trên nền đất cứng và ánh sáng đã đổi từ màu xanh ngọc của đại dương sang màu xám xịt chết chóc.

Giờ tôi đang ở giữa một cánh rừng tối tăm đầy những thân cây dị dạng xấu xí.

Tôi nghe thấy tiếng chân chạy vội qua thảm rừng, tới từ ít nhất ba hướng. Tiếng cành cây gãy, tiếng bụi rậm sột soạt. Tôi giơ mũi tên lên làm đuốc. Bóng một động vật bốn chân phóng qua giữa những thân cây, rồi một sinh vật khác thoáng lướt qua. Có bao nhiêu chứ? Hai - không, lại thêm một sinh vật nữa! Ba, ít nhất là thế! Chúng là những thứ gì? Đầu tôi loạn lên với những hình ảnh dã thú: một con sư tử, một con báo, có lẽ một con sói. Nếu chúng tấn công tôi, tôi sẽ tự bảo vệ mình bằng cái gì? Tôi có bao đoản kiếm, nhưng không có thanh kiếm; tôi có chiếc áo nhà sư, nhưng tôi không có đức tin.

Ngay trước mặt là một con đường đi xuyên qua rừng, qua một ngọn đồi nhỏ, và tôi nghe thấy tiếng một con vật nữa, bạo dạn hơn. Kia, hình ảnh nó thoáng hiện giữa những thân cây. Hình như nó đi bằng hai chân, vì thế có lẽ là một loài vượn người thần thoại nào đấy sống trong rừng chăng? Rõ ràng là không. Khi cái bóng đi ra khỏi góc khuất, tôi có thể thấy đó là một người đàn ông ăn vận giản dị, với một cái bụng bự và hàm râu lởm chởm. Khi nhìn thấy tôi, anh ta cười ngoác miệng và dang rộng hai tay như chuẩn bị ôm chầm một người bạn cũ sau bao năm xa cách. "Ciao!"

"Tu devi essere Francesco." Anh hẳn phải là Francesco. Với Sigurðr, tôi biết tiếng Iceland, với người này, tôi hiểu tiếng Ý.

"Sì," anh ta xác nhận, nắm lấy tay tôi. "Il piacere è mio."

"Không, vinh hạnh ấy là của tôi mới phải. Một người bạn chung của chúng ta đã cho tôi xem vài tác phẩm của anh. Chúng thật tuyệt."

"A, Marianna!" Mắt Francesco sáng bừng lên. "Nhưng tôi chỉ là một người thợ thủ công bình thường. Tôi thấy anh có mang theo mũi tên. Tốt. Anh có thể phải cần đến nó."

"Chúng ta làm gì bây giờ? Xin đừng nói với tôi rằng anh không biết nhé."

Francesco cười cho tới khi cái bụng bự rung lên bần bật. "Sigurðr lúc nào cũng hơi bối rối, nhưng tôi biết chắc là chúng ta đang đi đâu." Anh ta dừng lại một chút để gây hồi hộp. "Thẳng xuống Địa ngục."

Bạn phải cảm phục một người đàn ông có thể nói một điều như thế với khuôn mặt nghiêm nghị đến thế, và tôi không thể nhịn được cười. "Vâng, dù sao tôi cũng nghĩ mình đang quen dần với ý tưởng đó rồi."

"Địa ngục này hơi phức tạp hơn một chút, vì thế tốt hơn là anh không nên cười nhiều đến thế." Nhưng, để trấn an tôi sau khi đã cảnh báo, anh ta nói thêm, "Tôi đã được cử đến đây để dẫn đường cho anh, Marianne đã nhờ. Cô ấy luôn cầu nguyện cho anh."

"Tôi nghĩ đó là hiệu lệnh bắt đầu nhỉ." Thế là chúng tôi bắt đầu chuyến hành trình vào Địa ngục của mình. Tôi có vũ khí phòng thân là một mũi tên lửa, một chiếc áo cà sa quấn quanh thắt lưng, một bộ quần áo chống tuyết của người Viking, một bao kiếm rỗng, và tôi có người dẫn đường là một thợ rèn thế kỷ mười bốn. Tôi không thể được trang bị tốt hơn.

Chúng tôi đi qua một loạt cánh cổng, và chẳng mấy chốc đã đứng trước một dòng sông tôi có thể nhận ra qua những câu chuyện kể trước lúc đi ngủ của Marianne Engel. "Acheron."

Dòng sông thật khủng khiếp, với những tảng băng nhấp nhô giữa rác và những con ác quỷ hình thù quái dị. Những tảng thịt thối lềnh bềnh khắp mặt sông, như thể những cỗ quan tài ngàn năm đã được dốc thẳng xuống dòng sông máu đông này. Mùi hôi thối của xác chết phân hủy nồng nặc. Những sinh vật gần như là người, chỉ giống người ở đặc điểm hình dáng nào đó, vùng vẫy vô vọng giữa dòng nước kinh khủng ấy. Những tiếng hét cầu xin được tha thứ thốt ra từ những cái miệng van nài cầu khẩn; tôi biết những sinh vật này sẽ tiếp tục chìm xuống như thế, không được cứu vớt, mãi mãi.

Một màn sương mù hiện lên từ dưới lòng sông. Trôi bồng bềnh, bình lặng như thể đang bay trên dòng sông, là chiếc đò của Charon, người lái đò bến Mê. Nó/ông ta là một sinh vật nửa người nửa thú hình thù tối đen, cao ít nhất hơn hai mét, mặc một chiếc áo rách như tổ đỉa. Râu ông ta như được làm từ những sợi tảo biển đan lại với nhau và mũi chỉ còn một nửa, với vết sẹo nơi phần còn lại có lẽ đã bị gãy rời trong một trận chiến. Trong cái miệng méo xệch nhô ra hàm răng khấp khểnh, nhọn hoắt, đen xỉn và gãy nát. Da ông ta xám xịt, ướt sượt và thô ráp như da của một con rùa biển bị bệnh, còn bàn tay viêm khớp đang nắm lấy một cái mái chèo bằng gỗ sần sùi. Hai hốc mắt của ông ta trống rỗng trừ ánh lửa rực lên bên trong: mỗi con mắt là một bánh xe lửa cháy hừng hực. Vừa lái thuyền vào bờ, ông ta vừa phun ra những từ như sấm rền hơn là tiếng nói. "TÊN NÀY VẪN CHƯA CHẾT."

Dù chẳng phải nhỏ bé gì, Francesco vẫn trông như người tí hon khi đứng trước Charon. Tuy thế, anh ta không chịu cúi đầu chào mà đứng thẳng người lên để trả lời, "Đây là trường hợp vô cùng đặc biệt."

Charon, giờ đã bước lên bờ, lau móng vuốt với vẻ bất hợp tác. "TÊN NÀY KHÔNG QUA ĐƯỢC."

"Anh ấy đã đến tận đây rồi, vì thế hãy nghe chúng tôi nói. Hãy cho chúng tôi ân huệ này, chúng tôi chỉ là những người quá tầm thường so với ngài. Bao lâu rồi ông mới được người sống viếng thăm?"

"ĐỪNG CÓ HÒNG MÀ PHỈNH TA. HẮN KHÔNG ĐƯỢC PHÉP QUA. NGƯƠI CHƯA ĐỦ MƯU MẸO ĐÂU."

"Charon, đừng từ chối nhanh thế chứ. Những thế lực hùng mạnh hơn chúng tôi rất nhiều đã lên kế hoạch chuyến đi này đấy."

Mắt Charon xoáy vào tôi như đang tìm cớ buộc tội, như thể ông ta đang nhìn vào góc tâm hồn xấu xa nhất của tôi vậy. Tôi thu mũi tên lửa lại gần người mình đến nỗi tôi sợ rằng quần áo mình sẽ cháy bùng lên mất, nhưng tôi cần hơi ấm để chống lại cái nhìn lạnh lẽo của ông ta.

Charon chuyển sự chú ý sang Francesco. "NGƯƠI CÓ THỂ NÓI TIẾP."

"Chúng tôi yêu cầu ngài cho chúng tôi qua. Chúng tôi có mang lệ phí theo đây." Francesco hơi cúi đầu và lấy một đồng tiền vàng ra.

"ĐÂY LÀ LỆ PHÍ CHO MỘT NGƯỜI."

"Dĩ nhiên, ngài nói đúng rồi." Khi Francesco ra hiệu cho tôi tiến lên phía trước, tôi liền lắc đầu. Ai mang tiền vào trong ảo giác chứ? Thế là Francesco đập nhẹ tay lên ngực, để nhắc tôi nhớ cái gì đang treo trên cổ tôi.

Tôi gỡ đồng xu khắc hình thiên thần ra khỏi chiếc dây chuyền và đặt nó vào bàn tay đầy móng vuốt của Charon. Ông ta đặc biệt chú ý đến mặt vẽ cảnh đại thiên thần Michael giết rồng. Một biểu hiện kỳ lạ thoáng hiện trên khuôn mặt người lái đò: tôi có cảm giác đó là một nụ cười mà cái miệng xấu xí của ông ta đang cố nặn ra. Ông ta đứng sang một bên và vung tay lên ra dấu bảo chúng tôi lên thuyền. Francesco gật đầu. "Chúng tôi thực sự rất biết ơn lòng hào hiệp của ngài."

Người lái đò nhúng mái chèo xuống dòng nước bẩn thỉu và đưa chúng tôi ra giữa sông Acheron. Con thuyền, trang trí sọ và dây thừng làm từ tóc người, làm từ gỗ mục, nhưng không một giọt nước nào thấm được qua những lỗ thủng trên thuyền. Những xoáy nước nhỏ cuộn lên ở khắp mọi nơi, kéo những kẻ tội đồ sâu xuống đáy. Thỉnh thoảng, Charon dùng mái chèo của mình để đập vào một kẻ tội đồ nào đó.

Hai bóng hình ở đằng xa cố gắng bơi gần về phía chiếc thuyền trông quen thuộc đến lạ lùng. Một người đàn ông và một phụ nữ, nhưng mọi sự chú ý của tôi đều dồn về phía một người đàn ông đang gào thét, chỉ cách thuyền chúng tôi chưa đầy một mét. Ông ta uống phải một ngụm nước của dòng sông thối rữa ấy khi những kẻ tội đồ khác kéo ông xuống dưới. Ông ta quơ cào lấy mọi thứ trong tầm với và lôi một cái chân gãy rời xuống theo mình.

Nhìn vẻ mặt kinh hãi của tôi, Francesco nói, "Không ai ngẫu nhiên bị rơi vào đây cả. Địa ngục chỉ là lựa chọn vì sự cứu rỗi dành cho tất cả những ai đi tìm nó. Những kẻ bị nguyền rủa đã tự chọn số phận của mình, bằng cách cố tình trở nên nhẫn tâm."

Tôi không thể chấp nhận điều đó. "Chẳng ai lại chọn bị nguyền rủa cả."

Francesco lắc đầu. "Nhưng để bị nguyền rủa thì lại quá dễ dàng."

Hai người đó giờ đã đủ gần để tôi có thể chắc chắn (hết mức có thể, rằng đó, cứ nhìn cái thân thể đang phân hủy của họ mà xem) là Debi và Dwayne Michael Grace. Họ đang cầu xin sự giúp đỡ của tôi, giơ những ngón tay - toàn những ngón tay gãy nát - về phía tôi. Những đám tội đồ còn lại cứ bám lấy họ không chịu nhả ra. Debi lẽ ra đã có thể đến được chỗ chiếc đò, nếu Dwayne không điên loạn bấu chặt lấy dì để tránh bị kéo xuống. Dì cũng ăn miếng trả miếng; cả hai đều cố biến kẻ kia thành đòn bẩy để tránh xa khỏi đám đông. Cuộc vật lộn của họ chỉ tổ đảm bảo rằng cả hai sẽ cùng chìm xuống mà thôi.

Chẳng mấy chốc Charon đã thả chúng tôi xuống bờ bên kia và lái đò trở lại nơi xung đột giữa sông. "Tôi nghĩ mình đã làm khá tốt," tôi nói, cố mỉm cười nhưng không được. "Không phải Dante đã ngất xỉu khi ông ta nhìn thấy Charon à?"

Một ngọn núi đứng sừng sững trước mặt chúng tôi, nổi lên bên bờ sông Acheron, và Francesco lại dẫn đường.

CHƯƠNG 37

ườn núi lúc đầu thoai thoải nhưng chẳng mấy chốc đã dần dựng đứng lên. Chúng tôi bắt đầu phải bám vào mọi mỏm đá tìm được. Chẳng dễ dàng gì với bàn tay thiếu ngón của tôi, và tôi phải chuyển mũi tên hết từ tay nọ sang tay kia mỗi lần tôi thay đổi tư thế. Càng lên cao, cơn gió ẩm ướt thổi càng dữ dội.

Francesco khuyên tôi cất mũi tên vào trong cái bao kiếm của Sigurðr. Tôi không thấy đây là một ý tưởng hay cho lắm; tôi khá chắc rằng mấy tấm da động vật của mình không thể chống lửa. Tuy thế, tôi vẫn làm theo những gì được bảo. Hông tôi hơi nhột vì vũ điệu của lửa, nhưng quần áo không hề cháy.

Cơn gió thổi quanh chúng tôi mang theo những hình người giật đùng đùng như cá quẫy trong lưới. Tôi biết họ là ai: linh hồn của những kẻ dâm đãng, bị cuốn theo những đam mê tội lỗi trên trần gian để rồi cuối cùng bị tra tấn trong Địa ngục. Tôi nghĩ về nghề sản xuất phim khiêu dâm của mình, chẳng phải chuyện đáng tự hào gì. Tôi hỏi Francesco xem liệu nơi đây có phải điểm đến của tôi không.

"Anh chưa bao giờ biết đam mê là gì," Francesco thét lại, "cho tới khi anh gặp cô ấy."

Anh ta không cần phải nói tên cô; chúng tôi đều biết anh đang nói đến ai.

Tôi cố lờ đi những tiếng rú rít, của cả gió lẫn người, và rồi chúng tôi đã qua được chỗ tệ nhất. Khi cuối cùng tôi cũng thả được tay ra khỏi vách đá, những ngón tay của tôi cụp lại như càng một con tôm hùm đang hoảng sợ.

Con đường dẫn ra khỏi ngọn núi và chúng tôi tiến vào một nơi có vẻ nóng hơn. Tôi khum tay quanh ngọn lửa của mũi tên và những ngón tay của tôi cuối cùng cũng bắt đầu duỗi ra được; ngay khi có thể, tôi vội tháo lớp áo Viking của mình ra. Nhớ lời dặn của Sigurðr, tôi không vứt chúng đi.

Khi gói đống lông thú lại để mang đi cho gọn, tôi nhận ra những ngón tay cụt ngủn của mình dài ra một chút và vài sợi lông mọc trên cẳng tay tôi nơi những nang lông đã bị phá hủy. Tôi sờ lên đầu mình và thấy tóc cũng đang lún phún mọc ra. Sẹo trên người tôi có lẽ đã bớt dày đi một chút, bớt đỏ đi một chút. Tôi đã lướt những ngón tay lên người mình hàng triệu lần, như một người mù đang cố học thuộc một câu chuyện bằng chữ nổi Braille, nhưng giờ đây tôi đang đọc một câu chuyện có cốt truyện khác.

Hãy cố tưởng tượng, nếu bạn có thể, cảm giác của một người bị bỏng khi nhận ra các bộ phận trên cơ thể anh ta đang tái sinh, hay cảm giác của một người đang mọc tóc sau khi đã chấp nhận sống chung với cái đầu hói nhẵn như thịt bò nướng cả đời. Tôi phấn khích thông báo cho Francesco biết về những phát hiện của mình.

"Hãy nhớ anh đang ở đâu," anh ta cảnh báo, "và nhớ rằng anh là ai."

Chúng tôi đến một bìa rừng nơi những thân cây gào thét mọc ra từ những bãi cát cháy rực. Một luồng hơi nóng dữ dội phả lên, làm biến dạng mọi thứ, và những cành cây trông như đang chuyển động vậy. Lũ chim bay xung quanh, mổ vào những cành cây. "Cánh rừng của những kẻ tự sát," Francesco nói.

Tôi nhanh chóng nhận ra đám cây cối ấy thực ra không phải là cây. Những cành cây là chân tay người, đang điên loạn vùng vẫy, máu ứa ra như nhựa cây. Những giọng nói đau đớn thoát ra từ những lỗ thủng bị chim rỉa nát - giờ thì tôi đã thấy thực ra đấy cũng không phải là chim mà là những quái nhân có cánh giống kền kền với khuôn mặt đàn bà nhợt nhạt và móng vuốt sắc nhọn như dao. Cứ mỗi lần có con nào bay gần chúng tôi thì mùi hôi thối lại xông lên.

"Giọng nói từ những cái cây," Francesco nói, "chỉ có thể thoát ra sau khi những con ác điểu rỉa thịt họ và máu họ đã chảy. Những kẻ tự sát chỉ có thể bày tỏ bản thân qua thứ đã hủy diệt mình."

"Quod me nutrit, me destruit." Tôi thầm thì nhỏ đến nỗi Francesco chẳng thể nghe thấy.

Khi đó tôi nhớ ra anh ta đã chủ động hít mầm bệnh của vợ trước khi yêu cầu anh trai bắn mũi tên qua ngực. "Đây có phải Địa ngục của anh không?"

"Quyết định tìm đến cái chết của tôi là tất yếu, và đó là một quyết định vì tình yêu, chứ không phải hèn nhát. Đó là một điểm quan trọng cần phải nhớ." Anh ta ngưng lại một chút, rồi nói thêm, "Dù thế giới bên kia của tôi không phải nơi đây, nhưng cũng có một lý do khiến tôi đưa anh đến đây."

Tôi nghĩ anh ta còn định nói thêm gì nữa, nhưng anh ta chỉ nói với tôi là chúng tôi vẫn còn cả một quãng đường dài phía trước.

Giờ tôi đang cởi trần. Da tôi thực sự đang hồi sinh. Chúng tôi tiếp tục đi qua khu rừng và tôi nghe thấy một tiếng động mà ban đầu có vẻ là tiếng vo ve của một tổ ong sôi động. Khi chúng tôi tiến lại gần hơn, tôi nhận ra đó là tiếng róc rách của thác nước gần bìa rừng. Gió thổi tóc chúng tôi bay ngược ra sau, tóc tôi vẫn tiếp tục mọc.

Thác nước này chẳng đổ xuống từ bất cứ một vách đá nào; nó cứ thế đổ thẳng từ trên trời xuống và cắt xuyên qua nền sa mạc trước mặt chúng tôi. Francesco nói tôi cần phải ném bao kiếm của Sigurðr xuống thác nước, vì nó hẳn là một món quà thích hợp. Tại sao? Và cho ai?

Sau khi tháo mũi tên lửa ra, tôi liền làm theo lời chỉ dẫn. Tôi nhìn cái móc thắt lưng lộn xuống, nẩy lên trong bọt nước, trước khi bị nuốt chửng vào cái miệng giận dữ đang ngoác ra dưới lòng thác.

Gần như ngay lập tức, một hình thù đen ngòm trồi lên và bắt đầu trèo về phía chúng tôi.

Sinh vật này có ba cơ thể cùng chụm lại trên một thân mình duy nhất. Nó có sáu cánh tay dài nhẳng, với sáu bàn tay lông lá thò vào thác nước để tìm chỗ bám, và nó di chuyển như một con nhện bò trên mạng nhện vậy. Lúc đầu tôi nghĩ hẳn phải có một vách đá đằng sau thác nước nhưng khi nó tới gần hơn, tôi có thể thấy thứ trong tay nó chỉ là nước, nó đã xoắn nước lại để làm thành một thứ thay thế sợi thừng. Con quái vật có một cái đuôi nhọn hoắt đâm thẳng vào thác nước, và dù nó vẫn còn ở xa, mùi của nó làm tôi liên tưởng ngay đến hàng đống phù du thối rữa trên bãi biển.

"Greyon," Francesco nói, "từng là một vị vua Tây Ban Nha nhưng giờ chỉ là con quái vật chuyên đi lừa đảo. Nó là kẻ bảo vệ thác nước này, và là kẻ phải đưa chúng ta xuống Địa ngục."

Khi Greyon trèo gần lên mặt đất, sáu cái chân của nó đẩy nước và nó nhảy thẳng về phía chúng tôi, làm một cú hạ cánh hoàn hảo với số điểm tuyệt đối.

Đó là một sinh vật khổng lồ (như hầu hết các sinh vật khác trong Địa ngục), bụng nó sáng lên với những chiếc vảy lấp lánh. Ba cái đầu của nó cao hơn cái đầu duy nhất của tôi tới gần hai mét. Các khuôn mặt đều có những nét giống nhau: tất cả đều lổn nhổn những cục bướu hằn đỏ, những cặp môi to dày che hàm răng rữa nát, và những con mắt như những viên ngọc trai đen trú trong những vỏ sò hé mở. Tuy thế, bất chấp sự xấu xí, những khuôn mặt đó lại không có vẻ lừa đảo. Cả ba cái đầu đồng loạt nói một lúc.

"CÁC NGƯƠI..."

"TẠI SAO CÁC NGƯƠI..."

"SAO CÁC NGƯƠI DÁM..."

"... MUỐN GÌ?"

"... Ở ĐÂY?"

"... QUẤY RẦY TA?"

"Chúng tôi muốn tới tầng Địa ngục tiếp theo," Francesco trả lời.

"KHÔNG, ĐIỀU NÀY KHÔNG THỂ..."

"CHÚNG TA SẼ KHÔNG..."

"TÊN NÀY..."

"... THỰC HIỆN ĐƯỢC!"

"... GIÚP NGƯƠI!"

"... CHƯA CHẾT!"

"Đúng là chúng tôi đã đòi hỏi quá nhiều, và đúng là người này chưa chết," Francesco thừa nhận. "Nhưng anh ấy là một người bạn của Marianne Engel."

Cái tên dường như có ý nghĩa gì đó với Greyon và ba cái đầu lẩm bẩm với nhau. Cuối cùng, chúng quyết định bỏ phiếu - "ĐƯỢC. KHÔNG. ĐƯỢC" - trước khi đồng ý dẫn chúng tôi đi. (Ai có thể nghĩ rằng quái vật chuyên đi lừa lại là một kẻ dân chủ chứ?) Nó quay thân lại để chúng tôi có thể trèo lên cái lưng rộng bản của mình. Francesco giục tôi lên trước, thì thầm, "Tôi sẽ ngồi giữa anh và cái đuôi. Nó có độc đấy."

Khi chúng tôi đã yên vị, con dã thú nhảy vút một cái từ vách đá về phía thác nước. Khi chúng tôi chạm vào mặt nước, tôi thấy tay của Greyon nhúng sâu xuống và nắm lấy dòng nước chảy qua tay nó như nắm lấy những con rắn trong suốt. Trong khi cố xoay xở để bám chắc vào lưng Greyon, tôi nhận thấy tay mình đã khỏe hơn rất nhiều so với lúc mới bị tai nạn. Có lúc ba cái đầu của Greyon đã phải nói là, "BÁM... CHẶT... QUÁ."

Khi chúng tôi gần đến đáy, Francesco hét át cả tiếng rú của dòng nước, cảnh báo tôi chuẩn bị sẵn sàng cho tầng tiếp theo. Khó chịu vô cùng đấy, anh ta nói với giọng buộc tôi phải chú ý.

* * *

Chúng tôi nhảy xuống đất và Greyon lại biến mất vào dòng thác. Tôi kiểm tra xem chính xác những thương tổn của mình đã được chữa lành đến đâu. Da tôi hầu như đã mềm mại trở lại, và vết sẹo mổ lấy tụy trên bụng tôi đã biến mất. Tóc tôi gần như đã mọc lại hết. Môi tôi một lần nữa lại trở nên đầy đặn. Những ngón tay cụt ngủn của tôi đã hồi phục được hơn một nửa và tôi dùng chúng để cọ vào mẩu ớt đang từ từ nhú lên giữa hai chân tôi.

"Giờ chúng ta đang ở Maleboge, nhà của những kẻ trụy lạc. Ở tầng Địa ngục này," Francesco dặn dò, "tôi không thể bảo vệ anh được."

Tôi có thể nghe thấy âm thanh như tiếng súng và tiếng khóc lóc, đến càng lúc càng gần hơn. Chẳng mấy chốc chúng đã ở trước mặt chúng tôi: một hàng dài vô tận đàn ông và đàn bà bị những con quỷ có sừng lùa đi. Thứ tôi nghĩ là tiếng súng thực ra là tiếng roi lửa của những con quỷ, quất xuống chính xác đến nhẫn tâm. Những kẻ trụy lạc sợ hãi còng lưng xuống, cuộn người lại để tránh cú đòn roi dù chỉ trong nửa giây. Tay của họ buông sõng sượt, chỉ giật nẩy lên, phản chiếu vào trong hốc mắt họ khi cái roi hạ xuống. Có lẽ những kẻ trụy lạc đã từng rất đẹp, nhưng không bao giờ còn được thế nữa; giờ đây, họ chỉ như những đống thịt bị quật tả tơi.

Người phụ nữ đứng gần tôi nhất bị đánh đến nỗi miệng phọt ra máu. Khi tôi thở hắt ra, cô đã nhận ra sự có mặt của chúng tôi. Cô nhìn lên và tôi thấy khuôn mặt cô đã bị dòi bọ ăn gần

hết. Mắt phải của cô trông như một quả trứng lồi ra, còn mắt trái thì treo lủng lẳng trên dây thần kinh thị giác, cách hốc mắt đến hơn hai centimet. Cô nhìn tôi đầy lẳng lơ với con mắt trứng lồi, và liếm môi. Vì hành vi này cô đã bị cả một đoàn quân quỷ quật tơi bời tới tận khi cô quằn quại đau đớn vẫn không thôi. Da cô cứ toác ra như bị rạch bằng kéo cho tới khi cô gần như bị lột sống. Rắn lúc nhúc trồi lên từ những cái hố trên mặt đất, quấn lấy cô như những sợi xích buộc vào một chuyên gia thoát hiểm.

Sau khi cô bị lũ rắn siết chặt, lại thêm những con nữa xuất hiện - những con rắn đủ loại, với đống răng nanh quá khổ đẫm nọc độc - hiện ra từ những cái hố và sung sướng bò lên người cô. Rồi một con rắn hổ mang bò lên mặt người đàn bà lẳng lơ đó, bất động trong đúng một giây trước khi nó bổ xuống tấn công cái cổ của cô. Máu bắn vọt lên không trung trước khi rơi xuống người cô, mỗi giọt máu nổ tung thành một đốm lửa nhỏ. Ngọn lửa nhanh chóng nuốt chửng cô, và con mắt lồi của cô cứ nở ra cho tới khi nổ tung như một quả bong bóng bị bơm quá căng. Cô gào thét cho tới khi dây thanh quản cháy thành tro; cùng lúc ấy, những con mãng xà vẫn tiếp tục quấn chặt lấy người cô. Da thịt cô rời ra, như những miếng thịt mềm, lộ ra phần xương bên trong. Những chiếc xương của cô vàng rực lên, rồi đỏ, rồi đen, trước khi tan vào trong đất. Theo cách này cô đã biến vào hư không - chỉ còn lại thứ đã từng là xương sống của cô.

Xương sống của cô thực sự cũng không phải xương sống; xương sống của cô là một con rắn nhìn thẳng vào tôi từ trong cái tổ tro của nó. VÀ NGƯƠI KHÔNG THỂ CẢN ĐƯỢC ĐÂU.

Con rắn cứ hả hê nhìn chòng chọc vào tôi dù nó đã bắt đầu run lên và những dải xương sườn mới đột ngột tung ra từ hai bên thân nó như những ngón tay phá tung miếng nhựa căng cứng để thoát ra. Tiếp theo, xương tay và xương chân trồi ra. Tàn tro của con người tội lỗi vừa bị thiêu cháy ấy bắt đầu tái tạo thành các mô trên cơ thể người, đầu tiên là tạo hệ bài tiết, rồi đan thành hệ tuần hoàn. Những dòng chất lỏng màu đỏ chảy ra khỏi mặt đất rồi thấm vào người cô để làm thành các mạch máu mới. Các cơ cuộn lại quanh xương như những dây trường xuân mọc trên hàng rào, và da trồi lên khỏi đất như một tấm chăn căng ra trên cái hình hài xương xẩu.

Tóc mọc lên và hai con mắt mới nhô ra từ hốc mắt. Người đàn bà lẳng lơ đã được tái tạo, không phải trong hình dạng bị đánh thê thảm như khi tôi thấy lúc đầu, mà trong hình dạng hẳn phải là của cô khi cô còn sống trên trần gian. Cô có vẻ đẹp hình thể tuyệt vời như bất cứ người phụ nữ nào tôi từng thấy.

Cô bước khỏi mặt đất và tiến một bước về phía tôi, hai tay cô dang ra để ôm lấy tôi. Cô trông mới quyến rũ làm sao, làn da mềm mại và cặp hông hấp dẫn. Những con quỷ, từ nãy giờ vẫn đang canh những kẻ trụy lạc khác, giờ mới nhận ra sự tái sinh hoàn thiện của cô, liền xông tới quất roi vào người cô trước khi cô có thể chạm được vào tôi. Cô bị lùa lại vào hàng tội đồ và vòng tròn luẩn quẩn giờ đã rõ ràng: cô sẽ lại bị đánh tới lui giật lùi, cô sẽ lại bị lũ rắn trói,

và cô lại một lần nữa bị lửa thiêu thành tro. Chuyện này sẽ lặp đi lặp lại, vĩnh viễn, với cô cũng như với tất cả những kẻ tội đồ khác trong tầng giam những kẻ lẳng lơ này.

Tôi giờ đã hiểu vì sao Francesco lại cảnh báo tôi phải cẩn thận với tầng Địa ngục này, bởi trong quá trình ả đàn bà lăng loàn được tái sinh thì quá trình hồi phục của cơ thể tôi cũng hoàn thành. Dòng nham thạch từng là da của tôi đã hoàn toàn bị đẩy lùi và chẳng còn bất cứ dấu hiệu nào chứng tỏ tôi đã bị bỏng. Cơ thể của tôi lại hoàn hảo như cái thời hoàng kim của nó trước vụ tai nạn; vết tích duy nhất còn sót lại là vết sẹo bẩm sinh trên ngực. Tôi, cũng giống như ả lẳng lơ kia, được hồi sinh thành một con người trọn vẹn, đẹp đẽ.

Dù không hề muốn, tôi vẫn quỳ sụp xuống đất và bắt đầu khóc. Và khi đã khóc thì tôi không thể dừng lại được.

Cho tới tận ngày hôm nay, tôi vẫn chưa hiểu được lý do thật sự vì sao tôi khóc. Có phải tôi khóc vì số phận ả quá giống với số phận của chính bản thân tôi không? Có phải bởi tôi đã có lại hình hài mà tôi không bao giờ nghĩ mình có thể lấy lại không? Hay bởi khi ở trong thế giới thực, cơ thể của tôi đang chìm trong ảo giác gây ra bởi đột ngột ngừng dùng morphine?

Tôi không biết câu trả lời là gì. Nhưng rốt cuộc tôi cứ tiếp tục khóc, đơn giản vì tôi sung sướng khi tuyến lệ của tôi đã hoạt động trở lại.

Francesco nhẹ nhàng chạm vào vai tôi. "Styx đang ở phía trước rồi."

Dù đang mất phương hướng, tôi vẫn biết được có cái gì đó không ổn. Xét cho cùng, tôi cũng được nghe Địa ngục trong hai kiếp khác nhau rồi; tôi biết chúng tôi lẽ ra phải đụng độ Styx sớm hơn thế này nhiều. Lau khô nước mắt, tôi nói thế với Francesco.

"Nhưng đây là hành trình của anh," Francesco nói, "chứ không phải của Dante."

Chúng tôi đi về phía bờ sông, nơi một con thuyền đang vun vút lướt tới, như thể nó biết chúng tôi đang đến vậy. "Người lái đò là Phlegyas, con trai của thần chiến tranh Ares. Khi con gái Coronis của ông ta bị Apollo cưỡng hiếp, Phlegyas đã châm lửa đốt ngôi đền của vị thần. Apollo đã bắn tên giết chết ông ta và bắt ông ta phải chịu hình phạt này."

Điểm nổi bật nhất ở Phlegyas là một tảng đá lớn, góc cạnh, bay lững lờ trên cái đầu nhỏ bé của ông, như chực đâm bổ xuống đất bất cứ lúc nào. Vì thế, ông luôn phải ngước đôi mắt khốn khổ của mình lên để xem xét tình hình. Từng mái chèo ngập xuống nước đưa ông tiến lại gần chúng tôi hơn và tảng đá cứ tiếp tục đi theo, không bao giờ rời khỏi vị trí buồn tẻ của nó. Da của Phlegyas đã trở nên vàng vọt vì thiếu ánh nắng; những mạch máu trên mặt ông nổi lên như lưới nhện màu tím và mái tóc ông cứ rụng ra từng búi một. Hai cánh tay dài khẳng khiu thòi ra từ cái áo choàng từ lâu đã đổi màu vì mồ hôi đọng lâu ngày.

"Kẻ này là ai mà dám mang mũi tên đến bờ sông ta cai quản?"

Nỗ lực hăm dọa của Phlegyas không thành do ông còn mải tập trung chú ý vào hòn đá trên đầu. Dù ông đã cố trợn trừng mắt lên, mắt ông vẫn liếc nhìn những cử động nhỏ nhất của hòn đá.

"Ngài hãy tha thứ cho người bạn ngốc nghếch của chúng ta," Francesco nói, "vì anh ấy còn trẻ và vẫn chưa chết."

"Giải thích được khá nhiều đấy." Phlegyas phấp phỏng ngoẹo đầu sang trái một chút, trước khi cho phép nó quay lại vị trí ban đầu ở chính giữa hai vai ông.

"Ngài sẽ đưa chúng tôi qua sông để anh ấy có thể hoàn thành cuộc hành trình của mình chứ?"

"Sao ta phải làm thế chứ? Kẻ này đã chết đâu."

Francesco bắt đầu nói. "Anh ấy là bạn của..."

"Marianne Engel," Phlegyas cắt ngang. "Chẳng liên quan gì đến ta."

Người lái thuyền chống mái chèo xuống đất để xoay thuyền lại, nhưng Francesco đã gọi với theo, "Chúng tôi rất cần sự giúp đỡ của ngài, Phlegyas."

Vì tò mò, có lẽ vậy, Phlegyas đã quay mặt lại đối diện với chúng tôi. "Sao lại thế?"

"Nếu ngài biết Marianne, thì ngài cũng biết đây là một cuộc hành trình vì tình yêu."

"Ta quan tâm gì đến tình yêu?"

"Không phải chính tình yêu dành cho con gái đã đưa ngài đến đây sao? Chẳng lẽ ngài lại muốn để một người nữa bị mắc kẹt mãi mãi trong Địa ngục, nơi không dành cho anh ta sao?"

Lần đầu tiên, Phlegyas có vẻ quan tâm tới tôi hơn hòn đá. "Nói cho ta nghe về tình yêu ngươi dành cho người đàn bà này."

Tôi trả lời thành thật hết mức. "Tôi không thể nói được."

Phlegyas nhíu mày. "Thế thì việc gì ta phải chấp nhận thỉnh cầu của ngươi chứ?"

"Bất cứ người nào nghĩ rằng mình có thể diễn tả được tình yêu," tôi trả lời, "cũng đều chẳng hiểu gì về tình yêu cả."

Câu trả lời này có vẻ đã làm Phlegyas thỏa mãn và ông đã vẫy tay ra hiệu cho chúng tôi lên thuyền mà không đòi lệ phí gì cả. Khi chúng tôi vượt sông Styx, mắt tôi cứ dán chặt vào ba ngọn tháp đỏ cháy rực ở đằng xa.

"Dis," Francesco nói. "Trung tâm của Địa ngục."

Chúng tôi được thả xuống một nơi có cánh cổng sắt khổng lồ. Cánh cổng này được các thiên thần nổi loạn canh giữ, với đôi mắt thăm thẳm không chút thương xót cứ nhìn chúng tôi như đang phán xét mọi thứ. Họ trần truồng và vô giới tính, với làn da trắng sáng lấp lánh chi chít những cái nhọt lớn; từ lưng họ mọc ra đôi cánh đang tan chảy, và thay vì vòng hào quang, họ có mái tóc rực lửa.

Chỉ huy của những Thiên thần Nổi loạn tiến lên phía trước. "NGƯƠI KHÔNG ĐƯỢC QUA. TÊN NÀY CHƯA CHẾT."

"Tôi nghe thế nhiều rồi," tôi nói.

Francesco ném một cái nhìn khó chịu về phía tôi trước khi chuyển sự chú ý sang người thủ lĩnh. "Anh ấy còn sống hay đã chết cũng không phải việc ngài phải lo. Những luật lệ đó không được áp dụng tại cánh cổng này, vì định mệnh của anh ấy là phải bước qua nơi đây."

"VẬY HẮN LÀ AI?"

"Người được chọn," Francesco trả lời, "người đến Diêm phủ khi còn sống."

Tuy nhiên, dù anh ta có xác định danh tính của tôi thì với họ cũng chẳng có ý nghĩa cả. Với giọng nói như sấm rền và những hành động dữ dội, những thiên thần từ chối tất cả những gì anh ta đề nghị. Rõ ràng người dẫn đường của tôi cuối cùng cũng gặp phải một rào cản mà anh ta không thể dùng lời ngon ngọt để đưa chúng tôi qua được.

Chúng tôi đi ra xa khỏi mấy thiên thần để bàn tính với nhau. Tôi hỏi bây giờ chúng ta có thể làm được gì, và Francesco nhìn tôi cứ như câu hỏi của tôi cực kỳ ngu ngốc ấy.

"Chúng ta sẽ cầu nguyện," anh ta nói.

Khi tôi đáp lại rằng tôi sẽ không cầu nguyện, anh ta đã mắng tôi một trận. "Anh đang ở trong Địa ngục đấy. Anh nên bắt đầu đi là vừa."

Francesco lấy mũi tên lửa ra khỏi tay tôi và cắm mũi nhọn của nó xuống đất, rồi trải bộ áo da thú của người Viking ra để chúng tôi quỳ lên. Tiếp theo, anh ta cởi áo ni cô của Sei ra khỏi thắt lưng của tôi và nhanh chóng xé toạc nó ra. Anh ta buộc một mảnh vải mỏng dài quanh đầu tôi cho tới khi tầm nhìn của tôi hoàn toàn bị che khuất. Khi nghe tiếng vải thắt thắt buộc buộc, tôi đoán chắc là anh ta đang che mặt chính mình.

Đây là lần đầu tiên tôi cầu nguyện trong đời và tôi cảm thấy không tự nhiên lắm, nhưng sau tất cả những gì Francesco đã làm cho tôi, ít nhất tôi cũng phải tôn trọng đề nghị của anh ta một lần. Tôi có thể nghe thấy giọng của Francesco, thì thầm bằng tiếng Latin, khi anh ta đang ca ngợi Chúa và xin Người chỉ dẫn. Về phần mình, tôi cầu nguyện cho ảo giác của mình mau kết thúc. Và cho Marianne Engel được an toàn, dù cô đang ở đâu.

Tôi nghe thấy tiếng bước chân đang đến gần và tiếng lách tách trong không trung. Tiếng ấy đến gần hơn, gần hơn...

"Đừng nhìn," Francesco ra lệnh. "Họ gọi Medusa đến đấy."

Và rồi tôi nhận ra tiếng lách tách phát ra từ đâu: chúng được tạo nên bởi những cái lưỡi của lũ rắn là tóc mụ ta. Chúng đang thò ra để ngửi tôi, sinh vật sống đầu tiên đến thăm Địa ngục trong hàng thế kỷ, và một con rắn dè dặt lấy lưỡi liếm vào má tôi. Rồi một con khác, một con khác, và một con khác nữa. Da tôi, giờ đã lành hẳn, đã hoàn toàn lấy lại cảm giác, và oái oăm thay, tôi lại phải cảm nhận nụ hôn của một trăm con rắn. Chúng cố đẩy cái đầu tam giác của mình luồn xuống dưới cái khăn bịt mắt của tôi, để kéo nó lên, để bắt tôi nhìn vào quái vật đầu rắn, nhưng tôi giữ chắc cái khăn ở nguyên vị trí.

Medusa, gí mặt mình cách mặt tôi chỉ độ vài phân, bắt đầu cất tiếng suỵt suỵt. Hơi thở đầy xú uế của mụ phả ra trước mặt tôi và tôi có thể hình dung ra cái lưỡi rắn của mụ. "Nhìn. Nhìn vào ta. Ngươi biết mình muốn thế mà. Đâyy chỉ làà một ảoo giácc. Ngươi định bỏ đi mà không tận hưởng hết những gì mà giấc mơ của ngươi đem lại sao? Ta chỉ giúpp thỏaa mããn lòng hiếu kỳỳ của ngươi thôii."

Tôi biết quá rõ. Nếu phải biến thành một bức tượng, tôi thà bị biến dưới tay Marianne Engel còn hơn dưới cái nhìn của con quái vật đầu rắn này.

Mặt đất dưới chân tôi bắt đầu rung chuyển như một cơn động đất nhỏ. Tôi có thể cảm nhận được những con rắn trên đầu Medusa đã tản ra khỏi mặt tôi. Cơn chấn động tiếp tục mạnh dần lên và chẳng mấy chốc cả không khí cũng rung chuyển, như thể nó đang tách ra để lấy chỗ cho một cái gì đó được sinh ra vậy. Những cánh cổng sắt bao xung quanh Dis kêu răng rắc như một con quái vật dữ tợn đang vật lộn để thoát ra, và những Thiên thần Nổi loạn rộ lên tràng cười hân hoan sung sướng. Tôi cảm thấy Medusa giật bắn ra, và nghe thấy tiếng chân thoái lui của mụ ta. Tôi nghĩ đây là một trò bịp và hỏi Francesco rằng liệu có thật mụ ta đã đi rồi không.

"Tôi nghĩ vậy, nhưng vẫn phải cẩn trọng. Tốt nhất là cứ giữ nguyên khăn bịt mắt như cũ."

Tôi có thể nghe thấy tiếng cành cây lìa khỏi những thân cây chết, và bụi đất cuộn lên mù mịt làm tôi phát ho. "Chuyện gì đang xảy ra vậy?"

"Tôi đã cầu nguyện xin một Sứ giả của Thần thánh tới đây," Francesco trả lời, "nhưng tôi e rằng lời cầu xin của một người tầm thường như tôi sẽ không được đáp lại."

Dù có thể Medusa vẫn đang ẩn nấp đâu đó, tôi không thể không tháo khăn bịt mắt ra được. Xét cho cùng, mấy khi người ta có cơ hội nhìn một Sứ giả Thần thánh? Bầu trời, kể từ khi chúng tôi bước vào đã luôn rặt một màu đen ngòm, giờ trông như thể Chúa vừa nhỡ tay đánh rơi bảng màu của Thiên đường và tất cả những nét đẹp tuyệt trần của Sự sống đang ào

xuống từ trời cao. Trên đỉnh sắc màu ấy, với những dải sáng vàng óng ánh trải dài sau lưng, là Thực thể đẹp nhất tôi từng thấy.

Rõ ràng, bất chấp lời khuyên của chính mình, cả Francesco cũng không để cơ hội trôi qua uổng phí. Anh ta tháo băng ra và cố không nhìn thẳng vào vị Sứ giả, như thể muốn thể hiện lòng thành kính, nhưng không thể không nhìn. Với giọng nói tràn ngập niềm ngưỡng mộ tôn kính, anh ta nói, "Ngài thực linh thiêng."

Tôi choáng ngợp đến nỗi không làm được gì ngoài việc lặp lại lời anh ta nói. "Linh thiêng."

"Michael," Francesco thì thầm. "Đại Thiên thần."

Michael có lẽ cao tới hơn hai mét và mái tóc của thần thả xuống sau lưng như một dòng sông hoang dại vàng óng ả trong nắng. Hai đôi cánh không chút tì vết với sải cánh dài ít nhất bốn mét rưỡi mọc ra từ lưng thần, và thần lướt đi như thể gió tồn tại chỉ để mang thân thể hoàn mỹ của thần đi vậy. Làn da thần tỏa sáng như những tia nắng mặt trời rực rỡ nhất và thần có một đôi mắt to rực lửa. Dù thần có chung đặc điểm này với Charon, nhưng cảm giác mang lại thì hoàn toàn trái ngược: trong khi đôi mắt của người lái đò khiến ông ta trông gian giảo, đôi mắt sáng chói của Michael lại khiến người ta không thể nhìn thẳng vào.

Vị Đại Thiên thần nhẹ nhàng đáp xuống trước cánh cổng dẫn vào Dis. Những Thiên thần Nổi loạn, không dại gì đứng ngáng đường, đã đồng loạt dạt sang hai bên. Những luồng không khí lấp lánh nhảy múa khắp xung quanh Michael, lung linh run rẩy như thể cả chúng cũng không dám chạm vào thần. Tôi có thể miêu tả những màu sắc đó nhưng chẳng thể gọi tên chúng; chúng không tồn tại trong bảng quang phổ của mắt người. Lần đầu tiên tôi nhận ra những người bị mù màu đã nhìn thế giới như thế nào, vì những màu sắc đó làm tôi cảm thấy như thể mình đã luôn luôn nhìn mọi thứ, cho tới tận giây phút ấy, chỉ với một góc nhỏ nhất trong khả năng tiềm tàng của mình.

Vùng đất nơi Michael đang đứng không còn là đống tro bùn của Địa ngục nữa, mà giờ đã xanh tươi mướt mát. Những thân cây cháy rụi phủ bóng lên chúng tôi với những cành cây khẳng khiu trơ trụi giờ đã sum suê tươi tốt. Michael giơ tay lên với một vẻ duyên dáng khó tả và những vệt gỉ sét xấu xí bám trên cánh cổng bị thổi bay ngay lập tức. Ngón tay của thần chỉ lướt nhẹ trên cánh cổng, nó liền bật mở.

Đại Thiên thần quay về phía chúng tôi. Francesco cúi đầu làm dấu thánh. Tôi cứ ngẩng cao đầu, hai mắt tập trung nhìn thẳng. Không giống Francesco, vì tôi chưa bao giờ trông mong được nhìn thấy thần thánh, tôi chẳng phải lo ngại về điều sẽ xảy ra nếu tôi nhìn thấy cả.

Michael mỉm cười.

Trong giây phút ấy, lần đầu tiên tôi nhận ra mình không bị ảo giác. Tôi thực sự đang ở dưới Địa ngục, và tôi thực sự đang đứng trước mặt Thánh thần. Không nghi ngờ gì nữa: tôi quá

người để có thể tưởng tượng ra thứ gì như nụ cười ấy. Đó là một nụ hôn lướt lên tất cả những bí mật tồi tệ nhất của tôi, làm chúng tan biến ngay lập tức.

Với một cái đập cánh nhẹ nhàng, Michael lại bay vút lên, như một cơn lốc xoáy quét qua mặt đất. Phía sau thần là những dải sắc màu thần mang đến, vụt bay biến lên theo thần. Màu xanh mướt của cỏ một lần nữa lại bị thay thế bởi màu xám ảm đạm của bùn. Vẻ tốt tươi của những thân cây giờ đã cạn kiệt. Những cánh cổng lại bám đầy gỉ sét, nhưng vẫn đang mở. Những màu sắc biến đi như nước tắm trong bồn chảy xuống lỗ thoát nước, chỉ có điều cái lỗ thoát nước ấy ở tít trên trời. Nơi Michael biến mất, những dải màu sắc cuối cùng đã đi theo thần qua cái lỗ nhỏ tí trên vòm Địa ngục.

Khi Francesco cuối cùng cũng thốt lên được, sau vài phút đông cứng như tượng, anh ta nói, "Anh phải đi qua cánh cổng này một mình thôi."

Tôi bắt tay Francesco. Cảm thấy hành động ấy chưa đủ thể hiện tình cảm, tôi nói với anh ta rằng tôi không biết phải cảm ơn anh ta như thế nào.

"Chính tôi," Francesco nói, "mới là người phải cảm ơn anh. Tôi không chỉ làm chuyện này vì Marianna; tôi còn làm để trả ơn nữa."

"Vì cái gì?"

"Cha tôi là một cung thủ tên Niccolò, ông đã bị giết khi còn trong đội quân condotta của Đức. Nhưng bạn ông là Benedetto đã trốn thoát với sự giúp đỡ của hai cung thủ người Đức, và ông ấy đã mang cây cung của cha tôi tới Firenze." Francesco, khi nói đến đây, đã siết chặt tay tôi. "Cây cung đó là tất cả những gì tôi biết về cha mình."

"Bản Địa ngục của tôi từng là của cha anh sao?"

"Phải. Ông ấy muốn anh giữ nó." Francesco cúi đầu thật thấp. "Grazie."

Những Thiên thần Nổi loạn không dám cản đường khi tôi đi qua cổng. Tôi biết thứ tôi sẽ thấy tiếp theo là gì: tầng Địa ngục thứ sáu, ngôi nhà của những kẻ dị giáo, đầy những nấm mộ và bia đá rực lửa. Nhưng giây phút bước qua cổng, tôi thấy mình không còn ở trong Địa ngục của Francesco nữa. Thay vào đó, tôi thấy mình đang đứng trên một vách đá trông xuống biển. Khi tôi quay người lại để nhìn về phía sau, cánh cổng của Dis đã biến mất.

Chim hải âu cắt mặt nước với những tiếng kêu quác quác đầy hân hoan. Thảm cỏ ướt đẫm sương mát lạnh và tôi có thể cảm nhận được từng ngọn cỏ cù vào da chân mình. Thân thể tôi lúc này hoàn toàn trần trụi, da tôi đã lành lại hẳn; y phục mặc trên người giờ đã biến mất, và tôi cũng không còn sợi dây chuyền có xâu đồng xu nữa. Đang là bình minh, làn gió nhẹ thổi mát lạnh, và tôi cảm thấy mình thực sự đang sống.

Cách tôi khoảng bảy mét về phía bờ vực, một bóng hình đơn độc đang đứng bất động, dõi về phía biển. Dĩ nhiên tôi biết đó là ai. Khi tiến lại gần hơn, tôi thấy cô có vẻ hơn bốn mươi tuổi nhưng có nét gì đó rất già dặn trên vẻ mặt cô, khi cô phóng tầm mắt ra hàng dặm nước phía xa. Mái tóc cô buộc gọn sau gáy, chiếc khăn choàng phủ ngay ngắn trên vai, buộc chặt lại nơi ngực. Gấu váy của cô có những vết sờn nhỏ và đất bám đầy trên ủng cô. Tôi gọi tên cô: "Vicky."

"Vâng." Mắt cô không rời đường ranh nối biển và trời.

"Cô có nhìn thấy anh ấy không?"

"Tôi thấy anh ấy ở khắp mọi nơi."

Tôi nhìn ra phía đường chân trời. Chẳng có con thuyền nào trên khắp đại dương cả. Chỉ có sóng nước đơn độc trải dài vô tận.

Tôi dịu dàng hỏi. "Cô có nghĩ là Tom sẽ quay trở về không?"

"Anh nghĩ đó là lý do tôi đứng ở đây à?"

"Tôi không biết."

Một lọn tóc tuột khỏi búi tóc quấn sau đầu Vicky. Cô buộc nó lại. "Dĩ nhiên rồi."

Ngọn gió quất vạt váy vào chân cô. Sóng đánh vào những tảng đá phía dưới chúng tôi. Suốt một lúc lâu, chúng tôi không nói gì cả. Tôi nghĩ mình đã đi đến cùng chuyến hành trình Địa ngục này rồi. Đây là hồn ma cuối cùng. Chúng tôi đứng đó, cai quản cái góc nhỏ cô đơn ở nơi tận cùng thế giới, mỗi người đợi một thứ mà mình biết rõ là không có quyền hạn gì với nó cả.

"Anh không mang theo mũi tên lửa," cuối cùng Vicky cũng nói. Cô nói đúng. Tôi đã để nó lại ở chỗ những cánh cổng dẫn vào Dis, cắm sâu xuống mặt đất thay cho bệ thờ của tôi. Có lẽ nó vẫn còn đang cháy, một minh chứng cho việc tôi đã đến đó. "Không sao cả. Ở đây anh không cần đến nó."

"Tôi sẽ phải làm gì tiếp theo bây giờ?"

"Có lẽ cũng đến lúc anh phải chờ." Cô giẫm mạnh gót ủng vào lòng đất và chỉnh cho hai vai mình thêm cứng cỏi trước làn gió biển. "Tình yêu là một hành động chúng ta phải lặp đi lặp lại không ngừng nghỉ."

Trong giây phút đó, tôi đã được phép nhìn vào cái hư không bao la trong sự tồn tại của cô: cô thực sự sẽ mãi mãi đứng đó, đợi Tom trở về. Theo như những gì tôi biết, cô vẫn chưa nhận ra sự trần trụi của tôi. Tôi ngờ rằng cô không để ý đến bất kỳ cái gì ngoài lời hứa của dòng nước đang trải dài trước mặt mình.

"Đây không phải nơi dành cho tôi," tôi nói.

"Anh có chắc không?"

"Tôi nghĩ mình sẽ đi vào đất liền."

Cô không hề rời mắt khỏi biển. "Chúc may mắn."

Có gì đó tôi không sao hiểu được trong cái cách cô chúc may mắn - cho tới khi tôi bước những bước đầu tiên. Tôi có cảm giác đất đang rung chuyển như thể chuyện gì đang xảy ra phía sau tôi, phía dưới tôi, xung quanh tôi. Trong giây lát tôi băn khoăn không biết có phải đó là Michael đang trở lại không, cho tới khi tôi nhìn thấy bờ vực đang dịch chuyển. Sợ nó sẽ sụp dưới chân mình, tôi nhảy bật lên. Tiếng đất nứt toác phía sau lưng, và tôi tung chân lên nhanh hết mức. Khi ngoái nhìn lại phía sau, tôi đã nghĩ mình sẽ thấy vách đá đổ sụp sau lưng.

Nhưng vách đá không sụp đổ. Bờ vực đang đuổi theo tôi, luôn luôn giữ một khoảng cách nhất định dù thực tế là tôi đang chạy bán sống bán chết. Tôi cảm thấy tiếng suýt quen thuộc lại hiện lên trong xương sống của mình. TA Ở ĐÂY RỒI.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là tôi đang chạy theo quán tính, trên một cái cối xay, nhưng không phải thế. Khi tôi nói bờ vực đang đuổi theo tôi, là tôi nói theo nghĩa đen đấy. Những tảng đá liên tục thay đổi hình dạng để bám theo tôi, giữ tốc độ sao cho tôi không thể nào đi xa khỏi vực thẳm được. Khi tôi chạy dạt sang một bên, vách đá xoay tròn như một con chó chăn cừu lão luyện. NGƯƠI CHẲNG THỂ CẢN ĐƯỢC ĐÂU.

Tôi chạy ra xa nhất có thể, vụt sang bên này rồi né sang bên nọ, nhưng vách đá vẫn không chịu buông tha. Tôi đã nhận ra một điều là dù bạn có chạy nhanh đến đâu chăng nữa thì cũng chẳng tích sự gì nếu bạn cứ chạy quanh một chỗ. NGƯƠI KHÔNG THỂ RỜI KHỎI ĐÂY ĐƯỢC. Tôi nhanh chóng nhận ra tình trạng của mình không quá nguy hiểm. Nếu vách đá muốn nuốt chửng tôi, nó đã làm thế từ lâu rồi. Tôi quay trở lại nơi Vicky đang đứng.

"Tôi cũng đã thử rời khỏi đây một lần," cô nói, "và vách đá đã rượt theo tôi."

"Đó là lý do cô cứ đứng ở đây phải không?"

"Không."

"Nếu anh nhảy xuống," Vicky thì thầm, như thể sợ rằng cái tảng đá ở ngay dưới chân chúng tôi sẽ có thể nghe lỏm được, "anh sẽ mất làn da vừa được hồi phục của mình và sẽ về lại với cơ thể chi chít vết bỏng."

"Nhưng đây chỉ là ảo giác thôi. Chẳng có cái gì ở đây là thật cả."

Cô nhún vai. "Đó là điều anh đã học được từ nụ cười của Đại Thiên thần ư?"

NGƯƠI NÊN NHẢY ĐI.

Sao con rắn lại bảo tôi nhảy? Để gây đau đớn cho tôi. Con rắn muốn thế mà, nó luôn sung sướng trước nỗi đau của tôi. Tôi chạm vào làn da mình nơi những đầu dây thần kinh từng bị thiêu rụi.

Nếu mình nhảy xuống, tôi nghĩ, mình sẽ mất thứ này. Mình sẽ mất đi các dây thần kinh, tóc, sức khỏe và vẻ đẹp. Những ngón tay và dương vật của mình sẽ lại thui chột đi. Mặt mình sẽ lại trở thành tảng đá granite bị sương gió vùi dập. Môi mình sẽ lại khô héo đi, và giọng mình sẽ vỡ vụn như những mẩu đá xấu xí. Mình sẽ lại trở thành con quái vật gargoyle, nhưng lần này là sự lựa chọn của chính mình.

NGƯƠI LUÔN LÀ MỘT GARGOYLE. BỊ ĐÓNG DẤU TRONG LỬA ĐỊA NGỤC TỪ TRƯỚC KHI SINH RA.

Tôi hỏi Vicky chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi cứ tiếp tục đứng trên vách đá.

TA KHÔNG ĐƯỢC NHÉT VÀO TRONG XƯƠNG SỐNG CỦA NGƯƠI TỪ SAU VỤ TAI NẠN. TA ĐÃ LUÔN LUÔN Ở ĐÓ TỪ TRƯỚC RỒI.

"Tôi nghĩ là Marianne Engel sẽ đến đón anh," Vicky trả lời.

CÔ TA SẼ KHÔNG ĐẾN ĐÓN NGƯƠI ĐÂU.

"Sao cô lại nghĩ thế?"

Vicky đáp, "Có những lúc tình yêu còn tồn tại lâu hơn cả cái chết."

SAO CÔ TA CÓ THỂ YÊU ĐƯỢC KẺ NHƯ NGƯƠI CƠ CHỨ?

Tôi nhìn vào những con sóng triều dữ dội trước mặt chúng tôi, cứ đập không thương tiếc vào những tảng đá. NGƯƠI NÊN NHẢY ĐI. Có lẽ Vicky nói đúng. Có lẽ đây là cuộc thử thách lòng kiên nhẫn của mình. NGƯƠI NÊN KẾT THÚC MỌI CHUYỆN ĐI. Marianne Engel đã đến với mình trong bệnh viện khi mình cần cô ấy nhất, và cô ấy giờ sẽ lại đến đón mình. Phải không?

NHƯNG ĐÂY THẬM CHÍ CÒN CHƯA PHẢI ĐỊA NGỤC CỦA NGƯƠI. VẪN CHƯA TỚI ĐỊA NGỤC CỦA NGƯƠI ĐÂU.

Địa ngục là một lựa chọn.

TA TƯỞNG NGƯƠI KHÔNG TIN LÀ CÓ ĐỊA NGỤC CHỨ.

"Vicky," tôi hỏi, "tôi đã chết chưa?"

"Tôi không biết."

"Cô đã chết chưa?"

"Chưa, chừng nào tôi còn đợi Tom."

TA LÀ KẺ DUY NHẤT BIẾT RÕ NGƯƠI.

Ánh mặt trời lấp lánh trên những ngọn sóng. Cả đại dương trải dài ra trước mặt tôi.

NGƯƠI LUÔN MUỐN TIN RẰNG CHÚNG TA KHÁC NHAU...

Tôi nhìn xuống và - dù tôi không hiểu tại sao mình lại có cái cảm giác mạnh mẽ đến thế - tôi đã biết chắc tiếp theo mình phải làm gì.

... NHƯNG NGƯƠI KHÔNG THỂ TỒN TẠI MÀ KHÔNG CÓ TA ĐƯỢC.

Một cảm giác thanh thản bao trùm lấy tôi. Khi nỗi sợ rời bỏ tôi, nó quấn lấy con rắn. Vì con mãng xà biết tôi đã quyết định làm một điều tốt cho tôi, hại cho nó.

NGƯƠI LÀ TA.

Tôi quay sang Vicky hỏi, "Tôi sẽ gửi lời hỏi thăm của cô đến cho Marianne Engel nhé?"

"Rất hân hạnh."

ĐÂY LÀ MỘT SAI LẦM.

Tôi tung mình lên không trung. Khi tôi nhảy về phía mặt trời, tôi cảm thấy con rắn đã trượt xuống khỏi người tôi. Trong khi tôi có thể tiến về phía trước, con rắn không thể làm thế. Nó rơi ra từ hậu môn của tôi, rất vừa vặn, bắn ra như một cái mỏ neo bị giật khỏi con tàu.

Một cảm giác không trọng lượng thoáng qua; một điểm thăng bằng giữa khoảng không và mặt nước đang chực chờ phía dưới. Thật kỳ lạ, tôi nghĩ, vì nó giống biết bao giây phút thiêm thiếp chìm vào giấc ngủ khi tất cả đều đẹp một cách phi thực, không chút trần thế. Giống biết bao cảm giác trôi về với sự hoàn thiện. Có một khoảnh khắc lơ lửng vô trọng lượng đến hoàn hảo ở đỉnh đường vòng cung của cú nhảy. Trong giây phút đẹp đẽ này, tôi đã tưởng tượng rằng mình mãi mãi trôi về phía bầu trời.

Nhưng, luôn luôn là thế, trọng lực vẫn luôn chiến thắng. Tôi bị hút thẳng xuống dưới và xuyên qua không khí như một con dao bị quăng xuống đất, nước chồm lên đón lấy tôi. Cả lúc đang rơi, tôi vẫn luôn biết rằng mình đã làm một điều đúng đắn. Tôi nhắm mắt lại và nghĩ về Marianne Engel.

Chìm, làn nước phẳng lặng ôm lấy tôi. Khi tôi rơi xuống nước, tôi có cảm giác như mình đã trở về nhà và tôi...

CHƯƠNG 38

hìn vào mắt Marianne Engel.

Thân thể của tôi được bọc trong hàng lớp vải ướt, để hạ sốt. Tôi lại trở về với chiếc giường của cô, về lại nhà của chúng tôi, và tay cô đang đặt lên má tôi. Cô nói mọi chuyện đã kết thúc còn tôi thều thào tôi đã ở trong Địa ngục. Cô bảo đúng vậy và đưa cho tôi một tách trà. Tôi có cảm giác như mình chưa được uống nước hàng năm rồi. "Đã bao lâu từ khi tôi...?"

"Ba ngày, nhưng không gì tốt hơn việc phải chịu đựng thử thách cả. Đó là một chuyến hành trình gian khổ ngắn ngủi nhưng kết thúc trong niềm vui." Vẫn là Marianne Engel.

"Cứ cho như vậy đi."

Cô giúp tôi cầm chiếc cốc được vững hơn, vì nó đang rung khủng khiếp. "Anh cảm thấy thế nào?"

"Như được cứu ra khỏi lửa Địa ngục."

Cô mỉm cười. "Zechariah chương ba tiết hai."

Tôi kiểm tra lại thân thể mình: da tôi đã trở lại trạng thái thương tổn cố hữu; khuôn mặt tôi đã nhăn nhúm lại; môi teo tóp; những ngón tay lại bị cụt mất; đầu gối lại cứng đơ; lông ở cẳng tay trụi sạch và chỉ còn lơ thơ vài nhúm tóc trên đầu.

Bàn tay tôi, theo thói quen, lại đưa lên ngực. Nơi tôi nghĩ sẽ thấy đồng xu thiên thần, nhưng tôi chẳng tìm được gì, mặc dù nó luôn luôn ở trên người tôi từ khi Marianne Engel tặng cho tôi từ gần mười bốn tháng trước.

"Đồng xu của anh đã hoàn thành nhiệm vụ của nó rồi," cô nói.

Tôi tìm lại trên ga trải giường, dưới gầm giường, mọi chỗ xung quanh, nhưng chẳng thấy sợi dây chuyền của tôi đâu cả. Marianne Engel hẳn đã tháo nó ra trong lúc tôi bị ảo giác. Tôi tự nhủ rằng việc cô tháo sợi dây ra trong lúc tôi ảo giác thấy mình đưa nó cho Charon chỉ là một sự trùng hợp lạ lùng.

"Đừng lo," cô nói. "Tôi sẽ thay sợi dây chuyền đó bằng một cái tốt hơn."

Tôi cảm thấy dễ chịu hơn hàng năm trước đó, hơn cả lúc chưa bị tai nạn, chỉ đơn giản là được sở hữu một tâm trí không bị đầu độc bởi thuốc kích thích và những mạch máu không trở nên lờ đờ vì chất gây nghiện. Không phải tôi chưa bao giờ cảm thấy gợn chút khao khát có lại cảm giác ngây ngất xưa cũ - tôi có cảm thấy thế; thói quen đó đã ở bên tôi quá lâu rồi - nhưng giờ nó đã khác. Tôi có thể chịu được việc không dùng morphine; tôi muốn không phải dùng morphine. Tôi luôn mong đợi các buổi tập với Sayuri và càng tiến bộ nhanh hơn sau mỗi bài tập.

Nhưng tuyệt hơn hết thảy, con rắn cái đã thực sự biến mất.

Từ sau vụ tai nạn, giờ tôi đã tự chăm sóc bản thân tốt hơn rất nhiều, và Marianne Engel lại tiếp tục quay lại công việc tạc tượng của cô. Cô bắt tay vào làm từ chính cái chỗ cô đã bỏ dở, lại tiếp tục làm việc ngay lập tức với một tốc độ cực kỳ có hại cho sức khỏe. Tất cả những gì tôi có thể làm là rửa sạch gạt tàn cho cô và cố hạn chế việc cô cứ ăn hàng thìa cà phê. Tôi mang cho cô những đĩa hoa quả mà giờ trở thành tranh tĩnh vật hơn là thức ăn, và khi cô tạc xong một bức tượng, rồi lăn đùng ra trên tảng đá tiếp theo, tôi sẽ tắm rửa cho cô. Tôi tự hứa với bản thân rằng nếu cô lại có nguy cơ bị suy nhược sức khỏe nữa, tôi sẽ làm tất cả mọi thứ cần thiết để ngăn cô lại. Tôi tự hứa với bản thân.

Từ ngày mười chín tháng Hai đến ngày hai mốt tháng Hai, cô đã kéo được tượng số 16 ra khỏi đá. Vào ngày thứ hai mươi hai, cô ngủ thiếp đi và chìm vào giấc mơ với đá; từ ngày hai mươi ba đến ngày hai mươi lăm, cô lôi được số 15 ra. Cô nghỉ một ngày và rồi làm việc tiếp tới tận ngày một tháng Ba, hoàn thành số 14. Người ta chẳng cần phải là một nhà toán học mới có thể nhận ra cô đã làm được quá nửa tổng số hai mươi bảy trái tim cuối cùng: chỉ còn mười ba trái tim nữa là tất cả sẽ kết thúc. Chỉ còn mười ba trái tim nữa cho đến khi cô nghĩ rằng mình sẽ chết.

Việc cô quay lại tạc tượng có vẻ đã ảnh hưởng đến Bougatsa, giờ đã thiếu đi sự hiếu động thường nhật. Khi chúng tôi trở về từ chuyến đi dạo hằng ngày, nó ăn cả một tô thức ăn to tướng trước khi nằm lờ đờ nhỏ dãi ra đôi giày chỉnh hình của tôi.

Vào đầu tháng Ba, tôi có một buổi khám định kỳ với bác sĩ Edwards. Chúng tôi xem xét biểu đồ hồi phục của tôi và bàn về một cuộc tiểu phẫu sẽ được tiến hành vào cuối tháng. Bà có vẻ thực sự rất hài lòng. "Anh đã ra viện được hơn một năm và mọi thứ không thể tiến triển tốt hơn thế này được."

Tôi ngậm miệng lại không nói gì về việc Marianne Engel, chính tại cái thời điểm đó, đang nằm trên một tảng đá mới, chuẩn bị sẵn sàng. Số 13 May Mắn đang đợi.

"Anh biết không," Nan nói thêm, "tất cả đều chứng minh rằng một bác sĩ có thể phạm phải sai lầm nghiêm trọng đến thế nào. Đã có lúc tôi tưởng anh từ bỏ mọi hy vọng, và rồi anh trở thành một trong những bệnh nhân chăm chỉ tập luyện nhất của chúng tôi. Và khi anh rời đi, tôi cứ đoán chắc rằng Marianne Engel không thể chăm sóc được cho anh."

Marianne Engel tạc tượng số 13, 12 và 11 (một bà già có đôi tai lừa; một con quỷ mọc sừng có cái lưỡi nhớp nhúa thè lè ra ngoài; và một cái đầu sư tử có đôi ngà voi đi kèm), chỉ nghỉ có vài giờ trong suốt quá trình làm việc. Cô đã sụt toàn bộ số cân tăng được từ hồi Giáng sinh, và lại ăn nói khó hiểu. Bức tượng số 10 hiện hữu vào khoảng hai mươi tháng Ba.

Tôi được lên kế hoạch nhập viện để mổ vào ngày hai mươi sáu. Trước khi vào viện, tôi cần xem mình phải làm gì với Bougatsa. Không những tôi nghi ngờ khả năng chăm sóc Bougatsa của Marianne Engel trong khi cô không chăm sóc được chính bản thân mình, mà còn cả con chó nữa, có lẽ là một ví dụ của việc động vật có mối liên hệ mật thiết với người, cũng đang sụt cân. Tôi băn khoăn không biết liệu mình có thể dùng việc này để khiến cô cảm thấy có lỗi mà chui ra khỏi tầng hầm hay không, và quyết định liều một phen.

Tôi bắt cô dừng tạc tượng một lúc để giải thích cho rằng nếu cô coi việc tạc tượng quan trọng hơn chăm sóc Bougatsa, tôi sẽ đem tống nó vào trại chó. (Đây chỉ là một mẹo mặc cả mặc lẽ thôi, nhưng nếu già néo thì cũng đứt dây thật đấy.) Marianne Engel nhìn tôi rồi nhìn Bougatsa, và cô nhún vai. Rồi cô quay lại tạc bức tượng số 9.

Có một đống phân to tướng ở trên sàn. Không phải của tôi.

Suốt thời gian tôi sống ở pháo đài, Bougatsa chưa một lần ị bậy trong nhà. Tôi cảm thấy ghê ghê khi phải miêu tả chi tiết về đống phân ấy, nhưng có hai điều cần phải chú ý ở đây. Đầu tiên, đống phân có vẻ khá lỏng. Thứ hai, nó có bã lá cây.

Thực vật duy nhất ở trong nhà là cái cây Jack mang đến. (Có lẽ trước khi tôi đến đây cũng đã có nhiều cây khác, nhưng chúng chắc đều đã chết bởi sự thờ ơ của Marianne Engel khi cô mải tạc tượng.) Khi kiểm tra đống phân kỹ hơn, tôi nhanh chóng phát hiện ra Bougatsa rõ ràng đã ăn lá cây. Hầu hết lá đều đã bị ăn mất, những cái lá còn lại đều có rìa nham nhở vết răng cắn.

Tôi tìm con chó và phát hiện ra nó đang nằm thẳng cẳng trong phòng sách, thở hổn hển. Khi tôi lấy tay vuốt sườn con chó để cố xoa dịu nó, lông nó rụng đầy ra tay tôi. Xương sườn là minh chứng về sự chết đói và tôi đã bị sốc: không hẳn là vì sự gầy gò của nó, mà vì tôi không hiểu nổi vì sao chuyện này lại có thể xảy ra. Trong những tuần gần đây, Bougatsa ăn nhiều hơn bình thường; sự thực là nó chẳng bao giờ có vẻ ngừng ăn cả.

Tôi tiến thẳng xuống tầng hầm để thông báo cho Marianne Engel rằng con chó của cô đang ốm rất nặng, vì tôi muốn làm cô cảm thấy xấu hổ và buộc cô đi với tôi đến bác sĩ thú y. Nhưng mọi việc không được tốt đẹp đến thế. Cô đang gù lưng trên một con quái vật với cặp mắt sắc lẻm dường như cảnh báo tôi tránh xa ra. Tôi cứ nói. "Bougatsa bị làm sao ấy. Nó ốm."

Cô ngước mắt lên nhìn tôi, như thể cô vừa nghe thấy tiếng động kỳ lạ phát ra từ một góc phòng mà lẽ ra cái góc ấy phải trống trơn. Máu chảy ra từ cổ tay cô do cái đục đi lệch hướng và những vệt đỏ dây khắp trán cô khi cô lấy tay lau trán. "Cái gì?"

"Cô đang chảy máu kìa."

"Tôi là một cành gai trong Thánh đường của Chúa."

"Không," tôi vừa nói vừa chỉ. "Cổ tay cô ấy."

"Ồ." Cô nhìn xuống, và một ít máu chảy cả vào lòng bàn tay cô. "Trông như một bông hồng ấy."

"Cô có nghe tôi nói gì không? Bougatsa bị ốm."

Cô cố hất một lọn tóc ra khỏi bộ ngực lem nhem mồ hôi và bụi đá, nhưng những ngón tay cô không thể chạm trúng được. Cô cứ trượt mãi. "Thế thì đi đến trạm xá vậy."

"Cô muốn nói phòng khám thú y hả?"

"Ừ." Máu cứ nhỏ giọt xuống đống đá vụn dưới chân cô. "Phòng khám thú y."

"Để tôi xem nào." Tôi với lấy cổ tay cô.

Marianne Engel, với vẻ sợ hãi đột ngột hiện lên trên mặt, giơ thẳng cái đục về phía tôi. Trước đây cô mới chỉ dùng bạo lực dọa tôi có một lần, khi cô ném bình cà phê vào tôi lúc ở trên tháp chuông. Lúc đó tôi đã chắc chắn rằng cô cố ý ném trượt nhưng bây giờ tôi biết nếu cô quăng cái đục vào tôi, thì cô thực sự muốn ném trúng đấy. Cô trông như thể không biết mình đang ở đâu, hay tôi là ai; cô trông như thể sẵn sàng làm mọi thứ để bảo vệ quyền được tiếp tục làm việc của mình.

Tôi lùi lại một bước, giơ tay lên theo đúng cách mọi người luôn làm để chứng tỏ rằng họ không có ý định xấu. "Nó là con chó của cô, Marianne. Cô không muốn đi với chúng tôi à? Với tôi và con chó của cô, Bougatsa ấy?"

Cái tên dường như đã khuấy động trí nhớ của cô. Đôi vai co rúm của cô giãn ra và cô buông một hơi thở đã nín từ nãy. Quan trọng nhất, cô hạ cái đục khi nỗi sợ đã rời khỏi ánh mắt cô.

"Không."

Không có chút tức giận nào trong giọng nói của cô, nhưng cũng chẳng có chút hối hận nào cả. Giọng cô chỉ trầm đục và rỗng không, chẳng chút thương cảm, như thể những thứ cô nói ra không phải âm thanh mà chỉ là những tiếng vọng.

Khi tôi đặt được chân lên bậc đầu tiên của cầu thang dẫn lên nhà, cô lại dồn hết sự chú ý vào tảng đá trước mặt mình.

Bác sĩ thú y là một phụ nữ đẫy đà tên Cheryl với mái tóc đỏ và đôi mắt sáng, có lẽ là người gốc Ailen. Một trong những điều đầu tiên bà hỏi là tại sao tôi lại sở hữu cái bộ dạng mà tôi đang mang đây, thật là một cách cư xử tốt hơn nhiều so với việc cố giả vờ rằng ngoại hình của tôi chẳng có gì bất thường. "Tại nạn ô tô."

"Tôi hiểu. Vậy anh bắt đầu nhận thấy có chuyện với, à" - bà liếc vào cái bảng mà cô tiếp tân đã điền - "Bougatsa? Bánh ngọt Hy Lạp, là khi nào nhỉ?"

"Phải. Cùng màu. Tôi thấy nó bị ỉa chảy vào sáng nay, và tôi nghĩ nó đã ăn lá cây."

"Tôi hiểu rồi." Cheryl gật đầu. "Lông nó lúc nào cũng thế này à? Có vẻ không được bóng mượt lắm."

"Chị nói đúng," tôi trả lời, "và đợt này lông có vẻ nhờn hơn bình thường. Nó gần đây đã không ổn rồi, nhưng sáng nay dường như mọi thứ đồng loạt rối tung cả lên. Nó chắc chắn đang bị sụt cân."

Bà hỏi là nó có bị uể oải không, và tôi xác nhận là có. Rồi bà kiểm tra nó một chút, chiếu đèn vào mõm và mắt nó, Bougatsa cứ nằm rên ư ử suốt. Tôi hỏi xem bà nghĩ vấn đề của nó là gì.

"Nó có đau ở vùng này không nhỉ?" Bà hỏi trong khi ấn tay vào bụng của Bougatsa, và rồi tự trả lời câu hỏi của mình. "Thực sự là nó có vẻ không có vấn đề gì ở chỗ này lắm. Có dấu hiệu gì của mỡ chưa tiêu trong phân của nó không?"

Ai - ngoại trừ một bác sĩ thú y - biết được mỡ chưa tiêu trong phân chó thì trông như thế nào? Tôi trả lời là tôi đã quên làm một bài phân tích thành phần hóa học trước khi mang nó đến đây, vì thế tôi không thể nói chắc được. Cheryl ném cho tôi một cái nhìn khó chịu trước khi nhấc đuôi Bougatsa lên để kiểm tra hậu môn. "Nó có hay ăn phân của mình không?"

"Chúa ơi." Lại nữa, Cheryl lại mong đợi ở khả năng quan sát của tôi nhiều hơn mức tôi thấy là hợp lý. "Tôi không biết. Có lẽ?"

"Tôi không chắc vấn đề là gì," bà nói, "nếu không làm thêm vài xét nghiệm nữa. Anh có thể để nó ở đây một hai ngày được không?"

Giờ không phải lúc giải thích rằng Bougatsa thực ra không phải là chó của tôi, thế là tôi cứ thế ký giấy để nó ở lại thôi. Khi tôi hỏi liệu việc xét nghiệm có gây đau đớn cho nó không, nữ bác sĩ thú y giỏi giang trông có vẻ bị xúc phạm. "Không, nếu tôi có thể."

Tôi bảo con chó phải ngoan ngoãn ở với bác sĩ Cheryl và nó thè lưỡi ra liếm tay tôi. Vài người có thể nghĩ việc này là một dấu hiệu thể hiện tình cảm, nhưng tôi hiểu rõ rằng chó chỉ làm thế theo bản năng thích liếm láp chải chuốt của chúng mà thôi.

Khi tôi gọi điện đến phòng khám vài ngày sau đó, Cheryl vẫn chưa tìm ra nguyên nhân gây bệnh cho Bougatsa nhưng bà cũng trấn an tôi rằng sắp có kết quả. Bà có vẻ rất lấy làm tiếc về chuyện đó nhưng, nói thật chứ, điều này thực sự đúng ý tôi.

Phòng khám sẽ là trại chó lý tưởng trong thời gian tôi phẫu thuật, vì thế tôi đã giải thích tình thế của mình và hỏi xem liệu Bougatsa có thể tiếp tục ở đó cho tới khi tôi ra viện không. Bà bác sĩ thú y rất tán thành, nói rằng việc đó sẽ giúp bà có thời gian để làm các chẩn đoán và xét nghiệm cẩn thận.

Giờ tôi chỉ còn phải lo chuyện của Marianne Engel. Tôi không muốn để cô ở nhà một mình, nhưng cô là một người đã trưởng thành và tôi sắp phải vào bệnh viện có một đêm thôi, nhiều nhất là hai. Nếu cô cứ làm theo đúng lịch trình của mình, cô sẽ lại tạc tượng suốt thôi. Mà nếu tôi có ở nhà, thì cô cũng sẽ lờ tôi đi.

Ngay khi tôi đã yên vị trong bệnh viện, tất cả những gương mặt quen thuộc lại xuất hiện trong phòng tôi. Cả Connie (vừa mới hết ca) và Beth (mới bắt đầu) đều ghé qua để chào. Nan ở đó, và sau vài phút thì Sayuri cùng Gregor bước vào với một khoảng cách khá tế nhị, chỉ chạm tay khi họ nghĩ là không có ai để ý. Khi tôi nói người vắng mặt duy nhất là Maddy, Beth cho tôi biết cô mới cưới và đã chuyển đi rồi. Giả thiết đầu tiên hiện ra trong đầu tôi là chồng cô hẳn phải là một dạng ăn chơi đàn đúm nào đó - có lẽ là một thành viên của bọn đua xe Thiên thần Địa ngục hay một tên luật sư tầm thường nào đấy - nhưng, trước sự ngạc nhiên bất ngờ của tôi, anh ta là một sinh viên tốt nghiệp ngành khảo cổ và Maddy đang theo anh ta đến đào đất tại một địa điểm nào đó trên bờ biển Sumatra.

Tất cả mọi người đều hỏi thăm Marianne Engel; và tôi đã nói dối, một chút. Tôi nói cô có một cái hẹn lấy tượng gấp, bản thân tự thấy rằng chẳng việc gì phải nói là Ba Vị Chủ Nhân của cô giờ mới là người lên lịch. Tất cả mọi người đều gật đầu nhưng tôi có thể thấy ít nhất cũng có Sayuri không tin vào câu chuyện của tôi. Tôi đã không dám nhìn vào mắt cô, và điều này cũng làm Gregor cảnh giác với lời bịa đặt của tôi một chút.

Khi trong phòng chỉ còn lại tôi và Nan, tôi hỏi - vì tôi vẫn còn vài giờ trước khi cuộc phẫu thuật bắt đầu - liệu bà có muốn cùng tôi đi dạo quanh sân bệnh viện một lúc không. Bà nhìn vào lịch làm việc của mình, kiểm tra giấy tờ và tin nhắn điện thoại, quay số gọi cho phòng y tá trực rồi cuối cùng cũng đồng ý. Trong nửa chặng đường tản bộ của chúng tôi, bà thậm chí còn khoác tay tôi và chỉ vào vài đám mây trên trời làm bà liên tưởng tới một bầy hải mã. Tôi mời bà ăn một cái bánh xúc xích ở một gian hàng gần đấy và chúng tôi cùng ngồi trên ghế băng nhìn dòng người qua lại. Nan bị dính một ít mù tạt lên áo và tôi nghĩ rằng nó làm bà trông rất dễ thương.

Tôi đếm ngược khi mặt nạ hô hấp được áp lên miệng mình. Cho đến lúc này, tôi đã trở thành một chuyên gia thuốc gây mê và biết rằng mình sẽ tỉnh lại trong vài giờ tới. Chắc chắn sẽ vương lại cảm giác nhoi nhói nhưng tôi đã quen với đau đớn và cũng trải qua nhiều cuộc phẫu thuật để biết rằng mình sẽ ổn thôi. Ít nhất là ổn như hiện tại.

Trừ việc nó không diễn ra đúng như thế. Cuộc phẫu thuật định kỳ của tôi đã gặp phải một biến chứng: nhiễm trùng máu. Kiểu nhiễm trùng loại này chẳng lạ gì với những bệnh nhân bỏng, thậm chí với cả những người đã hồi phục được nhiều như tôi đây, nhưng may mắn là nhiễm trùng không quá nặng và cơ thể của tôi - đã trở nên mạnh mẽ nhờ những bài tập vất vả - có thể chống chọi được. Tuy nhiên, tôi vẫn phải nằm lại viện cho tới khi khỏi hẳn.

Sayuri gọi Cheryl để xin gia hạn thời gian cư trú ở đó của Bougatsa, trong khi Gregor tình nguyện đi thông báo cho Marianne Engel biết tình trạng của tôi. Ông ta quyết định lái xe tới pháo đài để trực tiếp nói cho cô biết, vì cô không trả lời điện thoại. Tôi cảnh báo ông rằng nhiều khả năng cô sẽ không ra mở cửa đâu, và hóa ra là tôi đã đúng. Sau mười phút gõ cửa, Gregor đành bỏ cuộc dù ông ta vẫn nghe thấy tiếng Bessie Smith kêu gào với âm lượng cực đại ở dưới tầng hầm.

Jack có một bộ chìa khóa riêng vì thế tôi gọi cho bà để nhờ bà kiểm tra hộ và nấu ăn cho Marianne Engel. Jack hứa với tôi là bà sẽ làm thế, thậm chí còn hỏi xem tôi có cần mang gì đến bệnh viện không. Chẳng có gì cả, vì tôi đã vào viện nhiều lần đến nỗi quá quen với việc chất đầy một túi xách (quần áo ngủ, giấy vệ sinh, sách, vân vân) để chuẩn bị cho cuộc phẫu thuật dù là nhỏ nhất.

Khi những việc nhỏ nhặt này được xếp đặt đâu vào đấy, tôi chẳng còn việc gì khác ngoài nằm yên trên giường (mà, tiện đây nói luôn, không còn tạo cho tôi cảm giác là lồng ngực của bộ xương nữa) và chờ cho lành hẳn. Mỗi buổi tối, Gregor lại mang cho tôi những cuốn sách mới, và có một lần ông ta thậm chí còn lén mang một ít bia vào. Bởi vì, như ông ta giải thích với một cái nháy mắt tinh nghịch, ông ta có hơi hướng nổi loạn một chút. Tôi bảo đảm với ông ta là ông ta rất nổi loạn ấy chứ.

Sau một tuần thì tôi cũng được ra viện, và Gregor xin nghỉ một giờ để chở tôi về nhà. Khi chúng tôi về đến pháo đài, tất cả đều chìm trong yên lặng. Bình thường việc này chẳng có vấn đề gì, có thể Marianne Engel đã đi dạo, hoặc chuẩn bị mua thêm một ít đá mới - nhưng tôi có cảm giác chẳng lành. Tôi không thèm kiểm tra phòng ngủ của cô nữa; tôi chạy thẳng xuống tầng hầm, với Gregor theo sau.

Dù đã ở với cô hơn một năm, tôi vẫn chưa chuẩn bị tinh thần để nhìn thấy cảnh tượng trước mắt. Đầu tiên, có ba bức tượng mới hoàn thành: số 8, 7 và 6. Cứ xét đến việc tôi mới chỉ đi có một tuần mà bình thường phải mất hơn bảy mươi hai tiếng đồng hồ cô mới tạc hoàn chỉnh một bức tượng, bài toán số học đã cho ra kết quả là cô có lẽ không chỉ đã làm việc không ngừng nghỉ mà còn làm việc cuồng nhiệt hơn bình thường rất nhiều. Đây là điều tôi gần như không thể tin được.

Marianne Engel không làm việc cũng chẳng đang ngủ trên một phiến đá mới. Cô đang ngồi giữa ba bức tượng quái vật mới của mình, bụi đá phủ hoàn toàn lấy người cô, khắc họa đậm nét từng chiếc xương khẳng khiu trên cơ thể. Cô đã gầy trơ xương khi tôi rời nhà đến bệnh viện nhưng giờ đây cô còn gầy hơn. Cô chắc chắn đã không ăn uống gì từ khi tôi để cô lại một mình. Ngực cô phập phồng yếu ớt theo mỗi nhịp thở, và làn da của cô, thật rực rỡ khi cô còn khỏe mạnh, giờ trông như bị trát hàng lượt sáp pafaffin hết hạn lên vậy. Khuôn mặt cô chỉ là bản sao xương xẩu so với trước đây, với những quầng thâm đen dưới mắt dễ gây cho người khác ấn tượng về hai hốc mắt mở trừng trừng.

Máu đỏ tươi thấm đẫm lên hình thập giá Trung cổ xăm trên bụng cô, trào ra từ hàng loạt vết cứa sâu trên ngực. Tay phải cô nằm thõng thượt trên sàn nhà, âu yếm một cái đục đẫm máu với những ngón tay trông như của một bà già, sẵn sàng gãy vụn chỉ dưới một áp lực nhỏ nhất.

Hình xăm trái tim rực lửa trên ngực trái của cô, Marianne Engel đã khắc tên tôi sâu vào trong da thịt cô.

Tôi không nghi ngờ gì việc Gregor Hnatiuk là một bác sĩ giỏi nhưng ngành của ông ta chủ yếu liên quan đến nói chuyện với mọi người, cố gắng tìm hiểu xem vấn đề của họ là gì, có lẽ cả kê vài loại thuốc nữa. Ông ta không được chuẩn bị để nhìn những gì Marianne Engel đã làm. Ông ta dường như không thể chấp nhận quang cảnh ấy là sự thật, có lẽ một phần là vì cô từ lâu không còn là bệnh nhân và đã trở thành một người quen thân thiết. Ông ta không thể cử động để tránh khỏi chỗ ấy và cứ đứng chớp mắt như để tĩnh tâm suy nghĩ, mỗi lần mở mắt là một lần ngạc nhiên khi thấy chẳng có gì thay đổi cả.

Marianne Engel xoay khuôn mặt đầy phấn khích của cô về phía tôi, mắt cô tràn đầy những giọt nước mắt hạnh phúc chứ không phải đau đớn. Khuôn mặt cô ngạc nhiên tột độ như thể vừa nhìn thấy một thứ gì đó quá tuyệt vời đến nỗi không thể diễn tả bằng lời lẽ đơn thuần.

"Chúa đã gửi một ngọn lửa khổng lồ vào tâm hồn tôi." Giọng cô run lên vì sung sướng, trong khi máu vẫn cứ tiếp tục chảy từ dòng chữ tên tôi khắc trên ngực cô. "Trái tim của tôi đã hoàn toàn chìm trong lửa tình yêu, và tôi hầu như không cảm thấy đau đớn chút nào."

Dù mới đầu bị sốc, Gregor vẫn là người tĩnh trí lại đầu tiên và chạy thẳng lên cầu thang để gọi điện cấp cứu. Trong khi đó, tôi cố gắng thuyết phục Marianne Engel bình tĩnh lại, nhưng cô cứ tiếp tục nói. "Thứ sống cùng lửa sẽ trở nên trong sạch." Cô chằm chằm nhìn tôi với ánh mắt điên dại, như thể đang mong nhận được sự đồng tình. "Dòng nước chia cách sẽ thanh tẩy."

Gregor đã quay trở lại, mang theo một cái chăn phủ lên thân thể đang run lẩy bẩy của cô. Khi chúng tôi quấn chăn lên người cô, tôi cố hết sức để làm cô trấn tĩnh lại. "Đội cấp cứu đang tới rồi, và mọi chuyện sẽ ổn thôi. Cô chỉ cần nghỉ ngơi."

Marianne Engel chẳng quan tâm gì đến lời tôi nói. "Chúa là một ngọn lửa nuốt chửng mọi thứ." Mười phút sau, khi đội cấp cứu tới và Gregor dẫn họ xuống tầng hầm, cô vẫn tiếp tục nói. "Thứ không thể chịu được lửa sẽ phải chịu nước."

Nữ y tá phụ trách cấp cứu đã hỏi cô có tiền sử lạm dụng chất kích thích không và tôi đã đảm bảo rằng không hề có chuyện ấy; cô ta gật đầu, nhưng tôi không chắc cô ta có tin tôi hay không.

"Những bầu trời đã cất tiếng kêu," Marianne Engel nói, trong khi họ quỳ xuống bên cạnh cô và kiểm tra các cơ quan nội tạng quan trọng, như thể cô đang cố thuyết phục họ vậy. "Những mũi tên đã được giải thoát."

Các nhân viên y tế đặt Marianne Engel lên một cái cáng rồi khiêng cô ra. Tôi được cho phép ngồi cùng xe cấp cứu với cô, trong khi Gregor lái xe theo sau. Tôi nắm lấy tay cô khi họ luồn một ống truyền dịch vào cánh tay cô. "Khi tảng đá được mở ra," cô líu nhíu nói, "những dòng nước sẽ phun trào."

Chỉ vài giây sau, thuốc đã khiến cô chìm vào giấc ngủ. Ngay sau khi cô hôn mê, tôi liền cung cấp thêm tiền sử bệnh án chi tiết hơn - với những gì tôi biết, trong mọi trường hợp - để các nhân viên y tế có thể liên lạc trước với bệnh viện. Khi chúng tôi tới cửa phòng cấp cứu, hai bác sĩ và một chuyên viên tâm thần học tiếp chúng tôi và Gregor đã đảm nhận nhiệm vụ ký giấy nhập viện cho cô. Tôi tiếp tục nắm lấy bàn tay vô thức của cô và nhẹ nhàng nói, nói tất cả những điều tôi muốn nói với cô nhưng vẫn chưa thể khi cô còn tỉnh táo.

Khi cuối cùng tôi cũng quay lại phòng khám thú y, Cheryl mời tôi ngồi xuống và nói, "Anh có biết chứng thiếu dịch tụy là gì không?"

Tôi nói là tôi có biết, nếu nó giống như dịch tụy người.

"Chó cũng có thể bị thiếu dịch tụy nữa, nhưng nó cũng không hẳn là bệnh Bougatsa mắc phải. Chứng thiếu dịch tụy là một bệnh hay gặp ở những giống chó lớn như là chó chăn cừu Đức, và những triệu chứng thường xuất hiện rất nhanh chóng, có vẻ giống với trường hợp này. Nói đơn giản, nó không thể phân hủy thức ăn của mình thành những phân tử nhỏ hơn bởi vì nó thiếu enzyme cần thiết. Kết quả là, nó không hấp thụ được chút dinh dưỡng nào, và đó là lý do lúc nào nó cũng đói. Nó ăn tất cả những gì mình có thể ăn được, thậm chí cả lá, để bù đắp cho sự thiếu hụt, nhưng dù có ăn nhiều đến thế nào đi nữa, nó cũng không hấp thu được chất dinh dưỡng. Cứ thế này mãi đã dẫn đến tình trạng nó gần như chết đói."

"Nhưng đó mới là tin xấu thôi," bà nói. "Tin tốt là anh đã phát hiện sớm và bệnh này hoàn toàn có thể chữa được, hoàn toàn có thể kiểm soát được với chế độ ăn hợp lý. Nó sẽ lại khỏe mạnh như cũ sớm thôi."

Bà đưa tôi đến chỗ cái cũi và tôi gần như có thể thề là mình đã trông thấy một tia sáng lấp lánh trong mắt Bougatsa khi nó nhìn thấy tôi đến. Nhưng có lẽ đó chỉ bởi Cheryl đã cho nó ăn thức ăn mà cuối cùng nó cũng có thể tiêu hóa được.

Các bác sĩ nói với Marianne Engel rằng họ chỉ chữa chứng suy nhược cơ thể của cô thôi, nhưng sự thật là họ cũng đang sát sao theo dõi tình trạng thần kinh của cô nữa. Gregor thường xuyên đến bệnh viện thăm cô, nhưng những chuyến thăm của ông ta là do tình bạn

nhiều hơn là mối quan tâm bác sĩ bệnh nhân. Nhờ sự can thiệp của ông, một chuyên gia tâm thần học khác đã được chỉ định theo ca này.

Ngày nào tôi cũng đến và có một lần các bác sĩ thậm chí còn cho phép tôi mang Bougatsa vào. Biện pháp trị liệu với sự giúp đỡ của động vật, họ gọi thế. Marianne Engel được ra ngoài ngồi trên ghế băng tắm mình trong ánh mặt trời và cho con chó ăn một chút. Cô dường như rất sốc trước sự gầy gò của nó, như thể cô không hề nhớ rằng tình trạng sức khỏe của nó đã yếu đi trông thấy ngay trước mắt cô. Con chó, về phần mình, đã tha thứ hoàn toàn việc bị cô chủ bỏ rơi khi nó cần cô nhất. Bọn chó lúc nào cũng ngu thế đấy.

Việc cô ra viện vào cuối tuần đã vấp phải sự phản đối kịch liệt từ phía bác sĩ chỉ định. Tôi cũng khá do dự: tất cả những tổn thương cô tự gây ra cho bản thân, hầu hết đều do việc không quan tâm gì đến cơ thể của chính mình. Khắc tên tôi vào ngực mình là một hành động điên rồ và cực kỳ đáng sợ, điều này làm tôi cảm thấy mình không chỉ bỏ bê cô mà còn là nguyên nhân gây đau khổ cho cô nữa. Vì tình trạng sức khỏe của cô đã hồi phục, bệnh viện cũng không thể giữ cô lại mà không có trát của tòa, và dù tôi có nói thế nào đi nữa thì cũng không thể bắt cô ở lại thêm vài ngày. Khi chúng tôi về đến nhà, Bougatsa chạy nhắng lên khắp chỗ, húc cả vào cái cây mà vài tuần trước đã là thức ăn của nó.

Marianne Engel mới về nhà được hai ngày đã lại bắt đầu cởi quần áo chuẩn bị cho tảng đá tiếp theo. Đến dải băng quấn quanh ngực, cô cũng tháo luôn. "Tôi không thể giao tiếp mà vẫn băng thứ này trên người được."

Tôi sẽ không để cô làm thế nữa đâu. Tôi đã phải nhìn cô đổ gục hai lần rồi. Tôi sẽ không để mặc cô lần thứ ba đâu; tôi sẽ không để tên tôi làm ô nhiễm da thịt cô.

Chuyện xảy ra tiếp theo không thể gọi chính xác là một cuộc tranh luận, bởi vì một cuộc tranh luận cần có sự trao đổi những ý kiến trái ngược nhau. Đây thì toàn tôi nói thôi. Tôi nói nhẹ nhàng; tôi quát tháo; tôi dụ dỗ; tôi đe dọa; tôi nài nỉ; tôi đòi hỏi; tôi nói năng logic; tôi nói chuyện tình cảm; tôi nói đi nói lại mà cô vẫn hoàn toàn lờ tịt. Cô cứ lặp đi lặp lại chỉ một câu trả lời: "Chỉ còn năm bức tượng nữa thôi. Tôi sẽ nghỉ khi tất cả đã hoàn thành."

Khi tôi không thể dùng lời lẽ bắt cô dừng làm việc - logic thật vô dụng khi phải đối mặt với đam mê ám ảnh - tôi sẽ phải tìm cách khác để bảo vệ cô. Tôi quyết định đến thăm Jack, dù bà đã thất hứa trong việc chăm sóc cho Marianne Engel khi tôi đang nằm viện.

Khi bước vào triển lãm, tôi đã thấy một bộ ba bức tượng quái vật quen thuộc, và trên bức tường phía sau chúng là bức ảnh của một Marianne Engel khỏe mạnh. Đục trong tay, mái tóc kỳ dị rối bù đầy nghệ sĩ, cô đang đứng tựa vào một trong những sáng tạo nghệ thuật đầu tay của mình. Chú thích ngắn ngủi phía dưới bức ảnh chẳng đả động gì đến vấn đề thần kinh của cô cả. "Không giống với hầu hết các nghệ nhân tạc tượng hiện đại khác, người nghệ sĩ

tỉnh lẻ nổi tiếng khắp thế giới này từ chối sử dụng các dụng cụ bằng hơi, luôn ưa dùng những dụng cụ truyền thống từ thời Trung cổ..."

Một cặp vợ chồng trẻ đi quanh một trong những tác phẩm cỡ lớn, lướt ngón tay lên những đường nét của bức tượng. Họ đang bình phẩm "cảm giác tuyệt vời khi được chạm vào nó" - nhưng rồi họ có thể đặt nó ở đâu? Chẳng có gì làm người ta buồn nôn hơn là việc bọn rửng mỡ chê tiền ngồi bàn luận nghệ thuật. Jack, ngắm thấy một mối lợi tiềm tàng, đã cố đi thẳng qua tôi với chỉ một cái vẫy tay hờ hững và nói, "Tôi sẽ quay lại với anh trong phút nữa."

"Sao bà lại bỏ rơi cô ấy?" tôi hỏi. Lần đầu tiên, tôi cảm thấy hài lòng với cái chất giọng chuông vỡ đùng đục của mình - nó làm lời buộc tội của tôi dành cho bà càng thêm kịch tích hơn.

Jack ngay lập tức bỏ ý định tiến lại chỗ khách hàng và kéo tôi vào một góc phòng để dựng lên một hàng rào phòng ngự chắc chắn trước sự cáo buộc của tôi. Cách bà nói làm tôi nghĩ đến một đoàn tàu trật bánh: tất cả những lời bà nói đều là những toa chở hàng hóa đóng kín, đổ ầm ầm về phía trước, đe dọa sẽ bay khỏi đường ray và nổ tung vào cuối mỗi câu như một đống hoang tàn hỗn độn. Bà bảo rằng mình đã đến pháo đài của cô hàng đêm khi tôi đang nằm viện, cố lách mình qua đống đồ đạc chặn trước cửa chính. Khi đã vào được bên trong rồi, bà đứng giữa Marianne Engel và những bức tượng của cô, không chịu rời đi cho tới khi cô ít nhất cũng ăn được một chút hoa quả.

"Anh thấy cô ấy vào giữa buổi chiều đúng không?" Jack đang nói tới thời điểm tôi và Gregor đến pháo đài. "Tôi phải làm việc, anh biết đấy. Tôi không giống anh - tôi phải tự trả hóa đơn của mình. Tôi không thể cứ thế mà đóng cửa phòng triển lãm để ở bên cô ấy cả ngày. Và nếu anh chịu gọi điện, tôi đã đi thẳng tới bệnh viện rồi. Nhưng không."

Chúng tôi cứ tranh cãi xem ai phải có trách nhiệm về cái gì, cho tới khi cặp vợ chồng trẻ không thể không nhìn trân trối về phía chúng tôi. Tôi ném cái nhìn quái vật nhất của mình về phía họ, cái nhìn sẽ giúp họ biết rằng họ nên quan tâm đến công chuyện chết tiệt của họ thì hơn.

Jack coi đây là một cơ hội tuyệt diệu để chỉ ra rằng khách hàng của bà đã trả tiền cho việc nuôi sống tôi. Tôi phản pháo lại là họ cũng trả cho việc nuôi sống bà nữa đấy, trong khi bà đè đầu cưỡi cổ Marianne Engel. "Bà chắc phải vui lắm khi biết rằng cô ấy lại tiếp tục tạc nữa đấy."

Ngay giây phút ấy, tất cả những giận dữ trên gương mặt Jack đã được thay thế bởi vẻ ngạc nhiên rất thật. "Cô ấy lại cái gì cơ?"

Tôi không thể tiếp tục tấn công bà được nữa: không có cách nào phủ nhận sự quan tâm của Jack cả. "Cô ấy chưa bao giờ lên cơn cùng một lúc thế này trước đây cả. Một lần một năm, có lẽ thế. Hai lần, nếu năm nào không được suôn sẻ cho lắm."

Chính lúc ấy, tôi cảm thấy ghét Jack vì chuyện bà đã chia sẻ hai mươi năm đời mình với Marianne Engel. Đó là sự ghen ghét tệ hại nhất, được nuôi dưỡng bởi lòng ghen tị, nhưng đó cũng là sự ghen ghét tôi phải gạt sang một bên. Kinh nghiệm của Jack là vô giá, vì thế tôi hạ tông giọng của mình xuống thấp nhất có thể. "Giờ tôi phải làm gì đây?"

"Tôi không biết." Bà lật tấm biển từ "Mở cửa" sang "Đóng cửa", dồn những vị khách còn sót lại ra ngoài, và tôi đi theo bà ra khỏi cửa hàng. "Nhưng chúng ta phải làm một cái gì đó."

Jack biết một luật sư chuyên trị những vấn đề liên quan đến việc nhập viện không tự nguyện. Tôi nghĩ điều này cũng rất tự nhiên khi cả đời bà phải đối phó với những bệnh nhân tâm thần phân liệt - trước nhất là mẹ mình, rồi đến Marianne Engel.

Clandy McRand là một ông già, ngồi sau cái bàn gỗ to tướng đặt chiếc máy tính phủ đầy những tờ giấy ghi chú màu vàng. Ông cứ không ngừng kéo ve chiếc áo khoác của mình xuống, như thể làm thế sẽ giúp ông khép được chiếc jacket vào cái bụng mà ông không chịu thừa nhận kích cỡ thực sự. McRand đằng hắng liên tục, dù tôi mới là người nói hầu như từ đầu đến cuối. Ông hí hoáy viết vào cuốn sổ luật sư bìa vàng của mình, và Jack thỉnh thoảng lại trả lời những câu hỏi của ông mà tôi không có lời đáp. Ông có vẻ đã biết khá rõ về Marianne Engel, nhìn vào chồng hồ sơ dày cộm ông lôi ra trong tủ khi chúng tôi mới đến thì biết. Rõ ràng là hồi xưa Jack cũng có dùng dịch vụ của McRand, có lẽ là để giúp lập quyền bảo trợ.

Khi chúng tôi đã nói cho ông biết mọi chuyện cần thiết, ông bảo chúng tôi có thể lập hồ sơ vụ này nhưng cũng sẽ chẳng dễ dàng gì đâu. Mọi thứ có bao giờ dễ dàng đâu, tôi nghĩ, nếu luật sư có thể có một ngày lương béo bở. Tuy nhiên, khi nghe ông giải thích quy trình, tôi có thể hiểu được là không phải sự tham lam của ông làm chậm trễ mọi việc. Lý do thực sự là do quy chế.

Thông thường thì, một người họ hàng của bệnh nhân sẽ điền các cam kết cho việc nhập viện khẩn cấp. Dù theo luật là ai cũng có thể ký được, McRand giải thích tiếp, nhưng quy trình sẽ bị chậm đi nếu người ký giấy không phải họ hàng gần của bệnh nhân. Vì Marianne Engel không có gia đình, cô sẽ cần phải được hai bác sĩ kiểm tra cẩn thận trước khi người đại diện có thể ký bất kỳ cái gì. Nếu cô từ chối không cho kiểm tra - mà tôi biết chắc là cô sẽ làm thế - tôi sẽ bị buộc phải làm bản cam kết rằng cô "bị tổn thương nghiêm trọng". McRand nhìn tôi dò hỏi để chắc chắn tôi sẽ làm việc đó và tôi bảo đảm với ông rằng tôi sẽ làm thế, nhưng tôi nghĩ ông đã nhận ra sự do dự trong giọng nói của tôi.

"Ừm ừm," McRand dặng hắng một lúc trước khi tiếp tục nói. Một khi bản cam kết của tôi đã được ký xong xuôi, Marianne Engel sẽ bị bắt buộc phải trình diện tại bệnh viện để được bác sĩ chẩn đoán. Nếu cô từ chối - mà, lại nữa, tôi biết cô sẽ làm thế - các nhà luật pháp sẽ bắt

buộc cô phải có mặt. Trong trí tưởng tượng của mình, tôi nhìn thấy hai ông cảnh sát bụng bự còng tay cô và kéo khuỷu tay cô dẫn vào tòa.

Nếu các bác sĩ kiểm tra đồng ý với lời khai của tôi rằng cô thực sự bị tổn thương nghiêm trọng, lệnh bắt nhập viện khẩn trong vòng bảy mươi tám tiếng đồng hồ sẽ được thực thi. Khi thời gian này kết thúc, giám đốc bệnh viện có thể làm một bệnh án khác để buộc cô nhập viện lâu hơn. Điều này là rất cần thiết bởi vì - lại một lần nữa, do chúng tôi không có họ hàng gì với nhau - cả Jack lẫn tôi đều không thể tự đứng ra làm việc đó được. Nếu không có sự hợp tác của ngài giám đốc, chúng tôi sẽ không có quyền hợp pháp để tiến hành làm đơn thỉnh cầu.

Cứ cho rằng giám đốc bệnh viện sẽ đồng ý, thì tiếp theo cũng phải ra đối chất trước tòa nữa. Ở đây thì Marianne Engel sẽ bị buộc phải ra để đối chất, như tôi, và như Jack với tư cách là người bảo trợ của cô. Có khả năng là những người khác cũng phải có mặt, những người đã chứng kiến những biểu hiện gần đây của Marianne Engel. Có lẽ là Gregor Hnatiuk và Sayuri Mizumoto, ví dụ thế. Hội đồng sức khỏe tâm thần sẽ chủ tọa phần đối chứng, dù Marianne Engel vẫn sẽ có quyền hợp pháp để dự một phiên tòa có đủ bồi thẩm đoàn. Và, nếu chuyện đó xảy ra, cô hoàn toàn có thể thuê luật sư cho riêng mình.

Ở tòa, McRandy cảnh báo, chẳng mấy nghi ngờ gì là tiểu sử của tôi sẽ được mang ra bàn luận. Xét đến nghề khiêu dâm của tôi, việc tôi thú nhận là người nghiện ngập, và việc Marianne Engel đang phải trả mọi hóa đơn y tế của tôi, bất cứ thẩm phán nào cũng sẽ do dự trước việc treo quyền dân sự của cô chỉ vì tôi thấy rằng đó là một ý hay. Nhìn một cách khách quan, cô là công dân hạng nhất, tôi thì không. Bồi thẩm đoàn có khi còn thấy buồn cười là tôi muốn cô tuyên bố rằng cô không có khả năng tự chăm sóc bản thân trong khi mọi người đều thấy rằng cô sống một cuộc sống tốt hơn tôi rất nhiều. Và - McRand có vẻ ngại ngần nêu vấn đề này ra nhưng biết rằng ông sẽ rất cẩu thả nếu không làm thế - Marianne Engel có thể trình diện tòa với một khuôn mặt xinh đẹp. "Anh, trái lại..." Đó không phải là một câu cần có kết thúc.

Tôi chỉ ra rằng cô đã lấy đục khắc chữ vào ngực. Có bằng chứng nào mạnh hơn thế để chứng tỏ cô đang gây nguy hiểm cho chính bản thân mình chứ? McRand thở dài và nói rằng sự việc ấy có thể là "một điểm khởi đầu tốt để đưa trường hợp đó ra trước tòa," nhưng cũng chẳng có bằng chứng nào chứng tỏ cô có thể gây nguy hại cho ai khác cả. "Nếu tự làm hại bản thân là lý do để tống người ta vào bệnh viện, thì giờ viện tâm thần đã đầy chật những người nghiện thuốc lá và khách hàng trung thành của đồ ăn nhanh rồi."

Sao tôi có thể nhờ những người chúng tôi biết để làm chứng chống lại Marianne Engel trong một vụ xử mà chúng tôi gần như cầm chắc thất bại? Hơn nữa, làm sao tôi có thể làm chứng chống lại cô? Với những lý thuyết của cô về âm mưu thì không thể để cô nghĩ rằng những

người bạn thân nhất thực ra chính là tay sai của kẻ thù đang cố ngăn cô đem những trái tim của mình đi.

"Vậy đó..." Ngài McRand thở dài thể hiện đã đi đến kết luận, kéo ve áo của ông xuống lần nữa trước khi đặt hai tay lên cái bụng tròn trịa.

Tôi cám ơn ông vì đã dành thời gian cho chúng tôi và Jack nói với ông là cứ gửi hóa đơn đến phòng triển lãm của bà. Khi chúng tôi đã ra khỏi văn phòng, Jack giơ tay lên để quàng vai tôi. Bà nói rất lấy làm tiếc, và tôi tin rằng bà thực sự thấy như vậy.

Niềm an ủi duy nhất của chúng tôi là Marianne Engel chỉ còn năm bức tượng nữa trong bài đếm ngược của cô. Dù nhìn cô tạc chúng là một việc rất đau đớn, ít nhất việc đó cũng không kéo dài lâu nữa. Tất cả những gì tôi có thể làm là cố chăm sóc cô tận tình. Khi cô đập nhát búa cuối cùng xuống bức tượng cuối cùng, cô sẽ nhận ra rằng rốt cuộc những nỗ lực của cô đã không thể giết được cô.

Thực đơn mới của Bougatsa bao gồm một phần tụy bò sống, thứ này giúp nó có thể tiêu hóa các thức ăn khác bằng việc thay thế enzyme tụy mà cơ thể nó thiếu. Dù có thức ăn bổ sung dạng bột chứa đủ enzyme cần thiết, Cheryl và tôi vẫn quyết định là sẽ dùng thịt thật. Thế là tôi trở nên nhẫn mặt mấy bác bán thịt quanh vùng, những người đã rất băn khoăn trước đơn đặt hàng của tôi cho tới khi tôi giải thích tại sao tôi lại cần chúng, và họ đã rất hài lòng khi biết được rằng mình đang giúp đỡ con chó ở cuối sợi dây của tôi đây, vì chẳng mấy khi một ông đồ tể có được cảm giác mình là một bác sĩ. Mỗi ngày Bougatsa lại trông khá hơn một chút và mỗi ngày Marianne Engel lại trông tệ đi một chút.

Cô tái đi vì thiếu ánh sáng, dù thỉnh thoảng cô cũng ra khỏi tầng hầm để lấy thêm thuốc lá hoặc một bình cà phê hòa tan khác. Cô dần trở thành một cái khung xương tạc vĩnh viễn vào bụi đá, da thịt cô cứ khô héo dần dưới áp lực cố gắng quá sức. Cô đang tan biến dần, từng chút từng chút một, như những mẩu đá nhỏ cô đục ra khỏi bức tượng quái vật. Cô đã hoàn thành bức tượng số 5 trước khoảng giữa tháng Tư và ngay lập tức bắt tay vào chuẩn bị cho bức tượng số 4.

Ngày kỷ niệm vụ tai nạn của tôi - ngày "sinh nhật" thứ hai của tôi vào thứ Sáu Tuần Thánh - trôi đi mà cô không hề chú ý. Tôi đến địa điểm xảy ra tai nạn một mình, trèo xuống chỗ gần bờ sông và thấy rằng màu xanh của cỏ giờ đã phủ lên màu đen của vụ cháy. Chiếc chân nến cắm từ lần sinh nhật trước của tôi giờ vẫn đứng nơi chúng tôi để nó lại, xám xịt vì sương gió, một minh chứng cho việc nơi đây chưa hề có ai lai vãng kể từ lần đó.

Tôi đặt một chiếc chân nến xuống, một chiếc khác trong số những tác phẩm được cho là của Francesco, và cắm một ngọn nến vào cái miệng sắt đang há ra chực chờ của nó. Tôi nói vài lời sau khi đã châm nến - không phải một bài cầu nguyện, vì tôi chỉ cầu nguyện khi ở Địa

ngục - mà như một lời tưởng niệm những gì đã qua. Nếu không phải vì lý do nào khác, thực sự cuộc sống với Marianne Engel đã làm tôi trở nên thích thú với các nghi lễ.

Cô tiếp tục làm việc đến hết tháng, nhưng tốc độ làm việc của cô đã giảm đi đáng kể. Điều này là không thể tránh khỏi. Khi làm xong bức tượng số 4, cô phải nghỉ hai ngày rồi mới tiếp tục làm tượng số 3. Cô không thể tiếp tục lờ đi những rối loạn cơ thể được nữa. Dù cô đã dành thêm thời gian để chuẩn bị, bức tượng số 3 vẫn mất tới năm ngày mới hoàn thành được.

Tượng số 2 kéo thời gian làm việc của cô đến tận cuối tháng, và chỉ nhờ một ý chí kiên cường đáng sợ mới có thể giúp cô tiếp tục được lâu đến thế. Sau khi xong xuôi, cô bò vào phòng tắm để tắm gội sạch sẽ và rồi (cuối cùng thì cũng) trèo lên giường ngủ liền hai ngày.

Khi cô tỉnh dậy, chỉ còn duy nhất một bức tượng nữa mà thôi. Tôi không chắc là mình nên sợ điều này hay nên sung sướng tột độ nữa; vì lúc nào chẳng thế, Marianne Engel thường làm tôi có cảm giác ấy.

Cô hiện ra từ phòng ngủ vào ngày đầu tiên của tháng Năm và tôi thực sự nhẹ nhõm khi thấy cô đã khá lên nhiều. Tôi trở nên hài lòng gấp đôi dù vẫn còn chút ngờ vực khi thay vì tiến thẳng xuống tầng hầm để bắt đầu làm nốt bức tượng cuối cùng cô lại cùng ăn với tôi. Khi chúng tôi nói chuyện, tất cả từ ngữ đều ở đúng trật tự và sau đó cô còn đi dạo với Bougatsa, con chó cứ lâng lâng khi có lại sự quan tâm mà nó đã mong mỏi từ phía cô chủ. Chúng tôi thay nhau ném một quả bóng tennis cho nó chạy đuổi theo để rồi quay trở về với một mồm đầy nước dãi.

Marianne Engel là người đầu tiên gợi chủ đề ấy ra. "Tôi chỉ còn một bức tượng nữa thôi."

"Ừ."

Tôi đặt một chiếc chân nến xuống, một chiếc khác trong số những tác phẩm được cho là của Francesco, và cắm một ngọn nến vào cái miệng sắt đang há ra chực chờ của nó. Tôi nói vài lời sau khi đã châm nến - không phải một bài cầu nguyện, vì tôi chỉ cầu nguyện khi ở Địa ngục - mà như một lời tưởng niệm những gì đã qua. Nếu không phải vì lý do nào khác, thực sự cuộc sống với Marianne Engel đã làm tôi trở nên thích thú với các nghi lễ.

Cô tiếp tục làm việc đến hết tháng, nhưng tốc độ làm việc của cô đã giảm đi đáng kể. Điều này là không thể tránh khỏi. Khi làm xong bức tượng số 4, cô phải nghỉ hai ngày rồi mới tiếp tục làm tượng số 3. Cô không thể tiếp tục lờ đi những rối loạn cơ thể được nữa. Dù cô đã dành thêm thời gian để chuẩn bị, bức tượng số 3 vẫn mất tới năm ngày mới hoàn thành được.

Tượng số 2 kéo thời gian làm việc của cô đến tận cuối tháng, và chỉ nhờ một ý chí kiên cường đáng sợ mới có thể giúp cô tiếp tục được lâu đến thế. Sau khi xong xuôi, cô bò vào phòng tắm để tắm gội sạch sẽ và rồi (cuối cùng thì cũng) trèo lên giường ngủ liền hai ngày.

Khi cô tỉnh dậy, chỉ còn duy nhất một bức tượng nữa mà thôi. Tôi không chắc là mình nên sợ điều này hay nên sung sướng tột độ nữa; vì lúc nào chẳng thế, Marianne Engel thường làm tôi có cảm giác ấy.

Cô hiện ra từ phòng ngủ vào ngày đầu tiên của tháng Năm và tôi thực sự nhẹ nhõm khi thấy cô đã khá lên nhiều. Tôi trở nên hài lòng gấp đôi dù vẫn còn chút ngờ vực khi thay vì tiến thẳng xuống tầng hầm để bắt đầu làm nốt bức tượng cuối cùng cô lại cùng ăn với tôi. Khi chúng tôi nói chuyện, tất cả từ ngữ đều ở đúng trật tự và sau đó cô còn đi dạo với Bougatsa, con chó cứ lâng lâng khi có lại sự quan tâm mà nó đã mong mỏi từ phía cô chủ. Chúng tôi thay nhau ném một quả bóng tennis cho nó chạy đuổi theo để rồi quay trở về với một mồm đầy nước dãi.

Marianne Engel là người đầu tiên gợi chủ đề ấy ra. "Tôi chỉ còn một bức tượng nữa thôi."

"Ừ."

"Anh có biết nó là gì không?"

"Lại một con quái vật nữa, tôi đoán thế."

"Không," cô nói. "Là anh."

Trong suốt tháng trước, bức tượng của tôi đã đứng đó, phủ một tấm vải trắng như bức biếm họa một con ma, trong góc xưởng của cô. Lúc đầu tôi hơi thất vọng vì nghĩ cô đã chán chẳng động đến nó, nhưng khi thấy cô càng lúc càng gầy đi thì tôi lại hạnh phúc vì đã không phải ngồi làm mẫu cho cô trong khi cô cứ héo dần héo mòn.

Tôi chỉ phải nghĩ một chút trước khi tình nguyện tiếp tục ngồi làm mẫu cho cô. Dù vẫn mong cô sẽ từ bỏ hết ý định tạc bức tượng cuối cùng, thì ít nhất tôi cũng có thể để mắt tới cô khi cô làm việc. Việc này cũng có cái lợi, nếu những lần ngồi mẫu trước đây của tôi có biểu đạt gì, cô sẽ tiến hành tạc tượng với một tốc độ thoải mái hơn rất nhiều. Tôi không phải một con quái vật hoảng sợ gào thét đòi thoát ra khỏi trận tuyết lở của thời gian và đá bụi; tôi sẽ cho cô thời gian rộng rãi hết mức, chẳng bao giờ thúc giục cả.

Tính tò mò đã giục tôi hỏi Marianne Engel xem liệu khi chúng tôi bắt đầu tạc bức tượng đó vài tháng trước, cô có biết đó sẽ là tác phẩm cuối cùng của mình không. Rồi, cô trả lời, cô đã biết thế rồi. Thế là tôi lại hỏi thêm, sao cô lại mất công tạc nó vào lúc ấy, trong khi biết rằng mình sẽ phải tạm để nó sang một bên?

"Đó là một phần trong việc chuẩn bị cho anh," cô trả lời. "Tiền trảm hậu tấu, tôi nghĩ anh khó có thể từ chối. Có vẻ là tôi đã đúng."

Chúng tôi bắt đầu vào chính ngày hôm đó. Trần trụi đứng trước mặt cô luôn làm tôi có cảm giác kỳ cục, nhưng giờ tôi đã cảm thấy ít xấu hổ hơn khi hiện tại cô, cũng như tôi, đã không còn hoàn hảo về mặt thể chất nữa. Trong khi sự gầy gò ốm yếu của cô còn lâu mới kinh khủng bằng những vết thương của tôi, nó ít nhất cũng mang chúng tôi lại gần nhau hơn trong nỗi bất hạnh của mình.

Công việc tạc tượng tôi kéo dài trong khoảng mười ngày, già nửa thời gian đó được đổ vào việc chăm chút những chi tiết nhỏ nhất. Thỉnh thoảng Marianne Engel đi tới bên chỗ tôi ngồi để lướt ngón tay lên người tôi, như thể đang cố nhớ vị trí vết bỏng của tôi để có thể khắc lên bức tượng càng chính xác càng tốt. Cách cô chú ý đến từng đường nét mờ ảo nhất khiến tôi không kìm được vài câu nhận xét; cô đáp rằng việc bức tượng được hoàn thành không chút sai lệch, không chút thiếu sót là cực kỳ quan trọng.

Mọi việc diễn ra cũng gần như tôi mong đợi. Cô không cuồng nhiệt làm việc như các đợt tạc tượng khác, thông thường chỉ làm dưới một giờ mỗi lần dù rằng tôi giờ đã có thể ngồi bao lâu cũng được khi bộ quần áo tạo áp suất đã được tháo ra. Cô dường như đang tận hưởng việc thực hiện bức tượng này, tác phẩm cuối cùng của mình. Cô hút ít hơn, và nắp đậy trên những bình cà phê luôn trong tình trạng kín mít. Cô tựa sát vào tảng đá trong khi tạc, thì thầm vào nó với một giọng nhỏ đến nỗi tôi không thể nghe thấy. Tôi rướn người ra phía trước, căng tai nghe những gì cô đang nói nhưng chẳng bao giờ thành công; thính giác của tôi bị tổn thương quá nặng trong vụ tai nạn khiến tôi chẳng xoay xỏa được gì. Tôi cố tìm hiểu bằng một câu nhận xét bâng quơ, "Tôi nghĩ là tảng đá nói chuyện với cô đấy, chứ không phải ngược lại đâu."

Marianne Engel ngước lên nhìn tôi. "Anh thật biết đùa."

Và mọi việc cứ thế diễn ra, cho tới khi cô lùi lại vài bước sau khi đã giáng nhát đục cuối cùng xuống. Trong một khoảng thời gian dường như kéo dài vô tận, cô chăm chú xem xét phiên bản đá của tôi trước khi nhận định là không có gì khác biệt giữa tượng và người thật nữa. Thỏa mãn, cô nói, "Tôi muốn khắc chữ một mình."

Cô làm việc cho tới tận khuya và, mặc dù sự tò mò của tôi gần như đã vượt quá khả năng kiềm chế, tôi vẫn tôn trọng yêu cầu được riêng tư của cô. Khi chữ cái cuối cùng được khắc xong, Marianne Engel liền đi lên cầu thang. Rất tự nhiên, tôi hỏi mình có thể đọc những chữ ấy không.

"Rồi sau sẽ có rất nhiều thời gian để làm việc đó," cô trả lời. "Ngay bây giờ, chúng ta sẽ đi ra biển để ăn mừng."

Tôi thích ý tưởng đó. Bãi biển luôn làm cô thoải mái và đó là một cách hay để tổ chức ăn mừng sự kiện này. Thế là cô dồn tôi vào xe và chẳng bao lâu sau chúng tôi đã thấy mình ở giữa những khúc gỗ đang trôi dạt vào bờ.

Những con sóng đánh dập dìu vào bãi cát và cơ thể cô ép sát vào tôi mới tuyệt vời làm sao. Bougatsa sung sướng nhảy múa xung quanh, đá cát lên khắp mọi chỗ. Dưới bãi biển, bọn thanh niên uống bia và cố gây ấn tượng với lũ con gái bằng cách làm trò như những thằng dở hơi.

"Thế," tôi nói. "Làm gì bây giờ?"

"Phần cuối cùng câu chuyện của chúng ta. Nếu anh đã quên thì đó là đoạn anh bị bọn condotta thiêu cháy ấy."

CHƯƠNG 39

hở ra. Hít vào. Tôi tập trung vào nhịp thở của mình. Thật điềm tĩnh. Thật tập trung. Nhắm. Trấn tĩnh nào. Tôi gọi tên mục tiêu. "Tim."

Tôi không biết mình đã tưởng tượng mũi tên trông như thế nào khi nó bay khỏi tôi. Tôi ngạc nhiên khi thấy mắt mình thực sự tập trung vào mục tiêu ở phía cuối mũi tên chứ không phải vào bản thân mũi tên.

Xuyên qua cơn bão, mũi tên của tôi bay vút đi như thể nó được một sợi dây thép dẫn đường, không một chút xao động. Tất cả mọi người đều biết câu chuyện một cung thủ bậc thầy có thể chẻ đôi mũi tên đang cắm giữa hồng tâm. Đó là cách mũi tên của tôi xuyên vào ngực anh, chính cái điểm anh bị tên bắn trước đây. Lần đầu tiên khi anh bị bắn, cuốn sách của Dante đã làm chậm tốc độ của mũi tên để cứu mạng anh và anh đã được mang đến với tôi. Lần thứ hai này mũi tên chẳng gặp phải vật cản gì, và anh bị mang đi khỏi tôi.

Đầu anh ngật ra sau vì áp lực của mũi tên và miệng anh thở hắt ra hơi thở cuối cùng với sự ngạc nhiên tột độ. Cằm anh nẩy lên ngực hai lần trước khi đầu anh rủ xuống thân thể không còn sức sống. Anh gục xuống khỏi hai bàn tay bị đóng đinh, và bức tường nhà huynh trưởng Heinrich cứ tiếp tục bốc cháy xung quanh anh. Mũi tên của tôi đã giúp anh không phải chịu thêm bất cứ đau đớn nào nữa, và vì điều này, qua làn nước mắt, tôi thầm cảm tạ Chúa.

Bọn lính đánh thuê gào rú lên không hiểu vì sao và Kuonrat đòi được biết kẻ nào đã cẩu thả đến mức, hoặc ngu đến mức, bắn mũi tên chết người trái với nghiêm lệnh của hắn. Mặt hắn tím ngoét đến nỗi một trong những tên lính của hắn đã tỏ lòng thương hại.

Lẽ ra tôi nên cảm tạ Chúa vào lúc khác và dành thời gian để chạy trốn. Khi xem xét mũi tên, chúng nhanh chóng nhận ra nó không đến từ bất cứ cây cung của tên lính nào, và góc tên cho thấy nó được bắn ra từ đỉnh đồi. Một đội được cử lên, và bọn lính ngay lập tức tiến dần đến chỗ núp của tôi. Chúng vẫn chưa nhìn thấy tôi, nhưng chúng biết tôi đang ở đâu.

Tôi vứt cung tên đi, vì tôi biết mình sẽ không bao giờ bắn thêm một lần nào nữa. Ngựa của tôi ở gần kề, sườn đồi rất trơn và những cành cây thì đủ rậm rạp để làm chậm bước chân người. Khi bọn lính đang lồm còm bò lên đỉnh đồi, tôi đã có thể tháo dây buộc ngựa và biến đi ngay trước khi chúng có thể vươn tay ra bắt. Tôi không có nhiều lợi thế thời gian so với bọn chúng, nhưng chúng cũng phải mất vài phút mới có thể tụt xuống dốc và trèo lại lên ngựa được. Tôi cũng có một lợi thế khác nữa. Tôi đã quen địa thế vùng này từ khi còn nhỏ, còn bọn lính lại không. Với cơn bão tuyết vẫn tiếp tục gầm rú, tôi nghĩ mình sẽ có cơ hội.

Lẽ ra tôi phải nghĩ chín hơn. Khả năng cưỡi ngựa của bọn chúng thảy đều giỏi hơn tôi rất nhiều, và những con ngựa được cho ăn tốt hơn cũng như được nghỉ dưỡng nhiều hơn. Tôi chưa đi được quá vài phút thì bọn chúng đã đuổi theo gần sát nút. Tôi biết rằng nếu mình

cứ tiếp tục chạy như thế, bọn chúng sẽ tóm được tôi chỉ trong phút chốc. Con đường dẫn đến một ngã ba, với một hướng đi theo một ngả an toàn, và hướng còn lại chạy thẳng đến một vách đá dựng đứng nhìn xuống sông Pegnitz. Khi còn nhỏ thi thoảng tôi vẫn đi dọc theo gờ đá này, nhưng chỉ là những khi tôi cảm thấy đặc biệt liều lĩnh hoặc muốn kiểm tra cái ý tưởng là Chúa thực sự có một kế hoạch dành cho tôi.

Thời điểm tuyệt vọng cần đến giải pháp liều lĩnh, vì thế, dù biết con đường quá hẹp cho ngựa của mình có thể lách qua, tôi vẫn chọn lộ trình bất trắc đó. Con vật cảm nhận được mối nguy hiểm và tôi đã phải thúc gót chân vào sườn nó để bắt nó đi từng bước một, lẩm nhẩm bài kinh cầu quen thuộc tôi vẫn đọc khi còn nhỏ. Khi con ngựa bắt đầu lồng lên, tôi lại quát nó để nó tiến lên vài bước. Chẳng được bao lâu thì chân nó húc phải một gốc cây cụt đóng băng và cả tôi lẫn nó cùng loạng choạng ngã sang một bên.

Khi chúng tôi trượt xuống dốc, con ngựa cố bám những móng guốc tuyệt vọng vào đá, nhưng chẳng ăn thua gì. Nó chới với ngã sang một bên, hoảng sợ và không biết phải làm gì, quăng tôi xuống đất. Khi tôi đầu hàng cú ngã không thể tránh khỏi đó, tôi cảm thấy mình hoàn toàn không trọng lượng trong giây phút ngắn ngủi. Thật tuyệt vời, như thể tôi đang trôi trong sự cân bằng hoàn hảo giữa tuyết và Thiên đường vậy, và tôi thấy mình đang nhìn thẳng vào mặt con ngựa. Mắt của ngựa thường rất đen và bình lặng - khi tôi còn nhỏ, các nữ tu đã từng đùa rằng ngựa là loài có thể nhìn thấu được mọi bí mật của Chúa, thậm chí cả khi nữ tu viện trưởng không thể - nhưng giờ đây mắt nó đang trắng dã vì sợ hãi. Khoảnh khắc đó lướt qua thật nhanh, và được thay thế bởi vòng xoáy của tuyết và bụi cây khi chúng tôi tiếp tục rơi xuống sâu hơn.

Khi chúng tôi cuối cùng cũng dừng lăn, phải mất một lúc đầu óc tôi mới đủ tỉnh táo để xem xét chúng tôi đã trượt xuống tuyết như thế nào và tôi bắt đầu hốt hoảng với ý nghĩ không biết cú rơi đã ảnh hưởng gì đến con chúng ta. Khi đứa trẻ đạp vào bụng tôi gần như ngay lập tức, có lẽ đang tức giận trước tất cả những chuyện vừa xảy ra, tôi đã coi đó là dấu hiệu chứng tỏ rằng con vẫn còn khỏe và chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc hơn trong cả quãng thời gian gian khổ ấy.

Bọn lính đã không đuổi theo chúng tôi đến bên bờ vực, chúng đủ khôn ngoan để dừng lại nơi đường còn an toàn. Ít nhất một tên trong bọn cũng đã rút cung ra, trước khi nhận định rằng khoảng cách và cơn bão tuyết không thể khiến hắn bắn trúng. Không như tôi, rõ ràng hắn thiếu niềm tin vào Chúa.

Những tên lính đánh thuê sẽ tìm ra một lối đi khác xuống núi, nhưng tôi biết để làm được thế thì chúng cũng phải mất đến mười lăm phút. Có lẽ, tôi nghĩ, cú rơi của mình là cú rơi may mắn giúp cuộc đào thoát của tôi được thành công. Sự phấn khích nhất thời của tôi xẹp xuống khi tôi cố nâng con ngựa lên chỉ để thấy một cái chân của nó đã bị bẻ quặt hẳn sang một bên. Rõ ràng nó sẽ chẳng thể đi được thêm với tôi nữa. Tôi thậm chí còn chẳng có được

lựa chọn là giải thoát cho nó bằng cách giết chết nó, vì tôi không còn cung tên nữa rồi. Nhưng dù sao tôi cũng không thể làm việc đó được. Một ngày giết chóc thế là quá đủ rồi.

Đi trước bọn lính mười lăm phút thì lợi lộc gì trong khi bọn chúng có ngựa còn tôi thì không? Một bên là vách đá nơi tôi vừa ngã xuống, và bên còn lại là dòng Pegnitz. Bình thường thì nước chẳng mấy khi đông hoàn toàn, nhưng thậm chí cả khi mặt sông đóng băng thì vẫn không an toàn với sức nặng của một người. Tôi chẳng có cách nào vượt sông, và trèo lại lên vách đá cũng chẳng giúp ích gì. Tất cả những gì tôi có thể làm là chạy dọc theo bờ sông và hy vọng vào những điều tốt đẹp nhất. Nhưng điều này cũng rất lố bịch, bởi vì cuối cùng bọn lính cũng đuổi kịp tôi từ đằng sau. Việc bắt được tôi giờ chỉ còn là vấn đề thời gian.

Kuonrat đã cắt đầu Brandeis khỏi người anh ấy mà không thèm suy nghĩ, và đã vừa cười vừa ra lệnh giết anh. Tôi biết khi mình bị bắt, như anh đã nói từ trước, phải thật may mắn mới có thể chết nhanh chóng. Cưỡng hiếp có vẻ là khả năng dễ xảy ra hơn.

Lớp băng mỏng trên mặt nước bắt đầu trông có vẻ cứng hơn. Khả năng vượt sông an toàn là rất nhỏ, nhưng tôi vẫn phải thử. Nếu tôi có thể vượt qua sông bằng cách nào đó, bọn lính sẽ không thể đuổi theo được. Chúng sẽ buộc phải để tôi đi, bởi vì thậm chí cả tên lính nhỏ nhất trong bọn chúng cũng có thể dễ dàng làm vỡ mặt băng. Tại sao bọn chúng lại phải mạo hiểm? Bọn lính đánh thuê không biết tôi là ai, có chăng chỉ là một ả lẳng lơ sống cùng một cựu lính, và tôi sống hay chết thì hại gì đến chúng? Kuonrat đã chứng minh được quan điểm của hắn, và cái chết của hai kẻ đào ngũ đã là quá sức tưởng tượng của hắn. Hắn hẳn cảm thấy sung sướng lắm rồi.

Cái túi chứa bức tượng Morgengabe và những cuốn sách của tôi sẽ trở thành gánh nặng không cần thiết khi vượt sông, nhưng tôi không thể chịu đựng được việc phải mất đi những đồ vật quý giá đến thế. Vì thế tôi giấu cái túi trong một hốc đá gần đó, tâm niệm rằng nếu còn sống thì tôi chắc chắn sẽ quay lại lấy nó.

Tôi bước bước đầu tiên lên mặt băng và nó có vẻ khá cứng, nhưng băng luôn cứng nhất khi ở gần bờ. Ngay phía cuối dòng sông, tôi có thể nhìn thấy những vùng nước mênh mông trông như những tấm chăn đen ngòm trải trên nền tuyết trắng. Thêm vài bước nữa, và tôi đã nghe thấy một tiếng rắc nhẹ. Tuyết điên cuồng thổi táp vào mặt tôi, giờ tôi đã ở cách bờ được khoảng năm mét rồi, liệu chân tôi có còn chạm đáy được nữa hay không?

Tôi tiếp tục với những bước nhỏ, lướt nhẹ chân nọ trước chân kia. Tôi đi với tốc độ nhanh nhất mà mình dám, nhưng thế vẫn chưa đủ. Tôi nghe tiếng vó ngựa của bọn lính đánh thuê càng lúc càng gần hơn, vì thế tôi đã bắt bản thân phải nhảy thật nhanh đến giữa dòng. Càng xa bờ càng an toàn, tôi tự nhủ, và điều quan trọng nhất và duy nhất lúc này là phải tránh thật xa tầm tên bắn.

Tôi cảm thấy băng đang dần nứt ra, từng chút một, nhiều hơn lúc trước, và hai cánh tay của tôi theo bản năng lập tức vòng quanh bụng. Tôi ngoái lại nhìn và thấy bọn lính đã chạy đến bên bờ sông, ở đó chúng tìm ra con ngựa què của tôi. Khi nhìn thấy tôi, bọn chúng giương cung ngắm về phía tôi và tôi nhận ra mình vẫn chưa đi đủ xa. Vài mũi tên bắn ra nhưng gió rất mạnh nên đều bay tản đi mất. Tôi biết bọn lính sẽ rút kinh nghiệm từ đợt bắn đầu tiên và chỉnh hướng ngắm cho lượt bắn thứ hai. Chẳng mấy nghi ngờ gì là tôi sẽ bị bắn trúng.

Lượt bắn thứ hai chẳng bao giờ tới. Kuonrat ra một hiệu lệnh và những tên cung thủ hạ cung xuống. Chuyện hắn lo lãng phí cung tên rất không hợp với tính cách hắn; hắn nghĩ tôi đáng được sống nếu có thể vượt sông ư, tôi cũng nghi ngờ điều đó. Khả năng hợp lý nhất, hắn chỉ khoái làm khán giả cho trò nhìn phụ nữ đi trên băng mỏng thôi.

Cái cách bọn lính đứng khiến tôi hiểu rõ rằng chúng sẽ đợi tôi đi cho tới khi không thể đi được nữa thì thôi. Biết mình không thể quay đầu lại, tôi bước thêm một bước về phía bờ xa kia. Băng dưới chân tôi lún xuống và tôi quỳ sụp, quăng cả hai tay ra phía trước để giữ thăng bằng, tôi tự nhủ rằng nếu tôi có thể vượt quá nửa sông, tôi sẽ sống, vì đó sẽ là nơi băng mỏng nhất. Tôi tự nhủ rằng nếu tôi có thể vượt qua lằn ranh tưởng tượng đó, đứa con chưa ra đời của tôi sẽ sống.

Câu hỏi đặt ra là làm thế nào thì tốt nhất. Tôi có nên nằm sấp bụng xuống rồi để người mình từ từ trôi đi không? Ý tưởng này, việc phân đều trọng lượng cơ thể, nghe rất hợp lý. Nhưng rồi tôi băn khoăn, nếu điều này chỉ làm tăng nguy cơ gặp phải một chỗ băng mỏng có thể làm toàn bộ băng ở gần đấy sụp xuống theo phản ứng dây chuyền và nuốt chửng lấy toàn bộ người tôi thì sao - và, dĩ nhiên là thế rồi, tôi cũng không dám mạo hiểm để bụng mình phải chịu thêm bất cứ áp lực nào nữa. Cơ thể tôi nói không, nhưng lòng tin của tôi tranh luận rằng tôi nên làm thế. Xét cho cùng, chính hơi thở của Chúa đã đưa mũi tên của tôi tới chính xác ngực anh. Liệu hơi thở đó có lướt trên lưng tôi, đưa tôi ra khỏi hiểm nguy không? Nếu có giây phút nào ta phải nép mình dưới sự che chở của Chúa thì chính là lúc này đây.

Tôi nhìn qua sông tới bờ bên kia, tưởng tượng mình là một mũi tên và con đường trước mặt tôi là đường tên bay. Tôi khẽ rướn người lên và cảm thấy băng tan ra dưới chân. Tôi căng chân ra, ấn gót chân xuống băng để tạo càng nhiều ma sát càng tốt. Tôi giơ một đầu gối lên và dồn vai về phía trước. Tôi đọc một bài kinh ngắn và nhìn về tự do nơi bờ bên kia, tập trung vào nó như mục tiêu của mình vậy. Và rồi tôi thả người ra, hoàn toàn phó mặc bản thân cho Chúa chở che.

Tôi chỉ tiến được vài bước thì băng nứt ra và tôi rơi về phía trước như đang phá cửa sổ xông ra ngoài. Dòng nước lạnh giá thấu tận xương tôi và sức nặng quần áo bị ngấm nước đã kéo tụt tôi xuống. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là đứa trẻ, và hai cánh tay tôi đập loạn xạ, cố bám lấy tất cả mọi thứ vớ được. Tôi nghĩ nếu bám được vào thành hố, tôi sẽ có thể trèo lên. Nhưng những tảng băng tôi bám vào cứ thế vỡ ra, và cái hố càng lúc càng rộng ra mỗi lần tôi

cố bám lấy nó. Tôi có thể cảm nhận được hơi ấm đang dần rời xa tôi. Khỏi đứa con của tôi. Sau vài phút thì đầu óc tôi vẫn đang bấn loạn, nhưng cơ thể tôi đã ngừng phản kháng rồi.

Dòng chảy của sông kéo tôi trôi ra xa. Dù tôi biết mình mới là người di chuyển, nhưng cái hố dường như đang trôi đi trên đầu tôi cho tới khi chẳng còn mặt hố nào nữa, chỉ có một tảng băng cứng phía trên. Chắc nó không quá cứng, nhưng khi tôi lấy tay đẩy nó, chẳng có gì xảy ra cả. Chẳng có gì bên dưới để tôi đạp chân lấy đà, chỉ có nước. Hy vọng duy nhất của tôi là nín thở cầu nguyện cho dòng nước cuốn tôi đến chỗ khác.

Cảm giác khi cơ thể mình hoàn toàn ngừng hoạt động thật kỳ lạ. Huyết mạch đã nuôi dưỡng bạn, đã phục vụ bạn trung thành suốt cả cuộc đời, giờ không còn đáp lại mệnh lệnh của tâm hồn bạn nữa. Giống như có ai đó ấn nút ngắt điện đi vậy. Tôi nhanh chóng nhận ra dù dòng chảy có mở ra cho tôi một lối thoát, thì cũng đã quá muộn rồi. Tay tôi sẽ không còn đủ sức để bám vào đâu, và dù có bám vào được, tôi cũng không thể nhấc mình ra khỏi dòng nước lạnh giá này nữa rồi.

Điều đáng sợ nhất là tôi nhận ra mình không thể bảo vệ con chúng ta khỏi nguy hiểm nữa. Điều này làm tinh thần tôi hoàn toàn suy sụp. Tôi nhắm mắt lại, bởi vì đây là việc người ta luôn làm khi đang ở dưới nước và sắp chết. Thân thể tôi cứ thế rơi xuống, và mọi nỗi sợ của tôi đã đồng loạt biến mất. Khoảnh khắc khi ta chấp nhận từ bỏ mọi thứ thật đẹp đến nao lòng. Theo cách này thì sẽ dễ dàng hơn, tôi nghĩ vậy và cảm thấy được an ủi một chút, trong những giây cuối cùng trước khi tất cả mọi thứ đều chìm vào bóng tối.

Chuyện xảy ra tiếp theo - tôi có thể nói cho anh nghe, nhưng tôi không thể giải thích được. Không thể giải thích được một cách chuẩn xác, không phải theo cách anh có thể hiểu được. Bẩm sinh, tôi đã được ban cho khả năng ngôn ngữ đặc biệt và tôi đã hoàn thiện nó trong suốt bảy trăm năm, nhưng những từ ngữ có thể dùng để miêu tả chuyện xảy ra ngày hôm đó thì lại không hề tồn tại. Không tồn tại trong tiếng Anh, không tồn tại trong bất kỳ ngôn ngữ nào tôi biết.

Khi tôi tỉnh lại, không có vẻ gì là thức tỉnh cả, vì thực ra tôi có ngủ đâu. Dường như tôi đã rơi vào trạng thái vô thức, và giờ đây tôi đã tỉnh táo trở lại. Nhưng không phải sự tỉnh táo mà chúng ta dùng để hiểu thế giới xung quanh: nó là một thứ vĩ đại hơn, một thứ rộng vô biên và sâu vô độ. Tôi vẫn còn ở dưới mặt băng, vẫn bị dòng Pegnitz cuốn đi, nhưng cùng lúc ấy tôi cũng không ở trong làn nước của chính dòng sông ấy. Tôi đang ở trong dòng nước của cả thế giới, của cả vũ trụ, nhưng thậm chí nói tôi "ở" trong nước cũng không đúng bằng cách nói tôi là một phần của nó. Tôi đã tan vào dòng nước; tôi đã biến thành chất lỏng rồi.

Khi người ta chết đi và có thể quay trở lại bằng cách nào đó, họ luôn luôn nói về một tia sáng cuối đường hầm. Đây không phải chuyện tôi đã trải nghiệm. Có ánh sáng nhưng đó không phải là một đường hầm, ánh sáng ở khắp xung quanh người tôi. Những luồng sáng phản quang nâng đỡ tôi, giúp tôi nổi lên mặc dù chẳng hề có đáy biển để tôi phải thoát ra.

Nó ở trong tôi và xuyên qua tôi; tôi là nước và tôi là ánh sáng. Tôi có cảm giác mình là một luồng sáng lỏng đang trôi đi, một quầng sáng bình thản không có sức nóng cũng chẳng lạnh lẽo. Tôi không còn chút cảm giác nào về cơ thể của chính mình nữa.

Thời gian không tồn tại khi cơ thể không còn tồn tại, bởi vì chỉ có cơ thể mới thực sự có ý niệm về thời gian. Chúng ta hiếm khi để ý đến cảm giác bẩm sinh của bản thân về thời gian cho tới khi nó bị lấy đi. Đó là lý do những người bị bệnh mất trí đã bấn loạn đến thế khi họ nhận ra tình trạng mình đang mắc phải. Không phải vì họ đã mất đi ký ức - tất cả chúng ta đều cùng mất đi ký ức; đó là bởi vì họ đã mất đi thời gian.

Tôi bắt đầu nhận thấy những sự hiện diện. Anh không thể gọi đó là những bóng ma hay linh hồn, bởi vì chúng thậm chí còn không có được hình dạng đó nữa. Chúng tồn tại chỉ bởi vì tôi cảm nhận được chúng. Nhưng cảm nhận một lần nữa lại không phải từ chính xác, bởi vì làm sao tôi có thể cảm nhận được thứ không có thực thể? Như ánh sáng và nước, chúng đều ở trong tôi. Tôi có thể cảm thấy chúng rõ rệt đến mức tôi biết rằng chúng không chỉ hiện đang ở trong tôi, mà chúng đã luôn ở đó từ trước rồi. Tôi đã luôn lờ chúng đi, trong cả cuộc đời mình, như một cách tự vệ. Việc đó giống như lắng nghe một cuộc nói chuyện - anh không thể tập trung vào từ ngữ được nói ra nếu anh cũng đang dỏng tai nghe tiếng đồng hồ tích tắc trong phòng và tiếng ô tô ngoài cửa, tiếng bước chân cuối hành lang cùng tiếng thở của người đàn ông ngồi bên cạnh người phụ nữ đang nhấp từng ngụm trà. Anh không thể làm tất cả những việc này cùng lúc, vì thế anh chỉ có thể tập trung vào lời của người đang nói thôi. Đó là cách con người giải quyết với tất cả những giọng nói vô tận họ có thể đón nhận. Anh nghe những suy nghĩ của chính mình, và anh đóng những suy nghĩ khác lại.

Nhưng giờ đây tôi có thể thấu hiểu được tất cả những giọng nói bên trong tôi. Tôi có thể nghe được mọi sự hiện diện đó, và chúng nghe như tiếng của những vòng tròn bằng vàng vậy. Tôi có thể nếm được chúng, và chúng có vị như sự an ủi. Chúng chạm vào tôi, và sự va chạm có cảm giác như âm nhạc.

Thấy không? Tôi ước gì mình có thể diễn tả được nó, nhưng tôi không thể. Nó không thể diễn tả được. Người nào nghĩ rằng có thể miêu tả được Chúa Vĩnh Hằng thì người đó chưa bao giờ thực sự trải nghiệm điều đó cả.

Ba sự vật tách khỏi ra khỏi vật chủ và tiến về phía trước. Dù họ không có hình thù thực sự, tôi vẫn có thể nhận ra họ đã từng là ai, dù trong đời thật tôi mới chỉ gặp một trong số họ, cha Sunder. Người thứ hai là Meister Eckhart và người thứ ba là Mechthild von Magdeburg.

Tôi biết đây không phải trò lừa bịp mà là một món quà đáng được trân trọng. Nó thật tự nhiên, thậm chí còn làm tôi cảm thấy rất thanh thản, khi cha Sunder nói rằng ông rất vui được gặp lại tôi. Không từ ngữ nào nói ra; dường như tôi có thể cảm nhận được những suy nghĩ của ông quyện vào tôi. Meister Eckhart và xơ Mechthild von Magdeburg cũng giao tiếp

với tôi cùng bằng cách ấy. Cuộc "trò chuyện" của chúng tôi là một tấm kính vạn hoa với những rung động rực rỡ.

Họ không đến đó để mang tôi đi, họ giải thích như vậy, bởi vì tôi vẫn chưa sẵn sàng. Tôi chưa thực sự chết và vẫn còn nhiều việc phải làm. Họ sẽ giúp tôi đạt đến cái ngưỡng khi tôi sẵn sàng chết, và để thực hiện mục tiêu đó, họ đã được chỉ định làm những Chủ Nhân của tôi.

Tại sao con lại không bị đưa xuống Địa ngục? tôi giao tiếp với họ. Con đã giết người đàn ông con yêu nhất.

Mọi việc không diễn ra như vậy. Tội của Eve là đã ăn trái cấm, và vì điều này cô ấy đã bị trừng phạt bằng sự Sa ngã của Nhân loại. Với tội ác của đời con, phải cần đến sự chuộc tội nào?

Con không được phép quyết định điều này.

Nhưng đó là việc con phải làm. Con đường con chọn đã đưa con ra khỏi Cuộc đời của Chúa và đặt con vào bàn tay Thần Chết. Con có sám hối không?

Không. Thậm chí trước sự hiện diện của Chúa Vĩnh Hằng, tôi vẫn có thể nhớ được khoảng thời gian tôi sống với anh. Đúng là con đã phản lại lời thề nữ tu của mình, phản lại nữ tu viện trưởng và Chúa Tối cao khi làm chuyện đó, nhưng con chưa bao giờ phản bội bản thân. Con vẫn luôn trung thực với trái tim mình, và con sẽ không bao giờ hối cải vì tình yêu của mình. Đó là điều tuyệt vời nhất con từng làm.

Ba Vị Chủ Nhân của tôi hiểu rằng tôi vẫn sẽ giữ vững tình yêu mình dành cho anh, dù cận kề cái chết. Chắc chắn họ đã thấy điều này trước đây, và chắc chắn họ sẽ thấy điều này một lần nữa.

Trái tim của con luôn tự chủ, món quà tuyệt diệu nhất và cũng đáng nguyền rủa nhất của con. Vì vậy con sẽ phải sám hối bằng chính trái tim của mình.

Cứ để vậy đi.

Con đã học được cách trao trọn vẹn trái tim của mình cho người đặc biệt, nhưng con vẫn chưa học được cách chia sẻ trái tim vượt trên cái tôi của mình và người khác.

Con thừa nhận đây là sự thật.

Con sẽ quay trở lại thế giới của mình, và ngực của con sẽ ngập tràn hàng ngàn trái tim mới. Con sẽ phải trao chúng đi, cho tới khi chỉ còn lại một.

Làm sao con có thể làm được điều này?

Những trái tim này phải được lấy ra khỏi ngực con và chết thay con, trong khi đó chúng sẽ đi tìm sự sống ở những người khác. Làm thế con mới có thể vượt được bản ngã trần tục và sẵn sàng đến với Chúa.

Con không biết cách.

Con sẽ học.

Vậy khi nào con chỉ còn lại trái tim cuối cùng?

Trái tim đó con không thể tự trao đi được. Trái tim cuối cùng phải được trao cho người yêu của con. Anh ta phải nhận lấy nó, nhưng anh ta cũng không được giữ nó. Anh ta phải thả nó đi, để giải phóng cho con. Chỉ bằng cách này thì con mới có thể đến được bên Chúa.

Con không hiểu được tại sao người yêu của con lại liên quan đến chuyện này.

Người yêu của con sẽ hiểu được.

Đây là lúc mọi thứ kết thúc. Tôi bị kéo ra khỏi Chúa Thánh Thần, nước và ánh sáng ngừng chảy xuyên qua tôi, và tôi bị ném thẳng lại vào dòng nước lạnh giá tối đen của sông Pegnitz.

Khi tỉnh lại, tôi thấy mình đang nằm ngửa và không thể mở nổi mắt ra được. Mắt tôi bị băng bao kín và phải mất năm phút nỗ lực hết mình thì tôi mới có thể chớp chớp mắt được. Khi đó là sáng sớm và cơn bão đã tan. Tôi cố cất tiếng nói nhưng không thể phát ra được âm thanh nào, vì toàn thân tôi đều bất động. Thân thể tôi lạnh chưa từng thấy.

Tôi bắt đầu rung lắc nhẹ các ngón chân và ngón tay, cho tới khi tôi có thể bắt toàn bộ các chi hoạt động. Tôi cố đứng dậy, loạng choạng. Tôi đang ở phía sau một cái lán nào đó, và cách tôi độ một trăm mét là một trang trại nhỏ. Tôi lật đật chạy về phía đó, loạng choạng không chỉ vì hai chân đông cứng mà còn vì quần áo cũng đang cứng hết vì băng. Khói cuộn lên từ ống khói và tôi không biết mình có thể đi được đến nơi nếu không có sự ấm áp đầy hứa hẹn kia không. Tôi gõ cửa vài lần cho tới khi một bà lão nông dân mở cửa và mắt ấy trợn trừng vì hoảng sợ khi nhìn thấy tôi. Đối với bà, tôi rõ ràng là thây ma đến nhà.

Khi nhận ra tôi vẫn chưa chết, bà gọi chồng mình và bắt đầu cởi chỗ quần áo đông cứng của tôi ra. Ông cho tôi ăn xúp, trong khi bà quấn tôi trong hàng đống chăn và xoa bóp chân tay tôi để giúp máu dễ tuần hoàn. Khi tôi đã hồi phục được kha khá, chúng tôi bắt đầu lắp ghép các mảnh sự kiện đã xảy ra. Tôi đã bị cuốn đi vài dặm trên sông và kẹt lại tại một vùng nước chưa bị đóng băng. Tình cờ một người nông dân già đi qua và kéo tôi lên. Hai mắt tôi mở trừng trừng, tóc tôi cứng đơ dựng ngược cả lên, và thân thể tôi thì không có lấy một dấu hiệu sự sống nào.

Người nông dân nghĩ rằng tất cả mọi người đều xứng đáng được an táng tử tế, và đó là lý do ông kéo tôi ra khỏi dòng sông. Mặt đất quá cứng để có thể xới ra làm mộ được, thế là với

quá ít sự lựa chọn, ông đã quyết định để tôi lại phía sau cái lán nhà họ và chôn tôi chỗ gần suối. Ông không thể mang một xác chết vào nhà mình, dĩ nhiên rồi, nhưng vì lý do thực tế hơn là mê tín. Xác tôi rồi sẽ phân hủy và bốc mùi. Chúng tôi đoán, tất cả mọi người đều nghĩ vậy, chắc do nước quá lạnh nên tôi trông như đã chết rồi. Những chuyện như thế vẫn thường xảy ra; có rất nhiều câu chuyện kể về những người bị chìm trong nước và mãi sau khi ai cũng tưởng họ chết rồi thì họ đột ngột sống lại.

Tôi ở lại với họ vài ngày, nhưng không bao giờ nói cho họ biết tại sao tôi lại ngã xuống sông. Tôi chỉ nói với họ rằng tôi đang đi dạo thì băng vỡ ra dưới chân tôi. Chẳng việc gì phải kể lại câu chuyện về Engelthal, hay về những tên lính đánh thuê, hay về Ba Vị Chủ Nhân của tôi. Chỉ riêng việc tôi còn sống sót đã khó tin lắm rồi.

Khi tôi đã đủ khỏe để có thể đi tiếp, tôi trở lại bờ sông Pegnitz để lấy cái túi đã giấu kín của mình, và rồi đi đến Mainz. Tôi còn đi đâu được nữa chứ? Tôi chuyển vào sống trong khu nhà của người Beguine và sống đời mặc niệm và cầu nguyện. Tôi phần nào đã trở lại với cuộc sống trước khi gặp anh, nhưng tôi đã bị thay đổi bởi tình yêu của anh sâu đậm đến nỗi không thể trở lại làm con người cũ được. Tôi không làm sách nữa, dù vào thời điểm ấy tôi đã hoàn thành bản dịch cuốn Địa ngục. Lý do tôi làm việc đó rất ích kỷ - không phải vì tôi nghĩ mình đang sáng tạo một tác phẩm có thể trường tồn cùng thời gian, mà vì dịch nó làm tôi cảm thấy được gần anh hơn.

Đoạn kết câu chuyện của tôi không quan trọng. Những năm tháng cuộc đời tôi được dành để trao tặng những trái tim nhưng tôi không bao giờ nghĩ rằng mình có thể ngừng sám hối cho tới gần đây, bởi vì tôi luôn biết rằng không thể trao trái tim cuối cùng của mình cho tới khi chúng ta lại gặp nhau.

CHƯƠNG 40

ao la và đen thẳm, đại dương trải dài từ bờ cát cho tới khi đường chân trời của nó biến mất vào màn đêm. Tôi nói với giọng nhẹ nhàng hết mức. "Tôi biết cô tin câu chuyện đó là có thật, nhưng không phải vậy đâu."

Cô nhìn xuống bãi cát. Hơi thở của cô nghẹn lại trong cổ họng, rồi bật ra để nói lời thú tội. "Con của chúng ta đã không sống được."

Cô nhìn lên, về phía đại dương xa xăm, và rồi lại nhìn xuống bãi cát lần nữa.

"Khi tôi tỉnh lại thì đứa trẻ đã..."

Cô lấy hai tay che mặt; rõ ràng là cô không dám nhìn tôi.

"Đã mất rồi," cô nói. "Như thể nó chưa bao giờ được thụ thai, như thể bàn tay của Chúa đã đi vào trong tử cung của tôi và lấy đứa trẻ đi như một sự trừng phạt."

"Cô không thể tin chuyện đó được."

"Tôi đã cố không tin. Tôi muốn tin đó là một ân huệ. Rằng đứa trẻ..." Giọng cô nhẹ đến nỗi tôi không thể nghe ra. "Rằng đứa trẻ đã chết trong dòng nước lạnh, và Chúa đã tước nó khỏi tôi để tôi không phải đối mặt với sự thật khủng khiếp ấy trong thế giới thực."

"Nếu cô tin vào Chúa," tôi nói, cố kiềm chế thôi thúc tự nhiên muốn nói thêm rằng tôi chẳng tin gì hết, "cô cũng nên tin vào sự độ lượng của Người."

"Tôi vẫn luôn muốn tin rằng đó là một ân huệ," cô cứ nức nở. "Nếu đó là một sự trừng phạt, thì thật quá khủng khiếp."

"Con của chúng ta đã không sống được," cô nhấn mạnh. "Đây không phải chuyện ta có thể quên được, dù có sống lâu đến đâu chăng nữa."

Tôi biết không nên tiếp tục thuyết phục cô rằng đó chỉ do cô tưởng tượng ra. Đây lại là một cuộc tranh cãi nữa mà tôi không thể thắng.

Rõ ràng khi cô tiếp tục, cô không nói chuyện với tôi mà đang nói với chính mình, "Đó là một ân huệ, hẳn thế. Hẳn thế."

Vì tôi không thể thuyết phục cô rằng đứa con thời Trung cổ của cô không hề tồn tại, tôi quyết định tập trung nói về cuộc sống hiện tại của chúng tôi.

"Cô sẽ không chết đâu, Marianne. Chẳng có Ba Vị Chủ Nhân nào cả."

"Tất cả trái tim của tôi đều đã mất rồi."

"Cảm nhận cái này đi." Tôi cầm lấy tay Marianne và áp lên ngực cô. "Tim cô vẫn đập đấy thôi."

"Chỉ bây giờ thôi. Chuyện gì xảy ra tiếp theo là phụ thuộc ở anh." Cô lại phóng tầm mắt về phía đại dương một lúc rồi cuối cùng bắt đầu huýt sáo, dù những người ở gần nhất cũng cách bãi biển hàng trăm mét, "Anh có nhớ điều anh nói khi tôi chuẩn bị rời khỏi nhà huynh trưởng Heinrich trước khi bọn lính đánh thuê tới không? Anh đã hứa rằng tình yêu của chúng ta sẽ không bao giờ chết."

Tôi im lặng, không muốn khuyến khích cô, khi cô tháo sợi dây chuyền gắn đầu mũi tên ra khỏi cổ. "Cái này vẫn luôn luôn là của anh, và một ngày nào đó anh sẽ biết phải làm gì với nó."

"Tôi không muốn có nó," tôi nói.

Cô ấn nó vào tay tôi bằng được. "Tôi đã giữ nó suốt bao lâu nay chỉ để trao nó lại cho anh. Nó sẽ bảo vệ anh."

Tôi có thể thấy cô sẽ không để tôi từ chối, vì thế tôi cầm lấy nó. Nhưng nếu làm thế cô sẽ nghĩ tôi tin câu chuyện của cô, tôi liền nói, "Marianne, tôi không tin cái này được cha Sunder ban phúc đâu."

Cô ngả đầu vào hõm vai tôi, nói, "Anh là một người nói dối tuyệt vời."

Và rồi cô hỏi tôi một câu cô chưa từng hỏi bao giờ.

"Anh có yêu tôi không?"

Cơ thể chúng tôi tựa vào nhau, ngực chạm ngực. Tôi chắc chắn cô có thể nghe tiếng tim tôi đập thình thịch. Vết bớt của tôi đang chạm vào đúng vị trí mà, phía dưới lần áo len, cô đã khắc tên tôi lên ngực mình.

Anh có yêu tôi không?

Tôi chưa bao giờ lớn tiếng thừa nhận bất kỳ cảm xúc nào sâu sắc hơn sự "quan tâm" dành cho cô. Tôi biện bạch dù tôi không nói ra thì cô cũng biết sự thật. Nhưng thực sự, tôi chỉ là một thằng hèn.

"Có."

Từ lâu rồi, tôi đã luôn muốn tự thú.

"Có. Tôi yêu em."

Đã đến lúc không được làm cô thất vọng, vì thế tôi vuốt những lọn tóc rối của cô ra đằng sau và tuôn trào những lời lẽ đã ở trong trái tim ấm nóng của tôi, giờ trở nên thuần khiết, kể từ giây phút đầu tiên tôi gặp cô.

"Tôi đã dành cả đời mình để đợi em, Marianne, và tôi thậm chí vẫn chưa biết điều đó cho tới khi em đến. Bị bỏng là điều tuyệt vời nhất từng xảy ra với tôi vì nó đã mang em đến. Tôi muốn chết nhưng em đã mang đến cho tôi tình yêu vô hạn và tôi không thể không đáp lại tình yêu của em. Tôi đã yêu em trước khi tôi kịp nhận ra và giờ đây tôi không thể tưởng tượng nổi mình lại không yêu em. Em nói rằng phải mất rất nhiều công sức mới khiến tôi tin bất cứ điều gì, nhưng tôi thực sự đã tin. Tôi tin tình yêu em dành cho tôi là thật. Tôi tin tình yêu tôi dành cho em là thật. Tôi tin mọi nhịp đập còn lại của trái tim tôi đều dành cho em, và tôi tin khi đến lúc tôi phải rời bỏ thế giới này, hơi thở của tôi sẽ mang tên em. Tôi tin từ cuối cùng tôi nói ra - Marianne - sẽ là tất cả những gì tôi cần để biết rằng cuộc đời tôi rất tốt đẹp, trọn vẹn và đáng sống, và tôi tin tình yêu của chúng ta sẽ tồn tại mãi mãi."

Chúng tôi ôm nhau trong giây lát, rồi cô đứng dậy và bắt đầu đi về phía biển. Cô vừa đi vừa cởi bỏ quần áo trên người và ánh trăng làm làn da cô càng thêm trắng mịn. Khi ra đến chỗ nước biển thì cô đã hoàn toàn trần trụi, mờ ảo mà rực rỡ. Cô đứng đó rồi quay người lại để đối diện với tôi trong khoảnh khắc, dưới những vì sao lấp lánh như những giọt sương giá trong cái lạnh cắt da cắt thịt; cô đứng như thể đang cố lưu lại hình ảnh của tôi vào trong trí nhớ, hình ảnh tôi đang đứng nhìn cô.

"Thấy chưa?" Marianne nói. "Chúa thực sự sống trong anh."

Cô quay lưng lại tôi và bình thản lội xuống nước. Dòng nước ngập lên chân rồi lưng cô, nhanh chóng phủ lên đôi cánh thiên thần xăm trên làn da trắng như trứng gà bóc của cô. Cô rướn người về phía trước và bắt đầu sải cánh tay bơi vào đại dương bao la, mái tóc đen rối của cô cuốn về phía sau.

Tôi chẳng làm gì mà chỉ đứng nhìn cô rời khỏi tôi cho tới khi cuối cùng thì dòng nước cũng nuốt chửng đôi vai xanh xao của cô.

Sau chừng mười lăm phút thì Bougatsa bắt đầu kêu gào thảm thiết và giận dữ chạy quanh, khẩn nài yêu cầu tôi làm gì đó. Nhưng tôi cứ đứng đó. Thế là nó chạy về phía những con sóng triều, sẵn sàng nhảy xuống bơi, cho tới khi tôi gọi nó lại. Tôi biết nước hiện rất lạnh và mọi thứ đã quá muộn rồi. Nó tin và nghe lời tôi nhưng vẫn cứ ư ử dưới chân tôi. Tuy thế, đôi mắt nó vẫn ánh lên vẻ hy vọng. Như thể nó tin rằng chỉ cần nó đợi đủ lâu, cuối cùng cô cũng sẽ quay trở lại với chúng tôi, từ đại dương.

CHƯƠNG 41

Tất cả mọi người đều nhận xét rằng Sayuri trông cực kỳ xinh đẹp trong bộ váy cưới. Mẹ cô, bà Ayako, đứng ở hàng đầu, nức nở trong niềm hạnh phúc còn cha cô, ngài Toshiaki, cứ giơ tay liên hồi để che cái môi trên đang run lên vì sung sướng của mình. Khi Gregor đeo nhẫn cưới vào ngón tay cô, Sayuri nở nụ cười rực rỡ nhất từ trước đến nay.

Đám cưới được tổ chức vào tháng Tám, trong một khu vườn dưới nền trời xanh trong không gợn bóng mây. May là có gió nhẹ; bộ lễ phục tuxedo của tôi không để cho da tôi được thở thoải mái cho lắm. Những sắp xếp đặc biệt đã được tiến hành để bảo đảm rằng anh phù rể, là tôi đây, sẽ đứng được dưới gốc cây du lớn trong suốt lễ kết hôn; đó là một trong rất nhiều hành động tử tế mà đôi cô dâu chú rể dành cho tôi. Dù chúng tôi đã trở nên vô cùng thân thiết, tôi vẫn rất bất ngờ khi họ mời tôi đến dự, nhưng cả Sayuri lẫn Gregor chẳng thèm bận tâm đến việc có một con quái vật xuất hiện trong ảnh cưới của họ.

Theo đúng lễ nghi, cặp với tôi sẽ là cô phù dâu đứng đối diện, nhưng trên thực tế, người đi cùng tôi lại là Jack Meredith. Bà hầu như không khiến tôi phải xấu hổ, dù đã nốc hàng lít rượu Scotch trong suốt buổi tiếp khách. Rõ ràng chuyện bà đi cùng tôi chẳng có tí lãng mạn nào, nhưng chúng tôi đã dành khá nhiều thời gian ở cùng nhau trong những tháng trước. Ở mức độ nào đó, bà đã nhận ra rằng thực sự có thể chịu nổi tôi. Mối quan hệ giữa tôi với bà gần như là tình bạn, dù nói thật ra tôi vẫn chưa đạt được tới mức ấy.

Tôi đã tặng cho Sayuri và Gregor bức tượng Morgengabe. Họ bối rối nhìn nó, không hiểu bức tượng kỳ lạ này có ý nghĩa gì, và hỏi liệu có phải Marianne Engel đã tạc nó không. Tôi chẳng cố thanh minh, rằng thực ra chính tôi mới là người tạc nó; tôi cũng chẳng cố giải thích, rằng bất chấp tuổi thọ và sự dãi dầu sương gió, nó là món quà đẹp nhất tôi có thể trao cho họ.

Ở buổi tiếp đón, Sayuri không cho phép mình uống một chút rượu sâm banh nào, vì cô bắt đầu có dấu hiệu có bầu rồi. Đã có chút thảo luận nho nhỏ về việc lễ cưới nên diễn ra trước hay sau khi sinh em bé, nhưng Gregor thuộc dạng đàn ông hơi cổ hủ. Ông muốn con mình phải được coi là "đứa con hợp pháp", thế là ông và Sayuri bay tới Nhật, thuê một phiên dịch truyền đạt những dự định tốt đẹp của mình đến cho ngài Toshiaki. Sayuri có thể tự làm việc này nhưng Gregor không muốn cô dịch cho cha mình mong muốn được kết hôn với cô. Khi ngài Toshiaki chấp thuận cho đôi trẻ, bà Ayako đã òa khóc và vừa cúi đầu vừa xin lỗi - mặc dù vì lý do gì thì Gregor cũng chẳng hiểu lắm. Sau khi bà Ayako đã lau khô nước mắt, tất cả mọi người cùng ngồi uống trà trong khu vườn phía sau nhà.

Cha mẹ của Sayuri dường như chẳng hề phiền muộn về chuyện cô phải sống ở nước ngoài và cưới một người ngoại quốc, cũng như chẳng bận tâm chuyện cô đã quá tuổi bánh Giáng sinh tươi ngon từ lâu. (Thực tế là, bà Ayako chỉ ra, vì càng ngày càng có nhiều phụ nữ Nhật

Bản lấy chồng muộn, tuổi ế chồng giờ đã không còn là hai lăm nữa. Những phụ nữ độc thân tới tuổi ba mốt giờ đây được gọi là mì đêm Giao thừa rồi.) Chuyện duy nhất cha mẹ Sayuri không vừa lòng ở đám cưới này, một chút xíu thôi, là việc cô đã quyết định lấy họ nhà chồng. Họ thầm than thở với nhau là "Sayuri Hnatiuk" nghe chẳng vần gì cả, và dù đã cố hết sức, họ cũng không thể phát âm chuẩn được.

Vào cuối ngày tôi cũng có cơ hội nói chuyện với bà Mizumoto vài phút, với Sayuri làm phiên dịch, Sayuri đã nói với bà về chuyện Marianne Engel mất vào mùa xuân, và bà Ayako gửi đến tôi lời chia buồn sâu sắc nhất. Khi cám ơn bà vì điều đó, tôi có thể thấy bà khá sốc trước cái giọng gầm gừ của tôi nhưng vì lịch sự bà đã không để tâm. Thay vì thế, bà nở nụ cười thật tươi, và ngay trong giây phút đó, tôi hiểu Sayuri đã học cái phong thái thường ngày của cô ở đâu. Chúng tôi nói chuyện vui vẻ với nhau trong vài phút và tôi đảm bảo với bà Ayako rằng con bà chắc chắn sẽ có một cuộc hôn nhân hạnh phúc mặc dù Gregor, ngay cả khi đã mặc một bộ tuxedo lịch lãm, trông vẫn cực kỳ giống một con sóc chuột. Sayuri húc khuỷu tay mình vào cánh tay tôi vì dám nói thế nhưng hiển nhiên vẫn dịch cho mẹ mình từng từ một. Mẹ cô gật đầu lia lịa, tỏ vẻ rất đồng tình: "So,so,so,so,so,so,so!" Trong suốt lúc ấy bà cứ lấy tay che miệng, như thể cố nén cười.

Khi câu chuyện của chúng tôi sắp đến hồi kết thúc, bà Mizumoto cúi đầu chia buồn lần cuối. Khi ngẩng đầu lên, bà nở một nụ cười đầy hy vọng, đặt tay mình lên bụng của Sayuri, và nói,"Rinne tenshou."

Sayuri khá vất vả khi phải dịch câu này, cô gợi ý câu này có thể hiểu là "Tất cả mọi thứ đều quay trở lại" hoặc "Cuộc sống luôn luôn lặp lại." Sayuri nói thêm đây là kiểu nói quen thuộc của các bà già Nhật Bản khi họ nghĩ mình hiểu tư tưởng đạo Phật hơn thực tế. Tôi có thể đoán, từ cái nhìn khó chịu bà ném cho con gái, rằng bà Ayako hiểu nhiều tiếng Anh hơn những gì bà thể hiện.

Nhưng khi quay lưng đi, hai người họ đã ôm chặt lấy nhau. Bà Ayako có vẻ nhanh chóng tha thứ cho con gái về câu nhận xét về các bà già Nhật Bản, và Sayuri cũng mau mắn tha thứ cho mẹ mình về chuyện cười trước cái hình ảnh sóc chuột của Gregor.

Sau khi Marianne Engel biến mất, các nhà chức trách đã tìm kiếm khắp dọc bờ biển trong suốt ba ngày nhưng chẳng tìm được thi thể nào. Chẳng có gì ngoài những ngọn sóng đơn côi giữa đại dương mênh mông. Vấn đề với biển cả là bạn không thể lục tung nó lên được, và như thể là đại dương đã xóa bỏ hoàn toàn mọi bằng chứng về sự sống của cô nhưng lại không đưa ra một xác nhận nào về việc cô đã ch...t hay chưa.

Marianne Engel không có bảo hiểm nhân thọ, nhưng mọi nghi ngờ kiểu gì cũng đổ dồn về tôi. Chẳng trách được: chưa đầy sáu tháng trước khi biến mất, cô đã thay đổi chúc thư và điền tên tôi vào chỗ người thừa kế chính. Tình huống này không làm các ông cảnh sát hài lòng cho lắm, đặc biệt là việc tôi đã ở cùng cô khi cô biến mất. Họ thẩm vấn tôi liên hồi

nhưng cuộc điều tra đã chỉ ra rằng tôi chẳng hề biết đến sự tồn tại của bản di chúc ấy, và đám thanh niên ngồi uống bia trên bờ biển cũng làm chứng rằng việc "gã bỏng" và "cô nàng xăm mình có mái tóc kỳ cục" ra biển vào ban đêm là chuyện thường. Cô ấy thường đi bơi, họ xác nhận thế, dù thời tiết có thế nào chăng nữa. Vào cái đêm bất thường ấy, tôi chẳng làm gì ngoài ngồi trên bãi biển nhìn con chó chạy vòng quanh cả.

Jack cũng nói hộ tôi. Lời của bà có trọng lượng đặc biệt vì bà không những là người bảo hộ cho Marianne Engel mà còn là người đã bị tôi thế chân trong bản di chúc. Bất chấp điều này, Jack vẫn nói tốt về tôi và tuyên bố với cảnh sát rằng bà không nghi ngờ gì về tình yêu giữa tôi và Marianne Engel. Dù đã xác nhận là tôi chẳng biết gì về chuyện thay đổi di chúc, bà cũng nói thêm, "Tôi nghĩ mình sẽ có nhiều thời gian để nói chuyện phải trái cho Marianne loại chuyện đó ra khỏi đầu. Tôi không hề nghĩ cô ấy lại ch...t sớm như vậy."

Jack Meredith có thể nói những từ mà tôi không thể viết ra. Những từ như là ch...t. Những từ như là tự tưởng. Những từ ngữ đó làm tôi trở nên hèn nhát. Viết chúng ra chỉ khiến sự thật thêm rõ ràng.

Công việc giấy tờ pháp lý kéo dài gần hết mùa hè, nhưng thực tế tôi chẳng bận tâm chút nào. Tôi chẳng quan tâm việc cảnh sát quyết định gì về trách nhiệm của tôi trong việc Marianne Engel biến mất và tôi cũng không đoái hoài mấy ông luật sư nói gì về bản di chúc. Cuối cùng, Jack đã phải thuê một luật sư đứng ra hộ tôi, bởi vì nếu không được tư vấn, tôi sẽ lại ký tất cả những giấy tờ bày ra trước mặt mình, y như hồi tôi ở trong bệnh viện khi hay tin công ty sản xuất phim của mình đã phá sản.

Marianne Engel đã để lại gần như tất cả cho tôi, bao gồm ngôi nhà và mọi thứ bên trong. Thậm chí cả Bougatsa. Jack, dù đã dành bao năm tháng giúp Marianne Engel quản lý công việc kinh doanh, chỉ nhận được những bức tượng hiện đang ở sẵn trong phòng triển lãm của bà.

Trong một bộ sưu tập hộp giày cất phía sau một cái tủ quần áo, tôi đã tìm thấy những sổ tài khoản ngân hàng cất hàng trăm nghìn đô la, giờ thuộc về tôi. Marianne Engel hoàn toàn không nợ nần gì hết, có lẽ vì không cơ quan hành chính nào dám mạo hiểm cho cô nợ cả. Tôi cũng phát hiện ra một loạt hóa đơn tiết lộ sự thật về căn phòng riêng trong bệnh viện của tôi. Đó không phải, như Nan đã nói lúc ấy, là một "sự ngẫu nhiên may mắn" khi có một phòng trống và bà đã sử dụng nó để nghiên cứu tỷ lệ hồi phục của những bệnh nhân được ở phòng riêng so với những những bệnh nhân ở phòng chung. Và cũng không phải, như tôi đoán hồi đó, là tôi bị tống vào phòng riêng chủ yếu để Nan có thể tách Marianne Engel ra khỏi những bệnh nhân khác. Sự thật là Marianne Engel đã trả tiền thuê cái phòng trống đó để cô có thể kể chuyện cho tôi nghe mà không bị quấy rầy. Cô chỉ không nói với tôi mà thôi.

Không thứ gì tôi được thừa kế thực sự thuộc về tôi cho tới vài năm nữa, bởi vì người ta chưa tìm được thi thể của cô. Chỉ sau một khoảng thời gian thích hợp thì một "giấy chứng t...

giả định" mới được cấp cho Marianne Engel, và cho đến khi đó thì mọi tài sản của cô sẽ được giao cho một người thứ ba trông coi. May mắn thay, tòa quyết định tôi có thể tiếp tục sống tại pháo đài vì nó vốn đã là nơi cư trú chính của tôi khi cô mất tích rồi.

Những tờ báo địa phương, và thậm chí cả vài tờ quốc tế, đã đăng những bài ngắn về sự biến mất của một nữ nghệ nhân tạc tượng có vấn đề thần kinh nhưng lại cực kỳ tài năng. "Được xem là đã ch...t," họ đều nói vậy. Vì chẳng có gì giúp nghệ sĩ nổi danh hơn là một kết cục bi thảm, Jack đã bán được những bức tượng còn lại trong phòng triển lãm với một tốc độ kỷ lục. Dù đã phá luật, tôi vẫn đưa cho Jack hầu hết chỗ tượng còn lại ở pháo đài. (Tôi chỉ giữ lại bức tượng của chính mình, và một vài bức tượng tôi thích.) Luật sư của tôi khuyên tôi không nên làm thế, nhưng các ông cảnh sát có vẻ không hề theo dõi mọi hoạt động của tôi. Những chiếc xe tải vẫn luôn đến và đi, vì thế chẳng có ai trong vùng để ý gì đến việc có thêm một vài bức tượng nữa được chở đi cả. Khi Jack mang séc đến trả, trừ đi phần tiền hoa hồng của mình, tôi ấn chỗ tiền lại vào tay bà.

Bà xứng đáng có nó hơn tôi. Và dù tài khoản ngân hàng đã bị đóng băng, tôi vẫn có đủ tiền để sống.

Marianne Engel, dù rất hay nghĩ lung tung, đã thấy trước khả năng có thể mình sẽ không luôn ở bên để trả các hóa đơn cho tôi. Sau khi cô mất tích, tôi đã tìm thấy một phong bì gửi cho tôi, chứa một chiếc chìa khóa mở một két an toàn cô đã sắp xếp để tôi có thể rút tiền được. Khi tôi mở két, tôi phát hiện ra rằng nó chứa nhiều hơn cả số tiền cần thiết để trang trải cho các nhu cầu của tôi cho tới khi chúc thư có hiệu lực.

Có hai thứ nữa ở trong két.

Rốt cuộc thì cảnh sát cũng đi đến kết luận rằng tôi không liên quan gì đến việc Marianne Engel biến mất. Nhưng họ sai rồi.

Tôi đã giết Marianne Engel. Tôi đã giết cô rõ ràng như cầm một khẩu súng hoặc đổ một lọ thuốc độc vậy.

Khi cô đi về phía biển, tôi đã biết cô không định đi bơi. Tôi đã biết cô sẽ không quay trở lại, và tôi sẽ không giả vờ nữa. Tuy thế, tôi đã không làm gì cả.

Tôi đã không làm gì cả, như cô từng yêu cầu tôi làm thế, để chứng tỏ tình yêu của mình.

Tôi có thể cứu cô chỉ bằng vài lời nói. Nếu tôi bảo cô đừng bước xuống nước, cô sẽ không thực hiện kế hoạch của mình. Tôi biết thế. Cô sẽ phải quay lại với tôi, bởi vì Ba Vị Chủ Nhân của cô đã nói rằng tôi cần phải chấp nhận trái tim của cô nhưng rồi sẽ giải phóng cho nó, để giải thoát cho cô. Mọi nỗ lực ngăn cản cô sẽ cấu thành lời từ chối để giải phóng cô, vì thế tất cả những gì tôi phải nói là "Marianne, quay lại đi."

Tôi đã không làm thế, và giờ đây tôi suy sụp khi nhận ra rằng tôi đã không nói ba từ đơn giản có thể cứu mạng cô. Tôi suy sụp vì biết rằng tôi đã không cố đưa cô tới tòa để bắt cô nhập viện, rằng tôi đã không cố hết sức cho thuốc vào thức ăn của cô, rằng tôi đã không còng cô vào giường mỗi khi việc tạc tượng của cô vượt ra khỏi tầm kiểm soát. Thực sự có bao nhiêu hành động có thể ngăn cô khỏi ch...t, tôi đã không làm gì cả.

Marianne Engel tin rằng cô đã giết tôi bảy trăm năm về trước, với mục đích nhân đạo, nhưng đó chỉ là câu chuyện cô hư cấu mà thôi. Sự thực là tôi đã giết cô chính trong kiếp này: không phải vì lòng nhân đạo, mà vì không làm gì cả. Trong khi cô tin rằng mình đang tự giải phóng bản thân khỏi ràng buộc trói chặt những trái tim ăn năn hối cải của mình, tôi đã tỉnh táo hơn. Tôi không bị tâm thần phân liệt. Thế mà tôi vẫn giữ im lặng. Vô dụng. Sát nhân.

Tôi đối mặt với sự thật này vài phút mỗi ngày, nhưng đó là tất cả những gì tôi có thể chịu được. Thỉnh thoảng tôi còn định viết ra giấy trước khi cảm xúc trôi tuột đi, nhưng bàn tay tôi cứ luôn run lên bần bật trước khi tôi có thể để những con chữ thoát ra. Chẳng mấy chốc tôi lại tiếp tục tự lừa dối, cố gắng thuyết phục bản thân rằng quá khứ của Marianne Engel có thật chỉ bởi vì cô đã quá tin vào nó. Quá khứ của tất cả mọi người, tôi cố lý lẽ, chẳng là gì ngoài bộ sưu tập những ký ức người đó chọn để nhớ. Nhưng tận sâu trong tim mình, tôi biết đó chỉ là một cơ chế tự vệ tôi tạo ra để tôi có thể tiếp tục sống.

Tất cả những gì tôi phải nói là, "Marianne, quay lại đi."

Từ paleography bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp, palais (cổ) và graphia (bản thảo), thế nên chẳng có gì ngạc nhiên khi các nhà nghiên cứu chữ cổ lại đi nghiên cứu văn bản. Họ phân loại sổ sách bằng việc kiểm tra nét chữ (kích cỡ, độ nghiêng cách đưa bút) và cả chất liệu viết nữa (giấy cói hoặc giấy da, giấy cuộn hoặc giấy khâu, các loại mực.) Những nhà nghiên cứu chữ cổ giỏi có thể xác định được số người làm việc trên một bản thảo, có thể đoán định được kỹ thuật của họ, và thậm chí còn có thể xác định bản thảo đó được làm tại vùng nào. Đối với những văn bản tôn giáo, họ không những chỉ ra được một tu viện cụ thể nào đó mà thỉnh thoảng còn có thể chỉ ra đích danh người viết nữa.

Tôi đã nhanh chóng tìm được hai trong số những nhà nghiên cứu chữ cổ giỏi nhất thế giới: một là chuyên gia về các tài liệu thời Trung cổ của Đức và một là chuyên gia về các tài liệu thời Trung cổ của Ý. Tôi thuê họ kiểm tra những thứ tôi đã tìm được, cùng với chỗ tiền, ở trong két an toàn.

Hai bản Địa ngục đều được viết tay nhưng bởi hai người khác nhau: bản đầu tiên bằng tiếng Ý và bản thứ hai bằng tiếng Đức. Cả hai, trước con mắt không chuyên của tôi, đều có hàng trăm năm tuổi.

Trước khi nói cho hai nhà nghiên cứu chữ cổ là tôi muốn kiểm tra cái gì, tôi đã bắt họ ký giấy cam kết tuyệt đối không được tiết lộ bất cứ điều gì. Cả hai người đều thấy đề nghị của

tôi rất bất bình thường, thậm chí còn nực cười, nhưng đều đồng ý. Tò mò nghề nghiệp, ta có thể đoán vậy. Nhưng khi tôi đưa hai cuốn sách ra, cả hai người đều nhận ra ngay lập tức rằng họ đã được trao một thứ cực kỳ đặc biệt. Người Ý buột một câu chửi thề, còn góc miệng người Đức thì méo xệch đi. Tôi thì tỏ vẻ hoàn toàn mù tịt trước nguồn gốc của hai cuốn sách, chẳng nói gì về việc có được chúng từ đâu cả.

Bởi vì Địa ngục đã tạo được tiếng vang ngay lập tức với độc giả, nó là một trong những tác phẩm còn lưu lại được nhiều bản nhất từ thế kỷ mười bốn. Nhà nghiên cứu chữ cổ người Ý không mấy nghi ngờ phiên bản của tôi là một trong những bản ra đời sớm nhất, có lẽ được làm trong thập kỷ cuốn sách được xuất bản lần đầu tiên. Ông ta nài nỉ tôi cho phép mình công bố phát hiện đó với những chuyên gia khác, nhưng tôi từ chối thẳng thừng.

Chuyên gia Đức không nhanh chóng xác định tuổi của bản dịch, một phần là vì những kiểm tra ban đầu của ông ta cho những kết quả trái ngược nhau đến khó tin. Đầu tiên, ông ta đã băn khoăn là tại sao một bản thảo được bảo quản tốt thế này lại không được ai biết tới trong một thời gian lâu như vậy. Thứ hai, có vẻ như một người đã dịch toàn bộ tác phẩm ấy, một điều rất bất bình thường với một tác phẩm dài như vậy. Thứ ba, ai đã tạo nên tác phẩm ấy phải là người cực kỳ tài năng. Bản thảo được viết bởi một nét chữ rất đẹp, mà bản thân bản dịch cũng tuyệt vời hơn hầu hết, nếu không nói là tất cả, những phiên bản hiện đại. Nhưng điểm thứ tư mới thật là đánh đố người ta: những thứ có liên quan đến bản thảo - giấy da, mực, nét chữ - đều dẫn đến kết luận là nó được viết tại vùng sông Rhine của Đức, có lẽ sớm nhất là khoảng nửa đầu thế kỷ mười bốn. Nếu điều này là thật - dù rằng rất khó có thể như thế - thì bản thảo của tôi đã tồn tại trước mọi bản dịch Địa ngục bằng tiếng Đức từng được biết tới hàng thế kỷ. "Vậy anh thấy đấy, tôi hẳn là đã nhầm lẫn đâu đó." Ông ta run lên. "Hẳn là thế! Trừ phi... trừ phi..."

Ngài chuyên gia Đức yêu cầu được chiếu xạ lên cả giấy da lẫn mực viết. Khi tôi đồng ý, khuôn mặt ông ta lộ vẻ sung sướng tột đỉnh đến nỗi tôi tưởng ông ta sắp ngất đến nơi."Danke, danke schon, ich danke Ihnen vielmals!"

Khi quá trình kiểm tra đã hoàn tất và các trang giấy được xác định niên đại là vào năm 1335, trên dưới hai mươi năm, tâm trạng của ông người Đức còn phấn khích hơn. "Đây là một khám phá vĩ đại hơn tất cả những gì tôi đã... tôi đã..." Ông ta thậm chí chẳng thể nói hết câu vì ngất ngây sung sướng; bản dịch ra đời trong khoảng vài chục năm sau bản gốc tiếng Ý. Tôi quyết định nghiên cứu thêm chút nữa cũng chẳng hại gì, và tôi thậm chí còn cho ông người Đức manh mối tìm kiếm tiếp: tôi gợi ý là ông ta có lẽ sẽ muốn tập trung điều tra về phòng viết tại Engelthal. Mồm ông người Đức lại méo xệch ra, và ông ta tiếp tục quay lại làm việc.

CHƯƠNG 42

hi liên lạc lại với tôi vài tuần sau đó, ông ta dường như đã chịu chấp nhận thực tế là mình đang nghiên cứu một vấn đề không thể hoàn thành được. Phải, ông ta xác nhận, tác phẩm có rất nhiều dấu hiệu cho thấy nó đã được viết tại Engelthal. Và phải, bản thảo có rất nhiều minh chứng cho thấy nó được thực hiện bởi một người chép sách đặc biệt đã có những đóng góp rõ ràng vào những năm khoảng từ 1310 cho tới 1325. Thực tế, người chép sách này luôn là một bí ẩn với những học giả nghiên cứu tôn giáo và những hiện tượng kỳ bí người Đức: dấu vân tay của cô ấy có mặt trên hàng loạt tài liệu quan trọng. Tài năng của cô ấy vượt xa tất cả những người cùng thời, vậy mà tên cô ấy thì chẳng thấy ở đâu cả. Một bí mật như thế chỉ có thể được giữ kín nếu có sự hợp sức của cả nữ tu viện trưởng lẫn nữ trưởng phòng viết tại thời điểm đó, nhưng vì Engelthal cũng là một tu viện nổi tiếng văn chương, câu hỏi lớn ở đây là: người nữ tu này có gì đặc biệt mà lại bị che phủ bởi một màn sương bí mật đến thế?

Ria mép của ông người Đức dường như đang nhảy múa khi ông ta nói tất cả những chuyện này nhưng ông ta cũng thừa nhận là có một số điểm mâu thuẫn với giả thiết Engelthal. Chất lượng những tờ giấy da này khác với giấy của những văn bản khác trong tu viện, và mực cũng có vẻ có những thành phần hóa học khác. Thế nên dù người viết có lẽ xuất thân từ Engelthal, ông người Đức giải thích, chất liệu vật chất thì lại không thế. Và - liệu ông ta có cần phải nói thêm điều này không? - Engelthal hầu như không thể liên quan tới tuyệt tác thơ văn của Dante. "Nó không phải là thứ mà người ở đó hay làm, nếu anh hiểu tôi muốn nói gì. Không chỉ vì nó được viết bằng tiếng Ý, mà còn vì thời bấy giờ nó còn là một thứ cực kỳ báng thánh bổ thần nữa."

Ông người Đức hỏi, có vẻ khá ngây ngô, rằng liệu tôi có chút "gợi ý" nào cho ông ta nữa không? Hóa ra là có. Tôi gợi ý rằng ông từ giờ nên chuyển hướng chú ý của mình từ Engelthal sang thành phố Mainz, đặc biệt chú ý tới những cuốn sách được xuất bản tư nhân từ khoảng giữa những năm 1320. Người viết ấy, tôi nói, có lẽ đã viết sách dưới cái tên là Marianne Engel. Cặp lông mày rậm rì của ông người Đức nhíu lại dưới sức nặng của nguồn thông tin mới này và ông ta nài nỉ được biết tại sao tôi có thể đưa ra những lời chỉ dẫn cụ thể đến thế. Tôi nói rằng đấy chỉ là linh cảm thôi.

Ông ta dành gần hết tháng để tìm những bản thảo nằm trong phạm vi tôi đã đề ra. Ông ta thường xuyên gọi điện, thỉnh thoảng là để cập nhật tiến độ nhưng thường là để phàn nàn về việc hợp đồng tuyệt mật đã làm chậm mọi việc. "Anh có biết là kiếm những tài liệu đó khó thế nào khi tôi không thể nói được là tôi kiếm chúng để làm gì không? Anh nghĩ là tôi cứ thế mà ra thư viện rồi kiếm sách từ thế kỷ mười bốn à?"

Tôi có thể thấy rằng ông ta sắp sửa nói với các đồng nghiệp của mình, dù tôi có đồng ý hay không, vì thế tôi tuyên bố là cuộc điều tra của ông ta nay đã kết thúc. Tôi nghĩ ông ta sẽ đấm cho tôi một cú vào mặt, nhưng thay vào đó là một màn xin xỏ ỉ ôi: "Đây là một trong những phát hiện cực kỳ quan trọng của cả ngành nghiên cứu này... một sự kiện ngoài sức tưởng tượng... thay đổi toàn bộ những gì chúng ta nghĩ về lịch sử dịch sách của người Đức..." Khi tôi tiếp tục từ chối, ông ta liền đổi giọng. Ông ta nài nỉ xin được nghiên cứu thêm vài ngày và tôi thề rằng ông ta thậm chí còn nháy mắt với tôi nữa kia. Tôi cũng chối luôn yêu cầu này, biết chắc là ông ta sẽ dùng khoảng thời gian đó để làm một bản copy chất lượng cao. Khi tôi đòi lấy lại bản thảo của mình ngay giây phút đó, ông ta đã dọa là sẽ công bố tất cả những gì ông ta biết. "Một bản hợp đồng đầy đủ tính pháp lý cũng chẳng là gì so với một món quà tuyệt vời đến thế này cho thế giới văn chương!" Tôi nói với ông ta rằng tôi rất trân trọng cảm xúc của ông ta; tuy nhiên, tôi vẫn có thể kiện cho ông ta phá sản nếu ông ta dám hé nửa lời. Nghe thấy điều này, ông ta đã hậm hực nói rằng lẽ ra Dante phải thêm một tầng Địa ngục cho những kẻ "ghét sách" như tôi đây.

Trong nỗ lực cố làm nguôi ngoai phần nào cái tôi của ông ta, tôi đảm bảo với ông ta rằng nếu có khi nào đó công bố bản dịch tiếng Đức của tác phẩm Địa ngục, tôi sẽ công nhận cho cả thế giới biết những nghiên cứu ông ta đã thực hiện. Thực tế là, tôi sẽ mời ông ta xuất bản những nghiên cứu của mình cùng lúc ấy, thế là ông ta sẽ không hề bị tước quyền công bố những phát hiện mang tính hàn lâm của mình. Và rồi ông người Đức đã làm tôi cực kỳ ngạc nhiên. "Tôi chẳng quan tâm anh có cho thêm thông tin gì của tôi vào hay không. Phát hiện này quan trọng đến mức không thể bị giấu đi được."

Cho tới tận hôm nay, tôi vẫn chưa biết phải làm gì với hai cuốn Địa ngục mà Marianne Engel đã để lại cho tôi. Khi cảm thấy đặc biệt phấn khích, tôi sẽ tự nhủ rằng tôi sẽ mang bản tiếng Đức cùng xuống mồ, phòng khi tôi có thể gặp được Francesco Corsellini lần nữa để trả lại cuốn sách này cho cha anh.

Tôi giữ lại những ngón chân giả nhưng từ chối lắp ngón tay giả; những ngón chân giúp tôi giữ thăng bằng, trong khi những ngón tay chẳng được ích lợi gì. Hơn nữa, với một thân thể như của tôi đây, việc dùng những ngón tay giả cũng y như việc thay đèn pha cho một cái ô tô nát vậy.

Vẫn có một số thủ thuật tôi có thể thực hiện để cải thiện diện mạo của mình, vài cuộc tiểu phẫu hoặc chỉnh hình thẩm mỹ để là phẳng các mô sẹo gồ ghề nhất của tôi. Phẫu thuật thẩm mỹ giúp tái tạo tai tôi bằng cách dùng sụn xương sườn, hoặc cung cấp tai giả giống tai thật. Nhưng, cũng như ngón tay giả, tai giả thiếu mất tác dụng thực tế: sụn hoặc tai nhựa đặc biệt không thể giúp tôi có lại thính giác như trước kia. Trên lý thuyết chúng sẽ giúp tôi trông giống người hơn bằng việc làm tôi trông "bình thường" hơn, nhưng khi tôi thử đeo cái tai giả lên, tôi trông chẳng khác gì Ngài Đầu Khoai Tây cả. Về chuyện phẫu thuật tái tạo dương

vật mới, tôi vẫn chưa có ý định thực hiện. Có lẽ một ngày nào đó tôi sẽ làm, nhưng giờ tôi đã chịu đủ loại phẫu thuật rồi. Tôi mệt. Thế là gần đây tôi nói với bác sĩ Edwards, đơn giản là: "Đủ rồi."

"Tôi hiểu," bà nói. Và rồi cái nhìn ấy lại hiện lên trên gương mặt của Nan, cái nhìn tôi đã quá rõ, cái nhìn bà thể hiện khi đang cân nhắc lợi hại của việc nói thật hay cứ giữ im lặng. Theo thói quen, bà lại chọn sự thật. "Có lần anh đã hỏi tại sao tôi lại chọn làm việc trong khoa bỏng. Tôi sẽ cho anh xem một thứ tôi chưa bao giờ cho một bệnh nhân nào khác xem."

Bà cởi cái áo choàng trắng ra và kéo áo sơ mi lên, để lộ ra một vết sẹo lồi to tướng trùm cả nửa phải người bà. "Chuyện xảy ra khi tôi mới có bốn tuổi. Tôi đã làm đổ ấm nước khỏi bếp. Những vết sẹo của chúng ta đã làm nên chúng ta ngày hôm nay." Và rồi bà rời phòng làm việc.

Thế là tôi bị bỏ lại với cái đầu lâu giữa vùng cát bụi của thời đại Tuyệt vọng. Đỉnh đầu tôi trông y như những cánh đồng khô cằn sau trận bão, chất đầy những đống đất bùn bẩn thỉu. Có những mảng màu nhạt, ánh lên sắc đỏ và nâu. Tất cả đều khô khốc và nghèo nàn, như thể làn da đã đợi hàng năm trời mà mưa vẫn chưa tới. Vài cọng tóc bướng bỉnh rung rung trên vùng da đầu nhăn nheo sần sùi của tôi, như những cọng cỏ dại cố sống tiếp mà không biết rằng định mệnh của chúng là phải chết.

Khuôn mặt tôi là cánh đồng sau khi những gốc rạ đã bị đem đi đốt. Môi của tôi, từng rất đầy đặn, giờ mỏng dính như những con giun chết khô. Biết thuật ngữ y học miệng nhỏ bất thường cũng chẳng giúp làm môi tôi đỡ xấu xí đi. Tuy thế, tôi vẫn thích đôi môi này hơn đôi môi tôi từng có trước khi nói với Marianne Engel là tôi yêu cô ấy.

Trước vụ cháy, xương sống của tôi cực kỳ khỏe mạnh; sau vụ cháy, nó được thay thế bởi một con rắn. Giờ con rắn đã biến mất và tôi đã bắt đầu có lại xương sống của mình, một khởi đầu tốt. Chân phải của tôi đầy những cái đinh kim loại và tôi có thể coi chúng là những cái xiềng được rèn từ tàn tích của cái ô tô nát bét của mình. Tôi cân nhắc có nên tiếp tục gặm nhấm tai nạn của mình hay không. Tôi sẽ không làm thế.

Tôi đang tập luyện chăm chỉ hơn bất kỳ thời điểm nào trước đây. Vài lần một tuần, Sayuri dẫn tôi tới bể bơi trong vùng, hướng dẫn tôi làm một loạt bài tập rèn luyện cơ thể. Bản thân nước cũng giúp các cơ khớp của tôi được thư giãn và bớt co cứng. Vào những ngày tôi không ra bể bơi, Sayuri dạy tôi tập nhảy ở sân sau. Tôi nghĩ chuyện này sẽ làm bất cứ ai đứng nhìn từ phía nhà thờ Romanus phải ngạc nhiên. Họ nghĩ gì về con quái vật cứ nhảy chồm chồm quanh sân, bị lùa bởi một người phụ nữ Nhật Bản bé tí tẹo? Thỉnh thoảng cha Shanahan thấy tôi và vẫy tay chào, tôi luôn vẫy tay chào lại. Tôi đã quyết định sẽ không ghét ông, bất chấp việc ông là mục sư.

Sau khi tôi tập luyện xong, Gregor đến đón Sayuri và ba người chúng tôi cùng ngồi uống trà. Tại buổi họp mặt gần đây nhất của chúng tôi, tôi đã chia sẻ với họ thông tin cuốn sách này sắp được xuất bản. Họ chẳng biết chút gì về việc tôi đang viết câu chuyện này cả; tôi đã luôn giữ bí mật, bởi vì tôi chẳng biết sẽ làm gì với nó khi nó được xuất bản nữa. Nhưng dù vẫn đang cất giữ hai cuốn Địa ngục, tôi đã quyết định sẽ đưa quyển sách này ra trước cả thế giới. Tôi vẫn không chắc đây có phải một quyết định đúng đắn hay không - suy nghĩ của tôi về vấn đề này rất hay thay đổi - nhưng cứ giữ yên lặng thì thật là một điều quá đau đớn.

Những người bạn của tôi đều rất hào hứng trước thông tin đó, mặc dù Sayuri thú thực rằng cô vẫn chưa đọc tiếng Anh nhanh như cô muốn. Rồi cô phấn khích bấu chặt cánh tay chồng như thể cô vừa nghĩ ra phát kiến vĩ đại nhất trong đời. "Đợi chút! Anh sẽ đọc cho em trước khi chúng ta đi ngủ mỗi tối nhé? Bằng cách đó chúng ta sẽ đọc truyện được cùng một lúc!"

Gregor trông khá ngây ngô trước sự thể hiện tình cảm của Sayuri nhưng tôi bảo đảm với ông rằng đây là một ý kiến rất hay, và nói thêm, "Rồi hai bạn sẽ biết thêm vài điều về món quà cưới của mình."

Tôi không chỉ là những vết sẹo.

Khi trở về nhà sau khi cô biến mất, sau khi bị cảnh sát thẩm vấn lần đầu tiên, tôi đi xuống xưởng tạc tượng và đọc những dòng chữ Marianne Engel đã tạc vào bục bức tượng của tôi.

Dû bist mẏn, ich bin dẏn:

des solt dû gewis sẏn;

dû bist beslozzen in mẏnem herzen,

verlorn ist daz slüzzelẏn:

dû muost och immer darinne sẏn.

"Em là của tôi, tôi là của em: em có thể chắc chắn về chuyện đó. Em đã bị khóa chặt trong trái tim tôi, chìa khóa đã bị ném đi, trong trái tim tôi, em sẽ luôn phải ở lại."

Lebrecht Bachenschwanz đã dịch bản tiếng Đức đầu tiên được biết tới của Thần khúc (Die gottliche Komodie) trong khoảng năm 1767 đến 1769, và bản dịch Địa ngục của tôi ra đời trước đó ít nhất là bốn trăm năm. Dù đây là một điều rất đáng ngạc nhiên, nó cũng hầu như chẳng chứng tỏ được là Marianne Engel đã dịch cuốn sách đó vào nửa đầu thế kỷ mười bốn; nó chỉ có nghĩa là có ai đó đã dịch thôi. Nhưng nếu Marianne Engel không phải người dịch, thì làm sao nó có thể nằm trong két an toàn của cô được? Sao nó có thể tồn tại gần bảy trăm năm mà không có bất cứ ghi chép gì về sự tồn tại ấy? Cũng như với rất nhiều chuyện khác, tôi chẳng biết gì cả.

Tôi đã viết về bản dịch tiếng Đức nhiều đến nỗi các bạn hẳn phải nghĩ là bản tiếng Ý chẳng có gì đặc biệt, trừ cái niên đại của nó. Tôi có thể đảm bảo với bạn là không gì có thể xa rời sự thật hơn cái suy nghĩ đó. Cuốn sách có vài hư hại nhỏ, dù làm giảm giá trị vật chất của nó, nhưng đã thu hút sự chú ý đặc biệt của tôi.

Rõ ràng cuốn sách đã từng bị cháy. Các trang giấy đều bị cháy sém ở rìa, nhưng ngọn lửa không trườn vào đủ sâu để đốt đi bất cứ con chữ nào. Bằng cách nào đó, cuốn sách đã thoát khỏi số phận bị lửa tàn phá nặng nề; thực tế là, có một hư hại khác còn rõ rệt hơn.

Có một vết cắt rộng xuyên qua bìa cuốn sách, gây ra bởi một vật nhọn. Có lẽ là một con dao hoặc một mũi tên gì đó. Vết cắt xuyên sâu vào cuốn sách đến nỗi khi lật trang bìa ra, vết rạch vẫn gần như giữ đúng độ rộng đấy trên trang đầu tiên. Vết cắt này, nằm ngay giữa mỗi trang sách, nhỏ dần mỗi khi bạn lật sâu vào trong. Bìa sau của cuốn sách chỉ có một vết rách rất nhỏ; rõ ràng là vật nhọn đó đã gần như, nhưng không hoàn toàn, bị ngăn lại bởi độ dày của tập bản thảo.

Tôi phải mất một thời gian khá lâu mới có đủ can đảm tháo sợi dây chuyền ra và khớp đầu mũi tên vào vết rách trên bìa cuốn sách. Nó hoàn toàn vừa khít, như một chiếc chìa khóa đã tìm đúng ổ. Tôi ấn mạnh hơn cho tới khi đầu mũi tên ngập vào trong cuốn sách và đầu nhọn của nó chỉ nhú ra một chút xíu ở vết rách trên bìa sau.

Dạo này, tôi rất hay thích tưởng tượng rằng nếu một người có thể đi xuyên qua lỗ hổng trên bìa cuốn sách đó, như thể đó là một cánh cửa, thì anh ta sẽ có thể đi thẳng vào ngay trái tim của Địa ngục.

Có rất nhiều lý do khiến tôi và Jack không làm mộ cho Marianne Engel, nhưng có hai lý do nổi bật hơn tất cả những lý do khác. Thứ nhất, chẳng có thi thể nào mà lại xây mộ thì thật là kỳ cục. Và thứ hai, thực sự thì sẽ có ai tới viếng ngôi mộ đó ngoài tôi và Jack cơ chứ?

Tôi không muốn đi thăm một ngôi mộ.

Hằng ngày tôi đều tỉnh dậy với Bougatsa đang ngủ ngon lành dưới chân. Tôi cho nó ăn tụy sống, và rồi chúng tôi lại nhảy lên xe đi về phía biển.

Tôi nhìn khắp đại dương mỗi khi mặt trời lên. Đó là thời khắc cầu nguyện của tôi, một giờ trong ngày để nhớ tới Marianne Engel, và đó cũng là thời khắc duy nhất tôi có thể để bản thân mình được tắm trực tiếp dưới ánh mặt trời. Quá nhiều nắng sẽ không tốt cho da của tôi, nhưng tôi rất thích được cảm nhận hơi ấm lan tỏa khắp mặt mình.

Bougatsa thường chạy vòng quanh, nhặt những mảnh gỗ nhỏ dạt vào bờ rồi ném xuống chân tôi. Nó nài nỉ tôi ném gỗ cho nó, và tôi luôn làm thế, rồi nó nhảy tưng về phía sóng triều. Nhưng cũng có những buổi sáng nó không thích chạy nhảy mà chỉ nằm dưới chân tôi rồi nhìn ra phía biển. Giống y như cái đêm cô đã ra đi; như thể nó vẫn mong rằng cô sẽ lại

trở về với chúng tôi. Tôi nghĩ nó chẳng biết được gì hơn thế đâu. Nó là một con chó ngô nghê mà.

Cùng lúc ấy, tôi vẫn luôn suy nghĩ. Những trang sách mà bạn đang đọc đây, hầu hết đều được hình thành từ chỗ đứng cô độc của tôi ở nơi tận cùng thế giới khi đất chìm vào biển cả. Tôi đã dành quá nhiều thời gian của mình ở đó, trong hư không khổng lồ giữa ký ức và khát vọng, tạo ra đế chế rạn nứt của những từ ngữ mà giờ đây đang là nơi sinh sống của tôi.

Tôi muốn viết cuốn sách này để vinh danh cô nhưng không thể, như bao lần tôi đã làm cô thất vọng trong suốt cuộc đời mình. Tôi biết từ ngữ của mình chẳng là gì ngoài những bóng ma ảm đạm, nhưng tôi muốn Marianne Engel phải tồn tại ở một nơi nào đó.

Cứ đến thứ Sáu Tuần Thánh, ngày kỷ niệm tai nạn mỗi năm một khác của mình, tôi lại đi ra dòng suối nhỏ nơi đã cứu mạng mình và châm thêm một ngọn nến nữa. Tôi nói lời cảm tạ vì hai điều: tôi lại già thêm một tuổi, và tôi lại gần với cái chết thêm một năm nữa.

Khi Marianne Engel đưa cho tôi cái đầu mũi tên, cô nói khi nào đến lúc tôi sẽ biết phải làm gì với nó. Nhưng tôi đã biết rồi. Tôi sẽ luôn luôn đeo nó và tự hào có nó, và khi trở thành một ông lão đã cận kề cái chết, tôi sẽ lấy đầu mũi tên ra khỏi sợi dây chuyền của mình. Tôi sẽ đặt nó lên một cái nỏ, thật thẳng và chắc chắn, và tôi sẽ nhờ một người bạn thân bắn nó vào tim mình. Có lẽ người bạn đó sẽ là Gregor, hoặc Sayuri; mà cũng có thể là một người tôi chưa từng gặp mặt. Mũi tên sẽ xuyên qua ngực tôi và xé toang vết bớt như một cái ấn đang chờ được mở của tôi.

Nó sẽ đánh dấu lần thứ ba một mũi tên đâm vào ngực tôi. Lần đầu tiên đã đưa tôi đến với Marianne Engel. Lần thứ hai đã chia cắt chúng tôi.

Lần thứ ba sẽ lại đưa chúng tôi về với nhau.

A, nhưng đừng nghĩ là tôi nói nghiêm túc nhé. Tôi vẫn còn cả cuộc đời làm việc phía trước cơ mà.

Sau khi Marianne Engel biến mất, tôi bắt đầu tự học tạc tượng. Tôi nghĩ mục đích của mình rất ích kỷ, bởi vì tạc tượng giúp tôi cảm thấy được gần cô hơn. Tôi yêu những cử động của thép lướt trên đá. Người ta thường hay hiểu nhầm đá là vật vô tri, không biết tha thứ, nhưng không phải thế: đá như những dòng nước cuộn chảy, nó như những ngọn lửa nhảy múa. Cái đục của tôi lướt đi như thể nó hiểu được những ước muốn thầm kín của đá, như thể tảng đá đang chỉ dẫn cái đục. Nhưng điều kỳ lạ nhất tôi phát hiện ra là tôi có thể tạc tượng một cách tự nhiên biết bao nhiêu, như thể trước đây tôi đã làm rồi vậy.

Kỹ thuật của tôi còn lâu mới sánh bằng Marianne Engel, và khi tôi tạc được một bức tượng nhỏ thì chẳng mấy khi nó giống với những gì tôi tưởng tượng cả. Nhưng thế là tốt rồi. Thực

tế, tôi cũng ít khi tự sáng tạo các bức tượng. Thường thì tôi toàn dùng dụng cụ của cô để đục đẽo bức tượng của tôi mà cô để lại.

Đứng trước phiên bản của mình luôn làm tôi cảm thấy đôi chút xấu hổ, nhưng tôi tự nhắc nhở bản thân rằng đây không phải là một việc phù phiếm. Và tôi nâng cái đục lên và nhằm vào một vùng nhỏ nào đấy - góc khuỷu tay của tôi, một nếp nhăn trên làn da bị bỏng của tôi - và dùng búa đập nó đi. Với mỗi nhát búa, một mảnh của tôi lại rơi đi. Tôi chỉ có thể gọt đi mỗi lúc một mảnh nhỏ bởi vì mỗi lần một miếng đá vụn rơi xuống nền nhà, tôi lại cảm thấy mình gần với hư không hơn một chút.

Ba Vị Chủ Nhân đã nói rằng người yêu của Marianne Engel sẽ biết lý do vì sao anh ta phải giải phóng cho trái tim cuối cùng của cô, để giải phóng cô. Và tôi đã làm thế: khi cô kết thúc việc sám hối của mình thì cũng là lúc tôi bắt đầu. Cho phép cô đi xuống biển mà không hề ngăn cản mới chỉ bước đầu tiên trong nhiệm vụ cả đời của tôi, bởi vì việc giải phóng trái tim của cô không diễn ra trong một khoảnh khắc. Đó là một quá trình sẽ diễn ra trong cả cuộc đời tôi. Và tôi sẽ không cho phép mình chết cho tới khi xóa đi dấu vết cuối cùng trên bức tượng của mình.

Với mỗi mảnh đá rơi khỏi bức tượng, tôi có thể nghe thấy giọng nói của Marianne Engel.Em yêu anh. Aishiteru. Ego amo te. Ti amo. Ég elska þig. Ich liebe dich. Âm thanh ấy lướt qua thời gian, đến với tôi bằng tất cả ngôn ngữ trên thế giới, giống như tiếng gọi của tình yêu đích thực.

HẾT

Chia sẻ ebook: https://downloadsach.com

Follow us on Facebook: https://facebook.com/caphebuoitoi